Thiền Sư THÍCH THANH TỪ

PHỤNG HOÀNG SÁCH TẤN

PHỤNG HOÀNG SÁCH TẤN

MỤC LỤC:

LỜI ĐẦU SÁCH 7

PHẦN I:

THỈNH NGUYỆN TĂNG.....10

Ngày 13-08 Đinh Sửu (14-09-1997) 10

Ngày 13-09 Đinh Sửu (13-10-1997) 13

Ngày 13-10 Đinh Sửu (12-11-1997).....14

Ngày 13-11 Đinh Sửu (12-12-1997).....20

Ngày 08-12 Đinh Sửu (05-01-1998) 23

Ngày 13-12 Đinh Sửu (10-01-1998) 26

Ngày 13-01 Mậu Dần (09-02-1998) 29

Ngày 13-03 Mậu Dần (09-04-1998) 31

Ngày 13-04 Mậu Dần (08-05-1998) 34

Ngày 13-05 Mậu Dần (07-06-1998) 35

THỈNH NGUYỆN NI.....38

Ngày 28-10 Đinh Sửu (27-11-1997).....38

Ngày 28-12 Đinh Sửu (25-01-1998) 39

Ngày 28-01 Mậu Dần (24-02-1998) 43

Ngày 28-02 Mậu Dần (26-03-1998) 45

Ngày 28-03 Mậu Dần (24-04-1998) 48

Ngày 28-05 Mậu Dần (22-06-1998) 51

THUỐC ĐẮNG.....55

CÂU CHUYỆN BUỔI CHIỀU.....66

PHẦN II:

THỈNH NGUYỆN TĂNG.....80

Lễ An cư kiết hạ 15-05 Mậu Dần (09-06-1998) 80

Ngày 13-05 nhuần Mậu Dần (06-07-1998) 81

Ngày 13-06 Mậu Dần (04-08-1998) 83

Ngày 13-07 Mậu Dần (03-09-1998) 84

Lễ Tự tứ 15-07 Mậu Dần (05-09-1998) 86

Ngày 13-08 Mậu Dần (03-10-1998) 87
Ngày 13-09 Mậu Dần (01-11-1998).....89
Ngày 13-11 Mậu Dần (31-12-1998).....91
Ngày 13-12 Mậu Dần (29-01-1999) 94
THỈNH NGUYỆN NI.....97
Ngày 28-05 Mậu Dần (22-06-1998) 97
Ngày 28-05 nhuần Mậu Dần (21-07-1998) 99
Ngày 28-06 Mậu Dần (19-08-1998) 101
Lễ Tự tử 15-07 Mậu Dần (05-09-1998) 104
Ngày 28-07 Mậu Dần (18-09-1998) 105
Ngày 28-08 Mậu Dần (18-10-1998) 108
Ngày 28-09 Mậu Dần (16-11-1998).....112
Ngày 28-10 Mậu Dần (16-12-1998) 116
Ngày 28-11 Mậu Dần (15-01-1999).....122
Ngày 28-12 Mậu Dần (13-02-1999) 125
THUỐC ĐẮNG.....127
CÂU CHUYỆN BUỔI CHIỀU.....139
PHẦN III:
THỈNH NGUYỆN TĂNG.....150
Ngày 13-01 Kỷ Mão (28-02-1999).....150
Ngày 13-02 Kỷ Mão (30-03-1999).....152
Ngày 15-03 Kỷ Mão (30-04-1999).....155
Ngày 13-04 Kỷ Mão (27-05-1999).....157
Ngày 15-05 Kỷ Mão (28-06-1999).....157
Ngày 15-06 Kỷ Mão (27-07-1999).....158
Ngày 13-07 Kỷ Mão (23-08-1999).....160
Ngày 13-08 Kỷ Mão (23-09-1999).....162
Ngày 13-09 Kỷ Mão (21-10-1999).....164
Ngày 13-10 Kỷ Mão (20-11-1999) 166
Ngày 13-11 Kỷ Mão (20-12-1999) 167
Ngày 14-12 Kỷ Mão (20-01-2000).....170
Ngày 13-01 Canh Thìn (17-02-2000) 173
Ngày 13-02 Canh Thìn (18-03-2000) 175

Ngày 13-04 Canh Thìn (16-05-2000) 177
Ngày 13-05 Canh Thìn (14-06-2000) 180
THỈNH NGUYỆN NI.....183
Ngày 28-01 Kỷ Mão (15-03-1999).....183
Ngày 28-02 Kỷ Mão (14-04-1999).....186
Ngày 28-03 Kỷ Mão (13-05-1999).....189
An cư 15-04 Kỷ Mão (29-05-1999).....195
Ngày 28-04 Kỷ Mão (11-06-1999) 200
Ngày 28-05 Kỷ Mão (11-07-1999) 206
Ngày 28-06 Kỷ Mão (09-08-1999).....209
Tự tứ 15-07 Kỷ Mão (25-08-1999) 215
Ngày 28-07 Kỷ Mão (07-09-1999).....218
Ngày 28-08 Kỷ Mão (07-10-1999).....220
Ngày 28-09 Kỷ Mão (05-11-1999) 221
Ngày 28-10 Kỷ Mão (05-12-1999).....222
Ngày 28-11 Kỷ Mão (04-01-2000) 226
Ngày 28-12 Kỷ Mão (03-02-2000).....228
Ngày 28-01 Canh Thìn (03-03-2000) 229
Ngày 28-02 Canh Thìn (02-04-2000) 231
Ngày 28-03 Canh Thìn (02-05-2000) 233
An cư 15-04 Canh Thìn (18-05-2000) 237
Ngày 28-04 Canh Thìn (31-05-2000) 238
THUỐC ĐẮNG.....241
CÂU CHUYỆN BUỔI CHIỀU.....250
PHẦN IV:
THỈNH NGUYỆN TĂNG.....270
Ngày 13-07 Canh Thìn (12-08-2000) 270
Ngày 13-08 Canh Thìn (10-09-2000) 273
Ngày 13-09 Canh Thìn (10-10-2000) 276
Ngày 13-12 Canh Thìn (07-01-2001) 278
Ngày 13-01 Tân Tỵ (05-02-2001) 280
Ngày 13-02 Tân Tỵ (07-03-2001) 283
Ngày 13-03 Tân Tỵ (06-04-2001) 288

Ngày 13-04 Tân Tỵ (05-05-2001) 289
Ngày 13-04 nhuần Tân Tỵ (04-06-2001) 301
Ngày 13-05 Tân Tỵ (03-07-2001) 303
Ngày 15-10 Tân Tỵ (29-11-2001).....305
Ngày 15-11 Tân Tỵ (29-12-2001).....306
Ngày 13-12 Tân Tỵ (25-01-2002) 308
Ngày 13-01 Nhâm Ngọ (24-02-2002) 309
Ngày 13-04 Nhâm Ngọ (24-05-2002) 310
THỈNH NGUYỆN NI.....312
Ngày 28-05 Canh Thìn (29-6-2000) 312
Ngày 28-06 Canh Thìn (29-07-2000) 314
Ngày 28-07 Canh Thìn (27-08-2000) 319
Ngày 27-08 Canh Thìn (25-09-2000) 320
Ngày 28-12 Canh Thìn (22-01-2001) 325
Ngày 28-01 Tân Tỵ (20-02-2001) 327
Ngày 28-02 Tân Tỵ (22-03-2001) 329
Ngày 28-03 Tân Tỵ (21-04-2001) 330
Ngày 28-04 Tân Tỵ (20-05-2001) 331
Ngày 28-04 nhuần Tân Tỵ (19-06-2001) 334
Ngày 13-07 Tân Tỵ (31-08-2001) 337
THUỐC ĐẮNG.....340
CÂU CHUYỆN BUỔI CHIỀU.....346
PHẦN V:
THỈNH NGUYỆN TĂNG.....365
Ngày 13-05 Nhâm Ngọ (23-06-2002) 365
Ngày 13-06 Nhâm Ngọ (22-07-2002) 366
Ngày 13-07 Nhâm Ngọ (21-08-2002) 370
Ngày 13-08 Nhâm Ngọ (19-09-2002) 373
Ngày 29-01 Quý Mùi (01-03-2003) 374
Ngày 29-02 Quý Mùi (31-03-2003) 375
Ngày 29-03 Quý Mùi (30-04-2003) 379
Ngày 29-04 Quý Mùi (29-05-2003) 383
Ngày 29-05 Quý Mùi (28-06-2003) 387

Ngày 29-06 Quý Mùi (28-07-2003) 390
THỈNH NGUYỆN NI.....394
Ngày 28-11 Tân Tỵ (11-01-2002).....394
Ngày 28-12 Tân Tỵ (09-02-2002) 395
Ngày 13-05 Nhâm Ngọ (23-06-2002). 396
Ngày 13-06 Nhâm Ngọ (22-07-2002) 397
Ngày 14-07 Nhâm Ngọ (22-08-2002) 399
Ngày 28-07 Nhâm Ngọ (05-09-2002) 401
Ngày 28-10 Nhâm Ngọ (02-12-2002) 402
Ngày 28-11 Nhâm Ngọ (31-12-2002).....403
Buổi Họp Cuối Năm - 8 giờ sáng ngày 28-12 Nhâm Ngọ (30-01-2003).....411
THUỐC ĐẮNG.....415
CÂU CHUYỆN BUỔI CHIỀU.....421

LỜI ĐẦU SÁCH

Hơn mười năm Hòa thượng hướng dẫn tăng ni tu học tại thiền viện Trúc Lâm. Những năm tháng đầu, vì chúng tôi là một nhóm hợp chủng tăng ni từ tứ phương quy tụ về, nên Hòa thượng phải luôn răn nhắc, quở rầy để khép chúng tôi vào khuôn khổ lục hòa. Vì vậy, những lời Hòa thượng dạy tăng ni trong thời gian đó, chúng tôi góp nhặt để tựa là Phụng Hoàng Cảnh Sách.

Những năm về sau, "trâu" khá thuần thục, chúng tôi đã dần đi vào nề nếp, Hòa thượng chỉ cần có mặt để đinh ninh dặn dò chứ không cần "dây, roi". Thời gian không còn dài, ông lái đò sau những năm trường đưa khách sang sông cần phải gác chèo ngơi nghỉ, làm cái việc "tạo kế sống lâu dài cho con cháu", nên Người luôn ân cần sách tấn chúng tôi. Vì vậy, lời dạy trong những năm này, chúng tôi để tựa là Phụng Hoàng Sách Tấn.

Xâu suốt trong những quyển Phụng Hoàng Sách Tấn, Hòa thượng đã gợi nhắc chúng tôi biết bổn phận gìn giữ kho báu nhà mình và hướng dẫn đường đi cho người học thiền. Nhất là Người luôn mong mỏi chúng tôi phải sống đúng lục hòa, thành một đoàn thể Tăng thanh tịnh.

Giống như đàn ngỗng cùng bay về phương nam[1], Người dạy chúng tôi phải biết chia sẻ những khó khăn, những gánh nặng với người đang ở đầu con sóng, luôn tin tưởng, dìu dắt lẫn nhau cùng bước theo một nhịp tiến.

Không có bước chân nào không gây tiếng động, không có việc làm nào không kết quả. Sau những năm tháng miệt mài chăn dắt, mớm mồi cho đàn chim non, đã có không ít những chú chim trưởng thành tung cánh bay xa, thực hiện hoài bão "tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự".

Ngôn từ bút mực không thể diễn tả hết tâm lão bà của Hòa thượng đối với tăng ni chúng tôi, chỉ có "lòng tàn xin giữ chút lòng son" chúng con xin cung kính dâng Người. Và dù phước mỏng nghiệp dày chúng con cũng nguyện hứa gìn giữ lý tưởng tối hậu của đời Người.

Mùa an cư PL 2549 – 2005

---

[1] Vào mùa thu, bầy ngỗng bay về phương nam để tránh đông theo hình chữ V. Mỗi khi một con vỗ đôi cánh của mình, tạo một lực đẩy cho con ngỗng bay ngay sau nó. Bằng cách này chúng tiết kiệm được bảy mươi mốt phần trăm sức lực so với khi chúng bay từng con.

Khi con ngỗng đầu đàn mỏi mệt nó sẽ chuyển sang vị trí bên cạnh và một con ngỗng khác sẽ dẫn đầu. Tiếng kêu của bầy ngỗng đằng sau sẽ động viên những con đi đầu giữ được tốc độ của chúng.

Cuối cùng, khi một con ngỗng bị bệnh hay bị thương rơi xuống, hai con ngỗng khác sẽ rời khỏi bầy cùng xuống để bảo vệ ngỗng bị thương. Chúng sẽ ở lại cho đến chừng nào con bị thương có thể bay hoặc chết, khi đó chúng sẽ nhập vào một đàn khác để tiếp tục bay về phương nam.

Kính ghi

Ni chúng thiền viện Trúc Lâm

PHẦN I

THỈNH NGUYỆN TĂNG

Ngày 13-08 Đinh Sửu (14-09-1997)

Hôm nay tôi có một vài vấn đề nhỏ nhắc nhở trong chúng.

Hồi xưa, khi tôi giảng bài Chứng Đạo Ca, có một câu nói rằng: "Liễu tức nghiệp chướng bản lai không, vị liễu ưng tu hoàn túc trái." Nghĩa là người được liễu ngộ rồi thì nghiệp chướng xưa nay đều không; người chưa liễu ngộ phải đền nợ trước.

Có thiền khách Hạo Nguyệt hỏi thiền sư Trường Sa Cảnh Sầm:

- Cổ đức nói: "Liễu tức nghiệp chướng bản lai không, vị liễu ưng tu hoàn túc trái." Vậy tổ Sư Tử ở Ấn Độ đã liễu chưa mà bị vua Kế-tân chặt đầu? Tổ Huệ Khả liễu chưa mà vẫn chết trong khám?

Đó là câu hỏi đa số người đều hoang mang nghi ngờ.

Ngài Trường Sa Cảnh Sầm trả lời rằng:

- Đại đức chưa hiểu nghiệp chướng.

Thiền khách hỏi lại:

- Thế nào là nghiệp chướng?

- Bản lai không.

Câu nói thật là khó hiểu!

Bây giờ tôi dẫn một câu của ngài Tông Mật: "Thể của tâm mình là không, thể không mà thành sự." Hai bên đều nói một ý, nhưng bên kia nói văn chương, bên đây nói đơn giản. Cái gì là thể không? Cái gì là thành sự? Quay lại mình sẽ biết!

Tất cả nghiệp đều từ thân miệng ý phát sinh. Tuy nói thân, miệng, ý nhưng chủ động là ý, ý dấy niệm rồi phát ra ngôn ngữ, hành động. Ngôn ngữ hành động thiện là từ ý thiện, ngôn ngữ hành động ác là từ ý ác.

Mặc dù nói tất cả các nghiệp do ý tạo, nhưng sự thật cái trực tiếp tạo nghiệp là miệng và thân. Giả sử trong ý mình muốn giết người, nhưng nếu không nói, không làm thì không giết ai hết. Như vậy thành nghiệp là do lời nói và hành động. Còn nếu chỉ trong ý niệm thì chưa thành nghiệp.

Do đó, trong Luật nói, giả sử mình có ý niệm xấu với người nữ, lý đáng phạm tội, nhưng nếu biết dừng ngay lúc ý niệm đó vừa khởi thì không có tội, vì đâu phạm tới ai. Bởi vậy, cái chủ động tạo nghiệp là ý, nhưng thành nghiệp là khẩu và thân.

Bây giờ xét kỹ, ý có thật không? Những niệm khởi lên chúng ta nhìn tường tận tung tích nó thấy có thật không? Quý vị nghĩ cái này, cái kia liên miên nhưng khi quay lại tìm thì không thấy, nó lặng mất. Nếu thể nó là thật có, tìm ắt phải thấy, phải gặp. Nhưng vì thể không thật, nên tìm lại liền mất. Tìm lại nó mất nên gọi là thể không. Thể không nhưng theo nó thì thành nghiệp, thành sự.

Vậy khi ý niệm ác vừa dấy lên, mình biết quay lại tìm để dẹp bỏ, nó liền tan hoang, không thành, không có. Nếu theo ý niệm đó thốt ra lời ác, hành động ác thì thành sự, thành sự tức tạo nghiệp. Vậy gốc của nghiệp có hay không? Thật có hay thật không?

Gốc thì xưa nay là không, nhưng ngọn thì thành sự, thành có. Cho nên người tu thiền chúng ta phải đi thẳng từ gốc. Dẹp nghiệp không phải dẹp ở thân miệng mà dẹp ngay ở ý. Những ý niệm vừa dấy lên chúng ta phải quán chiếu cho nó tan mất, cũng giống như sương mù có ánh nắng rọi xuống thì tự nhiên tan, không còn gì. Nếu để nó dày đặc, thành sự rồi là thành nghiệp.

Như vậy câu nói "Liễu tức nghiệp chướng bản lai không" để chỉ rằng, người liễu ngộ thì thấu suốt bản chất của nghiệp xưa nay là không, thể không thật. Còn nếu người chưa liễu, nghĩa là chưa thấu suốt thì bị nghiệp dẫn đi tạo tội, sau phải đền tội. Làm ác thì chịu ác, quả báo nhất định không sai chạy.

Trở lại hai vị tổ Sư Tử và tổ Huệ Khả, hai vị đó liễu rồi, thấy bản chất nghiệp là không nhưng tại sao phải đền nợ trước? Chúng ta thấy các ngài có đền nghiệp, nhưng các ngài thấy nghiệp là không có thật. Thân đã không thật thì nghiệp làm sao thật! Bởi vậy khi vua Kế-tân hỏi tổ Sư Tử:

- Ngài nói rằng ngài đã được không tướng, đã lìa sống chết, vậy có thể cho ta cái đầu chăng?

Tổ trả lời:

- Thân chẳng phải của ta, sá gì cái đầu.

Vua liền chặt đầu ngài rơi xuống đất. Đối với Tổ, cái đầu cũng là không, vậy ngài có trả nghiệp chăng?

Đây là một vấn đề rất thiết yếu trong nhà Phật. Nghiệp đối với người mê thì phải đền trả đầy đủ, nhưng đối với người ngộ, thấy nghiệp không thật nên không có trả. Nói không trả, người ta tưởng rằng mọi oan khiên đã tạo chắc không dính dáng gì nữa. Chúng ta đừng nghĩ rằng ngộ đạo rồi, những oan khiên thuở xưa bỗng dưng hết sạch. Không phải vậy! Chính đức Phật còn bị các nạn kim thương, mã mạch..., ngài Mục-kiền-liên cũng bị người đánh bầm giập mình mẩy mà chết.

Như vậy, dù ngộ rồi, oan khiên xưa vẫn phải trả. Tuy nhiên, người mê khi trả thì oán hờn số phận, than trời trách đất. Người ngộ biết mình còn nợ cũ phải trả cho hết, nên trả với thái độ bình thản, không hờn trách gì cả. Thân này không thật thì bao nhiêu thứ nợ có thật đâu. Nên người ngộ đạo rồi trả mà thấy như không trả. Đó là trọng tâm.

Hiểu như vậy, trên đường tu chúng ta mới không buồn, không trách, sao có những vị Hòa thượng khi gần tịch rất thảnh thơi, ra đi một cách tự tại, mình thấy thích quá; lại có những Hòa thượng đạo hạnh rất cao, khi gần tịch bị đau đớn hành hạ; còn có người tu không cao khi ra đi lại thảnh thơi, an nhàn.

Điều đó nói lên những oan khiên cũ. Hiện đời tuy tu hành cao siêu nhưng oan khiên cũ còn thừa, thời gian cuối nó hành hạ. Còn những vị tu tuy không cao lắm, nhưng nợ trước không có, bây giờ tu không tạo nghiệp nữa nên ra đi thảnh thơi. Hiểu như vậy, quý vị sẽ không còn thắc mắc nghi ngờ.

Vậy trên đường tu hành, hiện tại chúng ta nỗ lực tu, đừng gây tạo ác nghiệp, luôn cố gắng dẹp bỏ các sự nhiễm ô. Còn nghiệp quá khứ nếu còn thừa thì phải trả, nhưng đền trả với tâm biết rõ thân này huyễn hóa không thật, đã không thật thì điều gì xảy đến cũng không oán hờn buồn tủi. Như vậy là trả mà coi như không trả. Ý nghĩa "nghiệp chướng bản lai không" mà vẫn đền nợ trước là vậy.

Tôi nhắc thêm về cái "biết". Tánh của niệm hay ý là không. Khi mình quán chiếu lại thì ý niệm tan mất. Thể nó là không, nhưng nếu mình theo thì thành sự, tạo nghiệp sanh tử khổ đau.

Như vậy, xét cho tường tận, tại sao hiện giờ chúng ta tu mà bao nhiêu nghiệp chướng chưa sạch được? Vì vừa dấy niệm thương ai ghét ai, mình liền theo nó. Theo nó nên thương thì nói những lời tha thiết, ghét liền nói hung dữ thù hằn, do đó tạo thành nghiệp. Còn nếu vừa dấy niệm, liền quán chiếu cho tan nát thì không tạo thành nghiệp.

Vậy, chúng ta không chỉ tu trong giờ ngồi thiền, mà phải tu trong tất cả các giờ. Vừa có một ý niệm xấu dở, chúng ta liền phủi sạch, đừng để dính mắc thì tất cả nghiệp cũng theo đó mà hết. Nếu chúng ta nuôi dưỡng tất sẽ tạo thành nghiệp. Đừng nghĩ thể nó là không, rồi làm gì cũng không.

Tuy thể nó là không, nhưng theo thì thành sự. Nên trên phương diện tu hành, chúng ta phải luôn cần mẫn, chăm chỉ quán sát nội tâm mình, những gì xấu dở phải ngừa đón, dẹp bỏ ngay từ buổi đầu. Nói theo từ bây giờ là bóp chết khi còn trong trứng nước, đừng để nó thành hình, thì nghiệp hiện tại chúng ta không gây. Còn nghiệp quá khứ, nhẹ chúng ta chuyển được, nếu nặng phải trả, nhưng trả mà như không trả.

Đây là điều thiết yếu trong sự tu hành. Mong rằng tất cả chư tăng lúc nào cũng nhớ, cũng thấy rõ như vậy. Đừng nghĩ là mình tu, ráng tụng kinh tọa thiền đủ giờ, còn ngoài ra trong sinh hoạt bình thường không cần quán chiếu. Ngoài giờ chuyên tu ra, chúng ta vẫn theo dõi, thấy rõ từng tâm niệm của mình. Như vậy sự tu mới có kết quả nhiều, mới chóng được chín muồi, một ngày nào đó sẽ hốt nhiên cảm ngộ. Nếu không thì rất khó.

Tất cả chư tăng đã có túc duyên được cùng sống, cùng tu hòa hợp, nên ráng nuôi dưỡng phúc duyên lớn này và tu tập đến nơi đến chốn. Chớ để một lý do nào làm trở ngại sự tu của mình. Đó là sáng suốt, thành công trên đường tu.

Đừng bao giờ mơ ước những gì cao siêu, quá sức. Chúng ta cứ mỗi ngày nhìn kỹ, thấy rõ những niệm khởi của mình, rồi dẹp sạch thì sẽ được thanh tịnh. Mà thanh tịnh tức trở về với thể không sanh diệt chứ chẳng có gì lạ. Nếu cứ trông cậy, mơ ước những điều ở đâu bên ngoài, rốt cuộc chúng ta trở thành kẻ nô lệ, tay sai của quỷ thần.

Vậy mong toàn chúng biết quay nhìn lại mình để tu hành đạt kết quả tốt.

Ngày 13-09 Đinh Sửu (13-10-1997)

Buổi thỉnh nguyện hôm nay, tôi thấy toàn chúng rất thanh tịnh, đó là điều tốt. Chúng ta ở trong tập thể tu hành, mỗi ngày thân khẩu ý càng thanh tịnh. Đây là điều tôi rất hoan hỷ. Dù sống trong thời mạt pháp nhưng chúng ta có phước duyên rất nhiều, được chung sống một nơi, cùng tu cùng tiến, điều này hết sức quý báu.

Tuy nhiên, nhiều huynh đệ có cái nhìn không thấu đáo. Ví dụ, đang ở trong chúng yên tu lại nghĩ nên ra ngoài kiếm chỗ nhập thất. Nghĩ như vậy tưởng là tốt, tưởng mình sẽ có nhiều thời giờ tiến tu, nhưng thật tình tôi nói thẳng: Bỏ thiền viện này để đi tìm một nơi khác yên tu, tôi không tin chắc ở yên được. Vì sao? Tôi đã kinh nghiệm qua những chướng duyên của người tu.

Tôi thấy có nhiều thầy mới nhìn qua cũng không có dáng vẻ gì, nhưng khi nhập thất tu một mình, lâu lâu cũng bị nạn, nhất là nạn Ma-đăng-già. Bởi vậy, ở riêng đối với người chưa vững vàng là một cơ hội tốt để thối tâm, để mất giới luật, chứ không phải cơ hội tiến tu.

Ở đây, lâu lắm mấy huynh đệ mới tới phiên nhập thất, nhưng một ngày nhập thất là một ngày chí quyết tu hành, không có gì trở ngại. Mọi công tác huynh đệ lo hết, mình chỉ việc chuyên tu thôi. Thời gian tuy ngắn nhưng giá trị rất lớn.

Người quyết tâm tu ở trong chúng có sự bảo bọc đầy đủ. Còn ra tu riêng rời rạc, không có sự bảo bọc sẽ dễ bị vấp ngã, nhiều khi hình thức còn, mà tâm

niệm tu đã mất hết. Nên tôi khuyên tất cả chúng, ai có phúc duyên được nương với chúng tu hành là điều đáng mừng. Đừng cho là duyên thường, trái lại phải thấy đó là duyên thù thắng. Phải cố gắng sao cho tâm niệm mình được bình an để yên ổn tu, dù chậm nhưng nhất định mỗi ngày mỗi tiến, chứ không lùi. Còn mình muốn cho nhanh cho gấp, tìm nơi này nơi kia ở riêng, làm theo ý mình để được kết quả sớm, nhưng kết quả chưa nắm chắc mà thất bại có thể đến dồn dập, bất ngờ.

Mong rằng trong chúng ý thức được sự tu hành của mình, cố gắng tự thúc liễm, tự kìm chế những quan niệm sai lầm, đừng để nó gạt. Như vậy đường tu mới được lâu dài, vững vàng, đạt kết quả tốt. Đó là lời tôi nhắc nhở toàn chúng.

Ngày 13-10 Đinh Sửu (12-11-1997)

Hôm nay thỉnh nguyện, toàn chúng đều được thanh tịnh, không có lỗi lầm, đó là điều rất tốt. Trên đường tu, chúng càng ngày càng được trong sạch và tinh tiến, tôi rất mừng.

Sau đây tôi có ít lời nhắc nhở toàn chúng. Nói là nhắc nhở nhưng sự thật tôi đặt ra một số câu hỏi cho tất cả quý vị tự nghiệm, rồi trả lời để thành một hệ thống trong buổi nói chuyện này.

Câu hỏi đầu tiên là: Tất cả chúng ta xuất gia, nhằm đạt mục đích gì?

- Chúng con xuất gia để thấy được lẽ thật và học theo mục đích của Hòa thượng là khôi phục Thiền tông Việt Nam, làm hưng thịnh Phật giáo Việt Nam nói chung, ngày sau lan rộng đến thế giới.

- Còn ai có ý kiến gì khác?

- Kính bạch Thầy, mục đích của con xuất gia là tìm sự giải thoát.

- Đây là câu hỏi rất thông dụng, nên tôi phải đặt lại cho tất cả nhớ. Đúng ra chúng ta phải trả lời: Mục đích của người xuất gia - chứ không riêng một cá nhân nào - đều nhằm giải thoát sanh tử. Tại sao chúng ta nhắm mục đích đó? Chính đức Phật sau khi chứng kiến cảnh già bệnh chết, ngài xuất gia tu để giải thoát sanh tử. Đó là mục đích của đức Phật, ngày nay chúng ta cũng nhắm theo đó thực hiện.

Như vậy, tôi nhắc lại cho dễ nhớ, mục đích chúng ta xuất gia là quyết tâm tu giải thoát sanh tử, không còn bị trở lui lại vòng lục đạo luân hồi. Đó là căn bản, là gốc của sự tu hành, còn tới chừng nào mới thành tựu là chuyện khác.

Câu hỏi thứ hai: Cái gì dẫn chúng ta đi trong luận hồi sanh tử?

- Bạch Sư ông, nghiệp dẫn đi trong luân hồi.

Mục đích của chúng ta là giải thoát sanh tử, nhưng bây giờ phải biết cái gì dẫn mình đi trong sanh tử để tu cho giải thoát. Chú này nói nghiệp, quý vị có đồng ý không?

- Kính bạch Thầy, vọng tưởng dẫn mình đi trong luân hồi sanh tử.

- Kính bạch Thầy, vô minh dẫn mình đi.

- Ai trả lời cũng đúng hết, nhưng nói thẳng là do nghiệp. Tại sao vậy? Bởi vì nghiệp là nhân lôi dẫn mình đi trong lục đạo luân hồi. Cho nên trong kinh dạy: Người tạo thập ác thì nghiệp ác dẫn đi vào địa ngục, người làm thập thiện thì nghiệp thiện dẫn sanh lên cõi trời. Còn giữ năm giới nghiệp dẫn sanh trở lại nhân gian.

Như vậy sở dĩ luân hồi trong lục đạo là do nghiệp dẫn. Vậy nghiệp là sức mạnh lôi kéo, dẫn mình luân hồi triền miên trong sáu đường. Đi đường này hay đường kia đều do nghiệp.

Câu hỏi thứ ba: Nghiệp từ đâu ra, theo thứ tự thì nghiệp từ đâu ra?

- Bạch Thầy, từ thân khẩu ý.

- Ờ đúng, nghiệp từ thân, khẩu, ý, đơn giản như vậy. Khi thân làm ác gọi là thân tạo nghiệp ác, làm lành là thân tạo nghiệp lành. Miệng và ý cũng như vậy. Nếu thân, khẩu, ý không tạo nghiệp thì hết luân hồi.

Như vậy, chúng ta thấy có sợi dây chuyền rõ ràng: Chúng ta đang bị trầm luân trong sanh tử luân hồi. Ngày nay, chúng ta phát nguyện tu là để giải thoát sanh tử. Muốn giải thoát thì phải biết cái gì dẫn mình đi trong sanh tử. Chúng ta đã biết rõ là do nghiệp dẫn, nghiệp này từ thân, khẩu và ý tạo ra. Nhưng trong ba cái đó, trọng tâm là ý.

Nếu ý nghĩ lành thì thân làm lành, nói lời lành. Nếu ý nghĩ dữ thì thân làm dữ, miệng nói dữ. Như vậy điều lành điều dữ do ý mà có. Tạo nghiệp lành thì sanh cõi trời, người, a-tu-la. Tạo nghiệp dữ sanh địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đó gọi là lục đạo luân hồi.

Câu hỏi thứ tư: Muốn hết nghiệp chúng ta phải làm sao?

- Bạch Thầy, muốn hết nghiệp phải dừng ý nghiệp, vì nó là động lực luân hồi sanh tử.

- Ờ, muốn hết nghiệp phải dừng ý. Bởi vì ý chủ động tạo nghiệp, còn thân và miệng là cái bị động.

Bây giờ làm sao để dừng ý? Đó chính là lý do phải tu thiền. Chúng ta ngồi lại nhìn thấy từng niệm khởi, nếu chúng ta đi theo niệm lành thì tạo nghiệp lành, đi theo niệm dữ tạo nghiệp dữ. Người tu thiền không những bỏ niệm ác

niệm dữ, ngay cả niệm thiện cũng bỏ luôn. Có lắm người thắc mắc, tu là bỏ ác làm thiện, tại sao tu thiền bỏ luôn cả ác lẫn thiện?

Nếu chúng ta bỏ ác, làm thiện thì còn nghiệp để sanh trong ba cõi lành là người, a-tu-la và cõi trời. Còn nghiệp là còn sanh. Bây giờ nếu muốn giải thoát sanh tử luân hồi là phải dứt nghiệp, dừng nghiệp. Muốn dứt nó thì phải dừng ngay động cơ chủ yếu tạo nghiệp là ý. Ý nghĩ lành chắc chắn sẽ làm lành, tạo nghiệp lành và sanh cõi lành. Ý nghĩ dữ thì tạo nghiệp dữ, sanh cõi dữ. Nay ý không nghĩ thì tạo nghiệp gì? Không nghĩ thì không còn tạo nghiệp, hết nhân tạo nghiệp. Lúc ấy thế nào?

- Bạch Thầy, được giải thoát.

- Đây tôi nói tuần tự để quý vị thấy rõ. Ví dụ như tu Tịnh độ, niệm Phật cầu vãng sanh. Niệm Phật là niệm lành, chuyên trì niệm danh hiệu Phật thì khi nhắm mắt được sanh về cõi lành, cõi Cực lạc. Như vậy còn niệm thì còn sanh. Cõi lành trong tam giới là trời, a-tu-la, người; cõi lành của Phật ở ngoài tam giới như cõi Cực lạc... đều còn niệm, còn sanh.

Vậy, niệm là cái nhân để sanh, tùy theo niệm lành dữ tốt xấu, niệm cao siêu hay thấp kém cạn cợt mà tạo nghiệp, tái sanh ở cảnh giới tương ưng. Chúng ta thấy rõ niệm là gốc của sanh tử, sanh nơi này nơi kia là do niệm. Do đó, còn niệm là còn sanh. Muốn hết sanh phải vô niệm, hết niệm tức vô sanh. Không còn niệm là không còn sanh tử.

Chúng ta phải thấy rõ mục tiêu mình nhắm tới và đường lối đang tu luôn phù hợp nhau. Vọng tưởng là nhân tạo nghiệp sanh tử, muốn hết sanh tử chúng ta phải dừng vọng tưởng. Nhân đã dừng thì quả sanh tử làm sao còn, thật là rõ ràng!

Bây giờ có người đặt câu hỏi: Khi hết niệm, không nghĩ thiện nghĩ ác nữa thì còn cái gì không, hay là hết trơn? Bởi vì còn niệm là còn sanh nơi này nơi kia, giờ hết niệm, không sanh đâu hết thì chừng đó còn cái gì**?**

Tôi dẫn câu chuyện Lục Tổ ôm bát đi về phương nam. Ngài đi được mấy ngày thì Huệ Minh đuổi kịp. Ngài để y bát lại trên bàn thạch, bước vào lùm cây ngồi ẩn. Huệ Minh gặp được y bát mừng quá liền cầm lên, nhưng không nhấc nổi, biết đây có cái gì mầu nhiệm chứ không phải tầm thường, nên đổi ý giành y bát thành tâm cầu pháp. Huệ Minh kêu:

- Hành giả! Hành giả! Tôi tới đây không phải vì y bát mà đến để cầu pháp.

Lục Tổ trong lùm cây đi ra nói:

- Nếu ông cầu pháp thì phải dứt hết các duyên, chớ sanh một niệm, tôi sẽ nói cho ông nghe.

Huệ Minh đứng yên lặng giây lát, Lục Tổ nói:

- Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, chính khi ấy cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Minh?

Ngay đó Huệ Minh liền ngộ.

Như vậy chúng ta mới thấy, không nghĩ thiện, không nghĩ ác thì bản lai diện mục hiện tiền chứ không phải là không ngơ. Đó là mặt thật muôn đời của mình, là cái chưa bao giờ sanh, chưa bao giờ diệt. Nếu sống được với mặt thật đó thì không còn bị nghiệp dẫn đi sanh tử, tức là giải thoát sanh tử. Cho nên chúng ta đừng ngại buông hết niệm thiện ác rồi trở thành không ngơ.

Tôi nói cái gần nhất, như hiện giờ đang ngồi, không nghĩ thiện nghĩ ác gì hết mà chúng ta vẫn biết. Đó, vẫn hiện tiền chứ nào phải không biết! Cái biết không khởi niệm thì đâu có tạo nghiệp. Rõ ràng cụ thể là tất cả chúng ta sẵn có cái giải thoát mà lâu nay chúng ta quên, chỉ sống theo thân tạm bợ và niệm sanh diệt, vì vậy mà tiếp tục luân hồi. Bây giờ muốn thoát khỏi sanh tử luân hồi thì chỉ dừng hết những ý niệm lăng xăng đó để trở về với bản lai diện mục của mình. Đó là giải thoát sanh tử. Đến đây là đạt được mục đích chứ chẳng có gì khác, khỏi nói sanh đi đâu hết.

Như vậy, chủ trương đường lối tu của mình, nhân và quả rõ ràng không nghi. Giải thoát sanh tử là cái quả mình mong muốn, thì nhân gây ra sanh tử phải dừng. Nhân sanh tử không còn thì quả giải thoát tự nhiên đến.

Vậy là rõ ràng đường tu đâu đó cụ thể, chứ không phải là ý niệm tưởng tượng, cũng không phải chúng ta tin suông tin rỗng. Nó thực tế như vậy, tôi nói cho tất cả hiểu, nắm vững để tu và dạy người khác tu đừng lầm lẫn. Nhiều khi dạy cũng không biết dạy cái gì, tu không biết tu ra sao, rồi cứ lẩn quẩn là không tốt.

Hôm rồi, người ta yêu cầu tôi giảng bài thơ của ngài Quảng Nghiêm, trong đó có câu ít ai dám dịch:

Nam nhi tự hữu xung thiên chí

Hưu hướng Như Lai hành xử hành.

"Làm trai tự có chí xông trời, đừng theo đường của Như Lai đã đi." Nghe câu đó ai cũng giật mình. Tại sao mình tu theo Phật mà không đi đường của Phật? Vậy thì đi đường ai? Đi lối khác là theo đường tà rồi! Nhưng riêng tôi thấy câu đó hay quá, mỗi lần giảng mỗi lần thấy hay. Hôm rồi ngồi thiền, bất thần tôi nhớ lại câu này, thấy có một ý rất hay nên nói cho quý vị nghe.

Không đi theo lối mòn của đức Phật, ý này có hai: Thứ nhất là nói về sự tướng. Khi Thái tử đi tu không có ai hướng dẫn, cho nên phải tìm học với ngoại

đạo. Ngài hành tới nơi tới chốn mà kết quả không đúng với mục đích ngài nhắm nên từ giã ngoại đạo ra đi. Thời đó người ta tán thán phép tu khổ hạnh nên ngài cũng tu khổ hạnh, nhưng vẫn không đạt được mục đích. Cuối cùng ngài mới tọa thiền dưới cội bồ-đề và đã đạt được mục đích của ngài nhắm là giác ngộ thành Phật.

Như vậy nếu đi theo đường của Phật thì có quanh co không? Chẳng lẽ chúng ta được Phật dạy rồi, khi đi tu mình lại theo ngoại đạo và tu khổ hạnh, rốt sau mới chịu ngồi thiền dưới cội bồ-đề. Như vậy là quanh co vô ích. Đó là lối mòn của Phật đã đi. Bây giờ mình đã được chỉ thẳng còn đi quanh co chi nữa? Đây là nói về sự.

Kế đến là lối mòn của giáo lý từng cấp bậc mà trong câu chuyện của ngài Vân Môn đã nói. Cái này mới thấm thía.

Bây giờ tôi lấy hình ảnh Phật dụ trong kinh Lăng-nghiêm và kinh Viên Giác. Phật nói rằng kinh điển như ngón tay chỉ mặt trăng. Quý vị thấy trăng mùng sáu mùng bảy hình dáng như lưỡi liềm, mọc ở phương đông. Có người mắt sáng thấy được mặt trăng đó, muốn chỉ cho những người chung quanh cùng thấy, nói rằng: "Kìa, có mặt trăng!" Nhưng có người mắt không tỏ sáng lắm, lại nhắm hướng không được chín chắn, nhìn chẳng thấy, hỏi rằng: "Ở chỗ nào?" Lúc ấy người thấy rồi phải làm sao? Phải chỉ: "Đây, cứ nương ngón tay tôi, nhìn thì sẽ thấy." Người kia nương theo đúng hướng ngón tay chỉ, thấy được mặt trăng.

Ngón tay dụ cho kinh điển. Mặt trăng là mục đích giải thoát của mình. Chân lý giải thoát nằm ở chỗ mặt trăng chứ không phải ngón tay. Ta chỉ nương theo ngón tay để thấy mặt trăng, thấy được trăng là đạt mục đích tối thượng của mình.

Trong số người chung quanh đó, có người mắt sáng và định hướng rất rõ, khi hỏi mặt trăng chỗ nào, nói ở phương đông, từ chân trời lên khoảng ba sào, họ theo đó nhìn liền thấy mặt trăng. Người đó có cần ngón tay chỉ hay không?

2 Một hôm thiền sư Vân Môn thượng đường, đưa cây gậy lên bảo chúng: "Phàm phu gọi nó là thật, Nhị thừa phân tích nó là không, Viên giác gọi nó là huyễn có, Bồ-tát thì đương thể tức không, Thiền gia thì thấy cây gậy gọi là cây gậy, đi chỉ đi, ngồi chỉ ngồi, không được động đến." (Thiền Sư Trung Hoa tập II, HT. Thích Thanh Từ soạn dịch)

Bây giờ chúng ta đặt lại vấn đề. Muốn giải thoát sanh tử thì vọng tưởng phải lặng, không còn nghĩ thiện ác. Bởi vậy kinh Phật dạy phải quán thân này là giả để mình không còn đắm nhiễm, cảnh cũng giả để tâm không đuổi theo, cốt cho tâm lặng không chạy, gỡ cho nó đừng dính mắc. Nhưng nếu có người

biết rõ tâm rồi, họ tự dừng không dính mắc, đó là đúng mục tiêu Phật muốn chỉ.

Như trường hợp ngài Lâm Tế hỏi tổ Hoàng Bá:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Ý hỏi mục tiêu của Phật dạy, chỗ cứu cánh của đạo Phật nằm chỗ nào. Ba lần hỏi, ngài Hoàng Bá ba lần đánh. Lâm Tế buồn bã từ giã ra đi, tới Đại Ngu. Ngài Đại Ngu chỉ hỏi:

- Hoàng Bá dạy lời gì?

Lâm Tế kể lại:

- Con ba phen hỏi đại ý Phật pháp, ba lần bị đánh. Chẳng biết con có lỗi hay không lỗi?

Ngài Đại Ngu nói:

- Hoàng Bá với tâm lão bà đã vì ông chỉ chỗ tột khổ, ông lại đến trong ấy hỏi có lỗi không lỗi!

Ngay câu nói ấy Sư đại ngộ, thưa:

- Xưa nay Phật pháp của Hoàng Bá không nhiều.

Ngài Lâm Tế đại ngộ là ngộ cái gì? Thấy có lỗi không lỗi tức thấy có hai. Nơi tâm mà còn hai là bệnh, tạo nghiệp sanh tử. Chủ yếu Phật dạy dứt cái hai đó. Nghĩ thiện nghĩ ác là hai, phải quấy là hai. Còn hai là còn vọng tưởng, nếu dừng vọng tưởng thì không có hai, ngay đó là thấy rồi.

Ngài Đại Ngu nắm đứng lại bảo:

- Con quỷ đái dưới sàng, vừa nói có lỗi không lỗi, giờ lại nói Phật pháp Hoàng Bá không nhiều. Ngươi thấy đạo lý gì? Nói mau! Nói mau!

Hết sức là đơn giản, phải không? Trường hợp này như người vừa được chỉ mặt trăng ở phương đông, nhìn lên chừng ba sào liền thấy. Trái lại chúng ta thì không thấy, phải nhờ người đưa tay chỉ, nhìn cho thật kỹ mới thấy. Hai bên khác nhau.

Ở đây ngài Lâm Tế ngộ được là do biết cái hai đó không phải đại ý Phật pháp. Đại ý Phật pháp là dừng cái hai đó. Nên hỏi thấy cái gì, ngài không nói, khởi nói là thành hai. Bèn thoi vào hông ngài Đại Ngu ba thoi. Ngài Đại Ngu nói:

- Thầy ông là Hoàng Bá, không can hệ gì đến ta.

Như vậy nào có kinh điển gì! Không phải giáo ngoại biệt truyền là gì? Mà có trái với giáo lý đâu. Giáo lý cốt để chỉ mặt trăng. Bây giờ không nương ngón

tay mà ta vẫn thấy mặt trăng thì cái chủ đích nhắm đã đạt được, đâu còn cần ngón tay.

Tuy nhiên, có người thay vì nương ngón tay để thấy mặt trăng, lại cho ngón tay là mặt trăng, mình phải nói sao đây? Như vậy là mất ngón tay và mất mặt trăng luôn. Vì tưởng ngón tay là mặt trăng rồi cứ hài lòng ngón tay này là chỗ cứu cánh. Ngày nay Phật giáo Việt Nam có một số người lấy ngón tay cho là mặt trăng, cứ đem kinh ra tụng rồi cho như vậy là tu. Phật dạy trong kinh để chúng ta hiểu đường lối tu chứ đâu phải dạy mình tụng suông. Vậy mà cứ đem ra tụng hoài bao nhiêu đó, làm sao thấy mặt trăng được, tụng ngàn đời cũng không thấy. Nếu mình là người ngoài cuộc, biết rõ điều đó thì có nên nói hay không? Đồng ý như vậy hay là phải nói?

Đó là một vấn đề tôi thấy rất khó xử. Nói ra mích lòng, còn không nói thì mình có thể chấp nhận cho Phật giáo đi xuống như vậy hay sao? Thành ra cái lối mòn mà ngài Quảng Nghiêm nói đó, là lối mòn dựa theo kinh điển. Kinh điển chỉ là Phật phương tiện giải thích để mình tu, sửa trị lần lần. Nếu chúng ta đã thấy được cái gốc rồi thì quá tốt, đâu có cần phương tiện. Hiểu vậy mới thấy Thiền tông đi thẳng vào cốt tủy của đạo Phật, trở về cái gốc chẳng hề quanh co. Vậy mà những người chưa nắm vững chỗ này, thường chê bai Thiền tông.

Kiểm điểm lại chúng ta thấy sự sai lầm của giới tu sĩ mình rất đậm, rất sâu. Muốn sửa lại cũng cay đắng lắm, không phải năm năm mười năm mà được. Đời tôi chắc chưa làm xong, thôi thì ký thác cho đời mấy chú. Mấy chú ráng tu cho đến nơi đến chốn, rồi sau này chỉ cho người ta thấy những cái hay cái dở. Vì tu mà không đạt đạo là do những sai lầm đó. Cho ngón tay là mặt trăng thì muôn kiếp không thấy mặt trăng, không làm sao thấy được! Đây là lẽ thật, không có gì phải ngờ vực.

Điều này tôi rất đau lòng. Hôm nay giải thích rõ ràng để tất cả cùng hiểu.

Đó là phần nhắc nhở của tôi.

Ngày 13-11 Đinh Sửu (12-12-1997)

Hôm nay có hai việc cần nhắc quý vị:

Thứ nhất là có một Phật tử cho tôi biết có hai thầy đi chợ ghé quán uống cà-phê. Tôi không biết là thầy nào, hôm nay xin nhắc chung toàn chúng.

Mặc dầu trong giới luật cũng như Thanh quy, tôi không cấm uống cà-phê, nhưng quý vị nếu quen uống hoặc vì bệnh muốn uống cho ấm thì chỉ nên mua về chùa, chứ không nên ngồi quán. Đó là cái thói của thế tục, rảnh rang vô quán cà-phê uống nhâm nhi rồi nói dóc với nhau cho vui. Chúng ta là người tu

chớ phạm điều này. Ra ngoài uống cà-phê như vậy, vô tình mình làm mất uy tín thiền viện.

Bây giờ Phật tử Đà Lạt biết quý thầy ở đây hết, cho nên ai đi ra ngoài, họ đều biết người đó ở thiền viện hay ở các chùa. Mình cà rà vô quán ngồi, thiếu tư cách khiến người quý trọng, và làm mất luôn uy tín của những huynh đệ trong thiền viện. Vì vậy từ đây về sau tuyệt đối không được ra chợ ngồi uống cà-phê, dầu sớm hay muộn đều không nên. Đó là điều tôi xin nhắc, mong quý vị nào đã lỡ thì từ đây về sau đừng tái phạm.

Thứ hai là tôi nghe có một số thầy còn nóng nảy, cãi với các cư sĩ và mấy người dân ở ngoài. Quý vị nên nhớ, dầu chuyện đúng một trăm phần trăm, mà nóng nảy lớn tiếng với người thế gian thì mình cũng bị thua thiệt rồi, vì họ nói mình sân. Tu hành mà tham sân si không giảm thì người ta đánh giá sự tu của mình không có kết quả. Bởi vậy quý vị nào nóng nảy phải ráng nhớ mình đã là tu sĩ, đừng tranh hơn thua với người.

Trong kinh Di Giáo, Phật dạy: "Người thế tục thọ hưởng dục lạc, chẳng phải là người hành đạo, không biết pháp ngăn ngừa, giận dữ còn có thể tha thứ. Người xuất gia học đạo, không còn thọ hưởng dục lạc mà vẫn ôm lòng giận dữ thì không thể được. Ví như trong lúc trời quang mây tạnh mà sấm chớp nổi lên là điều không thể có."

Bởi vì chỉ khi trời chuyển mưa mới có sấm chớp. Nếu có sấm chớp lúc không chuyển mưa, đó là chuyện nghịch lý. Cũng vậy, chuyển mưa là dụ cho thế gian còn tham lam danh lợi. Vì còn tham lam mà không được toại ý nên nổi giận, cái đó còn có thể hiểu được. Còn người tu chúng ta đã dứt bỏ tham lam mà còn nổi sân là chuyện phi lý.

Bởi vậy phải chừa tật nóng nảy, dầu mình đúng một trăm phần trăm cũng phải nói nhỏ nhẹ, khuyên răn người ta, chứ không nên nổi nóng. Vì khi mình thốt ra những lời nóng giận là biểu hiện sự thô tháo, thiếu tính cách hiền hậu, nhu hòa của người tu. Vậy tất cả quý vị khi thấy ai làm việc gì sai quấy, mình phát nổi nóng thì tránh đi chỗ khác, đừng nói, để trong lòng êm dịu rồi dùng lời nhỏ nhẹ, ôn hòa khuyên người ta. Còn đang giận mà nói ra thì tự mình đã mất uy nghi của người tu, lại bị người chê cười sân si, đó là điều không tốt.

Mong tất cả quý vị tránh được những lỗi lầm đó để cho trong chúng hoàn toàn thanh tịnh và cũng khỏi nghe tiếng như xấu ở ngoài đồn đại tới tai tôi. Vậy ở trong chúng nếu có vài ba người vô tình hay cố ý làm hoen ố tập thể thì quý vị đó phải dừng lại, đừng nên tái phạm, không tốt. Đó là lời nhắc nhở của tôi đối với toàn chúng.

Bây giờ nói về sự tu hành của chúng. Thật ra hai năm qua, chư tăng tu hành có những bước tiến đáng mừng. Đó là sự tiến bộ riêng rẽ của từng người,

chứ không phải của toàn tập thể một lượt. Nhưng thật ra, trong năm mươi, ba mươi người mà đã được năm bảy người tiến thì đó cũng là điều hy hữu đáng mừng.

Ngày xưa ở hội Quy Sơn một ngàn năm trăm người, nhưng kiểm lại những vị còn ghi trong sử thì chỉ có năm mười người ngộ đạo thôi, chứ không phải một ngàn người được đến năm trăm người. Chúng ta ở đây chỉ bốn năm mươi người, thật quá khiêm nhường, mà đã có được một số người tỉnh táo, sáng suốt hoặc một số người thấy cái chân thật, yên lòng tu hành không thối chuyển thì đó là điều rất đáng khích lệ. Sở dĩ được như vậy, không gì khác hơn là do tâm quyết liệt, liều chết tu, nhất định có kết quả. Tôi thường nói thế từ trước đến nay.

Hồi mới bắt đầu tu thiền, tôi cho đây là việc mò kim đáy biển chứ chẳng phải chuyện dễ. Chúng ta thường bị ám ảnh chỉ có những người thượng căn thượng trí tu thiền mới được, rồi xét lại, tự thấy mình không phải là các bậc ấy, e rằng khó thấy đạo. Đó là một mặc cảm đáng buồn. Rồi nghe nói đời mạt pháp chỉ tu Tịnh độ chứ tu Thiền không tới đâu, lại thêm một mặc cảm thứ hai. Còn mặc cảm thứ ba là các Tổ thời xưa được trực tiếp truyền thừa, thầy truyền qua trò thì tu mới dễ đạt đạo. Mình không được ai truyền, làm sao mà tu!

Mang ba mặc cảm đó tôi thấy rất khổ, không có một chút hy vọng. Nhưng vì tôi quyết tâm, liều chết tu, rõ ràng là có kết quả. Dù kết quả chưa trọn, chưa được viên mãn nhưng tôi thấy đúng như những gì tôi muốn.

Bản thân tôi ngày trước ở trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, không thầy không bạn mà tôi cố gắng làm được. Còn bây giờ toàn chúng ở đây, trên có thầy dưới có bạn, đồng thời hoàn cảnh rất thuận lợi, nếu tu không được quả là yếu đuối. Đó là do thiếu sự quyết liệt. Nếu tinh thần quyết liệt thì sự tu hành có kết quả không nghi ngờ. Bằng chứng là qua các vị quyết tâm tu đã cho tôi thấy những kết quả đáng vui mừng đó.

Như vậy, mong sao quý vị đã đến đây rồi thì phải tu một cách quyết liệt, đừng để thời giờ quý báu trôi qua mất. Bởi vì hoàn cảnh tốt không thể đến hai lần. Hễ không làm được lần này thì rất khó tìm lại lần thứ hai. Như trường hợp chú B.H, mỗi lần tôi về Thường Chiếu, chú đều đến sám hối để được trở lên đây. Tôi nói: "Đi rồi khó trở lại, tôi không chấp nhận điều đó." Vậy mà mấy lần tôi về, chú đều đắp y đến sám hối.

Vậy quý vị thấy, lỡ lầm rồi muốn trở lại không phải dễ. Ai được tới đây mà tu hành lơ là không đến đâu, một khi lui sụt rồi, muốn trở lại rất khó. Vì vậy, tôi mong rằng trong chúng từ lớn tới nhỏ, đừng nghĩ mình già hay trẻ, mỗi vị đều quyết tâm tu. Như chúng ta đọc quyển Hoa Trôi Trên Sóng Nước, thấy một người phụ nữ lớn tuổi như vậy mà nỗ lực quyết tu cũng được kết quả.

Huống chi mình ở đây là nam nhi, ai cũng có ý chí mãnh liệt hết, cứ ráng tu sẽ có kết quả không nghi!

Vậy mong toàn chúng nỗ lực tu hành, bỏ qua những chuyện tầm thường. Các việc thế gian mình đã quen tập, bây giờ phải bỏ hết, làm sao vượt qua được những si mê tăm tối, vọng tưởng điên đảo, để tâm mình trong sáng, thấy được và sống được với cái chân thật. Đây là điều cốt yếu, còn mọi chuyện thế gian chỉ là ảo tưởng, tạm bợ, sẽ tan hoại hết, không có nghĩa gì. Chỉ có cái chân thật mới cứu mình muôn đời.

Vậy tất cả phải ráng tu, đừng lơ là. Đó là lời nhắc nhở của tôi.

Ngày 08-12 Đinh Sửu (05-01-1998)

Hòa thượng nhắc nhở đại chúng nhân ngày vía Phật thành đạo.

Vừa rồi có một cô người Mỹ đến tập tu bên nội viện ni, hỏi tôi: "Thưa Thầy, quý Thầy tu hiện giờ, cái gì là khó nhất?" Giờ mấy chú trả lời coi!

- Dạ, tập khí.

- Câu này rất khó trả lời, nếu nói sân hoặc ái dục là khó thì mình phàm tục quá. Vậy cái gì khó nhất? Tôi trả lời: "Người tu chúng tôi bây giờ, nghe Phật dạy lẽ thật, mình thấy mình biết rồi, nhưng sống được với lẽ thật đó là khó nhất." Tôi ví dụ, Phật dạy phải quán thân này là nhơ nhớp, vô thường sanh diệt, mạng sống trong hơi thở, đó là lẽ thật. Thế nhưng giả sử có ai chê mình là nhớp thì phản ứng ngay, lập tức bảo vệ nó, không hề công nhận thân mình là nhớp, là vô thường. Đó là một cái rất khó.

Kế nữa mình biết thân này là vô thường, mà nghe ai nói mình sắp chết thì tự nhiên có một cái gì đó không an ổn. Nói lo sợ thì quá đáng, nhưng thật có cái gì đó rất bất an. Như vậy là không thấy đúng như Phật dạy. Đó là nói về thân. Còn về tâm, Phật dạy suy nghĩ là vọng tưởng không thật, nên bỏ, rồi sẽ thấy cái chân thật hiện tiền. Bây giờ mình biết vọng tưởng nên bỏ, mà bỏ hoài không rồi, bỏ không hết, đó là cái rất khó.

Như vậy một người Mỹ cũng có cái nhìn sâu sắc về đạo chứ chẳng phải thường. Bây giờ mình giảng cho người ta nghe và giải đáp những thắc mắc của họ là cả một vấn đề. Nhất là kỳ này tôi nói chuyện với một nhóm giáo sư trong Học viện Chính trị ở Thành phố Hồ Chí Minh. Nói chuyện với họ một giờ, rồi cho họ hỏi nửa giờ. Họ hỏi đủ thứ, dài lắm. Nên tôi thấy lời của Mã Tổ nói về người muốn làm Phật sự thật là chí lý.

Mã Tổ bảo ngài Tây Đường Trí Tạng:

- Sao con chẳng xem kinh?

Ngài Trí Tạng nói:

- Trong đó có gì khác mà phải xem.

- Tuy như vậy nhưng về sau muốn vì người con cần phải xem.

Vì lợi ích cho người nên phải xem tạng Kinh. Đừng nghĩ "mình hiểu như vậy là đủ tu rồi". Thật ra, khi ra ngoài người ta ít hỏi thẳng chỗ chân thật mà thường hỏi lời Phật tổ dạy trong kinh luận, mình không biết thì nguy lắm. Khi có người hỏi một điều gì, mình nói không biết ở kinh nào là nghe không ổn rồi.

Cho nên muốn tu đến nơi đến chốn chúng ta phải nỗ lực, còn muốn làm lợi ích cho người thì phải cần cù nghiên cứu cho kỹ. Nhất là quý vị sắp đi làm Phật sự, khi rảnh nên đọc lại mấy bộ A-hàm, bởi vì mấy cái đó dễ nói chuyện nhất. Giả sử có ai thỉnh thuyết pháp thì trích các bài kinh trong A-hàm nói về vô thường, hay dẫn mấy câu chuyện ngắn ngắn, gọi là những bài thuyết pháp bỏ túi.

Vậy, một là phải thuộc A-hàm, hai là Pháp Cú. Cố gắng thuộc lòng một số bài, ai hỏi liền đọc lên, giảng rộng ra, đó là tiện lợi. Còn nếu mình không nhớ gì hết thì làm sao linh động nói chuyện cho họ nghe? Ra ngoài Bắc, phần nhiều người lớn tuổi chưa biết nhiều về Phật pháp, nói cao họ đâu hiểu, nói chân tâm Phật tánh họ làm sao hiểu. Do đó, chỉ giảng những ý thông thường. Trong A-hàm, Phật dạy rất thiết thực, kinh Pháp Cú cũng vậy, nắm cho vững rồi nói. Còn các bộ kinh Đại thừa: Kim Cang, Lăng-nghiêm..., họ nghe không tới nổi.

Bởi vậy tôi dạy mấy chú cũng theo thứ tự. Các bộ A-hàm phải cho mấy chú học quen. Nắm vững A-hàm rồi đến Pháp Cú, xong mới lên mấy kinh cao. Đâu phải mấy chú núp ở đây hoài! Cũng có ngày xách gói đi làm Phật sự. Khi ra ngoài dốt quá cũng kẹt, nghe thưa hỏi lúng túng lắm, nên lúc rảnh phải tra cứu. Ở đây có thư viện, kinh sách cũng tạm đủ. Ông K.N có mua thêm kinh sách cho mấy chú nghiên cứu. Mình biết cái gốc rồi, phần ngọn cũng cần nắm cho vững.

Sở dĩ khi ra giảng tôi không sợ là vì tôi đã coi kỹ Đại tạng. Nói đúng ra, trừ phần Luật và Mật tông tôi ít đọc, còn các phần khác tôi đều đọc hết, nhất là tạng Kinh. Đọc để biết qua, người ta hỏi là mình biết ở đâu liền. Dù không nhớ hết nhưng ý chính mình cũng nắm được để giải thích cho người ta hiểu.

Thật ra, khi đi giảng dạy, thiên hạ hỏi đủ thứ, thấp có, cao có. Bao năm nay tôi giải đáp cho mọi người được, do nhờ trước đã từng coi qua Đại tạng kinh. Cho nên làm Phật sự nhu cầu rộng, không cho mình khu biệt. Như hòa thượng T.H nói, nếu theo chỗ thấy biết của nhà Thiền mà dạy người thì giảng đường cỏ mọc ba thước! Chỉ có cách làm quán tạp hóa như ngài Ngưỡng Sơn thì được: Từ phân chuột đến vàng ròng đều có đủ. Nếu chỉ vàng ròng không e

chẳng xong. Nghèo quá không có tiền mà nói vàng ròng làm sao mua? Hiểu cho tới nơi, sau này mấy chú mới có lợi.

Lúc đầu tôi biết mấy chú nghĩ rằng tôi mâu thuẫn, vừa bắt tu lại vừa khuyến khích học. Nếu học thì sự tu bị trì trệ. Nhưng hoàn cảnh thực tế không cho phép mình chỉ đi một chiều. Theo một chiều sau này chúng ta sẽ lúng túng, sẽ bị chê "cô lậu quả văn", nghĩa là kiến thức hẹp hòi, quê mùa ít hiểu biết. Thật ra việc tu đòi hỏi mình phải tu cho sáng, nhận chân được lẽ thật, nhưng làm Phật sự thì phải thông suốt giáo lý.

Lâu nay tôi rất dè dặt, ít cho mấy chú xuất đầu lộ diện là vì sao? Vì tập khí. Thơ kệ của ai trình thì tôi đọc, mà không nói tên người đó, vì nghe đọc thì thánh quá, những gì trong lúc tỉnh sáng viết hoặc nói đều rất hay, nhưng rồi thời gian sau tập khí chen vào liền hết hay.

Bởi vậy mình chưa tới đất thật, không sống luôn luôn với cái thật, nên có khi rất sáng, rất tỉnh táo, cũng có những lúc hơi hôn ám một chút liền lộ nguyên hình cũ, trái với những gì mình nói hay lúc trước, nên người ta sẽ hiểu lầm: "À, tu ngộ đạo rồi vẫn còn xấu, vẫn còn nóng giận..." Do đó, tôi thường giấu tên người trình, e rằng người khác không biết rồi cho mấy chú lầm lộn chưa sáng đạo tưởng đã sáng. Thật ra, tập khí thầm kín không biết đâu mà lường.

Khi nói về Thập lực của Phật, tôi thấy có "tri vĩnh đoạn tập khí trí lực". Tới thành Phật mới vĩnh đoạn tập khí, còn mình đây là tạm đoạn chứ chưa vĩnh đoạn. Cái thô thì vượt qua được, còn cái tế vẫn thầm thầm ẩn khuất trong đó, gặp duyên hiện ra lúc nào không hay.

Vậy nên tôi nhắc hoài, mấy ông giảng sư nói thao thao bất tuyệt, nhưng gặp duyên cũng nổi sóng dùng dùng. Phật dạy nhớ được, hiểu được nhưng sống được mới quý. Mấy chú cố gắng tu, sáng được chỗ chân thật của mình, đó cũng là bước tiến vượt bậc rồi, nhưng bỏ tập khí là cả một vấn đề dài đằng đẵng. Mấy chú lâu lâu ai chọc có giận không?

- Dạ, có. Thưa Thầy cho tụi con ở đây tu luôn!

Tập khí khi nào có cơ hội mới hiện ra, lúc ấy mới biết mình thua hay thắng. Ở đây hoài đâu có ai chọc, biết tập khí ra sao! Chính khi ra đối đầu, gặp việc mới thấy tập khí của mình, coi cái gì còn cái gì hết, rất là đặc biệt. Tôi kinh nghiệm thấy rõ, mình hiểu được nói được mà gặp duyên không thắng được là chuyện rất thường. Do đó vừa làm Phật sự phải vừa tu.

Tu có định lực mới thắng được ngoại cảnh và làm chủ tập khí. Đồng thời phải coi thêm kinh luận. Được như vậy, ngày sau mấy chú ra làm Phật sự sẽ không lúng túng, mới giúp ích cho nhiều người.

Ngày 13-12 Đinh Sửu (10-01-1998)

Lý đáng hôm nay tôi nói về sự tu hành để nhắc nhở chúng, nhưng có một sự việc xảy ra không vui nên tôi chủ yếu nhắc riêng điều này.

Biết rằng trong chúng qua một năm nay có nhiều tin đáng vui mừng đối với tôi, nhưng cuối năm lại có một chuyện không vui xảy ra. Trong việc này tôi tự thấy mình có hai khuyết điểm lớn. Một là tôi chọn người không kỹ, cho nên bây giờ mới có cái tệ như thế này. Hai là sự tin tưởng của tôi quá lớn, tôi không bao giờ tin có những chuyện như thế xảy ra. Vậy mà bây giờ vẫn xảy ra, đó là điều ngoài sức tưởng tượng của tôi.

Trước đây tôi từng nói với tất cả chúng, ngày xưa khi tôi ở các Phật học đường, tu hành chung trong tập thể, sự sống thường sai biệt. Người nào được thầy tổ khá giả ủng hộ thì có tiền bạc rộng rãi. Tại Phật học đường Nam Việt tôi theo học hồi đó, mỗi tháng phải đóng hai trăm tiền cơm. Ngoài ra, giấy mực, sách vở, kể cả quần áo đều tự túc chứ nhà trường không thể giúp mình. Phần tôi được ưu tiên miễn phí, vì thầy tôi là hòa thượng Viện trưởng làm Đốc giáo tức Hiệu trưởng của trường.

Như vậy mỗi người muốn tới Phật học đường phải chịu chi phí rất nặng. Vừa đóng tiền cơm, vừa lo tiền sách vở, giấy mực v.v... Vì thế ai có cha mẹ hoặc thầy tổ khá giả thì sống tương đối sung túc. Ngược lại ai không được giúp đỡ, thật là thiếu thốn chật vật. Vì tình trạng chênh lệch đó nên trong Phật học đường hay Phật học viện thỉnh thoảng xảy ra những vụ ăn cắp. Mỗi lần xảy ra như vậy tôi thấy nhục nhã vô cùng. Bởi vì người cư sĩ ở ngoài chỉ giữ năm giới, mà giới không ăn trộm họ giữ thật nghiêm chỉnh, thanh tịnh. Còn mình tu, giữ từ mười giới tới hai trăm năm mươi giới, trong đó giới trộm cắp thuộc về trọng giới mà không giữ được thì có đáng buồn không? Đó là đứng về mặt giới luật.

Ở đây tôi đã tổ chức làm sao cốt tránh tệ hại trên, người này dư người kia thiếu dễ sanh ra cái nạn ăn trộm ăn cắp. Cho nên tôi muốn thực hiện cho được tinh thần lục hòa, vì vậy ở đây không ai được quyền giữ tiền. Chỉ có Thủ bổn chi ra cho Tri sự mua sắm đồ đạc hoặc trả tiền nhân công và cho Tri khố đi chợ. Như vậy trong đây chỉ có hai người xài tiền là Tri sự và Tri khố, còn Thủ bổn thì giữ tiền. Ngoài ra trong chúng không ai có xu con nào.

Tất cả nhu cầu trong chúng, ai thiếu cái gì thì Ban Quản chúng cho cái ấy, không để thiếu ăn thiếu mặc, thiếu các nhu cầu cần thiết. Như vậy ở đây ai cũng như ai, sống một cách bình đẳng, đầy đủ tiện nghi không thiếu thốn. Không có gì đòi hỏi mình cần phải có tiền hết. Vậy thì lý do gì lại đi ăn cắp tiền? Thật không thể hiểu nổi!

Thiền viện này là lý tưởng tối hậu của đời tôi, nên bao nhiêu công sức, tâm huyết tôi dồn hết vào đây để lo cho chư tăng tu học. Vậy mà có người vào

đây còn ăn cắp nữa thì không thể tưởng tượng được! Đó là sự thất vọng lớn lao của tôi! Mình đem hết tâm lực lo mọi mặt, mà bây giờ có người làm những việc như vậy, thì còn đạo lý gì! Như vậy công mình làm thật là công dã tràng. Đó là điều tôi rất buồn.

Bởi vậy, người nào làm việc này thật là không tu hành chút nào. Dù mang hình thức người tu nhưng thực tình không tu. Như vậy để cho quý vị biết, trong chỗ đông đảo, nơi tôi chủ trương tu hành chân chánh, mà vẫn có một người tu hành không ra gì, nói thẳng ra là không tu hành gì hết, đang lẫn lộn ở đây. Một con sâu trong rổ rau, mình phải bắt nó ra thì ăn rau mới ngon. Nếu còn con sâu trong đó, cả rổ rau sẽ bị ảnh hưởng không tốt.

Vậy nên toàn chúng lưu tâm kỹ, coi có người nào giả bộ vào tu để phá chúng như vậy, ráng phát hiện để loại ra. Còn không thì tôi cũng nguyện Tam bảo gia hộ, làm sao cho những kẻ tà đó rời khỏi chỗ này sớm chừng nào tốt chừng nấy.

Vừa rồi tôi về Thường Chiếu, được nghe kể lại mấy đứa cháu của tôi có phiền trách rằng: Tôi cất chùa bạc tỷ, trong khi tụi nó nghèo thiếu, tôi không bao giờ giúp. Nghe vậy, một buổi chiều tôi gọi lại nói cho tụi nó hiểu: "Thầy là người tu, tất cả tiền bạc là của Tam bảo chứ không phải của riêng cá nhân. Của Tam bảo mà người tu lấy để xài riêng, hoặc cho con cháu thì đó là tội đọa địa ngục."

Quý vị còn nhớ câu chuyện thiền sư Tông Diễn nuôi mẹ không?

Khi Sư mới mười hai tuổi, một hôm mẹ đi chợ, dặn Sư ở nhà nấu canh cua. Nhưng vì thương xót mấy con cua nên ngài đem ra ao đổ hết. Trưa về, ăn cơm, mẹ hỏi món canh, Sư thật tình thưa lại mọi việc. Bà giận quá xách roi đánh. Sư sợ hãi bỏ nhà chạy mất, sau vào chùa tu hành.

Hơn ba mươi năm sau Sư trở thành vị trụ trì, về quê thăm mẹ, được biết mẹ đang bán nước trà tại một quán nhỏ bên đường. Sư vào quán hỏi han chuyện trước, biết đúng là mẹ mình. Sư hỏi bà có muốn ở chùa không. Trước còn ngần ngại, sau bà lão bằng lòng.

Sư về chùa họp chúng, bàn chuyện đem bà lão bán nước trà về nuôi, đại chúng đều hoan hỷ. Sư cho người đi đón bà lão về rồi cất am tranh cạnh chùa cho bà ở. Mỗi ngày ngài phân công cho bà quét sân nhổ cỏ, đến bữa ăn cơm chùa. Ngài luôn luôn nhắc nhở bà tu hành.

Một thời gian sau bà bệnh, Sư có việc đi xa nên dặn chúng: Nếu ở nhà bà lão có mất thì để bà trong áo quan, đừng đậy nắp, chờ Sư về. Đúng như dự đoán, Sư đi được ít hôm bà lão mất, tăng chúng làm theo lời dặn. Khi Sư về, đến bên áo quan nhìn mặt bà lần cuối rồi đậy nắp lại. Ngài nói to: "Như lời

Phật dạy, một người tu hành ngộ đạo, cha mẹ sanh thiên. Nếu lời ấy đúng xin cho quan tài bay lên để chứng minh." Sư cầm tích trượng gõ vào quan tài ba cái, quan tài từ từ bay lên hư không rồi hạ xuống. Tới lúc đó mọi người mới biết bà lão là mẹ của Sư.

Tuy Sư có nuôi mẹ bằng tiền chùa, nhưng vẫn cắt đặt công việc cho bà làm tùy theo sức khỏe của bà và luôn khuyên nhắc tu hành. Đồng thời Sư không hề tiết lộ cho bà biết mình là con, để tránh tâm niệm ỷ lại.

Qua đó chúng ta thấy người xưa làm việc gì rất là dè dặt, chẳng những sợ tội cho mình mà còn sợ tội cho những người thân của mình, nên không dám nhận cái lợi nhỏ để bị cái hại to. Chúng ta bây giờ cũng nên noi gương người xưa, sống cho hợp đạo lý.

Bởi vậy tôi nói rõ với mấy đứa cháu, tôi không có đồng tiền nào riêng hết. Tất cả tiền của người ta cúng, dù trực tiếp cho tôi vẫn là của Tam bảo chứ không phải của riêng. Vì là của Tam bảo nên tôi không có quyền cho. Nếu lấy cho, tôi sẽ đọa địa ngục và những người được tôi cho cũng sẽ đọa địa ngục, vì họ có tu hành gì đâu mà xài phí của Tam bảo.

Như vậy cần thấy rõ một điều rất quan trọng là nếu mình lợi dụng của Tam bảo để đem về nuôi gia đình, nuôi con cháu thì đó là nhân đọa địa ngục. Mình đọa, con cháu cũng đọa chứ không cứu giúp được gì. Bởi vậy ai có tâm như vậy là tâm đọa địa ngục, lại còn làm lây đến những người thân của mình nữa, không phải là chuyện tốt lành. Vì nếu chỉ nghĩ tới điều tạm bợ trước mắt là có tiền, còn mai kia ra sao không cần biết thì thật là nông nổi khờ dại.

Người biết tu rồi phải thấy xa, của Tam bảo mà đem nuôi người thế gian là cái nhân đọa địa ngục, chứ không phải thường. Đức Phật đã dạy như vậy. Cho nên những người tu chân chánh lúc nào cũng sợ tội, luôn làm sao cho mình và thân quyến tu được. Đời này thà chịu khổ chút ít mà đời sau được an lành, tự tại giải thoát. Người tu mà không tránh điều tội lỗi là đi tìm chỗ đọa chứ không phải tìm đường tu. Thà là ở đời lo kiếm tiền, do bàn tay, sức lực của mình làm ra đem giúp gia đình thì hợp lý. Còn ở trong chùa mà lấy của chùa cho gia đình là trái với đạo lý.

Đó là tôi nhắc cho toàn chúng hiểu rõ ý nghĩa của việc đem tiền Tam bảo về nuôi gia đình hay những người thân. Đó là tội lỗi lớn chứ không phải nhỏ. Nói cho tất cả hiểu, để đừng lầm rằng đem tiền chùa về nuôi gia đình là tốt, đừng bao giờ nghĩ lầm như vậy.

Sở dĩ trong đời tu của tôi, hô lên là có người ủng hộ, chỉ vì tôi không nghĩ đến riêng mình, mà thường lo cho đạo, cho chúng, nhờ vậy mọi việc tôi muốn làm đều làm được không khó khăn. Vậy, có phước là do quyết tâm tu và hết lòng phục vụ đạo, chứ không phải từ sự gian tham của nhà chùa mà được.

Còn một điểm nữa là trong chúng đây, dường như cứ nghĩ mình chỉ lo việc lớn, lo tu hành cho đắc đạo, lo làm những việc to mà coi thường những cái nhỏ. Vừa rồi tôi được nghe báo cáo rằng ở trong chúng, khi quý vị tắm xong không dọn sạch nhà tắm, đi vệ sinh rồi không đóng cửa để gió đập. Quý vị nên cẩn thận từ những việc nhỏ mới thành tựu được việc lớn. Vì nếu việc nhỏ không làm tròn thì việc lớn chỉ nói chơi chứ không thể làm được. Cho nên trong chúng phải nghiêm trang, tề chỉnh, trật tự, vệ sinh.

Đó là những điều tôi nhắc nhở. Mong toàn chúng cố gắng thực hành.

Ngày 13-01 Mậu Dần (09-02-1998)

Hôm nay tôi có một vài vấn đề nhỏ nhắc nhở trong chúng. Tất cả việc làm của chúng ta bao giờ cũng là tương đối, được mặt này thì có mặt khác không được. Như vậy phần được đáng cho chúng ta mừng và tin tưởng năm mươi phần trăm, tất sẽ có điều ngược lại mất mát hoặc đáng buồn cũng tới ba mươi phần trăm. Đó là lẽ thật chúng ta kinh nghiệm trong năm qua.

Những mất mát đó đã xảy ra không những ở thiền viện Trúc Lâm mà còn ở các thiền viện khác nữa. Nếu tôi là người không có chút ít đạo lực vững vàng thì chắc cũng rối đầu lắm. Nhưng nhờ sức tu hành tôi cứ bình tĩnh để mọi việc trôi qua nhẹ nhàng, không đến nỗi có tác động mạnh.

Thông thường, sự tu hành chúng ta càng tiến, càng cao thì trở ngại càng lớn. Chúng ta phải nắm cho vững điều đó, trên đường tu mới không bị thối chuyển; nếu không hiểu sẽ thấy bối rối. Như vừa rồi, tôi thấy không có gì đáng để có người phải rời chúng, tìm cách ở riêng. Chẳng qua là có cái gì đó thúc đẩy, xúi giục rồi tự mình thấy bất an nên đi theo vọng tưởng. Đó là mình đã thua, đã thất bại.

Những sự việc xảy ra trong năm rồi lớn có nhỏ có, hoặc lộ ra ngoài hoặc âm thầm ở trong, đều là chướng ngại đối với người yếu. Còn đối với người quyết tâm tu, đó lại là cơ hội giúp ta thấy rõ những gì làm ngăn trở sự tu hành của mình, để rồi vươn lên, đừng mắc kẹt, không thua nó nữa. Đó là tôi nói kết quả năm qua, tốt xấu đều có. Những gì gọi là ngăn trở rồi cũng chuyển hướng bình thường trở lại.

Giờ đây tôi nói cho tất cả quý vị biết, chúng ta nhìn cho thật kỹ sự truyền bá, sự tu hành, cũng như ảnh hưởng của mình đối với Phật tử, quý vị thấy một năm qua chúng ta gây được lòng tin cho Phật tử gần xa rất nhiều. Ngay trong thiền viện chúng ta, sự tu hành tiến bộ của huynh đệ cũng đáng kể. Phật tử tới lui với chúng ta ngày càng đông thêm.

Như vậy Phật sự của mình đang trên đà phát triển mạnh và nhanh mà tuổi tôi thì càng ngày càng lụn, cũng như ngọn đèn sắp tàn sắp tắt. Vậy trách nhiệm

duy trì đà tiến này là của ai? Không phải của tôi nữa - tôi còn ngày nào mừng ngày đó - mà là của những vị lớn, như Đắc Pháp, Nhật Quang v.v... Quý vị thấy những vị đó có thể thế tôi được không? E rằng tôi ra đi thì quý vị đó chắc cũng sớm theo chân tôi. Người nào cũng là bệnh nhân hết, không ai mạnh khỏe, cũng không ai có sức chịu đựng như tôi.

Như vậy, những vị đệ tử lớn không thay tôi được, ai sẽ thay tôi đây? Vậy là những người hiện có mặt sẽ thay thế tôi để duy trì Phật sự lớn lao này. Đây là tôi nói xa, chưa biết ngày nào tôi từ giã ra đi. Nhưng bây giờ quý vị phải ý thức rõ trọng trách của mình. Trọng trách đó không phải là vô cớ từ đâu chất lên vai mình, mà do mình đã tự nguyện, đã quyết tâm gánh vác để đem chánh pháp truyền bá khắp xứ sở, chẳng những ở xứ sở mình mà ở các nơi khác nữa.

Vậy nên quý vị tự mình phải nhận lấy trọng trách, rồi cố gắng duy trì phát triển, chứ không thể ỷ lại nơi tôi được. Vì sức khỏe của tôi cũng có chừng mực, ngày nào không còn khỏe thì tôi nghỉ việc, khi đó những người có mặt ở đây từ lớn tới nhỏ, mỗi người phải thấy trọng trách của mình.

Ngày xưa, trước năm 1970, tôi thấy rõ ở Việt Nam chỉ có thiền ngoại đạo, ví dụ như thiền xuất hồn, thiền của hội Pháp Hoa ở ngoài Nha Trang... chứ chưa có một đường lối tu thiền rõ ràng, nhất là Bắc tông không có một chủ trương tu thiền cụ thể nào hết. Chỉ có thiền Nguyên thủy của các chùa Nam tông còn khá rõ nét.

Từ năm 1970 mãi đến bây giờ là hai mươi bảy năm, tôi cố gắng gầy dựng, phát triển, coi như đó là một chủ trương của cá nhân tôi. Quý vị thử kiểm lại, đầu tiên tại Chơn Không chỉ có mười người, rồi từ từ biến thiên, từ một thiền viện Chơn Không rất đơn sơ, lần lần đến các Chiếu, lên tới đây. Bây giờ nhìn trở lại Chơn Không và các Chiếu, quý vị thấy thiền viện nào cũng quy mô, đông đảo.

Như vậy từ con số không mà tôi cố gắng gầy dựng, duy trì, phát triển cho tới ngày nay được rỡ ràng như vậy, chẳng những trong nước mà cả ngoài nước. Chẳng những tại đây mà cả ngoài Trung ngoài Bắc người ta cũng biết. Vậy từ đây về sau là trách nhiệm của quý vị có mặt ở đây. Nhất là những người lớn, những người đã có niềm tin chắc chắn rồi, phải có bổn phận tự nhận lấy trách nhiệm, kế thừa và tiếp nối. Đừng để một ngọn đèn vừa cháy sáng phải tắt liền. Không thể nào tôi tịch rồi, mọi việc theo tôi mà tiêu mất. Như vậy thật là đáng buồn!

Chúng ta thấy chư tổ ngày xưa, như tổ Bồ-đề- đạt-ma sang Trung Hoa, chỉ mình ngài chịu cực khổ và khó khăn, tìm được một đệ tử là tổ Huệ Khả, rồi từ đó truyền nối mãi cho đến ngày nay. Trên một ngàn năm rồi vẫn còn có những

người tiếp nối. Nay tại Việt Nam chúng ta, chẳng lẽ tôi gầy dựng được dòng Thiền, rồi sau tôi liền tắt ngấm?

Cho nên tất cả quý vị ở đây và những người chưa lãnh trách nhiệm đều phải ý thức rõ ràng rằng: Chúng ta cần nối tiếp ngọn đèn tổ cho được sáng rực chứ không nên để lu mờ. Vì vậy mỗi người phải có ý thức cụ thể, dù khó hay dễ, dù vui hay buồn, trong công tác Phật sự mình phải một lòng một dạ, chết sống cũng làm cho tròn. Giữ cho được những gì người đi trước đã làm, thì mai sau Phật giáo Việt Nam mới có cơ hội sáng sủa hơn, tốt đẹp hơn.

Nếu một vị nào đó vì lẽ buồn phiền, bực bội muốn rút lui, rồi ai cũng có thái độ như vậy, thì mai kia tôi tịch rồi không biết sẽ ra sao, trách nhiệm đó ai chịu? Vì vậy nên hôm nay, với những kinh nghiệm năm cũ, tôi nhắc cho tất cả chư tăng có mặt ở đây, mỗi người phải ý thức việc làm của mình. Quý vị phải làm sao tự thắp sáng ngọn đuốc, ngọn đèn của Phật tổ, rồi phải mồi phải truyền cho những người xung quanh mình cùng sáng, không để tắt mất.

Cần có nguyện lực mạnh, quyết tâm dũng mãnh để làm tròn sứ mệnh của mình. Đến ngày nào hết duyên ra đi thì người khác tiếp tục duy trì. Đó là trách nhiệm chung chứ không của riêng ai.

Thực tình Phật sự này không phải thầy tổ tôi giao, cũng không phải Phật bắt tôi làm. Nhưng tôi có mặt trên đời, có mặt trong đạo, tôi cảm thấy phải làm sao cho đời được tốt, cho đạo được phát triển dài lâu. Tâm nguyện của tôi là đem Phật pháp soi sáng thế gian, để những người mê lầm trong cuộc đời này thấy ánh sáng của đạo mà bớt khổ đau. Như vậy chúng ta làm lợi cho đạo mà cũng ích cho đời. Còn nếu mình cứ lôi thôi, hoặc sống cầu an thì Phật pháp ngày mai không biết sẽ ra sao.

Vậy mong trong chúng mỗi vị ý thức được bổn phận của mình mà nỗ lực tu và cố gắng duy trì, phát triển đạo đức, sao cho ngày càng thấm nhuần trong tất cả người dân Việt Nam nói riêng và tất cả chúng sanh nói chung. Đó là sự mong mỏi của tôi, cũng là lời nhắc nhở đầu năm.

Ngày 13-03 Mậu Dần (09-04-1998)

Buổi thỉnh nguyện hôm nay, trong chúng chỉ có một lỗi nhỏ, đó là điều rất tốt. Trong những năm gần đây, chư tăng từ con số năm mươi dần dần đông hơn. Trên đường tu, mỗi năm rõ ràng thấy mỗi tiến, đó là điều rất đáng mừng. Nhưng tôi thường hay nói với toàn chúng, tất cả chúng ta đối với lý đạo có thể dễ thâm nhập, dễ hiểu nhưng đến khi ứng dụng lại khó. Mà khó nhất là tập khí nhiều đời.

Ai đi tu cũng có ý chí liều chết cố gắng tu hành để đạt đạo. Mỗi người ở đây, không ai không có quyết tâm đó. Nhưng lúc tu chúng ta thấy thỉnh thoảng

cũng có xảy ra những chuyện vui buồn, hoặc một hai khi sân hận. Những điều đó đáng lý phải dẹp hết không còn. Nhưng thật sự, tu là một việc, còn tập khí vẫn sống, vẫn ẩn trong tiềm thức của mình, gặp duyên bất giác nó phát ra. Nếu chúng ta chưa đủ đạo lực thì không kìm chế nổi.

Do đó, thỉnh thoảng trong chúng cũng xảy ra những điều sai phạm. Nhưng tôi nghĩ, ai cũng quyết tâm thì tất cả những sai phạm đó từ từ sẽ tiêu giảm. Tập khí tuy lâu đời lâu kiếp, không phải chỉ trong đời này, nhưng nó cũng là thứ không thật. Bởi nó không thật, nên chúng ta quyết tâm tu, nó sẽ tiêu mòn dần.

Cho nên tất cả chư tăng đừng bao giờ có mặc cảm sao mình quá nhiều vọng tưởng, nhiều thói xấu dở. Không nên mặc cảm điều đó. Chỉ nên hổ thẹn là có dở xấu mà không biết sửa, không biết chừa. Đó mới là đáng tội, đáng trách. Chúng ta đều đang tu, không ai là thánh. Đã không phải thánh thì không có ai hoàn toàn tốt, thỉnh thoảng cũng có một hai điều sai quấy. Ví dụ, trong lục hòa có "khẩu hòa vô tránh", mà mình vẫn bị lỗi lời tiếng tranh cãi. Hoặc "ý hòa đồng duyệt", nghĩa là ý hòa để cùng vui với nhau, mà thỉnh thoảng ý cũng có chống đối.

Đối với những điều đó, tôi thường nói: Trong cuộc sống này không ai giống hệt ai. Mỗi người đều có tập khí riêng, do đời này hoặc những đời về trước tập nhiễm. Do đó, khi sống chung với nhau có những điều bất như ý, chúng ta phải khéo điều hòa. Một là xả phần chấp của mình để điều hòa với huynh đệ. Hai là biết rõ mình đang tiến tới chỗ chân thật cứu cánh, thì những tập khí, những bất hòa chỉ là việc trẻ con không đáng phải bận tâm. Phải luôn luôn làm chủ, bỏ qua hết, vượt qua các thói quen cũ.

Nếu tu mà vẫn còn cố chấp những ý niệm riêng tư, cho đó là đúng, là chân lý, rồi sanh ra bất đồng với huynh đệ thì không hay. Bởi vì chúng ta biết rõ những thói quen đó là thói trần tục, phàm phu, phải buông xả hết mới tiến được.

Đó là đối với những thói quen bình thường, với tập khí nhiều đời còn phải cẩn trọng hơn. Thực tình chúng ta ai cũng có những huân tập nhiều đời nhiều kiếp về trước, hoặc hay hoặc dở. Có những điều chúng ta chưa bao giờ dám nghĩ đến mà bất thần vẫn xảy ra.

Ví dụ như chư tăng luôn cố giữ giới thanh tịnh, nhưng đôi khi vẫn mộng thấy những chuyện lôi thôi, thấy những cảnh không tốt mà mình không làm chủ được. Hoặc trong giấc mộng còn những thói cũ trái đạo lý sống trở lại mà mình vẫn theo. Đó là tập khí nhiều đời còn thừa còn sót, nên bây giờ tuy không nghĩ tưởng mà nó vẫn hiện ra.

Lại có những tập khí đến trong lúc sinh hoạt ban ngày. Ví dụ như người nào đó trước là tướng, là quan quyền quen thói nóng nảy la lối. Bây giờ tu rồi,

nghiêm chỉnh nhu nhuyến, nhưng bất thần có một điều gì không vừa ý xảy ra thì tật nóng nảy, la lối cũ cũng trỗi dậy, kìm chế không kịp. Biết vậy rồi, chúng ta thông cảm với nhau, xây dựng cho nhau, đừng vì chỗ bất giác của họ mà cố chấp, gièm pha, không hay.

Tôi nhắc lại một lần nữa, lúc Phật đương thời, ngài Ca-diếp là một vị tu hành hết sức miên mật, đức Phật thường tán thán ngài là vị tu khổ hạnh bậc nhất, và đôi ba lần xác nhận: Ta được cái gì thì Ca-diếp được cái ấy, ta biết cái gì thì Ca-diếp cũng biết cái ấy. Như vậy là Phật tán thán ngài Ca-diếp có cái nhìn cái biết đồng với Phật.

Thế mà một hôm, khi thần Càn-thát-bà đánh đàn cúng dường Phật quá hay, bất giác ngài Ca-diếp đứng dậy nhảy múa theo. Thử hỏi một tu sĩ nghiêm trang khổ hạnh mà có hành động như vậy, quý vị chấp nhận được không? Thế nên lúc ấy đại chúng thắc mắc hỏi Phật:

- Ngài Ca-diếp tu hành rất nghiêm chỉnh, tại sao nghe nhạc lại đứng dậy múa?

Đức Phật đáp rằng:

- Trước kia Ca-diếp đã nhiều đời làm nhạc công, nên bây giờ tập khí cũ còn, nghe nhạc quá hay thì tự phát ra như vậy.

Ngài Ca-diếp còn không làm chủ được tập khí của mình thì chúng ta có bảo đảm làm chủ được không? Đó là điều rất đáng sợ! Nên tôi thường nói với chư tăng, dù ai có tu hành khá, đạo lý thâm sâu, cũng đừng bao giờ bảo rằng mình thắng được tất cả tập khí. Trái lại luôn luôn phải dè dặt, đi đâu làm gì cũng phải cẩn thận, đừng tưởng mình sạch hết, đó là lầm. Đến lúc tập khí nổi dậy, dù có ăn năn hối cải cũng đã muộn màng.

Tôi hay nói rằng tập khí của mỗi người thật đáng sợ chứ không phải thường. Vì nó ẩn tàng ở đâu mình không hiểu, mỗi khi gặp cảnh duyên lại bất chợt phát ra, mình không làm chủ được, thật là nguy hiểm! Cho nên tất cả chư tăng phải tự cảnh tỉnh, luôn luôn dè dặt, đừng khinh suất. Khinh suất là cơ hội để tập khí bất giác xuất hiện, lúc ấy hối hận không kịp.

Tôi là người có trách nhiệm hướng dẫn tăng ni, nhìn lại tập khí tôi phải giật mình. Nhiều điều tôi nghĩ không bao giờ xảy ra mà vẫn xảy ra như thường, thật đáng sợ! Nên tôi khuyên tất cả ráng tu chân chánh, thành tâm sám hối mỗi đêm cho bao nhiêu tập khí cũ chóng sạch, được trong sáng thanh tịnh, để đời tu của mình đừng có gì bất trắc xảy ra khiến phải sơ suất, có lỗi với đạo.

Vì vậy, trong huynh đệ nếu thỉnh thoảng có người nào bất thần lộ ra những điều dở xấu của họ thì chúng ta cũng thông cảm. Đó là tập khí nhiều đời chưa tiêu hết được. Vào đây rồi không ai còn muốn tranh hơn tranh thua, hoặc tham

lam, nóng giận gì nữa, chỉ là do bất chợt phát ra. Chúng ta hiểu rồi nhắc nhở, khuyến khích nhau tu, còn hơn là ngồi trách cứ, không bao giờ hết cái dở được. Tập khí chỉ hết khi nào cố gắng tu, nó sẽ tiêu mòn dần.

Tôi thấy rất rõ, chư tăng cũng như chư ni, có nhiều người bình thường thấy rất dễ thương, dễ dạy, nhưng khi gặp duyên gì đó, tập khí nổi dậy không làm chủ được, nên có những lỗi mình không thể lường trước được. Do đó chư tăng, một là nên lấy đây làm kinh nghiệm bản thân để tự dè dặt, luôn luôn miên mật làm chủ, đừng thả lỏng. Hai là khi có huynh đệ nào tập khí nổi dậy chưa thắng kịp, mình cũng thông cảm tha thứ cho nhau. Như vậy trên đường tu mới có thể bền lâu, vững vàng và tất cả chúng ta mỗi ngày mỗi tiến lên một cách vững chắc, nếu còn cố chấp với nhau sẽ không tránh khỏi những chuyện lôi thôi.

Hơn nữa, tập khí người ta thì mình thấy, còn tập khí của mình lại không hay biết. Bởi không tự thấy mà chỉ thấy người rồi phê phán đủ thứ, quên bẵng tập khí của chính mình. Đó là chỗ sơ suất làm cho tập khí cũ sống dậy lâu dài.

Bởi vậy, thỉnh nguyện hàng tháng là để mỗi vị tự kiểm tra lại mình có những xấu dở gì để tự ra trình bày sám hối. Nói cách khác là phát lồ sám hối giữa đại chúng để tiêu mòn nghiệp chướng. Nếu ai không tự thấy lỗi mình thì nhờ huynh đệ có thấy chỉ cho để sám hối. Như vậy là chu toàn nhất, bởi vì không ai là người hoàn toàn tốt đẹp, thỉnh thoảng cũng có chen một hai cái xấu dở theo thói quen cũ.

Vậy nên trong buổi thỉnh nguyện, chúng ta phải tha thiết, chân thành nói lên lòng cầu mong sửa đổi tất cả lỗi lầm. Như vậy trên đường tu sẽ được tiến mãi. Đó là lời nhắc cho toàn chúng nhớ để cố gắng ứng dụng.

Ngày 13-04 Mậu Dần (08-05-1998)

Buổi thỉnh nguyện hôm nay toàn chúng chỉ vài người có lỗi nhỏ, đó là điều rất tốt.

Hôm nay, tôi nhắc nhở một điều thường xảy ra trong chúng. Thông thường, người thế gian vì lòng tham danh lợi, tài sắc, ngũ dục, tham mà không được nên nổi sân, cái đó còn hợp lý. Còn trong giới tu sĩ chúng ta không tham như người thế gian, mà lâu lâu nổi sân là sao? Cái đó có phải là điều phi lý không? Danh lợi tài sắc không mến tiếc, thì cá nhân mình có ai nói nặng nói nhẹ, mình có giận không? Sở dĩ giận là vì bản ngã, sợ mất uy tín, mất danh dự. Ở đây không có danh thì có cái gì để giận?

Hiện nay ở trong chúng, tôi thấy có một số người cũng hay nóng nảy, điều đó không tốt, trái với mục đích mình nhắm. Chúng ta đi tu là để tiêu diệt tham sân si, phá sạch bản ngã, mà có ai nói đụng tới liền nổi sân đùng đùng lên, như vậy là bản ngã y nguyên. Bản ngã còn thì lòng hiếu danh vẫn còn.

Vì vậy, tôi mong tất cả chư tăng từ lớn đến nhỏ phải sống cho hợp đạo lý. Nhất là những khi huynh đệ xúc chạm chút ít đến bản ngã của mình thì nên nghĩ: Tu rồi bản ngã là vô nghĩa không đáng. Không nên tôn trọng bản ngã rồi sanh chống đối nhau, vô tình trong giới tu sĩ chúng ta cũng còn hơn thua phải quấy, đó là điều không tốt. Quý vị đã xả bỏ tất cả mà còn duy trì bản ngã, điều này làm mình tu không tiến và đạo đức bị tổn giảm.

Cho nên mong rằng chư tăng phải thấy rõ điều đó, đừng vì chút lời qua tiếng lại hoặc những câu nói vô tình của người mà sanh sân hận, không tốt. Hoặc giả có một hai việc làm của người khác lỡ trái ý mình, nổi nóng la om sòm cũng là điều không nên có, vì tất cả việc đó đều là hiện tượng của bản ngã còn được coi trọng quá, chưa hề tiêu giảm. Đạo Phật là đạo vô ngã, nghĩa là "cái ta" không có thật. Nó không có chủ thể thì có gì đâu mà phải bênh vực, phải bảo vệ quá đáng cho trái với đạo lý.

Cho nên tôi nhắc nhở tất cả chư tăng ráng giữ lòng mình ôn hòa, nhu thuận để cuộc sống được vui tươi, đừng xảy ra chuyện gì đáng tiếc. Bởi vì những điều xảy ra lúc nóng giận đó, mọi người xung quanh đều nhìn thấy, nhất là nếu có cư sĩ, họ sẽ đánh giá tập thể chúng ta không tốt đẹp.

Nóng giận là chuyện phàm phu, mà ở trong đây tu hành vẫn còn như vậy thì không hơn phàm phu bao nhiêu. Do đó quý vị phải dè dặt. Nếu lỡ nóng giận thì phải khéo né tránh, đừng để sanh ra đụng chạm, rất dở, rất tội lỗi. Đó là lời nhắc nhở của tôi hôm nay.

Ngày 13-05 Mậu Dần (07-06-1998)

Buổi thỉnh nguyện hôm nay toàn chúng đều có tinh thần tự giác, ra giữa chúng sám hối lỗi lầm của mình. Đó là đức tánh rất tốt, còn vị nào chưa thấy được lỗi, nhờ huynh đệ chỉ để sửa cũng tốt, như vậy tinh thần thỉnh nguyện mới đầy đủ ý nghĩa. Tự giác là tinh thần cao thượng, tự mình biết nhận lỗi, sửa đổi những xấu dở thành tốt đẹp.

Chúng ta còn là phàm phu, không ai tránh khỏi lỗi lầm. Khi sống chung với nhau cũng phải làm những công việc lặt vặt, có làm là có va chạm. Vì khi làm có kẻ giỏi người dở, kẻ mạnh người yếu, người siêng kẻ lười, không giống nhau nên rồi cũng có những sai biệt. Từ sai biệt sanh ra bực bội, rồi có những chuyện bất đồng. Mà chúng ta đã là người tu rồi thì bất đồng nào cũng phải hóa giải, đừng để gây chia rẽ, bất an hoặc buồn phiền. Điều đó không tốt, gây trở ngại cho sự tu. Đó là tôi nhắc nhở toàn chúng tinh thần thỉnh nguyện và sống trong tập thể phải nhớ như vậy.

Giờ tôi nhắc thêm trên mặt giới luật, đây nói cho Tỳ-kheo mà Sa-di cũng nên biết để sau này tập cho được như vậy. Trong giới Tỳ-kheo khi nói về pháp Tứ y, trong đó có nhắc chúng ta bốn điều mà Tỳ-kheo phải thực hiện cho được.

1- Bị người mắng không được mắng lại.

2- Ai giận mình không được giận lại.

3- Bị giễu cợt không giễu cợt lại.

4- Bị đánh không đánh lại.

Đó là bốn điều mà ai thọ giới Tỳ-kheo cũng phải giữ. Bây giờ tôi giải thích cho quý vị thấy tại sao bị mắng không được mắng lại. Chúng ta sống trên thế gian này, ngoài tập thể tu hành của mình còn bao nhiêu người thế gian rất phức tạp, kẻ thì quý trọng đạo đức, người lại khinh thường đạo đức, kẻ gian manh, người lương thiện, không ai giống ai.

Trong chỗ phức tạp như vậy, thông thường người có đạo đức thấy người tu thì mến, kẻ không đạo đức thấy người tu sẽ không ưa. Không ưa thì khi thấy cái gì làm họ thiệt thòi đôi phần, họ dễ dàng mắng chửi. Nếu họ là người phàm tục mắng chửi mình, mình mắng chửi lại thì có khác họ không? Người ta không tu mắng chửi mình, mình đã tu mà mắng chửi lại tức hai bên cùng là phàm phu tục tử hết, không có ai là người đạo đức thật.

Bởi vậy Phật mới dạy chúng ta dù có bị mắng chửi cũng không nên mắng chửi lại, như vậy mới rõ ràng ai là người đạo đức, ai là người vô đạo đức. Nếu bên này mắng qua bên kia mắng lại, thì hai người như nhau, đều không có đạo đức.

Đó là ý nghĩa rất quan trọng đối với người tu, nhất là hàng Tỳ-kheo không thể nào quên được điều đó. Nếu quên thì mình giống hệt người thế gian.

Thứ hai, bị người giận không được giận lại. Tại sao người ta giận mình mà mình không có quyền giận họ? Vì họ là người chưa hiểu đạo, chưa biết tu nên cái gì không vừa ý liền giận. Họ luôn cho là mình đúng, nói rằng việc đó đáng giận... Nhưng với người tu chúng ta, mỗi lần giận bị thiệt hại lớn lao trên đường tu. Vì giận dễ thốt ra lời không lành, giận sẽ có những hành động không tốt, làm thương tổn đạo đức của mình. Đó là bên ngoài, còn bên trong khi giận người ta thì lòng mình bất an, rối rắm không thể nào ngồi thiền tu định được, vừa trở ngại sự tu, vừa hạ thấp giá trị đạo đức của mình nữa. Cho nên khi người ta giận mình Phật cấm mình giận lại là vậy.

Thứ ba, người ta giễu cợt mình, mình không được giễu cợt lại. Vì người đời hay đùa cợt khi thấy ai có cái gì lạ. Ví dụ họ thấy mình tu liền nói "thầy chùa nấu canh chua", là sao? Có phải giễu cợt không? Nếu mình giễu cợt lại thì đều là những người nói tào lao tầm bậy. Cho nên thế gian họ giễu cợt mình, mà mình vẫn trầm tĩnh, an nhiên thì sự giễu cợt đó thành vô nghĩa. Nếu mình tìm những lời để cợt lại họ, hay nói cho họ bực tức thì đó là trái đạo lý, mất

tính cách điềm đạm bình tĩnh của người tu. Vì vậy mà Phật không cho giễu cợt lại.

Thứ tư, người ta đánh mình, mình không được đánh lại. Điều này quý vị thấy rất khó phải không? Tại sao rất khó? Đánh tức là xúc phạm đến cơ thể này, thì phản ứng tự nhiên là nó chống trả lại. Nhưng với người tu, lúc nào cũng làm chủ mình, nên những sự vô lễ nếu có tác hại đến thân mình, ta nên lặng lẽ tránh, để giữ cho đúng thái độ người tu. Nếu một ông thầy mặc áo tràng vàng, áo tràng nâu ra đường gặp người nào đó đang bực mình đến đánh, lúc đó mình đánh lộn với họ thì thế gian sẽ đánh giá làm sao? Mình là người tu hay là không tu? Vì vậy trước những kẻ hung hăng chúng ta nên né tránh, đừng để xảy ra chuyện đánh đập lẫn nhau. Làm như vậy trái đạo lý, thiên hạ sẽ chê cười là mình không có đạo đức.

Phật đặt bốn điều này ở bên cạnh các giới trọng mà người xuất gia phải thọ phải giữ. Trong chúng cần hiểu rõ những điều này để sống sao cho đúng, cho tròn với những gì đã hứa trước Phật, nguyện trước chư tăng khi mình thọ giới. Những điều quan trọng đó mà không giữ thì làm giảm giá trị của người tu.

Trong kinh Phật dạy mình phải như đất, dù họ có xoi xỉa, có tiểu trên đất, đất cũng không giận, nhưng thường mình có giận không? Mình bị xoi xỉa một chút thì chịu không nổi. Phật lại dụ chúng ta như nước, nước đem lại mát mẻ cho người, nước còn bị người ta sử dụng để tắm, giặt đồ nhơ uế, mà nước cũng không buồn không giận, người tu cũng phải như vậy.

Do đó tất cả chúng ta tu phải chấp nhận những gì người ta đem tới, dù không tốt mình vẫn giữ được tinh thần đạo lý, vẫn im lặng chấp nhận mà tâm không ô nhiễm thì mới tốt, mới là đạo đức thật. Đừng tỏ ra mình khôn lanh, rồi chống đối người này, cự lộn người kia, đó là dở. Cái khôn lanh đó là thế tục chứ không phải đạo đức.

Ở đây đạo đức là chúng ta ẩn nhẫn, chịu đựng hết những điều xấu dở mà lòng không thù giận, không phiền não. Đó mới thật là đạo đức. Còn nếu thù giận thì đạo đức suy giảm, đưa đến mất hết giá trị của người tu. Vì vậy hôm nay tôi mong tất cả chư tăng đều có tinh thần ẩn nhẫn cao đối với những việc không như ý, đừng nên có tâm phiền não, dấy động làm mất giá trị người tu, người đạo đức.

THỈNH NGUYỆN NI

Ngày 28-10 Đinh Sửu (27-11-1997)

Vừa rồi, có đoàn bác sĩ lên đây khám bệnh, khuyên những vị có bệnh, phải đi trị cho được mạnh khỏe. Tuy là trong chúng không ai xin đi nhưng trong lòng chưa an, bây giờ Thầy nói cho tụi con rõ.

Kỳ trước Thầy về Thường Chiếu, chiều qua Linh Chiếu chơi, ngồi nói chuyện với một số Phật tử, có bác sĩ H tới xem mạch Thầy, cho biết mạch nhảy nhanh và khuyên Thầy nên nghỉ ngơi, đừng làm gì nữa. Nhưng hôm sau Thầy có buổi giảng, rồi kế tiếp phải đi Trà Ôn. Như vậy, nếu nhát gan sợ bệnh thì mọi việc phải đình. Nghe bác sĩ khuyên Thầy chỉ cười thôi và việc của Thầy, Thầy cứ làm. Chủ nhật Thầy giảng rồi sáng thứ hai đi Trà Ôn, về tới nay khỏe luôn.

Thông thường, khi bác sĩ thấy có gì không ổn, họ báo cho mình biết, đó là bổn phận của người thầy thuốc. Nhưng chúng ta, một người tu đừng nên quá yếu đuối, thấy gì cần làm thì làm, dù cho chết cũng làm. Cứ nghe nói có bệnh rồi phát hoảng, buông xuôi hết mọi việc thì suốt đời không làm được gì, không tu tiến được. Tụi con kiểm lại coi ở trong chúng này có ai không bệnh? Người này bệnh tim đi trị ba tháng, người kia bệnh phổi đi trị ba tháng, rồi người nọ bệnh gì đó cũng đi trị ba tháng. Như vậy thiền viện này chỉ lo đi trị bệnh thôi!

Kế đến là vấn đề ăn uống. Sự thật bác sĩ nêu lên điều kiện cho mình sống tốt lành trong sung túc chứ không phải tốt lành trong thiếu thốn. Nếu sung túc thì người giàu theo mới nổi chứ người nghèo không ai làm nổi. Tụi con kiểm lại, nếu mình bồi bổ cho thật đầy đủ, tốt lành thì phải là nhà tư bản. Ví dụ bác sĩ bảo mỗi ngày uống một ly sữa, làm sao có đủ để uống.

Tất cả tụi con nên nhớ sự tu của mình cần có đạo lực và ý chí. Đạo lực thật mạnh và ý chí cho vững thì cái gì cũng lướt qua hết. Nếu tu lơ là, yếu đuối sẽ thấy đủ thứ trở ngại. Như Thầy, người ta cho nhiều loại thuốc và bác sĩ cũng quen nhiều, mà Thầy đâu có đi khám bệnh. Lâu lâu họ tới khám giùm, không thì thôi.

Thầy nghĩ ai cũng có bệnh, nhưng nếu biết thì bệnh lại giúp cho sự tu của mình. Thông thường, người ta nói bệnh là trở ngại. Đó là trường hợp tinh thần yếu, bệnh rồi buồn lo, ngồi thiền, tụng kinh không được, ngày càng lui sụt. Ngược lại, người có đạo lực, khi cơ thể bệnh càng thấy rõ cái thân bại hoại, không ý nghĩa gì hết. Chính vì nhìn như vậy nên mắt trí tuệ được sáng, không còn chấp ngã. Nếu chấp ngã nặng thì tu không tiến.

Khi bệnh, tụi con thấy thân này không ra gì, như đồ bỏ, tụi con sẽ tiến nhiều. Thấy thân bại hoại, bệnh hoạn khổ sở, mình không còn quyến luyến thân, dễ tiến tới chỗ giải thoát sanh tử. Nếu thấy thân quan trọng sẽ sanh yêu quý, vì trọng thân là ái thân, đến lúc mất thân này liền tìm chụp thân khác để trở lại. Còn thấy thân này là vô thường bại hoại, đau khổ nên không còn quyến luyến nó, khi nhắm mắt được tự tại, buông nó dễ dàng. Đó là nhân giải thoát sanh tử.

Bác sĩ lên thăm bệnh là rất tốt. Những gì bác sĩ nhắc nhở, mình làm được cái gì thì làm, như bảo tập thể dục mình làm được, vì cái đó nằm trong tầm tay mình. Những điều quá tầm tay thì cười thôi, coi nó không quan trọng.

Khi Thầy ra Bắc, lên núi Yên Tử, thấy có những người già bảy, tám mươi tuổi mà leo lên đỉnh núi được. Mấy bà già đó gầy ốm, xem chừng như ở quê, đâu có điều kiện sung túc. Như vậy không phải sung túc là sống dai, thiếu thốn thì chết yểu. Người biết sống điều độ hoặc người lao động vừa chừng sẽ khỏe mạnh sống dai. Đừng chăm chút thân này quá, cứ sợ nó thiếu chất này, chất kia rồi cứ lo bồi dưỡng hoài, thành ra lo ăn mà không lo tu.

Vậy toàn chúng nên nhớ, mình là người tu có điều kiện sống của người tu, muốn làm gì đều ở trong cái chừng mực của mình, đừng vượt ra ngoài hoàn cảnh hiện tại. Đây là lời nhắc nhở của Thầy.

Ngày 28-12 Đinh Sửu (25-01-1998)

Hôm nay Thầy nhắc sự tối thiết yếu của việc tu hành, điều này tụi con đã thuộc lòng, không đứa nào không biết. Đó là lòng từ bi.

Trong đạo Phật có hai điểm then chốt là trí tuệ và từ bi. Tụi con tu, nếu trí tuệ viên mãn mà không có lòng từ bi viên mãn thì không thể thành Phật được. Đức Phật là tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn. Giác tha là từ bi, nghĩa là làm cho mọi người được giác ngộ. Muốn thành Phật phải đủ hai điều: Tự mình giác ngộ tròn đầy và giáo hóa cho mọi người đều được giác ngộ.

Vậy, giác ngộ tròn đầy là phần của mình, giáo hóa cho mọi người được giác ngộ như mình là tâm từ bi. Một tu sĩ Phật giáo không thể nào chỉ có một phần giác ngộ cho mình, mà còn phải giác ngộ cho người. Đó là điều không thể thiếu đối với người tu. Muốn giác ngộ cho người thì phải đầy đủ lòng từ bi. Tại sao vậy? Vì nếu không thương người thì mình không chịu khó dạy dỗ, khuyên răn nhắc nhở để họ ra khỏi chỗ mê lầm tăm tối, trở thành sáng suốt được.

Nhưng gần đây Thầy thấy giới tu sĩ có lỗi rất lớn là giác cho người thế tục thì nhiều, mà giác cho huynh đệ thì ít. Đối với huynh đệ xử sự không được từ bi, còn với người thế gian lại rất từ bi. Tu sĩ nào cũng nói mình luôn luôn có

lòng từ bi, cứu độ tất cả chúng sanh để họ được giác ngộ. Thế nhưng lại không có lòng từ bi, dìu dắt huynh đệ qua khỏi biển mê tới bờ giác.

Nếu lòng từ bi của mình chỉ bủa rộng ra ngoài, mà quên mất những người gần gũi thì thật đáng trách. Như thấy gia cảnh nào hoạn nạn, hoặc đang lạc trong mê lầm... thì mình thương xót lắm, còn huynh đệ có hoạn nạn hay mê mờ, mình lại ít xót thương, nhất là huynh đệ cùng ở chung. Đó là điều rất thiếu sót.

Đức Phật dạy Từ bi quán là trước hết phải khởi tâm từ bi thương xót những người thân của mình, như cha mẹ, anh em. Nếu mình được vui thì chan rải cho họ niềm vui như mình. Kế đến là bà con dòng họ, mình đem tình thương bủa khắp cho họ. Cái gì mình vui đều chia sớt cho người đó được vui, đây là chặng thứ hai. Chặng thứ ba, quán tất cả những người ở gần mình, khởi lòng thương họ không sót một người nào, đem tất cả sự an vui của mình chia sớt cho họ. Rồi đến người sơ, là người mình chưa quen biết cũng chan rải san sớt những an vui cho họ. Cuối cùng, đối với những người oán thù, cũng thương họ như người thân, có cái gì lợi lạc đều đem chia sớt. Điểm khởi đầu là người thân, từ từ tới người thù, mình quán được vậy là thành công Từ bị quán.

Như thế, khởi đầu là ở gần, dần dần ra xa. Nhưng một số người tu chúng ta lại nhìn ra xa, không quán ở gần. Nhiều khi huynh đệ nằm gần bên đau đớn khổ sở, mình vẫn tỉnh bơ, nhưng nghe dưới xóm có người nào khổ thì xót lắm, nhiều khi khóc nữa. Như vậy có thật sự từ bi không?

Đối với những người sống chung, cùng tu học với mình, thì phải thương họ như thương mình, đó là lòng từ bi. Có gì vui thì chia sớt, lúc họ khổ mình an ủi, làm sao cho người chung quanh được vui là mình vui, họ khổ cũng như mình khổ. Đừng nên nghĩ đó là nghiệp họ, không liên hệ gì với mình. Phải thương huynh đệ như chính bản thân, mới thật là từ bi. Tụi con được vậy chưa?

Người tu nếu thiếu lòng từ bi thì không xứng đáng là đệ tử của Phật. Nói là đệ tử Phật thì phải có lòng thương giống như Phật. Chúng ta thường nói rất hay mà chưa thực hiện được, đó là điều Thầy muốn nhấn mạnh. Thầy chỉ mong tụi con thực hành cho được lòng từ bi đúng nghĩa của nó. Ở đây chỉ có năm mươi người, với ai tụi con cũng thấy là người chí thân chí thiết của mình. Một người khổ là cả chúng khổ, một người vui toàn chúng đều vui, thân với tất cả chứ không phải thương mến cá nhân.

Thân với một người mà sơ với mọi người là ái không phải từ bi. Tình thương vì người là từ bi, đạo đức, còn tình thương ích kỷ là ái, là lỗi lầm, làm chướng đạo. Tụi con nên mở rộng lòng từ bi nhưng không có quyền nuôi dưỡng tâm ái. Nếu còn ái nhiễm là đi ngược lại lời Phật dạy.

Tu là mở rộng lòng từ bi thương tất cả chúng sanh, mà trước hết là thương những người sống gần với ta. Chết, sống, khổ đau, đói khát đều chung chịu. Nếu toàn chúng ở đây thấy huynh đệ khổ vui, chia sẻ cũng như bản thân mình thì trong chúng này có gì phiền não không? Chắc là không!

Chúng ta thường thấy người và mình riêng biệt, cho nên họ khổ mình không quan tâm, khi họ vui mình ganh tỵ. Như vậy là lòng từ bi ngày càng khép chặt. Tụi con cần phải thể hiện lòng từ bi, chứ không chỉ giảng nói từ bi. Làm sao tụi con đối với nhau như ruột rà chứ không coi như người xa lạ, vì tụi con là huynh đệ đồng tu, đồng chí hướng, đồng thờ đức Phật làm thầy.

Đã mang dòng họ Thích là con của đức Phật, tức phải đầy đủ trí tuệ và từ bi. Hai cái đó thiếu một là chưa xứng đáng con của Phật, chưa phải là Thích nữ. Như vậy tụi con phải tập mở sáng con mắt trí tuệ, mở rộng lòng từ bi. Muốn vậy, phải ngay ở đây, trong huynh đệ mình thực hiện được điều đó, sống chung vui chung khổ, thương giúp nhau tu hành. Nếu huynh đệ ở gần, cùng tu cùng sống với mình năm mười năm mà không thương nhau, chỉ thương mến người ngoài thì e nhiều khi là vì danh vì lợi, chứ không phải từ bi thật.

Ngày nay, còn ở trong chúng, tụi con không thực hiện được lòng từ thì khi ra làm Phật sự chưa chắc có lòng từ bi. Có khi miệng nói từ bi mà trong lòng tham danh tham lợi. Mục đích người xuất gia là truyền đạo cứu khổ chúng sanh, rốt cuộc mình làm chúng sanh khổ, đó là sai lầm của chúng ta. Nếu ngay trong chúng tụi con thực tình có lòng từ bi thì khi ra khỏi đây, ở nơi nào tụi con cũng đều thực hiện được lòng từ bi đó. Nếu ở một vùng một xóm thì thương hết một vùng một xóm. Nếu ở một tỉnh tụi con thương hết một tỉnh. Đó là thực hiện lòng từ bi.

Ngày xưa, Thầy tuyên bố với mọi người rằng: "Thầy là kẻ nợ của tăng ni." Nghĩa là sao? Thầy là kẻ thiếu nợ nên ai đòi Thầy phải trả. Nhưng Thầy lại nói thêm một câu là: "Ai biết đòi Thầy trả trước, ai chưa đòi thì thôi", vì nhiều chủ nợ quá, trả một lượt không hết. Nếu ai biết đòi thì trả trước, ai không khéo đòi trả sau. Không những Thầy là kẻ nợ của đệ tử mà còn là kẻ nợ tất cả tăng ni. Nhìn lại thiền viện mình, tụi con là đệ tử Thầy hay cũng có đệ tử quý thầy khác. Dù đệ tử thầy khác mà biết đòi, Thầy cũng trả luôn chứ không riêng là đệ tử, đó là tâm nguyện của Thầy.

Nhưng sau này thấy từ bi như vậy vẫn còn hạn hẹp quá, Thầy mới nói lại: "Thầy là kẻ nợ của tất cả chúng sanh." Như mỗi chiều Thầy đem bánh mì cho mấy con chó ăn, có phải Thầy là kẻ nợ của nó không? Tại sao Thầy phải cực như vậy? Vì Thầy thấy người nào, sinh vật nào chung quanh Thầy đều thương. Không phải con chó Pha Lê ở gần Thầy mới thương, thằng Ly Si ở xa lại hay

cắn người Thầy cũng thương. Như Tiểu Hỷ ở gần Thầy thương, mà Tí To hay cắn Tiểu Hỷ Thầy vẫn thương.

Như vậy tụi con mới thấy từ bi là thương tất cả. Không nên đóng khung nơi một người một vật mà phải mở rộng lòng ra. Ai cũng có lòng từ bi tràn trề như vậy thì tâm ái sẽ dứt. Con người thường sẵn có tình cảm, nếu thương bằng tâm từ bi là tình thương bình đẳng tốt đẹp, còn thương bằng tâm ái là thương hạn hẹp rồi đi tới ích kỷ xấu xa.

Người xuất gia phải có tình thương, đó là từ bi. Nếu chỉ có trí tuệ thì khô lắm, người ta sẽ cảm thấy khó gần mình. Nói lý vô thường người ta đâu có hiểu, phải làm sao cảm thông được nỗi khổ của họ, để cùng chia sớt thì mới có thể dìu dắt họ được. Đừng nên gặp người đang khổ đau, khóc lóc hoặc buồn phiền, mình nói: "Ôi, cuộc đời vô thường mà, có gì đâu!", rồi không thèm cảm thông với họ.

Do đó, trong nhà Phật nói: Có trí tuệ không có từ bi là trí tuệ khô, gọi là "càn tuệ". Còn nếu có từ bi mà không có trí tuệ là si, là từ bi ngu. Nên chúng ta học Phật phải có trí tuệ và từ bi. Nhờ có trí tuệ, mình thương tất cả chứ không thương một hai cá nhân. Như vậy tụi con chuyển tình cảm thương yêu riêng lẻ thành tâm từ bi búa khắp, đó là khéo tu. Nếu tụi con không chuyển được, cứ đóng khung ở một hai người là không khéo tu, không từ bi.

Bởi vậy tụi con nên thương tất cả, ai có gì khổ tụi con cảm thông giúp đỡ hoặc an ủi khuyên lơn. Đối với huynh đệ trong chúng, người nào cũng như người nào, thấy ai buồn mình chia sẻ. Nhờ sự cảm thông đó, họ cũng vơi bớt nỗi buồn.

Vậy tụi con khéo tập làm sao mỗi đứa đều có tâm từ bi thật sự từ ngay trong chúng. Từ bi thật sự chứ không phải giả dối ngoài miệng. Tụi con phải chia sớt với nhau những buồn vui, khó khổ để đem lại an lạc cho nhau. Như vậy tụi con sẽ thấy ở đây là Cực lạc. Nếu tụi con ích kỷ hẹp hòi thì ở đây là Ta-bà. Biết thể hiện lòng từ bi, tuy chưa về Cực lạc mà tụi con sống trong Cực lạc.

Ở trong chúng, nếu ai cũng vui tươi hòa hợp, biết thương yêu giúp đỡ chứ không làm phiền hà nhau thì sẽ sống an lành. Từ an lành tụi con tu dễ tiến. Còn nếu mình có ác kiến với người này, chống đối người nọ, tụi con chỉ làm rối nhau, mình không tu được mà người gần mình cũng không tu được.

Như vậy lòng từ là thiết yếu. Tất cả tụi con đừng nên hẹp hòi, phải mở rộng lòng thương hết huynh đệ, rồi ngày mai sẽ thương tất cả chúng sanh. Nếu ngày nay trong huynh đệ không thương nhau mà nói thương chúng sanh thì Thầy không tin nổi điều đó. Tụi con phải thực tế, đừng nói gì xa xôi. Đó là điều thiết thực cuối năm Thầy nhắc nhở, mong tất cả cố gắng thực hiện cho được.

Ngày 28-01 Mậu Dần (24-02-1998)

Hôm nay Thầy có ít lời nhắc chúng, nói để cho chúng có kinh nghiệm, nhất là những người lớn. Gần đây, theo kinh nghiệm riêng của Thầy trong Phật sự, Thầy thấy rõ ràng người ra làm Phật sự thường có những ảo tưởng:

- Ảo tưởng thứ nhất, nghĩ rằng tập thể của mình lúc nào cũng hoàn toàn trong trắng.

- Ảo tưởng thứ hai, nghĩ rằng làm Phật sự chín chắn lúc nào cũng được mọi việc như ý.

Đó là hai ảo tưởng tụi con phải nhớ để rút kinh nghiệm, sau ra làm Phật sự không thấy khó chịu.

Thứ nhất, ảo tưởng tập thể của mình lúc nào cũng đẹp, nhất là cho rằng toàn chúng lúc nào cũng sống đúng lục hòa. Tại sao chúng khó hòa được? Tụi con nhớ lại xem, thân của mình do tứ đại hòa hợp, nhưng thật sự có hòa hợp không?

Nước không ưa lửa, đất không ưa gió, nước lửa đất gió đối chọi nhau, nên chúng ta phải tìm đủ cách để điều hòa. Nếu nó không chọi nhau thì mình đâu có bệnh, mà thực ra lúc nào cái bệnh cũng chực sẵn một bên. Đó là do nước với lửa không hòa, đất với gió không hòa. Nên người tu thật ra thời giờ lo cho đời, cho đạo không bằng thời giờ lo cho mình. Phải lo cho đất nước gió lửa trong thân trước, rồi mới lo việc đời việc đạo được.

Như vậy bản thân mình là bất hòa. Sở dĩ chúng ta còn ngồi yên, được tỉnh táo sáng suốt như thế này là mình phải theo dõi điều hòa luôn luôn, nếu không khéo điều hòa, ít bữa sẽ ngã bệnh liền. Ví dụ như miệng thích ăn ngon một bữa, nhưng ăn quá thì sau đó sinh bệnh. Hoặc gặp trường hợp nóng quá, lạnh quá thì cũng bệnh.

Thân mình là một hợp thể gồm các thứ đối địch. Thế thì nhiều cái hợp thể đối địch đó làm sao hòa lại được, phải không? Đương nhiên là trong đó luôn luôn có sự đối kháng nhau.

Lúc trước có người hỏi Thầy: Nước với lửa, hai cái không hòa nhau, phải làm sao? Thầy trả lời rằng: Tuy nước với lửa không hòa nhau, nhưng nếu mình khéo sử dụng thì có cơm ăn. Nhờ cái này lạnh cái kia nóng, hợp lại nấu chín nồi cơm.

Qua câu chuyện đó, tụi con mới thấy, cuộc sống ở giữa thế gian này là khéo điều hòa. Đừng đòi hỏi mọi người hòa với nhau hoàn toàn. Chuyện đó không có. Nhưng cái khéo của người lớn là phải điều hòa mấy thứ đối chọi nhau đó. Đừng tưởng rằng những người hợp tác với mình, cùng tu với mình đều chung một ý tưởng. Không có điều đó đâu, luôn luôn có những cái đối

địch. Nếu người có trách nhiệm khéo điều được, đó là hữu dụng, nếu không điều được trở thành vô dụng.

Như tụi con thấy, bản thân mình lúc nào cũng phải điều hòa. Khéo điều hòa thì ít bệnh, không khéo điều liền sanh bệnh. Trong tập thể cũng vậy, người lớn nhìn thấy chỗ ưu khuyết của mỗi người rồi điều lại cho hòa hợp, không thì hỏng. Như vậy, cuộc sống giữa đời này là cuộc sống điều hòa chứ không phải mọi thứ đều an ổn theo ý mình, như mình muốn nói một thì ai cũng nói một, nói hai ai cũng nói hai. Không phải vậy! Luôn luôn có sự chống đối. Đó là điều tụi con phải rút kinh nghiệm.

Ngay trong huynh đệ, tụi con cũng phải tế nhị để điều hòa nhau cho được tốt đẹp. Mai kia lớn lên ra làm Phật sự cũng vậy, tụi con đừng tưởng rằng ai hợp tác với mình cũng hợp tình hợp ý hết. Đừng bao giờ nghĩ như vậy! Phải sẵn sàng đón nhận những cái đối nghịch, rồi vận dụng khả năng khéo điều để đi tới hòa hợp nhau.

Ảo tưởng thứ hai là mong mọi việc làm đều được như ý. Tụi con nghĩ, trên thế gian này mọi việc đều như ý được không? Tụi con làm việc nhỏ sẽ có trở ngại nhỏ, làm việc lớn có trở ngại lớn. Không bao giờ mọi việc đề ra đều được trọn vẹn như ý.

Bây giờ Thầy kể kinh nghiệm của Thầy. Từ hồi ở Chơn Không cho đến nay, có lúc Thầy gặp hoàn cảnh rất khó khăn, nếu không kiên trì thì Thầy giải tán chúng cho khỏe. Nhưng Thầy không giải tán chúng mà còn cho xuất gia thêm. Có những người xuất gia mà Thầy không dám bảo đảm có tu trọn đời được không. Phải gan, phải liều chấp nhận cái khó mới làm được việc cho đạo.

Việc làm của Thầy là việc làm trong chỗ liều lĩnh chứ không phải thuận duyên, như T.T lúc xuất gia là quý Thầy làm liều. Rồi đến Chơn Không đang ở êm ấm phải đi xuống Thường Chiếu. Như vậy có phải là một sự thiệt thòi bất như ý không? Người ta tốn khá nhiều nước mắt trong chuyến đi đó, phải không?

Không phải cái gì cũng được như ý mình. Nhưng gặp hoàn cảnh nào Thầy cũng chấp nhận. Nhờ xuống Thường Chiếu sớm nên bây giờ Thường Chiếu được tốt đẹp. Thời gian ở Thường Chiếu, Thầy bị bệnh liên miên, đó cũng là điều bất như ý. Khi lên Đà Lạt, thấy đất đai tốt Thầy muốn xin, nhưng sáu bảy năm sau mới được chấp thuận. Rồi phải tốn hao bao nhiêu mồ hôi nước mắt trong đó nữa.

Như vậy tụi con mới thấy rằng muốn làm việc gì mình cũng phải chịu đựng rất nhiều điều bất như ý. Đừng tưởng cái gì mình muốn đều được người ta hưởng ứng theo. Nghĩ như vậy là ảo tưởng, không có lẽ thật. Bởi vì thế gian này là đối địch, bản thân mình đối địch, nội tâm đối địch. Thiện ác cũng đối

địch nhau, lâu lâu niệm ác lên, niệm thiện liền la rầy, làm cho trong lòng luôn ray rứt, bất an.

Như vậy, nội tâm mâu thuẫn, rồi bản thân mâu thuẫn, thì làm sao xã hội không mâu thuẫn? Người nào làm việc lớn đều phải có sức chịu đựng, biết khéo điều hòa. Đó là sức mạnh làm được việc. Đừng mơ tưởng đi ra rồi nói gì người ta tin nấy. Đừng có ảo tưởng như vậy! Biết đâu năm bảy năm nữa tụi con ra gánh vác việc này việc kia, nếu nuôi ảo tưởng đó là nguy.

Cho nên phải thấy rõ tất cả những gì mình làm đều sẵn sàng có những trở ngại chống đối. Trở ngại chống đối là lẽ thường. Hiểu chắc chắn như vậy, khi bắt đầu làm việc không ngạc nhiên khi gặp những trở ngại. Chúng ta sẽ không buồn phiền than khóc khi thấy mình làm việc lành việc phải mà bị cản ngăn. Đó là những kinh nghiệm thực tế ngay trong bản thân và trong tập thể của mình.

Như vậy, tụi con phải biết trong một tập thể, dù vài người hay trăm người sống chung với nhau, làm sao không có những điều trái nghịch? Với số chúng năm mươi như ở đây, nhất định cũng có những điều chống trái với nhau. Nhưng sở dĩ tụi con ngồi yên tu được là nhờ khéo điều hòa, không phải tự nhiên mà được như vậy.

Bây giờ người ta cho Thầy phục hồi Chơn Không, đó cũng là được như ý rồi. Chơn Không không mất, Thường Chiếu mở rộng, lại có thêm Trúc Lâm nữa. Tuy nhiên, cho phục hồi đó đâu phải tự nhiên được liền, cũng cay đắng nhọc nhằn biết bao nhiêu! Như vậy, mình phải gan lỳ chịu đựng, khéo điều hòa rồi mọi việc mới thành tựu. Nếu ai không hiểu được như vậy thì một lần thất bại sanh ra chán nản, rồi đi đến chỗ buông xuôi.

Vậy tụi con ráng liệu trước, mai kia mỗi đứa đi mỗi nơi làm Phật sự, chừng đó Thầy không nhớ để nhắc lại.

Ngày 28-02 Mậu Dần (26-03-1998)

Hôm nay thỉnh nguyện, trong chúng những vị có lỗi nhỏ vẫn tha thiết sám hối cho ba nghiệp được thanh tịnh. Đó là điều tốt, biết tự giác, cố gắng để tu hành. Ngoài ra, đa số không có lỗi lầm. Mong rằng tụi con cố gắng tu hành mỗi ngày mỗi tiến. Những lỗi đã phạm nhất định phải chừa.

Thầy nói một số giáo lý căn bản để nhắc cho toàn chúng hiểu. Nhiều khi chúng ta học đạo mà không hiểu rõ chánh pháp của Phật, nói ra có những chỗ sai lệch, người ta chê cười. Đây là chuyện hết sức tế nhị. Như nói về luân hồi, nghiệp báo, nhân quả, nhiều người cho rằng đời này mình làm ác thì đời sau chịu tội, đời này mình làm việc lành, đời sau sẽ hưởng quả lành. Đó là lỗi lầm mà không hay.

Đức Phật dạy rằng: Nếu nói đời này mình làm, đời sau thọ nhận, đó là chấp thường; còn đời này mình làm không dính dáng đến đời sau là chấp đoạn. Chúng sanh bị mắc kẹt ở hai bên thường và đoạn. Tụi con có hiểu nổi ý đó không? Đây là điều đa số lầm lẫn. Tại sao vậy? Vì trong nhà Phật dạy, chúng ta tạo nghiệp đời này, đời sau sanh ra chịu quả báo, nhưng chịu quả báo bằng cách nào?

Những người ngoại đạo hỏi Phật: Đạo Phật không thừa nhận có linh hồn, nếu vậy, đời này mình tạo nghiệp lành hay dữ, khi chết rồi đời sau ai ra đời để chịu nghiệp lành dữ đó? Người tu chúng ta nếu chưa nắm vững giáo lý nhà Phật cũng sẽ nghĩ là có linh hồn. Đạo Phật không chấp nhận như vậy.

Bây giờ Thầy giải thích điều đó trước. Tại sao đạo Phật không chấp nhận có linh hồn? Vì linh hồn trùng lặp với cái ngã, bên Ấn Độ giáo gọi là thần ngã, nhân gian gọi là linh hồn. Ví dụ, một người tên A chết đi rồi sanh lại qua đời sau, tên khác nhưng cũng linh hồn A đó. Đây là lối chấp thường của ngoại đạo. Nên tụi con phải biết cho thật rõ điều này, nếu không chúng ta sẽ bị lẫn lộn vì hiểu nghĩa nghiệp báo của nhà Phật một cách lờ mờ.

Phật bảo rằng không có linh hồn, vì linh hồn là một cái nguyên vẹn, từ bé đến già là một, rồi đời này qua đời sau cũng là một. Đó là chấp thường. Theo đạo Phật, chúng ta có thần thức hay nghiệp thức chứ không phải linh hồn.

Thức là cái biết, cái phân biệt, là dòng chuyển biến. Sau này dùng chữ *nghiệp thức* rõ nghĩa hơn. Nghiệp thức là do cái thức mình tạo nghiệp, rồi nghiệp là động lực đẩy thức đi thọ sanh, cho nên nó là một dòng chuyển biến.

Trong đạo Phật gọi cái biết phân biệt của mình là thức, không gọi là linh hồn, vì linh hồn thì không sanh diệt, không đổi thay, còn cái biết của thức là một dòng sanh diệt, nhỏ biết khác, lần lần lớn lên học hành biết khác, thay đổi cho tới già. Thức luôn chuyển biến, không dừng ở một chặng nào hết. Vì cái biết của thức đi theo nghiệp, nên tạo nghiệp lành thì cái biết chuyển theo nghiệp lành, tạo nghiệp ác cái biết chuyển theo nghiệp ác. Ví dụ, ngày xưa còn nhỏ, chơi với mấy đứa bạn dữ, cái biết của mình theo thói dữ, lớn lên gặp những bạn hiền, thì cái biết lần lần chuyển qua hiền. Đó là một dòng chuyển biến chứ không phải là một cái nguyên vẹn thủy chung.

Như vậy, nghiệp thức là cái thức chuyển biến theo nghiệp. Tạo nghiệp tốt xấu, lành dữ thì cái thức liền chuyển biến theo. Còn nếu là linh hồn nguyên vẹn thì tại sao hồi nhỏ xấu, giờ tốt? Hoặc hồi nhỏ tốt, giờ xấu? Nói con người cả đời không thay đổi, trước sau như một thì không có lẽ thật. Trái lại, nghiệp thức là cái chuyển biến, khi chúng ta tạo ra điều lành, dữ thì nghiệp đó sẽ đưa đẩy cái thức của mình đi tới chỗ lành hoặc dữ để thọ sanh.

Ngoại đạo liền đặt câu hỏi rằng: Nếu nghiệp thức chuyển biến thì cái thọ sanh của đời sau có gì liên hệ với đời trước? Đó là cái chấp thứ hai: chấp đoạn. Quan niệm đời trước và đời sau dứt điểm, không hề dính dáng với nhau là chấp đoạn.

Đức Phật trả lời: Đời này mình tạo thiện ác, đời sau nghiệp thiện ác đó đưa đẩy cái thức của mình tới chỗ tốt xấu tùy theo nghiệp lành hoặc dữ. Nó có sự liên hệ nhưng không phải là một. Liên hệ trong cái chuyển biến, chứ không phải liên hệ trước sau là một. Tuy chuyển biến mà không mất.

Đức Phật cho ví dụ: Ở Ấn Độ có tục tảo hôn, gả cưới sớm. Nghĩa là con cái ba, bốn tuổi cha mẹ đã đính hôn cho. Như có hai gia đình sống gần nhau, cả hai bà vợ cùng mang thai. Hai bên hứa hẹn nếu sau này một người sanh trai, một người sanh gái sẽ kết sui gia với nhau. Đến khi con được tám tuổi, hai nhà làm lễ đính hôn cho hai trẻ. Như vậy coi như con gái này là dâu của gia đình kia, còn con trai bên kia là rể của gia đình này. Một thời gian sau, gia đình bên nam làm ăn thất bại, phải dời đi xa. Cô bé tám tuổi đó, lần lần lớn lên tới mười tám tuổi mà bên nam không trở về thăm hỏi gì hết. Nên khi có người đi hỏi cô gái đó, cha mẹ liền gả. Nghe tin này, bên đàng trai trở về kiện với quan tòa, thưa gia đình mới này cướp dâu của họ, yêu cầu quan tòa xét xử. Trước mặt quan tòa, bên đàng trai cũ nói rằng:

Cô gái này tôi đã làm lễ đính hôn cho con trai tôi lúc tám tuổi rồi, bây giờ bên đây cưới cô, đó là cướp dâu của tôi.

Bên kia cãi lại:

- Cô dâu trước của ông là cô bé tám tuổi, còn ngày nay tôi cưới cô này mười tám tuổi. Cô tám tuổi lúc trước là trẻ con, thân bé nhỏ, tâm hồn trẻ thơ. Còn tôi cưới cô này mười tám tuổi, đâu có liên hệ gì. Tôi không cưới cô bé tám tuổi của ông.

Như vậy ông quan tòa phải xử làm sao? Bởi vì cô bé tám tuổi và người con gái mười tám tuổi hình dáng, tâm tư, mọi thứ đều khác. Khác hết nhưng là một hay hai? Tách rời cô bé tám tuổi thì không có cô gái mười tám tuổi, mà xác định cô bé tám tuổi là cô gái mười tám tuổi cũng không được, vì hai bên đều khác. Nếu đem ra cân ký thì hai bên khác biết bao! Đó là nói thể xác, còn tâm hồn cũng vậy, lúc tám tuổi và lúc mười tám tuổi không giống nhau nữa. Vậy thì dường như là khác hết mà không rời cái xưa cũ, phải không?

Do đó kết luận, nghiệp thức là nghiệp đưa đẩy dòng thức đi thọ sanh, tuy rằng đời này đời sau là một dòng chuyển biến nhưng không mất cái gốc ban đầu. Gốc nghiệp ban đầu thiện hay ác đều có chuyển biến nên nói nó là linh hồn nguyên vẹn thì không được. Hiểu như vậy mới thấy giáo lý nhà Phật rất tế nhị, đặc biệt.

Phật lại nói thêm ví dụ thứ hai. Ví như mùa khô trời nắng, có một đám ruộng lúa chín khô. Ban đêm có người cầm cây đuốc đi ngang qua, bất thần một tàn đuốc rớt xuống phát cháy. Từ một đốm cháy nhỏ lan dần hết cả ruộng lúa. Chủ ruộng hay được do người cầm đuốc làm rớt tàn trên ruộng của ông ta nên đi kiện, đòi bắt đền.

Đứng trước quan, bị hạch hỏi người cầm đuốc nói:

- Thưa có! Tôi đi đường có làm rớt một tàn đuốc bằng ngón tay trên ruộng của ông này, vậy tôi xin đền khoảng lúa bằng ngón tay. Còn lửa cháy cả đám ruộng không phải của tôi làm.

Ông ta nói vậy, theo tụi con phải xử làm sao? Tuy tàn lửa rớt bằng ngón tay, nhưng từ nhân nhỏ này làm cháy lan ra cả đám ruộng. Dù cho sau này đám cháy lớn có lan rộng bao nhiêu vẫn không rời đốm lửa ban đầu. Như vậy, tàn lửa bằng ngón tay và lửa cháy trên cả đám ruộng đó, tuy hai mà một. Nói tàn đuốc nhỏ xíu và cả đám cháy mênh mông là một sao được, nhưng nói khác được không? Đó là lý nhà Phật, không phải một cũng không phải khác, tức là lý trung đạo.

Thấy rõ như vậy mới hiểu được lý luân hồi của đạo Phật, không bị mắc kẹt. Nếu nói đời này có linh hồn, chết đi qua đời sau cũng linh hồn đó, vậy tại sao linh hồn là khôn ngoan sáng suốt, lại có người lựa chỗ xấu mà đi? Như thế động lực nào dẫn mình đi luân hồi? Thật ra chính nghiệp của mỗi người là động lực thúc đẩy đi tới chỗ thọ sanh, qua đời khác thọ thân khác. Tất cả đều chuyển biến, nhưng gốc cũ không mất. Cho nên trong Duy thức học nói hằng mà chuyển. Thức thứ tám hằng là thường hằng trong chuyển biến, chứ không phải thường hằng trong cái nguyên vẹn. Bởi nghĩ lầm là nguyên vẹn nên rơi vào thuyết linh hồn, hay thần ngã của Ấn Độ giáo.

Đây là phần giáo lý căn bản trong sự chuyển biến luân hồi từ đời này qua đời khác. Nếu không hiểu rõ thì mắc kẹt, nói một hồi giống như ngoại đạo chấp nhận linh hồn, mình làm rồi chịu đủ, không thể thay đổi. Như vậy là kẹt ở một, đó là bệnh lớn. Cho nên học Phật tụi con phải nghiệm thật kỹ, hiểu cho tới nơi tới chốn, còn hiểu lơ mơ dễ bị lạc.

Hôm nay Thầy nhắc cho tất cả nhớ để tránh hai lỗi đoạn và thường. Hiểu rõ rồi mới thấy giáo lý nhà Phật rất thâm sâu, vi diệu. Tụi con nên nghiền ngẫm lại để thấy cái hay của đạo Phật.

Ngày 28-03 Mậu Dần (24-04-1998)

Trong buổi thỉnh nguyện, những vị nào có lỗi tự thấy ra phát lồ sám hối, còn những vị không có lỗi ngồi tại chỗ yêu cầu chúng chỉ lỗi cho. Đó là tinh thần rất cao. Trong đây, số có lỗi rất ít, chỉ một vài vị có lỗi nhỏ thôi, như vậy

mới thấy sự tu hành của toàn chúng mỗi ngày có những bước tiến đáng mừng. Giờ đây Thầy có ít lời nhắc nhở.

Tất cả tụi con đi tu, nhất là vào thiền viện, nếu kiểm lại thấy mỗi người ở mỗi nơi khác nhau, cha mẹ khác, tập quán sai biệt. Vào đây bắt tụi con phải sống theo lục hòa, chuyện đó đương nhiên không phải dễ. Bởi vì dù con trong một nhà, anh em ruột thịt, có khi cũng không đồng ý với nhau, còn cãi vã hoặc sanh sự lớn nữa. Huống là tụi con khác cha khác mẹ, khác tất cả mà cùng về đây học thì sự hòa hợp rất khó. Nhưng sở dĩ tụi con hòa hợp được là bởi những lý do sau. Thầy nhắc cho tụi con nhớ để ứng dụng tu.

Lý do thứ nhất: Tất cả tụi con đều chung một lý tưởng giải thoát và cùng thờ một đức Phật Thích-ca-mâu-ni. Như vậy Phật là bậc Thầy dẫn đường cho tất cả chúng ta đi đến giải thoát sanh tử. Phật là vị cha lành, là đấng Thế Tôn chung cho tất cả, không riêng của người nào, nên chúng ta cùng thờ, cùng tu theo giáo lý giải thoát của ngài.

Đó là điều thiết yếu cho tất cả tụi con khéo dung hòa để cùng chung sống tu hành, đạt đến giải thoát sanh tử, vốn là lý tưởng tối cao của mình. Vì cùng hướng tới lý tưởng tối cao đó nên những gì nhỏ nhặt, không quan trọng, không đáng kể phải dẹp qua để yên tu.

Tụi con phải nhớ, khi huynh đệ hay người xung quanh mình làm điều gì không vừa lòng, hơi bực bội thì liền buông xả, không nên chứa chấp, nuôi dưỡng. Nuôi dưỡng phiền não là trái hẳn lý tưởng giải thoát. Vì còn phiền não thì làm sao giải thoát sanh tử được.

Lý do thứ hai: Tất cả tụi con đều là người phát tâm tu để tự độ và độ tha, tức là cứu mình và cứu người. Đừng nên nghĩ tu cho riêng mình thôi, không cần cứu độ ai. Khi nghĩ đến làm lợi ích cho chúng sanh, tụi con phải nhớ đó là một việc lớn. Việc lớn ấy không thể nào cá nhân làm được. Nên ngay bây giờ cho đến sau này, tất cả tụi con phải đoàn kết với nhau để cùng làm Phật sự, hướng dẫn những người xung quanh biết sống đạo đức và có lý tưởng giải thoát giống như mình. Đó là mục đích tụi con phải thực hiện.

Độ người giải thoát những đau khổ hiện tại là việc lớn chứ không phải nhỏ. Mà việc lớn nếu đã quyết tâm thực hiện cho được thì phải quên đi chuyện nhỏ. Hơn thua nhau một vài lời nói là việc lớn hay nhỏ? Đó là việc con nít không đáng một xu con, vậy mà nhiều khi hơn thua với nhau rồi sanh ra bực bội, cãi vã, có khi dẫn đến chuyện lớn.

Vậy tụi con phải sáng suốt, lúc nào cũng nhớ: Việc nhỏ không đáng để bận tâm. Dù cho ai có nói cao hay nói gác hơn mình một vài lời, cũng nên thấy đó là chuyện tầm thường, không có gì quan trọng. Chúng ta phải làm sao tu được, ngay trong đời này tỉnh giác hoàn toàn, để rồi đánh thức những người khác

cũng tỉnh như mình, không bị sáu trần trói buộc. Đó là sự tu hành chân chính, mau chóng giải thoát sanh tử.

Nếu tụi con vì những chuyện nhỏ mà hơn thua, hay cố chấp những sai lầm do bất giác của huynh đệ, là những người cùng chung lý tưởng với mình, thì tự thân phải chịu thiệt, không làm nên việc lớn được. Trách nhiệm của tụi con là mai kia phải làm thế nào để cho những người xung quanh có cơ hội hiểu được Phật pháp, tu hành, tiến lên giải thoát sanh tử. Không phải mình là người ăn nhờ xã hội, sống tu được bao nhiêu hay bấy nhiêu, còn ai khổ mặc ai không quan tâm tới. Chúng ta tu theo đạo Phật, Phật dạy phải tự giác rồi giác tha, tự độ rồi độ tha, không phải chỉ độ mình mà không độ người.

Vậy nên tụi con phải cố gắng, muốn làm việc lớn mai sau thì bây giờ phải bỏ đi những điều nhỏ nhặt. Tụi con thấy ngoài đời, trong gia đình vợ chồng, anh em có những lúc giận, đánh chửi nhau nhưng rồi cũng bỏ qua cho nhau. Huống chi tụi con ở đây không có chuyện gì tàn tệ, chỉ do vài lời nói, cử chỉ của những người xung quanh không hợp với ý mình, rồi nổi lên phiền não, đều là việc nhỏ, sao chẳng buông xả cho nhẹ lòng?

Như vậy, tụi con phải nhớ trách nhiệm lớn lao của mình là tự giác giác tha. Phải cố gắng thực hiện cho được thì mới xứng đáng là đệ tử Phật, là người đi trước cầm đuốc dẫn đường cho kẻ đi sau. Nếu không làm được như vậy, tụi con đã trái với sở nguyện, cũng không đúng với tinh thần cao cả của người xuất gia.

Lý do thứ ba, tụi con phải tập tâm hỷ xả tha thứ. Như Thầy đã nói, mỗi đứa tụi con đều khác nhau về nề nếp gia đình, phong tục tập quán của địa phương, cá tính mỗi người..., ngày nay sống chung với nhau thì những cái riêng tư đó phải khéo hòa hợp. Đừng cố chấp mấy cái tật xấu của nhau rồi đâm ra bực bội phiền não, trái lại phải luôn tha thứ, thông cảm vì những xấu dở đó là do tập khí cũ của huynh đệ chứ không phải họ muốn như vậy.

Như ở đây có những đứa tu rất cẩn thận, miên mật mà động tới là nổi sân, là vì tuy họ tha thiết, cố gắng tu nhưng tập khí chưa bỏ hết được. Bây giờ mình thương, tha thứ, bỏ qua những điều dở, đồng thời khuyến khích cái hay để cho họ tiến. Đừng vì lẽ nghe người ta tu hay và miên mật, lâu lâu lỡ có làm điều gì trái đạo lý rồi tụi con bắt lỗi, cho rằng họ không tu hành gì, còn nhiều thứ dở. Nói như vậy là tụi con chưa biết tập khí nhiều đời của mỗi người. Cho nên phải tập tha thứ những sai lầm, xấu dở, sơ sót của huynh đệ để mọi người yên lòng, vui vẻ, quý kính nhau cùng tu. Tụi con đừng nên cố chấp hẹp hòi. Sống trong tập thể, người nào cố chấp nhiều sẽ phiền não nhiều và dễ bị thối thất trên đường tu.

Trong kinh có kể: Thuở xưa tổ Ca-diếp tu rất miền mật. Trong số các đệ tử của Phật, ngài Ca-diếp là khổ hạnh bậc nhất, đạo lý rất thâm sâu. Phật đã nhiều lần tán thán giữa đại chúng: "Ta được tam minh thì Ca-diếp cũng được tam minh, ta có lục thông Ca-diếp cũng có lục thông v.v..." Một hôm vua thần Càn-thát-bà đánh đàn cúng dường Phật, sông núi đất đai đều vang tiếng đàn. Bỗng dưng ngài Ca-diếp đứng dậy múa. Trong chúng lúc ấy ngạc nhiên hỏi Phật, tại sao ngài Ca-diếp tu hành nghiêm chỉnh như vậy mà nghe tiếng đàn lại đứng dậy múa. Phật nói rằng: Ca-diếp nhiều đời về trước đã từng làm nhạc công, cho nên bây giờ nghe tiếng đàn đó không làm chủ được.

Nếu chúng ta thấy ngài múa rồi đánh giá ngài tu hành không ra gì thì không đúng, vì đó là tập khí nhiều đời. Hiểu chỗ này rồi, tụi con đối với huynh đệ dễ cảm thông, tha thứ nhau hơn, trong cuộc sống sẽ vui vẻ hòa thuận. Nếu tụi con không hiểu liền thắc mắc tại sao người đó ham tu, học giỏi.... mà lại còn những cái dở này. Thật ra đâu có ai muốn dở, nhưng vì tập khí cũ còn. Biết vậy nên thương chứ đừng giận, trách. Ngược lại, tụi con cố chấp thì sự tu hành sẽ bị trở ngại.

Thầy mong tất cả tụi con luôn nhớ ba điều Thầy nhắc. Thứ nhất, nhớ mình tu là vì lý tưởng giải thoát sanh tử, cùng thờ chung một đức Phật làm Thầy, nên phải thương yêu, giúp đỡ nhau để sự tu hành được tiến. Thứ hai là phải nhớ tất cả tụi con không ai giống ai, nhưng đều quyết tâm tự lợi, lợi tha nên cùng hòa hợp, chung lo gánh vác Phật sự, không phiền hà buồn trách gì nhau, ráng cùng lo việc lớn, bỏ đi việc nhỏ. Thứ ba là ai cũng quyết tâm tu tốt, nhưng do tập khí nhiều đời vẫn còn nên không tránh khỏi lỗi lầm. Biết vậy rồi mình thương cảm, hỷ xả tha thứ cho nhau. Nhờ đó trên đường tu tụi con được an ổn, tiến bộ mà huynh đệ cũng được an ổn. Nếu tụi con cố chấp thì tự mình lui sụt và những người xung quanh thêm phiền não.

Đó là điều Thầy nhắc cho tất cả tụi con nhớ để tu.

Ngày 28-05 Mậu Dần (22-06-1998)

Hôm nay thỉnh nguyện, quý vị thấy lỗi ra sám hối cho bao nhiêu nghiệp chướng được tiêu trừ, đó là một điều tốt. Kế đây, Thầy có ít lời nhắc nhở toàn chúng.

Tất cả tụi con, nhất là những người đã thọ giới Tỳ-kheo phải nhớ pháp Tứ y đức Phật dạy Tỳ-kheo tăng hay Tỳ-kheo-ni... Bây giờ Thầy nhắc cho toàn chúng, kể cả Thức-xoa và Sa-di-ni cũng phải nhớ thực hành thì mới đúng với tinh thần người xuất gia. Bốn điều đó là:

1- Bị người mắng, không được mắng lại.

2- Ai giận mình, không được giận lại.

3- Bị giễu cợt, không được giễu cợt lại.

4- Bị đánh, không được đánh lại.

Trong bốn điều này tụi con thực hiện được chưa? Đó là pháp căn bản của một Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni. Nếu thực hiện được bốn điều đó thì tụi con có gì bất hòa nữa không? Giả sử khi bị ai mắng mình bỏ qua không mắng lại, thì có gì cãi vã. Ai giận, mình cũng không giận lại thì đâu có phiền hà. Tới người đánh mình, mình không đánh lại mới đúng tinh thần người xuất gia tu đạo giải thoát.

Bởi vậy tụi con tu là phải thực hiện cho được những gì đã hứa trước Phật tổ và những vị truyền giới cho mình. Nếu mình thực hiện được là lợi ích lớn, còn thực hiện không được thì trên đường tu sẽ bị trở ngại. Do đó hiện tại tất cả tụi con, giả sử có người mắng mình, mình không mắng lại. Nhưng người ngoài mắng có thể nhịn nổi, còn huynh đệ mắng nhịn nổi hay không? Tại sao nhịn được với người ngoài lại không nhịn được trong nhà. Tụi con xét lại xem sao? Như vậy là mình tu với người ngoài mà không tu với huynh đệ, không tu với người đồng đạo!

Tất cả tụi con phải nhớ bốn điều này, đó là căn bản cho tất cả người tu. Dầu cho huynh đệ hay người ngoài có lỡ lớn tiếng la mắng mình, hãy xem đó là chuyện không quan trọng, bỏ qua cho tâm được thanh tịnh, cho đức hạnh mình đầy đủ. Bỏ qua không có nghĩa là thiệt thòi. Người biết tu là biết nhường nhịn, tha thứ. Còn người giành hơn từng tiếng nói, từng ý kiến là người chưa biết tu.

Đã là người tu, thì bao nhiêu điều trái ý, xúc phạm mình đều bỏ qua, tha thứ hết. Vậy mới đúng tinh thần của người tu. Nếu mình cố chấp, phản đối hay trả thù lại thì không phải tâm tu. Tụi con từ lớn tới nhỏ phải nhớ những điều này. Sống đúng với đạo lý như vậy, mới xứng đáng với những gì mình đã hứa trước Phật, hứa với các vị truyền giới cho mình. Đó là điều thiết yếu hôm nay Thầy muốn nhắc cho tất cả tụi con nhớ.

Đến chuyện thứ hai, như Thầy từng nói với tụi con là ai nghe tới thiền viện Trúc Lâm, nơi chuyên tu của chư tăng ni, họ đều có tâm trông đợi kết quả tu hành của tụi con. Vừa rồi Thầy được cái thư, có Phật tử hỏi Thầy: "Thưa Thầy, năm nay Thầy đã trên bảy mươi rồi, mà số người tu theo Thầy ở các thiền viện đã được bao nhiêu người có kết quả tốt, Thầy báo tin cho tụi con mừng. Xin Thầy báo tin trên báo Giác Ngộ."

Tụi con nghĩ sao? Họ không nghĩ riêng cá nhân họ mừng thôi, mà muốn cho mọi người cùng mừng. Như vậy tụi con thấy trách nhiệm của mình nặng hay nhẹ? Tụi con tu ở đây có bao nhiêu tấm lòng trông đợi bên ngoài. Tuổi Thầy nay đã bảy lăm rồi, chuyện chết sống đâu có lường được. Nếu Thầy nhắm

mắt, tụi con còn lửng thửng lơ thơ thì ai sẽ nối tiếp công tác lớn lao của Thầy đang làm? Lúc Thầy giảng ở Hà Nội, có người đứng lên hỏi:

- Thưa Thầy, năm nay Thầy già rồi, dưới Thầy có bao nhiêu người đủ khả năng thay thế?

Thầy trả lời theo ngôn ngữ miền Bắc cho họ vui vui một chút. Thầy nói:

- Dưới Thầy cả thảy hơn năm trăm tăng ni. Thầy không hy vọng người nào cũng xứng đáng thay thế Thầy. Nhưng Thầy nghĩ trong năm trăm người đó, cứ một trăm người sẽ có hai mươi người tu có kết quả. Như vậy trong số năm trăm tăng ni sẽ có một trăm người sau này thay Thầy làm Phật sự. Mất một người mà được một trăm thì lời hay lỗ? Nói theo tiếng miền Bắc là Thầy lãi, chứ không có thiệt!

Ở dưới nghe Thầy nói, họ cười. Người Phật tử bên ngoài nghe mình thành lập một nơi chuyên tu, họ rất mừng, hết lòng trông đợi. Như tụi con thấy, hiện tại có một mình Thầy là người đứng ra thành lập bao nhiêu thiền viện, nếu lúc Thầy tịch lại không có người xứng đáng để tiếp tục gánh vác sự nghiệp lớn lao này thì uổng công khó của Thầy. Mọi người lo Thầy bày ra rồi không có ai giữ gìn tiếp nối, nên họ băn khoăn hỏi Thầy như vậy.

Thầy đã dồn hết tâm lực lo cho tụi con, là những người sẽ thay Thầy mai kia. Khi Thầy theo Phật, tụi con sẽ tiếp nối để dòng thiền này càng mở mang, bền vững, chứ không phải chỉ ngang đây thôi. Vì vậy, tất cả tụi con phải nỗ lực tu hành, đừng nên chần chừ mất hết thời gian quý báu của mình, sau hối tiếc cũng không được.

Sau này, tụi con đều có trách nhiệm lo chỗ này chỗ kia, chứ không phải thong dong tự tại mãi như ở trong này. Vì vậy, ngày nay tụi con đem hết nhiệt huyết của mình tu cho có kết quả tốt, để mai kia ra làm Phật sự không bị thất bại. Nếu lúc này tu lơ mơ, tới chừng ra làm Phật sự, đa đoan công việc rồi tu hành không được, tụi con sẽ bị thiệt thòi nhiều. Vậy mong tất cả tụi con cố gắng.

Đến điều thứ ba. Tất cả tụi con, ai cũng phải quý trọng việc tu hành, nhất là trong mùa nhập thất bốn mươi chín ngày hoặc ba tháng, phải dồn hết tâm lực trong sự tu. Mặc dầu khi ở ngoài công việc thiền viện không nhiều, nhưng vẫn phải lăng xăng lo lắng nên tâm tu của mình yếu. Do đó thời gian nhập thất là thời gian quyết liệt.

Khi vào thất rồi mọi việc bên ngoài đều buông hết, để tâm lực dồn cả vào sự tu. Nếu trong khi nhập thất mà có người đem các việc vui buồn ở ngoài vô kể, thì đó là không thương người nhập thất, không quý kỳ nhập thất. Thời gian nhập thất rất hiếm hoi, khó kiếm, nên tụi con phải kính trọng người nhập thất.

Bên ngoài có chuyện gì hay dở, mình cứ để yên đó, chừng nào người nhập thất ra rồi, có gì cần thiết sẽ cho biết sau.

Khi ở ngoài làm việc bận rộn, lợi dụng thời gian nhập thất để quyết tâm tu. Vậy mà trong lúc nhập thất, lại bị chuyện này chuyện kia dồn vô nữa, đó là bị phá chứ không được tu. Như vậy là thiệt thòi. Đó là do tâm không tốt của tụi con, không biết hộ những người tu. Tụi con nhớ trong oai nghi có dạy, nếu một vị tăng hay ni ở gần đơn đang ngồi thiền hay niệm Phật, mình đi ngang phải nhẹ nhàng, đừng làm động, trở ngại sự tu của người ta. Phải quý kính việc tu của người khác, nếu xem thường là tội lỗi lớn. Cho nên tụi con, từ lớn đến nhỏ phải nhớ, không nên đem những việc bên ngoài nói với người nhập thất. Năm rồi Thầy thấy có người biên thư vô thất, vậy là không tốt, không đúng với đạo lý. Người ta đang tu mà mình làm trở ngại, đó là phá hoại người tu, tội rất nặng chứ không phải nhẹ. Nên từ đây về sau cấm tuyệt tụi con, ai nhập thất, dù cho bên ngoài có những chuyện vui buồn tụi con cũng bỏ qua. Đem cơm chỉ đem cơm, hoặc nói đạo lý chứ đừng bao giờ đem chuyện hay dở bên ngoài nói cho người nhập thất biết. Đó là điều không tốt.

Thời gian nhập thất chỉ có bốn mươi chín ngày, mà lâu lắm mới được một lần. Đó là thời gian quý báu, đừng để người nhập thất bị thiệt thòi. Toàn chúng ở ngoài phải giúp đỡ người trong thất tiến tu cho có kết quả để đáp lại tấm lòng khát khao trông đợi của mọi người.

Hôm nay nhân ngày thỉnh nguyện, Thầy nhắc nhở chúng ba điều. Tụi con nhớ để thực hành.

THUỐC ĐẮNG

Trong chúng có những vị có trách nhiệm dài ngày thường bận rộn là hương đăng, tri khách, thư ký và chuyên viên máy móc. Còn tri sự tôi biết là nhiều việc rồi, nhưng chỉ làm một thời gian rồi thay đổi. Nay tôi có vài điều nhắc nhở.

Thứ nhất là hương đăng, ngày nào số khách tới chùa mình cũng khá cao, hương đăng là bộ mặt đầu tiên Phật tử tới lui gặp gỡ. Vì vậy quý vị ráng giữ tâm mình cho được trong sạch đối với khách, cũng như đối với bản thân. Dù điều gì xảy đến mình vẫn vững vàng, sáng suốt. Ngôn ngữ phải nhẹ nhàng, đừng có vẻ cộc cằn, khiến người ta cười thiền viện có những vị tăng không đủ tư cách. Hai là khi nào mình cũng nên vui vẻ, để trong lúc họ lễ Phật, mình đánh chuông, họ cảm tấm lòng tốt của mình ủng hộ tinh thần cho họ.

Kế đó tri khách cũng là bộ mặt của thiền viện. Tri khách là người trực tiếp nói chuyện với khách tứ phương đến thăm viếng. Nếu tri khách hay, khéo, thì thiền viện mình được tiếng tốt, tri khách vụng về hoặc có những đối xử không khéo thì thiền viện mang tiếng xấu. Cho nên tri khách rất là quan trọng.

Vấn đề tôi đặt ra ở đây là dù có đa đoan công việc bao nhiêu đi nữa, mỗi người cũng phải ráng tu. Vì tu là trọng tâm, là bề sâu của mình. Nếu mình làm được chuyện bên ngoài mà thiếu phần tu, tức là thiếu bề thâm hậu, thì mai kia không có đủ tư cách để lãnh đạo chúng hoặc hướng dẫn Phật tử. Làm sao mà mỗi tri khách đều có thì giờ tu và tu được miên mật, nghĩa là ngoài giờ tiếp khách ra, giờ tu vẫn không thiếu. Đồng thời tri khách nên để tâm nghiên cứu thêm.

Đời tu chúng ta không phải chỉ là giảng đạo mà còn phải hành đạo, không phải chỉ dạy Phật tử hiểu Phật pháp mà còn là ông thầy dẫn đường họ đi nữa, nên rất là khó. Bởi vậy mình phải đi trước họ. Nhiều khi nghe mình nói, họ thấy hay quá, nhưng đến chừng thực hành, họ thấy mình chưa tới đâu, sẽ mất lòng tin. Cho nên quý vị tri khách phải ráng tu hành ngày càng thâm hậu. Không nên để mất thời giờ lo những chuyện bên ngoài nhiều quá, chuyện tu hành sẽ bị suy giảm, không tròn bổn phận.

Kế đó là thư ký, một trách nhiệm hết sức nặng của thiền viện. Mọi việc đều phải chạy lo giải quyết cho ổn, nên công chuyện rất nhiều. Gần đây tôi thấy thư ký đi nhiều quá, chuyện này, chuyện nọ. Đi nhiều tự nhiên sự tu phải bị suy giảm, nên tôi cũng hơi nóng ruột. Tôi muốn việc nào quan trọng thì đi, còn không quan trọng lắm nên giảm từ từ, đừng sinh việc nhiều quá, để công tác của mình vừa phải, mới có thời giờ tu. Thật ra ở đây hai ba năm mà sự tu hành không tiến được bao nhiêu cũng uổng. Tuy rằng có được lợi tha nhưng

phần tự lợi thiếu, đó cũng là thiệt thòi. Vậy nên thư ký ráng rút bớt những gì không quan trọng lắm, chỉ đi làm trong giới hạn đặc biệt của mình.

Đến ông chuyên viên, sao thấy ông cứ xách xe chạy hoài, thêm đứa học trò của ông cũng làm hoài, chiều không thấy ngồi thiền. Tôi thấy như vậy là thiệt thòi đó. Làm sao vừa được việc cho chúng, vừa có thời giờ tu cho mình, hai cái đó cân xứng mới tốt. Nếu được việc cho chúng mà sự tu của mình không được, thì cũng thiệt thòi. Lâu dần, đâm ra nản lòng, bực bội, thấy mình tu không tiến, rồi tính chuyện đi đây đi kia. Ai làm nhiều, biết là có phước, nhưng lâu lâu nhìn lại thấy mình tu không bằng huynh đệ, tự nhiên thối tâm rồi có những tư tưởng lung tung.

Vì vậy, cho nên T.H làm việc cho chúng đừng làm quá nhu cầu. Tôi thấy T.H cũng có óc sáng kiến, mai chế máy này mốt chế máy kia. Tuy trong chúng nhờ vậy mà được tiện nghi, nhưng chế được cũng thích rồi muốn làm riết, thì giờ tu không có nữa. Lâu ngày kiểm lại thấy mình thua huynh đệ e sẽ buồn.

Tôi khuyên mấy chú chỉ làm trong giới hạn những nhu cầu thiết yếu thôi, còn những gì không quan trọng, mình bớt lại, đừng có lo quá. Mình muốn lo cho thiền viện đủ hết mọi nhu cầu, mọi vật dụng, nhưng riết rồi mình mất hết thì giờ tu lại đâm ra buồn. Vì vậy phải hạn chế lại, sự tu hành mới được yên ổn.

Đó là tôi nhắc chung mấy vị có trách nhiệm nặng, cố gắng làm sao thu gọn, đừng để sự tu hành bị bê trễ.

Mọi lần Trung Thu ở dưới Thường Chiếu tôi cho ăn buổi tối, có tăng ni, Phật tử chung vui. Nhưng ở đây tôi đã tuyên bố mình không ăn phi thời, mà ăn Trung Thu phải ăn bánh chứ chẳng lẽ uống nước trà không. Ăn bánh tất nhiên là phi thời rồi. Chúng ta phạm giới ăn phi thời thì trái với Thanh quy. Hơn nữa, đây cũng không phải là lễ chính trong đạo. Tôi nghĩ Phật tử thương mình, muốn cho mình nếm vị bánh Trung Thu, thôi thì trưa mười bốn hoặc rằm, chúng ăn bánh Trung Thu lấy thảo. Chúng ta nhớ Trung Thu một chút vậy thôi, khỏi tổ chức lễ. Bởi vì tổ chức lễ, sau này thành thói quen, cứ ăn chiều hoài không tốt.

Ở đây, phần giới luật quy định không nhiều, chúng ta phải nghiêm chỉnh, giữ cho được mười giới, tôi đã quyết chí vậy rồi. Làm sao khi Phật tử đọc bản Thanh quy, người ta nhìn thấy đúng là chư tăng ở đây giữ Thanh quy không sai sót. Nếu Thanh quy viết một đằng, mình sống một ngả, người ta thấy sẽ cười. Họ sẽ nói mình làm lấy lệ chứ không phải thực chất. Toàn chúng phải hiểu điều đó. Vậy ăn Trung Thu ở quá đường chứ không tổ chức Trung Thu riêng.

Nếu ăn Trung Thu rồi nghe tôi nói chuyện này kia, thì tăng ni phải họp chung, mà điều này thật tình tôi đã sợ. Ở đây tăng ni không xa mấy, nếu cứ gặp

gỡ hoài e thành cái bệnh. Bệnh này cũng trầm trọng lắm, cho nên tôi dè dặt. Nhiều nhất là một tháng chỉ có hai buổi học chung. Đó là bất đắc dĩ thôi, chứ tôi cũng không muốn tới lui qua lại nhiều. Mình phải luôn luôn dè dặt để cho sự tu hành không bị trở ngại.

Những vị có công tác cần ra ngoài phải sắp xếp lại. Như ông tri khố, đừng có mỗi ngày mỗi đi, làm sao để cách một ngày đi chợ một lần, ngày đi ngày nghỉ. Nghỉ đó ở nhà để tu, giữ cho đạo lực mình đừng bị suy thoái, chứ đi hoài cũng kẹt. Còn ông thư ký thì phần hộp thư ở bưu điện giao cho tri khố, lâu lâu đi chợ lấy thư luôn.

Còn một điều này nữa, sao hai ông hương đăng cho cô hồn ăn gạo sống? Thường các chùa người ta nấu cháo với muối. Thôi chịu khó kiếm cái nồi nhỏ nhỏ nấu cháo. Cúng cô hồn thì cháo với muối chứ không cúng gạo sống. Bởi vì trong bài kệ mình quán "thất liệp biến thập phương" là bảy hột cơm, hột cháo, biến khắp mười phương, còn gạo làm sao biến?

Vậy mấy chú chịu khó cho ăn chu đáo một chút, mới đúng ý nghĩa của nó, chứ mình đơn giản quá người ta không hưởng được, lòng từ bi của mình không trọn vẹn.

- Thưa Thầy, hay là mình cúng cơm có chế nước.

- Ờ, cũng được. Nghĩa là làm sao cho đúng pháp, chứ trong phần cúng cô hồn thí thực đều là cơm cháo chứ không có gạo.

KT trong mấy tháng qua vì tai nạn nên không sinh hoạt theo chúng, mà được huynh đệ trong chúng chăm sóc lo lắng giùm. Hôm nay đã khỏe, ra chúng sám hối. Tôi nghĩ rằng trên đường tu, K.T và gần nhất là ông K.Đ có những tai nạn bất thần, ngoài ý muốn của tất cả. Nhưng tôi nghĩ, đó cũng là nghiệp quá khứ còn thừa, khi mình tu nó có thể đến bất chợt lúc nào.

Từ đây về sau, khi K.T khỏe rồi, phải biết trong đời hiện tại mình không gây nghiệp ác nhiều, nhưng do nghiệp quá khứ còn thừa nên ngày nay quyết chí tu, tai nạn có thể xảy ra bất thần, không lường trước được. Nhớ vậy mỗi ngày mỗi đêm tha thiết sám hối cho tất cả nghiệp quá khứ được tiêu trừ để trên đường tu không còn chướng ngại nữa.

Tôi xin nhắc lại cho toàn chúng biết, hiện giờ trong chùa mình có người đi ra ngoài điện thoại riêng. Nếu trong chúng ai có chuyện gì cần gấp phải liên lạc với ai đó thì xin quản chúng để gọi điện, không nên xuống trạm điện thoại. Xuống dưới kia có hai lỗi:

Lỗi thứ nhất là tại sao trong chùa có điện thoại mà lại đi gọi nơi công cộng, người ta nghĩ chắc thầy này có chuyện gì riêng tư, không dám gọi điện thoại

chung. Đó là lỗi làm người ta nghĩ mình có điều gian dối mới không giữ đúng tinh thần chung trong chùa.

Thứ hai là trong thiền viện không cho giữ tiền riêng, mà điện thoại công cộng thì phải trả tiền, hỏi tiền đâu ra để trả? Không có tiền trả mà gọi, nghĩa là muốn xin gọi không, xin như vậy người ta cũng phiền. Dầu họ có cho mình gọi không tiền đi nữa, họ cũng không vui, ép bụng người ta. Người ta muốn tìm chút ít lợi để nuôi gia đình mà mình lại làm như vậy là không tốt.

Vậy nên yêu cầu toàn chúng từ đây về sau, nếu ai có chuyện gì cần phải gọi điện, cứ xuống trình với quản chúng rồi gọi bằng điện thoại của chùa, không nên đi xuống trạm điện thoại. Nếu xuống dưới kia thì coi như phạm một điều luật. Luật này mới, hồi trước chưa có điện thoại nên chưa có điều luật đó.

Từ đây tôi nhắc cho tất cả không nên làm như vậy. Thứ nhất là người bên ngoài nghi, rồi trong chúng cũng nghi. Thứ hai là làm phiền người có điện thoại, người ta nể mình không lấy tiền, mà không lấy tiền thì họ thiệt thòi. Đó là hai vấn đề không bao giờ nên có. Vậy trong chúng nhớ dè dặt, đừng làm điều đó.

Quanh hồ Tĩnh Tâm tôi thấy mấy chú gần đây đi ngao du nhiều quá. Lúc trước chính tôi sáng nào cũng đi quanh hồ, có khi xuống tới cổng ba rồi trở lên, đủ cho chân tôi mạnh, nhưng sau này tôi cũng đầu hàng. Sáng Phật tử đi, dân chúng đi, chiều họ cũng đi, nên tôi loanh quanh ở đây rồi qua nội viện ni thôi, chứ không đi ra ngoại viện được. Mình đi, gặp Phật tử không chào hỏi cũng kỳ, chào hỏi nói qua nói lại nhiều quá không tốt.

Vì vậy, tôi nghĩ mấy chú nên dè dặt. Trong này mình đi lên đi xuống ba vòng cũng tốt rồi, lội chi ra ngoài cho cực, gặp nhiều người quá cũng hơi phiền. Hôm nào chiều mát không có người mới nên đi, đi một vòng cho nó thoáng. Còn hôm nào có người thì thôi, cứ ở trong nội viện, đi tới đi lui trong này được rồi. Miễn sao mình có vận động là tốt, đâu cần phải đi ra ngoài mới tốt. Mình tránh bớt duyên, đừng nên tiếp xúc nhiều.

Người ta nói tôi giữ mấy chú còn hơn giữ con gái nữa. Tôi cũng biết tâm chúng sanh kỳ cục. Không biết cái nghiệp chướng gì với mấy ông thầy, mà mấy ông thầy dễ bị người ta thương lắm. Cho nên tôi sợ mấy chú đi lảng vảng bên ngoài, rồi có cô nào cắc cớ chọc ghẹo thì về ngồi thiền hết thanh tịnh. Tôi không muốn cho mấy chú ra ngoài kia là vì vậy, dè dặt vẫn hơn, giữ cho thanh tịnh. Ở trong này giữ gìn cho đạo lực được vững.

Trong kinh Tứ Thập Nhị Chương, đức Phật có dạy: "Nếu có cái thứ hai nặng bằng ái dục thì thế gian không ai tu được." May mà chỉ có một cái nên người ta còn ráng tu được. Như vậy Phật đánh giá ái dục nặng nhất. Do đó tôi muốn mấy chú tránh duyên, để mai kia tuổi lớn, đạo lực vững, lúc đó mình gặp

duyên cũng không bị chướng ngại. Nay trong lúc tuổi trẻ, gặp cái duyên người ta trêu ghẹo, dễ sinh chuyện lôi thôi, mà lôi thôi thì tâm hồn hết trong lắng, sự tu thối chuyển. Vì vậy phải dè dặt, đừng tin mình quá, tới chừng ngã cái đùng hối hận không kịp.

Do đó tôi khuyên mấy chú đừng nên đi chơi chiều khi thấy người ta còn lảng vảng ngoài hồ. Chừng nào không thấy bóng người thì cho đi, còn có bóng người thì đi trong này giùm, đừng đi ra ngoài. Mấy chú đi lơ chơ lỡ họ lén chụp chung hình rồi đồn đại lôi thôi, mệt cho thiền viện mình. Vậy nên ráng dè dặt, đừng vì một hai cái vui nho nhỏ mà làm mất uy tín của mình không tốt.

- Bạch Thầy, gần đây Thầy có cho sửa bên đồi Thanh Lương. Vậy chiều có cho chúng qua chơi không?

- Hôm rày tôi cũng có thấy một số quý tăng của mình đi ra đồi Thanh Lương chơi. Lâu lâu mới cho mấy chú đi xuống dưới chơi một lần, chứ đi riết rồi ngao du xa quá không ai kiểm soát nổi. Tôi chỉ cho vào buổi chiều không có khách thì được đi quanh hồ Tĩnh Tâm cho giãn chân. Nếu muốn đi xa hơn một chút nữa thì cho qua hai băng ghế chỗ đầu đường xuống đồi Thanh Lương. Ngồi ở đó nhìn hồ một chút là được rồi, đừng đi lang thang xa quá. Biết đâu có cọp rình ở dưới, lỡ có gì ai biết mà bênh vực. Nên phải dè dặt, không được đi xa.

Mấy chú đừng tưởng chung quanh mình lúc nào cũng thuận duyên. Có những chuyện bất thường đôi khi mình không lường trước được. Như năm kia ở Thường Chiếu, chư tăng nhập thất giữa trưa mà có cô ghé vô đó. Thành ra có nhiều cái mình không lường trước được, nên phải cẩn thận, có gì mang tiếng không tốt.

Vì vậy chỉ khi nào không có khách, nhớ nghe, không có khách mới đi quanh hồ Tĩnh Tâm. Nhiều lắm là bước xuống đầu đường đồi Thanh Lương, hóng mát một chút rồi vô chứ không đi xa. Đi xa không ai kiểm soát được. Tôi giữ như vậy để tránh những chuyện bất thường xảy ra, gây tai tiếng không tốt cho tập thể.

Trong chúng ở đây cũng còn một ít người thắc mắc chưa rõ chủ trương của thiền viện. Sư ông nói đủ sức nuôi tụi con, chuyện đó không nghi ngờ, Sư ông vẫn giữ lời hứa. Tuy nhiên mỗi ngày chúng phải ra lao động buổi sáng, để người ta thấy là mình có làm việc, không phải người ăn bám xã hội hay chỉ sống nương nhờ. Người ta sẽ thấy các thiền viện cũng có khả năng tự lo liệu phần nào.

Thứ hai là lao động cho có sức khỏe. Hôm trước có mấy dì phước vào nội viện tham quan, người ta hỏi thời khóa ở đây, Sư ông cho họ biết ở đây lao động buổi sáng ba tiếng đồng hồ, còn buổi chiều, tối và khuya ngồi tu. Họ rất

tán thán, vì biết ở xứ Đà Lạt mà không lao động dễ bệnh hoạn lắm. Cho nên, ở đây ai cũng phải lao động. Trời lạnh nếu không lao động thì không tiết mồ hôi ra, những chất phế thải trong người không thải ra được, dễ sinh bệnh hoạn.

Mỗi buổi sáng, tụi con lao động ngoài nắng cho cơ thể mạnh khỏe. Lợi dụng ba tiếng đồng hồ hoạt động ngoài trời mình làm gì đó để có chút lương thực dùng hoặc có chút hoa trái đem bán, như vậy mới tốt. Nếu mình làm không ra gì hết hoặc chỉ làm cầm chừng lấy có thì không kết quả gì mà sức khỏe cũng không tốt. Phải làm việc sốt sắng mới ra mồ hôi.

Sự sắp đặt của Sư ông là muốn giữ gìn cho tụi con ở yên tu, không bị phiền hà khách khứa và cũng là bảo vệ sức khỏe tụi con được lâu dài. Tụi con nên hiểu rõ ý đó. Trong bản nội quy, Sư ông đã quy định là tăng ni hoạt động ba tiếng đồng hồ mỗi ngày. Dù tụi con có cơm ăn nhưng cũng phải làm. Ở ngoài đời có những người giàu mà vẫn phải làm, đâu dám ngồi ăn không. Tụi con ở đây là trong đạo, lại còn trẻ phải nên lao động, vừa để có chút ít phương tiện cho mình, vừa tránh bệnh hoạn, cũng là để cho thiền viện trang nghiêm sạch sẽ. Tụi con đừng nghĩ Sư ông nuôi tụi con được rồi tụi con làm chút chút chơi thôi, từ đó trong chúng lơ là bỏ qua những bổn phận của mình, có hại chung cho thiền viện.

Tụi con nghĩ như nhà tụi con ở cũng phải lau chùi, làm cỏ rác chung quanh. Ở đây nếu không làm gì, riết thành rừng luôn. Cho nên mình sống thì phải làm, như nấu ăn phải có củi, chứ không làm đâu có được. Tụi con phải hiểu cho tường tận, đừng nên làm gì hoặc nói gì gây thương tổn cho người và tạo sự hiểu lầm, điều đó không tốt. Đó là điều thứ nhất Sư ông căn dặn tụi con.

Điều thứ hai, như trong bản Thanh quy Sư ông dạy tụi con sống lục hòa, trong đó có *khẩu hòa vô tránh*, nghĩa là lời nói phải dịu dàng, không tranh cãi, không được lớn tiếng la rầy huống là xỉ xỏ với nhau, cả thân và khẩu không hòa là phạm Thanh quy. Tụi con là người quyết tu thì những tập khí, những thói quen xấu phải bỏ, nếu còn giữ là trái với nội quy Sư ông đã nêu ra. Muốn tu phải sống đúng theo lời Phật dạy và theo luật Phật chế, nếu không chỉ là tu suông, là vô nghĩa. Biết sửa những điều sai quấy mới là tu.

Nếu ở trong chúng mà cứ lo cho gia đình hoài làm sao tu, nên trong Thanh quy phần đầu có ghi phải dứt khoát đời ra đời đạo ra đạo. Ở đời phải lo chuyện hiếu thảo cho cha mẹ, cha mẹ bệnh hoạn phải nuôi nấng cho đến hết bệnh. Còn con nay đã đi tu thì dành phần đó cho người tại gia, nếu tới lui nuôi nấng thì tu hành sao được. Phải có thái độ dứt khoát, cha mẹ bệnh về thăm trong một thời gian nhất định rồi trở lên, chứ không phải cha mẹ bệnh rồi về nuôi ở một hai tháng. Người nào cũng vậy thì sự tu hành sẽ bê trễ, không thể tiến. Bởi vậy ở đây tụi con phải có thái độ dứt khoát, việc gì ra việc ấy.

Nếu ở đời, hiếu thảo là lo phụng dưỡng cha mẹ, thì ở đây trong đạo, hiếu thảo là lấy sự tu hành đạt đạo để cứu độ cho cha mẹ chứ không phải lo nuôi dưỡng. Nuôi dưỡng dành phần cho người tại gia. Phải có thái độ dứt khoát, làm bổn phận con cái hay bổn phận đệ tử trong giai đoạn nào đó thôi, chứ ở luôn bên cạnh bỏ cả sự tu hành là không được.

Sân gốc từ si, mà si là do chấp ngã chứ không có gì khác. Tất cả chúng ta đều thấy mình là quan trọng, nên ai xúc phạm tới mình dễ nổi sân, đó là chấp ngã về thân. Còn về tâm thì cứ cho ý nghĩ mình là đúng, rồi ai làm trái quan niệm, trái ý liền nổi sân, đó là chấp ngã về tâm. Hai thứ chấp ngã đó nếu tụi con xả được thì trên đường tu không còn sân nữa, tụi con mới có trí tuệ. Có trí tuệ mới thấy cái ngã này không đáng gì, hư dối, không thật. Thấy ngã không thật là có trí tuệ, xả được chấp thân tâm một cách dễ dàng không khó, nếu tụi con còn kẹt nơi chấp ngã thì cái sân không xả được.

Thứ hai là tụi con hay có bệnh thị phi. Ở trong chúng với nhau đa số có bệnh nhìn người khác, nên thấy người này dở người kia hay mà quên cái dở của mình đi. Khi thấy người ta dở mình hay nói, rồi mích lòng buồn phiền nhau. Bệnh này khá trầm trọng, tụi con phải dè dặt.

Chính Lục Tổ có nói: "Nếu thấy lỗi người thì lỗi mình trước mắt." Đừng nên thấy cái dở của người ta, cũng đừng nghĩ mình không nói là phụ họa cái dở của người. Nếu nhắc được thì nhắc, không được thì bỏ qua, đừng nên nói qua nói lại với người này người kia không hay, từ việc nhỏ thành việc lớn không tốt. Bệnh của con người là thường thấy lỗi người mà không thấy lỗi mình, bởi vì con mắt ngó ra nên thấy ở ngoài, không thấy ở trong. Cho nên tụi con mới thấy rất hợp lý là khi ngồi thiền mắt mình nhìn xuống, để thấy lại mình chứ không thấy bên ngoài.

Tất cả tụi con chưa ai là Phật, là A-la-hán, nên có những sơ sót, lỗi lầm, mình thông cảm và bỏ qua. Nếu thấy ai có gì dở, mình có khả năng giúp và khuyên để người ta bỏ, đó là một cái hay, nếu không thể khuyên được thì bỏ qua, lo việc mình tốt hơn. Đừng ngó qua ngó lại chẳng những không lợi cho bản thân mình lại dễ sanh ra phiền não, hoặc sanh ác tâm với người khác.

Do đó tụi con nên khéo tu, phải thấy lỗi mình trước. Nếu thấy lỗi người thì khuyên rồi bỏ, đừng ôm ấp. Được như vậy sự tu mới tiến bộ, chứ tụi con nhìn qua ngó lại hoài cả ngày tu làm sao mà tiến, trở lại gây phiền não cho nhau, đó là điều rất dở. Vậy tụi con dè dặt, thường nhìn lại mình, đừng thấy lỗi người. Mong tụi con cố gắng.

Nếu ý nghiệp mạnh, nó rong ruổi nơi này nơi kia làm tâm xao xuyến nhiều, thân sẽ theo đó bị ảnh hưởng. Cho nên khi bắt chân lên tọa thiền, phải khẳng

định trong lòng giờ này là giờ chết, chết từ thân cho đến tâm, đừng chạy theo nó. Nếu ý mình chết thì tâm vọng tưởng dừng, tức là tu thành công.

Trong sự tu hành có gì lạ phải trình cho Thầy biết để hướng dẫn. Đừng nên nói những sự bất thường hoặc cái gì lạ khiến những người xung quanh nói mình khoe, không hay.

Tu làm sao sáu căn đừng nhiễm sáu trần, nếu nhiễm thì nghiệp sanh tử từ đó mà ra. Theo thời khóa tu của thiền viện, đêm nào tụi con cũng phải sám hối nhắc đi nhắc lại lỗi của sáu căn, không để buông lung. Nhắc là để tụi con nhớ mà hành trì, còn nếu tụng rồi không nhớ, không ứng dụng thì tụng đó không kết quả. Vậy khi quỳ đọc lời sám hối sáu căn, tụi con phải lưu tâm, phải chú ý để nhớ điều đó mình có phạm hay không. Nếu không thì mừng, còn có phải sửa chữa, đó là biết tu. Như vậy mới có kết quả, chứ tụi con cứ tụng cho hết bài là không được.

Tụi con từ lỗi lớn đến lỗi nhỏ đều phải dè dặt đừng phạm, vì sau này còn làm Phật sự, lúc đó không có Thầy, tụi con phải làm cho xứng đáng, lợi mình lợi đạo. Chứ tụi con đạo thì hiểu mà hành động, tư cách còn sai sót, sau này làm giảm giá trị của người làm Phật sự, làm lợi ích cho chúng sanh.

Tụi con thấy ở đây khó hơn các nơi khác, những lỗi nhỏ đều phải rầy nhắc, vì tụi con ở đây năm bảy năm rồi sẽ lãnh trách nhiệm nào đó làm Phật sự. Thầy muốn khi tụi con ra làm Phật sự, đứa nào cũng xứng đáng, không bị người ta khinh chê. Vì vậy, Thầy chủ trương thật khó để kìm chế. Đối với đạo lý, tụi con có thể hiểu, thấm nhuần được, nhưng tập khí nhiều đời của mỗi đứa không thể một sớm một chiều mà hết. Nếu để tự do thì những tập khí đó không chừa bỏ được, sau này trở ngại trên con đường làm Phật sự. Vậy nên tụi con được gọt giũa thật kỹ, để khi ra gánh vác Phật sự, làm được tròn và tốt.

Đến đây, tụi con không những học giáo lý để hiểu và tu, mà còn phải sửa những tập khí nhỏ.

Tuy những lỗi nhỏ không quan trọng lắm, nhưng cũng làm suy giảm uy tín, tụi con sẽ không được người ta quý trọng. Nếu tụi con muốn sống tự do thoải mái, thì mai kia sẽ bị chướng ngại nhiều, sẽ bị phê phán nhiều.

Tụi con phải cố gắng nhiếp tâm mình, cố gắng dè dặt thân, khẩu, ý, gìn giữ cho nghiêm chỉnh đừng để sai sót. Đó là điều mọi người sẽ nhìn thấy trước hơn cái tụi con hiểu đạo. Hiểu đạo, nằm thầm kín trong nội tâm mình, còn lời nói, hành động bên ngoài ai cũng thấy được. Vậy nên mình phải dè dặt, cẩn thận để xứng đáng là một người ở Trúc Lâm. Nếu tụi con từ tâm niệm, trí tuệ, hành động đều tốt, đều xứng đáng, đó là niềm vui của Thầy.

Ở đây Thầy chủ trương lục hòa, nhưng kiểm lại thấy tụi con chưa thực hành được. Trong lục hòa có hai cái dễ là thân hòa và khẩu hòa, còn ý hòa khó hơn. Vậy mà khẩu hòa còn phạm, huynh đệ còn cãi lẫy nhau. Trong Thanh quy Thầy cho tụi con bàn luận đạo lý, nhưng lời nói phải nhẹ nhàng tao nhã, chứ lớn tiếng cãi rầy là phạm lỗi *khẩu bất hòa*.

Nếu Phật tử ở xa đến, họ biết được trong Thanh quy Thầy chủ trương tụi con sống lục hòa, nay thấy hoặc nghe tụi con cãi nhau, người ta sẽ đánh giá rằng ở đây Thầy đặt ra những điều luật, những quy chế, mà chúng không làm được, thì thiền viện không còn ý nghĩa, không có giá trị. Mình nói mà không làm được thì đó là nói suông, nói rỗng. Vậy tụi con phải khéo dè dặt, có gì cần bàn cũng hòa nhã, nhỏ nhẹ, không được lớn tiếng cãi rầy. Lớn tiếng không những làm cho nội tâm mình sân hận, mà còn làm cho người chung quanh cười mình chưa thuần thục.

Tụi con mỗi đứa giữ một chút thì hay, chứ mỗi đứa phạm một chút chung lại thành dở. Nên tất cả phải cố gắng kìm chế, gìn giữ mình. Vẫn biết tụi con còn đang tu nên nhiều lỗi lầm, nhưng nếu lỡ có lỗi lầm thì phải chừa bỏ, như vậy mới tu tiến. Đừng nghĩ mình tu mà còn lỗi lầm là xấu hổ, tủi thân. Mình có lỗi, nay bị rầy và được nhắc nhở là đáng mừng. Tụi con nhớ rồi chừa bỏ, như vậy sẽ trở thành người hay. Nếu không biết sửa, không chịu bỏ, tụi con sẽ dở hoài. Rốt cuộc ở năm, mười năm mà không tiến bộ bao nhiêu.

Khi xuất gia tụi con phát nguyện rất mạnh, quyết tu một đời này cho xong tất cả những nghiệp chướng để tu hành mau đạt đạo. Tụi con nguyện như vậy mà khi gặp chuyện nhỏ, vượt qua không nổi, làm trở ngại việc lớn. Như chuyện rầy nhắc đó chỉ cần một chút khéo nhìn, khéo uyển chuyển sắp xếp cách nào đó làm cho nó hay hơn, thì mỗi lần nhắc là mỗi lần tiến. Nếu mỗi lần nhắc là mỗi lần buồn, sau này ai dám nhắc nữa, sẽ trở thành dở.

Tụi con lớn tuổi rồi, lớn tuổi tu thì có nhận thức và nhận định kỹ, trên đường tu không bị thối chuyển. Nhưng cũng có dở là lớn tuổi đi tu thì cái ngã hơi lớn, nên động tới là buồn nhiều, buồn lâu. Chứ mấy đứa nhỏ bị rầy buồn chút thôi, không có nhớ lâu. Tụi con hơi lớn nên ngã cũng to theo, vì vậy phải ráng tu. Tất cả những nghiệp chướng có là do mình cố chấp. Nếu có chỗ dở, được nhắc được chỉ liền hoan hỷ chuyển đổi, thì sẽ trở thành người hay, người tốt. Còn tụi con cố chấp, mỗi lần rầy là mỗi lần buồn khóc tủi thân, giả sử như bị rầy năm lần bảy lượt liền thối Bồ-đề tâm, đường tu không tiến được.

Ngày trước các vị thiền sư chẳng những bị rầy, mà còn bị mắng chửi nữa, nhưng các ngài thấy ở đó có thể tiến đạo được thì dù khó mấy vẫn vui, vẫn hoan hỷ, để cầu được cái cao siêu hơn. Đâu phải vì một hai cái nhỏ mà sanh buồn phiền, tự ái rồi thối Bồ-đề tâm.

Khi nào bị rầy, bị nhắc tụi con xét kỹ lại có phải mình dở hay không? Nếu mình dở thì cố gắng tập hay hơn, chứ đừng nghĩ sao cứ bị rầy hoài, sanh ra buồn nản. Chính cái buồn nản đưa đến thối tâm. Được rầy phải mừng, vì biết thêm chỗ khuyết của mình, cố gắng sửa để vươn lên. Như vậy tụi con sẽ tiến và hay hơn. Làm sao càng ngày bản ngã tụi con càng mòn đi, thấp xuống thì mai kia ra làm Phật sự mới dễ dàng. Chứ tụi con không dẹp bản ngã, sau ra làm Phật sự trở ngại còn nhiều hơn nữa.

Vậy mỗi đứa phải ý thức rõ, bị rầy không phải là xấu, là dở. Nếu phá trai phạm giới, hay cố chấp mới là xấu, còn được nhắc là cơ hội tốt để mình vươn lên. Nhớ như vậy tụi con sẽ không có gì buồn hết.

Lâu nay Sư ông chủ trương thiền viện Trúc Lâm là chỗ để những tăng ni có thiện chí tu quyết tử trên đường đạo tụ tập về cùng tu. Đã là quyết tâm thì tất cả những cái khó trong cuộc sống cũng như trong sự tu đều phải vượt qua hết, lấy sự tu làm trên, không được coi thường. Vậy mà ở đây thời gian qua có một người trong chúng tới phiên nhập thất lại không thèm nhập. Sư ông ngạc nhiên vô cùng. Đó là điều sai thật là sai.

Ở đây tụi con lâu lắm qua mấy năm mới tới phiên, nhập thất là chuyện hiếm có hy hữu mà lại từ chối. Vậy là đối với sự tu hành không quan tâm, không coi trọng. Nếu không trọng sự tu hành thì tụi con không đi đúng đường lối ở đây rồi. Ở đây đặt sự tu lên trên hết, còn làm việc cho chúng là phụ. Tụi con lo làm việc cho chúng mà không chịu tu, điều đó không chấp nhận được. Nếu con thích tu thì ở đây tu, còn không thích thì về các thiền viện hoặc các chùa để lo những chuyện khác. Ở đây mà không chịu nhập thất tu là trái hẳn với chủ trương và đường lối của Sư ông rồi.

Sư ông không muốn tụi con về đây để làm cho thiền viện đẹp và chùa có tiếng, mà cốt yếu là lo cho tụi con tu. Ở đây có thời gian chuyên tu để tăng trưởng đạo lực, vậy mà bỏ phiên nhập thất nghĩa là sao? Dở sẽ càng dở thêm chứ không thể nào tu tiến được.

Ở đây mà tu lơ là thì uổng đi lòng trông đợi của Sư ông. Sư ông muốn tụi con tu hay, tu tốt, để mai kia thành người xứng đáng ra lãnh đạo dạy dỗ cho người. Sư ông không mong tụi con ở đây làm công quả rồi nuôi cái dở hoài. Tụi con nhất định phải tu tiến, tu mạnh chứ không tu lôi thôi. Ai ở đây mà tu lôi thôi, Sư ông không chấp nhận.

Vậy con xét kỹ lại, nếu quyết tử tu thì ở lại, còn nếu muốn tu vừa phải để gieo nhân đời sau thì cứ về dưới tu từ từ. Tới phiên nhập thất, ai nấy đều hồ hởi vui mừng, riêng con lại không chịu nhập thất, trái hẳn đường lối ở đây. Sư ông nói để con biết được đường lối Sư ông tổ chức, chứ không phải ghét bỏ gì mà bảo con đi. Con xét lòng mình, nếu quyết tâm chết sống thì ở đây tu.

Tụi con ai cũng thấy và nhận được đạo lý, nếu thật thấm nhuần thì những tập khí nhiều đời cũng mòn mỏng dần. Nhưng vì tập khí quá sâu dày mà đạo lực chưa theo kịp, nên không tránh khỏi những khi bất giác không làm chủ được, sanh ra những chuyện không tốt, làm cho Thầy không vui. Tụi con biết đó là lỗi ra sám hối, Thầy cũng thông cảm.

Thầy thường nói, dạy cho người tu là dạy người ta biết được những gì dở xấu đang còn tích lũy, đồng thời chỉ cách để dẹp sạch, bỏ hết. Tụi con vì tập khí làm cho Thầy không vui, nay biết đó là lỗi, xin sám hối để chừa, từ đây về sau càng ngày càng tiến bộ hơn, thấy rõ chánh pháp và sống đúng chánh pháp, đem lại sự an ổn cho mình và cho mọi người. Được như thế là Thầy mừng.

Thấy lỗi và biết sửa là rất tốt, còn thấy mà không chịu sửa là xấu. Nay thấy được điều dở, tụi con phải chừa không để tiếp tục. Nếu nói tu là không có lỗi, chuyện đó quá đáng, vì ai cũng là phàm tăng phàm ni, không sao tránh khỏi những sơ suất. Thầy mong những sai sót của tụi con trong năm qua, không bao giờ tái diễn. Được như vậy là chỗ tiến bộ của tụi con và là niềm vui của Thầy.

CÂU CHUYỆN BUỔI CHIỀU

Thầy thương tất cả tụi con cũng như thương hết mọi người. Lý do gì Thầy thương?

Nếu chúng ta thương người vì người đó đói thì người no mình không thương, thương người nghèo thì người giàu không thương, thương người tật nguyền thì người lành lặn không thương. Nói tóm lại, nếu chúng ta thương người trong một phạm vi nào đó thì lãnh vực ngược lại mình không thương. Như vậy tình thương đó bình đẳng chưa? Nếu thương người nghèo khổ, người quan quyền không thương, tức là không bình đẳng. Bây giờ phải làm sao giống tình thương của Phật mới là bình đẳng.

Thầy thương tất cả tụi con cũng như mọi người, vì ai cũng có kho báu mà quên. Có kho báu mà quên để phải đi ăn mày đều là người đáng thương, dù cho đó là ông tổng thống hay người cùng đinh. Cho nên Thầy hết lòng nhắc nhở ngày này qua tháng nọ, chừng nào họ nhận được kho báu mới thôi. Tụi con có còn là cùng tử không?

- Dạ, còn.

Bởi vậy nên Thầy nói hoài chưa thôi. Có kho báu mà không nhận, không biết, để làm kẻ ăn mày đi xin đầu này đầu nọ, sao không thương được! Vì vậy tình thương của Phật và Bồ-tát là tình thương bình đẳng, không nói người này khổ mới thương, kẻ kia sướng không thương. Ai có kho báu mà quên không biết nhận đều thương cả. Nếu họ không có thì giả sử có thương cũng không biết làm sao. Còn họ có kho báu thật sự, mình thấy biết rõ ràng mà không chỉ cho họ nhận, đâu có đành lòng! Tất cả tụi con có là người đáng thương không? Chừng nào tụi con giàu cười ha hả, chừng đó Thầy hết thương, Thầy lo cho người khác.

Sau này tụi con tập thương như vậy mới là bình đẳng, bởi vì ai cũng có kho báu mà không chịu nhận, lang thang chạy đầu này góc kia. Người đời thấy danh lợi tưởng là quý, giả sử ngồi chức to, ít bữa người ta đẩy xuống liền khổ, đâu có gì bền vững? Ở địa vị cao được đãi đằng liên miên, ăn nhiều quá cũng bệnh. Những thứ tạm bợ tưởng là vui, còn kho báu lại bỏ quên không biết, để rồi suốt đời lang thang. Đó là những người đáng thương, dầu ở địa vị nào cũng là người đáng thương. Chừng nào nhận ra được mình có kho báu mới thật an ổn. Như vậy tụi con là bần cùng hay phú gia tương lai?

- Dạ, là con ông trưởng giả mà còn đi lang thang

Bỏ nhà đi là bần cùng rồi. Con ông trưởng giả thì phải biết trở về nhà để lãnh sự nghiệp. Nên trong kinh Pháp Hoa nói Khai Thị Ngộ Nhập: *Khai* là vạch

ra. *Thị* là chỉ cho thấy mỗi người đều có sẵn kho báu. Nhận ra kho báu là *ngộ.* Nắm được của báu trong tay là *nhập*.

Bây giờ tụi con tới đâu rồi? Thầy phải nói hoài là để chỉ cho biết, chừng nào tụi con thấy được Thầy mới an lòng. Khi nhận được rồi, kho báu là của tụi con, tha hồ tiêu dùng.

Như vậy, trọng tâm của đức Phật là chỉ cho chúng sanh giác ngộ. Giác ngộ là nhận ra kho báu nhà mình, còn mê là có của mà quên. Vì mê nên làm cùng tử lang thang đi ăn mày, khi nhận được kho báu rồi, có đầy đủ tất cả, đó là Bồ-tát. Chúng sanh ai cũng có mà không nhận, nếu biết nhận liền được sung sướng. Tụi con ở đây mấy năm nay khai thị có ngộ chưa? Ngộ tức là thấy rõ mình có kho báu. Thầy không học thuốc mà là thầy thuốc. Những người mù Thầy cho thuốc được sáng mắt. Mình có kho báu sờ sờ trước mắt, ngay dưới gót chân mà không thấy, có phải mù không?

- Dạ, mù.

Trong kinh A-hàm, Phật giảng cho các vị ngoại đạo và cư sĩ, họ nghe rồi sáng ra và trình Phật là họ giống như người mù được sáng mắt. Như vậy mới thấy thuốc Phật hay. Chúng ta sẵn có mà không biết, biết các thứ khác mà không biết được cái thật mình. Đang là người mù, được chỉ cho thấy thành sáng, vậy thuốc đó hay không?

Thế gian có thuốc hay nhất cũng chỉ giúp cho con người sống trăm tuổi, còn thuốc của Phật tổ, Thầy chỉ cho tụi con uống thì sống hoài không chết, như vậy hay cỡ nào? Sống trăm tuổi làm sao sánh với cái không có thời gian, vô lượng vô biên. Cho nên, tu quý ở chỗ tìm ra cái sẵn có của mình mà lâu nay bỏ quên. Được cái đó rồi tụi con giàu vô số, là trưởng giả, là người sáng mắt, là người sống dai nhất trên đời.

- Đố tụi con, chúng ta tu có phải là ích kỷ không?

Ích kỷ có hai mặt. Một là chỉ biết có mình, lo cho mình, muốn hưởng được mọi thứ nên những gì bên ngoài đều gom về mình, không nghĩ tới người khác, đó là tầm thường, ích kỷ. Còn chúng ta tu ích kỷ là không làm lợi gì cho ai, chỉ đem hết tâm tư, nghị lực để phản quan, phăng tìm cho ra cái gì là thật mình. Như vậy, hiện tại thì dường như ích kỷ, nhưng sau khi nhận được cái chân thật rồi sẽ làm lợi ích cho tất cả mọi người.

- Định nghĩa ma là cái gì?

Trong nhà Phật nói những gì làm trở ngại, khó khăn, làm thối tâm tu của mình gọi là ma. Tham ái có làm mình thối tâm không? Tán loạn có làm thối tâm không? Tất cả những cái đó gọi là ma, khi chúng ta bị mấy con ma đó quấy nhiễu thì trở ngại sự tu.

Bây giờ Thầy kể chuyện xây cất chùa Lân cho tụi con nghe. Hôm trước có một bản vẽ mô hình chánh điện cất theo lối chữ Đinh (T), cột rất nhiều, phía sau là nhà tổ. Tổng thể chùa hình chữ Quốc (E) nên tối om. Thầy không chịu, nhưng bản vẽ đó Sở Văn hóa đã ký rồi nên bây giờ mình phải họp để bàn lại.

Tụi con phải hiểu tinh thần chùa Thiền tông, chùa Tịnh độ và chùa Mật tông khác nhau thế nào. Chùa Thiền phải rộng rãi, bên trong sáng, ở giữa thờ đức Phật cầm cành hoa sen, gọi là "niêm hoa vi tiếu". Thờ một đức Phật thôi, nếu có thờ thêm thì bên trái là ngài Văn-thù, bên phải ngài Phổ Hiền, là hai vị Bồ-tát tượng trưng cho trí tuệ và hạnh nguyện. Đó là tinh thần của nhà thiền.

Còn chùa Tịnh độ thờ đức Phật Thích-ca hoặc Phật Di-đà, một bên là Bồ-tát Quan Âm, một bên là Bồ-tát Đại Thế Chí. Đức Quan Âm tượng trưng lòng từ bi, Bồ-tát Đại Thế Chí là ý chí mạnh mẽ. Vì đức Phật Di-đà từ cõi tịnh đi xuống cõi uế trược để độ chúng sanh nên phải có tình thương và ý chí. Có nơi thờ Tam Tôn: Ở giữa là Phật Thích-ca, bên trái Phật Di-lặc, bên phải Phật Di-đà, gọi là ba đức Phật quá khứ, hiện tại, vị lai.

Chùa Mật tông thờ Phật rất nhiều, đủ các vị thần, chùa cũng phải âm u. Tại sao vậy? Vì theo tinh thần Mật tông, Phật có tính cách linh thiêng, huyền bí, nên phải tạo khung cảnh ảo huyền để tăng trưởng lòng tin. Mỗi câu chú là một vị thần hộ chú. Người tới chùa Mật thường để cầu nguyện chư Phật, chư Thần hộ trì, ban phước. Vì vậy khi cất chùa phải biết tông phái để thiết kế thích hợp.

Nhưng gần đây, từ thế kỷ XVIII, các chùa miền Bắc, miền Trung và trong Nam đều chịu ảnh hưởng của *Nhị Khóa Hiệp Giải.* Hai thời khóa tụng soạn theo pháp tu của đời nhà Thanh, Trung Quốc. Nhà Thanh thuộc bộ tộc Nữ Chân, sau lấn chiếm và thống nhất toàn lãnh thổ Trung Quốc, họ nương vào Lạt-ma giáo để thực hiện tinh thần kiến quốc, chính sách thống trị Mông Cổ và Tây Tạng. Vì vậy thời này Mật tông thịnh hành. Hai thời khóa tụng: Tối tụng kinh Di-đà, khuya tụng chú Lăng-nghiêm, hoặc Đại Bi, Thập chú. Trong buổi tụng kinh Di-đà có chú Vãng sanh, còn cầu siêu tụng thêm chú Đại Bi. Như vậy nghi lễ hai thời khóa tụng, hai phần ba là Mật, chỉ một phần ba là Tịnh. Cho nên chùa ở ngoài Bắc rất nhiều nhưng âm u.

Còn bên Nguyên thủy, chùa chỉ thờ một Phật Thích-ca vì Nguyên thủy cũng tu thiền. Đó là nói tinh thần các tông phái để tụi con biết, mai kia ra cất chùa thiết kế cho hợp lý.

Thầy nghĩ người tu chúng ta đừng có lo đói thiếu, đừng nên mưu tính gì hết, cứ thật thà tu thì mọi việc đều tốt. Chỉ khi mình không thật tu thì Tam bảo không gia hộ.

Hôm trước có mấy đứa học sinh chết đuối dưới hồ Tuyền Lâm. Trong đó có Linh Thơ về nhập mẹ nó, mẹ nó đi coi bói cho là ma quỷ dựa, nhưng nó nói: "Mẹ không chịu nghe lời con, con ở chùa khỏe lắm, nhưng con đi xa thì phải xin phép hộ pháp, bây giờ mẹ đi lung tung làm sao con theo bảo vệ mẹ được?" Cho nên với con mắt phàm chúng ta không thể thấy hết, chỉ thấy trong giới hạn mà thôi. Tụi con tu đàng hoàng thì hộ pháp luôn ủng hộ, đừng có phóng tâm bậy bạ mà long thiên hộ pháp quở mình. Các ngài ở gần nên thấy tâm mình. Ráng tinh tấn tu, đừng có tâm lăng xăng, lộn xộn. Quyết chí tu thì mọi việc đều tốt.

Tụi con thấy thân này là cái gì, chỉ là một đống xương ráp lại, rồi đắp vô một mớ thịt, mỡ, máu..., ở ngoài bao một lớp da. Như vậy gọi là thân. Bây giờ cái mặt đẹp đó xẻo một lớp da thì còn đẹp nữa không? Không có gì đẹp hết, vậy mà nói mặt cô này đẹp quá, mặt cô kia xấu quá, lóc một lớp da rồi thì ai cũng như ai.

Thân này mai mốt tắt thở đem ra ngoài đào đất chôn, cỡ chừng ba bữa hôi rình có ai dám đến gần không? Vậy thật ở chỗ nào? Còn khỏe mạnh chạy giỡn vui đùa, ai đụng một chút đã nổi nóng, chết rồi thì sao? Bởi vậy cuộc đời là tạm bợ, thế gian không biết, giành giật tự làm khổ, tất cả đau khổ đều từ gốc mê. Cho nên trong nhà Phật nói tất cả nghiệp chướng lôi kéo mình trong đường khổ, không gì bằng mê. Vì vậy người tu Phật phải giác, giác thì hết mê, hết mê là hết đi trong đường khổ. Mỗi lần Sư ông giảng đều nói tới nói lui, nhắc nhở hoài, vậy mà vẫn xưa sao nay vậy, không có bỏ gì hết phải không?

- Dạ, có bỏ chút chút.

- Bỏ chút chút gì mà con chó nhỏ chết còn khóc!

- Thưa Thầy đó là bất giác, trong bất giác mình chưa làm chủ nên quên.

- Tụi con thấy, khi mình hiểu được lẽ thật của đạo rồi thì mới sống đúng tinh thần tu, nghĩa là đi ngược dòng thế gian, phải không? Người ta nói quấy mà mình vẫn cười thì mới là đi ngược dòng. Còn người ta nói quấy, mình tức lên đùng đùng thì ngược cái gì? Bởi vì nói quấy nói phải là hai cái không thật. Biết rõ như vậy liền thôi. Còn như người ta nói phải mình vui, nói quấy bèn giận, vậy là tụi con có thấy lẽ thật không? Tu là đi con đường giải thoát khác với thế gian. Cho nên Phật pháp rất khó đối với người thế gian. Làm cái gì ra tiền, làm cái gì được phước nhiều, hoặc ủng hộ họ làm ăn phát tài thì dễ. Còn nói thẳng lẽ thật khó trăm phần. Vậy mà tụi con vẫn hiểu được, Thầy nói mấy năm nay, nghe hoài không ngán cũng giỏi.

- Thưa Thầy hành mới khó, hiểu thì cũng tạm tạm.

Tụi con thấy Thầy vui vẻ, ít quạu quọ là tại sao? Hơn thua phải quấy là trò đùa nên cái gì cũng cho qua hết. Nếu không vậy thì lúc này cái trán Thầy nhăn mấy nếp rồi. Đủ thứ chuyện phải lo, phải sắp đặt, nhưng tới đâu thì làm tới đó. Ở thế gian, trong một gia đình lo năm bảy người là hết hơi hết sức rồi. Còn Thầy lo thiền viện bên đây, thiền viện bên kia, cử người đi không biết làm có tốt không. Nhưng thôi cứ cử đi, khôn nhờ dại chịu, hơi đâu lo!

Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử từ hôm khởi công tới nay tốn cũng nhiều nhưng Thầy cứ mặc, làm sao thì làm. Thầy cứ ngồi ở đây. Chứ người ta như vậy là chạy ngược chạy xuôi lo lắng. Hôm trước có một Phật tử hỏi Thầy sở phí cất ở ngoài đó bao nhiêu, Thầy nói phỏng chừng hai tỷ. Nhưng bây giờ bản vẽ tính là sáu tỷ. Tiền bươi đâu ra? Tiền đó không ai có trách nhiệm hết, chỉ mình Thầy có trách nhiệm thôi.

Những khi đi giảng, Thầy đâu có hề than thiếu tiền, cứ giảng bình thường. Vậy mà vẫn có tiền cất chùa, đó là cái đặc biệt. Người hay lo thì bóp đầu bóp trán mà lo, chạy sao cho có đủ. Còn Thầy, kể cả ra nước ngoài, Thầy đâu có nói "Tôi đang xây thiền viện Trúc Lâm Yên Tử, ai có khả năng đóng góp thì phụ tôi". Chưa bao giờ Thầy kêu gọi, giảng cứ giảng, cứ thiệt thà cho nên Tam bảo gia hộ.

Tụi con thấy ở đây Thầy có tính làm gì ra tiền không? Có trồng cây bán chút ít nhưng không đủ cho tụi con ăn nước tương nữa. Mà sao có tiền nuôi hoài không thiếu mới ngộ. Vậy mới thấy có phước, cứ quyết chí tu và thật tâm lo cho đạo là không sợ thiếu.

Nhiều khi đi ra nước ngoài, bộ đồ Thầy mặc còn tốt quá chừng, cái áo ấm cũng không tệ, vậy mà Phật tử cứ chạy đi sắm, hối may gấp trong một ngày cho rồi, cái này không vừa may cái khác. Phải chi Thầy rách rưới thì nói tội nghiệp, lo sắm cho Thầy. Chưa từng than gì hết mà người ta lo như vậy, thấy tội! Bởi vậy Thầy nói Thầy là ăn mày chúa.

Phước không thể lường trước được, không thể tính toán làm cái này cái kia mà được. Tự mình tu, làm lợi ích cho nhiều người thì có phước. Cũng như có người đặt câu hỏi, bãi đậu xe ở đây không thâu tiền, mướn mấy người nhân công, rồi nhà vệ sinh, các thứ.... tiền ở đâu ra, không có ai trả lời được. Mỗi tháng tối thiểu ba nhân công làm dưới đó, lấy tiền đâu ra trả lương đây? Lại còn tiền lặt vặt, mà sao tháng nào cũng đủ hết, cũng no ấm hoài, không nghe Thầy than.

Bởi vậy người đời họ không hiểu nổi. Cứ chân thật mà tu, đừng tính toán. Nhiều người nghĩ mình phải ra làm kinh tế tự túc, nhưng khi làm tự túc thì kẹt trong việc làm, cũng phải tính toán lợi hại. Còn ở đây không có tự túc, không

tính lợi hại. Không tính mới có thời giờ tu, còn ra lo tự túc hết giờ tu. Hiểu như vậy mới biết tại sao Thầy chủ trương chỉ tự túc phần nào thôi.

Tụi con tu làm sao ngày nào tháng nào cũng tu đều đều, đừng bỏ phế, tự sống với chính mình, ngày một tiến bộ hơn, bớt tham, sân, si. Đó mới là thành công của mình, chứ không phải làm ra nhiều tiền là thành công. Người tu của mình bây giờ hay đặt nặng việc làm ra nhiều tiền. Không riêng ở đây, mà mấy thiền viện dưới kia Thầy cũng chủ trương chỉ trồng cây trồng rau. Nội tiền xăng dầu để chạy máy tưới, rồi phân bón, rốt cuộc đâu cũng vào đó, không thấm đâu hết. Bởi vậy người tu mà tính toán làm ăn khó lắm.

Thầy bảo đảm với mấy thiền viện dưới đó là chỗ nào hết gạo cho Thầy hay. Thầy chỉ lo gạo còn các thứ khác chỗ đó tự lo. Nhưng Thầy thấy ít có viện nào thiếu gạo. Ở đây gần hai trăm, Thường Chiếu gần hai trăm, Viên Chiếu một trăm, rồi Linh Chiếu, Phổ Chiếu, Huệ Chiếu cũng đông, vậy mà không hụt. Thế mới biết tu hành là cái gốc để Phật tử cảm thông mà ủng hộ. Như vậy, mình ngồi yên tu mới có phước đức, còn chạy ngược chạy xuôi lo cho có tiền thì tu không được. Tu không được tức phước không có. Cứ lo làm hoài, là tu không tiến chút nào. Vậy tụi con mới hiểu làm sao cho phước nhiều.

Ở đây có nhiều đứa lo tính toán, sau có chùa có thất làm tự túc để tu. Tính như vậy nhưng càng tự túc càng trói buộc. Ví dụ tụi con buôn bán cái gì đó để kiếm lời, bán đắt quá thì làm hoài, làm hoài không có giờ tu. Thấy như lương thiện, nhưng không lợi cho đường tu. Thầy thường nói, ai nghĩ tự túc để sống tu là trái với bản ý của Phật.

Đức Phật chủ trương đi khất thực để gieo duyên với chúng sanh. Nếu hồi xưa Phật dạy chúng ta làm rẫy làm ruộng để tự túc thì bây giờ mình làm là phải. Nhưng Phật bảo phải đi khất thực. Mà khất thực giờ nào? Giờ cơm trưa. Mười một giờ người ta ăn thì chừng mười giờ đi khất thực. Người ta không chuẩn bị trước phần ăn, nhưng khi Phật tới thì họ chia sớt bớt. Mình thấy hơi bất nhẫn nhưng chính đó là phước lớn của người thí chủ: chia phần ăn chứ không phải sắp đặt trước.

Đi khất thực là gieo duyên, người ta sớt cơm cho mình ăn để sống mà tu. Mình lãnh thọ của họ nên phải tìm cách độ họ, đời này chưa được thì đời sau. Vậy thì mới có duyên với nhau. Nếu nay người tu tự lo làm, tiền mình mình ăn thì có duyên với ai đâu. Nếu có duyên là có với mấy người thương mại thôi, phải không?

Như vậy, đức Phật dạy mình nhận của thí chủ ăn rồi tu. Vì nhận là thiếu nợ nên phải ráng tu cho xứng đáng. Thứ hai nữa là mình nhận nợ của họ đời này chưa trả thì đời sau sẽ trả. Nhờ gặp Phật pháp họ sẽ trở thành người hiểu đạo lý. Đó mới gọi là có duyên với chúng sanh. Thầy nợ ngập đầu nên bây giờ

chúng hội mới đông thế này, chứ không có nợ chắc là không đông vậy đâu. Thôi, nói nhiều khô cổ, trả nón đây, Thầy về.

Nếu biết tâm không thật, thân không thật thì có ai chê mình xấu, chỉ bình thản bỏ đi, hoặc khi mình nghĩ thế này người kia nghĩ khác, chỉ tự bảo "Ừ, giả dối!", rồi thôi, không giận hờn gì. Sống cả ngày cười hoài. Vậy mới là tu, mới là sống được với đạo. Nếu mười người có mười góc để đứng, không ai hợp với ai hết thì sống không có hòa. Không hòa gọi là tăng được chăng? Tụi con tuy là ni nhưng cũng là tăng, là hòa hợp chúng.

Vì vậy, hiểu rồi mình bỏ qua hết những việc không ra gì, không quan trọng để cùng sống hòa vui tu tập, sao cho giờ phút nào cũng là giờ phút tỉnh giác, không mê. Mê vì lầm thân giả dối, mê vì lầm tâm hư ảo, đó là phương trời trầm luân sanh tử. Tụi con tu theo đạo giải thoát, mỗi khi đắp y đọc bài kệ gì? Đắp lá y vào mình thì phải tu đúng theo hạnh giải thoát, mà hạnh giải thoát không cho phép mình theo đuổi một tư tưởng nào hết. Mọi tư tưởng đều lặng, đều sạch mới là giải thoát sanh tử. Chỉ một tâm thanh tịnh mới là giải thoát sanh tử.

Đi trên con đường giải thoát, chúng ta đừng đeo mang buồn giận, tham sân si, những thứ đó là trầm luân. Ai muốn giải thoát phải tu hành đàng hoàng chứ không nên chần chừ lôi thôi. Đến khi ngã bệnh nằm xuống không trốn tránh đâu được. Chúng ta tu vì giải thoát sanh tử. Muốn giải thoát sanh tử thì tất cả tham, sân, si, buồn, thương, giận, ghét phải xả. Còn đeo mang một cái nào trong đó tức còn trầm luân.

Mong ba tháng an cư này, chư ni ở thiền viện Trúc Lâm và những người nhập hạ ở tư thất ráng tu hành cho thanh tịnh, đừng ôm ấp buồn thương giận ghét, tham sân si, được vậy đời tu của mình rất xứng đáng. Nếu đeo mang những thứ đó là uổng đi một đời tu. Đây là lời nhắc nhở và mong mỏi của Thầy.

Hôm nay Thầy nhắc lại câu chuyện "Niêm hoa vi tiếu". Một hôm, đức Phật lên tòa mà không giảng nói gì cả. Ngài chỉ cầm cành hoa sen đưa lên, miệng hơi mỉm cười, rồi đưa mắt nhìn khắp. Nhìn cả chúng thấy không có gì lạ. Đến ngài Ca-diếp nhìn lại Phật mỉm cười. Ngay đó Phật mới nói rằng: Ta có Chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm... nay giao phó cho ngươi.

Tụi con thấy, chỗ then chốt cuối cùng đức Phật tìm ra sau bao nhiêu năm khổ sở, nay nói thẳng trong chúng lại không ai biết. Cũng như bây giờ đối với mấy người mới tập tu, mình nói có tánh Phật, họ không tin, phải nói tu là làm lành, lánh dữ, tạo phước... họ mới hiểu. Đức Phật thấy chỗ tột cùng rất gần gũi, thực tế, nhưng bây giờ nói sao cho người ta biết đây! Không thể nói được cái đó, buộc lòng phải nể tình chư thiên mà dùng phương tiện. Do đó ngài mới dạy

nhiều pháp. Các pháp thảy là phương tiện, nhưng cuối cùng đều trở về chỗ vắng lặng. Tâm an nhiên tịch tĩnh tức là không còn niệm khởi, là nhất tâm. Nhất tâm là vô tâm, vô tâm là không còn niệm nào hết. Tất cả pháp Phật dạy đều đi tới chỗ cuối cùng đó.

Đi theo lối phương tiện thì phải đủ bao nhiêu công hạnh, nên Bồ-tát phải đủ thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, xa lơ xa lắc. Còn đằng này đi thẳng, ngay đó nhớ là trở về giác, còn mê tức chạy theo tình thức, tạo nghiệp luân hồi. Nhớ trở về tánh giác thì niệm không còn. Mà niệm không còn thì cái gì dẫn mình đi trong sanh tử.

Trong bài Tín Tâm Minh, Tam Tổ cũng nói: "Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm" tức tín tâm không có hai, còn hai là đối đãi mất tín tâm. Còn Lục Tổ thì dạy "Không nghĩ thiện, không nghĩ ác". Vừa dấy niệm thiện ác là đi trong luân hồi. Đơn giản vậy đó mà sâu xa vô cùng. Khi thấy được chỗ này rồi thì sống trong cái thật, bởi vì không ai là không có *tánh biết*, phải không?

Người thế gian có sống tức có cái biết, mà không bao giờ biết cái như thật của mình, chỉ biết theo cái bóng sanh diệt của họ. Do theo bóng sanh diệt nên hằng ngày tạo nghiệp luân hồi. Như vậy có đáng thương không? Mà thương họ bằng thương ai? Thương họ bằng thương mình, sao cũng ngu xuẩn bao nhiêu đời, phải không? Cái thật của mình đang có lại không chịu nhìn nhận.

Tụi con nghĩ xem có ai ngu hơn là nhìn gương mà cứ nhớ bóng, không biết đến gương. Vậy mà hầu hết mọi người nhìn gương chỉ nhớ bóng. Soi gương coi có gì ở trong đó, bóng này bóng nọ bóng kia chứ không thấy gương đang trong trẻo như thế nào. Chúng ta đang sống mà quên mình. Quên mình là mê, là đi trong luân hồi sanh tử. Do đó phải tỉnh táo, áp dụng ngồi thiền. Tuy ngồi thiền là còn kìm, còn cố gắng, nhưng nhờ vậy các thứ lăng xăng lặng hết. Lúc ấy tụi con mới nhận được cái thật. Mới thấy chuyện tu của mình không có gì là huyền bí thần thông cả, chỉ là đừng lầm mê cái hư giả, buông cái hư giả để trở lại chân thật, đó là gốc giải thoát sanh tử. Còn niệm thì tụi con không bao giờ giải thoát sanh tử.

Thường chúng ta hay nói làm lành là tốt. Ngày mai tụi con học kinh Kim Cang mới thấy dù làm lành bao nhiêu đi nữa cũng không bằng trì bốn câu kệ trong kinh. Đó là để đánh tan cái chấp lầm cho cảnh là thật và vọng tưởng là thật. Biết những thứ đó chỉ là tướng giả tạm sanh diệt bên ngoài, là cái bóng không thật để mình sống với cái chân thật. Đây mới là trên hết, là cứu cánh tột cùng.

Thấy và hiểu được như vậy tụi con sẽ nắm vững đường tu. Nếu không hiểu vậy thì đối với đường tu tụi con còn mơ màng. Hổm rày có mơ màng không?

Thôi bữa nay nhắc bao nhiêu đó để tụi con nắm vững chủ trương, đường lối của mình.

Cuộc sống ở đây tụi con thấy như lợt lạt, không có tình cảm, nhưng chính cái lợt lạt đó mới tu được. Tu mà nặng tình cảm quá không giải thoát được đâu! Tụi con muốn giải thoát hay luân hồi? Có muốn trở lại để rồi cũng là cha mẹ, là anh em nữa không? Hay muốn một phen đi không lại, cố tu đắc đạo để độ cha mẹ?

Tu có hiếu là phải độ được cha mẹ, đừng lầm luyến thương cha mẹ là có hiếu, là tốt. Hiếu có hai phần: Ở thế gian, hiếu với cha mẹ là lo phần vật chất, giúp đỡ cha mẹ, nhưng khi chết có cứu được cha mẹ không? Còn người tu chúng ta có hiếu với cha mẹ là ráng tu, nhờ tu mà mình cứu cha mẹ ra khỏi trầm luân. Đó mới là điều quan trọng. Tụi con đứa nào khờ cứ tưởng về thăm là có hiếu, nhưng thật ra tu được mới có hiếu. Về thăm mà mình tu không ra chi thì cũng không ích lợi gì cho cha mẹ. Tụi con hiểu được điều này chưa?

(Hòa thượng nhìn một cô mới đến tập tu, hỏi:)

- Còn con, ba mẹ không gửi vào tu mà thích quá tự vô hả?

- Dạ thưa Sư ông, ba con cho tu, nhưng ba con không có can đảm đi gửi.

- Ba má cho tu thì con ráng tu để sau này về độ ba má.

(Hòa thượng nhìn quanh rồi nói:)

- Mấy đứa tu lâu, tu kỹ nhớ nhắc cho mấy đứa mới sau này, chứ Sư ông già rồi không nhắc hoài được. Ở đây đứa nào tu lâu, tu kỹ giơ tay coi? Không có ai dám giơ tay? Vậy là tu lơ mơ sao?

- Thưa Thầy tu lơ mơ thì không dám lơ mơ, nhưng tu kỹ e không dám nhận mình tu kỹ.

- Thật ra nếu tụi con khéo tu, hiểu Phật pháp rồi, tụi con mới thấy giá trị của người tu là phi thường, chứ không như người ta tưởng. Đố tụi con biết phi thường chỗ nào? Nói đúng là giỏi! À, điều thiên hạ bóp đầu, bóp trán khổ sở thì mình lại cười, phải không? Việc thiên hạ rên rỉ mình vẫn thản nhiên, chuyện thiên hạ khóc lóc, kêu trời kêu đất mình cũng tự tại. Đó là phi thường, tụi con làm được cái đó không? Phải ráng làm cho được.

Thường người ta cứ nghĩ khi cùng huynh đệ luận bàn đạo lý hay nói chuyện, vui cười lúc đó mới vui, phải không? Còn khi ngồi một mình thì vui hay buồn?

- Dạ, không vui cũng không buồn.

Có người ngồi một mình thấy sao mặt mày âu sầu quá. Thật ra, người biết tu càng tu càng vui. Có người thì vui với người, không người vui với mình. Tự

tại vậy đó, cái vui này mới thật. Còn đợi ai chọc ghẹo mới vui, không có ai lại buồn, đó không phải là cái vui thật. Nhiều khi người ta hỏi tụi con tu làm sao, tụi con không biết trả lời. Bây giờ nói nghe coi cô giáo, tu khó hay dễ?

- Dạ, con tu cũng bình thường.

- Bình thường mà ai chọc tức có giận không?

- Thưa Thầy, mới nghe nói thì nổi giận liền nhưng sau bớt đi đôi chút.

- Ờ! Vậy là có giận. Chừng nào người ta nói trái ý mà vẫn cười mới thật là bình thường nghe, chừng đó mới là thứ thiệt. Nói trái ý mà đỏ mặt liền chưa phải thứ thiệt, nghe chưa mấy cô sắp đi ngoại quốc! Người ta nghe nói mình làm trụ trì, bèn thử tìm cách nói vài ba câu, mình liền nổi sân lên là kỳ lắm.

Hồi Thầy ra ngoài Bắc năm 1991, đi các chùa để nghiên cứu lịch sử chư tổ, một buổi chiều Thầy xuống đò qua sông, xe còn ở bên kia, Thầy qua trước. Con sông có bờ đê cao, có mấy đứa chăn bò, tụi nó thấy quý thầy liền chạy lại hỏi chuyện. Nghe quý thầy trả lời, nó nói: "Mấy Thầy ở trong Nam hả? Trong Nam nói chuyện nghe được đó!" Hồi xưa Thầy nghĩ tiếng miền Nam nghe quê mùa quá, nhưng sao bây giờ đi đâu nói người ta cũng chịu. Tiếng miền Trung tụi con nói hơi khó nghe một chút, nên khi đi giảng phải tập nói pha pha một chút cho người ta dễ nghe.

Làm sao từ đây về sau, những đứa đi giảng ở gần, lâu lâu Thầy được tin người ta nói quý cô giảng nghe được, giảng đạo lý tốt, đó là Thầy yên được một mối. Còn mấy đứa đi xa, lâu lâu có thư gửi về nói quý cô làm Phật sự tốt, là Thầy yên lòng. Trái lại nếu lâu lâu nghe gọi điện thoại về mắng vốn thì Thầy mệt lắm. Cho một người đi đâu là có trách nhiệm nặng. Tụi con được đi giảng riêng là có phước đó. Đi với Thầy khổ lắm, biết tại sao khổ không? Vì ai cũng đòi Thầy giảng hết, không chịu nghe tụi con.

Kỳ này Thầy đi ngoài Trung, tính đi sáu ngày: Xuống Phan Rang một bữa, ra Nha Trang hai ngày, Quảng Nam hai ngày và một ngày về. Nhưng bây giờ Đà Nẵng mời giảng một buổi nữa nên ở thêm một ngày, vậy là đi sáu ngày, về một ngày là bảy. Nợ thì phải trả biết làm sao!

- Thưa Thầy, Thầy không đi máy bay?

- Thôi, máy bay làm chi!

- Thưa Thầy, chuyến ra Thầy đi xe, khi về có chuyến bay Thầy đi thẳng về Đà Lạt cho đỡ mệt.

- Thôi, chờ máy bay hết hơi con ơi! Đâu phải mình muốn đi giờ nào là có liền.

- Thưa Thầy, ở ngoài đó mua vé sẵn cho Thầy về.

- Không đâu, mình về đúng giờ bay của nó mới được. Đâu phải hô đi là đi như xe hơi.

- Thưa Thầy, đường xa Thầy đi nhọc dữ lắm.

- Thì cùng khổ với nhau, chứ chẳng lẽ khi đi cả một xe mà lúc về có mình Thầy đi máy bay.

- Nhưng Thầy làm việc nhiều và Thầy lớn tuổi.

- Có sao đâu!

- Mấy người kia đâu có giảng, đâu lớn tuổi như Thầy.

- Không có sao!

- Đi xe về cực lắm thưa Thầy, lúc Thầy đi ra, có nghỉ từng chặng để giảng, còn đi về không ghé đâu cả, đi máy bay là hợp lý nhất đó, thưa Thầy.

- Thầy thấy đi xe là hợp lý nhất.

- Thầy đi xe ai cũng xót xa hết.

- Xót cái gì?

- Thầy đi xe cực.

- Hồi xưa cưỡi ngựa thì sao? Bây giờ đi xe than cực. Hồi xưa ông bà mình nói câu "lên xe xuống ngựa". Bây giờ lên xe sướng quá rồi lại còn chê nữa. Đòi hỏi quá!

- Thầy nói tụi con hết ý kiến luôn.

- Thầy có cho vài đứa tụi con đi theo không thưa Thầy?

- Không. Ở ngoài đó người ta sắp đặt tử tế lắm rồi, đi theo làm chi nữa.

- Thưa Thầy, Sư bà chùa con quý Thầy lắm, thế nào Sư bà con cũng thỉnh Thầy.

- Còn tùy. Chương trình ở ngoài đó sắp đặt, họ dự định mời Thầy giảng tại Giáo hội tỉnh, rồi đi thăm ít chùa. Nay lại có ông Nguyễn Kính yêu cầu Thầy nói chuyện với giới trí thức một bữa, Thầy phải ở lại qua ngày sau. Ông nói là người tu ngoài đó phần nhiều biết Tịnh độ, Mật tông mà chưa biết Thiền là gì hết.

- Thưa Thầy, Thầy ra đó tăng ni, Phật tử mừng lắm.

- Thầy đi đây là tạo cái duyên cho mấy đứa con sau này về làm việc. Giờ Thầy đi ra giảng trước cho họ hiểu về thiền, khi tụi con về sẵn có cái đà. Việc Thầy làm đây là để lo cho mấy đứa. Ở đâu Thầy cũng đi trước, sau này ai đi ra làm Phật sự cũng đỡ nhọc nhằn vì Thầy đã mở đường cho rồi.

Tỉnh hội ở Đà Nẵng mời Thầy giảng chứ Hội An thì chưa. Họ mời giảng về tu thiền, nhưng Thiền tông khó nói, giảng sao cho người ta hiểu được, ứng dụng tu được không phải là dễ. Tụi con có nghe đủ mấy cuộn băng Thầy giảng ở nước ngoài không? Ở Úc chưa nghe à?

- Thưa Thầy mấy bữa này tụi con nghe Khóa Hư Lục, vì mấy đứa nhỏ lúc trước chưa được học.

- Lúc qua bên thiền tự Tuệ Căn ở Úc, có mấy người đem máy móc lại xin Thầy trả lời những câu hỏi của Phật tử bên Mỹ, Canada và Úc. Họ hỏi trực tiếp và Thầy trả lời trực tiếp trên mạng. Nghe nói Từ Chơn đang ở bên Mỹ, tình cờ cũng nghe được, nó mừng quá chừng. Mấy ông Úc hỏi bằng tiếng Úc, có người thông dịch lại, Thầy trả lời tiếng Việt, sau đó họ dịch ra và phát đi, xứ này xứ nọ đều nghe được.

Tụi con thấy Thầy đang giảng được, làm Phật sự được, vậy mà Thầy tuyên bố nghỉ, tụi con có tiếc không?

- Dạ, tiếc.

- Được nghỉ là mừng. Tại sao mừng? Vì người tu chúng ta có khi trên lý thuyết nắm vững nhưng thực hành chưa tới. Mình nói lý thuyết hay mà thực hành chưa tới thì khi gặp việc rồi cũng phiền não như ai. Cho nên trách nhiệm của người tu không giản đơn. Cái gì mình nói được thì phải làm được, chịu không?

- Dạ, chịu.

Chứ còn lên giảng thì nói thao thao bất tuyệt, lúc xuống nổi sân đùng đùng, cái công giảng hồi nãy đổ sông đổ biển hết rồi phải không? Cho nên những điều gì mình dạy người ta phải vượt qua, khi xảy đến với chính mình cũng phải tự tại mới được. Còn một cái khó nữa là khi mình đã thấy thân tạm bợ, cuộc sống hư dối không thật thì lúc sắp nhắm mắt, mình phải cười.

Bởi vậy trách nhiệm của người giảng dạy thấy như khó mà dễ, còn ứng dụng tu hành cho được để minh chứng lời nói của mình là thật, là mình đã làm được, việc này mới khó. Thầy phải làm cho được điều đó. Giả sử người ta chửi Thầy, Thầy không giận rồi đó, nhưng tới lúc ra đi Thầy có tự tại chưa? Cho nên Thầy phải có thời gian ngồi lại, tỉnh táo, khỏe khoắn, lúc nhắm mắt ra đi mới làm chủ được. Mừng cho Thầy chứ sao lại trách.

Giả sử tụi con có một vị Thầy nói rất hay, ai cũng quý trọng, nhưng đến lúc gần tịch lại mê man không biết gì, tụi con có buồn không? Bởi vậy điều đó rất khó. Thầy chủ trương làm việc gì phải tròn việc đó, không phải làm chỉ để làm, hoặc tự mãn với việc làm của mình. Làm thầy như vậy không đúng nghĩa

là thầy. Làm thầy mà bình thường nói nghe hay lắm, gặp việc lại lính quýnh sợ sệt đủ thứ, thầy đó bỏ đi phải không?

Tụi con tu được kha khá chưa? Người ta lúc bình thường nói nghe hay lắm, lý này lý nọ dường như thông suốt, nhưng khi gặp việc vẫn y nguyên, ai sao mình vậy. Đó không phải là người tu mà chỉ là người lý giải thôi. Tụi con thấy khó không? Khó nhưng phải làm được. Bắt đầu làm thầy đi dạy, đi giảng, làm trụ trì là phải chuẩn bị cho vững, gặp việc phải nghiêm chỉnh đàng hoàng để người ta thấy mình xứng đáng. Ở đây chưa ai làm thầy nhưng khi đi ra tụi con được người ta xem là thầy rồi, đâu có còn cô này cô nọ nữa. Làm thầy mà không xứng đáng thì rất uổng!

PHẦN II

THỈNH NGUYỆN TĂNG

Lễ An cư kiết hạ 15-05 Mậu Dần (09-06-1998)

Hôm nay nhân ngày lễ An cư, tôi có ít lời nhắc nhở toàn thể chư tăng.

Trong nhà Phật lấy ba tháng an cư làm một tuổi đạo. Tuổi đạo khác tuổi đời. Tuổi đời là qua hết một năm thì được một tuổi, dầu năm đó mình làm việc tốt hay xấu, cứ hết một năm là một tuổi. Nhưng tuổi đạo thì khác, một năm tuổi đạo lấy ba tháng an cư làm căn bản. Ba tháng an cư chư tăng được ở yên một chỗ tinh tấn tu hành, đức hạnh viên mãn, cho nên xứng đáng một tuổi. Như vậy tuổi đạo là tuổi đức hạnh, không phải tuổi suông, tuổi thường. Do đó khi quý vị bạch thưa với tôi thì tôi bảo: "Chớ có buông lung!"

Giờ tôi giải thích cho quý vị hiểu tại sao chớ buông lung. Bởi vì tất cả chúng ta có ba phần thân, khẩu, ý. Thân buông lung là đi đầu trên xóm dưới, hoặc đi đứng không nghiêm trang, tề chỉnh. Nếu đi đứng nhiều nơi thì thời giờ tu suy giảm, nên buông lung làm giảm đức hạnh của người tu trong ba tháng an cư. Còn nếu thân tướng đi lại lau chau, không nghiêm trang tề chỉnh thì Phật tử hoặc những người chung quanh nhìn thấy cho rằng người tu thiếu tư cách, đức độ.

Như vậy buông lung đi đây đi kia là lỗi lớn, thiếu sự nghiêm chỉnh tu hành trong ba tháng an cư; còn buông lung về hình thức, chao đảo lăng xăng là thiếu đức hạnh, thiếu tư cách, làm mất lòng tin của Phật tử. Vì vậy mà tôi bảo: "Chớ có buông lung!"

Về khẩu, buông lung là nói càn nói bướng, nói những điều sai quấy tội lỗi, không biết dè chừng, không tự chế ngự. Người tu lúc nào cũng dè dặt từng lời nói, đáng nói mới nói. Nói hợp đạo lý, đúng lẽ thật, lợi ích chúng sanh thì mới nói. Nói bậy, nói bướng nói càn là miệng buông lung, không biết tu về khẩu nghiệp. Như vậy là tạo nhiều tội lỗi, mất đi công đức lớn của mình.

Vì vậy tất cả chư tăng những mùa an cư phải kìm chế khẩu nghiệp, nói năng đúng đắn chậm rãi, chân thật. Những lời đáng nói mới nói, lời không đáng nói thì phải dừng. Nói những lời lợi ích chúng sanh, không nói những lời gây đau khổ cho người. Như vậy là tu khẩu nghiệp không buông lung.

Kế đến là ý nghiệp buông lung, là ý phóng nơi này nơi nọ không kìm giữ được, như con trâu hoang chạy bướng chạy càn trong lúa mạ của người. Bởi vì ý chúng ta quá nhanh nhẹn, quá buông lung nên Phật thường nói "tâm viên ý mã", tức là tâm ý mình giống như con vượn con ngựa, xông càn xổ bướng vô trong ruộng trong rẫy người. Ở đây cũng vậy, người tu mà để cho tâm ý xao

động, chạy ngược chạy xuôi thì tâm không an định. Tâm không an định, trí tuệ làm sao phát khởi?

Bởi vậy, chúng ta tu thiền là luôn luôn phải nhìn, phải thấy ý niệm mình, vừa dấy khởi liền buông, đừng chạy theo nó. Như vậy tâm được an định. Lúc bình thường tâm an định thì tọa thiền mới được định. Chứ ở ngoài mình buông ý chạy rong, lúc ngồi thiền không bao giờ định được. Nên lợi ích quan trọng của người tu là định tâm. Mà muốn định tâm thì phải giữ gìn ý, từ đi đứng nằm ngồi đến mọi công tác, mọi việc lao động ở ngoài cũng phải luôn kiểm soát, đừng để thả trôi phóng chạy. Như vậy gọi là biết kìm chế, không buông lung ý nghiệp.

Vậy trong mùa an cư này, mong tất cả chư tăng giữ gìn thân khẩu ý đừng cho buông lung, đó là tu cụ thể, thiết thực. Nếu thả trôi tức chỉ tu hình thức chứ không biết tu thật.

Tôi nhắc thêm một điều nữa. Tất cả chúng ta đã là người quyết chí cầu giải thoát sanh tử thì không những mùa an cư, mà tháng nào, năm nào, ngày nào giờ nào cũng là giờ tu hết. Đã biết tu, chúng ta luôn luôn gìn giữ ba nghiệp cho thanh tịnh, có thanh tịnh thì sự tu hành mới được kết quả. Đức hạnh phát xuất từ đó chứ không phải ở đâu xa.

Cho nên trong mùa an cư, chúng ta thúc liễm ba nghiệp, ngoài mùa an cư chúng ta cũng vẫn tu như vậy, để cho công đức ngày càng tăng trưởng. Đạo nghiệp tăng trưởng thì tình nghiệp hay thế nghiệp tiêu mòn. Thế nghiệp tiêu mòn thì chúng ta càng ngày càng tiến trên đường giải thoát không nghi ngờ. Vậy mong toàn thể chúng tăng nhớ cố gắng tinh tấn tu! Đó là lời nhắc nhở của tôi trong mùa an cư này.

Ngày 13-05 nhuần Mậu Dần (06-07-1998)

Buổi thỉnh nguyện hôm nay, người không lỗi được thanh tịnh, người có lỗi mà biết sám hối thì cũng được thanh tịnh. Một tập thể chúng thanh tịnh là điều rất tốt.

Kế đây là phần nhắc nhở. Gần đây tôi thấy trong chúng có một số người bị bệnh chấp ý kiến riêng tư mà sanh ra không hòa thuận với nhau. Không hòa nên công tác của thiền viện bị trở ngại.

Nay tôi nói rõ cho toàn chúng biết, chúng ta sống trong thiền viện là sống trong một tập thể, tất cả mọi quyền lợi trong viện là quyền lợi chung của tất cả chúng ta, không phải của riêng một cá nhân nào. Như vậy ai có khả năng gì thì phải tận tình phục vụ, để việc sắp đặt công tác của thiền viện được tốt đẹp, lợi lạc chung cho cả chúng.

Nhưng tôi được nghe và cũng được thấy, có hai người biết làm mộc, mà người này làm thì người kia không muốn làm, không hòa được. Thợ hồ cũng có hai người mà người này làm thì người kia bỏ cuộc không làm, có khi thợ hồ lại muốn đi làm rẫy... Như vậy là không nhiệt tình với công việc, chỉ vì ý kiến riêng tư bất hòa. Nếu ở trong đây mấy người thợ may mà không chịu may đòi đi cuốc đất, người biết đánh máy không chịu đánh máy, xin đi nhổ cỏ... thì công tác của thiền viện ai đứng ra lo, chẳng lẽ cái gì cũng mướn người ta hết sao?

Đó là điều tôi thấy không hay. Giả sử huynh đệ có những ý kiến không đồng, mình cũng phải khéo điều hòa. Đã là tu thì cái dở xấu của nhau mình phải tìm cách giúp nhau dẹp bỏ, để từ bất hòa đi tới hòa thuận. Như vậy mới gọi là tu. Nếu mỗi người giữ ý kiến riêng tư, rồi chấp chặt vào đó không bỏ, đó là không biết tu. Mình là một vị thầy, ở chùa mà không biết tu thì còn nghĩa lý gì?

Cho nên khi biết công tác đó giao cho mình làm chung với huynh này, huynh nọ, thì dù ý kiến bất đồng mình cũng phải khéo hòa hợp để hoàn thành việc lớn, việc chung cho tốt đẹp. Không nên vì cố chấp riêng tư mà bỏ công tác chính, đi làm những việc không xứng với khả năng.

Nhiều khi công tác mình làm hồ, có đôi ba vị ra làm mà chưa biết việc, mình phải tập cho họ biết để họ giúp một tay. Còn ở đây mấy chú biết việc mà không chịu làm, như người biết mộc, khi cần lại không làm, đi làm chuyện khác, cái đó không hợp lý chút nào. Mình có khả năng thì phải đóng góp cho thiền viện được tốt đẹp, không được có ý niệm riêng tư không hòa rồi bỏ hết công tác chung. Như vậy là không tốt, không biết tu, không biết chung lo, làm cho công việc chung trở thành khó khăn.

Hôm nay tôi nói rõ, tất cả chúng ta còn đang tu, không ai là thánh hết, ai cũng là phàm. Đã là phàm thì còn những ý kiến khác nhau, cái này tốt, cái kia xấu, người này hay phần này, người kia dở phần nọ.

Chúng ta phải cảm thông, tha thứ cho nhau để chung lo, cùng làm công tác của thiền viện và để tỏ rằng mình biết tu. Ngày xưa nếu làm chung với những người không đồng ý kiến thì có thể mình không làm, nhưng ngày nay biết tu rồi, dù có ý kiến khác mình cũng xả bỏ, làm cho được việc đạo việc chùa, đó mới là người biết tu.

Quý vị thấy ở thế gian, đâu phải khi nào đi làm cũng gặp toàn những người vừa ý. Có người cũng la rầy, quát tháo mình, nhưng vì đồng tiền, vì sự sống vẫn phải ẩn nhẫn làm với họ. Bây giờ vào đạo, tất cả cái xấu dở đều phải xả bỏ, tại sao còn ôm ấp mối bất đồng để rồi làm trở ngại công tác chung? Đó là

điều không tốt. Nếu cứ ôm ấp ý kiến riêng hoài thì tu suốt đời cũng không tiến, mà chỉ đứng một chỗ hoặc lùi thôi. Vì vậy phải khéo tu.

Chúng ta lấy lục hòa làm căn bản mà những bất đồng không hòa được thì làm sao sống đúng tinh thần lục hòa. Cho nên trong chúng, ai có khả năng nào, khi được phân công tác thì phải nhiệt tình làm, dù cùng làm với người mình không bằng lòng cũng phải chung lo. Có gì khác biệt thì phải xả bỏ để lo cho việc lớn, để hòa đồng nhau mà tu. Như vậy là đúng, còn cố chấp là sai, mà sai thì không bao giờ tiến được, uổng một đời tu của mình chứ không đi tới đâu.

Đây là tôi nhắc nhở những vị trong chúng có ý kiến riêng tư không đồng ý nhau, phải ráng sửa để từ đây về sau được hòa thuận tốt hơn, đừng để sự chia rẽ xảy ra không hay.

Ngày 13-06 Mậu Dần (04-08-1998)

Hôm nay toàn chúng đều được thanh tịnh, không có lỗi lầm nào, đó là điều rất tốt. Mong tất cả chư tăng cố gắng tu, cố gắng giữ gìn oai nghi tế hạnh, mỗi ngày thêm tốt đẹp hơn.

Kế đây tôi có ít lời nhắc nhở toàn chúng. Trước hết tôi kể chuyện này cho tất cả nghe. Vừa rồi tôi về Chơn Không, đang ngồi ở nhà khách chơi thì thấy một ông thầy mặc áo vạt mẻ Tàu, đầu đội mũ đi vô. Gặp tôi ông ấy đảnh lễ, tôi ngạc nhiên quá, không biết là ai. Mấy chú nói "thầy T.B", tôi cũng không biết T.B nào nữa. Một hồi nghe ông kể lại, tôi mới nhớ ông T.B năm ngoái năm kia ở Hà Lan về đây xuất gia, ở có mấy tháng rồi về bên đó tu. Ông có gửi thư về trình kiến giải. Tôi thấy ông dụng công hình như có lóe sáng được một chút, tôi đọc rồi để đó không quan tâm mấy.

Kỳ này về, hỏi ở đâu, ông nói ở Củ Chi. Tôi càng ngạc nhiên hơn, vì ông ở Hà Lan, bây giờ lại nói Củ Chi. Tôi hỏi tại sao ở Củ Chi. Ông mới thuật lại rằng khi gửi thư về cho tôi, tôi không nói gì, ông gửi thư qua trình với hòa thượng D.L. Hòa thượng liền ấn chứng cho ông đã kiến tánh, nhận ông là người kế thừa rồi bảo qua ở với Hòa thượng.

Điều này làm tôi ngạc nhiên, vì đây là một bệnh. Thời này người ta quá lạm dụng danh từ "ngộ". Dĩ nhiên tu thì có những lúc lóe sáng, nhưng sâu cạn khác nhau, và không phải lóe sáng một lần là xong việc. Ở đây mới lóe sáng một chút mà đã ấn chứng là kiến tánh rồi. Đó là một cái bệnh, sau này ngã mạn cho là mình ngộ đạo, không coi ai ra gì hết, rất là nguy hiểm.

Cho nên mấy chú thấy ở đây tôi dè dặt tối đa. Khi nào mấy chú tu có tiến bộ, trình tôi biết, tôi mừng thôi chứ không dám ấn chứng gì hết. Bởi vì tôi biết còn qua nhiều cửa ải lắm, không phải đơn giản như vậy. Đó là một điều cần phải cẩn thận trong nhà thiền.

Điều thứ hai, nhiều khi mình có lóe sáng, có thấy được lẽ thật, nhưng tập khí nhiều đời còn sâu dày. Thấy như mình tới nơi, mà gặp việc cũng té, cũng ngã như ai. Do đó tôi rất cẩn thận, vì e rằng khi tôi tuyên bố một người nào đó kiến tánh, đến lúc ra làm Phật sự rồi lỡ trượt chân thì người ta đánh giá ngay: "Đó! Ông thầy đó ngộ rồi mà bây giờ như vậy!", thì giá trị người tu thiền không có gì hết. Cũng như một người tự cho mình đã ngộ rồi mà đòi cái này, ưa cái kia đủ thứ, vậy là thật tu cao chưa? Đi thì muốn đi xe đẹp, nhà ở muốn cho sang, cái gì cũng thích, tức chưa phải là thứ thiệt.

Cho nên người tu, ngoài không dính trần cảnh, trong không chấp ngã - bản ngã của thân và bản ngã của tâm - mới là người tu thật, tiến thật. Nếu tu mà trong lòng luôn cho ta là trên hết, đối với bên ngoài thì cái gì cũng muốn, dầu họ nói ngộ đạo, chứng đạo tôi cũng không bao giờ tin được. Mình thấy rõ đức Phật, chư vị Bồ-tát, A-la-hán thuở xưa lúc nào cũng quên mình vì chúng sanh, chịu cay đắng khắc nghiệt mà không buồn, không oán hờn. Như vậy mới thật là người đạt đạo. Nếu còn sân si, tham lam thì chưa phải là đạt đạo thật.

Chúng ta tu có những bước tiến, đó là đáng khuyến khích. Nhưng tu tiến thì cái ngã phải mòn, ngày càng nhỏ, càng thấp, đó là đúng. Nếu tu tiến mà cái ngã to lớn thêm tức là sai rồi, phải chỉnh lại. Tu tiến, dù cho địa vị cao, người ta quý trọng, mình vẫn sống đạm bạc, phải biết tất cả vật chất là hư ảo, không đáng quan tâm, như vậy mới đúng.

Hôm nay nói rõ để đại chúng ý thức, chứ mai kia tôi theo Phật rồi, mấy chú làm được chút ít việc rồi sống sang cả... Đó là lệch, không đúng hướng.

Chúng ta thấy đức Phật suốt đời đi lang thang hành đạo, rày đây mai đó, cuối cùng nhập diệt ở dưới gốc cây. Đó là một hình ảnh gương mẫu để mình thấy đạo lý chân thật không vì bản ngã, không vì thụ hưởng. Còn có bản ngã, còn muốn thụ hưởng thì chưa phải là người thấy đạo thật. Vậy nhắc cho toàn chúng nhớ hiểu để tinh tấn tu.

Ngày 13-07 Mậu Dần (03-09-1998)

Tôi nghĩ rằng trách nhiệm gầy dựng lại manh mối của Thiền tông Việt Nam, tôi là người gieo nhân, còn kết quả viên mãn hay không không phải ở tôi mà ở mấy chú. Cái nhân này từ năm 1970 là con số không, tới giờ là hai mươi tám năm, mà sự truyền bá được rộng rãi, trong nước ngoài nước nhiều người biết đến. Như vậy cũng là tốt đẹp lắm rồi, không phải còn ở thời kỳ manh nha nữa mà gần như đã có cái quả.

Nhưng ở đời không bao giờ mọi việc suôn sẻ như mình muốn đâu, vẫn có những trắc trở, có khi thuận khi nghịch. Đó là chuyện thường. Miễn sao trên đường tu mình giữ vững đường lối, sống đúng theo chánh pháp Phật dạy, không đi lệch là tốt, còn không thể mong mọi việc đều như ý. Nên biết những trở ngại

là thắng duyên chứ không phải nghịch duyên, nhờ trở ngại mà rèn luyện thêm đạo đức, thêm ý chí quyết tâm của mình. Nhất là khi chúng ta tu, thấy đạo lý chân thật rồi, thì những trở ngại cũng là trò chơi thôi, không có gì đáng kể. Thân này còn mất, mình cũng thấy không ra gì, huống là chuyện khó khăn chung quanh chút ít.

Trên đường tu, tôi đã trải qua nhiều khó khăn trắc trở, ở ngoài, ở trong, đủ thứ hết. Mấy chú kiểm coi có phải vậy không? Nếu không khó ở trong tâm, thì ở ngoài người ta cũng làm khổ mình đủ thứ, mà tôi cứ lặng lẽ tu, lặng lẽ tiến. Chuyện được mất là tùy duyên, cứ đi đều trên con đường đạo và lập tâm chân chánh, đúng đắn là được rồi, còn mọi chuyện thì sao cũng tốt hết.

Nói như vậy để trong chúng cố gắng ý thức được việc làm ngày mai của mình. Nhiều khi mình mơ ước làm Phật sự cái gì cũng suôn sẻ như ý, đến lúc gặp trở ngại liền thối tâm chùn bước, đó là yếu đuối, không tốt. Mấy chú thấy trên đường đạo, chư tổ dù cho nát thân, khó khổ cũng không nao núng. Ví dụ như tổ Huệ Khả vào tù thì cứ vào, không sợ gì hết, vào tù tu để trả nợ cũ. Những trường hợp khác cũng vậy, như tổ Sư Tử khi vua Di-la-quật xin cái đầu, cho liền chứ không tiếc. Đó mới là thứ thiệt. Còn mình nghe cái gì có vẻ tổn thương liền run rẩy lập cập thì chưa phải thứ thiệt. Bởi vậy khi làm việc đạo, chúng ta không phải liều lĩnh mà chỉ tùy duyên. Giả sử gặp duyên trắc trở xảy đến, mình cũng hoan hỷ, bình tĩnh để tiến bước. Nếu âu lo sợ sệt thì việc làm của mình không tròn. Đó là những điều tôi cần nhắc trong chúng. Tôi nghĩ, đối với Phật pháp, chỉ khi mình tu thâm nhập được, thấy đúng nhận đúng, sống đúng thì mới truyền được đạo.

Hôm ở Thường Chiếu tôi nói rằng: Nhìn lại lịch sử, có nhiều vị tổ không có chùa gì lớn mà các ngài truyền bá chánh pháp tới ngày nay, còn mình cứ lo cất chùa to Phật lớn. Chùa to Phật lớn, mấy chú nghĩ trải qua năm bảy trăm năm có còn không? Như các chốn tổ, cảnh hồi xưa thế nào mà bây giờ hoang tàn đổ nát? Nhưng giáo lý của các ngài thấy, các ngài diễn nói mà mình còn tìm được thì không bao giờ mất.

Bởi vậy, chủ trương của tôi là làm sao chư tăng tu được, nhận cho ra cái chân thật của mình, rồi cứ như vậy mà tiếp tục tu, tiếp tục làm Phật sự. Được chùa tốt là cái duyên để mình mở mang, nếu không có chùa tốt cũng không sao hết. Chính sự tu hành đạt được đạo lý mới bền. Từ sự tu hành đạt đạo lý đó, mà thốt ra những lời dạy người ta nhớ mãi mãi, đời này truyền qua đời kia. Nếu chưa được đạo lý thật, dù cất chùa lớn bao nhiêu, theo thời gian rồi cũng hoại, cũng tan nát chứ không còn.

Lễ Tự tứ 15-07 Mậu Dần (05-09-1998)

Hôm nay là ngày chúng tăng tự tứ, tất cả chư tăng đều được thanh tịnh, đó là điều đáng mừng. Chúng tăng muốn tôi nhắc nhở đôi lời để sau mùa an cư này vẫn tiếp tục tu hành tinh tấn, tôi không nhắc gì hơn ngoài tinh thần tự tứ của nhà Phật.

Trong nhà Phật, ngày lễ Tự tứ còn gọi là ngày Phật hoan hỷ. Đó là điều mà chúng tăng nên xét cho kỹ. Có nhiều người không hiểu cứ cho rằng do kết tụ công phu tu hành ba tháng, nay là ngày kết thúc ba tháng an cư nên Phật hoan hỷ, hiểu như vậy không xác đáng.

Ngày Phật hoan hỷ tức là ngày chúng tăng tự tử. Tinh thần tự tứ là yêu cầu những vị trưởng lãnh đạo chư tăng ni an cư, nếu thấy mình có lỗi, hoặc nghe, nghi có lỗi thì thương xót chỉ dạy cho. Yêu cầu đến ba lần như vậy để thấy lòng tha thiết muốn cải hối những điều dở xấu của mình, mong những người lớn nếu thấy hoặc nghe, nghi có lỗi đều đem ra chỉ dạy, để mỗi người tự cải hối, sửa đổi, không nuôi dưỡng những lỗi lầm. Đó là điều cao thượng của tinh thần tự tứ, cũng là điều Phật rất hoan hỷ.

Thói thường chúng sanh khi làm điều lỗi điều quấy rất sợ người ta chỉ, sợ người ta nói đến, nên tìm cách che giấu, khuất lấp. Vì vậy tội càng ngày càng lớn giống như cái ung nhọt. Có lỗi như mụt nhọt có mủ, nếu không chịu để người ta mổ xẻ, nặn mủ ra, cứ để vậy hoài thì có ngày mụt nhọt sẽ ăn sâu trong thịt xương thành nguy hiểm.

Vì vậy, Phật quý trọng tinh thần tự tứ, chúng tăng phơi bày hết những lỗi lầm mà tự mình không thấy, nhờ người trên có thấy nghe, xin chỉ giùm. Thấy và nghe mà chỉ là chuyện thường, đây nghi cũng xin chỉ cho mình nữa. Nghĩa là chưa từng thấy người đó làm lỗi và cũng chưa từng nghe ai nói, nhưng nghi người đó có thể có lỗi, đều chỉ dạy cho.

Với tinh thần tự tứ, khi được chỉ dạy, dầu lỗi đó là mới nghi thôi, mình cũng lắng nghe. Trong lời tác bạch nói rất rõ: Nếu chúng con thấy có tội sẽ như pháp mà sám hối. Nếu nghi mà chỉ cho thì mình cũng vâng nghe, nhưng chờ xét kỹ lại, nếu thật có tội thì sám hối còn không thật có thì thôi. Đó là một ý nghĩa rất hay và rất quý. Bởi vậy, chư Phật thấy người đệ tử biết cầu xin chỉ lỗi để sám hối sửa đổi thì rất vui mừng, nên gọi là "Phật hoan hỷ nhật".

Tôi lấy tinh thần đó làm căn bản cho buổi Thỉnh nguyện ở các thiền viện. Theo lẽ thường, một năm mới có một ngày Tự tứ, thì nay cứ một tháng hoặc nửa tháng mình có một ngày Tự tử. Ngày Tự tứ của mình hơi khác một chút. Trong lễ Thỉnh nguyện ở thiền viện, nếu thấy có lỗi thì yêu cầu chỉ cho, không những là bậc trưởng thượng chỉ, mà có thể là huynh đệ bằng hoặc dưới mình, thấy có lỗi cũng hoan hỷ chỉ cho mình.

Với tinh thần tự tứ, khi được nghe chỉ lỗi, mình cám ơn, nếu có lỗi thì hoan hỷ nhận sửa, chứ không bao giờ phản đối, chống cự lại. Nếu cãi lại tức không có tinh thần tự tứ. Cũng vậy, khi chúng ta thỉnh nguyện, nghe huynh đệ chỉ lỗi, xét thấy đúng thì ra sám hối, không đúng thì im lặng, không có cãi, không tranh hơn thua. Như vậy mới đúng tinh thần thỉnh nguyện.

Cho nên người tu, nếu ai cũng biết cái sai quấy của mình, sẵn sàng nghe những bậc trưởng thượng hoặc huynh đệ chỉ, nhắc cho, rồi sám hối thì nhất định sẽ tu tiến, nhất định không thối chuyển. Đó là tinh thần Phật hoan hỷ. Sau ba tháng an cư có ngày Tự tứ là ngày Phật hoan hỷ. Như vậy một năm có một lần Phật hoan hỷ thôi, còn chúng ta thỉnh nguyện, một năm Phật hoan hỷ mười hai lần là tối thiểu, phải không?

Như vậy, tinh thần cao cả của tự tứ chúng ta phải học và ứng dụng hàng tháng, thì tội lỗi giảm và đạo đức tăng trưởng, đó là điều quan trọng của đời tu. Chư tăng hiểu rõ ý nghĩa đó mới biết sở dĩ hôm nay gọi là ngày Phật hoan hỷ là vì chúng tăng biết tự tứ. Đó là tinh thần biết nghe và nhận sửa. Còn nếu chúng ta có lỗi mà che giấu, hoặc nghe ai chỉ lỗi mà cãi lại thì những người đó thế nào? Chắc là Phật không hoan hỷ chút nào mà còn buồn nữa. Vậy hiểu rồi chúng ta nhớ thực hiện đúng tinh thần tự tứ.

Ngày 13-08 Mậu Dần (03-10-1998)

Trong buổi thỉnh nguyện này thấy những vị có ít lỗi đều tự giác ra thành tâm sám hối, vậy là rất tốt. Như tôi từng nói, trên thế gian này không ai là không lỗi, chỉ khác là có lỗi mà che giấu và biết lỗi tự phát lồ sám hối. Người biết phát lồ sám hối sẽ trở thành không lỗi, còn người có lỗi mà không sám hối thì lỗi càng ngày càng lớn.

Cho nên đối với người tu, lúc nào cũng vậy, thấy mình có lỗi thì ra phát lồ sám hối. Như vậy tội lỗi dần dần tiêu hết, sạch được thì sự tu hành mới có kết quả tốt đẹp. Còn nếu không sám hối thì tội lỗi càng tăng thêm, sự tu hành bị chướng ngại. Vì vậy mỗi tháng phải thỉnh nguyện để quý vị xét lại mình, sám hối cho tội lỗi được tiêu sạch. Đó là tinh thần sám hối ở đây.

Kế đến tôi có một vài điều nói cho toàn chúng nghe và hiểu. Ngày xưa ở Trung Hoa, đời Tống có ngài Ngũ Tổ Pháp Diễn tức là thiền sư Pháp Diễn ở núi Ngũ Tổ. Một hôm ngài ra trước pháp tòa nói với đại chúng:

- Hôm qua sơn tăng vào thành, thấy một hàng rào, bên trong là người gỗ. Liền lại gần xem, hoặc thấy đẹp đẽ kỳ lạ, hoặc thấy xấu xí vô kể, chuyển động đi ngồi, xanh vàng đỏ trắng mỗi mỗi thấy rõ. Xem kỹ thấy là miếng vải xanh bọc lại, bên trong có người điều khiển người gỗ. Lão tăng không thể chịu nổi, liền bước tới hỏi: "Anh tên gì?" Người đó nói: "Ông Hòa thượng **già,** xem là xong, hỏi tên làm gì?" Đại chúng! Lão tăng bị kia hỏi một câu khiến cho không

lời có thể đáp, không lý có thể bày. Vậy hôm nay có người vì lão tăng nói được chăng?

Toàn chúng im lặng, ngài liền đọc hai câu thơ:

Hôm qua trong ấy rơi cành

Ngày nay nơi này nhổ gốc.

Quý vị chưa quen nghe chuyện thiền sư nên thấy lạ. *Người* gỗ là để nói cái gì? Để nói cái thân của chúng ta đây. Thân mình có khi trang nghiêm đẹp đẽ, có khi cũng xấu xí kỳ dị. Lúc nào trang nghiêm đẹp đẽ? Lúc mình vui tươi, phải không? Vui tươi thì thấy thân trang nghiêm đẹp đẽ, còn lúc mình quạu, nổi giận thì thấy sao? Xấu xí kỳ dị. Rồi có đi, có lại, da mặt khi đỏ, khi trắng, khi thì xanh là ý gì? Tức là nổi giận thì mặt đỏ, sợ quá thì xanh, còn khi bình thường mặt tươi, trắng.

Như vậy để thấy con người biến chuyển đủ các dạng. Ngài lại tận nơi nhìn kỹ, thấy bên trong có người điều khiển người gỗ đó. Người điều khiển đó là ai? Nói tâm là sai rồi! Bởi vậy khi Ngũ Tổ Diễn hỏi ông tên gì, ông liền quở: "Ông Hòa thượng già! Xem là xong, hỏi tên làm gì!" Người đó là người không tên. Thân chúng ta hiện giờ đi lại làm tất cả công kia việc nọ, nói nín v.v..., ở trong có một người chỉ huy điều khiển. Vậy mà người ta chỉ biết có cái thân hoạt động mà không biết được người điều khiển.

Ngài thấy được người điều khiển, nhưng người điều khiển không có tên, vừa hỏi tên liền bị quở. Tới đây, ngài không có lời để nói, không có lý để giải, yêu cầu đại chúng nói giùm. Đại chúng cũng im lặng luôn, không ai nói được. Ngài liền nói hai câu thơ:

Hôm qua trong ấy rơi cành

Ngày nay nơi này nhổ gốc.

Nơi này nhổ gốc là sao? Nghĩa là hôm qua ngài thấy cảnh đó, người đó, cấm không cho ngài hỏi tên hỏi họ, đó là gãy cành gãy nhánh hết rồi. Hôm nay đem nhắc lại cho đại chúng nghe, ai nấy cũng không lời, đó là nhổ gốc luôn.

Tinh thần thiền thâm trầm như vậy đó, nói để cho quý vị nhớ. Tu hành đòi hỏi phải nhận ra con người chân thật của mình. Khi nhận ra được người chân thật thì không còn luyến ái nặng nề cái thể xác này nữa. Nếu chưa nhận ra thì đối với thể xác này mình quý lắm, vì mình chỉ biết có nó thôi. Còn nhận ra được cái đó rồi, thì thấy trong thể xác tạm bợ này còn có một vị chỉ huy cao cả. Người ta thường cứ nhìn ở ngoài, thấy người gỗ đẹp đẽ hay xấu xí, đi lại v.v..., chỉ biết bao nhiêu đó. Phải nhìn sâu vô mới thấy có người điều khiển.

Giờ mấy chú thấy người điều khiển chưa? Coi bộ khó quá! Chừng nào thấy người điều khiển rồi mới biết cái chủ động của thân này, còn chưa thấy tức chưa biết được người chủ, mà chưa biết ông chủ thì mình vẫn còn là kẻ lang thang. Cho nên trong chúng ai cũng phải tinh tấn, nỗ lực tu hành để làm sao nhận cho ra, thấy cho được ông chủ điều khiển ở bên trong đó.

Ngày 13-09 Mậu Dần (01-11-1998)

Hôm nay tôi chỉ kể lại câu chuyện của người xưa để trong chúng nghiệm kỹ, lãnh hội cho biết đường lối tu. Chuyện này tôi đã dẫn trong sách nhưng tôi vẫn muốn nhắc tới nhắc lui cho toàn chúng nhớ. Câu chuyện về thiền sư Duyên Quán ở Lương Sơn thuộc tông Tào Động. Một hôm thầy Tri viên đến hỏi ngài:

- Bạch Hòa thượng, khi giặc nhà khó giữ phải làm sao?

Ngài dạy: - Biết được thì không phải oan gia.

Hỏi thêm: - Sau khi biết được thì sao?

- Đày nó đến nước vô sanh.

Ông Tri viên lại hỏi: - Nước vô sanh đâu không phải là chỗ y an thân lập mạng?

Ngài nói: - Nước chết không chứa được rồng.

Ông Tri viên hỏi tiếp:

- Thế nào là nước sống chứa rồng?

- Dậy mòi mà không thành sóng.

- Chợt khi đầm nghiêng núi đổ thì sao?

Ngài bước xuống giường thiền nắm đứng ông Tri viên lại, bảo: - Chớ nói ướt góc ca-sa của lão tăng.

Qua đoạn đối đáp này quý vị xét coi ngài nói gì**?**

Câu hỏi đầu của ông Trị viên là: *Khi giặc nhà khó giữ phải làm sao*? Giặc nhà khó giữ là giặc nào quý vị biết chưa? Là giặc vọng tưởng, cứ làm rối loạn trong nhà hoài, mình không kìm chế được, hỏi phải làm sao? Ngài dạy: *Biết được thì không phải oan gia,* nếu biết được thì không phải kẻ thù trong nhà. *Biết* nó là sao? Đoạn này đúng với tinh thần tu ở thiền viện là *biết vọng*. Biết nó là vọng thì nó lặng, đâu có làm loạn nữa, còn nếu không biết ắt nó làm loạn, là kẻ thù trong nhà.

Quý vị thấy đường hướng ngài dạy thật cụ thể, giống như lối tu của mình, chỉ cần biết nó thì không phải oan gia. Hiện giờ tất cả chúng ta tu, khi niệm tưởng dấy, biết rõ nó là vọng không theo thì nó liền đầu hàng, chịu thua. Còn

nếu không biết thì nó gây đủ thứ việc, đủ thứ tội lỗi, nó là kẻ thù. Cho nên phải hiểu đường lối tu rõ ràng như vậy.

Ông Tri viên hỏi thêm: *Sau khi biết được thì sao*? Ngài nói: *Đày nó đến nước vô sanh,* nghĩa là đẩy nó đến nước vô sanh, chỗ không còn sanh diệt. Biết nó thì nó lặng, tâm liền được thanh tịnh.

Như vậy sẽ có một số người tu, khi vọng tưởng lặng rồi họ tự hài lòng thỏa mãn, vì chỗ đó là vô sanh rồi. Nhưng ông Tri viên lại hỏi: *Nước vô sanh đâu không phải là chỗ y an thân lập mạng*? Nghĩa là vô sanh có phải là chỗ an trụ để được yên ổn thảnh thơi không? Ngài trả lời: *Nước chết không chứa được rồng.* Chỗ đó là nước chết, dầu cho tới được chỗ vô sanh, vẫn còn là tiêu cực, chưa phải tích cực. Nó chỉ có định chứ không có tuệ.

Ông Tri viên hỏi lại: *Thế nào là nước sống chứa rồng?* Ngài đáp: *Dậy mòi mà không thành sóng.* Câu đó chí lý vô cùng! Mình tu không phải đưa vọng tưởng đến chỗ lặng lẽ là xong. Tôi thường nói, mình là chủ ngồi trong nhà, còn vọng tưởng là khách. Bởi nó là khách nên mình biết nó, chứ nếu nó là chủ thì mình đâu cần biết nó. Chủ thì không biết trở lại chủ, chủ chỉ biết khách. Vọng tưởng dấy lên mình thấy thì vọng tưởng là khách chứ không phải chủ.

Lâu nay chúng ta mê lầm cho vọng tưởng là chính mình, chứ không biết là khách, vì vậy mà theo nó tạo nghiệp sanh tử luân hồi. Bây giờ mình biết vọng tưởng, thấy được nó, không theo thì nó lặng; cũng như khách đã đi, người chủ nhìn thấy không có khách thì nhà yên lặng. Như người ngồi trong thất mà không có khách thì thấy thất yên, cái yên đó là thất yên chứ không phải thật mình. Cái thật mình là cái hằng tri hằng giác.

Lâu nay người ta được yên, mừng quá nói tới chỗ đó là cứu cánh, có chỗ gọi là Niết-bàn vì nó vô sanh, không còn dấy niệm. Không dấy niệm thì đâu có tạo nghiệp, cho nên nói đất vô sanh. Nếu chúng ta lầm, cứ chìm trong đó mãi thì không lợi ích, cho nên nhà thiền dạy đó là nước chết không chứa được rồng.

Ông Tri viên hỏi tiếp: *Thế nào là nước sống chứa rồng*?" Ngài trả lời: *Dậy mòi mà không thành sóng*, tức là có những gợn nhỏ lăn tăn, không phải là những lượn sóng to làm tàu thuyền phải nghiêng ngửa, chìm đắm. Như vậy để thấy rằng khi chúng ta không kẹt nơi chỗ yên lặng không có gì hết, thì chúng ta phải nhận ra ông chủ ngồi đó hằng giác hằng trị. Hằng giác hằng tri cũng giống như nước gợn gợn, nhưng trong đó không có niệm nào để gây nguy hiểm, để tạo nghiệp. Đó mới là thứ thiệt.

Ông Tri viên cũng là tay cao cường, hỏi: *Chợt khi đầm nghiêng núi đổ thì sao*? Ngài liền nắm đứng lại bảo: *Chớ nói ướt góc ca-sa của lão tăng*. Người tới chỗ nước sống chứa rồng rồi thì trong mọi hoàn cảnh, dù biến chuyển, đổi

dời, có chao đảo gì không? Ngài nói, dầu cho "đầm nghiêng núi đổ" gì gì đi nữa cũng không làm động, ướt góc ca-sa của ngài, vẫn an nhiên, vẫn tự tại, không dính không mắc.

Đó là một câu chuyện rất đơn giản, nhưng đạo lý thâm trầm, chúng ta tu phải hiểu cho tới nơi tới chốn. Nhiều khi mình tu được một phần nào đó rồi hài lòng thì không được. Phải đạt đến nơi đến chốn mới có thể được kết quả viên mãn.

Đó là câu chuyện tôi dẫn để nhắc cho toàn chúng nhớ ứng dụng tu. Người xưa nói hết sức đơn giản, cụ thể mà chứa đầy tinh thần tu hành trong đó.

Ngày 13-11 Mậu Dần (31-12-1998)

Buổi thỉnh nguyện hôm nay có một việc đáng buồn. Trong bản Thanh quy mở đầu đã nói: "Thiền sinh ở đây phải có thái độ dứt khoát đời ra đời, đạo ra đạo, tu phải đến nơi đến chốn, không thể có thái độ lưng chừng." Như vậy, đã chọn lựa, quyết tâm về đây tu không nên vì một sơ sót nhỏ mà bỏ dở sự tu. Tôi đã từng nói với đại chúng ở đây, tôi muốn cho toàn chúng không mất thời giờ vì việc đi đây đi kia ra ngoài. Tất cả thời gian, nội lực dồn hết trong việc tu hành. Có vị cũng ham tu, nhưng thường có việc đi ra ngoài quen biết nhiều người, thấy những cái mới lạ sanh tâm ưa thích, rồi phải rời chúng.

Đó là việc mình nên thấy trước, người mới tu còn nhỏ mà tiếp xúc bên ngoài nhiều thì khó tu, và khi một người trong chúng phạm lỗi thì rất dễ lây qua những người chung quanh. Cho nên kể từ đây về sau, những người đã có kinh nghiệm sống trong thế gian, không dễ bị quyến rũ thì mới cho đi ra ngoài. Còn những người thiếu kinh nghiệm và dễ bị ngoại duyên lôi kéo thì nên cố gắng ở tại nội viện tu hành. Ban lãnh chúng không nên sắp đặt cho những vị đó đi ra ngoài nhiều.

Những điều tôi lo ngày xưa, ngày nay càng thấy rõ không sai. Cho đi ra ngoài nhiều, từ chỗ tốt, lần lần gần người thế tục rồi lem lấm, xảy ra những chuyện lôi thôi, cho nên phải ngăn ngừa trước. Làm sao cho toàn chúng, đã vào đây rồi thì chỉ một việc tu thôi. Phải đem hết tâm tư, ý chí để tu hành cho đạt được phần nào trên con đường đạo. Chứ không thể đến đây năm năm, mười năm rồi thối chuyển trở lại, thật là đáng tiếc.

Chúng ta tìm hết cách, tạo đủ duyên, để sách tấn, thúc đẩy nhau tu hành. Không làm được điều đó là một thất bại lớn của chúng ta. Cho nên toàn chúng đều phải cảm thông nhau. Tại sao tôi lựa người lớn tuổi, những người có kinh nghiệm nhiều cho làm ở ngoại viện? Vì tôi từng tuyên bố với tăng chúng là ban tri khách, ban hương đăng, ban thư ký... phải làm những phần việc tiếp xúc bên ngoài nhiều, đó là những người hy sinh cho tăng chúng.

Quý vị đó dù cho cứng cỏi, không vấp những chuyện dở nhiều, nhưng cũng dễ loạn tâm, vì phải lo nghĩ, phải đối phó với những việc bên ngoài. Đó là những người hy sinh cho huynh đệ được yên ổn tu. Như việc lo giấy tờ chẳng hạn, cũng phiền toái lắm chứ không phải đơn giản. Từ giấy tờ tạm trú tạm vắng, rồi giấy tờ xây dựng, giấy tờ thọ giới... người chạy lo phải kiên nhẫn, chịu khó mới xong việc. Khi có người thay mình chịu cực khổ khó khăn để cho mình yên tu thì phải biết đó là diễm phúc lớn. Nên ai được ngồi yên tu, phải nghĩ rằng mình là người được dành ưu tiên để tu chứ không phải là kẻ thiệt thòi. Đừng nghĩ rằng những người đi ra ngoài là sung sướng hay được ưu đãi. Chính người ngồi lại tu, không có chuyện gì phiền phức mới là người được ưu đãi. Còn người phải đi đây đi kia là kẻ bị thiệt thòi.

Đại chúng phải hiểu rõ như vậy, đừng nghĩ tại sao người đó cưỡi xe chạy đầu này đầu kia, còn mình không được; nghĩ như vậy là sai lầm lớn. Quý vị nên hiểu rằng tri khố, tri khách, hương đăng, thư ký là những người đang chịu cực thay mình, nên phải thương quý những vị đó, đừng phân bì cho rằng những vị đó được ưu đãi.

Tôi vì thương tăng chúng, nghĩ rằng mấy chú còn trẻ mà quyết tâm tu hành, thì tôi có trách nhiệm bảo bọc để mấy chú tu được đến nơi đến chốn. Nên khi sắp đặt mọi công tác trong thiền viện, tôi nhắm người nào có thể tu được, nhưng đã cứng cỏi rồi, không có gì quyến rũ nổi, thì tôi cho làm trách nhiệm bên ngoài. Còn người nào cũng tu được, tu giỏi nhưng còn sợ bị quyến rũ thì tôi giữ ở trong nội viện để ráng kìm chế, tu cho tới bao giờ tôi thấy những người đó xứng đáng thay tôi, thay cho tăng chúng đi lo Phật sự thì tôi mới yên tâm.

Những vị mới tu hoặc tu chưa đến nơi đến chốn mà phải đi ra ngoài, đương đầu nhiều việc, thế nào sự tu cũng bị suy giảm, có khi quên mất. Hiểu vậy rồi trong chúng phải yên lòng và mang ơn những người đang hy sinh để cho mình yên tu.

Giá trị của người tu không phải là chức quyền hay được tự do thong thả, mà là đạt được đạo lý. Mình ngồi tu mà thâm nhập được đạo lý, sáng tỏ được mục tiêu mình nhắm, kết quả đó mới xứng đáng một đời tu. Chứ giả sử mình có chức quyền, có tiền bạc hoặc được đi đây đi kia thong thả, cái đó là tạm chứ không thật. Xứng đáng một đời tu của mình mới là cội gốc, còn tất cả chỉ là ngọn ngành, những thứ phụ thuộc. Bởi vậy trong chúng mỗi vị phải ráng tự tu.

Gần đây tôi nghe đồn trong tăng chúng có một hai người than: Ở đây tu riết rồi mình dốt, sau ra làm Phật sự không được. Nghe câu đó tôi cười, vì thấy người nghĩ như vậy, nói như vậy là quá dốt. Các vị thiền sư thường nói: “Chỉ sợ không thành Phật, chứ đừng sợ thành Phật không biết thuyết pháp.” Câu

này quý vị ráng nhớ. Nếu nghĩ tôi phải đi học để tới lúc thành Phật tôi mới thuyết pháp được thì đó là quan niệm sai lầm.

Đã là Phật, câu nói nào cũng là lời Phật; là tổ, câu nói nào cũng là lời tổ. Không phải có bằng cử nhân, tiến sĩ mới là tổ, là Phật. Cứ nghĩ lầm là mình phải đi học ở ngoài cho giỏi để khi chứng quả, thuyết pháp mới được. Không phải như vậy. Quý vị thấy Lục tổ Huệ Năng, ngài học trường nào mà những lời ngài dạy, bây giờ gọi là Kinh Pháp Bảo Đàn, hàng tín đồ Phật giáo cả thế giới đều quý trọng? Trường nào đào tạo ngài?

Cho nên rõ ràng sự tu giá trị ở chỗ *thấy đạo* hay *sáng đạo*. Được vậy rồi, nói đông nói tây gì cũng không ngoài đạo. Nếu mình chưa sáng đạo, dù dùng văn chương bóng bẩy bao nhiêu cũng chỉ ở ngoài da thôi. Bởi vậy tôi tin rằng những người tu được, tu có kết quả dù nói không hay cũng là người đáng tin cậy. Còn những người nói năng lưu loát, văn chương trôi chảy mà không thấm được đạo, không hiểu đạo thì cũng là bỏ thôi, không dùng vào đâu được.

Do đó toàn chúng nên xét kỹ việc mình đang làm, đang tu. Điều gì xứng đáng, đúng lẽ thật thì mình đem hết tâm trí để làm, còn những thứ không hợp lẽ thật nên bỏ qua. Đừng ngồi đây mà nhớ chỗ khác, rồi tủi thân rằng mình không có bằng cấp gì hết. Người ta có bằng cử nhân, tiến sĩ còn mình ở đây dốt, đừng nghĩ vậy. Dốt chữ không bằng dốt đạo, dù có bằng cấp gì đi nữa mà không hiểu đạo thì cũng bỏ thôi, không thể truyền đạo được. Dù cho chúng ta dốt chữ nghĩa mà đạo lý thâm sâu thì vẫn truyền đạo được. Một câu nói dù rất tầm thường mà hợp đạo lý cũng là quý giá.

Hiểu vậy rồi toàn chúng phải quyết tâm tu, đừng nên đua đòi. Đừng nghĩ người ta học được tiếng này tiếng nọ truyền đạo dễ, còn mình chỉ biết tiếng Việt Nam không đủ. Tôi không học tiếng ngoại quốc gì hết, mà người ngoại quốc tới học với tôi, là sao? Vì mình có cái người ta thấy hay nên tới học, chứ không phải biết tiếng nước ngoài mới là người hay. Dù mình biết tiếng nước ngoài cũng chỉ chút ít. Người ta tới học với mình là học đạo lý, chứ không phải vì mình nói được tiếng của họ.

Hiểu như vậy, quý vị phải cố gắng tinh tấn tu hành, tự mình thâm nhập được đạo lý thì tất cả đều tốt. Còn không thâm nhập đạo lý, chạy đông chạy tây rồi cũng chẳng ra gì. Vậy mong toàn chúng hiểu và tu hành tinh tấn, đừng có tâm so đo với người trong viện hoặc mơ ước những chuyện bên ngoài, đều không hợp lý.

Trong nội quy phần phụ, tôi cũng đã nói không được ở đây mà trông ở kia, nếu có tâm hướng ngoại thì người đó sớm muộn gì cũng tự rút lui. Vậy tất cả chúng cố gắng tinh tấn tu.

Ngày 13-12 Mậu Dần (29-01-1999)

Buổi thỉnh nguyện hôm nay, vài người có lỗi dù nhỏ cũng ra sám hối, ngoài ra đều được thanh tịnh. Đây là buổi thỉnh nguyện tốt, không có lỗi lầm gì đáng kể. Mong rằng kỳ thỉnh nguyện cuối năm này trong chúng tất cả đã được thanh tịnh thì sang năm càng thanh tịnh hơn. Đó là chỗ mong mỏi của tôi. Giờ đây tôi có ít lời nhắc nhở chúng.

Toàn chúng tu hành trong nề nếp này, tôi nghĩ tất cả đều đã cố gắng. Nhưng lâu nay tôi không nhắc về tinh tấn, nên hôm nay tôi nhắc cho toàn chúng nghe. Nếu chúng ta tới giờ thiền cũng lên ngồi, nhưng ngồi êm êm một lát rồi gục tới gục lui, không làm chủ được thì có tinh tấn không, quý vị xét xem?

Cũng là ngồi thiền như ai, mà người ta tỉnh táo còn mình ngủ gục. Điều này rất hệ trọng trong sự tu. Vì khi ngồi thiền, nếu mình để thả lỏng một hồi rồi ngủ gục lên gục xuống, hoặc chảy nước dãi, đó là hiện tượng giải đãi. Người ngồi thiền có hiện tượng đó thì lấy gì trị? Phải lấy đức tinh tấn mà trị nó.

Lúc ấy phải ngồi cho vững lại, mở mắt sáng ra, kìm cho thân mình nghiêm chỉnh đừng để lơi lỏng. Luôn giữ tinh tấn như vậy chừng mười phút hay nửa giờ thì cơn ngủ mới tan, chứ dầu người giám thiền có đánh một cái hơi tỉnh tỉnh, buông ra lại thả trôi, một lát cũng ngủ gục nữa. Cứ như vậy ngủ hoài không có giờ tỉnh. Cho nên khi ngồi thiền phải giữ cái nếp luôn luôn tinh tấn.

Khi không buồn ngủ thì mình ngồi thảnh thơi, buông thả để cho tâm nhẹ nhàng. Nhưng khi thấy có triệu chứng buồn ngủ, muốn chảy nước miếng thì phải nghiêm chỉnh kìm giữ, mới tránh được cái nạn ngủ gục. Tôi nghe trong chúng ngủ gục cũng khá nhiều, đó là một bệnh sau này tu không tiến. Đây là tôi nói tinh tấn trong lúc ngồi thiền.

Thứ hai là tinh tấn trong khi bệnh hoạn. Quý vị lúc bệnh hoạn thì sao? Nằm lăn rên rỉ hay làm gì nữa? Tôi thấy vừa rồi có nhiều thầy bệnh, khán bệnh đem thuốc đến không chịu uống, cứ để cho bệnh kéo dài. Đây cũng là khuyết điểm. Người ta đau không có thuốc uống, ở đây đủ thuốc mà không chịu uống là quá dở. Hơn nữa, thuốc ở đây đa số là của Phật tử nước ngoài gửi về cho, thuốc tốt chứ không phải tệ. Quý vị lại không chịu uống, để chờ đi đây đi kia rồi cũng mua thuốc như vậy thôi chứ đâu có khác.

Như hôm rồi tôi bệnh, bác sĩ vô coi rồi cho toa mua thuốc. Khi Thông Thuyết đưa những thứ thuốc của mình ra, bác sĩ nói thuốc này tốt quá. Như vậy thuốc mình có là thuốc tốt chứ đâu phải xấu. Còn nếu bệnh do cảm hay trúng gió thì cố gắng tăng giờ ngồi thiền, điều hòa thân nhiệt, cũng trị được bệnh cảm. Hơn nữa khi ngồi thiền, thân ấm áp khiến gió độc hay gió lạnh bên ngoài không xâm phạm, như vậy là một cách giúp thân mình khỏe mạnh.

Ngày xưa ở Chơn Không, mỗi khi nhảy mũi, bị cảm nhẹ thì tôi ngồi thiền. Giả dụ bình thường mình ngồi một giờ rưỡi, bữa nay bị cảm thì ngồi thêm mười lăm phút. Mười lăm phút ngồi chịu đựng đó toát mồ hôi, xả thiền ra thấy khỏe, lau mồ hôi sạch rồi tập thể dục "Lộc lô song quan". Như vậy mấy năm liền tôi không bị cảm, chỉ bây giờ lớn tuổi rồi không đủ sức, với lại công việc hơi bất thường nên đôi khi bị cảm, chứ ngày xưa tôi điều hòa được thì ít khi bệnh.

Đó là do sự cố gắng của mình, chứ nhiều khi huynh đệ không biết, cứ tưởng khi có bệnh nằm nhiều sẽ khỏe, mau hết bệnh. Sự thật, càng nằm bệnh càng nặng. Cho nên tới giờ tu cứ tu như ai vậy, riết rồi qua được cơn bệnh.

Ngoài ra, trong cuộc sống lúc nào chúng ta cũng phải nỗ lực, cố gắng tu, làm tốt những công tác mình đã nhận lãnh. Ở đây tôi dẫn câu chuyện trong kinh cho quý vị thấy.

Trong kinh hệ Pāli có kể chuyện tôn giả Tissa. Ngài sanh trưởng trong một gia đình giàu có, cha mẹ mất hết chỉ còn có người em, ngài phát tâm xuất gia, giao hết gia tài sự nghiệp cho người em. Từ khi vào đạo ngài luôn luôn tinh tấn.

Người em dâu nghĩ rằng: "Tuy anh mình đi tu, nhưng biết đâu một lúc nào đó anh ta thối tâm, trở về đòi sự nghiệp lại thì mình sẽ nghèo đói, hoặc hưởng ít đi." Cho nên cô mưu đồ với một toán cướp, nếu tìm giết được ngài thì cô sẽ thưởng một số bạc lớn. Bọn cướp được lệnh đó đi tìm ngài. Hôm đó ngài đang tọa thiền một mình trong rừng, bọn cướp đến bao vây, đòi giết, ngài nói:

- Khoan, các anh hoãn lại cho tôi năm ba hôm rồi hãy giết.

Bọn cướp nói:

- Hoãn sao được! Chuyện này phải làm ngay chứ hoãn không được.

Ngài năn nỉ một lần nữa họ cũng không bằng lòng, sợ chần chừ ngài bỏ đi mất. Sau cùng ngài lấy một cục đá đập gãy hết hai chân, nói:

- Hai chân tôi đã gãy, tôi hứa với các anh rằng tôi không trốn đi đâu hết, các anh cho ba hôm để tôi làm xong việc rồi các anh giết, tôi rất hoan hỷ.

Mấy tên cướp thấy như vậy hoảng quá rút lui hết. Sau đó ngài ngồi thiền ở trong rừng, chuyên tu nhiếp niệm. Hai chân gãy đau như vậy mà ngài quên đau, ráng tu. Nhiếp tâm đến ngày thứ hai thì ngài ngộ đạo chứng quả A-la-hán.

Quý vị thấy người xưa tu hành thế đó, gãy hai chân mà vẫn ngồi tu, vẫn chịu đựng, liều chết nên đạt đạo. Còn mình bây giờ thì sao? Hơi khó chịu một chút đã thối lui rồi, không dám quên thân liều chết. Bởi vậy, trong khi tu, tôi

nói mãi rằng ai can đảm, dám liều chết thì người đó sẽ sống, còn người sợ chết quá nhất định sẽ chết. Không chết ngày này cũng chết ngày khác.

Trên đường tu, lúc nào cũng lấy gương tinh tấn của người xưa mà cố gắng. Đừng chần chừ, đừng bỏ qua. Thời gian không đợi mình, tuổi ngày càng già, cái chết càng gấp, nên phải cố gắng, tinh tấn, đừng bỏ phí thời giờ quý báu. Nhờ đó chúng ta tu sẽ đạt được kết quả tốt.

Nếu tu mà cứ thả trôi, thả lỏng, tới đâu hay đó, thì không bao giờ tiến. Tu không tiến tức sẽ móng tâm muốn làm cái này, học cái kia, để có danh có lợi. Đó là tâm lui sụt, trở lại tìm những cái ngày trước mình chê bỏ.

Mong đại chúng lúc nào cũng có ý chí mãnh liệt, tinh tấn tu hành, đừng có những ý niệm yếu đuối, để uổng phí một đời, rốt cuộc rồi không đi tới đâu hết.

THỈNH NGUYỆN NI

Ngày 28-05 Mậu Dần (22-06-1998)

Buổi thỉnh nguyện này toàn chúng thanh tịnh, chỉ có ít lỗi nhỏ vô tình, không có lỗi nào quan trọng, đó là tiến bộ của chúng. Sau đây Thầy có ít lời nhắc nhở.

Hôm nay Thầy nhắc lại câu hỏi của Phật tử vừa hỏi tại Thường Chiếu mà Thầy chưa có thời gian trả lời. Câu hỏi này có liên hệ tới Thanh quy thiền viện. Phật tử đó đọc trong Thanh quy thấy có câu "đời ra đời, đạo ra đạo", nghĩa là chúng ta tu không được có thái độ lưng chừng. Phật tử đó hỏi: "Hiện nay Giáo hội chủ trương đem đạo vào đời, sao Thầy nói đời ra đời, đạo ra đạo? Vậy là tách rời đời đạo được sao?"

Câu hỏi có liên hệ tới bản Thanh quy của mình, nên bữa nay Thầy giải thích cho tất cả tụi con hiểu, để mai kia có ai hỏi không bị lầm lẫn. Trong Giáo hội nói *đem đạo vào đời*, là đem giáo lý của Phật giáo hóa mọi người biết tu hành, biết làm việc lành, hoặc tăng ni làm việc từ thiện đem lại lợi ích cho xã hội. Đó là công tác của người truyền đạo. Còn ở đây Thầy nói *đời ra đời, đạo ra đạo* là ngay mỗi cá nhân, người tu là người thoát tục, người đời là người thế tục. Đây nhằm nói lên tư cách, thái độ và tâm niệm của người tu khác với người thế tục. Phải dứt khoát đừng để người tu giống lẫn như người thế tục.

Trước hết nói về tư cách. Tư cách người tu lúc nào cũng nghiêm trang tề chỉnh, từ cách đi đứng, nói năng, hành động đều đứng đắn chứ không lôi thôi. Dù gặp việc không bằng lòng cũng phải nhẹ nhàng, nói năng hòa nhã.

Kế đến là thái độ người tu, người tu luôn nhớ mình là người tỉnh, còn người chưa biết đạo là kẻ mê. Người tỉnh làm tất cả việc vì lợi ích cho mọi người chứ không vì bản ngã của mình, đối với kẻ mê lúc nào cũng có thái độ xót thương, tha thứ. Tụi con ở trong chúng đây có đủ thái độ đó chưa? Tu là vì người, tha thứ hết những lỗi lầm của kẻ khác, chứ không hận thù, ghét bỏ, cũng không có những thái độ muốn trả oán hay báo thù. Như vậy mới là thái độ của người tu, nếu ngược lại thì chưa xứng đáng là người tu.

Thứ ba là tâm niệm người tu luôn hướng về giải thoát sanh tử, xả thân vì chúng sanh chứ không vì danh vì lợi. Lúc nào cũng thấy đời mình là một cuộc quyết tâm tiến lên đường giải thoát, không thể bị lùi hay bị trói buộc trong sanh tử nữa. Người đã có tâm đó, khi thấy điều hay của đạo, thấy đường giải thoát rõ ràng thì sẵn sàng làm tất cả lợi ích để đánh thức mọi người, giúp họ cùng được giải thoát như mình, đó là tâm niệm người tu. Người tu lúc nào cũng phải tự tỉnh tự giác, dè chừng xem xét từng ý niệm tốt xấu, chứ không đợi người khác rầy la.

Như vậy tụi con thấy người tu là phải dứt khoát từ tư cách, thái độ, tâm niệm, chứ không lẫn với người đời. Nói về người đời, tụi con thấy tư cách họ thế nào? Người đời ăn uống, vui chơi tự do, không có gì ràng buộc hạn chế, cho nên có khi làm chuyện sai quấy, phạm lỗi lầm rồi bị luật pháp trừng trị... Đó là cách sống không biết tự chế, không biết gìn giữ nên có khi đưa tới những hậu quả không tốt. Khi thích ý thì vui cười hỷ hả, có cái gì không bằng lòng liền la lối om sòm.

Còn thái độ người đời ra sao? Họ đa phần làm việc gì cũng nghĩ tới mình, gia đình mình, nghĩ tới danh lợi chứ ít ai hy sinh làm lợi ích cho mọi người mà quên bản thân. Và tâm niệm người đời thì lúc nào cũng muốn được chức cao quyền lớn, muốn cho mình được đầy đủ sung túc, muốn cả thế gian đều quý kính v.v... Vì vậy đôi khi họ làm việc lỗi lầm mà không biết, sai quấy cũng không hay, chỉ muốn được mọi thứ để thỏa mãn ý mình.

Như vậy tư cách, thái độ và tâm niệm của người tu lúc nào cũng hướng về con đường chân chánh giải thoát, cho nên khác hẳn người thế tục. Nếu một người tu có tư cách bướng bỉnh, hoặc thích chạy theo dục lạc thế gian thì còn xứng đáng gọi là người tu nữa không? Vậy nên tư cách người tu phải khác hẳn người thế tục, đó là đạo ra đạo.

Kế đến, người tu nếu có thái độ ích kỷ, cái gì cũng muốn mình hưởng, mình được thì không xứng đáng chút nào, vì người tu lúc nào cũng sẵn sàng giúp người, không nghĩ tới mình, thương người nhiều hơn thương mình. Tụi con thấy mình có được như vậy chưa? Cho nên tụi con phải cẩn thận dè dặt, nếu còn thương mình nhiều hơn thương người thì chưa phải là xả thân cầu đạo. Thông thường người đời làm là để họ hưởng, còn mình làm là quên thân vì đạo chứ không phải vì mình. Tụi con phải nhớ điều đó, những gì làm chưa được phải ráng làm cho được.

Sau cùng, tâm nguyện của người tu là tâm nguyện giải thoát, cứu độ chúng sanh, hết sức cao quý; khác hẳn tâm niệm của người thế gian, chỉ muốn cho mình được danh to chức lớn, muốn gom tất cả các quyền lợi về mình.

Câu nói này hết sức đơn giản: *đời ra đời, đạo ra đạo*, thấy thật dễ nhưng xét kỹ thực hành rất khó. Nếu không thực hiện đủ mấy điều Thầy vừa nói thì chưa hẳn là đời ra đời, đạo ra đạo. Người tu phải khác hơn người chưa tu. Nếu mình không có được thái độ, tâm tư siêu thoát như vậy thì mình giống như người không tu rồi.

Tóm lại, Thầy nhắc lần nữa câu hỏi của người đó: Giáo hội hiện nay chủ trương *đem đạo vào đời* mà tại sao Thầy lại tách đời riêng đạo riêng? Để trả lời cho dễ nhớ là Giáo hội chủ trương đem đạo vào đời là nói tới hành động

người tu, không nên nghĩ mình tu để yên thân một mình, mà phải đem đạo giáo hóa cho mọi người bớt khổ đau. Đó là nói chuyện hoằng hóa độ sanh.

Còn ở đây Thầy nói *đời ra đời, đạo ra đạo* là nói tư cách, thái độ, tâm nguyện của đạo và của đời, dứt khoát hai bên không lẫn lộn. Nếu một người tu mà hiếu danh hiếu lợi thì có đúng là người tu chưa? Cho nên người tu phải xả kỷ vị tha, tức là quên mình vì mọi người, đó mới đúng với tư cách người tu.

Vậy tụi con nhớ để mai kia có ai hỏi thì biết trả lời không lầm lẫn. Không phải nhớ để trả lời thôi mà còn nhớ để thực hành cho xứng đáng đời ra đời, đạo ra đạo nữa. Đó là lời Thầy nhắc nhở hôm nay, mong tất cả nhớ và thực hành.

Ngày 28-05 nhuần Mậu Dần (21-07-1998)

Người có lỗi ra sám hối, người không lỗi xin chỉ dạy, đó là tinh thần thỉnh nguyện. Bây giờ Thầy nhắc tụi con. Tất cả tụi con thường nghĩ mỗi ngày đêm mình có ba thời tọa thiền, một thời sám hối, đó là tu. Ngoài ba thời đó ra còn tu nữa không? Đây là vấn đề hôm nay Thầy nhắc cho toàn chúng.

Trong chúng ai cũng mong mình tu luôn gặp thuận duyên, từ huynh đệ đến thầy bạn đều tốt với mình, như vậy tu mới yên. Còn nếu huynh đệ, thầy bạn thấy cái gì không bằng lòng, nhắc nhở thì mình bất an tu không được. Như vậy là chưa biết tu.

Phàm người xuất gia học đạo mà mọi việc đều như ý hết thì tu có tiến không? Bởi vì tu là chuyển đổi những cái dở, xấu, hư hèn để trở thành hay tốt, trong sạch.

Như vậy trong khi mình có cái dở xấu sẵn mà không gặp duyên nghịch thì nó có trỗi dậy không? Nó cứ nằm im làm đó, vậy biết đâu mà tu. Cho nên cần có duyên huynh đệ làm trái ý mình, điều mình không bằng lòng mà họ lại làm, lại nói. Khi đó mình phải tu làm sao? Nổi sân la lên phải không? Đây là cơ hội tốt để tu. Tuy không bằng lòng mà mình vẫn giải quyết tốt đẹp, thông qua một cách dễ dàng, đó chính là tu. Nếu gặp trở ngại liền nổi sân si thì đâu có tu.

Giờ ngồi thiền, tụng kinh là giờ không ai động chạm tới mình, chỉ có ngồi yên tịnh hoặc tha thiết sám hối trước Phật. Nếu có là tự mình xâm phạm mình thôi. Chính những giờ sắp đặt công tác, cùng chung lao động hoặc làm công tác với nhau, huynh đệ có những ý kiến hoặc hành động không thích hợp với mình, đó là cơ hội tốt để mình khéo tu, khéo thấy được tâm mình.

Tụi con có tin mình hoàn toàn tốt đẹp, hoàn toàn thanh tịnh không? Còn chừng bao nhiêu phần trăm chưa thanh tịnh, chưa tốt đẹp? Như vậy tụi con biết rằng trong chúng đây chưa có ai hoàn toàn tốt hết. Giả sử có người tốt được sáu mươi, bảy mươi phần trăm, hoặc tám mươi, chín mươi phần trăm, thì ít ra

cũng còn mười, hai mươi, ba mươi phần trăm chưa tốt. Chúng ta phải thông cảm họ còn chỗ chưa tốt, và tự biết mình cũng chưa hoàn hảo.

Khi xử sự với nhau, người ta bộc lộ cái chưa tốt, mình phải xét lại mình đã tốt hay còn xấu. Người ta chưa tốt thì mình phải tốt, người ta nói xiên xéo hoặc nói móc để mình bực bội, nhưng khi nghe nói xiên xéo mình vẫn tươi cười, nói móc máy mình vẫn an nhiên, vậy mới tốt. Nếu họ móc mình một, mình móc lại tới bốn, thì tốt không? Vậy là họ xấu một mà mình trả tới ba bốn. Ít có ai trả lại công bình, người ta xấu một thì mình xấu hai ba chứ không chịu thua. Đó là chưa biết tu.

Làm sao sống trong huynh đệ, ai còn nhiều tật xấu, mình nên thương xót vì họ còn những cái dở, rồi nhắc nhở, khuyến dụ họ bỏ để trở thành người tốt. Nếu họ hiển lộ cái xấu rồi mình bươi cái xấu đó ra hoài, làm như vậy họ hết xấu không? Càng bươi họ càng bực, bực thì xấu thêm. Như vậy mình tu không được tốt mà còn làm cho huynh đệ tu không tốt luôn.

Tụi con khéo tu là khi thấy huynh đệ có những điều dở xấu, tụi con càng thương họ tu lâu rồi mà không bỏ được. Thương thì đâu có thù, phải không? Còn trả thù là chưa thương. Nếu không trả thù mà nói bậy bạ ít câu cũng chẳng lương thiện. Người ta xấu một, mình trả lại tới hai ba cũng không lương thiện.

Tóm lại người khéo tu khi thấy có huynh đệ tu trước mình còn dở, nên khởi niệm thương, tội nghiệp họ tu lâu mà chưa bỏ được thói xấu. Thương họ là tụi con biết tu, ngược lại bực bội giận hờn là chưa biết tu. Nếu người tu sau mình còn dở nhiều thì mình càng thương, vì họ mới tu, dọn dẹp tâm chưa sạch nên còn nhiều lỗi lầm. Phải thương để dạy bảo, khuyên lơn chứ không phải thấy họ có chỗ dở rồi tìm cách bươi móc, nói xiên xỏ này nọ cho họ phiền não. Họ phiền não, mình có hết phiền não không? Như vậy là tự mình gây phiền não cho người và tạo phiền não cho mình, thì dầu có ngồi thiền, sám hối cũng không được thanh tịnh. Đó là trở ngại.

Ở trong chúng đây ai cũng là người tu hết, có người nào không tu đâu. Không tu thì không được vào đây. Tuy quyết tâm tu nhưng còn những cái dở, yếu, còn những điều chưa thực hành được, tụi con thấy phải khuyên nhắc và trợ lực để cho họ vượt qua trở ngại đó. Vậy là biết thương nhau, giúp đỡ nhau. Ngược lại, nếu trông thấy chỗ dở của huynh đệ, bươi móc để nói với người này người kia, rồi xì xào bậy bạ để cho họ phiền não thêm, đó là tụi con không biết tu, lại làm cho huynh đệ tu cũng không được nữa. Đây là điều rất dở. Ở trong chúng ai có những thái độ đó là chưa biết tu, chưa thanh tịnh.

Tụi con phải biết xét kỹ lại. Ngày nay ở trong chúng, tụi con là thiền sinh ở tại thiền viện, nhưng thời gian khác không biết xa hay gần, sẽ có những đứa đi ra làm Phật sự nơi này nơi kia. Mà khi ra làm Phật sự, những người tụi con

sẽ tiếp xúc biết tu như chúng ở đây hay là chưa biết tu? Như vậy khi thấy người cùng chung sống với mình có những tật dở, mình đừng để lòng hoặc sân si, mà nên thông cảm, khởi tâm từ bi thương xót, dạy bảo, khuyên lơn, giúp đỡ cho huynh đệ ai cũng an ổn, vui tươi để tu hành.

Tụi con sống trong huynh đệ là giai đoạn tu nhân, mai kia ra làm Phật sự là tu quả. Trong lúc giúp đời giúp người tụi con sẽ gặp nhiều khó khăn, nhiều điều xấu dở hơn, nhưng nhờ được rèn luyện trước tụi con có thể vững vàng vượt qua được. Nếu ngày nay sống chung với huynh đệ là những người hiền lành, những người cố gắng tu mà tụi con vẫn cố chấp, giận hờn, thì mai kia ra làm Phật sự liệu làm được cái gì? Ra làm cũng giận hờn phiền não. Rốt cuộc trong giai đoạn tu mình không tiến, đến lúc ra làm Phật sự cũng không tròn, đó là làm hỏng cuộc đời tu của mình.

Hy sinh trọn vẹn một đời cốt để tiến tu cho được thanh tịnh, trí tuệ sáng suốt, mà trong khi tu mình tự phá hoại, không để cho tâm được thanh tịnh sáng suốt, đó là si mê. Mình tạo chướng cho mình rồi gây trở ngại cho người khác. Đời tu của mình hy sinh để làm lợi ích chúng sanh mà ngay nhân này chưa làm được chút gì, sau ra ngoài tụi con gặp chướng nhiều tự nhiên sẽ thối tâm, không làm được việc gì cho đạo. Như vậy có uổng đi một đời tu không? Thật là vô giá trị! Trong lúc mình đang tu không được gì, lúc làm Phật sự cũng không ra chi, có phải tụi con cướp công sinh thành của cha mẹ, phụ lòng thương yêu, giúp đỡ của đàn-na thí chủ không?

Cho nên tất cả tụi con phải xét kỹ lại mình, sống với huynh đệ phải tập lần lần. Những lúc thấy chỗ dở của người hoặc bị người dùng lời châm biếm, chọc ghẹo, đó là cơ hội để mình tu. Đừng nghĩ tu sao còn thói xấu như vậy rồi trách người này người kia trong khi bản thân mình còn rất nhiều thứ tệ mà không tự trách. Đó là thiếu sót, không hay.

Mong rằng tất cả cố gắng hơn. Đã hy sinh trọn đời để tu hành, tụi con phải thực hiện cho được những lý tưởng của mình. Làm sao hiện tại xứng đáng là người tu, mai sau làm lợi ích cho chúng sanh, đừng để dở dang uổng đi một đời, đó là tội lỗi. Mong tất cả cố gắng.

Ngày 28-06 Mậu Dần (19-08-1998)

Đây là buổi thỉnh nguyện cuối mùa an cư. Nhắc cho trong chúng biết, tinh thần thỉnh nguyện tức là tinh thần *tự tử*. Sau ba tháng an cư tất cả chúng theo thứ tự xin trên quý vị lớn và đại chúng ai có thấy lỗi lầm trong mùa an cư xin chỉ dạy, sẽ nhận lỗi và sám hối.

Tinh thần tự tứ rất cao thượng. Bởi vì nhiều khi mình ở trong chúng làm những điều sai quấy mà không tự biết, nhờ đại chúng chỉ lỗi cho hoặc nhờ những vị trưởng thượng thấy lỗi chỉ dạy. Nhờ vậy lỗi lầm của mình mỗi ngày

mỗi tiêu giảm. Nếu mình không yêu cầu chỉ dạy, những lỗi lầm tuy nhỏ để lâu ngày thành to thì kết quả không được tốt. Nên thể theo tinh thần của ngày Tự tứ, quý Thầy thành lập ra lễ thỉnh nguyện để toàn thể tăng ni các thiền viện, mỗi tháng nếu thấy lỗi ra phát lồ sám hối, bằng không thấy thì cầu xin được chỉ lỗi để sám hối. Nhờ vậy mà đường tu hành được thanh tịnh. Đó là điều căn bản của sự tu.

Theo kinh nghiệm, quý Thầy thấy rằng người nào ở trong đạo tu hành thanh tịnh, giới đức thanh tịnh thì người đó tu rất dễ tiến, mau có kết quả. Còn người nào lôi thôi, cũng cố gắng tu nhưng kết quả rất ít, đó là lẽ thật. Trong sách thiền có dạy người muốn tu trước hết phải sám hối những lỗi lầm cũ. Nếu lỗi lầm nhỏ thành tâm sám hối lần lần sẽ tiêu giảm, còn lỗi lớn thì phải tha thiết sám hối cho tới bao giờ thấy những tướng lạ, chừng đó mới tiêu giảm. Nếu được như vậy thì tu thiền có kết quả tốt.

Nếu ai có lỗi lầm mà cứ giấu giếm thì sau này tu không tiến bộ. Bởi thấy như vậy nên Thầy mới soạn Thanh quy, cho thỉnh nguyện mỗi tháng. Thầy muốn tăng ni ở thiền viện nào cũng đều ý thức tinh thần giới đức và nhận rõ những gì mình còn sai sót. Tự mình không thấy thì yêu cầu tất cả huynh đệ nếu có thấy chỉ cho, nhờ đó lỗi lầm từ lớn đến nhỏ đều hết sạch. Được thanh tịnh rồi sự tu mới tiến, những bước tiến đó rất là quan trọng.

Vậy nên toàn chúng phải hiểu tinh thần thỉnh nguyện của mình, ráng cố gắng tu. Nhất là đối với những người bạn tu chung quanh, nếu thấy ai có lỗi mà chưa sám hối, phải chỉ giùm, đừng im lặng hoặc che giấu, không đúng tinh thần thỉnh nguyện. Đó là Thầy nhắc để cho trong chúng biết tinh thần thỉnh nguyện.

Kế đây Thầy muốn nhắc một điều nữa. Đọc trong Quy Sơn Cảnh Sách chắc tụi con nhớ câu Tổ dạy mình phải "phát chí quyết liệt" thì trên đường tu mới được kết quả. Xét ra trên từ đức Phật cho đến những vị cổ đức đều có chí quyết liệt.

Chúng ta đọc sử thấy đức Thế Tôn khi chưa ngộ đạo, ngài đến dưới cội bồ-đề, trải tòa cỏ xong, chỉ gốc bồ-đề thệ rằng: "Nếu ngồi nơi đây mà không đắc đạo, dù cho xương tan thịt nát quyết không rời chỗ này." Phát chí mạnh mẽ như vậy, một là sống, hai là chết. Sống thì ngộ đạo, đắc đạo, còn nếu không thành đạo thì thà chết chứ không rời chỗ này. Đó là ý chí quyết liệt một còn một mất, chứ không lôi thôi.

Kiểm lại chư tổ cũng như các vị A-la-hán, vị nào cũng vậy. Khi tu là phải quyết chí mãnh liệt, không sợ chết, miễn sao được đạo. Nhờ sự quyết tâm dũng mãnh các vị tu mới đắc đạo, như trong Thiền Sư Ni thấy có những vị vào rừng

ngồi thiền, gặp thú dữ hoặc những tên gian manh, các ngài cũng quyết định thà chết không sợ. Nhờ chí quyết liệt đó mà tu chứng quả A-la-hán.

Chư tổ cũng vậy, vị nào cũng có chí quyết liệt hết. Như tổ Ca-diếp, quý vị thấy ngài quyết tâm tu hạnh đầu-đà, hay nói cách khác là tu khổ hạnh. Đến lúc già cả yếu đuối, Phật bảo, già rồi nên ở một chỗ nhận của thí chủ cúng dường, đừng đi khất thực mỗi ngày. Ngài vẫn xin được theo hạnh đầu-đà suốt đời, đó là quyết chí theo hạnh tu đến nơi đến chốn. Từ đó về sau rất nhiều vị tổ có ý chí quyết liệt, nên các ngài tu đạt được đạo.

Ngày nay chúng ta tu ít có người phát chí quyết liệt, tu để tu thôi, không phát tâm mãnh liệt nên sự tu hành không tiến mạnh, tiến nhanh. Tại sao vậy? Bởi vì ngay nơi nội tâm mình luôn có hai bên đối địch nhau. Một bên phóng túng giải đãi, một bên tinh tấn quyết liệt. Nếu mình thả trôi không phát tâm tinh tấn quyết liệt thì giải đãi phóng túng sẽ lôi dẫn. Bằng chứng là khi mình ngồi thiền phải quyết tâm thắng tất cả những ý niệm lăng xăng, khẳng định như vậy rồi nhìn thẳng nó thì nó không dám lai vãng. Nếu ngồi thả lỏng thì nó cứ khởi lên liên miên. Điều này rất rõ ràng, ngay nơi mình có đủ hai thứ, một thứ làm cho mình yếu đuối hư hỏng, còn một phần khác thì làm cho mình thành công, đưa tới chỗ đạt đạo.

Vì vậy tu phải quyết chí mãnh liệt, nhờ tinh thần tinh tấn quyết liệt đó thúc đẩy, làm cho mình được mạnh mẽ gan dạ hơn, dù gặp cảnh ngộ khó khăn nguy hiểm đều vượt qua hết. Nếu tâm chần chừ giải đãi thì một chút trở ngại cũng làm cho mình thối chí nản lòng muốn rút lui. Vậy nên người nào quyết chí rồi phải có lập trường cứng rắn quyết liệt, nhất là liều chết, không có tu lưng chừng, tu cho qua ngày tháng.

Thân chúng ta hiện giờ vô thường mỏng manh, không bền chắc, hôm nay được khỏe, ngày mai chưa dám bảo đảm. Bởi vậy ngày nào còn khỏe phải quyết chí tu hành đúng với nguyện của mình, chứ đừng tu sơ sơ rồi hẹn ngày mai ngày mốt sẽ tu khá hơn. Cứ hẹn mai hẹn mốt hoài rốt cuộc suốt cuộc đời tu không đến đâu hết, đó là người yếu đuối lưng chừng. Những người như vậy một đời tu cũng không thành cái gì, cũng không ra cái gì! Đó là chuyện cụ thể không nghi ngờ.

Như trường hợp của Thầy, khi quyết tâm tu thiền, trên đường tu không có thầy hướng dẫn, không có bạn khuyến khích, nhưng không vì thế mà nản lòng. Trước khi nhập thất Thầy nói: "Nếu tìm thấy được cái gì thì mới mở cửa thất, nếu không thấy nhất định nhập thất đến chết luôn không ra." Nhờ ý chí quyết liệt đó nên trong khi tu có những bước tiến mà ngày trước Thầy không bao giờ dám nghĩ. Như vậy mới thấy rõ rằng người tu mà quyết chí hy sinh đừng sợ gì

hết thì sẽ thành công. Nếu ai e dè hoặc lơ là, dù tu mười kiếp, hai mươi kiếp cũng chưa tới nơi tới chốn.

Bởi vậy Thầy mong toàn chúng lúc nào cũng có ý chí mãnh liệt, quyết chí tu cho đến nơi đến chốn, khó khăn trở ngại mình coi là trò chơi không đáng kể, phải vượt qua hết. Nhất là mỗi khi bắt chân lên tọa thiền, nhất định phải tiến, phải sáng, không để con ma ngủ lại vãng. Sở dĩ mình dễ bị ngủ gà ngủ gật là vì cứ thả lỏng, êm êm một hồi rồi ngủ không hay. Nên khi nào ngồi thiền cũng phải cương quyết ngồi thẳng, nhìn thẳng để cho thân tâm được mạnh mẽ, trí tuệ mới sáng suốt. Đừng để cho vọng tưởng làm chủ, lôi kéo mình. Như vậy sự tu mới có giá trị. Nhiều khi tu cũng tính giờ, nay ngồi được hai, bốn hoặc sáu giờ. Nhưng ngồi đó mà có vọng tưởng liền chạy theo, không vọng tưởng thì ngủ gà ngủ gật, tu như vậy không tiến tới đâu hết, chỉ là buông xuôi thả trôi, uổng đi một đời.

Vì vậy mong tất cả chúng ý thức, nhận định cho kỹ giá trị sự tu của mình. Tu cho được kết quả chứ không phải lưng chừng thả trôi. Bởi vì ai quyết chí tu, liều chết tu thì nhất định có kết quả, sớm hoặc muộn thôi chứ không ai mà không có kết quả. Mong toàn chúng ráng nỗ lực hơn, đừng để luống trôi thời giờ quý báu.

Lễ Tự tử 15-07 Mậu Dần (05-09-1998)

Hôm nay nhân toàn chúng đã tự tứ xong, bây giờ Thầy có ít lời nhắc nhở về ý nghĩa lễ Tự tứ. Mỗi năm có ba tháng an cư, sau ba tháng an cư tăng ni đều làm lễ Tự tứ. Nhưng bây giờ hỏi tự tứ là gì, nhiều người chưa hiểu.

Chữ *tự* là mình, chữ *tứ* là mặc tình. Tức là mình yêu cầu những vị lớn, vì mình, mặc tình hoặc thấy, nghe, nghi mình có lỗi lầm thì sẵn sàng chỉ lỗi cho, đó là tự tứ. Ba lần cầu xin như vậy, để tỏ rõ tấm lòng tha thiết cầu xin chỉ lỗi. Cho nên mỗi lần tự tứ, người lớn thấy, nghe, nghi điều gì của mỗi cá nhân đều chỉ dạy, đó là theo lời cầu thỉnh.

Tinh thần tự tứ rất đặc biệt, vị lớn chỉ ra những lỗi do vị đó thấy hoặc nghe thì còn có thể chấp nhận được, nhưng mới nghi ngờ thôi mà cũng chỉ nữa là điều rất khó chấp nhận. Nhưng ở đây dù chỉ là nghi mà các ngài đã chỉ lỗi cho, mình cũng không có quyền chống lại, phải lắng nghe thật kỹ, xét thấy có tội thì phát lồ sám hối chứ không có một ý niệm phản đối.

Do tinh thần tha thiết cầu xin chỉ lỗi của tăng ni trong ngày Tự tứ này nên nhà Phật gọi là ngày Phật hoan hỷ, tức là ngày Phật rất vui. Tại sao Phật vui? Bởi thấy đệ tử của ngài thực hành hạnh rất tốt, tức là biết cầu xin những người lớn chỉ lỗi cho để sửa đổi hoặc sám hối chừa cải. Nếu được vậy lỗi sẽ hết và sự tu mới tiến được. Cho nên Phật thấy ngày này là ngày đáng mừng vui.

Thể theo tinh thần này, ở thiền viện Thầy cho làm lễ thỉnh nguyện mỗi tháng. Thỉnh nguyện cũng đúng theo tinh thần này nhưng có khác hai điều. Thứ nhất là thỉnh nguyện cầu xin một lần thôi, còn tự tứ tới ba lần cầu xin để tỏ lòng tha thiết của mình. Thứ hai là tự tứ chỉ có một vị lớn nhận trách nhiệm chỉ dạy thôi, còn thỉnh nguyện kể cả người chúng nhỏ nếu thấy người lớn hơn có lỗi cũng có quyền chỉ.

Như vậy tinh thần thỉnh nguyện là thể theo tinh thần tự tứ mỗi năm, để cho tăng ni biết đem lòng thành nghe lời chỉ dạy, nhắc nhở của những người lớn, người tương đương hoặc nhỏ hơn để biết lỗi mà chừa cải, đó là bước tiến. Như vậy ngày Tự tứ được Phật hoan hỷ thì ngày thỉnh nguyện Phật có hoan hỷ không? Phật cũng hoan hỷ!

Tụi con tu trong thiền viện mỗi tháng hoặc nửa tháng có buổi thỉnh nguyện, cũng giống với tinh thần tự tứ này. Dù cho vị nào chỉ lỗi giùm cho mình mà họ không thấy, không nghe, chỉ nghi thôi cũng không nên chống trái. Phải xét lại, nếu thấy có lỗi thì phát lồ sám hối, nếu vị đó nghi không đúng thì bỏ qua chứ không có nổi tức lên rồi cãi..., như thế không đúng tinh thần thỉnh nguyện, cũng không đúng tinh thần tự tứ. Bởi vì người nào biết tu, có lỗi chịu sửa sẽ mau tiến, nếu có lỗi mà không chịu sửa thì tu mười, hai mươi năm cũng không tiến.

Phàm ở đời ai cũng có sơ sót, những cái dở nếu không chịu sửa thì tu chừng nào mới tiến được. Cho nên tinh thần sửa đổi, sám hối để nghiệp chướng được thanh tịnh là tinh thần rất cao, rất quý. Nhờ vậy sự tu hành tiến bộ, tội lỗi càng ngày càng sạch mới đi tới chỗ giải thoát sanh tử, nên ngày này Phật hoan hỷ là ở chỗ đó. Không phải vì ba tháng tu nhiều, mình vui rồi Phật vui, mà là do thấy tăng ni biết cầu xin người lớn chỉ lỗi lầm để sửa đổi, sám hối, đó là cái đáng mừng vui nhất.

Vậy nên hôm nay làm lễ Tự tứ, Thầy có ít lời nhắc cho ni chúng biết tinh thần tự tứ cũng gần như thỉnh nguyện. Khi theo tinh thần này, tụi con phải có tâm can đảm, nghe người khác nhắc nhở không buồn, không giận, chỉ dùng trí xét lại sự việc đó mình có làm hay không? Nếu không làm thì bỏ qua, nếu có làm lỗi đó thì thành tâm sám hối.

Ngày 28-07 Mậu Dần (18-09-1998)

Toàn chúng có tinh thần tỉnh giác cao. Nếu có những lỗi lầm, được huynh đệ nhắc nhở đều có tỉnh, chịu sửa đổi. Như vậy là tốt. Kế đây Thầy nhắc vài điểm.

Điểm thứ nhất, Thầy nhắc toàn chúng phải sống đúng với Thanh quy, phải tiết kiệm tài sản của thiền viện, chi phí vừa chừng, đừng xài quá đáng làm cho mình tổn phước.

Thầy kể lại chuyện thuở Phật còn tại thế. Có một ông vua được người dâng một ngàn bộ y đẹp. Vua thưởng cho hoàng hậu, phi tần và cung nữ năm trăm bộ y vàng. Một hôm các bà thỉnh ngài A-nan vào cung thuyết giảng. Vì lòng tôn kính, các bà đem dâng cúng cho ngài A-nan hết năm trăm cái.

Thời gian sau nhà vua không thấy các bà mặc y đó nên thắc mắc, hỏi ra mới biết đã dâng cúng cho ngài A-nan rồi. Nhà vua nổi giận, thầm nghĩ một vị Sa-môn chỉ có ba y và bình bát, vì sao ngài A-nan nhận hết năm trăm bộ y để làm gì. Nghĩ vậy rồi ông tới chỗ ngài A-nan hỏi:

- Thưa Tôn giả, ngài làm gì với số y nhiều thế?

Ngài A-nan nói:

- Tôi sẽ giữ đủ số y cần thiết, số còn lại cúng dường cho các vị nào y đã cũ rách.

Vua hỏi:

- Các ngài mặc y mới, rồi với những y rách đó sẽ làm gì?

- Cho những người y rách nát hơn.

- Với y rách đó các ngài sẽ làm gì?

- Làm khăn trải giường nằm.

- Khăn trải giường cũ làm gì?

- Làm thảm chùi chân.

- Còn thảm cũ?

- Sẽ làm khăn lau chân.

- Rồi khăn lau chân cũ?

- Sẽ được cắt ra từng mảnh nhỏ trộn với đất trét lên vách.

Nhà vua nghe như vậy rồi mới thấy chư tăng sống hết sức cần kiệm. Từ y mới rồi y cũ, y cũ rồi trải giường, chùi chân, lau chân, rồi xé nhỏ ra để trét vách đất thì không bỏ phí cái nào hết. Cho nên nhà vua đổi giận thành vui.

Bây giờ tụi con kiểm lại mình coi? Cái gì cũ rồi không vừa ý thì bỏ mất, quăng đi, có cái chưa cũ cũng quăng sớm. Như vậy để thấy rằng người xưa khi nhận vật gì của thí chủ đều sử dụng tối đa, tới cùng chứ không bỏ phí, đó là đức tiết kiệm. Bởi vì công đức tu hành của mình chưa có bao nhiêu. Như tụi con bây giờ chỉ tu cho mình chứ chưa làm lợi ích cho ai, mà chưa làm gì lợi cho ai thì phước chưa có bao nhiêu. Nếu mình thọ nhận mà không biết tiết kiệm, không biết gìn giữ cho khỏi hư hao, tổn phí thì sẽ tổn phước.

Vì vậy, biết tiết kiệm công đức của mình thì mọi chi phí ăn mặc., tất cả đều rất cần kiệm. Nói như vậy không phải bảo tụi con không mặc không ăn. Chỉ nên ăn mặc vừa chừng. Cái gì không xài được mới bỏ, còn xài được thì phải tận dụng chứ không được hoang phí. Như vậy mới đầy đủ công đức.

Thật ra, người nào làm được Phật sự, được mọi người quý kính đều là người biết tiết kiệm công đức, không làm gì để tổn phước tổn đức, chướng ngại đường tu. Như bản thân Thầy không bao giờ tính mua cái gì, nhờ có phước, kẻ cúng món này, người cúng vật kia. Phước của mình không lường được, có những điều khi làm Thầy không dám mong sẽ thành công, vậy mà thành tựu quá sức tưởng tượng.

Như ở đây, khi khởi công Thầy nghĩ ít nhất ba năm mới xong. Thầy vạch ra năm thứ nhất làm chùa, gác chuông và cổng, năm thứ hai làm nội viện tăng, năm thứ ba làm nội viện ni. Nhưng khi Thầy tuyên bố khởi công xây dựng thì kẻ cúng cái này, người cúng cái kia. Thấy họ cúng đầy đủ quá rồi, Thầy phân công thợ ra từng nhóm, đồng thời làm luôn ba công trình một lượt, khi xong rồi chỉ tròn mười tháng.

Tụi con thấy, khi lo cho chúng, lo cho tăng ni tu học thì phước đến lúc nào không ngờ. Mình làm những điều lành điều phước, nó không hình tướng nhưng khi cần thì nó có. Nếu mình không giữ phước đức, xài quá đáng, đến khi đứng ra lãnh đạo không có ai thương giúp đỡ thì làm gì cũng thất bại, đó là do thiếu phước.

Như vậy, tụi con còn ở trong chúng nên sống cần kiệm, phải luôn luôn giữ cho mình không bị tổn phước, để sau này lớn lên ra làm Phật sự, vừa phát nguyện làm cái gì cũng đủ duyên chứ không khó khăn. Nếu tụi con không biết như vậy, sau này làm Phật sự bị trở ngại vô cùng. Điều này không phải là chuyện huyền bí mà rất thực tế, nên tụi con khéo tiết kiệm, khéo giữ gìn. Người nào cũng phải biết gìn giữ phước đức của mình, đừng cho tổn giảm, đó là tụi con khéo tu.

Bây giờ qua điểm thứ hai. Tất cả tụi con tu thấy buồn nhiều hay vui nhiều, trả lời thử coi?

- Dạ, vui nhiều.

Tại sao tụi con vui nhiều và tại sao lại buồn? Đó là điều tụi con phải chín chắn nhìn lại cho kỹ. Bởi vì khi tu mà cứ giận người này người kia thì tụi con tu được không? Như vậy chính sự buồn phiền làm mình khó tu. Nếu ai làm gì mình không vừa ý, rồi ôm trong lòng, buồn giận, đó là khổ hay vui? Càng giận nhiều người thì mình càng khổ nhiều. Vậy nên phải tập xả bỏ, đừng ghét ai cũng đừng giận ai. Lại nữa, ai cố chấp nhiều thì người đó không vui được. Vậy nên phải xả bỏ tâm cố chấp, cho là mình đúng, mình phải.

Đố tụi con rồi còn phải xả cái gì nữa? Rồi cũng phải xả tất cả những gì mình thích, mình thương. Đừng nghĩ là chỉ xả bỏ những thứ mình giận, ghét hoặc không ưa. Ví dụ trong huynh đệ có người nào vừa ý mình quá nên mình thích, thì cũng phải xả luôn cái thương đó nữa mới được nhẹ nhàng. Giả sử mình thích một người nào đó rồi cứ ôm ấp trong lòng, thì khi ngồi tu mình nghĩ cái gì? Đó cũng là khổ. Như vậy không phải chỉ xả tâm cố chấp, xả nóng giận hoặc buồn phiền, mà xả luôn những điều mình thương nữa.

Rồi còn xả gì nữa? Xả luôn cái thân này, phải không? Thân này là thứ không ra gì, không phải là quý. Chúng ta chỉ tạm giữ nó, như trong kinh nói lúc bị chìm thuyền gặp được gốc cây. Biết nó là gốc cây mục, nhưng chưa vào bờ được nên phải tạm giữ nó. Thật ra thân này không có giá trị gì hết, tắt thở chừng năm ba hôm, ai thấy cũng phải tránh xa. Nếu có ai đó tắt thở chừng năm ba ngày, đừng liệm gì hết, để nằm trống trơn ở ngoài, có người nào dám lại gần không? Như vậy, nếu nó là quý thì lúc nào cũng quý, khi sống quý thì tắt thở cũng quý, chẳng nên thấy gớm, thấy sợ.

Cho nên người có trí tuệ phải xét cho kỹ. Đừng cố chấp, phải buông xả hết mới dễ thành đạo. Xả được thì mới có trí tuệ, còn người nào ngu si mới ôm ấp trong lòng hoài. Tự kiểm lại, tụi con trí tuệ nhiều hay ngu si nhiều? Tu nhiều năm mà vẫn còn ngu si. Đó là cái dở. Vậy phải ráng làm sao phát huy được trí tuệ của mình.

Ngày xưa, ngài Quy Tông là vị thiền sư nổi tiếng, đệ tử của Mã Tổ. Ngài Hoàng Bá có nói: "Mã đại sư sanh ra tám mươi bốn vị thiện tri thức, hỏi đến cái tiêu chảy, tiêu chảy đầy đất chỉ có Quy Tông." Tiêu chảy đầy đất tức là xả sạch. Đó là điều quan trọng. Vậy tụi con nên hiểu tinh thần đạo lý nằm ở chỗ đó, đừng nghĩ ta đây là đẹp, là giỏi, ta đây khôn ngoan, có tài v.v..., tất cả những thứ đó không quan trọng, đều phải xả hết.

Nếu xả hết những cái đó rồi, gương mặt tụi con có lúc nào buồn không? Có lý do gì để buồn không? Vậy nên cứ sáng rỡ, tươi hoài, vì không có gì buồn, không có gì khổ. Đó chính là giá trị của sự tu.

Hôm nay Thầy nhắc cho tất cả tụi con nhớ, muốn tu tiến thì phải buông xả tất cả.

Ngày 28-08 Mậu Dần (18-10-1998)

Kỳ thỉnh nguyện này chỉ một vị có lỗi nhỏ thôi, ngoài ra đều thanh tịnh, đó là điều rất tốt. Kế đây Thầy có ít lời nhắc nhở toàn chúng.

Chúng ta tu hành phải làm sao ngay nơi thân máu thịt này nhận sâu trong đó có người chủ điều hành. Con người đó không tên, không họ. Tụi con biết người đó chưa?

Tất cả chúng ta ai cũng có một cơ thể, nó giống như cái máy vậy, đầy đủ bộ phận. Trong các bộ phận đó có một người chủ điều hành mà mình không biết. Bởi không biết người chủ đó nên bám vào thân này, cho nó là thật, thật thân mình. Bởi nghĩ thân này thật là mình nên khi người ta khen thì nở mặt nở mày, khi người ta chê thì xàu héo cú sụ, phải không?

Chấp thân này là mình, nhưng tụi con nghĩ nó có bền không? Khi còn trẻ, khỏe mạnh, hoạt động nhanh nhẹn thì còn thấy an ổn một chút. Đến khi già yếu bệnh hoạn thì thân này ra sao? Nó không ra gì hết. Thế nhưng dù cho nằm thở thoi thóp mà nghe nói chết vẫn sợ mất thân.

Chấp thân này là thật, nhưng thân là do tứ đại hợp thành, mà có hợp tất phải có tan. Chấp cái thân hợp tan này là mình thì khi thân tan rã mình là có hay là không, còn hay mất? Khi tứ đại tan rồi thì mình tan luôn, vậy không còn sanh tử luân hồi, phải không? Nhưng mà thực tình trong đó có một người điều khiển chứ không phải là tứ đại, tứ đại chỉ là cái bị điều khiển.

Như tụi con thấy, bình thường mình đang ngồi mà muốn đi, khởi niệm muốn đi trước rồi mới đứng dậy, chân cất bước đi, chứ không bao giờ chân tự đứng dậy bước. Ta muốn làm gì phải khởi niệm trước rồi mới có hoạt động. Cái khởi niệm đó có hình dáng gì? Nó không hình dáng mà lại chỉ huy thân này. Đó chỉ mới là chút vọng niệm nhỏ xíu chứ chưa phải là ông chủ ngồi điều khiển bên trong, mà còn lôi kéo mình được, huống là trong đó có ông chủ điều khiển hoạt động thế này thế kia. Ông đó là chủ mà hỏi thì không có tên.

Nay tụi con được tên A, B, C..., tên đó có thật không? Vậy mà ai nói động tên đó có nổi cáu không? Như vậy tụi con tu hành đã thấy được lẽ thật chưa?

Nếu dùng trí thấy được lẽ thật rồi thì không kẹt, không vướng mắc nơi cái giả. Vậy mới là thật thấy. Còn khi nghe dạy dường như hiểu mang máng, mà gặp việc vẫn còn chấp thân, chấp danh (tên tuổi), chứ không sống được với cái thật.

Nếu tụi con sống được với cái thật thì vui hay buồn? Chắc ở trong đây khỏi phân xử ai hết. Tất cả không còn bận bịu về thân, thì sự ăn mặc... tụi con có giành hơn thua gì nữa không? Hiểu được lẽ thật rồi, rõ tất cả những ngôn từ khen chê là vô giá trị, tụi con còn có gì buồn ghét, thương giận nữa không?

Bởi vì chúng ta không thấy được lẽ thật, nên sống theo ảo tưởng, chấp vào thân bại hoại, danh hư ảo cho là mình chứ không thấy được lẽ thật. Nếu tụi con vén màn lên thấy được lẽ thật thì sẽ rõ người chủ bên trong đang điều khiển. Người đó không có tên, dù ai kêu tên mắng chửi, người đó cũng không rầy rà hay động lòng.

Sở dĩ bị động là tại sao? Tại chấp nơi cái tên, chấp kẻ có tên là mình. Còn người không tên thì không động, chính người không tên đó mới là người thật điều khiển thân này, còn người có tên là giả. Vậy mà lâu nay tụi con bám vào kẻ có tên, mà không nhận ra người không tên đó. Nếu nhận ra được người không tên đó thì rơi cành gãy nhánh hết, cái ngã hư ảo không còn nữa.

Như vậy tụi con tu bao năm nay đã thấy người điều khiển chưa? Nếu tụi con chỉ thấy người có tên tức chưa biết người không tên đó. Đây là vấn đề hết sức thâm trầm. Thông thường chúng ta, một là chấp thể xác làm mình, đó là chấp cái máy, bị người chủ điều khiển chứ không thấy được người chủ; hai là chấp cái tên là thật, mà tên không phải có sẵn từ thuở nào, nó mới được đặt ra đây. Hồi ở nhà cha mẹ mới sanh đặt tên cho, rồi vô chùa thầy đặt tên cho, toàn là mới đặt, mới đặt là giả danh.

Chúng ta chấp giả tướng, giả danh là mình, nên quên mất ông chủ thật. Vì vậy, người tu phải buông bỏ cái chấp giả danh giả tướng đó mới thấy được con người thật của mình đang điều khiển. Mà người đó không có tên. Nếu gượng nói là tên gì? Nhà thiền gọi là bản lai diện mục, chân tâm, hoặc Phật tánh, đó là gượng nói chứ đúng ra không có tên. Phải đi sâu, phải rõ được ông chủ, không phải tu là chuyện mơ màng ở bên ngoài.

Nhiều khi tụi con kiểm lại có thấy xấu hổ không? Thân này là thứ bại hoại mà ăn cái gì hơi dở liền nhăn mặt nhíu mày. Thân này bại hoại cộng thêm cái tên hư ảo nữa, vậy mà nói động tới tên liền phùng mang trợn mắt dữ tợn lên. Như vậy mới thấy tụi con sống chạy theo bên ngoài, không đi sâu, không thấy được tận tường gốc rễ. Vậy nên Phật dạy thân này là vô ngã, phải phá tan được ngã chấp thân, ngã chấp danh rồi mới thấy được con người thật.

Bây giờ tụi con thấy tất cả mọi chuyện phiền não với nhau là do đâu? Do chấp thân và tên giả thôi, chỉ chấp mấy cái đó mà thành bao nhiêu phiền não. Đời tu là đi tìm chân lý, tìm cho ra lẽ thật nơi con người mình. Vậy mà không lo điều đó, cứ chấp nơi cái giả rồi sân si phiền não với nhau, làm trở ngại sự tu hành. Người như vậy có đáng trách không? Thật là đáng trách!

Tụi con tu sở dĩ chưa tiến được bao nhiêu vì chưa thấy được lẽ thật đó, nếu thấy rồi cười thôi. Giả sử có ai kêu tên chửi thì tên này giả, đâu có gì quan trọng. Có một nhà tâm lý trị liệu nói thế này, tụi con xét coi sao. Ông nói: "Nếu có người bảo tôi sai, thì tôi sẽ trả lời rằng: Thế thì ngài đợi gì nơi con lừa?" Nói sao khó hiểu quá, phải không? Con lừa khôn hay ngu? Nếu nói theo mình thì: "Ngài đợi gì nơi con bò?"

Câu đó tụi con nghĩ sao? Một nhà tâm lý trị liệu mà đã thấy được như vậy. Nếu tụi con làm hay nói điều gì, người khác bảo là sai thì tụi con làm sao? Rướn họng lên cãi phải không? Cãi cho qua, cãi cho thắng. Tại sao? Tại vì ta

khôn mà nói ta sai là không được! Còn nhà tâm lý kia nói rằng nếu ai nói ông sai thì ông sẽ trả lời: "Thế thì ngài đợi gì nơi con lừa?" Tôi ngu như con lừa thì ngài còn đợi cái gì đúng? Con lừa sai là chuyện thường!

Như vậy tụi con thấy người đó có tu nhiều hơn mình không? Bởi vì thế nhân luôn luôn thấy mình không nhưng tụi con xét thật kỹ coi, trên thế gian này có tỷ tỷ sự việc, mình biết được chừng bao nhiêu, học được chừng bao nhiêu? Nghìn muôn sự vật mình biết được hết hay chỉ trong muôn một. Còn bao nhiêu cái mình không biết, vậy là khôn hay ngu? Thế mà nói ngu không chịu. Vậy phải nói như nhà tâm lý: Tôi là con lừa, anh là con lừa, tất cả chúng ta đều ngu hết, chưa có ai khôn thật đâu!

Thế nhưng người ta hay có bệnh tưởng mình không nếu biết mình ngu thì còn gì để cãi. Bây giờ gần nhất là ở trong thiền viện này, có người giỏi về may thì biết cắt may, giỏi về rẫy thì biết cách trồng rau, giỏi về vườn thì biết chăm cây... mỗi người một phạm vi. Người này giỏi mặt này mà dở mặt kia, kẻ nọ giỏi mặt kia nhưng dở mặt này, phải không? Như vậy, mình chỉ biết một bộ phận trong bao nhiêu bộ phận của thiền viện thôi, huống nữa là cả thế gian này mình biết được chừng bao nhiêu? Như giờ tụi con cho là mình khôn, thử đưa cái máy mở ra ráp lại giùm coi được không? Không được! Đó là có sẵn mở ra ráp lại còn không được, là khôn hay ngu? Vậy mà lúc nào cũng nói mình khôn.

Tóm lại, nghĩ mình khôn, tưởng mình khôn là ảo tưởng, không có sự thật. Người tu phải sống với sự thật, lúc nào cũng biết mình là kẻ ngu, còn đang mò mẫm, đang tìm hiểu, cố gắng để thấy lẽ thật, được bao nhiêu mừng bấy nhiêu, chứ không phải mình là người hiểu biết hết. Đừng bao giờ tưởng mình là người khôn. Nếu có người bảo, "Cô nói sai rồi!" thì tụi con trả lời sao? Làm gan trả lời giùm coi, "Vậy thì chị trông đợi gì nơi con bò?", phải không? Tôi ngu như bò mà còn trông đợi, đòi hỏi cái gì? Nếu tụi con nói được như vậy thì tiến bộ biết mấy!

Bây giờ người tu ai cũng giành khôn lanh, biết đủ thứ chuyện, tỏ ra mình hơn người. Nhưng như vậy có thật hơn không? Cần phải thật thấy, nhận ra được cái chân thật thì mới hơn, còn khôn lanh hiểu biết là cái ảo bên ngoài. Dù có lanh mồm lẻo mép cãi hơn người rồi cũng không tới đâu. Nên người tu là phải cố gắng sống với chỗ chân thật.

Hôm qua có mấy người khách hỏi nóng giận làm sao trị. Thầy nói: Dễ lắm, không có gì khó! Nếu có ai tới nói: "Anh ngu như bò", lúc đó quý Phật tử có giận không? Rồi có người đến nói: "Mời anh ăn bánh trung thu, mời anh ăn bánh bông lan", mời một hơi mà không có cái bánh nào hết, quý Phật tử có cám ơn không? Nếu mời ăn thứ bánh quý, bánh ngon mà không có một cái bánh thật nào cả, lúc đó tụi con nói sao? Chỉ cười thôi.

Như vậy, mời ăn bánh mà không mang ơn là tại sao? Tại đó là lời rỗng, mời ăn mà không có bánh là nói rỗng. Nói ngu như bò rồi có thành bò không? Cũng là nói rỗng. Tại sao mời ăn rỗng kia mình không mang ơn mà nói rỗng này mình giận? Cả hai đều là nói rỗng hết, không phải nói bò rồi mình thành bò thật, cũng như mời ăn bánh, mình cầm bánh ăn mới là thật, còn không có tức giả. Nếu nói cái không có mà mình giận là khôn cỡ nào? Vậy mà người ta nói mình ngu như bò liền cãi, đó là mình ngu như bò thật, phải không? Nếu biết nói rỗng, cãi làm gì? Như có người nói "cô sai" thì mình trả lời: "Tôi ngu như bò thì anh chị đợi gì nơi con bò!"

Những chuyện hết sức nhỏ như vậy, xét lại trên đường tu của mình, nhiều khi mình chấp những cái không đáng chấp, thật là ngu ngốc. Huynh đệ nói qua lại vài lời có vẻ hơi khinh mình là nổi nóng liền, huống nữa nói "ngu như bò" hay "dại như heo" thì cãi cho mà biết. Như vậy mới thấy mình sống trong ảo tưởng, chấp những cái giả dối, không thấy được chân lý. Người thấy được lẽ thật rồi thì không mất thời giờ trong mấy chuyện vụn vặt đó.

Tụi con thấy biết được như vậy thì sự tu hành đỡ biết bao nhiêu. Nếu ai cũng chấp nhận mình ngu như bò ắt ít cãi lộn lắm. Như vậy mai kia nếu có ai chê tụi con, đứa nào cãi là sao?

- Bạch Thầy, cãi là ngu như bò!

(Hòa thượng cười) Hiểu như vậy thì mai mốt khỏi phải phân xử gì cả, người nào giành khôn giành hơn, thì biết rồi đó! Nên tụi con từ đây về sau biết tu, đừng nổi nóng hay cãi cọ vì những lời nói rỗng. Thường mình nóng giận là vì nghĩ người ta xúc phạm tới mình, nhưng thật sự đâu có gì xúc phạm. Người ta nói, mình biết rõ là lời rỗng vô nghĩa thì cười thôi, đâu có gì giận. Hiểu như vậy thì sự tu hành của mình sẽ đạt được kết quả rất tốt. Đứa nào hay cố chấp ráng nhớ, mai mốt có ai chê thì nói: "Huynh còn trông đợi gì nơi con bò." Vậy là huề, không có gì phiền não với nhau.

Nhiều khi tu mà chấp danh chấp tướng, càng chấp càng xa đạo, trái với lẽ thật. Nên tụi con phải tỉnh táo, sáng suốt tu hành, coi thường ngôn ngữ. Khen chê là trò đùa, không có gì quan trọng. Mình phải sống được, thấy được *người không tên* thì mới xứng đáng, còn cãi hơn thua không có gì đáng hết, rốt cuộc đều là bò này với bò kia thôi. Đó là nhắc cho tụi con nhớ tu.

Ngày 28-09 Mậu Dần (16-11-1998)

Buổi thỉnh nguyện hôm nay thấy trong chúng đã thuần thục, không còn phạm những lỗi lầm như trước, chỉ có lỗi nhỏ mà biết tự giác sám hối là tốt, cũng là tiến bộ về phần đức hạnh của toàn chúng. Hôm nay Thầy có câu chuyện nhắc cho toàn chúng nghe, ráng nhớ để sau ứng dụng.

Một hôm có vị tăng đến hỏi thiền sư Thạch Cựu: - Hạt châu trong tay Bồ-tát Địa Tạng là ý nghĩa gì?

Ngài Thạch Cựu hỏi lại:

- Trong tay ông có hạt châu không? Tăng đáp: - Không biết.

Ngài bảo: - Chớ nói dối đại chúng!

Kế đó ngài đọc bài kệ:

Bất thức tự gia bảo

Tùy tha nhận ngoại trần

Nhật trung đào ảnh chất

Cảnh lý thất đầu nhân.

Tăng hỏi hạt châu trong tay Bồ-tát Địa Tạng là ý nghĩa gì, thiền sư Thạch Cựu hỏi lại: *Trong tay ông có hạt châu không*? Tăng nói: *Không biết.* Ngài bảo: *Chớ* nói *dối đại chúng!* Sao vậy? Như chúng ta nhìn tượng Phật, tượng Bồ-tát với quan niệm đó là tượng thật, diễn tả hình ảnh của các ngài đúng như thật. Nhưng theo tinh thần Phật giáo Đại thừa thì vậy là chưa hiểu gì hết. Bởi theo tinh thần Phật giáo Đại thừa thì những hình ảnh đó là biểu trưng, không phải thật. Ai cũng biết đức Phật Thích-ca là người Ấn Độ, nhưng bây giờ nhìn lên tượng Phật mình thờ coi là người An Độ hay Việt Nam? Nếu nhìn lên sẽ thấy Phật người Việt Nam, như vậy nghệ nhân điêu khắc không biết xuất xứ nên tạc sai phải không? Sự thật không phải, đây là hình ảnh biểu trưng. Phật là bậc giác ngộ, mà giác ngộ đó không chỉ riêng Phật, ai cũng có tâm đó nên gọi là tánh giác.

Chúng sanh nào cũng có tánh giác. Ở Ấn Độ, ngài phát kiến và sống được với tánh giác nên gọi là Phật, còn chúng ta có tánh giác mà quên, bị phủ lấp nên làm chúng sanh. Tuy đang làm chúng sanh mà trong đó đã sẵn tánh giác. Vì vậy chúng ta thờ Phật là biết ở Ấn Độ có một vị đã giác ngộ. Còn ở Việt Nam, Trung Hoa hay bất cứ ở đâu, ai biết tu cũng được giác ngộ như vậy. Ai ai cũng có khả năng thành Phật như đức Phật.

Do đó ở các nước thường thờ Phật có hình tượng như người nước đó, không bắt chước theo hình ảnh người Ấn Độ. Tại sao vậy? Như tụi con thấy trong kinh Kim Cang, Phật dạy:

Nếu dùng sắc thấy ta

Dùng âm thanh cầu ta

Người đó hành đạo tà

Không thể thấy Như Lai.

Như vậy biết rằng sắc tướng, âm thanh không phải là Phật. Nhất là sắc tướng mình thờ là tướng bại hoại. Nếu Phật là sắc tướng bại hoại thì đâu phải là giải thoát sanh tử. Vậy Phật giải thoát sanh tử là cái gì khác chứ không phải thân bại hoại đó. Thờ Phật là thờ tinh thần giác ngộ bất sanh bất diệt, chứ không phải thờ hình tướng bại hoại. Do đó Phật tử nước nào thì thờ hình tượng Phật theo dáng dấp người xứ ấy, đó là tinh thần Đại thừa.

Bồ-tát Địa Tạng tay phải cầm tích trượng có mười hai vòng khoen, tay trái cầm hạt châu. Tại sao ngài cầm hạt châu? Bởi vì tên ngài là Địa Tạng, đọc đúng là Địa Tàng. Chữ đó đọc là Tàng mà mình quen đọc là Tạng. Tàng là cất, chứa, giấu, tàng trữ; địa là đất. Trong đất có ẩn chứa một hạt ngọc, hạt châu. Như vậy tay ngài cầm hạt châu để nói lên rằng: Bồ-tát Địa Tạng sẵn có hạt châu, hay nói cách khác là ngay trong đất đã chứa sẵn hạt châu.

Thân này là thân tứ đại, mà cái nổi nhất là đất, nếu không có chất cứng thì tạo thành hình tướng được không? Nhờ chất đất nên thành hình tướng con người, rồi nước, gió, lửa phụ họa bên trong. Ngay nơi thân do tứ đại tụ hội mà thành đây có sẵn hạt châu trong đó. Như vậy, ngài Địa Tạng mình thờ chỉ là ngài Địa Tạng bằng hình tượng và hạt châu cũng là biểu trưng, để nói lên rằng nơi thân mọi người đều sẵn có hạt châu trong đó. Hạt châu chỉ cho tánh giác hay Phật tánh của chính mình.

Bởi vì Phật tánh đối với thân này quý giá vô cùng nên trong nhà Phật tượng trưng nó là hạt châu. Trong kinh Pháp Hoa cũng dùng dụ hạt châu nơi chéo áo. Như vậy hạt châu đó ngầm chỉ mọi người đều có tánh giác chứ không riêng Bồ-tát mới có, nên ngài Thạch Cựu hỏi: *Trong tay ông* có *không*? Tăng nói: *Không biết.* Không biết tức là chưa nhận ra, chưa thấy, nên nói không có. Vì vậy ngài quở: *Chớ nói dối đại chúng!* Có mà nói không, phải nói dối chăng? Tụi con có nói dối đại chúng không? Có cái đó sẵn mà không nhận, cứ nói không thấy, không biết. Nói không thấy không biết tức là có mà nói không có, vậy có phải là nói dối chăng? Như vậy tụi con tự dối mình và dối người luôn.

Nếu bị người hỏi câu đó tụi con trả lời sao? Trong tay tụi con có hạt châu không? Ở đâu, đưa đây coi? Bây giờ Thầy chỉ, tụi con chịu thấy không?

Ví dụ cái bàn đây, có người hỏi bàn này láng không? Thầy không cần nhìn mà lấy tay sờ, sờ thì thấy nó láng. Vậy là mắt thấy hay tay thấy? Nếu không thấy sao biết nó láng? Vậy biết láng là mắt thấy hay tay thấy? À khắp thân đều là tai mắt, tức hạt châu lộ ra đó chứ gì!

Như vậy trong tay ai cũng có hạt châu mà không chịu nhận. Bởi không chịu nhận nên nói không có. Nói không có là gạt đại chúng, nên kế đó ngài liền làm bài kệ. Bài kệ này tụi con phải thuộc lòng:

Bất thức tự gia bảo

Tùy tha nhận ngoại trần.

Hai câu này nói tột cùng chỗ thật của mình. Ai cũng có sẵn hạt châu nhưng không biết nên theo ngoại cảnh mà dính mắc với sáu trần. Khi dính mắc sáu trần rồi thì: *Nhật trung đào ảnh chất,* nghĩa là trong lúc mặt trời giữa trưa cứ chạy ngoài đường trốn bóng. Trốn được không? Như vậy là khôn hay khờ? Đó là kẻ ngu khờ, bởi vì mình tới đâu thì bóng tới đó, bóng đâu có rời mình mà cứ chạy ngoài nắng trốn bóng, trốn chừng nào khỏi? Nếu có ai chạy ngoài trời la lên "tôi trốn bóng mà bóng cứ rượt theo hoài", thì tụi con nghĩ người đó thế nào? Ngu quá sức tưởng tượng phải không?

Mà người đó giống tụi con không? Nói như vậy để thấy cái ngu của mình, có của báu mà không nhận, lại đi nhận cái bóng dáng bên ngoài là vô thường sanh diệt. Ngay nơi mình có hạt châu quý bất sanh bất diệt mà không chịu nhận, cứ nhận bên ngoài rồi nói hơn thua, phải quấy, cãi lộn với nhau thì có phải là người ngu tột cùng không?

Như vậy bữa nào tụi con lỡ cãi nhau, nếu gặp, Thầy sẽ quở: Tụi con ngu vừa vừa chứ, ngu gì quá lắm vậy! Quên hạt châu quý của mình chạy theo sáu trần là đã ngu quá rồi, lại còn phân biệt hơn thua phải quấy thì ngu cỡ nào?

Đến câu cuối: *Cảnh lý thất đầu nhân*.

Khi soi gương thấy bóng trong đó, cho là đầu mình, đến lúc úp gương lại không thấy đầu mặt, ôm đầu chạy la mất đầu. Đó là hình ảnh chàng Diễn-nhã-đạt-đa. Như vậy là ngu cỡ nào? Kẻ ngu chạy trốn bóng giống như kẻ ngu nhìn gương, thấy bóng mình trong đó, rồi chỉ biết cái đầu trong gương mà không biết đầu thật của mình sẵn có. Khi thấy mất cái đầu bóng trong gương liền ôm đầu bỏ chạy, la lên "Tôi mất đầu rồi!". Đó là điên loạn, không còn nói ngu nữa, điên rồi. Tụi con giống mấy người điên đó không?

Hiện giờ tụi con nói "mình", nói "tôi", mà cái suy nghĩ là tôi hay cái hằng tri hằng giác là tôi? Ít có ai biết cái hằng tri hằng giác, chỉ chấp cái suy nghĩ làm tôi, nên: "tôi nghĩ điều này đúng", ai cãi liền nổi sân; "tôi làm như vầy phải", ai cho là trái liền nổi sân. Như vậy là chấp cái tôi nào, cái tôi bóng phải không? Suy nghĩ là cái bóng, qua rồi mất. Vậy mà chấp bóng cho là mình, tới chừng bóng không hiện thì ôm đầu chạy la: "Mất tôi rồi!" Không ngờ cái tôi hằng hữu cũng như cái đầu luôn hiện tiền, còn bóng hiện trong gương, úp gương lại thì mất bóng, lại nói là mất mình. Vậy có ngu không?

Như vậy, tất cả chúng ta hiện giờ đang sống với cái hư ảo chứ không sống với cái chân thật, rồi hài lòng với cái hư ảo đó. Nên đời này sanh tử, đời sau sanh tử, cứ như vậy mà sanh tử muôn đời muôn kiếp không lúc nào dừng vì mải mê chạy theo hư ảo. Mà hư ảo thì biến hoại, ôm cái biến hoại này tới lúc

nó hoại mất lại tìm cái biến hoại khác, cứ như vậy mà kiếp kiếp đời đời đi mãi trong sanh tử. Nên Phật nói lang thang nhiều kiếp luân hồi.

Chấp cái hư ảo, bại hoại là mình thì làm sao ra khỏi sanh tử? Có cái thật mà không chịu nhận. Như vậy chẳng những là ngu mà còn điên nữa. Tụi con có khi nào dám vỗ ngực xưng ta có trí tuệ không? Nếu ta có trí tuệ thì tại sao còn cãi với nhau?

Hiểu đạo lý sâu rồi tụi con mới thấy người đời cứ đeo đuổi theo cái ngu khờ chứ không bao giờ chịu tỉnh giác. Người tu là phải tỉnh giác, tức là phải nắm cho được hạt châu ngay trong nhà mình, chứ không chạy theo bóng dáng trần cảnh. Được như vậy mới thật là người biết trở về, biết tìm của báu. Còn nếu cứ chạy theo ảo ảnh bên ngoài hoài thì muôn kiếp trầm luân.

Chỉ bài học này cũng cảnh tỉnh vô cùng rồi, phải không? Tụi con nhớ học thuộc. Bài đó Thầy dịch:

Chẳng biết báu nhà mình

Theo trần nhận ngoại cảnh

Giữa trưa chạy trốn bóng

Kẻ soi gương mất đầu.

Bao nhiêu đó ráng nhẩm đọc để biết mà tu. Thật ra giá trị đạo đức nói cũng không cùng, càng học càng tu tụi con thấy mình càng ngu dại. Do đó, Phật bảo chúng sanh mê muội, nghĩa là ngu si mà ai cũng vỗ ngực xưng ta đây, vậy mới đáng buồn, đáng trách. Nếu ngu mà biết ngu thì đỡ quá, còn ngu mà cứ tưởng mình khôn, thật là đáng trách.

Cho nên chúng ta phải tỉnh giác để tìm lại cái thật, chứ không phải tu để có hình thức, có chùa và một số bổn đạo. Tu là phải trở lại tìm cho ra, nhận cho được của báu nhà mình, phải luôn tỉnh thức mới xứng đáng là người tu.

Ngày 28-10 Mậu Dần (16-12-1998)

Hôm rồi có chú Từ Đức quy y, Thầy cho pháp danh là Chánh Minh. Chú thưa với mấy thầy lớn rằng: "Con lên tập tu, quý thầy dạy ngồi thiền, tới phần xả thiền con xả từ từ theo thứ tự, mà sao thấy quý thầy mới nghe rung chuông liền duỗi chân ra, xả không có thứ tự gì hết, như vậy là sao?" Mấy thầy lớn thưa lại, Thầy thấy chư tăng coi thường nghi thức xả thiền quá. Mình dạy người ta cách xả thiền một đàng mà tăng chúng làm một ngả, thành ra người ta nghi ngờ.

Vì vậy thỉnh nguyện kỳ rồi, ở bên tăng Thầy dạy lại cách ngồi thiền theo thứ tự, kỳ này Thầy dạy cho bên ni. Thầy dạy rồi mà tăng chúng hay ni chúng không làm theo đó, sau Phật tử đến tập tu thưa lên người nào lôi thôi thì Thầy

quở nặng. Bởi vì ở đây tụi con không phải tu cho mình thôi mà còn làm gương mẫu cho những người đến tập tu, và mai kia tụi con lớn lên có đủ khả năng sẽ làm Thầy dạy người khác. Vì vậy việc tu hành phải có thứ tự, có nghi thức đúng đắn để cho người ta tu đạt kết quả tốt. Nếu mình cẩu thả quá sau này dạy người khác tu không tiến, đôi khi có hại nữa. Sau buổi thỉnh nguyện Thầy sẽ dạy lại một lần nữa, chỉ cho cách ngồi thiền và những thứ bệnh, khi nào có gì khác lạ thì biết cách tự chỉnh.

Trong những bài Thầy giảng về Thiền Căn Bản một hai kỳ tới sẽ có dạy phần xả thiền, nhưng e rằng trong các buổi giảng người ta quá đông, không cách nào hướng dẫn kỹ lưỡng được. Nếu chỉ hướng dẫn bằng miệng thôi thì chưa đủ, phải ngồi thực hành theo thứ tự mới có thể nắm rõ. Bữa nay Thầy chỉ thực tế cho tụi con thấy, để sau không đổ thừa tại vì không được chỉ kỹ nên ngồi sai. Từ đây về sau nhất định phải ngồi đúng.

Ngồi thiền có ba giai đoạn: nhập, trụ và xuất. Trước khi chỉ cách ngồi thiền, Thầy nói tổng quát cho tụi con nắm vững. Tu thiền là mình phăn tìm lại, quan sát kỹ coi cái gì là thật mình, cái gì không phải thật mình. Thân năm uẩn này, thân tứ đại này có phải là thật mình không? Nói không thật mà đụng tới thì biết!

Nếu trong cơ thể mình một bộ phận nào đó hư, người ta cắt bỏ rồi đem bộ phận người khác thế vào. Giả sử tay mình hư, cắt bỏ rồi đem tay người khác ráp vô. Khi lành rồi thì mình nói tay này của ai? Rõ ràng là tay của người khác đem tới, làm sao nói của mình được, vậy mà ráp vào liền cho là của mình. Hoặc máu mình thiếu, người ta đem máu người khác đến sang cho, sau đó có khi nào nói máu này không phải của tôi mà là của ai đó, có nói vậy không? Hay là vào đây rồi là của tôi?

Cái ngã này là ngã tạm bợ, mượn đầu này đầu kia hợp lại chứ không có thật. Nhiều khi Thầy tức cười, mình đói bụng cồn cào đi không nổi, người ta chỉ cần cho vài chén cơm với rau muống, nước tương, mình ăn vô một hơi liền đi nổi. Như vậy là cơm và rau muống đi hay mình đi? Cơ thể này nếu thật là mình thì mình làm chủ, lúc nào mình cũng đủ quyền, nhưng khi thiếu tứ đại bên ngoài bồi bổ thì hết làm chủ. Rõ ràng thân là tạm bợ nhờ những thứ bên ngoài phụ trợ nó mới tồn tại.

Thêm một điều nữa. Bây giờ mấy ông bác sĩ thường nói trong người mình có kháng thể, còn hồi xưa Phật dạy trong con người mình có hai thứ trùng: một là hộ trùng, hai là hoại trùng. Vi trùng phá hoại từ ngoài xâm nhập vô, hộ trùng bảo vệ thân tiêu diệt nó. Nói theo bây giờ là vi trùng ở ngoài xâm nhập vào, kháng thể chống lại. Những việc làm đó tụi con có biết không?

Giả sử mấy hôm nay tụi con hít nhằm thứ gì đó, nó đang quậy trong thân, tụi con có biết không? Rồi ở trong thân có đội binh chống lại đám vi trùng đó, tụi con có hay không? Nếu thật thân này là mình thì tất cả hành động nào dù thô hay tế mình đều làm chủ, đều biết hết. Nhưng thực tế mình làm chủ giới hạn thôi chứ không làm chủ thật. Tóm lại, thân này tạm bợ, đủ duyên tụ hợp thì còn, thiếu duyên liền tan rã. Đó là chân lý, là lẽ thật.

Thân này là giả mà ai động tới thì không được. Học Phật biết nó giả nhưng chạm tới thì thật, phải không? Cuộc đời này người ta đau khổ vì muốn làm thỏa mãn các nhu cầu của thân, nói gần là thỏa mãn sáu căn, rồi giành giật, đâm chém... đủ thứ hết. Vì sự sống của thân mà sát phạt lẫn nhau. Nhưng thân này không thật, vậy có si mê không? Khi biết rõ thân mình không thật thì không nên chiều theo, mà phải làm chủ nó. Đã biết nó giả mà còn chiều theo đòi hỏi của nó là mê lầm điên đảo.

Trong Kỷ Yếu năm năm, nhiều đứa viết bài than thở ngồi thiền đau đủ thứ hết, phải không? Có những người hay phê bình, họ nói tội gì mà hành phạt như thế. Đau thì xả ra, sao phải ráng chịu khổ vậy. Ai bắt tới đây rồi không được đi đây đi kia như ở tù, mà còn hành phạt ngồi thiền đau phải ráng cắn răng chịu. Nhưng Thầy đã thấy rõ, với cơ thể này nếu mình không giành quyền làm chủ thì nó sẽ đòi đủ thứ hết. Nếu mình chiều theo những đòi hỏi của nó là làm nô lệ nó, tạo không biết bao nhiêu tội, bao nhiêu nghiệp. Cho nên giành lại quyền làm chủ thân là điều số một khi bắt chân lên ngồi thiền.

Làm chủ thân thì khi đau chân phải thế nào, rên rồi xả phải không? Có đứa còn muốn khóc nữa chứ! Như vậy thấy như là mình khắt khe hành phạt cái thân, nhưng sự thật đó là điều kiện để mình tập làm chủ. Biết thân không thật, dù mình chiều uốn cách nào đi nữa rồi nó cũng bại hoại, không ra gì. Nên bây giờ trong cuộc sống này mình phải làm chủ nó.

Làm chủ được sự đau nhức của chân thì sẽ làm chủ được những đòi hỏi khác của thân. Một cái làm chủ được thì những cái khác mình sẽ làm chủ được. Nếu việc này mình thua thì những việc khác đều thua luôn. Như vậy cả đời chạy theo cái hư giả, chấp nhận làm những việc hư giả, đến chết cũng không có nghĩa lý gì hết. Đó gọi là sống như kẻ mù kẻ mê, chết sẽ tiếp tục làm người mê nữa, không lợi ích gì cho mình và chúng sanh.

Bước đầu vào thiền viện, cái khó nhất là tụi con ngồi cho đủ giờ. Đó là khó nhất, nhưng phải can đảm dù chết thì chết chứ không đứng dậy. Như Thầy từng nói với tụi con nhiều lần, khi Thầy tập ngồi thiền, không ai bắt buộc mà Thầy vẫn ráng, ngồi được một tiếng rồi phải tăng lên tiếng rưỡi, tiếng rưỡi rồi phải tăng lên hai tiếng. Từ tiếng rưỡi tăng lên hai tiếng, có hôm ngồi tê tới bụng chứ không phải chỉ tê ở chân thôi, nhưng Thầy chấp nhận, tê quá thì chết luôn,

thà ngồi trên bồ đoàn chết chứ không buông chân. Thật ra có chết đâu, tê riết rồi nó tự hết, cũng chịu được chứ không chết chóc gì. Qua kinh nghiệm đó Thầy không sợ tụi con ngồi thiền bị tê, bị đau rồi chết. Không chết thì có gì đâu mà quá sợ. Thầy đã kinh nghiệm rồi nên Thầy không sợ, do đó mới bắt tụi con ngồi hai giờ. Tuy nhiên phải chịu đau nhức. Nếu đau nhức không sợ tức là mình thắng được, làm chủ được thân.

Vì vậy bước đầu là làm chủ thân, để mượn nó làm con thuyền chèo đi đâu theo ý mình muốn. Nếu mình không làm chủ, nó quay cuồng thì làm sao chèo tới bờ bến. Mình phải làm chủ lấy nó để hướng đi theo con đường của mình. Đó là điều quan trọng số một về thân.

Điều quan trọng thứ hai là về tâm. Lâu nay tụi con cứ nghe nói mình có Phật tánh, chân tâm, nhưng ở đâu thì không biết. Như vậy tại sao có Phật tánh, chân tâm mà mình không biết? Tại vì mình cứ chạy theo vọng tưởng hoài. Vọng tưởng là hư dối mà cứ đuổi theo. Có khi nào bỗng dưng năm phút, mười phút hoặc nửa giờ tụi con ngồi không có vọng tưởng không? (Đây là nói lúc thường ở ngoài chứ không phải ngồi thiền). Chúng ta ít khi được yên tĩnh bởi vọng khởi liên tục. Chỉ khi mình biết được vọng thì vọng mới lặng. Phải hàng phục được vọng tưởng đó, nếu vọng tưởng hàng phục được thì chân thật hiện tiền không ở đâu xa hết.

Cái thật không cần tìm mà nó sẵn như vậy. Tụi con muốn thấy chân tâm thì phải buông vọng tưởng, nếu theo vọng tưởng tức quên chân tâm, không nghi ngờ. Hai cái đó được một thì mất một, bây giờ chọn cái nào? Chọn chân tâm thì phải bỏ vọng tưởng, còn nếu theo vọng tưởng thì quên chân tâm. Thầy thường ví dụ như đêm rằm, trên bầu trời có trăng sáng, nhưng mây đen lớp này lớp kia kéo tới hoài thì mình thấy mặt trăng không? Chỉ khi nào mây không kéo tới nữa thì mặt trăng sáng tỏ, không tìm kiếm mà hiện hữu, đó là lẽ thật.

Bởi vậy chúng ta ngồi tu cốt đi tới chỗ cứu cánh là nhận ra được cái chân thật nơi mình, đó là chân tâm, là Phật tánh... Muốn rõ được cái thật thì phải xả bỏ những vọng tưởng hư dối kia. Không phải chỉ trong lúc ngồi thiền mới xả bỏ mà phải bỏ trong tất cả giờ. Nhưng giờ ngồi thiền là đủ điều kiện xả bỏ hơn hết, vì chung quanh yên lặng không có tiếng ồn cũng không có gì để mình phân tâm, nên dễ chăm chú, dễ thấy để xả bỏ. Nhờ sức mạnh đó giúp mình dễ tu trong lúc hoạt động ở bên ngoài.

Như vậy mục đích ngồi thiền là để thấy rõ thân không thật, làm chủ nó. Kế đó thấy rõ vọng tưởng hư ảo nên không bị nó dẫn đi. Tất cả những hư ảo đó dừng thì chân thật hiện tiền, không tìm cũng tự thấy. Đó là trọng tâm của người tu. Tụi con từ trước đến nay làm chủ được cái nào chưa? Nếu người nào

làm chủ được thân tâm thì chân thật hiện tiền. Khi mình không bị thân lôi, vọng tưởng kéo thì lúc đó ông chủ ngồi sờ sờ. Mục đích ngồi thiền rõ ràng như vậy.

Giai đoạn đầu nếu phải bỏ luôn hai thứ chấp thân và tâm một lượt thì khó. Làm chủ cả hai rất khó, nên đầu tiên là làm chủ thân. Phải ngồi nghiêm chỉnh đúng theo cách thức tọa thiền để cho thân được an ổn, làm chủ nó rồi mới làm chủ tâm. Về thân, Thầy chỉ cho tụi con ngồi, nếu ngồi kiết già thì chân trái bắt trước, kéo cho sát lên, rồi kế đó chân phải hoặc ngược lại. Chỗ lòng bàn chân bị trũng nên chêm gối nhỏ kê tay. Đó gọi là ngồi kiết già hay là toàn già. Nếu ngồi bán già thì chân phải bắt qua đùi trái hoặc ngược lại.

Hồi xưa Thầy không bắt buộc, ngồi kiết già hay bán già cũng được, nhưng sau này quý vị đi học dưỡng sinh về kể Thầy nghe, khi tập dưỡng sinh có nhiều ông già bà già tập ngồi thế hoa sen (kiết già). Tại sao người ta bắt ngồi thế này? Vì ngồi tư thế này máu huyết lưu thông dễ, hơi ấm nhiều. Ngồi toàn già có hai kiểu: kiết tường và hàng ma; bán già cũng có hai kiểu ấy.

Tại sao mình chêm gối kê tay? Để có mặt bằng, mình đặt hai bàn tay lên cho cân, giữ hai vai ngang nhau. Hai đầu ngón tay cái vừa chạm nhau, đừng bắt hai tay lại vì kìm quá không tốt. Để tay như vậy gọi là ấn tam-muội. Tụi con thấy tượng Phật đặt bàn tay phải trên tay trái. Ở đây mình cũng làm như vậy.

Ngồi thiền có nhiều trường hợp du di, không có nguyên tắc cố định. Như bồ đoàn, lâu nay Thầy nói bề cao hai tấc, đường kính hai tấc, nhưng to con như người Mỹ ngồi bồ đoàn đường kính hai tấc không được thì phải ngồi bồ đoàn rộng hơn. Còn người thấp, ngồi bồ đoàn cao hai tấc, chân họ ngắn nên bắt chân lên không được.

Vì vậy tụi con thấy không có luật cố định, người cao tay dài chân dài thì bồ đoàn phải cao hơn một chút, người mập ngồi bồ đoàn lớn hơn một chút mới vừa. Còn người thấp lùn, bồ đoàn phải thấp hơn vì chân họ ngắn, nhất là người nào bụng to càng khó ngồi. Như vậy bồ đoàn và tọa cụ cũng tùy theo vóc dáng của mỗi người chứ đừng có cứng nhắc.

Bây giờ là phần Nhập thiền. Khi bắt chân lên rồi, phải chỉnh thế ngồi cho ngay ngắn, để tay sao cho hai bả vai bằng nhau, cùi chỏ hơi khép vào hông. Đầu hơi cúi, mắt nhìn về phía trước khoảng sáu đến chín tấc. Muốn cho đầu cúi ngước vừa chừng thì phải để hai trái tại đối với bả vai. Muốn giữ đầu không nghiêng bên trái hoặc bên phải thì chót mũi, hai đầu ngón tay cái và rún phải thẳng một hàng. Đó là cách giữ đầu không bị nghiêng qua nghiêng lại. Như vậy tự biết sửa mình, đừng đợi người khác sửa, vì có những lúc phải ngồi riêng một mình, như vào thất thì phải tự kiểm lấy.

Đó là tư thế ngồi khi nhập thiền. Bây giờ bắt đầu vào thiền thì sao? Phải chuyển thân, để nguyên tay ấn xuống, cái đầu mạnh, cái thứ hai từ từ nhẹ, bảy lần như vậy. Rồi thở ba lần, khi hít vô tưởng không khí trong sạch vào khắp châu thân, thở ra tưởng tất cả phiền não bệnh hoạn ra hết. Thở ba lần như vậy, hít bằng mũi thở bằng miệng. Rồi ngậm miệng, lưỡi để lên trên chứ không cần cong lưỡi, để khỏi bị chảy nước miếng.

Đến phần Trụ thiền, từ đây về sau thở bằng mũi, không thở bằng miệng nữa. Nếu tụi con chưa thuần thì ban đầu mượn hơi thở để điều tâm. Hít vô sâu thở ra hết, đếm một; hít vô sâu thở ra hết, đếm hai; tới mười, rồi trở lại đếm từ một. Vì tâm mình còn quá loạn nên đếm như vậy, đó là bắt làm hai việc: một là theo hơi thở để biết hơi thở tới đâu; hai là nhớ số. Nhờ nhớ hơi thở và nhớ số nên quên các thứ khác, đây chỉ là phương tiện ban đầu thôi.

Nếu người khá hơn thì không cần đếm số nữa, chỉ theo hơi thở thôi. Hơi thở vô tới đâu mình biết tới đó, ra tới đâu biết tới đó. Ví như người đòi nợ, người thiếu nợ đi tới đâu thì mình đi theo tới đó để đòi, đi sát sau lưng chứ không bỏ quên.

Tụi con lúc ngồi thiền mặt tươi tỉnh, đừng có quạu đeo. Có nhiều đứa ngồi bặm môi, coi dữ dằn quá. Ngồi thiền dáng vẻ phải tươi tắn, vui vẻ thanh thoát. Từ khi bắt đầu thở ba lần về sau, mình thở vô ra đều, nhẹ nhàng. Vừa có niệm khởi thì buông, chỉ nhớ hơi thở thôi, đó là đúng. Có những người ngồi thiền nhắm mắt tập trung hồi lâu thì đầu nhức, phải làm sao? Phải trở lại chú ý hơi thở suốt tới đan điền, nghĩa là hít vô, thở ra nghe động ở đan điền, theo Minh Sát Tuệ gọi là phình xẹp, chú ý vào đó thì hết nhức đầu. Hơi thở rất quan trọng, tụi con đừng nên xem thường.

Khi nào tâm tụi con bớt vọng thì không cần theo hơi thở nữa, chỉ ngồi yên, rõ biết, vọng dấy lên liền buông. Vọng lặng thì sống với cái hiện tiền.

Nếu ngồi thiền nghe lói là do kìm giữ. Tụi con ngồi thiền có ai nhắm mắt không? Nhắm mắt không phải lỗi, nhưng do ngồi nhắm mắt, chú tâm để kìm giữ cho yên nên mới bị lói. Tụi con nên mở mắt nhìn xuống hoặc tuy nhắm mắt mà nhớ hơi thở động nơi đan điền. Đừng kìm giữ trên đầu hoặc ở ngực. Đau đầu là do nhắm mắt mà kìm, hoặc tức ngực là do ngồi ễnh. Nếu ngồi nghe đau một bên là do bồ đoàn nghiêng, tụi con sửa lại cho ngay. Khi nào nghe đau thắt lưng là do lưng hơi rùn xuống, phải ngồi thẳng lên. Nếu đau một bên vai là vì vai bị xệ xuống, phải chỉnh cho hai vai ngang nhau.

Đến phần Xả thiền, trong lúc ngồi thiền mình nhiếp tâm, nên lúc xả thiền trước hết phải khởi tâm hồi hướng. Kế đến hơi thở, nhưng khác hơn lúc nhập thiền, mọi động tác hay hơi thở từ nhẹ đến mạnh. Khi hít vô tưởng không khí trong lành vào khắp châu thân làm tất cả mạch máu lưu thông, khi thở ra tưởng

bệnh hoạn phiền não theo hơi thở ra hết. Hít vô bằng mũi thở ra bằng miệng ba lần. Tụi con nhớ, lúc nhập thiền thì chuyển thân trước rồi mới hít thở ba hơi, còn khi xả khởi niệm hồi hướng trước rồi mới hít thở.

Đến động thân, chuyển hai bả vai mỗi bên năm lần, đầu cúi xuống ngước lên năm lần, quay qua phải qua trái năm lần. Nhớ xả rất nhẹ nhàng, nghiêm chỉnh. Tới phần tay, xòe nắm năm lần, rồi bắt đầu chuyển động toàn thân, bảy lần từ nhẹ đến mạnh. Sau đó bắt đầu xoa, theo kinh nghiệm bản thân Thầy và theo nhiều người chuyên về dưỡng sinh cho biết, ở mặt và tai có rất nhiều huyệt, nếu ngày nào cũng xoa thì rất tốt. Vì vậy Thầy cho xoa mặt hai mươi lần, xoa hai tại hai mươi lần, đầu hai mươi lần, chà gáy hai mươi lần, trước cổ hai mươi lần.

Kế đến một tay đặt trên bả vai một tay dưới nách, tay trên vai kéo xuống, tay dưới nách kéo qua, xoa hai mươi lần. Rồi đặt một tay sau lưng (xoa bằng lưng bàn tay), một tay trước ngực, xoa ba phần ngực, bụng và bụng dưới, mỗi điểm năm lần. Sau đó tới thắt lưng, mông và đùi xoa thật kỹ. Cuối cùng xoa mắt, chà hai ngón giữa cho nóng áp lên mắt. Xong, một tay nắm mấy đầu ngón chân, một tay đỡ cổ chân từ từ thả xuống, xoa từ trong ra ngoài, chà lòng bàn chân cho nóng. Ngồi tới hai tiếng nên phải xả kỹ từ mười đến mười lăm phút rồi mới đứng dậy tụng kinh hồi hướng.

Tại sao chúng ta phải ngồi thiền? Bởi vì ông chủ có sẵn rồi nhưng còn mấy chú vọng tưởng hoành hành nên phải đuổi đi, giống như mây che trăng, mây hết thì mặt trăng hiện. Sống với ông chủ thì không theo giả, sống với ông chủ tức là sống với cái hiện tại của mình chứ không bị hư vọng lôi dẫn. Chuyện tu hành tế nhị lắm, phải nắm vững mới thực hành đến nơi đến chốn.

Nãy giờ Thầy dạy tụi con thuộc hết chưa? Bữa nào Thầy bắt trả bài từng đứa, bởi vì sau này làm thầy người ta thì phải dạy cho đúng, chứ ở đây rồi sau về dạy người ta ngồi thiền tầm bậy tầm bạ đâu có được. Tại sao xả kỹ hơn nhập tụi con biết không? Tại vì mình ngồi lâu, nếu không xả kỹ sau này bệnh. Một là gân sẽ bị cứng, vì chân còn tê mà đứng dậy đi, sau gân cứng tê bại rất nguy hiểm. Hai là cơ chân cứ bị giật giật. Vậy nên tụi con ráng xoa kỹ cho quen.

Ngày 28-11 Mậu Dần (15-01-1999)

Buổi thỉnh nguyện hôm nay toàn chúng chỉ có một chút lỗi nhỏ. Như vậy rất tốt. Mong rằng tất cả tụi con mỗi năm mỗi tiến bộ, những sai lầm giảm bớt, những phiền não nhẹ đi, để cho sự tu hành ngày càng trong sáng hơn. Đó là lời nhắc chung.

Bây giờ có một điều Thầy nhắc nhở tụi con, tất cả ráng nhớ để cố gắng tu. Nói tới sự tu hành thì tinh tấn là đức rất lớn không thể thiếu được. Người tu mà thiếu tinh tấn thì không thể đạt được mục đích mình nhắm, nên tinh tấn là

sức mạnh thúc đẩy, lôi kéo mình tiến lên không cho lùi. Người nào ưa giải đãi nhất định sẽ thối lui không bao giờ tiến được.

Tụi con thấy, làm việc gì dù nhỏ hay lớn đều phải nỗ lực cố gắng thì mới thành công. Như người đi học muốn thi đậu tất phải chăm chỉ cố gắng, quên ăn quên ngủ mà học thì mới có kết quả, còn nếu học lơ mơ sẽ không đạt kết quả. Chuyện đời đã vậy, còn việc đạo, người tu muốn từ phàm tục tầm thường chuyển lên bậc thánh hiền không phải chuyện dễ, hết sức cay đắng, khó khăn. Nói cay đắng khó khăn là vì mình đã quen tập những thói xấu, những mê lầm nhiều đời nhiều kiếp, nên ngày nay quyết tâm dứt bỏ nó không phải là chuyện dễ. Bởi vậy người tu mà thiếu tinh tấn thì tuy phát tâm tốt đi tu cầu giải thoát nhưng rốt cuộc lại không tới đâu.

Vừa rồi có bà Phật tử đến kể với Thầy: Hôm nọ bà tới một ngôi chùa, có một thầy ra hỏi bà đi đâu, bà thưa: "Con đi lễ Phật và viếng thăm quý thầy." Lúc đó quý thầy đang coi ti-vi, ti-vi đang chiếu cuộc đá bóng nên không ai muốn tiếp bà. Bà hỏi Thầy: "Như vậy tụi con đi chùa không biết học hỏi cái gì?"

Tụi con thấy, nếu thả tâm chạy theo trần cảnh thì rất dễ, còn thúc liễm mình để tiến tu rất khó. Nhưng đã quyết tâm tu thì chính cái khó làm, mình phải làm được, chứ không thể vì lý do khó mà thả trôi. Cho nên Thầy nhắc tất cả tụi con tu, có hai trường hợp mình phải tinh tấn:

Trường hợp thứ nhất, khi tu mình phải luôn nỗ lực, không lười trễ từ thời khóa tới công tác, lúc nào cũng nhiệt tình hăng hái, đừng bê tha. Đó là tinh tấn giữ đúng điều lệ, nếp sống của thiền viện.

Trường hợp thứ hai, phải tinh tấn nơi nội tâm. Khi quyết tâm tu gặp biết bao khó khăn do tập nghiệp của mình quá sâu dày, nếu đem phân chia hay hình thức hóa nó thì có thể đầy sông lấp núi chứ không phải thường. Vậy nên phải hăng hái, cố gắng nỗ lực, từ giờ tu tới giờ công tác ở ngoài cũng thầm lặng chuyên cần. Không nên hạn chế trong giờ tu mới cố gắng ngoài ra thì thả trôi. Phải luôn quán chiếu lại mình, xem xét cho thật rõ, đừng để tâm chạy tứ tung.

Như vậy, tinh tấn giúp tụi con tu mau tiến, tiến được rồi càng hăng hái trên đường tu. Chứ nếu thả trôi một thời gian, tự nhiên mình thấy thối tâm, bị thụt lùi không theo kịp người khác, rồi tự sanh chán nản. Tinh tấn là điều rất thiết yếu trong sự tu. Thầy nhắc câu chuyện trong kinh hệ Pāli, kể rằng:

Ngày xưa có một Tỳ-kheo-ni tên Citta. Bà là người yếu đuối, bị bệnh kinh niên nên tu rất khó khăn, có khi đang khỏe mạnh đột nhiên ngã bệnh. Bà rất khó chịu nhưng vẫn luôn can đảm, dù bệnh hay không lúc nào cũng tiến tu không dừng. Sức cố gắng của bà quá mạnh, một người chị cùng xuất gia thấy vậy khuyên: "Em tu vừa phải, đã bệnh yếu mà còn ráng quá, chắc không đi

trọn con đường.” Tuy nghe như vậy, nhưng bà biết mình đã già yếu không thể chần chừ được nên vẫn luôn cố gắng.

Hôm nọ, bà leo lên ngọn đồi để tọa thiền. Bà leo với tâm chánh niệm, nhất định phải lên tới ngọn đồi. Lúc đó bà yếu lắm, có khi ngã lăn, nhưng vẫn cố gắng quyết leo lên tới nơi. Bà hạ quyết tâm: “Hôm nay hoặc là chết, hoặc là phải diệt tận phiền não.” Mỗi lần té ngã bà đều lập lại quyết tâm đó, hoặc là chết hoặc diệt sạch phiền não, chứ không nghĩ gì khác. Nhờ vậy bà lên tới ngọn đồi. Trong lúc tọa thiền bà cũng quyết tâm như vậy. Sau buổi tọa thiền đó bà ngộ đạo.

Như vậy tụi con thấy, người tu mà dám liều chết sống với sự tu thì mới có kết quả. Ngày nay mình có cái yếu dở là trong khi ngồi thiền hơi bệnh một chút liền xả ra, hứa hẹn mai mốt khỏe sẽ tu tiếp. Rồi mai kia bệnh nữa lại hẹn tháng sau sẽ tu tiếp, cứ như vậy mà thả trôi. Sư ni Citta bệnh kinh niên không thể trị nổi, bà liều chết tu. Chính nhờ liều chết tu mà bà thành công.

Trên đường tu tụi con thấy gương người xưa, dám chết sống tu thì cái gì cũng đạt được, còn mình cứ e dè sợ sệt lo giữ thân này, dù cố giữ mấy mai kia cũng chết không còn gì hết. Biết vậy ta phải lợi dụng thân này để vượt lên đạt được mục tiêu mình nhắm, như vậy mới thật khôn ngoan, xứng đáng là người xuất gia cầu thoát ly sanh tử.

Tu hành là quyết chí liều sống chết, đừng vì một hai lẽ, hoặc bệnh, hoặc yếu rồi lo dưỡng cái thân, cuối cùng nó cũng hoại mà đời tu của mình không thành công. Người biết tu bao giờ cũng nghĩ mình có thân này để tu, chứ không phải có thân này để giữ. Nó là cái bại hoại mà cố gìn giữ có được không? Giữ không được mà vẫn cố giữ có phải là ngu si không? Cho nên khi biết thân là thứ không giữ được thì mình lợi dụng nó để vươn lên, để tiến tu cho đạt được kết quả. Không nên cưng chiều nó, đừng sợ nó yếu, bệnh hoặc thế này thế kia... Tất cả những cái đó đều là phụ thuộc. Hễ ý chí, nguyện lực của mình mạnh thì cái gì cũng làm được, việc gì cũng sẽ thành công.

Giờ tu, nhất là giờ ngồi thiền khuya hay ngủ gục. Mà ngủ gục trạng thái của nó ra sao? Giải đãi, hôn trầm, say ngủ. Muốn giải quyết cái say ngủ, giải đãi đó mình phải nhướn mắt lên, mạnh mẽ, cương quyết, nhất định thà chết chứ không thua nó. Như vậy tụi con sẽ thắng được, còn nếu cứ chiều nó “ờ thôi nó mệt, để cho nó thiu thiu một chút cũng được” thì sẽ ngủ hoài. Vậy là ngồi ngủ chứ không phải ngồi thiền.

Ngồi thiền là phải tỉnh sáng, không phải ngồi thiền là để ngủ. Lối tu của mình nhẹ nhàng, nếu không nỗ lực sẽ dễ đi tới hôn trầm. Người biết tu rồi, giờ nào thấy hơi yếu, hơi giải đãi thì phải cương quyết, phải mạnh mẽ lên. Như

vậy tụi con tu sẽ thành công. Không có thành công nào bỗng dưng tự đến, mà thảy đều do sự cố gắng, nỗ lực của mình.

Tụi con phải nhớ, từ giờ tu đến giờ công tác, giờ nghỉ ngơi... lúc nào tụi con cũng phải biết rõ và quyết định rằng trên đường tu không bỏ suông phút giây nào hết. Phải có lợi ích, phải có tiến bộ, không nên tu mà thả trôi. Vì vậy những lúc tụi con bàn luận, nói phải quấy, nói hơn thua, đó là lúc tụi con tinh tấn hay thả trôi?

- Dạ, thả trôi.

Bên ni chắc giờ đó nhiều lắm phải không? Tụi con lúc nào cũng phải cố gắng, phải miên mật. Dù không phải giờ ngồi thiền, tụi con vẫn giữ chánh niệm. Lúc nào cũng phải nhớ con khỉ bên trong mình đang nghỉ hay đang chạy nhảy để điều phục nó. Được như vậy là tụi con tiến. Chứ phải quấy, hơn thua với nhau thì được cái gì? Ai cãi giỏi lắm là người giỏi cãi, chứ không phải là người giỏi tu.

Bởi vậy tụi con phải nhớ luôn cố gắng, lúc nào cũng nên tinh tấn. Nếu huynh đệ không tinh tấn mình vẫn cố gắng tinh tấn. Đừng thấy người ta nói chơi, cười vui, rồi mình cũng hùa vô dự thính, không tốt. Nếu ai nấy đều cố gắng tu, thầm lặng tu, tự nhiên mọi việc đều tốt đẹp. Còn ai cũng hùa nhau bàn thị phi thì mọi việc đều không tốt.

Vậy nên tụi con phải nỗ lực, tinh tấn. Một đời mình ngắn lắm, mới đó đã thấy già, thấy chết, nó không chờ mình. Nên ngày nào còn khỏe, còn làm được thì phải ráng làm, ráng tu, đừng bỏ mất thời giờ quý báu. Đó là lời Thầy nhắc nhở hôm nay.

Ngày 28-12 Mậu Dần (13-02-1999)

Hôm nay là ngày cuối năm, tất cả tụi con đồng ra sám hối. Qua một năm tụi con tu hành có những bước tiến tốt, nhưng cũng không tránh khỏi những lỗi nhỏ. Nay Thầy có vài điều nhắc nhở tụi con.

Sở dĩ Thầy nói rằng thiền viện Trúc Lâm này là lý tưởng tối hậu của đời Thầy, không phải do Thầy cất chùa to, có cảnh đẹp, mà vì ở nơi đây Thầy tạo được duyên tốt, đủ điều kiện để tụi con yên tâm tu. Thầy nghĩ nếu tụi con yên tâm tu thì dĩ nhiên sẽ có tiến và tiến được những bước xa. Do đó Thầy lúc nào cũng trông đợi tụi con tu có kết quả, mọi phiền não rơi rụng hết, để mai kia khi Thầy mệt mỏi, tụi con có thể thay thế Thầy, thay cho huynh đệ làm Phật sự nơi này nơi kia. Đó là sự trông đợi của Thầy.

Tụi con xét kỹ xem, hiện nay ở tại thiền viện, tụi con khỏi bận tâm lo về kinh tế hoặc về pháp lý đối với chính quyền, cũng khỏi bận tâm lo làm sao có cơm ăn áo mặc hoặc lo khi bệnh hoạn... Tất cả những vấn đề đó Thầy đều bảo

bọc, cho tới những chuyện đi đám, cúng kính... Thầy đều bớt hết, để tụi con chỉ có một việc yên tu. Tuy nhiên, tu không phải là ngồi một chỗ, mà tụi con cũng cần lao động chút ít, làm việc này việc nọ trong buổi sáng để cho có sức khỏe, vì mình ngồi một chỗ lâu sẽ sanh bệnh.

Thầy muốn tụi con trong khi tu được đầy đủ điều kiện tốt, không phải bận tâm lo nghĩ một điều gì, cũng không bị ai làm phiền nhiễu, để cho trong hai, ba năm tụi con tu có những tiến bộ đáng mừng, sau này sẽ làm được Phật sự thay cho huynh đệ, thay cho những vị đi trước mình. Cuối năm nay Thầy được cái vui là sẽ cất thêm hai cái thất nữa, để tụi con có cơ hội vào thất. Thầy thấy đa số người vào thất ra đều có kết quả tốt. Chỉ một vài người vì duyên sự bệnh nên tiến không được nhiều, có khi không tiến.

Thầy mong rằng năm tới, tất cả tụi con từ lớn tới nhỏ, trên phương diện tu, dù ở ngoài hay vào thất đều nỗ lực, cố gắng tu cho đạt kết quả tốt. Dù không nhiều cũng phải có, chứ đừng để mất thời giờ quý báu của mình mà không tiến được bao nhiêu. Hơn nữa tất cả tụi con là người quyết chí tu mới đến thiền viện này, không nên vì những lý do nhỏ nhặt mà phiền hà nhau để sanh phiền não làm chướng ngại sự tu. Vì tu cốt làm sao cho tâm mình an, một phiền não dấy lên là đã phá hoại tâm an của mình rồi.

Vậy nên tụi con phải khéo điều hòa, dù cho ở cảnh nào, dù có một hai điều chướng tai gai mắt, tụi con cũng phải bỏ qua hết. Chỉ lo làm sao tâm mình được an ổn, ngồi thiền được kết quả, đó là tụi con khôn ngoan. Chính đó cũng là điều Thầy đang trông đợi ở tụi con. Mong năm tới tất cả tụi con đều cố gắng hơn. Đó là lời Thầy nhắc nhở cuối năm.

THUỐC ĐẮNG

- Bạch Thầy, có một số thầy bị bệnh, uống thuốc có chất làm buồn ngủ, quý vị xin nghỉ ngồi thiền buổi tối, con không biết có hợp ý Thầy không?

- Thật ra, bệnh phải uống thuốc là việc thường. Nhưng nếu uống thuốc buồn ngủ thì cứ lên thiền đường ngồi thiền, đến khi gượng hết nổi ngồi ngủ gục cũng được, đừng ở dưới liêu ngủ, bởi vì sẽ có hai lỗi. Lỗi thứ nhất là tới giờ huynh đệ tu mà mình không tu, huynh đệ sẽ phàn nàn. Lỗi thứ hai là quen ở dưới liêu ngủ sẽ trở thành lười biếng lúc nào không hay.

Cho nên uống thuốc gây buồn ngủ, thà lên thiền đường ngồi ngủ gục chứ không được nằm dưới liêu ngủ. Giờ huynh đệ tu mà mình ngủ là không tốt. Uống thuốc không phải năm ba bữa, có khi uống cả nửa tháng, chẳng lẽ nghỉ hoài, đó là điều không được. Vậy nên phải ráng, mỗi người phải nỗ lực hơn chứ đừng lôi thôi. Tôi nghĩ chúng ở đây đều là những người quyết tu, không có ai tới đây tu lừng chừng hết. Đã liều chết tu thì bệnh gì hành cũng ráng gượng, đừng để quá tệ không tốt.

Thời giờ ngồi tu thấy như có khuôn thước bắt buộc, nhưng chính cái bắt buộc đó tạo cho mình thành thói quen. Sau này tới giờ là mình ngồi thiền, không thể nào bỏ qua được. "Thiền duyệt vi thực" là vậy đó, lấy cái vui trong thiền định làm thức ăn, nghĩa là tới giờ ngồi thiền nếu mình không ngồi được thì như là bụng đói vậy, nên phải ngồi cho an ổn tâm hồn. Nếu có buồn ngủ thì một chút cũng qua, không đến nỗi nào.

Tôi muốn trong chúng ai ai cũng phải tự sách tấn, tiến lên. Tôi không muốn một ai thả trôi cả, bởi vì thả trôi là hư hỏng. Vậy nên mỗi người phải nỗ lực. Khi nào có bệnh không thể đi được mới nghỉ, còn uống thuốc để trị bệnh dài hạn thì phải ngồi thiền, không được bỏ.

- Thưa Thầy, lúc này huynh đệ ngồi thiền ngủ gục nhiều, xin Thầy có phương pháp nào chỉ dạy cho huynh đệ bớt ngủ.

- Thật ra, trong nhà Phật có dạy nhiều phương pháp, nhưng tôi thấy phương pháp đánh là hay nhất. Người này bị đánh, người kia cũng giật mình, vậy dễ tỉnh hơn. Cho nên hồi xưa ở Trung Hoa, Nhật Bản đã dùng thuật đó.

Kinh Phật có dạy nhiều cách, vì thời Phật không ngồi chung tập thể, mỗi người ngồi dưới gốc cây hoặc trong gộp đá... Phật dạy có những cách để trị buồn ngủ, như quán ánh sáng ở trước, bởi vì tối dễ ngủ, còn sáng khó ngủ. Như khi tắt đèn mình dễ ngủ, mở đèn khó ngủ, nên quán ánh sáng sẽ bớt buồn ngủ. Có khi dùng hai tay xoa hai vành tai cho nóng hoặc lấy nước lạnh rửa mặt thì sẽ trừ được cơn buồn ngủ.

Dùng đủ cách mà vẫn còn buồn ngủ thì Phật dạy đứng dậy đi kinh hành. Đó là ở riêng cá nhân, không phải ngồi chung một thiền đường. Còn ở đây, đứng dậy đi thì loạn hết, nên không dùng được lối này. Ở đây phải đánh cho giật mình, nhờ vậy đỡ buồn ngủ.

Ngoài ra, đương sự phải tập như thế này thì cơn buồn ngủ có thể tan bớt. Ví dụ mình ngồi nếu thấy mơ mơ, phải chấn chỉnh mạnh lên, mở mắt trừng trợn một hồi, cái mơ mơ sẽ tan đi. Giả sử mình ngủ gục bị đánh một cái, thì phải cố gắng mạnh mẽ lên. Ngồi buông thả hoài dễ gục lắm, vì buổi khuya yên ắng dễ ngủ. Vậy nên phải mở mắt ra chấn chỉnh lại, coi như lúc đó mình đang tranh đấu để chiến thắng ma ngủ, như vậy lần lần sẽ thắng được.

Thật ra cái gì cũng khó ở bước đầu thôi, sau thuần thục rồi sẽ ít ngủ. Ít chứ chẳng phải không, ngài Mục-kiền-liên hồi xưa ngồi thiền còn hôn trầm thay. Trưởng lão còn ngủ gục, mình bây giờ làm sao tránh khỏi chuyện đó. Nhưng những khi mệt nhọc, nhuốm bệnh mới ngủ nhiều, còn khi nào khỏe, mình cố gắng vươn lên sẽ qua được. Đó là một sự chiến đấu mạnh mẽ chứ chẳng phải thường. Thời giờ của tôi ít lắm. Bình thường, ban ngày khách khứa hoặc chuyện này chuyện nọ, còn ban đêm thì ngồi thiền, không ngồi thiền không được.

Không ngồi thiền có hai cái hại. Thứ nhất là về sức khỏe, ngồi thiền tôi ít bị nhảy mũi, ít cảm. Bởi vậy tôi thấy rõ ngồi thiền đều đều là rất tốt. Thứ hai là nhờ ngồi thiền, định lực của mình sâu một chút, nhờ đó mình thắng ngoại cảnh, chứ định lực yếu thắng không nổi. Nên ngồi thiền là việc quan trọng không bao giờ tôi dám bỏ. Trừ lúc đi đâu quá mệt, ngồi bị ngủ gục nhiều thì thôi cho nghỉ buổi tối, chứ còn buổi khuya nhất định phải ngồi. Nhờ giữ đều đặn như vậy mà khỏe trong người.

Có nhiều chú đổ thừa bệnh không muốn ngồi thiền. Không ngồi thì bệnh tăng chứ không giảm. Nhất là ba hơi thở ban đầu lúc vào thiền, lúc trước tôi hướng dẫn khi thở ra thì mình tưởng như phiền não, uế trược, bệnh hoạn ra hết. Bây giờ tôi đặt ngược lại: bệnh hoạn ra trước, rồi tới phiền não..., mình thở tống ra hết. Có người kể tôi nghe, sau khi thở ra ba hơi như vậy, họ thấy rỗng rang luôn cả mấy tiếng đồng hồ, khỏe lắm.

Thật ra, năm nay nếu gom hết tài liệu của tăng, ni, Phật tử thì thấy có nhiều cái mới lạ trong sự tu tập. Nhưng tôi rất dè dặt, nhất là đối với Phật tử cứ muốn tôi thừa nhận là đã kiến tánh, mà tôi thừa nhận thì sợ họ sanh tâm ngạo mạn, cũng nguy lắm. Có nhiều vị thầy hay ấn chứng bừa bãi cho đồ đệ, dù người đó tu sơ sơ, đang còn phiền não đầy dẫy. Cho nên chúng ta phải khéo dè dặt, đừng để ban đầu là con người tốt, về sau tu được chút ít lại sanh ngã mạn trở thành không tốt, rồi theo danh lợi không hay. Thật ra có người cũng có lần được sáng

nên đọc kinh hiểu hết nghĩa lý, lại tưởng là xong việc, dè đâu tâm cầu danh không giảm. Mà còn danh thì còn lợi, còn lợi tức còn sân si. Vậy là tham sân si còn đủ.

Sự tu rất thâm trầm vi diệu, chứ không phải chỉ là phần nổi người ta thấy bên ngoài. Ai tới Trúc Lâm cũng nghĩ sự xây dựng của mình là công trình lớn. Thử hỏi tiền ở đâu có mà làm, mới biết sự gia hộ của Tam bảo rất là tốt. Làm việc đạo chân chánh thì được Tam bảo gia hộ. Bởi vậy tôi nói với mấy chú, tôi tin Tam bảo tuyệt đối.

Như hồi ở Chơn Không mới bắt đầu nuôi chúng, một số thầy thắc mắc: "Nghe Thầy tuyên bố không đi đám đi cúng, vậy lấy gì chúng ăn?" Nên trong Thanh quy hồi đó tôi mới để câu: "Chừng nào hết gạo thì mỗi người về quê xin chở lên." Nhưng sự thật từ trước đến nay có hết gạo bao giờ đâu. Chỉ sợ mình tu hành không chân chánh, đừng lo Tam bảo bỏ quên mình.

Có một điều tôi được nghe mà chưa rõ lắm, rằng có một vài thầy đi nơi này nơi kia rồi mượn tiền người ta. Những người chủ cho mượn hơi phàn nàn, than với một số Phật tử. Đó là điều không tốt, làm mất uy tín của chư tăng ở thiền viện.

Vậy yêu cầu ai đó có lỡ làm điều này thì từ nay về sau tuyệt đối không được hỏi mượn ai hết, vì ở đây tất cả mọi thứ tôi đều lo cho quý vị đầy đủ rồi, không có gì thiếu thốn. Nếu có thiếu thốn gì, quý vị cứ đến trình Quản chúng hoặc đến thưa với tôi. Cái gì tôi giúp được thì tôi giúp, hoặc là Quản chúng thấy trong quỹ còn có tiền rộng rãi có thể lo cho quý vị được thì lo. Không nên đến nơi này nơi kia mượn, đó là điều không tốt.

Ở đây nhiều khi cho tiền quý vị đi, khi về còn dư phải đem trả lại thay, huống nữa là đi mượn của người ta, điều đó trái hẳn với quy chế trong đây. Nếu ai làm điều này, khi nào có đủ bằng chứng, có người tới đòi tại đây thì người mượn tiền đó phải xuất chúng chứ không được ở nữa. Vì làm như vậy là mất uy tín của cả thiền viện. Ở thiền viện là để tu hành, không bận rộn chuyện thế tục, mà mình làm việc đó là ngoài chuyện tu hành rồi.

Vừa rồi chú T.Đ ngồi thiền gần mấy huynh đệ, tới lúc xả thiền, chú ấy mới tập tu mà biết làm theo thứ lớp, còn mấy ông thầy mình lại duỗi chân ra trước. Vì vậy chú ấy thắc mắc, không biết quý thầy sao xả thiền không có thứ tự.

Nghe điều này tôi hơi xấu hổ, người ta tới tập tu mà ngồi thiền đàng hoàng, xả đàng hoàng, còn mình tu lâu rồi lại xả thiền không có thứ tự, khiến cho người ta hoang mang thắc mắc. Đó là một sơ sót lớn. Ở đây là nơi chuyên tu và cũng là mẫu mực cho những người trong nước và ngoài nước tới tập tu, cho nên chúng ta không thể xem thường một hành động nào của mình hết. Phải đâu đó trật tự, thứ lớp đàng hoàng để những người tới tập tu thấy phấn khởi tinh

thần học tập theo. Chứ quý thầy lớn dạy một đàng, khi xả thiền mấy chú làm một nẻo, thì người ta đâu có tin tưởng tập thể mình tu tốt lành.

Đó là lỗi lớn, không phải chuyện nhỏ, nên nhắc cho toàn chúng đừng có thái độ để ngươi, xem thường như vậy nữa. Ngồi hai giờ chịu nổi, còn có năm mười phút xả thiền mà chịu không nổi lại duỗi chân trước! Đó là một điều rất dở, một khuyết điểm lớn. Bên ni chúng nghiêm nhặt hơn, Ban quản chúng coi chừng kỹ lắm, ai lôi thôi thì bị rầy; còn bên này tự do quá, như vậy là không tốt.

Hôm trước có một cô người Mỹ đến đây tập tu. Cô nói có tập tu ở Thái Lan rồi mới qua đây. Tôi hỏi: "Cô thấy quý thầy ở Thái ngồi thiền có nghiêm chỉnh, tốt không?" Cô trả lời: "Thấy quý thầy ngồi gục quá!"

Thành ra quý vị tập tu ngồi ở phía sau, lâu lâu họ mở mắt nhìn coi quý thầy, quý cô làm sao, nếu thấy gục lên gục xuống thì họ cười. Điều đó gây ảnh hưởng không tốt, nên mình lúc nào cũng phải mẫu mực. Buổi ngồi thiền chiều đâu đến nỗi phải gục. Người ta đến tập tu với mình mà để họ thấy lôi thôi là không tốt.

Do có cái tệ đó nên lát nữa tôi phải chỉ lại cách ngồi thiền cho thật cẩn thận. Kể từ bữa nay về sau, nếu mấy chú còn sai sót nữa thì tôi phạt nặng chứ không phạt nhẹ, vì nó để tiếng không tốt cho tập thể mình.

Trong đây có nhiều người ngồi thiền không chỉnh, xả thiền cũng không chỉnh, nhiều khi mấy thầy không để ý. Nên nay tôi chỉ thứ lớp rõ ràng, tất cả xem rồi nhớ cho kỹ, từ đây về sau làm cho đúng.

(Xem phần hướng dẫn của Hoà thượng ở Thỉnh nguyện ni ngày 28-10 *Mậu Dần, trang 218*)

Hôm nay tôi nói lại câu chuyện một Phật tử nữ ở ngoại quốc gửi thư về hỏi:

"Thưa Hòa thượng, gia đình chồng con đạo Thiên Chúa, con đạo Phật. Trước đây, khi lập gia đình anh ấy hứa người nào giữ đạo nấy chứ không ai bắt ép ai, nên con ưng thuận lập gia đình. Bây giờ ra nước ngoài, có được hai đứa con thì ông ấy bắt hai đứa nhỏ đi nhà thờ rửa tội. Đó là một cái lấn hiếp rồi. Tới giai đoạn thứ hai, ở nhà con có hai bàn thờ riêng, bên này tượng Chúa, bên kia tượng Phật, ông ấy nói một nhà có hai bàn thờ không được, dồn lại một bàn thờ thôi, dẹp Phật để Chúa."

Bà này phản đối kịch liệt, không chịu chấp nhận. Nên từ hồi ông có ý kiến đó tới giờ, vợ chồng chống đối, cãi vã nhau hoài, không được an ổn bình yên. Rồi bà hỏi: "Bạch Hòa thượng, giờ con phải xử sao trong trường hợp đó?"

Quý vị thấy câu hỏi thật khó trả lời. Trong trường hợp này, tôi trả lời rằng: Đức Chúa chủ trương bác ái, đức Phật dạy từ bi. Một bên đem lòng thương rải khắp, còn một bên dạy mình sống với nhau hòa thuận, thương yêu giúp đỡ tất cả mọi người. Cả hai ông đều tốt.

Ông Chúa tuy nhiều người kính trọng, nhưng ở đâu xa tít mù không ai thấy bao giờ. Còn ông Phật nhập Niết-bàn cách đây hơn hai ngàn năm rồi. Bây giờ vì kính Phật hoặc vì kính Chúa mà vợ chồng cãi lộn nhau, làm gia đình rối ren, bất an đau khổ. Giả dụ Chúa tới thấy vậy chắc cũng khóc, Phật thấy cũng buồn. Bởi vì chủ trương của Phật và Chúa là đem lại tình thương, đem lại hòa thuận, bây giờ hai vị vì Phật vì Chúa mà cãi lộn, làm khổ nhau, thì Phật và Chúa đều buồn hết. Tốt hơn, quý vị nên nghĩ: Phật và Chúa lúc nào cũng đem lại tình thương, sự hòa thuận cho mọi người, đem lại hạnh phúc cho chúng sanh. Chúng ta kính Phật, kính Chúa thì trước hết phải làm những điều đó, tức là phải sống với nhau hòa thuận, vui tươi, để cho gia đình hạnh phúc, đó là kính Phật kính Chúa.

Tôi trả lời như vậy vì những vấn đề đó tế nhị lắm, nói không khéo sẽ làm người ta nổi sân, mích lòng thêm. Hoặc nếu chúng ta không cẩn thận, xúi bà Phật tử làm dữ thêm thì đó là tội lỗi. Cho nên tôi nhắc để quý vị nhớ, những trường hợp như vậy mình phải thận trọng, giảng dạy làm sao cho có sự hòa thuận, đem lại an ổn cho gia đình họ, chứ đừng làm chia rẽ thêm.

- Kính bạch Thầy, vừa rồi chúng con được biếu một số băng giảng của các vị thầy ở các nơi. Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con về việc này.

- Mỗi người có một hướng đi khác nhau, không phải ai cũng chung hướng với mình. Dầu cho quý vị đó nói hay, nhưng mà hướng khác thì mình đem ứng dụng cũng không được. Ví dụ có thầy nặng về hơi thở, dạy hít vô thở ra miệng mỉm cười, đó là cái vui hiện tại, chứ không phải đi sâu trong đạo lý, do thấy đạo mà vui, thành ra khác nhau xa. Mình sử dụng của người ta thì mất của mình. Chúng ta có đường đi riêng, đừng nên nghe nhiều rồi tu lung tung, rốt cuộc không có kết quả.

Gần đây, tôi được nghe có một vài huynh đệ hơi có ý buông lung. Hoặc là chiều, hoặc là tối, thỉnh thoảng có lén lén dẫn xe honda đi chơi. Nghe điều đó tôi rất buồn, bởi vì mình ở đây chuyên tu chứ không phải chỗ tu lơ là, tu cho có chừng, mà nếu lợi dụng cơ hội tôi vắng nhà rồi đi chơi như vậy là không tốt, cho nên hôm nay tôi nhắc.

Vì người báo cho tôi không nói tên ai nên tôi không nắm vững, nhưng nay nhắc toàn chúng. Ai còn có tâm muốn đi chơi chỗ này chỗ kia ngoài giờ tu của mình thì những người đó đã để tâm phóng túng rồi. Ban đêm mà dẫn xe đi chơi một hai người như vậy là buông lung hết chỗ nói. Kể từ đây về sau, từ ban trật

tự cho tới nhà khách, nếu thấy ai đi như vậy thì ghi rõ tên người nào, giờ nào để tôi trừng phạt đúng với Thanh quy của mình, vì đây là một việc làm trái với đạo lý, làm cho thiền viện mang tiếng không tốt.

Chúng ta tu ở đây không thiếu ăn, không thiếu mặc, không thiếu những vật dụng xài, thì không có lý do gì mà đi đây đi kia một cách bất thường như vậy. Cho nên đi chơi là trái với luật, là phạm tội nặng đối với thiền viện. Vậy tôi nhắc cho tất cả nhớ, từ đây về sau, lúc tôi có ở nhà hoặc vắng mặt đều phải giữ cho nghiêm chỉnh. Nếu có ai sai phạm những điều đó thì phải ghi rõ để về tôi trừng phạt thẳng tay chứ không tha.

Đến điều thứ hai, kỳ này về tôi nhận được mấy lá thư cảnh báo rằng ban trật tự ở ngoại viện của mình có vẻ nghiêm khắc quá. Một người trong nhóm thợ thuyền chạy tàu dưới hồ Tuyền Lâm báo với tôi rằng: Một hôm có người quen thân đến chơi, báo rằng họ đã tới bãi xe thiền viện. Chú ấy lên đón họ, nhưng mới tới nơi thì gặp ông thầy trưởng ban trật tự nạt nộ quá. Chú ấy hơi buồn, viết lá thư tố với tôi. Nên nay tôi cũng nhắc ban trật tự, mình làm việc thì tất nhiên phải nghiêm chỉnh, nhưng có một hai trường hợp cũng nên nhẹ nhàng. Nhẹ nhàng là điều tốt, họ làm sai mà mình nhắc nhẹ nhàng họ cũng ít buồn.

Về phần tri khách cũng vậy, tôi cũng được người ta báo là có một hai trường hợp người ta tới muốn hỏi gì đó, bị quý thầy tri khách bực bội, nói những lời không được nhẹ nhàng cho nên họ không vui, gửi thư cảnh báo với tôi.

Vậy yêu cầu ban trật tự và ban tri khách, mình làm việc thì phải đúng điều lệ của thiền viện, nhưng lời nói nên nhẹ nhàng để cho mọi người tới với mình không bực bội. Nếu họ bực bội thì tín tâm đối với đạo bị suy giảm. Bởi vậy chúng ta ráng khéo giữ, đừng để những người khách tới đây sanh ra bất mãn với mình, đó là điều không tốt. Quý vị ráng nhớ.

Tôi biết ở hoàn cảnh trật tự với tri khách có nhiều lúc phức tạp lắm, nhưng mình đã là người tu thì bao giờ cũng phải hiền lành, hòa nhã chứ đừng có thái độ bực bội, nóng nảy làm cho họ bất bình. Vậy tôi nhắc quý vị ráng cẩn thận. Quý vị là bộ mặt của thiền viện, mà bộ mặt không tốt thì người ta đánh giá thiền viện cũng không tốt. Cho nên ráng cẩn thận giùm, đừng để xảy ra chuyện buồn lòng không hay.

Thầy nhắc thêm một chút về việc tiếp khách.

Ở thiền viện đây có nội quy, tụi con nên theo đúng. Nếu một người làm sai, những người khác bắt chước làm sai theo, bản nội quy sẽ vô giá trị, không tốt. Ở đây quy định nếu có khách đến chỉ tiếp tại nhà khách ba mươi phút, ngoài ra không được tiếp ai lâu. Nếu người thân ở lại thì đó là phần của tri

khách sắp đặt. Sau một hai ngày có chuyện gì cần thưa nói phải xin phép lại, rồi tiếp thêm ba mươi phút nữa.

Tụi con có chỗ dở là mỗi khi thấy người thân tới cứ sợ mình lơ là e họ buồn, rồi cứ lai vãng nói hoài cho hết chuyện, cho hết tâm tình. Như vậy thời giờ sai chạy hết. Những người xung quanh sẽ thấy mình không tôn trọng nội quy, quy định nửa giờ mà tiếp khách hơn nửa giờ hoặc quá nhiều. Sống trong thiền viện mà không tuân theo nội quy là xem thường và phạm lỗi. Đó là điều không tốt, nhất là khi thân nhân còn ở lại mà tự ý qua lại tới lui không xin phép thì lại càng có lỗi hơn. Ở đây có một hai người đã làm như vậy, không tốt. Nếu can đảm thì sám hối, không can đảm thì Thầy nhắc cho nhớ. Nếu tự ý qua lại là không còn nề nếp và tư cách của một thiền sinh.

Tất cả tụi con phải tuân theo nội quy, đừng để làm phiền tri khách. Mình phải tự ý thức trách nhiệm và hoàn cảnh của mình. Tất cả người thân đến đều biết rõ nội quy ở đây, không trách mình được. Nếu tụi con đi quá đà, người khác thấy rồi xầm xì không hay.

Từ đây về sau tụi con phải dè dặt, cẩn thận. Mình sống trong thiền viện lấy nội quy làm tiêu chuẩn, không nên sống một cách tự do. Nếu tự do là không biết kính trọng nội quy của thiền viện, không có nội quy thì tập thể của mình không còn tốt nữa.

Trên đường tu tụi con phải luôn cẩn thận, tu hành cho tốt. Chính sự tu hành tốt sẽ giúp tụi con qua hết những cái khó. Đừng nghĩ mình tu chuyện gì cũng dễ. Đời Thầy bao nhiêu thứ trở ngại, Thầy cũng đã chịu nhiều lắm rồi, những ngày sau này không biết còn thừa cái gì không nữa. Thầy thấy cần phải ẩn nhẫn, rồi đâu cũng vào đấy không đến nỗi nào.

Tụi con đừng ngạc nhiên tại sao mình tu ở thiền viện đang có điều kiện tốt lại có những trở ngại mình không hề nghĩ tới, không thể biết trước. Đó cũng là chuyện bất ngờ, tuy nhiên nó cũng từ bản thân con người, do không suy nghĩ kỹ, không xét chín chắn, cộng với một số tác động bên ngoài, nên làm những chuyện mà về sau phải ân hận.

Vậy tụi con ráng tập, dù có gì vui buồn cũng phải rất nghiêm chỉnh suy xét cho kỹ, đừng vội vàng quyết định một điều gì hết. Nhờ xét nét kỹ tụi con sẽ tu hành đến nơi đến chốn được. Những hành động có tính cách vội vàng, không kịp nghĩ suy sẽ làm rối từ việc này đến việc khác, không đi đến đâu hết. Thầy nhắc nhở tất cả tụi con để biết hoàn cảnh tu của mình không phải chỉ có chiều thuận mà còn chiều nghịch nữa. Tụi con phải cẩn thận.

Thầy thường hay nói, giảng dạy Phật pháp cho người ta tu rồi mình về thì rất là dễ. Còn trường hợp ở đây, Thầy dạy chúng tu tại thiền viện thì tất cả những điều hay dở hoặc nên hư, Thầy đều có trách nhiệm rất nặng. Bởi vậy

nên khi đứa nào nhập thất tu Thầy cũng cho coi chừng xem có gì trở ngại không, nếu có gì trắc trở phải cho Thầy biết liền.

Như H.T trình bày thì trong chúng thấy dường như có ma quỷ gì đó bên ngoài phá, nên trở ngại sự tu hành. Nhưng điều trọng yếu tụi con nên biết rõ là nếu nội tâm chúng ta vững vàng và nghị lực mạnh mẽ thì tất cả các chướng ma đều qua. Còn nếu nội tâm mình không được mạnh mẽ, nghị lực yếu đuối thì những cảnh bên ngoài, hoặc do bệnh hoặc do những chướng khác, sẽ làm trở ngại sự tu. Chính điều đó Thầy rất bận tâm.

Vì vậy Thầy dạy cho H.T biết, những điều con thấy và sợ là có lý do của con, nhưng thật ra đối với đạo, theo như những người tu lâu nay đã kể lại, cũng như bản thân Thầy có kinh nghiệm, thì cái gốc trở ngại là ở nơi mình chứ không phải do ma quỷ bên ngoài. Tụi con có nhớ khi đức Phật ngồi dưới cội bồ-đề, ma quái tới phá thì ngài thắng nó bằng cách nào không? Phật dạy rằng ngài dùng cây cung thiền định và mũi tên trí tuệ để dẹp ma quân.

Vậy nên chúng ta đừng nghĩ khi thấy ma quái thì dùng thần chú này phép lạ nọ để trị nó. Đừng quan niệm như thế. Người tu Phật chúng ta chỉ lấy thiền định và trí tuệ để trị ma quân. Khi bọn ma tới vây phá Phật, đoạn đầu là một đám ma đầu trâu mặt ngựa, dùng gươm giáo bao vây ngài, hầm hét tấn công. Đức Phật vẫn nhập định, tâm yên lặng, không dấy động. Một lát chúng ma tự xấu hổ rút lui.

Kế đó là ma nữ, dùng những hình tướng kiều diễm, hóa ra người thân để làm rối loạn tâm ngài. Khi bị phá như vậy ngài chỉ nói rằng: "Hãy đi! Các ngươi chỉ là những đãy da hôi thúi, ta không dùng, hãy đi." Ngài quở như vậy rồi tự nó xấu hổ rút lui.

Như vậy, Phật dùng thiền định để trị những loại ma hung dữ và dùng trí tuệ để dẹp ma quyến rũ. Đó là dùng cung thiền định và mũi tên trí tuệ để trị ma. Còn mình bây giờ, hễ thấy có cái gì lạ là sợ liền. Từ quá sợ nên tâm bất định, tâm không định thì ma dễ phá, làm trở ngại sự tu. Chứ nếu ma quái gì đến mà tụi con cứ vững tâm, nhất định không thèm nhìn, không thèm ngó, chỉ định tâm không dấy niệm gì hết, một lúc tự nó đi chứ có gì mà sợ. Đó là cách thứ nhất, dùng định.

Thứ hai, nếu mình không dùng định được thì phải dùng quán. Dùng trí tuệ quán tất cả thân mình, thân chúng sanh, thân mọi loài đều do duyên hợp, đều là hư dối huyễn hóa. Thân này nặng bao nhiêu ký đây còn hư dối, huống nữa là các loài ma quái, như bóng ảnh vậy thôi, đâu có thật. Đã không thật thì có gì mà sợ.

Tụi con can đảm nhìn nó, biết nó không thật, đó là dùng trí tuệ quán chiếu đuổi nó. Đừng nên vừa thấy liền hoảng sợ, do hoảng sợ tinh thần bị suy sụp,

sanh ra bệnh, làm trở ngại sự tu. Thầy nói rõ để tụi con biết, vì thường các nơi người ta hay nói hễ thấy ma thì phải tụng chú này chú nọ để trị. Ở đây chúng ta không dùng chú mà dùng trí tuệ và thiền định để trị, đó là chánh pháp. Còn dùng bùa chú trị, không khéo mình lạc vào tà pháp, là điều không tốt.

Cho nên tụi con khi tu, gặp những điều chướng đó thì phải nhất tâm thiền định, đừng bị dao động. Nó làm gì mặc nó, cứ ngồi như chết vậy thôi, không màng, không để ý gì đến nó, một lúc rồi nó tự tan chứ không có gì. Hoặc là dùng trí quán chiếu tất cả pháp đều là không. Không có gì thật thì ma quái cũng không thật, thân này cũng không thật, có gì mà sợ. Cứ quán như vậy rồi dần dần nó sẽ thua, sẽ tan. Đó là pháp của Phật dạy, dùng trí tuệ và dùng thiền định trị ma.

Trong tụi con có nhiều đứa không hiểu biết, nói rằng nhập thất thì không ai có quyền ra thất nửa chừng, đó là ngu xuẩn không biết gì. Nhập thất nếu có chướng ngại không thắng được thì phải ra thất để tu bình thường theo chúng, vậy mới không sanh bệnh tật. Nếu cứ tiếp tục nhập, cố kìm quá sẽ khủng hoảng, từ đó sanh ra cuồng loạn, không tốt.

Tụi con không gánh trách nhiệm nên không nghĩ chín chắn, chứ phần Thầy có trách nhiệm hết sức nặng nên bao giờ cũng cẩn thận. Bởi vì ở đây chúng tu đông đảo như thế này, được Phật tử tin tưởng cúng dường, đồng thời cũng có nhiều người không ưa. Nếu những người này thấy có điều gì sơ hở, họ phê bình, chỉ trích ngay. Nếu trong chúng lỡ có một người nào tu không đúng cách, nổi cuồng dại lên thì tụi con nghĩ sao? Đó là lỗi của ai? Vì vậy nên Thầy nghe người nào trong chúng có chuyện xảy ra không làm chủ được thì Thầy liền cho ra thất, để tránh những tai nạn làm cho nó hoảng hốt rồi cuồng loạn. Chẳng những hại đời tu của nó mà còn mang tiếng không tốt cho thiền viện mình.

Vậy nên tụi con phải hiểu, nếu trong khi tu có những trở ngại, chiến thắng được thì vượt qua, còn thấy chiến thắng không được thì mình xin lui, để ra tu bình thường với chúng thì sẽ không bị chướng. Vì những giờ tu quyết liệt từ ngoại cảnh lẫn đến nội tâm hay có những phản ứng bất thường lắm. Cho nên tụi con phải dè dặt, đừng coi thường.

Như trường hợp H.T không phải tự ý nó muốn mà là do cảnh bên ngoài. Chỉ vì còn yếu, chưa được tâm thiền định vững, chưa có trí tuệ mạnh để chiếu phá thành ra hơi thua. Từ chỗ thua đó, H.T phải chú ý, từ đây về sau, một là con nên sống hòa với chúng, vui vẻ cùng chị em, đừng mặc cảm với huynh đệ. Ngược lại, trong chúng khi thấy một người huynh đệ của mình tu có những chướng ngại thì cũng nên thương, cùng nâng đỡ và an ủi, không được nói này nói nọ, để H.T yên lòng sống hòa hợp với huynh đệ. Như vậy một thời gian sau, những điều quấy nhiễu làm H.T sợ sẽ lần lần tan đi chứ không có gì phải

lo. Vì "đức chúng như hải", sống trong chúng nhờ đức của chúng nên mọi việc đều tốt đẹp. Đó là việc thứ nhất.

Thứ hai là từ đây về sau, nếu quý thầy quý cô thấy con hoặc là yếu vì bệnh, hoặc là yếu thần kinh, cho thuốc chích hoặc uống, thì con nên hoan hỷ nhận để tăng sức khỏe. Có sức khỏe tu mới có thể dễ vượt qua những trở ngại. Nếu con yếu hoặc bệnh thì sẽ không thể vượt qua được, làm chướng cho đời tu của con.

Quý thầy quý cô lúc nào cũng chú ý, lo lắng cho con, đang theo dõi coi bệnh tình đã giảm hay chưa giảm để sắp đặt. Vì vậy những gì sắp đặt thì con phải nghe lời, để cuộc sống của con được yên ổn và sự tu hành của con được tiến bộ. Đừng nên lo, buồn sợ hay mặc cảm gì hết. Nhất là trong huynh đệ, tụi con phải thông cảm người bệnh, người yếu. Khi thấy những điều hơi bất thường thì tụi con thương chứ đừng nên giễu cợt làm cho nó mặc cảm, không tốt.

Phần H.T, con phải sống hòa hợp với huynh đệ chứ đừng sống tư riêng, phải chơi với huynh đệ. Trong những giờ tọa thiền con phải mạnh mẽ làm chủ hoàn toàn, tập cho nghị lực cứng cỏi, đừng để bên ngoài chi phối. Như vậy lần lần mọi chuyện sẽ ổn. Trong chúng đừng có ai bàn tán chuyện gì, làm cho nó nghe rồi buồn, không nên. Chúng ta phải nâng đỡ những người tinh thần đang yếu, đang xuống, giúp họ phấn chấn lên để có đủ sức tu hành, không bị trở ngại.

Đó là lời Thầy nhắc nhở H.T cũng như cho toàn chúng. Ai có hoàn cảnh giống như vậy phải tự ý thức để vui vẻ tu, đừng vì một hai lý do nào đó mà buồn nản rồi thối Bồ-đề tâm, điều đó không tốt.

Tụi con đừng có quan niệm những ngày lễ ở gia đình, mình không có mặt e là có lỗi. Phải nhớ rằng vì sự tu hành của mình, chăm chỉ, quyết tiến, mà tất cả chuyện ở gia đình, những việc phải quấy theo thế tục, mình phải lơ là, phải bỏ bớt. Cha mẹ mà có con tu tốt, đó là vui rồi. Dù cho cha mẹ ở nơi này nơi kia nhưng biết con tinh tấn tu hành cũng thấy vui.

Lúc trước Thầy có đọc một câu chuyện trong sử Trung Hoa. Có vị tăng làm tri sự trong chùa, tu rất thanh tịnh, nhưng người mẹ còn ở thế gian lại hung ác, nên khi chết bà bị đọa vào địa ngục. Khi ngục tốt đem bà ra tra khảo, chợt có người báo rằng con của bà đang tu hành rất thanh tịnh. Ngục tốt kính nể nên không hành hạ, đánh đập bà nữa. Bà rất vui mừng, nhờ đức của con nên mình không bị tra khảo. Thời gian sau, ông thầy tu bị chướng, ma nữ lôi kéo. Lúc đó ở dưới địa ngục, ngục tốt đem bà ra khảo. Bà nói:

- Con tôi tu mà các ông đánh tôi sao?

- Con bà lúc trước tu hành thanh tịnh thì tôi tha cho, bây giờ ông ấy hư rồi nên tôi đánh bà.

Bà van xin:

- Vậy cho phép tôi về báo cho nó, nhắc nó.

Diêm Vương cho phép. Bà về trong hình ảnh một bà già đang bị xiềng xích, đứng trước đầu giường của ông thầy, kêu ông lúc ban đêm: "Tại sao ông tu mà không thanh tịnh, để cho tôi bị đánh khảo thế này? Ngày trước ông tu thanh tịnh, tôi không bị tra khảo, bây giờ ông hư, ông phạm giới, tôi phải khổ thế này!" Ông thầy nghe thấy như vậy, giật mình kinh hoảng. Từ đó về sau ông sám hối, ráng tu hành thanh tịnh.

Qua câu chuyện đó tụi con thấy rõ, nếu thương cha mẹ thì phải tu hành thanh tịnh. Đó là cái gốc tụi con giúp cho gia đình và mọi người thân. Đừng hối hận là ngày giỗ ba mà mình không về, hoặc hối hận mình không về thăm làm cho ba mẹ trông đợi v.v... Mình lo tu hành thanh tịnh thì những việc tốt mình muốn làm đều sẽ được tốt đẹp.

Như Thầy mấy hôm rồi, Trụ trì Chơn Không gọi điện thoại về: "Thưa Thầy, mai là đám giỗ Ông cụ, Thầy nhớ không?" Thầy nói Thầy quên mất. Lại hỏi: "Bây giờ tụi con làm sao?" Thầy nói: "Tùy nghi, làm sao tiện thì làm." Nếu nghĩ như tụi con thì Thầy cũng có tội nữa, ngày giỗ cha mà quên.

Mình lo tu, tất cả vì sự tu, để lấy phước đức đó cứu cha mẹ. Ví dụ như ngài Mục-kiền-liên, nếu ngồi nhớ cha nhớ mẹ hoài thì có cứu được mẹ không? Do ngài cố gắng tu, chứng đạo quả, chừng đó muốn cứu mới cứu được. Bởi vậy, tâm hiếu thảo của người tu là tâm nỗ lực tu hành. Ráng từ ngày vào đạo cho tới ngày mình nhắm mắt, trên đường tu phải hằng trong sạch thanh tịnh và luôn luôn tinh tấn. Dầu chưa đạt đạo đi nữa nhưng cũng có công đức để cho cha mẹ nhờ. Đừng nghĩ mình phải làm theo thế tục, phải đủ lễ, giỗ chạp gì cũng có mặt hết. Điều đó chỉ làm mất thời gian tu tập, tiêu giảm phước đức của mình mà thôi.

Hiểu như vậy thì trên đường tu tụi con mới yên lòng. Bằng không tụi con sẽ ngại, thấy như mình không có hiếu thảo. Sự thật, hiếu thảo của người tu khác với hiếu thảo thế gian. Hiểu thấu đáo rồi tụi con cố gắng tu thì mọi việc đều đền đáp đủ hết. Hiếu thảo với cha mẹ đủ, đền ơn đàn-na thí chủ đủ, với tất cả người thân mình đều giúp được. Còn nếu mình tu không ra gì thì tất cả đều không đền đáp được, đó là lỗi lớn.

Trong chúng có người xin đi trị bệnh, xong việc lại còn đi đây đi kia, không giữ đúng lời hứa của mình đi bao lâu, cứ lang thang rề rà không chịu về ngay. Nếu ai cũng bắt chước như vậy thì thiền viện này sẽ không còn giá trị gì nữa.

Ở đây tụi con tu không phải cho Sư ông hoặc Thầy của tụi con, mà chính là tu cho tụi con. Vì tụi con mà Sư ông cố gắng thành lập thiền viện để đáp ứng

lòng tha thiết tu hành của tụi con. Khi lập thiền viện, Sư ông tuyên bố đây là lý tưởng cuối cùng của đời mình, tức là trông cậy nơi tất cả những người đã tới đây với tâm tha thiết và nhiệt thành tu, hy vọng tất cả những gì Sư ông trông đợi, tụi con sẽ đáp ứng được.

Vậy mà tụi con lại có thái độ lơ là. Khi có bệnh thì mình đi khám, xong trở về liền để lo tu. Như vậy còn không biết có thể đáp ứng được chỗ mong mỏi của Sư ông không. Đằng này tụi con quá lơ là. Vậy là càng ở lâu tụi con càng lơ là, không chịu cố gắng, đó là điều Sư ông thấy không vui.

Tụi con phải biết thời gian Sư ông đã khẳng định rồi, tụi con phải làm sao tu cho có kết quả, tu cho xứng đáng, vậy mới mãn nguyện Sư ông. Nếu tụi con coi thường sự tu, mới tới thì thiết tha, ở lâu lại lơ là, làm sao tu có kết quả được? Sư ông rất buồn khi thấy mấy đứa càng ở lâu càng xem thường sự tu. Lẽ ra ở lâu, tụi con càng tha thiết hơn, chú tâm hơn trong sự tu hành. Ngược lại, càng ở lâu thấy càng lơ là, đó là điều không đáp ứng được sự mong mỏi của Sư ông.

Vậy nên từ đây về sau, tụi con nếu còn muốn ở đây thì phải cố gắng tu, tu cho xứng đáng. Nếu chán, không muốn ở nữa thì tụi con cứ xin về, Sư ông sẵn sàng cho, không hề ngăn cản, đúng như trong nội quy đã định. Tụi con ở lâu mà không quyết liệt, trong khi có những người tha thiết tu muốn xin vào không được. Vậy cũng như mình đã chiếm một phần lại không chịu tu, trong lúc có những người khác muốn tu mà không có chỗ, đó là điều không thích hợp.

Vậy tụi con phải biết bổn phận của mình mà cố gắng hơn, chứ còn lơ là như vậy là làm Sư ông không vui. Tụi con ráng nhớ.

CÂU CHUYỆN BUỔI CHIỀU

Có một cô người Mỹ hỏi tôi: - Thiền là gì?

Tôi không trả lời ngay mà hỏi lại:

- Hằng ngày, chúng ta suy nghĩ lăng xăng và cho đó là mình. Vậy có những lúc chúng ta ngồi chơi yên tĩnh, không suy nghĩ gì cả, lúc đó có mình không?

Cô không trả lời được. Tôi giải thích:

- Nếu lúc đó không có mình thì chết mất rồi, nhưng mình vẫn còn biết, vẫn còn sống tức là có mình.

Rồi tôi dùng ví dụ: Nhìn vào gương, chúng ta thấy bóng mọi vật hiện đầy đủ, lúc đó có nhớ mặt gương không, hay chỉ thấy bóng? Chừng nào không còn bóng chừng đó mới nhớ mặt gương.

Cũng vậy, nơi chúng ta có cái suy nghĩ lăng xăng, tự cho là mình, rồi cứ chạy theo nó nên quên mất tâm chân thật của mình. Bao giờ những thứ lăng xăng đó dừng lại, cái chân thật sẽ hiển bày.

Như vậy thiền là gì? Dừng lặng các thứ lăng xăng để tâm chân thật hiện ra, đó là thiền chứ không gì lạ.

Thông thường ai cũng cho thân này là thật mình, nên ưa muốn đủ thứ, đó là tham. Đến khi những điều mình muốn không đạt được liền nổi giận, đó là sân. Vậy tham lam, nóng giận là do chấp thân thật. Kế nữa, chúng ta cho rằng cái suy nghĩ, hiểu biết là tâm mình, cho nên mình nghĩ gì cũng cho là đúng, ai nói khác mình không chấp nhận, rồi phản đối. Đó là tâm tranh đấu hơn thua. Do chấp tâm mình là thật nên bao giờ cũng muốn giành phần thắng, phần đúng về mình. Từ chỗ chấp thân thật và tâm thật nên tham và sân dấy khởi.

Bây giờ chúng ta biết rõ thân này do duyên hợp không thật, tâm suy nghĩ là bóng dáng của ngoại cảnh cũng không thật. Như vậy là biết đúng như thật, là trí tuệ. Có trí tuệ thì hết si mê, từ đó hết tham lam, đưa đến hết nóng giận, đó là tu.

Như vậy chỉ cần biết đúng như thật về con người mình là đã có trí tuệ. Nhờ có trí tuệ nên phá tham, sân, si. Hiện giờ còn thấy mình thật nên mới tham ăn ngon, mặc đẹp, ở sang... Tất cả lòng tham đó đều phục vụ cho cái thân này. Nếu thấy nó không thật thì cho ăn thức gì cũng không quan trọng, mặc thứ gì cũng không màng.

Do trí thấy đúng như thật nên phá trừ si mê. Từ phá được si mê mới dứt tham, sân. Nếu không phá cái gốc này thì không bao giờ dứt tham sân được, cố đè nén chỗ này nó nổi dậy chỗ kia. Ví dụ như một người bị chửi bới liên

tiếp mấy lần nên nói: "Bữa nay tôi nhẫn lắm, đừng có làm tới tôi không nhịn nữa đâu!" Như vậy là đè ép cái nóng xuống, chứ chưa thấy lời chửi bới là hư dối. Người tu phải thấy tường tận như thật cái thân này và vọng tâm này là duyên hợp hư dối. Đó là trí tuệ Bát-nhã "chiếu kiến ngũ uẩn giai không".

Thấy rõ thân hư dối và tâm lăng xăng của mình cũng hư dối thì còn gì để chấp. Hết chấp thì còn gì mà tham, sân, *si*. Như thế là chúng ta dứt được tham sân si, còn không biết vậy dù có đè nén cũng không tiêu được. Đây là lẽ thật hết sức rõ ràng.

Pháp tu của mình trước phải dùng trí tuệ, từ trí tuệ mới dứt tham sân si. Không phải dứt sân và tham rồi mới dứt si. Nếu còn si thì tham sân theo đó còn, không thể nào dứt được. Nên tôi đặt ngược lại: si tham sân thay vì tham sân si, nghĩa là từ si sanh tham, từ tham sanh sân. Vì vậy phải trừ si trước, dứt cái gốc thì tu mới có kết quả và cuộc sống mình tự nhiên có đạo đức.

Rồi tôi nói thêm: Nếu mình tu hay tìm hiểu một tôn giáo mà không nhìn đúng lẽ thật, chỉ hiểu theo sự tưởng tượng, thì đó chưa thật là chân lý. Cho nên đạo Phật cốt đưa con người tới chỗ thấy được lẽ thật, tự mình sẽ hóa giải hết những mối khổ đau. Nếu mình không thấy lẽ thật mà cứ cầu người khác giúp cho mình hết khổ thì không hợp lý.

Đó là kết thúc buổi nói chuyện. Khỏi cần định nghĩa thiền là gì, mà phải đi từ cái nhận định chín chắn đúng lẽ thật để cho người ta thấy, rồi tự nhiên họ hiểu được. Đó là những kinh nghiệm nho nhỏ để mai kia mấy chú có ra làm Phật sự nhớ trả lời ngắn gọn một chút, đừng dài dòng dẫn các cách định nghĩa của Ấn Độ, Trung Hoa... Mình đi từ cái gốc thì rõ ràng thiền là một phương pháp tu rất hay, là thấy rõ được lẽ thật.

(Quý thầy:)

- Thưa Thầy, rốt cuộc cô đó có ý kiến gì không?

- Cô chịu lắm! Tôi dẫn qua bên ni, cô nói bữa nào rảnh cho xin vô tập tu.

Tôi hỏi cô Mỹ: - Con qua đây được bao lâu rồi?

- Dạ, con qua được một năm.

Tôi tiếp: - Con nói tiếng Việt như vậy là giỏi, chừng nào con trở về bên kia?

- Thưa, còn một năm nữa con về, nhưng con không muốn về bên ấy.

- Sao vậy? Ở Việt Nam nghèo khổ, còn bên kia giàu sang, sao con không thích về?

- Ở bên ấy nhà lầu xe hơi ồn quá, con không thích. Bên này thong thả hơn.

Bên này mình khao khát có được xe hơi nhà lầu, còn bên kia lại thấy đó là những cái phiền. Họ muốn được thảnh thơi như mình, tuy ăn cơm hẩm mặc áo vá vẫn nhàn hơn là ngồi xe hơi ở nhà lầu mà ồn náo lăng xăng.

Có một chú cùng đi với cô Mỹ kể với tôi: Khi cô ấy nghe nói: "Được nhiều của cải thì vui, bị mất của cải thì buồn", cô ấy nói: "Có thật đâu mà buồn!"

Quả thật cô này đã hiểu được đạo lý ít nhiều. Cô đọc được sách Việt nên tôi có tặng một ít sách để về đọc thêm cho biết.

Có lẽ năm tới công việc càng nhiều hơn nữa. Người ta già thì được nghỉ, còn tôi ngược lại, già mà công việc cứ chồng chất hoài. Nhưng tôi tự đặt câu hỏi: "Bao nhiêu năm nay mình hoài bão ôm ấp điều gì?" Đó là ước muốn mở mang Thiền tông, muốn làm sao Phật tử Việt Nam được tốt đẹp hơn, đừng mê tín dị đoan. "Rồi bây giờ người ta cho mình làm cái gì?" Người ta cho đi giảng dạy, cho phép mở mang. "Vậy mà mình từ chối thì cái hoài bão kia tự mình hủy bỏ sao?" Thật là vô lý. Thôi kệ, còn hơi còn nói, chừng nào hết hơi thì thôi, cho tròn sở nguyện của mình. Nên tôi thôi khỏi nghỉ già, cứ làm được tới đâu thì làm, chừng nào hết làm nổi thì thôi, chứ không nghĩ già trẻ gì hết.

Gần đây có mấy bức thư của Phật tử ở ngoại quốc gửi về, thấy rất dễ thương. Họ chuẩn bị cất thiền đường bên Mỹ, nói cất rồi mời tôi qua để khánh thành, họ xin tôi sau này cử quý thầy quý cô qua hướng dẫn cho Phật tử tu. Mới đây có một Phật tử ở Úc gửi thư về, trình việc tu hành có kết quả tốt, thấy cũng mừng.

Như vậy những gì mình làm đều có kết quả. Tôi nói thật cho chư tăng biết rõ, việc làm của mình nếu không có nền tảng gốc gác thì chúng ta làm mà không biết nó tới đâu. Còn ở đây, kết quả chính là cái mục đích mình nhắm, mình biết rõ nó. Nên hễ ai quyết tâm tu, quyết tâm thực hiện đều có kết quả chứ không chỉ riêng người nào. Nhưng phải nhiệt tình, phải quyết tâm, chứ lôi thôi thì không được.

Cho nên từ mấy năm sau này những thành tựu của người tu báo về rất nhiều, nhất là trong giới tăng ni nhập thất, có nhiều người ra trình đạt kết quả đáng mừng vui lắm. Bởi vậy tôi rất hài lòng, thấy con đường mình hướng dẫn người thực hiện có được kết quả tốt.

Đại tai giải thoát phục

Vô tướng phước điền y.

Đại tai là lớn thay, *phục* là áo. *Đại tai giải thoát phục* là lớn thay áo giải thoát, chiếc áo tượng trưng cho sự giải thoát. *Vô tướng* là không tướng. Tại sao gọi là y *phước điền?* Điền là ruộng, y phước điền giống như cái ruộng để người ta gieo phước vào. Tụi con thấy y của mấy vị Tỳ-kheo có những mảnh cắt rọc

ngắn hoặc dài là tượng trưng cho những thửa ruộng. Ruộng đó là ruộng gì? Ruộng phước của mình hay của ai?

- Dạ, của chúng sanh.

Sao là của mình và sao là của chúng sanh? Chúng tăng khi đắp y lên là để tụng kinh, tọa thiền hoặc giảng pháp, làm Phật sự, đó là ruộng phước mình đã tạo. Như khi chúng ta tụng kinh là tụng cho mình, sám hối cho mình, nhưng quỷ thần xung quanh cũng nghe. Nghe những lời tụng của mình, họ cũng khóc, cũng hiểu. Tụi con đừng nghĩ là khi tụng chỉ có mình tụi con nghe thôi. Ở chung quanh mình còn có nhiều loài khác, tới giờ tụng kinh họ đến nghe. Họ nghe rồi thấm, hiểu, biết bỏ tà theo chánh, đó là tốt.

Hoặc khi chúng ta đắp y lên ăn Quá đường (thường khi nào có lễ mới đắp y Quá đường) thì phải nhớ chén cơm này là của thí chủ dâng cúng cho mình, phải làm sao cho xứng với công của họ. Thí chủ gieo những hạt giống trong ruộng phước của chúng ta, thì ruộng đó phải tốt, phải phì nhiêu, mới có thể mọc lên những cây mầm tốt, sau mới có kết quả tốt bù lại cho họ. Nếu ruộng mình khô cằn xấu dở quá thì mầm không lên nổi, tức cái phước đó cũng không có kết quả.

Hồi xưa có một thôn chủ ngoại đạo hỏi Phật:

- Thưa Cù-đàm, ngài nói luôn luôn thương xót an ủi tất cả chúng sanh. Vậy thì vì cớ gì Phật thuyết pháp cho hạng người này mà chẳng thuyết pháp cho hạng người kia?

Phật bảo thôn chủ:

- Ví như có ba loại ruộng: Mảnh ruộng thứ nhất phì nhiêu, màu mỡ; mảnh ruộng thứ hai thuộc loại trung bình; mảnh ruộng thứ ba chai cằn. Thôn chủ nghĩ thế nào, người chủ ruộng kia sẽ cày bừa, gieo trồng ở mảnh ruộng nào trước?

- Thưa Cù-đàm, người chủ ruộng cày bừa gieo giống nơi thửa ruộng phì nhiêu màu mỡ trước tiên. Kế đến người ấy sẽ cày cấy ở mảnh ruộng trung bình và sau cùng họ mới cày cấy ở mảnh ruộng chai cằn xấu nhất.

Phật bảo thôn chủ:

- Ta cũng như vậy! Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni của ta như thửa ruộng màu mỡ, phì nhiêu. Ta thường vì họ diễn nói chánh pháp, chỉ dạy rõ ràng. Các đệ tử nam cư sĩ và nữ cư sĩ của ta ví như thửa ruộng trung bình. Ta cũng vì họ diễn nói chánh pháp, chỉ dạy rõ ràng. Các ngoại đạo dị học Ni-kiền tử ví như thửa ruộng xấu nhất của nhà nông. Ta cũng vì họ diễn nói chánh pháp, chỉ dạy rõ ràng.

Ở đây cũng vậy, người hướng dẫn phải khéo biết căn cơ chúng sanh, người nào căn cơ thuần thục thì dạy trước, độ trước, người nào ngang ngạnh dạy sau, chứ không bỏ. Bởi vì nếu dạy một lượt thì người đã thuần có thể hiểu được, tu được liền, nhưng những người hung dữ chưa thuần sẽ không làm theo kịp, vậy sẽ không có kết quả. Cho nên người nào hiền lành thì được dạy dỗ trước để cho thuần thục, còn người ương ngạnh quá thì khẻ lần rồi từ từ dạy sau.

Vậy tụi con nghĩ người nào lãnh đạo một nhóm tu sĩ như Sư ông hay quý thầy của tụi con có sung sướng không? Nếu ở trong chúng mà ít bữa lại nghe nhóm này rầy nhóm kia, nhóm kia cự nhóm nọ hoài thì có ngồi yên không? Cho nên người có trách nhiệm phải luôn luôn nhắc nhở, dạy bảo. Sống trong chúng phải có quy luật, phải biết kính nhường, hòa thuận nhau. Nhắc tới nhắc lui hoài, vậy mà thỉnh thoảng có ai quên không? Có cãi nhau không?

- Dạ, cãi nhỏ nhỏ.

Nếu ở đông tám mươi, chín mươi người mà từng nhóm cãi lộn với nhau thì thiền viện sẽ ra sao? Ồn như cái chợ, phải không? Nên muốn cho thiền viện nghiêm trang tề chỉnh thì phải nhắc nhở, giáo dục để ai ai cũng sống đúng với nề nếp đạo lý. Đó là bổn phận của người lớn. Cho nên người lớn lúc nào cũng phải khó, chứ người lớn mà dễ quá chắc là chúng... nhảy cò cò với nhau hoài, đâu có ngồi yên.

Nhờ có người lớn kìm chế nên chúng mới nghiêm tịnh tu hành. Một người ngang ngạnh ở chung với ba bốn người hiền lương thì những người hiền lương đó cũng khó chịu. Nên người ngang ngạnh đó phải được khẻ, khẻ hoài chừng nào bớt ngang ngạnh mới sống với người hiền được.

Có đôi ba người thắc mắc "Tại sao không rầy mấy người kia, cứ rầy tôi hoài?", hoặc "Sao mà mấy sư huynh không có ai bị rầy, mình con bị rầy hoài?" Bởi vì điều gì hơi làm phiền nhiều người thì nên rầy để bỏ, còn những người hiền như bột đâu cần khẻ làm chi. Đừng nên trách người rầy mình, phải biết mình bị rầy nhiều là gốc tại nơi mình.

Hiểu vậy, tụi con mới thông cảm trách nhiệm của người lớn, mới biết được chỗ xấu dở của mình. Sở dĩ người ta không bị rầy mà mình bị rầy là biết mình còn dở nhiều, phải tự hối, tự chỉnh sửa lại cho tốt hơn, đó là người khéo tu. Nếu lại trách sao Thầy bất công cứ rầy mình hoài, là tổn phước nhiều, không nên. Như vậy là *được* rầy chứ không phải *bị* rầy. Ai được rầy thì mừng, nhờ vậy mới biết được chỗ sai lầm của mình, tụi con hiểu chưa?

Còn hai câu sau:

Phi phụng trì giới hạnh

Quảng độ chư quần sanh.

Phi là đắp, *phụng* là vâng. *Phi phụng trì giới hạnh* là đắp cái y này phải ráng gìn giữ giới đức của mình, chứ không phải đắp lên cho có cái tướng để người ta lạy. Giữ gìn giới hạnh để làm gì? Để mình *rộng độ khắp quần sanh,* khắp tất cả các loài.

Như vậy, khi đắp y phải nhớ bốn câu kệ này và phải hiểu cho thấu đáo. Nhiều khi đọc bốn câu kệ này mà như đọc thần chú, không hiểu ý nghĩa trong đó thế nào cả.

Nghe điều gì trái ý mà ráng nhịn không nói ra, lâu ngày chịu không nổi, đó là tại mình không có trí tuệ Bát-nhã, ráng đè nén nó, đến mức nào đó mình chịu hết nổi thì bung. Còn nếu mình có trí tuệ Bát-nhã thì cười thôi. Khen cũng tốt, chê cũng tốt, nghe đó rồi qua mất chứ có gì đâu. Thân này còn không thật, chửi bới khen chê có gì thật, thành ra người ta chửi mình cười thôi. Phật thấy rõ như vậy nên khi người ta chửi, ngài cứ làm thinh đi, ung dung tự tại, không đổi sắc mặt. Còn mình bây giờ nghe chửi chắc cũng đổi sắc mặt một chút, vì chưa được tỉnh lắm. Đổi sắc mặt một chút rồi tự sáng suốt lại.

Biết tu là phải mở sáng trí tuệ Bát-nhã. Đường lối tu Sư ông dạy tụi con là phải nhìn bằng trí tuệ Bát-nhã, để mình qua hết các khổ nạn, dễ như trở bàn tay. Mỗi đêm tụng thuộc làu "chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách". Trong đây có đứa nào không thuộc câu đó không? Thuộc làu mà khổ ách vẫn là khổ ách, tại không chiếu kiến, chỉ là thuộc trên văn tự nên khổ hoài.

Nếu chiếu kiến kỹ tụi con thấy, mới hôm qua hôm kia người đó còn sống còn nói chuyện với mình, bữa nay ngã dùng ra chết. Vậy họ thật hay giả, tụi con nói thử coi? Mới hôm qua tỉnh táo nói chuyện, hôm nay ngã ra chết, vậy là giả rồi. Người đó giả, mình có thật được không? Vậy mà cứ ngỡ mình thật, quả là ngu đáo để phải không? Người đối diện với mình, đang nói chuyện với mình thì cho là thật vì họ còn nói chuyện, đến khi họ ngã đùng ra chết rồi mới biết người đó giả. Vậy mình bây giờ còn nói chuyện cho là thật, mai mốt ngã đùng ra chết thì cũng giả như ai.

Biết trước thân này giả, đó là mình thấy xa, thấy đúng. Còn đợi tới ngã dùng ra chết thì biết có kịp đâu! Bởi vậy người tu là người có trí tuệ sống đúng như thật, biết rõ con người mình như thật. Tất cả cái học thế gian chỉ là những hiểu biết sanh diệt không thể tự cứu, còn trí tuệ này mình luôn mang theo để dẹp bỏ hết các gốc phiền não. Cho nên nói *cây kiếm trí tuệ* chặt đứt hết phiền não. Nếu không có trí tuệ thì phiền não cứ chồng chất lên không có chỗ cùng.

Ở đời đâu có cái gì hoàn toàn như ý. Hai người bạn thân lâu lâu cũng có điều không bằng lòng, không vừa ý nhau vậy, huống nữa là trên thế gian, trăm ngàn người mỗi người mỗi nếp sống khác nhau, tư tưởng khác nhau, làm sao mà không có sự đụng chạm.

Ở trong đây tụi con tám chín chục người, có vừa ý nhau hết không? Nói thẳng coi, chừng mấy người vừa ý? Mình không vừa ý người ta, thì người ta cũng không vừa ý mình vậy. Nên thôi, biết rõ cuộc sống là giả, chỉ sống tạm bợ trong thời gian ngắn, vậy cứ vui vẻ với nhau, hơn thua phải quấy làm gì?

Tụi con thấy có cái gì là thật không? Vậy mà mở miệng là cãi phải quấy: "Cái này phải vậy đó!" Mà chắc gì đã phải, giờ này, hoàn cảnh này nó như vậy nhưng giờ khác, hoàn cảnh khác nó đổi rồi. Vậy nên đừng nghĩ tất cả phải quấy là chân lý. Nó chỉ là cái tạm dùng trong thời gian đó, hoàn cảnh đó, với những người đó thôi, chứ qua lúc khác, người khác thì nó cũng khác luôn.

Người xưa nói: "Càng học càng thấy dốt." Tất cả những gì trên thế gian mình học được chỉ có một tí thôi, còn biết bao nhiêu điều mình không biết. Không biết tức là dốt, mà dốt là ngu hay khôn? Vậy mà có ai nói mình ngu liền không chịu. Có phải mình mang ảo tưởng về mình, muốn nâng cái ngã mình lên, do đó hễ ai nói ngược với cái ảo tưởng đó là mình phản ứng, phải không?

Còn tụi con thì sao? Có nhận mình khôn không? Nếu tự thấy mình ngu thì dễ quá rồi. Ai chê ngu cứ cười, không có gì mắc cỡ hết, phải không? Bởi vì rõ ràng là mình ngu, biết bao nhiêu điều mình không biết, mà không biết tức là ngu chứ gì. Vậy tụi con thấy điều mình biết và điều mình không biết, cái nào nhiều hơn? Ờ, điều mình biết chỉ có một tí ti, còn không biết thì vô số. Như vậy mà nói khôn là khôn chỗ nào? Chúng ta kiểm lại coi có thật khôn không?

Vậy tất cả tụi con có nhận mình ngu không? Nếu nhận mình ngu thì mai kia có huynh đệ nào nói "chị ngu" thì mình cười thôi. Phải, tôi quả thật là ngu vì biết ít quá. Đó là điều thứ nhất.

Thứ hai là tụi con nghĩ mình là người tốt hay người xấu? Nếu ai đó nói tụi con xấu, có giận không? Bây giờ kiểm lại coi nơi tụi con, cái tốt có được bao nhiêu, đã toàn vẹn chưa? Trong một trăm phần, mình chỉ được năm ba phần tốt thôi, chứ có toàn vẹn đâu. Vậy nói mình xấu là phải quá rồi.

Vì tự thấy mình chưa thật tốt nên người ta nói mình xấu thì chỉ cười thôi. Còn khi có ảo tưởng mình là người tốt, nếu ai nói mình xấu là nổi khùng lên liền. Mà nổi khùng lên là thành xấu hay tốt? Lúc ấy là đại xấu chứ không phải tiểu xấu nữa, phải không? Nghĩa là chứng tỏ mình xấu thiệt tình, cho nên vừa động tới là mình la, rõ ràng mình rất xấu.

Biết mình còn xấu thì tất cả những gì người ta chê, mình nhận ngay: "Phải, tôi chưa hoàn toàn tốt." Chỉ tốt có năm bảy điều, còn mấy mươi điều chưa tốt, nên nói xấu là hợp lý, có gì phải cãi lại. Như vậy, ai nói mình dại, mình cũng không cãi, nói mình xấu cũng không cãi.

Lại thêm một điều này nữa, lúc nào mình cũng tưởng rằng mình là người hiền lành, phải không? Nếu ai nói "chị dữ quá" là sanh chuyện. Mà mình có thật hiền chưa? Vì tưởng mình là người hiền lành nên khi nghe người ta nói mình dữ liền nổi nóng lên. Vậy có hiền lành thật không? Đây chứng minh quả tang là người chưa hiền. Dữ mà cứ ảo tưởng là mình hiền, nên ai đụng tới, cái dữ nó nổi lên liền.

Trong lòng tụi con luôn thấy mình khôn, mình tốt, mình hiền, phải không? Cứ tưởng tượng trong đầu như vậy, rồi hễ ai nói mình ngu, mình xấu liền nổi giận, ai nói mình dữ cũng nổi giận. Sự thật mình có những điều đó hết, phải không? Đó là những cái ảo tưởng tô điểm bản ngã mình.

Còn nữa, lúc nào chúng ta cũng thấy mình đúng. Mình nghĩ điều gì, tính việc gì cũng cho là đúng hết. Nghĩa là mang ảo tưởng điều mình nghĩ là đúng, việc mình tính đúng, nên ai nói chị nghĩ sai, nghĩ bậy..., là nổi giận liền. Nhưng xét lại, mình nghĩ một trăm việc có đúng hết không? Hay là sai nhiều đúng ít? Có những điều mình nghĩ thế này là đúng, nhưng sự thật việc đến lại không đúng. Cái nghĩ của mình chưa thật hoàn toàn đúng, thì người ta nói mình sai, mình nên chấp nhận: "Phải, tôi nghĩ có cái đúng cái sai." Vậy có gì đâu để cãi. Thế nhưng tụi con có cãi không? Nếu người ta nói mình nghĩ sai, nghĩ bậy thì cười hay giận? Đó là những điều tụi con phải thử kiểm tra lại để thấy chỗ tu của mình.

Như vậy là mấy điểm rồi? Ngu tưởng khôn, xấu tưởng tốt, dữ tưởng hiền, rồi sai tưởng đúng. Những ảo tưởng đó đều là cái tưởng của nội tâm tô điểm cho bản ngã mình chứ không có thật. Sự thật là những điều này không có gì đáng để giận hết. Mình nghĩ chuyện này đúng, nhưng có khi nó sai, nên khi người ta nói nó sai thì mình trả lời: "Ừ, để xem xét lại", có gì đâu mà cãi.

- Thế nhưng tụi con có cãi không? Nói thật nghe thử coi.

- Dạ, ít cãi.

- Ít cãi? Đừng có tự bênh vực, ít cãi chừng tám chục phần trăm!

- Đó là sự tô điểm bản ngã về nội tâm. Bây giờ nói về cái thân này. Tụi con thường nghĩ mình là xấu hay đẹp?

- Dạ, đẹp.

- Dễ thương hay dễ ghét?

- Dạ, dễ thương.

Như vậy mà ai nói mặt chị dễ ghét quá, có giận không? Tưởng mình là dễ thương nên ai nói dễ ghét nổi sân liền, phải không? Mà như vậy là mình thật dễ thương chưa? Mình chưa thật đẹp lại cứ tưởng là đẹp, nên ai nói mình xấu

cũng nổi sân. Nổi sân thì càng xấu, càng dễ ghét hơn, phải không? Có khi nào tụi con nổi sân mà dễ thương không? Như vậy, khi người ta nói "cái mặt dễ ghét" thì mình trả lời: "Phải, cái mặt tôi có đẹp đẽ gì đâu, dễ ghét cũng phải." Vì nó đâu có quá đẹp mà sợ người ta chê. Đây cũng là một ảo tưởng, tưởng mình đẹp.

Thứ hai nữa, tưởng mình là quý, là sang trọng, cho nên khi nào ai đó nói "chị là con chó, chị là con bò", có chịu không? Bởi vì cứ tưởng mình là con người sang trọng nên giờ nghe nói như vậy cho là làm nhục mình, nổi giận đùng đùng. Nếu giận lên thì làm gì? Làm chó, làm bò cự lộn phải không?

Vậy thì nên như Thầy đã nói hôm trước, khi có ai bảo "chị là con bò", thì nói "phải, vì tôi có uống sữa bò nên trong thân tôi có tế bào bò". Nói vậy là huề. Thật ra có gì là quý, là sang trọng đâu. Cứ tưởng thân mình quý, thân mình sang trọng nên ai nói ngược lại liền phản đối.

Rồi có khi nào tụi con nghĩ mình bẩn thỉu, nhơ nhớp không? Hay là dù cho thật tình mình đang bẩn thỉu mà ai nói bẩn cũng không chịu. Nếu có ai chỉ mặt nói: "Chị này nhớp quá!" có vui không? Bao nhiêu đó đủ thấy rằng mình luôn tưởng tượng thân này là sang trọng, đẹp đẽ, là sạch, cho nên ai nói nhớp nổi giận liền. Nhưng sự thật nó ra sao? Sự thật nó là nhớp nhúa chứ sao nữa!

Như vậy tụi con mới thấy cái ảo tưởng về nội tâm và ảo tưởng về bản thân đã tô đắp cho mình một bản ngã quá lớn. Bởi tô đắp như vậy cho nên sanh ra ngã mạn. Nếu bây giờ tụi con xả bỏ những ảo tưởng đó, luôn nghĩ và thấy đúng như thật thì tụi con có còn khổ hoặc phiền não với nhau nữa không? Vậy thì dễ tu quá.

Tu là tìm lại lẽ thật, thấy được lẽ thật, chứ không phải tu là sống với ảo tưởng. Thế gian mê lầm nên ảo tưởng thế này thế kia, còn mình xuất gia rồi phải khác.

Phật có khi nào nói thân này thật không? Phật nói chúng sanh khôn ngoan hay là bị vô minh che lấp? Tất cả những cái dở mình đang vướng mắc Phật đều đã chỉ, nếu mình ráng vươn lên, vượt qua thì đó là biết tu.

Như vậy, tu là để phá cái chấp về thân, về tâm, đừng ôm ấp những ảo tưởng mê lầm, phải không? Phá những cái chấp đó rồi tụi con sẽ thấy bản ngã mình nhẹ, vậy là dễ tu hay khó tu? Nếu những điều Thầy nói nãy giờ mà tụi con ứng dụng được trong cuộc sống, thì có phiền não với ai không? Đi lên, đi xuống gì cũng cười hoài, phải không? Như vậy là tu. Nếu tụi con tụng kinh giỏi, tọa thiền hay mà ai động tới cứ la ông ổng lên, vậy là thật tu chưa, hay chỉ là tu trên hình thức, còn nội tâm thì chưa thấy lẽ thật để dẹp trừ những lầm chấp?

Khi cái bản ngã đang bị tô điểm sai lầm như vậy mà mình cứ cố chấp thì đó là si mê. Tu là phá si mê, thấy như thật về nội tâm, thấy như thật về bản thân, thì cái ngã mới dẹp được, gọi là đi đúng đường. Cho nên chủ trương đạo Phật là vô ngã. Vô ngã mới giải thoát, còn bám chặt cái bản ngã không thể nào giải thoát nổi. Vậy nên những ảo tưởng sai lầm đang tô điểm cho bản ngã phải được dẹp sạch, đó là tụi con tu thành công. Nếu không dẹp sạch thì tuy là tu mà không biết đi đường nào, chưa chắc bảo đảm.

Thôi, bao nhiêu đó đủ rồi, nhớ để tu chưa? Mai mốt có ai nổi cáu vì chuyện gì đó thì Thầy sẽ rầy ngay.

- Bạch Hòa thượng, con đọc kinh Pháp Hoa thấy đoạn mới vào kinh có nói về một muôn hai ngàn vị đại Tỳ-kheo đệ tử Phật đều là bậc đại A-la-hán, là chúng sở tri thức. Con không hiểu *chúng sở tri thức* là gì. Xin Hòa thượng từ bị giải thích cho con được hiểu.

- Chúng sở tri thức là những vị được nhiều người biết đến. *Chúng* là đông, sở là bị hoặc được, *tri thức* là biết. Ngài Xá-lợi-phất, ngài Mục-kiền-liên... các vị đệ tử Phật đó là hàng thượng thủ trong chúng được nhiều người biết đến.

PHẦN III

THỈNH NGUYỆN TĂNG

Ngày 13-01 Kỷ Mão (28-02-1999)

Hôm nay, trong buổi thỉnh nguyện đầu năm này, thấy toàn chúng không có lỗi gì đáng kể. Như vậy, có thể nói đây là một bước tiến trong sự tu hành, về oai nghi, đức độ và tâm thanh tịnh của chúng. Sau đây, tôi kể lại một câu chuyện trong sử cho quý vị nghe rồi tự gẫm.

Một hôm, Mã Tổ Đạo Nhất đang tại tòa, có thiền khách Pháp Hội đến hỏi:

- Bạch Hòa thượng, thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?

Mã Tổ bảo:

- Nói nhỏ thôi! Đến gần đây ta nói cho nghe.

Ông tăng lại gần, ngài tát cho một cái nói:

- Nơi đông người không tiện bàn bạc. Hãy đi đi, ngày mai trở lại!

Quý vị thử xét sao? Ngài không giảng gì mà tát cho một tát tai.

Đây là một câu chuyện hết sức đơn giản mà rất kỳ đặc. Trong sử thường nói Mã Tổ là một bậc thầy kỳ đặc, có nhiều thủ thuật người ta không lường nổi. Nếu kêu lại để chỉ dạy bình thường thì nghe rồi họ coi thường và quên, nhưng tát một tát tai tóe lửa thì muôn đời không quên.

Đó là thuật đặc biệt, cũng như thuật kéo lỗ mũi ngài Hoài Hải. Ngài Hoài Hải theo hầu Mã Tổ đi dạo, thấy một bầy vịt trời bay qua. Mã Tổ hỏi:

- Đó là cái gì?

- Con vịt trời.

- Bay đi đâu?

- Bay qua rồi.

Mã Tổ bèn nắm lỗ mũi Sư kéo mạnh. Đau quá, Sư la thất thanh. Mã Tổ bảo:

- Lại nói bay qua đi!

Chỗ mạnh không phải nơi câu nói đó mà ở cái nhéo mũi. Nhéo mũi vậy thì không bao giờ quên.

Bởi vì người tu thiền, khi nghe một câu nói của người xưa thì có thể gẫm ra để hiểu, nhưng hiểu vậy rất dễ quên. Cho nên, các ngài trước không dùng câu nói để diễn đạt mà dùng một thủ thuật đặc biệt, rồi sau đó thêm một câu nói rất nhẹ, vậy mà người học nhớ đời. Đó là chỗ đặc biệt.

Như vậy để thấy, trong nhà thiền, những vị có khả năng kỳ đặc thường nói rất ít. Nhưng người nhận được dù chỉ một lần mà cả đời không quên.

Thí dụ như sư Thủy Lạo đến hỏi Mã Tổ:

- Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?

Tổ nói:

- Hãy lễ bái đi!

Sư Thủy Lạo vừa cúi lạy, Mã Tổ nhắm ngay ngực Sư cho một đạp té nhào.

Toàn là những thủ thuật quá sức tưởng tượng. Mà chính những điều kỳ đặc đó mới không thể quên.

Trường hợp ngài Lâm Tế cũng vậy. Ngài đến thiền sư Hoàng Bá ba lần thưa hỏi đại ý Phật pháp, ba lần đều bị ăn đòn. Những cái đó chừng nào quên? Đây là những thủ thuật trong nhà Thiền hay dùng.

Sở dĩ ngày nay chúng ta không dùng thủ thuật đó được là vì hoàn cảnh bây giờ khác xưa. Thí dụ như trường hợp tôi, người ta đâu có tin mình sống được hay thấy được chỗ đó. Nếu mình đánh, đạp này kia, họ nổi giận cự lại mình. Vậy là không truyền được gì mà còn sanh oán hờn. Ngày xưa, chư Tổ đều được các bậc thầy ấn chứng cho, nên mỗi lời nói, mỗi hành động đều được mọi người quý, tin tưởng. Nhờ quý và tin, nên người học nhận được rồi thì đời đời không quên.

Do đó, chúng ta phải hiểu, người tu trong mỗi thời có một cách giáo hóa khác nhau. Không thể lấy việc người xưa làm đem áp dụng cho người nay, cũng không thể lấy việc ngày nay để xét trở ngược lại thời xưa. Bởi vậy phải hiểu rõ trong khi ứng dụng.

Ngày nay, trong khi tu tập, chúng ta cần nhớ phải làm sao cho sáu căn đừng dính sáu trần. Mỗi đêm đều sám hối sáu căn, nhắc tới nhắc lui để cho đừng dính mắc. Đó là một việc làm, mới thấy thì như nhẹ, nhưng thật ra là một sự nhắc nhở hằng ngày để mình đừng quên.

Mỗi đêm đều sám hối sáu căn, để chúng ta nhớ do mình thả lỏng sáu căn nên gây tội lỗi, giờ phải ăn năn, phải chừa bỏ, đừng cho dính nữa. Đó là chúng ta tu đúng với tinh thần chư Tổ dạy. Nói như vậy để quý vị hiểu, đừng nghĩ ngày xưa chư Tổ không dạy sám hối sáu căn, mà sao Việt Nam mình lại có.

Mỗi đêm, chúng ta sám hối để nhớ sáu căn là gốc gây ra tội lỗi. Như tôi đọc trong kinh Lăng-nghiêm, ngài A-nan hỏi Phật cái gì là cội gốc của phiền não sanh tử, cái gì là cội gốc của Bồ-đề Niết-bàn. Nếu khi đó đức Phật Thích-ca trả lời thì gọn quá rồi, mà không, lúc ấy mười phương chư Phật đồng thanh

nói: Sáu căn của ông là cội gốc của phiền não sanh tử, sáu căn của ông cũng là cội gốc của Bồ-đề Niết-bàn.

Tại sao đức Phật Thích-ca không nói, mà để mười phương chư Phật đồng thanh nói? Đó là một cái thuật để cho thấy, việc này không phải chỉ riêng một đức Phật nói, mà mười phương chư Phật đều nói như vậy, để cho mình đủ lòng tin.

Trong kinh, chư Phật đồng giảng dạy để mình đủ lòng tin. Còn các thiền sư thì đập một cái tóe lửa, hoặc tát tai đau điếng, hay nói một câu cho mình nhớ đời đời, không bao giờ quên chỗ nhận được. Tới Việt Nam, ngài Trần Thái Tông thấm nhuần được lý đó, nên soạn ra Sám Hối Sáu Căn để mỗi đêm mình đọc hoài, đọc mãi cho nhớ.

Như vậy, mỗi thời mỗi khác, thời đức Phật truyền khác, thời chư Tổ truyền khác, rồi tới thời mình cũng hơi khác một chút. Người không biết thì thấy như sai khác, xưa nay không giống nhau, nhưng thật ra trọng tâm giáo hóa đều là một, chẳng phải hai. Hiểu vậy, mới thấy đường lối tu của chư Phật chư tổ và của chúng ta ngày nay không có gì khác.

Đó là tôi nhắc cho quý vị nhớ, chỗ chân thật mà chư Phật dạy và những thuật hay của người xưa, không khác với những gì hiện giờ chúng ta đang ứng dụng.

Ngày 13-02 Kỷ Mão (30-03-1999)

Hôm nay, trong chúng đa số được thanh tịnh, chỉ có một ít vị còn một hai điểm sơ sót nên đã sám hối, đó là điều rất tốt. Tôi thấy chúng ở đây có phần khuyết là ít có ai chỉ lỗi. Nếu mỗi lần thỉnh nguyện, người có lỗi thì tự thấy, còn người có lỗi mà không biết hoặc quên, được chúng chỉ giùm cho thì tốt hơn. Như vậy, đại chúng luôn có tâm nhắc nhở huynh đệ có lỗi biết sám hối để ngày càng tốt hơn. Nhắc nhở đó không phải có tâm nói xấu, mà vì muốn tốt cho huynh đệ và cũng để tập thể luôn được thanh tịnh.

Bây giờ, tôi có ít lời nhắc nhở chúng. Qua mấy tháng đầu năm này, tôi đi đây đi kia hơi nhiều, nên thấy một điều là quần chúng Phật tử càng ngày càng phát tâm hướng về các thiền viện và muốn tìm hiểu thiền. Mỗi tháng đều thấy tăng trưởng, đông thêm, đó là điều đáng mừng. Ngày xưa, khi nói tới thiền, các thầy các cô trụ trì đều lắc đầu, bảo tu thiền điên. Bây giờ, các thầy các cô nhiều nơi đều muốn mời về giảng nói về thiền. Đó là một bước tiến, quá sức trông chờ của tôi, nên lớn tuổi công việc lại nhiều.

Tôi không phải là người muốn làm cho có danh, nhưng vì tâm nguyện của tôi là khôi phục Thiền tông Việt Nam. Tại sao lại khôi phục? Vì Thiền tông đã mất dấu hơn cả trăm năm, từ khi Phật giáo Việt Nam chỉ biết tu Tịnh độ, không

biết thiền là gì, đến nay gần cả trăm năm, nên nói tới thiền không ai biết. Bây giờ chúng ta có bổn phận khôi phục Thiền tông để tất cả Phật tử biết tu, đó là chuyện rất khó.

Nói mất dấu, không phải vì thiền không có hay có rồi mất. Mất là vì bị lãng quên. Sự thật thì thiền lúc nào cũng hiện tiền, nhưng mọi người quên lãng, nên dường như mất. Đến ngày nay, mình nguyện khôi phục lại, dù cho nhọc nhằn, mệt mỏi mấy cũng phải cố gắng. Như cái nhà đã sập, bây giờ muốn dựng lại, dĩ nhiên mình phải nỗ lực, tận tình xây dựng ngôi nhà đó cho được lành lặn, tốt đẹp. Thiền tông Việt Nam cũng vậy, đã tồn tại trên ngàn năm, và bị mất khoảng trăm năm. Do đó mọi người ít ai biết. Ngày nay khôi phục lại thì có vẻ như mới, chứ không như đã có trước đây.

Từ năm 1970 đến năm này, đã hơn hai mươi năm tôi gầy dựng, được nhiều người biết. Bây giờ nhiều người tu, nhiều người tin tưởng. Đó là việc rất hy hữu. Sức tôi ngày càng mòn yếu mà công việc mỗi ngày mỗi mở rộng, lòng tin mến mộ của tăng ni Phật tử ngày càng đông, nên sức một mình tôi không đủ để đảm đang trách nhiệm. Mong rằng tất cả chư tăng ở đây, tu học, hiểu và ứng dụng được trong cuộc sống thì sự tu hành sẽ có đắc lực, có kết quả. Mai kia khi mệt, tôi nghỉ, quý vị là người thay thế tôi làm những việc đang dở dang đó. Việc dở dang này rộng lớn, cho nên tất cả chư tăng phải góp sức gom lực làm, chứ không phải cá nhân một hai người làm được.

Năm nay, tôi giảng thêm ở chùa Xá Lợi, chùa Ấn Quang. Mỗi tháng tới chùa giảng, Phật tử đến nghe đông đảo, vậy mới thấy lòng hâm mộ của Phật tử khá lớn. Có thể năm tới, hoặc thời gian nào đó sẽ giảng thêm ở Thủ Đức. Bây giờ là chùa Huỳnh Võ, sau này là thiền viện Tuệ Quang. Như vậy, công tác của tôi sẽ tăng lên thêm nữa.

Hôm kia, giảng xong, còn hơi sớm, tôi chạy lên Vạn Hạnh, cốt là thăm Hòa thượng Minh Châu, nhưng Hòa thượng đi về Huế nên tôi không gặp mà gặp quý thầy khác. Quý thầy trong văn phòng nhắc, năm tới là phiên tôi giảng dạy Thiền học Việt Nam, tôi chịu trách nhiệm môn đó, yêu cầu tôi chuẩn bị. Trường bây giờ gọi là "Viện Phật học Việt Nam". Chương trình Đại học Phật giáo năm thứ ba, thứ tư, có học môn Thiền học Việt Nam. Cuối năm nay, họ đã học hết năm thứ hai. Quý vị thấy việc của tôi cứ tăng hoài, không có giảm.

Thiền học Việt Nam, ngoài tôi ra, không có Thầy nào nghiên cứu, nên phần trách nhiệm đó, tôi tránh cũng không được. Hơn nữa, học viên ở trường Phật học Việt Nam mà không biết về Thiền học Việt Nam là một khuyết điểm rất lớn, không thể chấp nhận được. Trách nhiệm không cho phép tôi từ chối mà phải dạy.

Quý vị nghĩ xem, tôi phải thêm bao nhiêu giờ nữa để làm việc đó. Để thấy rằng công việc càng ngày càng tăng, mà sức thì càng ngày càng giảm, rõ ràng như vậy. Quý vị thấy nên buồn hay nên vui? Nói khôi phục mà nhiều người hưởng ứng thì khôi phục mới thành. Nếu không ai hưởng ứng thì bị quên lãng luôn. Như vậy, được hưởng ứng thì vui mà sức của tôi thì giảm. Bây giờ sao? Không lẽ buông xuôi luôn. Sức tôi càng ngày càng giảm tôi không buồn, chỉ buồn là trong tình trạng như vậy mà chư tăng ở đây không ai có khả năng tiến lên, thay thế tôi. Nếu có năm bảy người có khả năng thế tôi thì càng vui hơn. Đó là tôi nói hiện tại.

Những năm về trước, có một hai thầy ở Cần Thơ nói không chấp nhận thiền, mà năm nay mời tôi về giảng thiền. Trước kia người ta không chấp nhận nên chống đối, bây giờ lại mời mình đến, đó là điều rất tốt. Việc làm của tôi đã thấy có kết quả thật sự, không nghi ngờ nữa.

Đó là tôi nói về phần tốt. Bây giờ, có một phần tôi đang lo. Như lời của ngài Trần Tôn Túc, tức là ngài Đạo Minh nói "Việc lớn chưa sáng như đưa ma mẹ, việc lớn đã sáng như đưa ma mẹ." Lời dạy này phân ra hai chặng đường. Khi bước chân vào đạo tu hành mà còn mù mịt, đường lối tu chưa nắm vững là điều đáng buồn, đáng lo. Phải đem hết tâm tư, nghị lực làm sao đạt được, thấy được đạo lý mà mình đang còn mù mờ, chưa sáng tỏ. Như vậy gọi là việc lớn chưa sáng như đưa ma mẹ. Đám ma mẹ, mình không còn nghĩ gì khác hơn là thương nhớ mẹ, làm lễ tống tiễn. Ở đây cũng vậy, mình tu chỉ làm sao đạt đạo, không có bận tâm gì khác. Nên dồn hết nghị lực, hết tâm tư tu hành, chứ đừng lôi thôi, đừng bị ngoại duyên chi phối, như vậy mới có ngày sáng được đạo. Đó là chặng đường thứ nhất.

Chặng thứ hai là khi sáng được đạo rồi, tức là đốn ngộ rồi, thì phải tiệm tu. Bởi vì tập khí, nghiệp lực quá khứ còn quá nhiều, cần phải gột rửa. Có những người tu cũng còn nhiều tập khí xấu, nên khi tu thấy có tiến mà thỉnh thoảng cũng có một ít tập khí nổi dậy, lộ ra. Tuy không nói ra nhưng tôi buồn. Tôi nghĩ rằng còn tập khí như vậy mà ra giảng đạo thì thật là một cái chướng. Nhiều tập khí sẽ nảy sanh nhiều chướng khi đi làm Phật sự. Tại sao? Thí dụ, người đó được mọi người tin tưởng là thấy đạo. Người ta ngỡ thấy đạo là được sạch, được tốt hết, nhưng lâu lâu lại lộ ra vài tật chưa thật tốt, nên họ mất lòng tin.

Vì vậy, khi mình sáng đạo rồi, phải dồn hết tâm lực để tiêu trừ tập khí, đừng để tập khí tiếp tục dấy khởi nữa. Được vậy, người ta thấy hạnh mình, nghe mình giảng, học với mình, lòng tin không thối chuyển. Nếu không được vậy, để cho tập khí nổi dậy, người học thấy nghe được, đâm ra thối tâm Bồ-đề.

Tôi nhìn thấy trong giới tu sĩ, tập khí khá nhiều, người còn tật này, kẻ còn tật kia nên sống trong chúng không được hòa. Mỗi người có cách nhìn trên từng khía cạnh khác nhau, nhiều khi mình thấy người này tốt, nhưng người khác ở trên khía cạnh của họ, họ thấy xấu. Chỉ như vậy, cũng đã xảy ra những điều không hay, chưa được như ý.

Tôi mong rằng trong chúng đã hiểu rõ. Người quyết tâm tu, nếu chưa sáng đạo thì dồn hết tâm lực, nghị lực để tu cho sáng đạo. Còn nếu đã sáng đạo thì dồn hết tâm lực, nghị lực để diệt hết tập khí. Như vậy trên đường tu, trên đường hoằng pháp lợi sanh mới được vững, được kết quả như ý, chứ không thì khó.

Tôi kể thêm cho quý vị nghe một trường hợp hơi lạ lùng. Như vừa rồi ở tại Thường Chiếu, tôi đang nói chuyện với một số Phật tử, có một cô đi với một người nữa, có lẽ cô đó ở ngoại quốc, người kia đứng ở ngoài, giới thiệu tôi với cô đó. Bất thần cô đó đi thẳng vô, dùng hai tay vuốt mặt tôi mà khóc sướt mướt. Bạch Mai đang đứng chụp hình, lấy làm lạ, kéo cô kia ra hỏi: "Làm gì vậy? Làm gì vậy?"

Thấy thật lạ kỳ! Khi mình tu có những cái cảm gì lạ lắm, khiến họ nhìn thấy thương. Cô đó khoảng ngoài bốn mươi tuổi, ăn mặc cũng sang trọng, dáng dấp như người ở nước ngoài. Nhìn thấy tôi, cô khóc quá chừng, mấy người lôi ra mà vẫn cứ khóc. Sau đó, họ ra về hồi nào không hay, cũng không nói tên, nói họ là gì.

Có những chuyện xảy ra rất lạ, mình không thể ngờ trước được, nên nhắc chúng cẩn thận khi ra làm Phật sự. Nhiều khi tâm người ta đối với đạo, với mình, ban đầu là tốt, thân cận lâu dần rồi biến thành xấu, do vậy cần nên dè dặt. Tôi đã bảy mươi sáu tuổi rồi nên những chuyện đó không dính gì với tôi, nhưng tôi rất lo cho mấy người trẻ đây, khi ra làm Phật sự, họ thương kiểu đó thì khó giữ được.

Bởi vậy, tôi nhắc để trong chúng dè dặt, đừng ỷ mình thấy được chút ít đạo lý, rồi để ai làm gì cũng được. Có lúc mất nghị lực, trở thành hỏng việc. Tôi thấy thực tế như vậy, nói lại cho chúng nghe để biết mà tránh.

Ngày 15-03 Kỷ Mão (30-04-1999)

Hôm nay thỉnh nguyện, toàn chúng đều được không lỗi và cũng không có ai chỉ lỗi. Như vậy, mọi người tương đối được thanh tịnh, là rất tốt. Tôi có ít lời nhắc nhở toàn chúng.

Tất cả chúng ta đi xuất gia đều do mình phát tâm mạnh mẽ, tự nguyện xin cạo tóc, thọ giới tu hành, chứ không phải cha mẹ ép buộc, cũng không phải mọi người chung quanh ép buộc đi tu. Toàn chúng nhớ lại, buổi đầu đi tu, tâm rất hùng dũng, tu một thời gian rồi yếu từ từ. Người xưa nói: "Nhất niên Phật

tại tiền, tam niên Phật thăng thiên.” Nghĩa là năm đầu Phật ở trước mắt, qua năm thứ hai, thứ ba Phật lên trời, xa lắc rồi. Vậy để thấy tâm con người dễ quên, dễ thay đổi. Hôm nay tôi nhắc, mình không đi tu thì thôi, đã phát nguyện tu hành thì phải làm sao trọn đời mình đối với chánh pháp, đối với bản thân, phải nếm được phần nào hương vị của đạo hoặc mở sáng được phần nào con mắt trí tuệ, vậy đời tu mới không uổng phí. Nếu không thì đời tu không được lợi ích bao nhiêu.

Người tu phải có đủ hai phần, tự giác giác tha, tự lợi lợi tha. Nếu không có phần tự giác thì làm sao giác ngộ cho người, không tự lợi thì làm sao làm lợi ích cho người. Nên biết bổn phận người xuất gia hết sức nặng nề. Phải cố gắng, làm sao đời tu càng ngày các phiền não tiêu mòn, trí tuệ càng sáng, lần lần được an lạc, để tự lợi đầy đủ. Như vậy là có phần tự giác, từ tự giác đó mới giác tha được. Không bao giờ người mù có thể dẫn người sáng hay dẫn người mù khác đi được. Người mù là tự mình đã khổ, nếu dẫn người khác, vô tình cả hai đều rơi xuống hố. Cho nên trên đường tu, đòi hỏi chúng ta phải mở sáng con mắt trí tuệ, thì tự mình giải thoát và cũng đủ khả năng dẫn dắt người khác thoát khổ. Muốn được vậy, phải cố gắng tu, cố gắng thực hành để tự tâm thanh tịnh, trí tuệ phát sáng, con đường tự lợi lợi tha được đầy đủ ý nghĩa.

Mở sáng con mắt trí tuệ rồi thì các thứ phiền não, điên đảo tiêu mòn theo. Nếu mắt trí tuệ không mở sáng thì tất cả phiền não khó dẹp bỏ được. Thế nên, tất cả chư tăng phát tâm đến đây tu phải cố gắng. Không gì quý bằng chúng ta tìm được chỗ nương tựa cho cuộc đời mình và hướng dẫn người khác tiến tới chỗ đó. Chỗ nương tựa chính là mình, chứ không ở đâu khác, vì quên mình, nên chạy đông chạy tây. Nhiều khi gặp người chỉ không đúng đường, đi sai lối uổng phí một đời.

Nên phải hiểu rõ để xoay lại tự giác, tức là xoay lại tìm ra con người chân thật của chính mình, nương nơi đó phát triển, nương nơi đó hướng dẫn người khác tu, mới xứng công, mới có lợi ích. Chứ đừng ngồi đây tu mà nghĩ những chuyện thế gian bên ngoài. Dù mình có một chút địa vị ở xã hội, hoặc có một chức vị ở trong đạo, những thứ đó cũng không thể cứu mình, mà chính tìm ra được mình, mới có thể cứu được mình.

Mong rằng tất cả chư tăng đã thành tâm phát nguyện đi tu, cầu thoát ly sanh tử thì quý vị phải luôn nhớ bản nguyện, ý chí buổi ban đầu của mình, đừng lơ là, đừng quên mất. Nhiều khi tu càng lâu mà tâm lại càng lui sụt. Đó là điều đáng tiếc. Vì vậy mong tất cả đều nhớ và cố gắng. Lúc nào chúng ta cũng luôn luôn tinh tấn, không để tâm giải đãi chi phối, rồi uổng đi một cuộc đời. Đó là lời nhắc nhở của tôi hôm nay.

Ngày 13-04 Kỷ Mão (27-05-1999)

Có những vị có lỗi, biết nhận lỗi để ra sám hối hoặc những vị có lỗi không biết, nhờ đại chúng chỉ cho, để sám hối cho được thanh tịnh. Hôm nay vì công chuyện nhiều, nên tôi không nói giáo lý mà chỉ sắp đặt công việc thôi.

- Sắp đặt chỗ ở cho quý thầy.

- Sắp đặt lễ xuất gia.

- Lễ quy y.

- Lễ an cư.

- Xin may áo tràng cho Phật tử mượn lễ Phật.

Ngày 15-05 Kỷ Mão (28-06-1999)

Sau đây, tôi có ít lời nhắc nhở. Tôi chỉ nhắc lại một điều trong Lục hòa để toàn chúng nhớ kỹ, nhớ sâu để ứng dụng. Hòa mà tôi thấy khó nhất là hòa thứ ba. Tức là *ý hòa đồng duyệt,* là ý hòa hợp đồng vui với nhau.

Tại sao tôi nói khó? Vì trong chúng mỗi người ở mỗi nơi, cha mẹ, gia đình, xã hội mỗi khác. Hẳn nhiên người nào cũng có những ý niệm riêng tư được huân tập từ trước, ngày nay lại cùng đến đây sống chung tu hành, nên muốn tập thể được tốt đẹp, vui vẻ, thanh tịnh thì chúng ta phải hòa với nhau. Muốn hòa với nhau thì không gì khác hơn là phải xả bỏ cái riêng tư.

Tôi nhắc lại chuyện thời đức Phật. Khi đức Phật gặp những vị Tỳ-kheo ở Câu Thâm hằng ưa tranh tụng, phạm các hạnh ác, đối mặt cãi cọ, chống đối nhau mà Phật khuyên dạy không được, ngài bỏ đi đến nước Bạt-kỳ. Đến một khu vườn có ba vị Tỳ-kheo là ngài A-na-luật, Nan-đề và ngài Kim-tỳ-la.

Ba huynh đệ ở chung trong một cái thất. Những vị này sống chung, cùng ước định khi đi khất thực, người nào ở lại sau phải quét dọn cho sạch. Đi khất thực về chia thức ăn, tự lấy đủ phần mình, có dư thì để vào một cái bình, người khất thực về sau cùng, đủ thức ăn thì tốt, không đủ thì lấy thức ăn trong bình ra ăn. Nước trong bình hết, ai thấy thì tự đi xách, đặt vào một nơi. Mỗi ngày tự quét dọn phòng nhà. Rồi ở nơi vắng vẻ chánh thân chánh ý tu hành tư duy diệu pháp, mỗi người giữ yên lặng, không nói chuyện với nhau.

Nếu tôn giả A-na-luật tư duy về tưởng bất tịnh, niệm an vui trụ Sơ thiền cho đến Diệt tận định thì tôn giả Nan-đề, tôn giả Kim-tỳ-la biết tâm niệm tôn giả A-na-luật cũng tư duy như vậy.

Đức Phật đến thăm, được biết các tôn giả sống hòa hợp, tu hành an vui và được pháp thượng nhân như vậy, ngài rất hoan hỷ và ngợi khen.

Có một pháp vượt hơn pháp thượng nhân mà tôn giả A-na-luật nói chính là đem tâm từ, bi, hỷ, xả rải đầy khắp mười phương, như vậy mà du ký.

Chúng ta cũng vậy, muốn được hòa vui thì phải có tâm từ bi, có lòng hỷ xả. Xả bỏ những ý niệm riêng tư khác biệt, để tùy duyên sống hòa vui với huynh đệ, hòa hợp với tinh thần đường lối chung của thiền viện, cùng tu cùng học. Mỗi người đều xả cái riêng để hòa hợp với nhau, nhờ đó mà hòa thuận vui vẻ.

Xả niệm riêng tư thì tâm gần với đạo, dễ được thấm nhuần và sự tu hành sẽ có kết quả tốt đẹp. Nếu cứ cố chấp khư khư theo suy nghĩ, suy luận của mình, không chịu bỏ, thì sớm muộn cũng phải rời chúng. Vì tư niệm đó thúc đẩy, không cho sống trong tập thể và khó thực hiện theo một đường lối tu chung được.

Tôi không muốn nói nhiều, chỉ nhắc lại cho toàn chúng nhớ rằng, trong đời tu, nếu muốn có kết quả tốt, phải bỏ ý niệm riêng tư. Bởi ý niệm riêng tư là không thật, tạm bợ, do huân tập riêng mà có. Nó không phải là chân lý, vì vậy đừng cố chấp, người nào cố chấp thì thành bệnh. Mà thành bệnh rồi thì tu không tiến.

Toàn chúng cố gắng thực hành cho được ý hòa đồng duyệt, để huynh đệ sống chung lúc nào cũng vui tươi, hòa thuận, tu hành tinh tiến, không uổng cơm đàn- na tín thí chăm lo cúng dường. Nếu nuôi dưỡng những tâm niệm riêng tư, làm trở ngại sự tu hành, làm rối loạn trong chúng thì tự mình mang tội, tổn đức, không lợi ích trong đạo. Vậy mong mỏi tất cả đều cố gắng thực hiện cho được.

Tôi nhắc thêm, trưởng liêu phải có trách nhiệm theo dõi sự sinh hoạt của huynh đệ. Người làm trái Nội quy, người phạm giới luật, người làm chúng phiền hà thì trưởng liêu phải biết. Tự mình răn nhắc riêng hoặc trình với Quản chúng để khuyên, chứ không nên để cho mỗi người muốn làm gì mặc tình làm.

Tôi bận công việc đa đoan, ít dịp gần với chúng. Ở dưới Quản chúng mắc lo dạy, lo giảng cũng không theo sát với chúng. Chỉ có trưởng liêu là đi sát với chúng hơn hết, nên phải ráng theo dõi, nhắc nhở cho trong chúng sống đúng Nội quy của thiền viện. Đó là phẩm cách đẹp, nên đừng ngại, đừng sợ huynh đệ buồn, phải tận tình làm đúng bổn phận của mình.

Ngày 15-06 Kỷ Mão (27-07-1999)

Thỉnh nguyện hôm nay, trong chúng tu hành đa số có giới đức thanh tịnh, nên ít có lỗi, điều đó tôi rất mừng. Kế đây tôi sẽ có ít lời nhắc nhở.

Gần đây, tôi thấy trong chúng có một vài vị mặc cảm, thấy mình từ đạo khác hoặc từ môn phái khác đến đây tu..., rồi mặc cảm huynh đệ nhìn mình có

vẻ khác lạ. Vì vậy, hôm nay tôi nhắc cho tất cả hiểu. Hồi đức Phật còn tại thế, những vị có công lớn như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên cũng từ đạo khác đến tu với Phật. Sau khi các ngài lãnh hội đạo lý, tu hành có kết quả, đều là những vị đứng ra truyền bá chánh pháp một cách mãnh liệt. Nên gọi hai ngài Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên là hai vị đại tướng quân trong Phật pháp. Như vậy, ở trong đạo, nhất là ở thiền viện, không có tính kỳ thị tôn giáo này, tôn giáo kia, hoặc hệ phái này, hệ phái nọ.

Tôi chủ trương tất cả mọi người đến đây, tôi nhận cho ở tu thì người đó là người tốt, là người đồng tâm, hiệp lực cố gắng tu hành, cố gắng xây dựng ngôi nhà Phật pháp cho được tốt đẹp, chứ không có người nào đến đây để chơi, nên không có ai được tỏ vẻ khinh thị nhau hay làm khó dễ nhau. Huynh đệ trong chúng đừng mang mặc cảm gì hết. Nếu có mặc cảm chăng là khi thấy huynh đệ tu tiến mà mình không tiến, đó mới là việc đáng buồn, mình cần cố gắng hơn. Chứ đừng phân biệt phái này phái kia, rồi sanh ra có mặc cảm thì không tốt. Vì ở đây, chúng ta sống bình đẳng với nhau, mọi người đều có quyền như nhau, đều lãnh hội Phật pháp và tu hành như nhau, không dành riêng người này ưu, người kia liệt.

Toàn chúng phải hoan hỷ, phải vui vẻ với nhau, đừng có ý niệm mình bị huynh đệ khinh bỉ, bị huynh đệ theo dõi... Ý niệm đó là do mình mặc cảm không tốt, chứ chắc không có chuyện đó xảy ra. Tôi cũng không bằng lòng người nào đó có niệm riêng tư hoặc kỳ thị người khác. Ngày xưa, tôi cũng từ đạo khác đến với đạo Phật. Tôi trước theo đạo Cao Đài, được nhập môn hồi lúc bảy tuổi, mà khi tôi về với đạo Phật, đâu có bị kỳ thị.

Dầu trước theo bất cứ đạo nào đi nữa, nay thấy đạo Phật hay, mình tu theo đạo Phật, chứ đâu có mang tôn giáo mình vào đây mà bị phân biệt đối xử. Quý vị nên hiểu, tất cả chúng ta tu, do lãnh hội được giáo lý Phật cao siêu, mình thích, nên cố gắng ứng dụng, để có được những bước tiến trên đường tu. Đó mới là giá trị thật.

Vị nào có ý niệm kỳ thị là chưa hiểu đạo. Bởi vậy, trong chúng phải vui vẻ hoan hỷ với nhau, đừng ngờ vực, cũng đừng nghi người này xấu, người kia xấu. Tất cả mọi người ở đây đều lo tu, chứ không vị nào tới đây để dòm ngó người khác. Chẳng qua là có những sự việc mình làm trái với Nội quy, luật lệ, người khác nhìn thấy nhắc nhở để xây dựng. Nếu mình không làm trái luật lệ trong đạo thì đâu có ai nhắc nhở làm gì. Mọi người ở đây đều sẵn sàng nâng đỡ để mình tu hành cho có kết quả tốt. Nên quý vị phải hiểu, đừng nghĩ lầm, rồi từ hiểu lầm sanh ra mặc cảm, từ mặc cảm rồi thối chí, tu hành không tiến. Tôi nhắc lại, khi tôn giáo bạn hoặc người từ các tông phái khác đến đây, chúng ta phải coi như một, chứ không có gì dị biệt.

Kế nữa, hình như chúng hơi xem thường những của cải, đồ đạc của Tam bảo. Vì ở đây tất cả của cải sắm ra, không phải từ đồng tiền mình khó khăn vất vả làm ra, mà toàn là của Phật tử đóng góp, giúp mình mua sắm. Như vậy, tuy nói mình mua sắm nhưng đó là tiền của Phật tử chứ không phải của mình. Nói chung là của Tam bảo chứ không phải của riêng ai. Tôi nghe nói, mấy huynh đệ có khi làm bể đồ, rồi cười xòa với nhau. Đó là việc làm tổn phước. Bởi lâu nay ở trong nhà chùa, một tu sĩ làm bể món đồ gì, phần nhiều phải đi xin tiền mua đền của Tam bảo, chứ không phải đùa.

Xưa nay quy luật trong cửa thiền rất khít khao, nghĩa là không cho phí phạm của Tam bảo. Ai làm hư, làm bể đồ của Tam bảo phải về nhà xin tiền hoặc xin thí chủ mua trả lại cho chùa, cho Tam bảo. Ngày nay, chúng ta sống ở đây, tôi rất cởi mở, lỡ làm hư bể rồi thì thôi, không có bắt đền bắt phạt, vì vô tình sảy tay làm bể, chứ không phải ý muốn của mình. Nên đã lỡ sảy tay làm bể một món đồ, nên có lòng hối hận, hổ thẹn, lo sợ, chứ không nên cười rộ lên. Cùng nhau cười rộ là thái độ bất lịch sự, không biết tôn trọng, quý tiếc của Tam bảo.

Khi nghe những điều đó tôi rất bất bình, nếu một vị tăng ở đây làm bể cái tô, cái chén rồi cười ngất với nhau, đó là coi việc làm bể là một trò vui. Đó là có tâm phá hoại của chung, không tốt. Vì vậy, yêu cầu trong chúng, ai có thái độ đó thì sửa, đừng nên làm như vậy. Thí chủ cúng dường cho tăng ni, đa phần là do họ nhịn ăn nhín mặc. Nếu quý vị không bỏ thói xấu đó, hôm nào Phật tử thấy như vậy, chắc chắn họ sẽ nói những lời không hay với mình. Vì mình là người nhận của thí chủ để mua sắm cho Tam bảo, mà mình hủy hoại như vậy thì Phật tử sẽ chán, không muốn đến với chùa nữa.

Những chuyện thấy tuy nhỏ mà thái độ mình không khéo sẽ thành việc lớn. Mong tất cả chúng tăng ý thức được sự sơ suất hay sơ sảy của mình mà tỏ lòng hối tiếc, chứ không được vui vẻ như vậy.

Ngày 13-07 Kỷ Mão (23-08-1999)

Hôm nay có nhiều việc, tôi nhắc nhở trong toàn chúng. Vì từ trước đến giờ, ở đây cũng như ở các nơi khác, như các Phật học viện, thiền viện... tôi đã thấy rõ tăng ni ở đông thì lúc nào cũng có mầm chia rẽ. Do đông đảo nên có sự chia rẽ, điều này khó tránh khỏi. Nhưng tôi buồn, tôi nghĩ rằng người tu là người mẫu mực cho dân chúng nói chung, cho Phật tử nói riêng. Mà chính người tu lại không hòa thuận, sống với nhau không vui vẻ, cùng chung lo với nhau, thì thật không xứng đáng là Tăng.

Nếu ở thiền viện mình mà còn theo lối cũ đó thì đáng buồn cho Phật pháp. Nên trong Thanh quy, tôi đặt Lục hòa là điều thiết yếu, Lục hòa ngang bằng với giới luật. Bởi vì Tăng nguyên gốc là Samgha, đọc trại là Tăng-già nghĩa là

chúng hòa hợp, là một tập thể sống đoàn tụ, hòa hợp nhau để tinh tấn tu hành. Nếu đoàn tụ đông đảo mà không hòa hợp thì chưa phải là Tăng. Bởi vậy, người tu chúng ta, phải khéo xả những niệm riêng tư của mình để hòa đồng với huynh đệ, đừng bao giờ cố thủ ý kiến riêng. Giữ chặt ý kiến riêng, khiến cho người khác không thể nào hòa hợp với mình, như vậy là mình tự tách rời chúng, tự mình làm cho mình khổ.

Nên sống trong tập thể, lúc nào cũng lấy hòa hợp làm trên. Chúng ta tu là cốt để giải thoát sanh tử, không phải tu để trầm luân sanh tử. Muốn giải thoát thì ở trong tập thể phải luôn luôn hòa vui với nhau, không phiền không giận thì sự tu hành mới tiến, không trở ngại. Tu mà người này phiền người kia, giận qua giận lại, cứ vậy hoài thì không bao giờ tu tiến được. Ngồi lại cứ nhớ chuyện hơn thua, buồn giận, không thể điều phục được nội tâm của mình là một cái chướng.

Chúng ta quyết tâm tu, phải tập xả hết những ý niệm tư riêng. Ý niệm đó mình cho là hay, nhưng toàn chúng không chấp nhận, mình cũng phải xả nó để hòa vui với chúng, như vậy tu mới có thể tiến được. Làm sao tất cả chư tăng ở đây, trong nội viện, ngoại viện gặp nhau người nào cũng tươi cười vui vẻ, không một điều hiềm khích. Vậy sự tu hành mới có giá trị.

Nếu mỗi người cố chấp một phạm vi riêng, cố giữ ý niệm riêng, bên này không vui bên kia, bên kia không hòa bên nọ, đó là cái cớ để tan rã, cũng là cớ để chư tăng tu hành càng ngày càng lui sụt. Tôi mong rằng tất cả chư tăng ở đây đặt Lục hòa trên hết, chẳng những hòa ở thân, hòa ở lời nói, mà hòa cả nội tâm nữa. Vậy đừng nên có những tâm ý tư riêng, rồi mỗi người đều nhìn nhau với ánh mắt không tốt, không tin tưởng, thì sẽ khiến cho thiền viện trở thành tan hoại trong lòng của mỗi người rồi.

Trong kinh Trung A-hàm nói nguyên do Phật dạy sáu hòa kính. Sa-di Châu-na kiết hạ tại xứ Ba-hòa. Tại đây có vị Ni-kiền tên Thân Tử qua đời. Ông qua đời không bao lâu, các đệ tử chia rẽ và phá hoại nhau. Họ tranh luận, đấu tranh, kiện tụng, thù nghịch nhau. Họ kiêu mạn và thách đố lẫn nhau, ai cũng mong mình hơn, nên các đệ tử tục gia của họ chán nản, lánh xa. Sau mùa an cư, Sa-di Châu-na đến xứ Bạt-kỳ, thôn Xá-di bái kiến Phật. Đến nơi, ngài Châu-na gặp tôn giả A-nan, trình bày sự việc đó. Ngài cùng tôn giả đến chỗ Phật, đem tất cả sự việc đó, trình bày lại cho đức Thế Tôn, để có thể nhân đó mà được nghe pháp khác nữa từ ngài. Nhân đó, Phật nói rõ sự nguy hại của người bị kiết sử phẫn và hận quấn chặt nên không cung kính Tôn sư, không thấy được pháp, không giữ gìn giới luật, ở trong chúng gây sự đấu tranh, gây khổ, tai hoạ cho bản thân và mọi người không được an ổn.

Phật bảo ngài A-nan, trong trường hợp thấy sự đấu tranh như vậy, ở bên trong hay bên ngoài, không thể chấm dứt hết được; vì để chấm dứt sự đấu tranh đó, phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, đừng để thối chuyển. Giống như người bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo thì phải cấp tốc tìm cách dập lửa. Phật chỉ dạy bảy phương pháp diệt trừ sự đấu tranh. Cuối cùng, Phật nói Sáu pháp hòa kính mà trong kinh gọi là Sáu pháp ủy lạo. Đức Thế Tôn dặn dò: "Này A-nan, như vậy sau khi ta diệt độ, các thầy sống cộng đồng hòa hợp, hoan hỷ, không tranh chấp, cùng đồng nhất trong một tâm, cùng đồng nhất trong một giáo pháp, hòa hợp như nước với sữa, an lạc du hành như lúc ta còn tại thế."

Mới thấy Lục hòa quan trọng như thế nào. Tăng chúng phải đồng tâm tu hành, đồng tâm học giáo pháp, thương kính, hòa hợp như sữa hòa tan trong nước thì dù cách Phật rất xa, nhưng cũng giống như đang sống thời Phật. Trong chúng phải ý thức được rằng, chúng ta sống không tranh chấp, luôn hòa hợp, vui vẻ thì đạo đức sẽ tăng trưởng. Đó là nền tảng tu hành. Nếu chúng ta sống thiếu hòa hợp thì cuộc sống thành ra nhiều phiền não, nhiều chống đối. Từ phiền não, chống đối gây ra rối loạn, rồi từng người dễ tự rời khỏi tập thể đi nơi khác.

Mong tất cả chư tăng có mặt ở đây phải cố gắng sống hòa hợp vui vẻ. Nhờ hòa hợp mới vui, nhờ vui mới tu tiến. Tu mà phiền não không bao giờ tiến. Mong chư tăng cố gắng thực hiện điều đó. Đó là lời nhắc nhở của tôi hôm nay.

Ngày 13-08 Kỷ Mão (23-09-1999)

Hôm nay, tôi có ít lời nhắc nhở toàn chúng. Gần đây, tôi nghe lời bên ngoài phê bình rằng, những người tu ở thiền viện có tính cách tiêu cực. Quý vị xét thấy có phải không? Chắc phải, vì mình không hoạt động xã hội rộng lớn, mà chỉ ở tại chỗ lo tu thôi.

Với kinh nghiệm bản thân tôi và kinh nghiệm qua bao nhiêu năm sống trong đạo, tôi thường than: Chúng ta ít phước nên sanh vào thời mạt pháp, nên thiếu duyên lành, ít gặp điều kiện tốt để tu hành. Khi phát tâm tu thì tâm rất mạnh mẽ, đầy nhiệt huyết, khi vào đạo rồi lại không được thuận duyên, tu không được tốt. Lâu ngày gần như thối chí hoặc tu mà không đúng với sở nguyện lúc ban đầu.

Nên tôi lúc nào cũng nghĩ đến việc tạo duyên tốt cho tăng ni tu. Như vậy, người nào quyết tâm tu hành thì có thể tu tiến được, có thể vươn lên được, không thối chuyển. Vì hoài bão đó mà bao nhiêu năm tôi thao thức. Đến nay, tôi cố gắng thực hiện việc tạo duyên tốt cho tăng ni tu tại thiền viện. Cái duyên này tránh được hai thái độ cực đoan.

Cực đoan thứ nhất là có một số người quá ham tu, nên lên non núi, vô trong hang sâu ngồi tu mà không học hành. Có nhiệt tình tu nhưng không hiểu đạo lý, không biết hướng đi nên đi lầm, đi sai. Vì tha thiết, quyết tâm tu cho đạt đạo nhanh nên không màng tới sự học hành, không xét tới đường lối tu rành mạch rõ ràng, lại ra công ra sức nhiều, tuy đáng phục nhưng kết quả không đúng với sở nguyện.

Cực đoan thứ hai, có một hai người thích tổ chức việc này việc nọ rình rang, thu hút nhiều người chú ý tới, nên cả ngày phải chạy lo công việc mà không được yên ổn tu hành. Như vậy, đời tu chỉ lo bận rộn tổ chức, làm mất hết thời gian quý báu của mình, loay hoay một thời gian, nhìn lại đã già, sắp theo Phật, mà công phu tu không có bao nhiêu.

Hai thái độ đó tôi gọi là cực đoan, chúng ta cần tránh. Chúng ta không có chủ trương vào hang núi hành khổ hạnh, chuyên tu để cho đạt đạo liền mà chỉ giữ quân bình. Đó là vừa tu vừa học, tu ngay tập thể quần chúng, để vừa tu vừa đào luyện tâm tính của mình trong cuộc sống chung với mọi người. Những điều hay mình tiếp thu, học hỏi, những điều dở mình biết để loại trừ. Nhờ vậy, trên đường tu mình tránh được hai cực đoan: không lo tổ chức này nọ, cũng không có tính cách khổ hạnh, đi tới chỗ hủy hoại thân thể. Chúng ta quân bình giữa hai điều đó. Làm được việc này không phải dễ.

Ngày nay tôi làm được, tạo được duyên cho chư tăng ni ngồi yên tu, vừa có học vừa có tu, tự đối chiếu kinh Phật dạy, đối chiếu lời các vị Tổ sư trước, để bản thân mình thấy rõ chỗ tu hành tiến nhiều ít. Thấy rõ biết rõ, không nghi ngờ. Đường đi tuy chậm nhưng có căn cứ thực tế, không đến đỗi tệ hoặc lầm lẫn.

Hôm nay, chư tăng ngồi đây tu hành trong một phạm vi nhất định, bao nhiêu thời gian chỉ có tu và học. Đồng thời, chúng ta nghiền ngẫm thấm nhuần được đạo lý sâu xa, mai kia ra làm lợi ích cho chúng, chứ không phải nhốt quý vị ở đây suốt đời. Nhưng khi còn đang tu thì phải khép lại, không được đi đây đi kia lăng xăng, tới lui hoài, mà phải yên tâm tu học, đâu ra đó, xứng đáng với công của mình. Đó là lập trường của tôi về đường lối tổ chức thiền viện.

Kế đó, nói thẳng về đường lối tu thiền, người tu thiền thường có hai thái độ cực đoan. Thái độ thứ nhất là tu thấy được chút ít, hiểu được chút ít rồi làm như các Tổ hồi xưa, muốn đi đâu thì đi, nói gì thì nói, nghênh ngang không có luật lệ, quy củ gì hết. Vừa rồi có chú Đ.K về đây muốn xin tu học, chú cũng thuộc dạng đó. Nghĩa là biết được chút ít tưởng mình là thánh rồi, muốn làm gì thì làm, muốn nói gì thì nói, nghênh ngang. Chưa đến tưởng mình đến, chưa được tưởng mình được, lại có thái độ quá đáng, khiến người ngoài phê phán không tốt cho người tu thiền. Đó là một cực đoan đáng trách.

Cực đoan thứ hai là có người tu thiền mà không nỗ lực, không cố gắng, cứ thả trôi ngày này sang ngày nọ. Ngồi lại thì ngủ gục, ra ngoài thì loạn tưởng, nói chuyện om sòm. Đó là cái tệ, không lợi ích gì cho bản thân cũng không lợi ích gì cho đạo. Bởi vậy, chúng ta phải tránh hai cực đoan là thả trôi và tu được một chút rồi nghênh ngang, tưởng mình là thánh.

Quý vị nên biết, chủ trương tu thiền trong thời này là một việc khó vô cùng. Tại sao khó? Vì cả hai thế kỷ qua, ở Việt Nam người tu Phật hầu hết đều hướng về Tịnh độ. Bởi hướng về Tịnh độ, nên nhìn người tu Thiền không thiện cảm, nếu mình tu Thiền mà bỏ luật lệ, bướng bỉnh, ngang tàng... thì dễ bị phê bình, chỉ trích, mang tiếng không tốt cho đạo. Bởi vậy, chúng ta phải cẩn thận.

Tu thiền, dù có hiểu có thấy, chúng ta cũng thầm lặng tu, thầm lặng hiểu, chứ đừng khoa trương, tỏ vẻ tự cao ngạo mạn. Đó là không tốt. Vừa bất lợi cho bản thân, vừa mang tiếng không tốt cho đạo, cho đường lối tu của mình. Mong toàn chúng dè dặt, tránh những lỗi lầm đó. Mình hiểu, mình thấy những gì cao siêu thì ứng dụng trong đời tu của mình, chứ không nên có thái độ bướng bỉnh, gàn dở để thiên hạ phê phán. Bởi vậy, ráng cẩn thận, chúng ta vừa tu thiền, vừa biết nghiêm chỉnh theo giới luật. Đồng thời, chúng ta tu trong thanh tịnh sáng suốt, chứ không phải sanh ra tật bướng tật gàn để người ta cười.

Mong toàn chúng ý thức trách nhiệm của mình để thực hành, đừng để sai lệch, mang tiếng không tốt. Đó là lời tôi nhắc nhở.

Ngày 13-09 Kỷ Mão (21-10-1999)

Phần thỉnh nguyện xong, trong chúng ai có lỗi đều tự giác ra chúng sám hối và những người có lỗi nhưng không nhớ đều được quý thầy nhắc cho. Tất cả đều chân thành sám hối, đó là cái đức tốt trên con đường tu, không để sai lầm, thiếu sót.

Nếu mỗi tháng đều thấy những sơ sót của mình để chừa cải thì đó là những bước tiến trên đường đạo. Không phải vì cớ mình có lỗi phải ra sám hối mà thấy xấu hổ, nhục nhã. Nên biết đó là điều tốt giúp cho mình tiến. Vì vậy, tất cả trong chúng nên tự tỉnh tự giác, đừng để phạm lỗi kỳ trước đã phạm, kỳ sau phạm nữa.

Tôi nhắc nhở toàn chúng, ai đã xuất gia thì đều có mục đích tối hậu là giải thoát sanh tử. Muốn giải thoát sanh tử thì trước phải giác ngộ. Giác ngộ rồi mới giải thoát, đó là điều không thể thiếu được. Cho nên, trên đường tu, chúng ta phải biết tinh thần giác ngộ từ thấp lên cao. Mức thấp của sự giác ngộ là khi vào đạo mình phải nhớ rằng: Đời của mình phải trừ bỏ tất cả những thứ phàm tục. Tất cả danh lợi, tài sắc của thế gian không màng nữa. Đó là bước đầu của sự tỉnh giác hay sự giác ngộ nhỏ.

Từ sự giác ngộ đó mình mới vào đạo để tu. Đã vào đạo rồi thì không còn cớ gì lại bị nhiễm. Phải giữ cho tất cả đều trong sạch, không màng, không nghĩ tới nghĩ lui việc thế tục nữa. Trong kinh Tứ Thập Nhị Chương, đức Phật dạy rất rõ: Người xuất gia là vì nhàm chán ngũ dục thế gian mà vào đạo, chẳng khác nào như người khạc đàm nhổ xuống đất rồi thì không liếm trở lại. Nếu làm vậy thì nhục nhã vô cùng.

Cũng vậy, chúng ta đã nhàm chán danh lợi, tài sắc của thế gian nên tìm đạo, mục đích cầu giải thoát sanh tử. Chúng ta không nên bận tâm hay nghĩ tới ngũ dục thế gian, nếu dính mắc thì chẳng khác nào khạc đàm ra rồi muốn liếm lại, thật là xấu hổ. Mong rằng trong chúng, tất cả đã quyết tu thì phải nhớ cho kỹ, đừng quên. Đó là điều căn bản thứ nhất mà tôi nhắc chúng.

Điều thứ hai là đã vì sự giác ngộ, vì sự giải thoát mà tu, thì trên đường giác ngộ giải thoát có những bậc cấp chúng ta phải gắng vượt qua. Thí dụ, tôi nói giác ngộ mọi sự vật trên thế gian là vô thường, nay thế này, mai đã đổi thay, không có gì bảo đảm lâu dài, không có gì là chắc thật. Biết rõ như vậy, dù công danh, tiền của bao nhiêu cũng đều vô thường. Nhất là thân chúng ta là một dòng chuyển biến không dừng, nay nó còn an ổn, ngày mai chưa chắc đã bình an. Nhớ được lý vô thường là trí tuệ. Nhờ nhớ lý vô thường, chúng ta không tham nhiễm thế gian, nỗ lực tiến tu, không bỏ mất thời gian nhỏ nào. Người đó là người biết thức tỉnh, là biết giác ngộ ở cấp dưới.

Đến giác ngộ ở bậc khác nữa là thấy rõ các pháp do nhân duyên. Đã do nhân duyên sanh thì không pháp nào có thật thể. Nếu có thật thể thì không đợi nhân duyên, mà phải đợi nhân duyên mới có thì nó vốn không có thật thể. Từ thân mình đến sự vật bên ngoài đều không khác. Thấy rõ như vậy gọi là nhận được *tánh không*.

Thấy rõ như vậy thì không chấp thân, không chấp cảnh. Thân, cảnh không chấp là giác ngộ khá cao. Thấy được vậy luôn luôn thì không còn gì rối loạn trong nội tâm nữa. Tâm không rối loạn, tọa thiền dễ được bình an, dễ được định, từ đó tiến lên, giác ngộ được trí vô sư.

Nên tất cả chúng ta tu phải đi từng bậc. Phải luôn tỉnh sáng, đừng để một phút giây nào bị mê lầm che mờ trí tuệ là khéo tu. Con mắt mình đang sáng, đừng để bụi rơi vào, rơi vào thì mắt sáng trở thành tối, thành bệnh. Đó là điều thiết yếu. Cũng vậy, trí tuệ sáng mới chọn con đường đi tốt. Đi trên con đường cao siêu thì đừng vì một lý do nhỏ mà trở ngại đường tu siêu thoát của mình. Nếu khéo tu thì sự giác ngộ cứu cánh sẽ đến. Tức là giác ngộ rõ ràng ông chủ, hay nói khác hơn là vô sư trí được hiện tiền. Được vô sư trí thì khi nhắm mắt, không còn bị nghiệp dẫn đi luân hồi sanh tử, đó là giải thoát sanh tử.

Cho nên, chư tăng tu, mục đích rất siêu thoát, nếu vì những việc nhỏ nhoi tầm thường mà làm trở ngại thì đó là cái dở cái yếu của mình, nên đừng để lầm lẫn. Dù ai đó hứa hẹn cho mình được hưởng quyền lợi gì rất to rất lớn ở thế gian, nhưng phải biết những quyền lợi đó đều là vô thường, tạm bợ, không có thật. Mình không nên để những thứ đó làm bận tâm. Được như vậy mới thật sự là tâm hồn của người giải thoát sanh tử.

Mong rằng toàn chúng, mỗi vị tự kiểm lại mình, nhìn lại mình. Ngày xưa phát tâm dũng mãnh đi tu, bỏ cha bỏ mẹ, bỏ những người thân thuộc, nhất quyết một đời tu để giải thoát sanh tử. Bây giờ vô tình bị dính, bị nhiễm những cái cỏn con không đáng. Người ta sẽ cười và thấy mình không có lập trường, không có ý chí, làm dở dang đường tu. Điều này nếu nhìn ra sẽ thấy, người tu rớt dọc đường rất nhiều, có thể nói là sa đọa rất nhiều.

Mong toàn chúng lúc nào cũng nhớ mục đích của mình, đừng để sai lầm. Được vậy thì đường tu bảo đảm sẽ tiến đến nơi đến chốn, xứng đáng là người có ý chí giải thoát sanh tử.

Ngày 13-10 Kỷ Mão (20-11-1999)

Buổi thỉnh nguyện xong, tôi có ít lời nhắc nhở trong toàn chúng. Tất cả chúng ở đây đều là người quyết chí tu hành để tiến tới chỗ giác ngộ, giải thoát viên mãn mới thôi. Không ai nói đi tu cho có chừng hay nói đi tu tới bậc nào, cấp nào rồi thôi. Trong Thanh quy, chúng ta có căn cứ ba điều theo tinh thần ngài Điều Ngự Giác Hoàng dạy: dứt khoát, kiên quyết và đạm bạc. Bây giờ, tôi nói đến điều thứ hai là phải kiên quyết.

Làm việc gì phải kiên quyết đến cùng, không nên làm rồi có những lúc giải đãi, chán nản thì việc làm không bao giờ thành công. Tu là việc làm rất khó khăn, có thể nói là khó nhất trên đời. Chúng ta đã quyết làm thì phải nuôi dưỡng ý chí, khẳng định phải làm được, phải làm đến nơi đến chốn, chứ đừng có thái độ ngày nào vui thích thì làm nhiều, ngày nào không vui không thích thì thả trôi. Sự tu hành như vậy thì không bao giờ được kết quả.

Tôi nhắc lại, đức Phật Thích-ca khi ngài quyết đến cội Bồ-đề, trải cỏ làm chỗ ngồi xong, thề nguyện rằng ngồi dưới cội cây này, nếu không thành đạo thì quyết định dù xương tan thịt nát cũng không rời khỏi chỗ này. Lòng cương quyết như vậy, nên ngài ngồi đó bốn mươi chín ngày đêm liền được thành đạo. Vậy mới thấy rằng, với tâm kiên quyết, dù việc khó làm đến mấy đi nữa, nó vẫn thành công. Còn nếu không cương quyết thì cho dù việc dễ cũng khó mà có kết quả được.

Vậy nên trong chúng phải ý thức việc tu hành của mình. Việc làm tối thượng này khó khăn vô cùng, nên lúc nào cũng phải lập chí kiên quyết, phải đi đến nơi đến chốn, phải làm cho thành tựu, không làm lưng chừng, không bỏ

dở. Dầu cho bao nhiêu thứ hấp dẫn ở ngoài lôi kéo cũng không thể được. Đời tu như vậy mới xứng đáng, mới có kết quả tốt đẹp.

Khi tôi cương quyết lên núi tu, lúc bắt đầu nhập thất thì tôi nguyện thầm với Phật rằng: "Nếu phen này nhập thất mà không thấy được gì khác hơn thì thà ở trong thất chết luôn chứ không ra." Nhờ nguyện đó mà tôi tu có những cái mới, những điều lạ mà trước kia tôi chưa từng biết. Vậy mới thấy, khi có tâm quyết liệt, làm việc gì cũng có kết quả. Ngược lại, làm việc gì cũng lừng chừng, không khẳng định thì tu khó thành công.

Bởi càng tu, càng bị duyên trần lôi kéo, ràng buộc. Mình phải ráng giữ lập trường cho thật vững. Khi tu mấy chú đi sâu rồi sẽ thấy, những người ham tu chừng nào lại có những chướng lớn chừng ấy, đó là nói theo phàm tục. Còn nói theo đạo, mình càng tu thì những thử thách càng mạnh, càng lớn. Những thử thách đó để mình vươn lên, vượt tới đỉnh, chứ đừng nghĩ là trở ngại. Nếu kiên quyết thì tất cả thử thách đều vượt qua, nếu không kiên quyết thì dễ đổ vỡ nửa chừng.

Mong rằng toàn chúng ráng tinh tấn, kiên quyết tu, tu phải tới nơi tới chốn, chứ không bỏ dở nửa chừng. Như vậy sẽ thành công đúng với sở nguyện của mình.

Ngày 13-11 Kỷ Mão (20-12-1999)

Buổi thỉnh nguyện hôm nay, trong chúng cũng có một ít lỗi nhỏ. Biết lỗi ra sám hối là bước tiến của người tu. Kế đây, tôi có ít lời nhắc toàn chúng.

Tất cả chúng ở đây, quý vị nhớ mỗi lần đọc lại Nội quy, trong đó có phần Lục hòa. Các nơi khác, khi làm lễ Bố-tát thì chỉ đọc giới luật, không có Lục hòa. Nhưng ở đây, tại sao tôi đặt Lục hòa quan trọng như giới luật? Tôi nói cho toàn chúng biết vì Lục hòa là điều kiện thiết yếu của chư tăng sau giới luật. Nếu phạm giới luật là có tội, thì phạm Lục hòa cũng phải có tội, tội trong Lục hòa là tội gì**?**

Chúng ta là Tăng, chữ Tăng đọc theo tiếng Phạn là Samgha, theo phát âm là Tăng-già, dịch nghĩa là hòa hợp chúng, một tập thể sống hòa hợp vui vẻ với nhau gọi là Tăng. Nếu sống trong một tập thể mà không hòa, không vui với nhau được là mất nghĩa Tăng rồi. Như vậy, phạm Lục hòa thì không xứng đáng là một vị tăng. Nếu không xứng đáng là một vị tăng thì dù ở trong chùa cũng không phải là người tu. Vậy nên, tôi thấy nghĩa Lục hòa là thiết yếu, là xương tủy của người tu, chứ không phải thường. Tôi cho chúng mỗi tháng đọc một lần để nhớ Lục hòa là gốc, là nền tảng của sự tu hành. Thiếu Lục hòa là thiếu tư cách một vị tăng, trong chúng phải nhớ rõ. Sở dĩ chúng ta không đoàn kết được với nhau là vì không có hòa hợp.

Nếu người tu không hòa hợp với nhau thì đã mất đạo lý. Bởi người tu là người có từ, bi, hỷ, xả. Lúc nào cũng thương yêu, cũng tha thứ những lỗi lầm của mọi người. Người tu mà thù nhau, giận nhau, ghét nhau thì còn gọi là từ, bi, hỷ, xả nữa không? Nếu không từ bi hỷ xả thì đâu còn tư cách người tu! Nên trong chúng phải nhận định chín chắn ý nghĩa Lục hòa. Huynh đệ sống chung, người nào cũng có lỗi, có xấu, chứ không ai hay hoàn toàn. Nếu có người mắc lỗi thì mình phải thương nhắc, nhắc không được thì thông qua, tha thứ cho họ. Sống như vậy trong tập thể mới được an vui. Còn nếu có người phạm lỗi mà mình cố chấp, giận hờn là không có tinh thần tha thứ, hỷ xả, thì làm sao hòa với nhau được.

Kế đó nữa, nói đến tinh thần Lục hòa, ngày xưa tôi thấy rất buồn. Nhìn vào trong chùa, nhìn vào tinh thần tập thể trong Giáo hội, có khi huynh đệ không thương nhau, giành hơn giành thua, cãi lẫy, có khi hung dữ với nhau, tôi rất đau lòng. Tôi nghĩ rằng: mình là người tu, mình phải thương yêu, tha thứ cho tất cả. Vậy mà huynh đệ mình không thương, không tha thứ được thì thử hỏi mình tu với ai đây? Chắc là tu với Phật thôi, còn với chúng mình không tu? Mà Phật đâu có cần mình tu với ngài. Phật dạy mình tu với huynh đệ, với mọi người, với tất cả chúng sanh. Vậy mà chúng ta cứ chân thành lễ bái Phật, gọi đó là tu; còn đối với huynh đệ không có một chút lòng thương, không hòa hợp, không tha thứ, không hỷ xả được với nhau. Nên sự tu không nghĩa lý gì hết.

Ở trong chúng, trong huynh đệ mà lục đục, cắng đắng, giận hờn thì ra ngoài xã hội làm sao giáo hóa được người khác. Chính bản thân mình, tập thể mình đã tệ như vậy, thử hỏi dạy ai, hướng dẫn ai. Nên tôi thấy, đó là điều hết sức quan trọng.

Quý vị thấy, chúng ta tu mà tâm cứ cố chấp, không hỷ xả, không tha thứ thì khi ngồi thiền được yên không? Hay ngồi cứ nhớ người này rồi buồn, nhớ chuyện kia lại giận. Nếu nhớ những điều buồn giận thì rất khó đuổi được, khó buông được, nó cứ lảng vảng trong đầu hoài, không yên thì làm sao định. Chính tâm cố chấp đó phá hoại sự tu hành của mình. Cho nên từ trên xuống dưới phải tập sống đúng tinh thần Lục hòa, sống trong hòa thuận.

Trong Lục hòa, có *khẩu hòa vô tránh*, tất cả chúng ta thực hiện được chưa? Vô *tránh* hay còn *tránh?* Chữ tránh là *tranh hơn,* chứ không phải là tránh xa đi. Lời nói của mình luôn luôn hòa thuận, nhỏ nhẹ, không tranh hơn, không cãi lẫy với nhau, gọi là khẩu hòa vô tránh. Điều đó chúng ta đã thực hành được hay lâu lâu còn cãi?

Thứ ba là *ý hòa đồng duyệt*. Nghĩa là ý vui vẻ hòa thuận với nhau, không có khúc mắc, không có giận hờn. Điều này không dễ làm, đại chúng làm được không?

Như vậy trong sáu điều hòa, mới nói có ba phần đầu thân khẩu ý, mà đã thấy khó rồi. Những điều hòa này, nếu mình làm không được, vậy còn xứng đáng với ý nghĩa Tăng hay không?

Đó là những câu hỏi tôi đặt ra cho quý vị thấy sự tu của mình, nói thì rất dễ mà thực hành thì không dễ. Cho nên mỗi người phải tha thiết, phải chân thành dẹp bỏ bản ngã riêng tư. Sống với huynh đệ trong chùa làm sao chỉ đủ ba cái hòa là thân khẩu ý thôi, cũng tốt rồi. Tôi chưa đòi hỏi đủ Lục hòa. Quý vị nên nhớ, nếu không hòa thì không hợp, có hòa mới có hợp, nếu không hợp thì làm sao tu, làm việc, sống với nhau được. Sống mà không hợp thì cuộc sống sẽ chống trái, bực bội; nên phải có Lục hòa.

Ở đây tôi chỉ nói có ba hòa, phải thực hiện cho được. Thực hiện được ba điều đó thì sự tu hành sẽ tiến mạnh và có kết quả tốt. Nếu không thực hành được thì tu khó tiến, dù chúng ta ngồi thiền nhiều giờ, nhưng chưa hòa với nhau thì ngồi thiền chỉ là hình thức, tâm chưa thanh tịnh được.

Tôi nhắc toàn chúng, mình đã quyết chí tu, lìa bỏ gia đình, cha mẹ để vào chùa thì phải cho xứng với việc tu, chứ không nên tu lưng chừng, tu để mà tu. Phải tu cho thành công, có kết quả, cho bản thân mình thành một người đạo đức chân thật, để làm lợi ích cho nhiều người, vậy mới tròn bổn phận. Muốn làm một người đạo đức thì mọi giận hờn, buồn phiền, ganh ghét phải dẹp bỏ hết, không để cho trỗi dậy trong lòng, để tâm thanh tịnh tu hành, mới có đầy đủ đạo đức.

Khi gặp Phật tử yêu cầu thầy giảng đạo cho nghe, có khi nào quý vị nói: "Thỉnh thoảng thầy còn sân mà giảng cái gì?" Có dám nói **vậy** không? Hay vẫn giảng nói ngon lành, bảo tu phải thế này thế kia... Giảng cho Phật tử nghe hay lắm mà thỉnh thoảng thầy cũng sân như thường. Đó là khuyết điểm, nói được mà làm chưa được. Đáng hổ thẹn! Nên quý vị phải nhớ, thực hành được, rồi dạy người, mới có giá trị thật.

Quý vị là huynh đệ, người tu với nhau, chỉ khác chút ít là người tu trước, người tu sau, người giữ giới nhiều, người giữ giới ít. Chứ thật sự đồng một lý tưởng, tu cầu giải thoát sanh tử, mà đã quyết tâm cầu giải thoát sanh tử thì chuyện hơn thua chút ít có nghĩa lý gì. Chuyện sanh tử mới là trên hết. Vậy mà tôi thấy, nhiều khi chuyện nho nhỏ mà cũng không buông xả, không tha thứ cho nhau thì sao làm việc lớn.

Do đó, tôi nhắc toàn chúng, mình muốn làm việc lớn cho đạo, để cứu độ chúng sanh thì phải thực hiện được những điều tốt, điều hay ngay nơi bản thân mình và với tất cả huynh đệ. Những lúc cùng chung sống tu hành, cùng hợp sức với nhau lo làm việc, đừng bao giờ mở miệng ra cứ nói là mình phải có trách nhiệm cứu độ tất cả chúng sanh. Trong khi đối với huynh đệ thì hờn người

này, giận người kia, cãi lộn người nọ, thì lời nói cứu độ chúng sanh ấy chỉ là ảo tưởng, không thực tế.

Mong tất cả quý vị phải nhớ Lục hòa là bản chất, là nền tảng, là cốt tủy của người tu. Thiếu nó thì người tu mất hết giá trị. Tất cả toàn chúng nhớ đó mà thực hiện cho được, cho thấm nhuần, ứng dụng cho được, xứng đáng là một vị tăng, không xấu hổ với danh hiệu của mình. Đó là chỗ mong mỏi của tôi.

Ngày 14-12 Kỷ Mão (20-01-2000)

Tôi có ít lời nhắc nhở toàn chúng. Như trong Nội quy đã giải thích rõ, khi tu có những chướng ngại từ nơi bản thân hoặc là ngoại cảnh. Người nào tu cũng gặp, không phải chỉ riêng người nào.

Trước hết tôi nói ngoại cảnh. Ngoại cảnh chướng như thế nào? Chướng ngoại cảnh là người ở gần mình, chung quanh mình không hòa hợp, không thuận thảo mà sanh chướng với nhau. Nếu mình với huynh đệ không hòa thuận thì càng gần càng thấy phiền. Chướng ngại là do nội tâm mình còn chấp, còn phiền não, chứ không do người khác. Vì vậy, nếu thấy người chung quanh không hợp với mình, mình phải tìm đủ cách điều phục bản thân để vui vẻ, hòa hợp với mọi người.

Kế nữa là hoàn cảnh bên ngoài. Thí dụ mình chưa tu thì đủ ăn, đủ mặc, đủ tiền thuốc thang. Bây giờ đi tu thì ăn mặc đều thiếu thốn. Hoàn cảnh không thuận lợi, đó cũng là chướng. Tôi nhắc cho tất cả thấy.

Thứ nhất, nếu chúng ta tu mà không giải được những chướng ngại đó thì nó làm phiền lụy cho mình và những người khác. Nếu cảm thấy chung quanh mình người này, người nọ, người kia là những cái gai làm phiền hà mình thì nhất định tu hành không yên ổn được. Muốn cho sự tu hành an ổn thì mình với mọi người phải hòa thuận, vui vẻ với nhau.

Nếu gặp chướng bên ngoài là những người cùng tu, cùng ở chung với mình mà không thuận không hợp thì quý vị phải nhớ rằng: Chúng ta vì thấy được gốc sanh tử là đau khổ nên muốn giải thoát mà đi tu. Vậy sanh tử là việc lớn chứ không phải nhỏ. Còn chuyện hơn thua phải quấy, qua lại với nhau là chuyện nhỏ. Ngày mai chết đi, nếu mang nghiệp phải trầm luân muôn kiếp thì ai cứu mình. Nếu vì chuyện nhỏ mà ôm ấp thì khổ không biết chừng nào ra khỏi. Vì vậy, những thứ nhỏ nhặt đó bỏ qua hết. Chỉ một tâm niệm tu cho tâm được thanh tịnh, được sáng suốt, để giải thoát sanh tử. Đó là việc trọng tâm của mình. Còn mọi sự vui buồn của những người chung quanh đều không đáng kể. Nhớ như vậy thì gỡ được chướng ngoại cảnh, về người chung quanh.

Thứ hai, về ngoại cảnh là sự thiếu thốn không đầy đủ. Mình nhớ rằng, người tu là người không sợ chết. Tại sao không sợ chết? Vì trên đường tu, mình là người có trí tuệ, thấy rõ sanh tử chực sẵn bên mình, không thể hẹn, không thể chờ đợi. Cho nên giờ phút nào cũng có thể là giờ phút cận kề cái chết. Nhớ vô thường chực sẵn đó nên ta không sợ mình chết vì thiếu ăn thiếu mặc, thiếu thuốc thang. Cái chết luôn chực sẵn rồi. Không sợ chết, mình dễ qua khỏi bệnh hoạn, còn nếu sợ thì bệnh hoạn càng tăng, cái chết càng tới mau hơn. Bởi vậy, người tu phải có ý chí quyết liệt, nhất định sẽ thắng, vượt qua mọi khó khăn trở ngại. Người không sợ hãi thì dễ đạt được kết quả.

Đó là tôi nói ngoại cảnh. Còn bản thân chúng ta thì có hai phần, về thân xác thịt này và nội tâm có những gút mắc không giải quyết được, đó cũng là chướng ngại. Quý vị thấy, tất cả chúng ta mang thân này có nhiều chướng. Như trong kinh, đức Phật đã nói ái dục là bệnh nặng nhất của con người, nếu có cái thứ hai bằng nó thì thế gian này không ai tu được. Thành ra bệnh ái dục là bệnh đứng nhất. Ái dục là bệnh của bản thân, mang thân người thì đều có. Tại sao vậy? Vì chúng ta sanh trong cõi Dục. Đức Phật đã nói rõ, do sanh ra từ ái dục cho nên mầm ái đã có sẵn trong mỗi người chúng ta. Vì vậy nó là chướng ngại.

Nhiều người lúc ở Phật học đường, rất ham tu, nhưng bệnh ái dục làm trở ngại, có khi gây ra chứng di tinh, mộng tinh, cũng có người kìm chế không được, phải ra đời. Cho nên bệnh ái dục rất nặng, đó là bệnh của bản thân, ai cũng có, ít hoặc nhiều. Quý vị nghĩ, đó là bệnh bất kham, bất khả trị, nhưng nếu biết bệnh đó gốc từ ý niệm, khi ý niệm còn luyến ái đối với người khác phái thì bệnh ái không thể dừng được. Chỉ khi nào đối với mọi người, tâm dửng dưng không dính mắc thì tự nhiên sẽ hết. Chứ không phải là không hết được.

Trên đường tu, Phật tổ dạy đừng để tâm sanh luyến ái mà luôn luôn tìm cách tiêu diệt nó, dùng quán bất tịnh, quán vô thường, hoặc quán duyên hợp... để thấy thân không ra gì rồi nhàm chán, không nghĩ đến, lần lần nó sẽ khô cạn. Đó là chướng nơi thân, ngoài ra còn nhiều chướng khác như bệnh hoạn chẳng hạn.

Còn chướng ngại nơi tâm. Tâm là đầu mối tạo nghiệp, gây tội lỗi, cũng là đầu mối tạo những phước đức. Bởi vậy, phải biết rõ để làm chủ tâm mình. Nếu tâm nặng thị phi, hơn thua phải quấy thì không lúc nào được bình an. Không có buổi giảng nào mà tôi không nhắc, không đả phá tâm cố chấp, tâm hơn thua, phải quấy. Vì tâm đó là tâm sanh diệt, vô thường. Nếu nhận nó là mình thì bị trầm luân sanh tử. Chúng ta phải gạt bỏ nó ra, để sống với tâm an nhiên tự tại, đó là nhân của giải thoát.

Khi tu, nội tâm là chướng lớn, có những thứ muốn bỏ mà bỏ không được, vì vậy rất khó điều phục. Chúng ta phải nghiêm túc, quyết tâm dẹp trừ thì mới

có thể hết. Nếu không, nó là đầu mối dẫn chúng ta đi sanh tử nơi này nơi kia, không bao giờ ra khỏi. Đó là tôi nói chướng của tâm phân biệt hơn thua.

Còn chướng chúng ta thường gặp là chướng vọng tưởng nhiều thứ. Vọng tưởng phải, quấy, hơn, thua đủ chuyện. Đó cũng là chướng. Tại sao? Vì có vọng tưởng tức là bị mê lầm. Như tôi đã nói thí dụ, nhìn vào mặt gương, do mặt gương trong sáng nên thấy bóng hiện. Nếu có bóng người hoặc bóng vật hiện trong gương, thì khi nhìn trong gương, lúc đó chúng ta thấy bóng người, vật, không thấy mặt gương. Rõ ràng thấy bóng thì quên gương.

Nội tâm chúng ta có những vọng tưởng, chúng ta vừa theo vọng tưởng thì không thấy được tâm chân thật. Cho nên muốn nhận, muốn thấy được tâm thật thì bóng phải lặng. Mặt gương có sẵn, mình thấy bóng quên mặt gương, chứ không phải mặt gương trốn đi đâu. Chỉ khi nào không thấy bóng thì thấy được mặt gương. Bóng là chỉ cho vọng tâm, mặt gương là chỉ cho tâm chân thật. Tâm chân thật lúc nào cũng hiện tiền, chỉ vì mình theo bóng nên quên gương. Bởi vậy nên tu phải định tâm thì thể chân thật sẽ sẵn đủ, không thiếu.

Vì vậy, khi chư tăng tu, chướng lớn nhất là chướng nội tâm. Khi mê, nghĩ vọng tưởng là tâm thì muôn đời không thấy được tâm chân thật. Chỉ tâm vọng tưởng lặng thì tâm chân thật hiện tiền. Quý vị ngồi thiền có kinh nghiệm, phút giây nào tâm không còn một niệm dấy khởi mà tỉnh táo không ngủ, lúc đó có biết không? Nếu không biết thì làm sao biết không dấy niệm. Thấy rõ mình không dấy niệm là tâm đang biết. Khi đó, gió thổi qua thân mát biết mát, muỗi kêu biết muỗi kêu...

Như vậy, cái tâm thật trùm khắp, nhưng khi có vọng tưởng thì không thể cảm nhận được. Quý vị cố gắng tu cho tâm vọng tưởng lặng, thì khỏi tìm kiếm cái chân thật, nó cũng hiện tiền. Còn cứ mơ ước, mong thấy tâm chân thật mà không hết vọng tưởng thì trông hoài, kiếm hoài cũng chẳng ra. Đó là lẽ thật!

Cho nên, chúng ta tu, một là dẹp chướng ở ngoài gọi là ngoại cảnh, hai là dẹp chướng của bản thân. Phải dẹp bỏ những thứ đó thì trên đường tu, sự giác ngộ không phải là khó. Còn nếu không khéo, không biết dẹp, không biết bỏ thì đường tu sẽ thiên nan vạn nan.

Tôi nhắc cho tất cả nhớ chú ý để vượt qua, không nên vì một, hai cái chướng mà thối tâm Bồ-đề, hủy hoại nguyện lớn của mình, bỏ mất tâm chân thật mà mình đang mong mỏi đạt được. Mong tất cả chư tăng ráng tiến tu để thành tựu đạo quả giải thoát, không nên vì những chuyện không đáng mà bận bịu, phiền hà.

Ngày 13-01 Canh Thìn (17-02-2000)

Đầu năm, những vị tu trước hoặc mới tu đều thấy lỗi, thành tâm sám hối, đó là điều tốt. Chúng ta tu, ai cũng có sơ sót lỗi lầm, điều đó không ai tránh khỏi. Nhưng lầm lỗi mà biết sám hối, biết tránh, để chừa lỗi là điều hay. Chỉ những người có lỗi mà giấu giếm, có lỗi mà làm mãi, mới là không tốt, là bệnh, lâu ngày không thể cứu được.

Trong kinh Phật có dùng thí dụ: Như cái mụt ghẻ làm mủ, nếu biết điều trị thì từ chỗ làm mủ đó mình mổ, nặn hết mủ ra, rửa sạch khâu lại, thì nhất định mụt ghẻ sẽ lành. Trái lại, đã có mủ rồi mà cứ giữ kín hoài, không mổ, không nặn ra thì mủ sẽ gây nguy hiểm cho cơ thể.

Cũng như vậy, người có lỗi mà cứ âm thầm giấu giếm thì từ lỗi nhỏ thành lỗi lớn. Lần hồi thành những lỗi lớn hơn nữa. Tới một ngày nào đó nó phát tác ra thì tổn đức hạnh, mất sự tu hành. Cho nên, biết có lỗi, sám hối chừa cải là điều rất tốt.

Trong nhà Phật thường dạy phải thành tâm sám hối. Nếu mỗi vị, ai cũng thấy chỗ sơ suất của mình rồi cố gắng chừa bỏ, sám hối thì chắc rằng toàn chúng sẽ thanh tịnh. Tu vậy, đức hạnh của chúng càng tăng trưởng, thiền viện cũng được nhiều người kính quý. Còn nếu trong chúng không khéo tu, để cho đức hạnh suy giảm thì tiếng tốt, giá trị của thiền viện cũng theo đó suy giảm. Vậy, tôi mong toàn chúng, mỗi vị phải tự kiểm lại mình, ai nấy đều cố gắng gìn giữ, tự mình đã tốt, lại còn làm tốt đẹp cho tập thể thì phước đức tăng trưởng vô cùng.

Đầu năm, tôi nói thêm phần công tác của tôi, trước hết là phần xây dựng, kế là phần in ấn và sau đó là phần tăng ni tu hành cho đắc lực. Phần xây dựng, quý vị nhìn qua các thiền viện từ ngày thành lập tới nay, ở đây, ở Thường Chiếu, ở Chơn Không và các nơi đều được khang trang, tốt đẹp. Khi làm tôi không kêu gọi, mà chỉ tuyên bố tôi làm cái gì đó hoặc sửa chùa, hay cất nhà khách chẳng hạn, thì Phật tử sẵn sàng giúp đỡ để tôi làm Phật sự được dễ dàng. Đó là phước do tôi cố gắng lo cho tăng ni, cố gắng dạy dỗ Phật tử tu. Mình biết tu, dạy người biết tu thì phước đức rất lớn.

Gần đây, người ta hiểu lầm, ngỡ rằng tu là phải làm việc từ thiện bên ngoài nhiều, mới gọi là từ bi, là phước đức. Còn nếu chỉ giảng kinh, dạy đạo cho tăng ni là tiêu cực, không từ bi nên không đủ phước. Hiểu như vậy là sai lầm. Nếu chúng ta đem hết tâm lực của mình dạy chúng, giảng dạy cho Phật tử để họ hiểu đạo, biết đường tu, đó là bố thí lớn.

Trong ba sự bố thí: bố thí tài, bố thí pháp, bố thí vô úy thì bố thí pháp được Phật khen ngợi, khuyến khích hơn cả. Chư tăng đừng nghĩ mình phải ra ngoài làm được nhiều việc mới gọi là từ bi. Mà chính mình hiểu đạo sâu, thấy rõ rồi

đem chỗ hiểu, chỗ thấy chánh pháp đúng đắn đó để truyền bá, chỉ dạy cho mọi người. Như vậy, phước đức sẽ tăng trưởng.

Quý vị nhìn việc tôi làm sẽ thấy, tôi chưa có đi đâu, chưa làm được gì, nhưng tôi cứ lo cho tăng ni tu học đều đặn, không thối chuyển và không thiếu sót. Việc làm đó phước đức được tăng trưởng, nên ngày nay muốn làm gì thì được tùy duyên mãn nguyện. Đó là việc thứ nhất về kiến thiết.

Thứ hai là in ấn kinh. Tôi có nguyện phải làm sao sách Phật giáo Việt Nam còn lưu truyền lại từ đời Lý đời Trần trở về sau này, những quyển còn sót lại, thấy hay, tôi đều dịch hoặc là giảng ra cho tăng ni học. Việc in ấn để truyền bá rộng rãi, tôi đã khởi sự làm từ năm 1996 đến ngày nay, đã bốn năm rồi. Tôi định một năm in hai quyển, mỗi quyển in ra phí gần một trăm triệu. Mà mỗi năm in hai quyển thì tôi phải có hai trăm triệu. Thiền viện có một phòng phát hành, nhưng thật ra không thấm vào đâu hết. Tôi có tiền in kinh sách là do Phật tử phát tâm. Nghe tôi làm việc đó, họ thấy hợp chánh pháp nên ủng hộ. Mỗi khi in cuốn sách nào đó thì họ phát tâm ủng hộ, ấn tống năm ngàn, ba ngàn quyển. Vì vậy mình chỉ in thêm một, hai ngàn quyển, rất là nhẹ tiền. Nhờ vậy, mỗi năm đều in được hai quyển, từ 1996, 1997, 1998. Đến năm 1999, còn bốn quyển cũng in được luôn. Vậy năm nay chi phí khoảng chừng bốn trăm triệu.

Như vậy, quý vị thấy, một lúc tôi vừa xây dựng, vừa in kinh sách, ai cũng tưởng tôi giàu, tiền đâu mà nhiều vậy? Tôi có làm ra tiền không? Chẳng qua là việc làm của mình hợp đạo lý, đúng chánh pháp thì Phật tử hưởng ứng, nên họ chung lo với mình. Cho nên khi hô làm gì thì mọi người đều giúp đỡ, tôi làm được mãn nguyện.

Như vậy, tiền in kinh sách mấy năm nay, nếu tổng cộng lại rất là lớn, không phải nhỏ. Trong đó thật tình có một số để phát hành, nhưng không thấm vào đâu, không đủ đâu. Nhờ Phật tử hùn tiền lại, họ ấn tống, nên mình in kinh sách để phát cho tăng ni ở các thiền viện, hoặc ở các trường, để họ có đọc. Sở nguyện của tôi muốn làm tròn trong năm này, tất cả đều được mãn nguyện.

Còn nguyện thứ ba là làm sao cho tăng ni tu hành, có được đầy đủ phước đức, trí tuệ, thấy đạo đúng như thật, tự mình có đủ lòng tin tu hành tiến tới viên mãn. Để sau này, đem chỗ thấy của mình chỉ dạy cho những người khác. Việc đó là quá tầm tay của tôi rồi, phải không? Phần đó tôi chỉ có thể kêu gọi chư tăng chư ni *ở* đây và trong các thiền viện phải cố gắng, phải nỗ lực, mới hoàn thành tâm nguyện của tôi.

Làm sao trong những năm tôi còn có mặt, quý vị cố gắng tu, cố gắng giữ gìn, đừng để cho tâm mình phóng túng buông lung, để dần được an định. Nhờ sức tu đó, khi có cơ hội nhập thất, càng phát triển mạnh thì sẽ thành công. Tôi

trông đợi ở tăng ni, phải cố gắng, tu cho được kết quả, thì tôi mới tròn bản nguyện. Còn nếu tăng ni tu trật vuột, trồi lên tuột xuống thì tôi rất buồn.

Như vậy, trong hai phần, phần xây dựng, phần in kinh sách, nhờ Phật tử ở ngoài ủng hộ, tôi làm xong. Còn phần thứ ba, tăng ni tu cho có kết quả, thì đó là trách nhiệm của tăng ni.

Ở ngoài, mọi người đã cố gắng làm cho tôi được toại nguyện. Đó đều là do lòng tốt của Phật tử, kẻ ít lòng nhiều, gom lại giúp tôi. Tôi làm xong các việc đó là do lòng tín thành của Phật tử. Tới phần tu ở trong. Bây giờ, tăng ni phải làm sao? Làm lừng chừng để tôi thất vọng thì không tốt. Tất cả quý vị phải có bổn phận tu, ứng dụng cho được đạo lý mà mình đã học hiểu. Làm sao mai kia, lời nói của mình phát từ trí tuệ, thấy đúng như thật. Từ tâm trong sáng, thấy suốt của mình, chứ không phải bắt chước, học lóm mà nói ra.

Tu vậy thì những lời mình nói ra là sự thật, không có dối, không có gạt ai. Nói để mọi người thấy được chỗ siêu thoát của đạo. Nói để họ thấy được sự quý giá của Phật pháp. Như vậy thì phước của quý vị sẽ tăng. Khi quý vị làm được việc đó thì tôi rất mãn nguyện.

Vậy mong rằng sang năm mới này, tất cả chư tăng bên đây, cũng như chư ni bên kia đều nỗ lực tu, để có kết quả tốt cho tôi được mãn nguyện. Chứ hai phần ngoài thành công, còn phần ở trong không được kết quả thì đó là nỗi buồn của tôi, mà cũng là sự thất vọng của Phật tử, họ trông đợi mà không được như nguyện. Mong chư tăng cố gắng tu hành trong năm mới này.

Ngày 13-02 Canh Thìn (18-03-2000)

Phần thỉnh nguyện xong, những người có lỗi nhỏ cũng đã sám hối. Giờ tôi có ít lời nhắc nhở toàn chúng. Tất cả chúng ta là người tu theo Phật thì phải đủ hai điều kiện thiết yếu.

Điều thứ nhất là phải giác ngộ, điều thứ hai là phải từ bi. Người tu Phật mà không giác ngộ tức là không phải đệ tử Phật. Nếu giác ngộ mà không từ bi thì cũng không xứng đáng. Vì vậy, giác ngộ và từ bi là hai điều mà người vào đạo cố gắng thực hiện cho được.

Muốn giác ngộ phải nhờ thiền định. Thiền định thì phải có ngồi thiền. Tâm an định mới có thể giác ngộ được, nên nói định tuệ là vậy. Toàn chúng đều nhắm mục đích giác ngộ, nên phải cố gắng ngồi thiền. Tu thiền để tâm thanh tịnh, lặng yên, tâm thanh tịnh lặng yên thì trí sáng, đó là trí tuệ. Đó là điều kiện không thể thiếu.

Vì vậy kẻ cũ người mới đều phải nỗ lực, cố gắng tọa thiền cho tâm được yên định. Cố gắng tu rồi sẽ có kết quả như sở nguyện của mình. Nếu không thì

dù tu trọn một đời cũng không đi tới đâu. Mong tất cả nỗ lực tu hành cho có kết quả tốt, đó là điều thứ nhất.

Điều thứ hai là từ bi. Từ bị tức là thương người, thương vật, thương tất cả chúng sanh. Nhưng gần đây, có những người lầm lẫn chữ thương này, rồi đi tới tâm ái dục. Nói tới từ bi là người ta lại nghĩ đến tình thương, phải không? Tình thương là thương hợp đạo lý. Có những cách thương phi đạo lý, tôi giản trạch cho quý vị biết.

Người tu phải có tâm từ bi, là tâm thương tất cả mọi người, thương đến loài vật, mà thương để làm gì? Thương để độ họ, thương để khiến họ được thức tỉnh, được giác ngộ, để giải thoát sanh tử. Đó là tình thương của lòng từ bi. Nếu tình thương mà cột trói, hoặc có tính cách riêng tư, thì không phải từ bi. Quý vị nhớ cho thật kỹ. Vì với người nào đó mình có cảm tình, thương rồi bênh vực, rồi tìm mọi cách gần gũi... thì tình thương đó gọi là ái kiến, chứ không phải từ bi. Vì thương người đó, nên dầu người đó sai, mình cũng vẫn bênh vực, họ có tội mình cũng tìm cách cứu cho hết tội, để thỏa mãn lòng thương của mình. Đó không phải là từ bi mà thuộc về ái kiến. Hoặc vì thương người đó, mà tìm cách này cách nọ để gần gũi, thân cận thì sự gần gũi thân cận đó không phù hợp đạo lý.

Có đôi khi tôi rất thương chư tăng, chư ni còn trẻ mà đi tu. Vì con người ai sống cũng có tình cảm, mà tình cảm đó bị nhầm lẫn biến thành sự luyến ái, luyến ái khác phái hoặc đồng phái. Nếu luyến ái khác phái thì nguy hiểm dẫn tới không còn tu được. Ở đây, căn cứ theo giới luật, cấm kỵ không cho phép gần gũi người nữ một cách bất thường, hay không đúng với nguyên tắc trong thiền viện, nên phải tránh duyên, không bị cột trói tình cảm với người khác phái. Nhưng, người đồng phái sống ở gần bên cạnh, rồi quý vị cũng có cảm tình riêng, cũng có những hành động trái với đạo lý. Đó cũng là tội lỗi.

Thế gian hiện giờ người ta đang tranh luận về tình trạng đồng tính luyến ái và dị tính luyến ái. Dị tính luyến ái thì người ta cho đó là hợp lý, tại sao? Nếu dị tính luyến ái, tức là nam nữ thương nhau để gầy dựng giống nòi thì thế gian chấp nhận. Vì con người sanh ra phải tiếp tục truyền giống, hết lớp này cho tới lớp khác. Còn đồng tính luyến ái thì có khác, nó có truyền gì không? Nó không có truyền gì hết mà chỉ là tâm tham ái trói buộc. Vì vậy nhiều người không dễ chấp nhận.

Ở trong đạo, vì muốn thoát khỏi vòng trần tục, muốn được giải thoát sanh tử nên mình bỏ cả hai thứ tình cảm khác phái lẫn tình cảm đồng phái. Người tu phải đem hết tâm thương mến mọi người, thương mến chúng sanh. Vì họ là những người đáng thương, đang đau khổ trầm luân trong sanh tử, giống như mình đã từng trải qua. Vì vậy, mình muốn thoát ly sanh tử, theo con đường

giác ngộ giải thoát thì không nên cột trói nhau, làm khổ lụy cho nhau, lại trái với đạo lý.

Tôi mong toàn chúng phải có tâm từ bi bủa khắp mọi người, mọi loài. Nhưng cấm kỵ không để có tâm luyến ái với người đồng phái hoặc khác phái. Đó là tâm luyến ái, cột trói mình đi mãi trên đường sanh tử. Đừng bao giờ để vướng mắc điều đó.

Tất cả trong chúng từ người lớn đến người nhỏ, ai cũng nghĩ vì giải thoát sanh tử, nên tu để cứu độ chúng sanh. Phải nuôi dưỡng lý tưởng cao siêu đó, đừng bao giờ quên. Những cảm tình thô thiển, tầm thường, tạm bợ, phải gạt qua một bên. Mình là người có trách nhiệm đem ánh sáng trí tuệ giáo hóa chúng sanh, vì lý tưởng đó, không nên bị những thứ mờ ám, nhỏ mọn của tình cảm làm cho tăm tối. Như vậy, sẽ không xứng đáng với bản nguyện của mình, mà còn tủi nhục cho một đời tu hành không đến đâu.

Mong tất cả chư tăng đều phải ý thức điều đó mà cố gắng vươn lên, cho xứng đáng là con nhà họ Thích. Nên phải là người tu giác ngộ giải thoát, không có một lối nào khác. Mong tất cả cố gắng tinh tấn tu hành, đừng để mất thời gian quý báu.

Ngày 13-04 Canh Thìn (16-05-2000)

Buổi thỉnh nguyện cũng chỉ một ít vị có sai lầm, đa số không có lỗi, đó là điều tốt. Giờ tôi có ít lời nhắc nhở toàn chúng.

Điều tôi nhắc nhở quan trọng đối với bổn phận một vị tăng trong đoàn thể Tăng-già. Tăng-già là một số người chung sống hòa hợp với nhau để tu hành. Nếu tách rời từng cá nhân, thì đó không phải là Tăng. Như vậy, nghĩa Tăng rất quan trọng ở chỗ hòa hợp, nên đức Phật đặt ra Lục hòa cho chúng tăng chung sống. Tại thiền viện lấy tinh thần Lục hòa làm căn bản, đó là chúng ta sống đúng với ý nghĩa Tăng.

Tất cả chư tăng ở đây ai cũng phải thuộc lòng, phải nhớ Lục hòa. Mỗi người chúng ta đều mang nghiệp từ quá khứ nên đều khác nhau, không ai giống ai. Chúng ta được sanh ra đời, người thì ở gia đình này, người ở gia đình khác. Đồng thời, tập tục ở mỗi nơi, mỗi gia đình... cũng không giống nhau. Bây giờ hòa hợp chung một chỗ để tu, thì đương nhiên do nghiệp quá khứ không giống nhau, do tâm tư hiện tại cũng không giống nhau, nên chắc rằng chuyện đụng chạm, không bằng lòng nhau xảy ra là thường, không có gì lạ.

Đừng bao giờ có ý nghĩ người kia giống hệt như mình hoặc ngược lại mình giống hệt người kia, chuyện đó không thể có. Chúng ta có giống nhau một điều, quý vị biết điều gì không? Đó là chúng ta đã gieo được chủng tử Phật pháp đời trước, nên đời này cũng được tiếp nối chủng tử đó. Đó là chỗ chúng ta giống

nhau, còn tất cả những tâm tư, những thói quen, nghiệp cũ thì sai biệt nhau rất nhiều. Mỗi người đều có cái hay riêng, cũng có cái dở riêng. Vì vậy mà trong cuộc sống, không ai hoàn toàn chấp nhận ai.

Nhưng quý vị sống ở đây phải ráng tập. Người tu mà không chịu khó tập tâm Bồ-tát thì không thể làm Phật sự được. Tại sao? Vì làm Phật sự là phải điều chúng, mà chúng mỗi người mỗi ý, mỗi người mỗi thói quen khác nhau, nên rất khó điều. Bởi khó điều nên các vị A-la-hán khi chứng quả rồi, nhìn lại tập khí của chúng sanh quá nhiều nên các ngài ngán, các ngài nhập Niết-bàn cho xong, không muốn làm gì nữa.

Bây giờ, chúng tăng cũng vậy. Có nhiều người tu hành cũng khá, nhưng thấy chúng sanh phiền não nhiều quá, ngán không muốn độ, cất thất ở riêng tu. Vậy có giống tinh thần A-la-hán không? Chắc cũng hơi giống, giống chỗ thấy chúng sanh khó độ nên kiếm chỗ ở yên. Đó là tâm nghĩ cho riêng mình, không dám xông pha để làm lợi quần sanh. Làm lợi cho quần sanh là phải sống chung với nhau đông đảo, phải điều hòa, mà điều hòa được thì cuộc sống mới an vui, tu hành được, rồi mới làm lợi ích cho người khác.

Nếu sống mà phiền não nhau hoài thì không tu hành được. Nhìn kỹ lại, từ người này tới người nọ, khi phân công ra làm công tác chung, thì ít hôm có đụng chạm, hoặc ít hoặc nhiều, hiếm có khi nào được vui vẻ từ đầu đến cuối. Tôi thấy ở trong đạo, ai cũng quyết tu mà còn đụng chạm như vậy, thì ở ngoài đời chắc chắn cũng không tránh được điều đó.

Lúc trước, có một người tới hỏi tôi rằng, hai tư tưởng khác nhau như nước với lửa thì làm sao mà điều hòa. Tôi nói "có nước có lửa thì có cơm ăn", nghe thì rất bình dân. Có nước có lửa thì có cơm ăn, quý vị xét thử coi tại sao? Vì muốn có cơm thì đầu tiên phải có nước để vo gạo, rồi kế đó phải có lửa nấu mới chín. Vo gạo rồi nấu cơm mà không khéo điều phục lửa, nước thì nồi cơm ra sao? Nếu cơm chưa chín mà thiếu nước thì cơm sống, chín rồi mà cứ để lửa nhiều thì cơm khét. Như vậy, điều hòa nước lửa là điều thiết yếu để có cơm ăn.

Sống chung với nhau chúng ta phải điều hòa, mình có cái này hay, huynh khác có cái kia dở. Vì vậy mà tha thứ nhau những cái dở, đem cái hay của nhau mà chia sẻ, nâng đỡ để tiến tu, đó là biết điều hòa. Nếu nhìn chăm chăm cái dở, bỏ quên cái hay của người, đó chỉ là khơi dậy những đụng chạm, chống đối mà thôi, chứ không biết điều hòa. Lục hòa là bước đầu của nếp sống tập thể, thiếu Lục hòa thì đời sống không an ổn được. Không an ổn, không hòa hợp thì không phải là Tăng, vì Tăng là hòa hợp chúng.

Tất cả chúng ta ở trong tập thể, mỗi người mang mỗi tâm niệm khác nhau, nghiệp thức khác nhau, thì cuộc sống thế nào cũng có đụng chạm. Nhưng qua

những đụng chạm, chúng ta biết rồi tự bỏ, tự xả thì sự tu không thối chuyển, không lui sụt. Nếu một lần có phiền não, không vừa ý, là muốn bỏ, muốn xách gói đi thì tu không bao giờ tới đâu. Vì ở đâu cũng phải sống với nhiều người, nếu sống với nhiều người không được thì chẳng lẽ tu mà không ở trong chúng, không tới trường học sao!

Cho nên phải hiểu, sống là phải hòa. Muốn hòa thì phải biết mình - người có những thứ trái nghịch gì, để điều hòa nó thì sẽ thành công lớn. Cũng như khéo điều lửa điều nước thì cơm chín ngon để chúng ta có cơm ăn.

Như vậy, muốn làm việc lớn luôn cần có sự điều hòa khôn khéo. Chúng ta nhớ phải tự điều hòa, không phải đợi đến người lớn xử mới điều hòa, mà mỗi người tự điều hòa với nhau. Những cái bất như ý, chúng ta tự chuyển, tự sửa, tự nhắc nhở nhau để tránh nhiều lỗi lầm. Như vậy là biết tu. Nhiều khi mình không điều hòa được, xảy ra lủng củng hoài thì không tốt. Tăng thì phải hòa hợp. Đó là điều hết sức thiết yếu.

Bây giờ nói riêng về tập thể của chúng ta hiện giờ, *ở* tại đây. Mỗi người có mỗi trách nhiệm, mang mỗi bổn phận khác nhau, chúng ta làm sao để điều hòa. Guồng máy nào cũng vậy, đều có nhiều bộ phận. Bộ phận nào cũng chạy đều, êm thì guồng máy đó được tốt, hoạt động được kết quả. Nếu các bộ phận có trục trặc một hai cái thì guồng máy đó chạy không êm, không kết quả.

Ở đây, mỗi vị sau khi được cử mỗi một trách nhiệm, thì ở ngay phạm vi của mình, lãnh vực của mình, đừng giẫm đạp cũng đừng chen lấn lên lãnh vực của người khác. Người nào có bổn phận của người nấy, như vậy mới tốt. Chứ người này lấn qua người kia, người kia lấn qua người nọ, thì rốt cuộc, không ai có trách nhiệm hết. Người chịu trách nhiệm thì đổ thừa "tại người kia làm lấn qua". Người làm lấn qua thì nói "tại người đó không chịu làm, nên họ phải làm". Như vậy, rốt cuộc rồi bên này đổ qua, bên kia đổ lại, mà không ai chịu trách nhiệm. Tôi cũng không biết rầy ai.

Trong chúng khi nhận trách nhiệm thì mỗi vị đều phải làm tròn bổn phận của mình, đúng trách nhiệm của mình, đó là sự đóng góp lớn lao cho thiền viện. Còn nếu lãnh trách nhiệm mà không làm hoặc làm không tròn thì người đó bị tôi khiển trách, rầy quở. Nếu làm việc lộn xộn như vậy thì không biết đâu mà rầy, mà nhắc. Nên quý vị có trách nhiệm phải cẩn thận, làm việc đâu ra đó cho tròn bổn phận của mình. Nếu ai đó đi quá đà thì cho tôi biết, để tránh tình trạng người này đổ qua người kia, làm công tác của thiền viện bị hư hao mất mát, bị đủ thứ phê phán, chê cười.

Mong rằng quý vị lớn, có trách nhiệm, phải nhớ bổn phận của mình. Làm đúng nhiệm vụ của mình, giao việc gì thì làm tròn việc nấy. Còn ngoài bổn

phận của mình, ai muốn nhờ giúp thì thưa rõ ràng cho tôi biết, để khỏi xảy ra chuyện lôi thôi.

Đó là điều tôi nhắc tất cả, ai cũng phải làm tròn bổn phận được giao phó riêng, để phục vụ cho cái chung. Hòa hợp nhau, chung sức nhau làm để thu hoạch kết quả chung, không phải kết quả riêng cho cá nhân nào. Thí dụ, thiền viện Trúc Lâm có những bộ phận làm không chạy, bị người ta chê, thì đâu phải chê một hai người, mà chê tổ chức thiền viện bết như vậy. Nên ai ở trong thiền viện đều bị mang tiếng. Vậy nên mỗi vị nhận trách nhiệm phải khéo làm cho tròn. Nếu vì duyên nào đó làm không được thì phải trình trước để thay đổi. Chứ không nên, người được cắt đặt công tác thì không làm, người không có trách nhiệm thì lại làm, chuyện đó không thể được.

Đó là điều tôi nhắc nhở tất cả quý vị ở đây ý thức rõ ràng. Phải tổ chức sao cho mọi bộ phận đều lăn tròn, nhịp nhàng với nhau. Đừng để có sự trái nghịch mà hư hỏng việc lớn. Đó là lời khuyên nhắc hôm nay.

Ngày 13-05 Canh Thìn (14-06-2000)

Buổi thỉnh nguyện hôm nay, những vị tự thấy có lỗi đã thành tâm sám hối. Trong chúng cũng ít có lỗi, đó là sự tiến bộ trên đường tu. Sau đây tôi có ít lời nhắc nhở toàn chúng.

Tôi thường dạy Phật tử phải ráng loại bỏ tham sân si. Ba thứ độc này cần phải đuổi dẹp, không để nó hại mình. Tôi dẫn câu chuyện thời đức Phật.

Một hôm, Phật hỏi các thầy Tỳ-kheo rằng:

- Này, các Tỳ-kheo, nếu có ba con rắn độc chui vào trong thất của các ông, các ông ngủ có được yên không?

Các thầy Tỳ-kheo thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con ngủ không yên. Phật hỏi:

- Làm sao các ông ngủ mới yên.

Các thầy Tỳ-kheo thưa:

- Chừng nào chúng con đuổi hết ba con rắn độc ra khỏi thất thì ngủ mới yên.

Đức Phật bảo:

- Cũng vậy, tham sân si là ba con rắn độc. Chúng còn nguy hiểm hơn cả rắn độc nữa.

Nếu người nào còn tham, sân, si trong tâm, thì người đó sẽ còn khổ, còn nguy hiểm hơn ba con rắn độc. Tại sao vậy? Phật dạy, rắn độc cắn chỉ chết thân này, còn tham sân si tạo nghiệp thì luân hồi sanh tử, chịu khổ không biết bao

nhiêu kiếp, hết thân này đến thân khác, không biết bao giờ thôi dứt. Vì vậy tham sân si độc hơn ba con rắn độc.

Chỉ một con rắn độc chui vô trong thất thì mình ngủ đã không được, huống nữa là ba con. Như vậy, muốn cho mình được an ổn tự tại ở trong thất thì phải không dung chứa một con rắn độc nào. Còn có một con thì mình chưa an ổn. Trên đường tu ai cũng muốn tiến tới chỗ an lành tự tại giải thoát sanh tử, nhưng nếu còn tham sân si thì mình không bao giờ được an lành, đừng nói là tự tại giải thoát sanh tử. Bởi vậy, trên đường tu, chúng ta phải tiêu mòn, phải dẹp bỏ tất cả tham, sân, si thì mới mong tiến trên con đường giải thoát.

Tôi đọc ở trong A-hàm nói rằng, vị Tu-đà-hoàn tuy hết sân mà còn tham luyến nhẹ, nên còn phải bảy lần tái sanh, mới đi tới chỗ hoàn toàn giải thoát, chứng A-la-hán. Còn tham luyến nhẹ mà bảy phen luân hồi, huống là chúng ta còn nguyên tham sân si thì không làm sao giải thoát sanh tử được.

Tất cả chư tăng là người đứng ra lãnh đạo, hướng dẫn cho Phật tử tu hành, nhất là hướng dẫn cho đàn em, những người xuất gia sau này thì quý vị phải có trách nhiệm tự cố gắng dẹp bỏ tham, sân, si nơi mình. Nếu tham, sân, si nơi mình chưa dẹp được, thì giáo dục hay hướng dẫn người sau không bao giờ vuông tròn được.

Tôi mong mỗi người ở đây ai cũng cố gắng tu, dẹp dần các phiền não. Trong ba độc, sân là nổi nhất vì sân là ngọn, chứ không phải là gốc. Nói sân là ngọn, vì tham không được thì mới nổi sân. Mà tại sao có tham? Vì si mê chấp thân là thật, chấp tâm là thật, từ si mê đó mới khởi tham, tham không được nên dấy lên sân. Những người sanh lên cõi trời, từ cõi trời Sắc giới trở lên thì không còn sân. Vì sao? Vì trên đó không còn tham nữa, không còn tham nên không còn sân.

Khi tu quý vị thấy, nổi nhất là sân. Nó là họa lớn nhưng nó cũng là cái cạn nổi bên ngoài. Dẹp sân rồi mình dẹp tham, dẹp tham rồi mới dẹp si. Hoặc ngược lại, dẹp si để cho hết tham, rồi sân cũng theo đó hết. Trên đường tu, chúng ta luôn luôn khéo quán chiếu, nhìn nhận cho kỹ thân này, cảnh này, lúc nào cũng biết thân là tạm bợ giả dối, ngày nay đủ duyên thì còn, ngày mai hết duyên thì tan rã, không có gì bảo đảm là chân thật. Thấy rõ như vậy để không quyến luyến thân, không chấp thân, thì cảnh cũng không chấp.

Nhà Phật lấy vô ngã làm gốc. Người tu thấy ta là thật thì tu không bao giờ tiến. Phật dạy, luôn luôn quán năm uẩn là hư dối, không thật. Quý vị đêm nào cũng tụng Bát-nhã, có "chiếu kiến ngũ uẩn giai không", rõ năm uẩn không thật nên trí tuệ tăng trưởng, đó là trí tuệ Bát-nhã. Thấy rõ được bản thân mình là duyên hợp tạm bợ, không có tự tánh, tức là không có tánh thật của nó, chỉ là một mớ duyên hợp. Đã là duyên hợp thì tạm bợ, tạm bợ thì cái gì là thật mà

chấp ta thế này, ta thế nọ. Do đó mà chấp ngã hết, thì tham không còn, tham không còn thì sân theo đó cũng tiêu diệt.

Bởi vậy, đêm nào cũng tụng Bát-nhã đôi ba biến, để nhắc tới nhắc lui phải dùng trí tuệ soi sáng chiếu phá si mê. Si mê căn bản, mê lầm đầu tiên là chấp thân vô thường tạm bợ, duyên hợp hư dối này là thật. Từ mê lầm đó mà đưa tới tham sân sau này. Nên tất cả trong chúng, tu thì phải biết dứt sạch vô minh. Vô minh tức là mờ mịt không sáng, nên biết không đúng lẽ thật.

Bây giờ chúng ta dùng minh, dùng trí tuệ sáng để chiếu soi thì vô minh theo đó tan hết. Vô minh tan thì dòng sanh tử dừng. Vì vậy, trên đường giải thoát, tất cả chúng ta phải nỗ lực tận dụng trí tuệ của mình thấy đúng như thật, đừng để lầm lẫn rồi sanh ra tham sân, tạo nghiệp luân hồi sanh tử không có ngày cùng. Nhiều khi tôi bảo Phật tử phải dẹp sân tham, mà trong chùa mình còn thì làm sao dạy bảo Phật tử được.

Mong tất cả cố gắng! Để từ bản thân mình được thanh tịnh, có đức hạnh tốt và mọi người sẽ được sự cảm hóa, họ sẽ tiến tu tốt. Đó là sự mong mỏi của tôi.

THỈNH NGUYỆN NI

Ngày 28-01 Kỷ Mão (15-03-1999)

Hôm nay Thầy dạy về tâm sân.

Có lần Thầy đi giảng, có một người hỏi: "Thưa Thầy, trong khi làm Phật sự, gặp những việc trở ngại hoặc bị người ta làm khó dễ, Thầy nghĩ thế nào về những người đã làm khó dễ Thầy?" Thầy cười, trả lời: "Trước mắt Thầy không có kẻ thù, chỉ có những người bạn đã thông cảm và chưa thông cảm mà thôi." Câu trả lời đó được nhiều người nghe và nhắc lại.

Qua câu đó tụi con thấy điều gì? Tụi con ở trong đây có giận ai, ghét ai nhiều không? Có khi nào nói "tôi thù người đó lắm" không? Tụi con nhớ, người tu vừa thấy có kẻ thù là đã mất đạo đức người tu. Vì thấy có kẻ thù là còn có tâm sân hận, khi có cơ hội liền trả oán trả hờn, bằng cách làm cho người ta đau khổ. Thù mà không trả thì lòng không yên.

Như vậy, nếu người tu mà còn nghĩ rằng người này tôi thù, người kia tôi ghét thì có thể tự xưng là người tu được chăng? Tụi con xét coi mình có mắc bệnh đó không? Tu là chừa bỏ những xấu dở của thế gian và nội tâm, vậy mà ôm hận thù, oán hờn là tự chuốc lấy oan khiên, đau khổ cho chính mình. Đồng thời người có đạo đức sẽ coi mình không ra gì. Vậy nên phải cẩn trọng, phải rất dè dặt.

Trên đời này, không bao giờ chúng ta làm việc gì mà tất cả mọi người đều đồng ý, sẽ có người bằng lòng, có người không bằng lòng. Thấy người hoan hỷ, chúng ta chịu, thương mến họ. Người không hoan hỷ, chúng ta ghét, oán hờn. Nếu vậy, chúng ta là người thế gian chứ không phải người tu.

Cho nên, nếu việc làm của mình, người ta thấy tốt, hoan hỷ thì mình cảm ơn vì người đó đã thông cảm được việc làm của mình. Nếu gặp người chưa hoan hỷ hoặc không hoan hỷ, nên nghĩ rằng họ chưa thông cảm, chứ không phải họ là người xấu, hay họ đối đầu, thù địch với mình. Nghĩ như vậy tụi con sẽ sống tu an ổn. Ngược lại, tụi con vừa dấy niệm thù người này, ghét người kia thì sự tu không bao giờ an ổn, vì lúc nào cũng nghĩ cách để trả thù trả oán.

Thấy có kẻ thù mà mình chưa báo oán được, lòng sẽ nặng trĩu, đau khổ, khó chịu. Như vậy vừa bất lợi, trái đạo lý, vừa gây thêm nghiệp, tự làm khổ cho mình, tu hành không đến đâu. Tâm tư, thái độ đó là của kẻ phàm tục, không phải người tu.

Vậy nên tụi con ráng tu học, làm sao trong chúng năm mươi người, mình thấy ai cũng là huynh đệ. Người gần và hiểu mình, mình cảm ơn họ đã thông cảm. Người chưa gần, chưa hiểu mình, hay trái nghịch với mình thì cũng nghĩ

đó là người bạn tốt, nhưng chưa thông cảm với mình. Nên đừng oán hờn, thù hận ai hết. Nếu ở trong chúng, ai hay nói giận người này, oán người kia, Thầy sẽ đánh giá ngay: Đó chưa phải là người tu. Chỉ có hình thức chứ không có tâm hồn người tu, không có trí tuệ và lòng từ bi, nên không đi đến nơi đến chốn trên con đường tu hành.

Khi ra làm Phật sự, nếu lòng tụi con chưa được cởi mở rộng rãi, chưa thông suốt gốc ngọn, bị người ta hỏi mình sẽ lúng túng, trả lời dễ bị kẹt. Vậy nên phải khéo. Khi Thầy trả lời là nói với lòng chân thành của Thầy. Từ trước tới giờ, tụi con cũng nghe người ta chỉ trích Thầy nhiều, hoặc nói ra lời, hoặc viết trên giấy... mà Thầy có la lối gì không? Có bao giờ Thầy nói đây là người thù, phải làm sao cho họ khổ mới bằng lòng? Hay là ai khen Thầy cảm ơn, ai chê cũng vui? Qua đó có thể đo lường được tâm đạo đức của mình.

Đã nhiều lần, những người gần gũi chê Thầy hoặc nói những lời không có lợi cho Thầy, Thầy cũng cười, không buồn gì. Lại có những người ở xa, có ý muốn tìm cách này cách nọ nói xấu hoặc làm nhục, nhưng Thầy thấy đó không phải là điều đáng buồn nên vẫn yên ổn làm Phật sự, không lui sụt.

Nếu bị người ta chê, rồi mình la lên, chống lại thì người bàng quan đánh giá mình ra sao? Còn khi bị người ta chê, mình lặng thinh, không cãi lời nào thì mọi người đánh giá mình thế nào? Tụi con phải biết tu là ở chỗ đó. Không phải ai nói trái ý hoặc chê bai một chút, mình liền phân minh cãi lại. Biết tu là chấp nhận tất cả những gì người ta chỉ đúng để sửa, và cũng chấp nhận những gì họ nói sai về mình, để từ từ họ sẽ thấy chỗ sai của họ, không cần phải la lối, cãi vã làm gì.

Vì vậy, tụi con ngẫm lại câu Thầy nói, lấy đó làm châm ngôn để sống, để tu: *Trước mắt* tôi *không* có kẻ *thù, chỉ có những người bạn đã thông cảm và chưa thông cảm mà thôi*.

Thầy thấy những người cố tình chỉ trích Thầy, nghe Thầy nói vậy bèn thôi, hết cơ hội chỉ trích. Vì Thầy có ghét ai đâu mà chỉ trích Thầy. Tụi con mới thấy, giá trị của người tu không phải chỉ là ở trong đạo lâu năm, giới đức cao, mà còn ở cả tâm hồn và trí tuệ của mình. Phải có trí tuệ sáng, phải có tâm hồn cao thượng, từ bi thì đời tu mình mới xứng đáng. Nếu người tu chỉ lo tính mình năm nay được bốn mươi, năm mươi tuổi hạ; mà có ai động tới thì nổi sân đùng đùng, nói người này là kẻ thù, kẻ kia là đáng ghét... thì chưa phải là đạo đức thật.

Tụi con sống ở thiền viện, Thầy muốn tụi con mai này là những người đủ tư cách, vừa có trí tuệ hướng dẫn mọi người tu, vừa có lòng từ bi, để dìu dắt mọi người sống đúng tinh thần đạo đức, lại vừa có tâm an nhẫn trước những cảnh khó khăn, kẻ chê người khinh. Lúc nào cũng an nhẫn, tự tại thì đời tu của

tụi con mới thật là đáng quý. Ngược lại, nếu có người tọa thiền một lần được mười tiếng đồng hồ, mà có ai vừa chỉ trích, liền nổi sân đùng đùng, thì Thầy chưa cho rằng người đó tu hay. Cái hay của người tu là trước những lời khen chê, khinh trọng mình vẫn an nhiên.

Vậy tụi con ráng tập sống đúng với tinh thần đạo đức, đừng lấy hình thức làm trọng. Hình thức chỉ có giá trị tạm thời thôi, còn giá trị lâu dài là phải có tâm an nhẫn, có lòng thương người chân thật. Giá trị thật của sự tu là ở chỗ đó.

Từ ngày Thầy thành lập thiền viện Chơn Không, tức là từ năm 1970 đến nay, tụi con thấy Thầy có được suôn sẻ không? Gặp đủ thứ rắc rối mà Thầy vẫn vui, ai khen chê gì cũng được. Việc mình mình làm, đường mình mình đi, thấy rõ ràng là đúng thì cứ cố gắng, vui vẻ đi. Sự khen chê, hủy nhục, mình xem là trò chơi, không ngăn trở chướng ngại mình được. Chính cái tâm không bền vững, chỗ thấy đạo mơ màng của mình mới là điều ngăn trở, còn ai khen cũng tốt, chê cũng chẳng sao, không ảnh hưởng gì.

Từ lúc lập các thiền viện đến giờ, lập trường Thầy trước sau như một, đường Thầy đi là Thầy cứ đi. Nhờ quyết tâm cố gắng và an nhẫn trong mọi hoàn cảnh, từ con số không mà ngày nay được kết quả như thế này. Thầy được Phật tử trong nước và ngoài nước thương mến, vui mừng, tiếp nhận những điều Thầy nhắc, Thầy dạy, cũng nhờ tâm chân thật của Thầy.

Hồi sáng, có một người đạo Thiên Chúa, chú đó khoảng ngoài ba mươi tuổi. Chú nói có người bạn cho một quyển sách của Thầy. Chú chưa đọc được nhiều, mới đọc mấy trang thôi, tự nhiên có cái cảm, nghĩ là phải gặp Thầy. Chú nói:

- Đã ba năm nay con cố tìm để được gặp Thầy. Tuy ba mẹ con theo Công giáo, nhưng con muốn tu theo Thầy.

Chú đó ngồi nói chuyện với Thầy, Thầy đặt câu hỏi:

- Người sống trong cõi đời này, khi buồn, giận và làm tất cả các việc, đều nói là mình làm, mình giận, mình buồn. Nhưng thật có ai biết mình là gì chưa?

Nghe Thầy nói, chú rớt nước mắt, ngồi khóc một hồi. Lát sau chú nói chuyện vui vẻ trở lại, rồi hỏi Thầy:

- Thầy nhắm con tu được không?

Thầy trả lời:

- Người tu được phải có hai điều kiện: Một là phải thấy rõ đường lối mình tu có đúng với lý tưởng mình không? Mình thật thích nó chưa? Và mình có thể trọn đời đi theo không? Nếu thấy đúng rồi thì đó là điều kiện tốt. Thứ hai, phải

có tâm sắt đá, quyết tu thì phải tu cho đến nơi đến chốn, không có thái độ vui thì tiến, biếng thì lùi. Ai quyết tử trên con đường mình chọn thì người đó sẽ tu được.

Thầy trả lời như vậy, chú ấy lại hỏi:

- Tại sao hồi xưa chư Tổ thấy người nào đó, các ngài biết là tu được thì liền nhận về, rồi sau truyền y bát?

Thầy nói:

- Đó là Tổ, còn Thầy là phàm phu!

Dù người ở gần, ở xa gì mà mình có tâm chân thật giáo hóa thì họ cũng cảm được, chứ không phải là ở gần mới cảm. Nhiều khi người ở gần lại xem thường, người ở xa mới quý. Nên "gần chùa kêu Phật bằng anh" là vậy đó. Ở xa, Phật tử tới lạy liên miên, còn ở gần quen Phật quá nên kêu bằng anh.

Chúng ta chân thật, quyết chí tu, dù muốn dù không cũng có người thông cảm được với mình. Nếu tụi con tu mà không quyết tâm, hoặc có tâm hẹp hòi, nhỏ mọn, ích kỷ thì đời tu không tới đâu, chỉ là gieo duyên một chút vậy thôi. Người tu phải can đảm, hy sinh, dù gặp các hoàn cảnh xấu, đối tượng không tốt đến phá mình, cũng không có gì đáng sợ, đáng buồn, mà thấy đó là cơ hội tốt để rèn luyện tâm. Như vậy thì trên đường tu mới đi tới nơi tới chốn được.

Đó là lời Thầy nhắc nhở cho tất cả tụi con nhớ.

Ngày 28-02 Kỷ Mão (14-04-1999)

Khi tụi con vào thất, Thầy dạy ba điều:

- Thứ nhất, tiết kiệm thời gian, đừng để lãng phí.

- Thứ hai, biết vọng - buông, chứ đừng đè.

- Thứ ba, thấy gì lạ tốt đừng mừng, xấu cũng đừng sợ. Biết đó là từ tâm mình, do dằn ép mà ra chứ không có gì thật.

Khi vào thất, tụi con phải tiết kiệm thời gian. Tiết kiệm đây không bảo tụi con bỏ ăn bỏ ngủ, cũng không bảo tụi con tu thêm, Thầy nói tiết kiệm là đừng để tâm phóng chạy ra ngoài, đừng để lãng phí công phu.

Có những đứa không hiểu, vô thất thức khuya rồi sanh bệnh, hoặc nhịn đói rồi mất sức. Tưởng như vậy là vâng lời Thầy, nhưng Thầy đâu có bảo tụi con bớt ăn hay ít ngủ! Tụi con thấy mình sai chưa? Đáng bị rầy chưa? Đó là điều phải ráng cẩn thận.

Từ xưa đến giờ, Thầy tu bình thường, không làm khác ai điều gì. Người ta thức thì Thầy thức, người ta ngủ Thầy ngủ, người ta công phu Thầy công phu, không thêm cũng không bớt, đều đều như vậy, trước sau không thay đổi. Ngày

nay cũng vậy, đều đều cứ đúng ba giờ Thầy thức, rồi ngồi thiền tới hơn năm giờ, Thầy xả. Thầy tu như vậy đó mà có tiến.

Còn tụi con vô thất, ham quá, muốn lập công, tu quá sức rồi sanh bệnh. Bệnh rồi đổ thừa vì Thầy dạy tiết kiệm thời giờ nên không dám ngủ. Đâu phải tiết kiệm là không ngủ, không ăn. Tiết kiệm là đừng lãng phí trong thời gian quy định của mình. Như hàng ngày ba giờ mười lăm phút thức, ai giỏi thì ba giờ thức; tối mười giờ ngủ, giỏi thì mười giờ rưỡi ngủ. Tối đa là như vậy. Tụi con ăn uống, ngủ nghỉ cho đàng hoàng, thức đúng giờ, làm việc đúng giờ, ngoài ra không thêm gì nữa, bình thường như lúc ở ngoài. Chỉ có điều khác là khi nhập thất, ít hoạt động hơn ở ngoài, ít thấy đói, nên có thể ăn ít hơn một chút, chứ đừng nhịn đói rồi sanh bệnh. Bỏ ăn, ít ngủ, cơ thể suy nhược, bị bệnh lại đổ cho nhập thất bệnh, rồi nói có ma, quậy phá tứ tung. Vậy nên tụi con phải nhớ, đừng hiểu lầm lời Thầy.

Kế là tụi con phải biết, tất cả những gì tụi con thấy đều từ tâm bệnh mà ra, không có gì lạ. Những cái đó không thật. Thân này có thật không? Mình đã không thật thì bóng dáng ảo ảnh làm sao thật được! Thân này nặng mấy chục ký, trong khi cái kia không có ký lô nào mà sợ nó là sao? Nó chỉ là cái bóng, có gì mà sợ. Cửa thất đóng kín, có ai vô được. Chung quanh đều có người, đèn sáng choang, chẳng qua do bệnh trong người hoặc tâm bị dằn ép, nhiều khi phát ra tướng lạ. Những tướng lạ đó là do tự tâm hiện chứ không có thật. Biết rõ không thật thì không có gì phải sợ.

Tụi con biết tất cả đều là hư vọng, vậy mà thấy ma sợ. Có ma thật không? Chỉ do tâm bệnh của mình mà ra, đâu phải thật. Nếu thật thì ai vào thất cũng bị nhát. Tụi con có biết nhà ma ở trên đèo này không? Người ta đồn ai tới đó nghỉ lại, tối nằm ngủ trên giường nó khiêng bỏ xuống dưới đất. Nhà làm đẹp lắm mà không ai ở được, bây giờ người ta đặt tên là "nhà ma". Chỉ có một người ở được, đó là ông làm con rồng kiểng cho thiền viện mình. Còn bao nhiêu người đều không ở được. Người xưa nói "Ma bắt coi mặt người ta". Người tu có đức nên ma sợ, vậy mà giờ có người lại sợ ma nhát!

Giả sử có ma đi nữa, mình cũng nên nhớ thân sờ sờ đây còn không thật, huống là ma chỉ là cái bóng, có gì là thật? Nhìn thấy rõ nó như mộng, huyễn, như bọt, bóng, có gì đâu quan trọng! Chẳng lẽ hư không mà giết hư không được, phải không? Quán mình không thật thì ma cũng không thật, cái không thật làm sao giết cái không thật được. Đã không thật thì không có gì quan trọng, không có gì phải sợ. Tụi con không nắm vững được điều đó, nên có gì lạ là hoảng hốt. Từ hoảng hốt rồi mất tinh thần, đi đến yếu đuối, mất ngủ..., sanh ra bệnh hoạn.

Tụi con đọc trong kinh Tương Ưng sẽ thấy, ngày xưa có nhiều vị ni, một mình đi vào rừng ngồi thiền. Có vị Tỳ-kheo-ni bị ma hiện hình người tới chọc ghẹo, cản trở sự thiền định. Tỳ-kheo-ni nói với ma: "Thân này bất tịnh, hư hoại mong manh, không thật có, nên dục ái được đoạn tận, thiền chứng an tịnh." Ma thấy Tỳ-kheo-ni biết ma rồi nên buồn khổ, thất vọng, biến mất. Ma hiện hình chọc phá mà mấy bà không sợ, dù chỉ có một mình trong rừng. Còn tụi con chung quanh có nhiều người, nhà cửa đóng hai ba lớp mà lại sợ. Vậy mới thấy tụi con yếu đuối làm sao!

Hồi nhỏ, Thầy sợ ma nhát vì mấy ông bà già ngồi lại hay kể chuyện ma. Còn bé, nghe nói ma cũng sợ lắm. Sau đi tu, lần lần lớn lên, Thầy biết rồi, không thèm sợ. Thầy nghe quý thầy đồn trên núi Bạch Vân ở Bà Rịa, có cái am của ông Khương, đạo Cao Đài. Ông về Bến Tre, am bỏ không, ai muốn tu, lên đó mở cửa vô tu. Thầy nghĩ: "Mình nên thử một chuyến." Có lần, Thầy lên núi, tới chùa quý thầy, cách đó khoảng hai giờ, ăn cơm xong nghỉ tới ba giờ chiều, Thầy chuẩn bị qua am ông Khương.

Mấy thầy đó hỏi: "Bây giờ mưa gió quá Thầy đi đâu?" Thầy nói: "Đi qua bên đó ở thử một đêm." Quý thầy sợ Thầy không biết đường nên đưa Thầy đi, Thầy cầm theo một cây gậy. Từ thất Thầy ở qua tới đó hai tiếng đồng hồ, toàn là rừng rú, không gặp ai hết. Thầy đi ngay tới cửa sau, thấy cửa đóng, không khóa chỉ cột dây chì. Thầy nghĩ, "chắc có ai ở". Rồi Thầy đi lên cửa trước, mở cửa bước vô, đi ra sau, lại thấy cửa mở toang hoác. Lúc ấy, quý thầy đưa Thầy đi nói: "Tôi phải về cho kịp kẻo tối, bây giờ Thầy ở hay về?" Nghe vậy, Thầy cũng ớn da gà, nhưng nhất định ở lại xem sao, nên trả lời: "Thôi, Thầy về tôi ở lại." Trong am không có gì chỉ có bàn thờ Phật và cái giường.

Gần thất có cái mả. Nghe nói hồi xưa có vị tăng tu ở đây. Lúc ngồi thiền có con cọp tới rình, ông ráng ngồi tu, không dám nhúc nhích. Nó rình hoài, tới sáng ra thấy có một vũng nước miếng ở chỗ nó ngồi. Đêm nào cũng vậy, ông thầy ngồi tu, sáng ra thấy có vũng nước miếng. Ông lấy nước miếng của cọp bỏ vào nồi đất, để cho khô rồi cho vào túi. Tới lúc hết gạo, ông đi xuống xóm, nơi nào có mấy đứa bé bị bệnh nóng lạnh, lấy cho uống, hết bệnh ngay, rồi người ta cho gạo mang về ăn. Ông thầy này nghĩ "con cọp này cho mình nước miếng để làm thuốc, mới có gạo ăn", bèn lấy cái tô múc nước sạch để đó, cọp đến thì có nước uống. Thầy ấy tu ở đó khá lâu mà cọp không ăn thịt.

Như vậy, từ ý định tới ăn thịt ông thầy, lần lần nó với ông kết thân. Về sau, ông thầy chết chôn ở đó, con cọp vẫn tới nằm bên mả hoài. Mả đó cách thất có mười mét. Thầy nghĩ: "Không biết đêm nay nó có đến không? Chắc là không sao!" Thầy ngồi yên trên giường, không dám bước xuống. Đêm đó không biết cọp có đến không. Cả đêm trời chuyển động, gió thổi ào ào, mưa rơi lắc rắc. Nghe cảnh vần vũ đó tụi con thấy ngán không?

- Dạ, ngán.

Thầy nghỉ thử một đêm xem sao. Đầu hôm, Thầy ráng ngồi, lúc đó chưa biết ngồi thiền, chỉ ngồi niệm Phật thôi. Thầy ngồi niệm Phật rồi ngủ một giấc tới sáng, không có chuyện gì. Vậy là qua một đêm yên ổn, sáng ra Thầy trở về chùa.

Tụi con thấy, có can đảm sẽ vượt qua, còn sợ hoài không làm gì được. Bây giờ tụi con tu được đảm bảo trăm phần trăm. Hồi xưa, các tăng sĩ không có chùa, không có chỗ ở, đi khất thực về ở dưới gốc cây, đêm ngủ ở đền miếu, đâu có sợ ma cỏ gì! Tụi con bây giờ nhát như thỏ đế, cái gì cũng sợ! Mới thấy người nay dở hơn người xưa nhiều. Tụi con biết rõ rồi, đừng sợ! Cứ nơm nớp lo sợ là khờ dại.

Phải tỉnh táo sáng suốt tu, đừng để sức khỏe suy yếu. Phải giữ tinh thần mạnh mẽ, tu hành đều đặn, đàng hoàng. Ai nhập thất bày đặt nhịn đói, thức đêm, rồi sanh bệnh, ra Thầy rầy cho xem. Vào thất phải ăn uống đàng hoàng, mới đủ sức khỏe để chịu đựng. Tụi con có quyền thức thêm nửa giờ, đừng thức nhiều hơn. Thầy nói tiết kiệm thời gian là trong lúc mình thức tới lúc ngủ đừng suy nghĩ lung tung, luôn luôn phải tỉnh giác, đừng mê mờ. Tới giờ ngủ thì ngủ, không ngủ sẽ thành bệnh. Bệnh thì tu không được, là thua trận.

Chư tổ ngày xưa khác, có khi các ngài tu quên ăn quên ngủ, có khi liều chết ngồi trên ngọn cây. Do chỉ có một mình, nên việc ăn ngủ không theo thời khóa. Bây giờ, tụi con sống tập thể, có thời khóa mà quên ăn quên ngủ sao được. Quên ăn quên ngủ rồi thành bệnh, lại thêm trở ngại là không hiểu sự tu. Tụi con ngày nay đừng nghĩ phải làm giống như các ngài; mà phải giờ nào ra giờ nấy, ngủ thì ngon giấc, thức thì tỉnh hẳn. Đừng nên trong giờ tu gục lên gục xuống, giờ ngủ thì ngồi đó như ông táo. Cái gì phải cho ra cái ấy, dứt khoát, để không phí thời gian của mình.

Đừng nên tinh tấn thái quá, rốt cuộc suy sụp thể chất lẫn tinh thần, tu không nổi, uổng thời gian nhập thất, không được gì. Thầy nhắc tụi con ráng nhớ, đến phiên mình nhập thất đừng lôi thôi nữa.

Ngày 28-03 Kỷ Mão (13-05-1999)

Đối với sự tu, tụi con muốn tiến, muốn trở thành người hay tốt thì nhớ sám hối lỗi lầm, rồi chừa bỏ, đừng phạm nữa. Được như vậy thì sự tu sẽ tiến. Sám hối mà chứng nào vẫn còn nguyên tật nấy thì không tốt, tu không thể tiến được. Mong tất cả trong chúng, những người đã có lỗi, từ nay về sau tránh đừng phạm nữa. Đó là lời nhắc nhở của Thầy.

Bây giờ Thầy giảng bài pháp, dựa theo bài kệ tụng tán thán Phật "*Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp*". Bài pháp này khó nghe, phải cố gắng lắm

mới thấy giá trị của nó. Đây là hướng đi lâu nay, Thầy đã dạy tụi con, nhiều khi dạy rồi mà tụi con chưa nắm vững.

Có người phê bình thế này: "Thầy dạy *biết vọng không theo*, biết là cái biết của mình, vọng là cái vọng của mình, vọng thuộc về sở, biết thuộc về năng. Tu còn có năng sở, thì khó mà đến cứu cánh được." Tụi con nghĩ sao? Lối tu *biết vọng không theo*, Thầy thấy tuy đó chưa phải là chỗ cứu cánh, nhưng tất cả người tu, lúc đầu không thể nói không năng không sở được.

Ví dụ Mười mục chăn trâu, có người chăn, có trâu thì có năng sở không? Còn mình *niệm* Phật, và *danh từ* mình niệm, có năng sở không? Về tu thoại đầu, mình đặt câu thoại đầu "Trước khi cha mẹ chưa sanh, ta là gì?" thì "Trước khi cha mẹ chưa sanh, ta là gì?" đó có phải là sở không? Người khán câu đó có phải là năng không? Như vậy, tất cả pháp tu, buổi ban đầu đều phải có năng sở.

Nếu niệm Phật, phải niệm tới nhất niệm rồi mới nhất tâm, nhất tâm là vô niệm. Niệm tới lúc vô niệm, lúc đó mới hết năng sở. Tu thoại đầu, tới lúc tan vỡ khối nghi, chừng đó mới hết năng sở. Còn đường lối tu của mình tới đâu mới hết năng sở? Đó là chỗ hôm nay Thầy nói cho tụi con biết, tại sao buổi ban sơ Thầy dạy tụi con tu *biết vọng không theo*. Dùng cái biết, thấy được vọng, không chạy theo vọng. Lối tu đó có giá trị gì đối với đạo lý?

Trong kinh Lăng-nghiêm, Phật nói: Chàng Diễn- nhã-đạt-đa buổi sáng cầm gương soi mặt, khi soi, thấy đầu mặt ở trong gương rõ ràng, úp gương lại, đầu mặt mất. Anh ôm đầu chạy la: "Tôi mất đầu rồi!" Vậy chàng Diễn-nhã-đạt-đa có điên không? Ôm đầu mà chạy la mất đầu thì không điên là gì? Nếu Diễn-nhã-đạt-đa thấy đầu mặt ở trong gương, biết đó là bóng thì anh ta có ôm đầu chạy la mất đầu không?

Ý nghĩa đó hết sức thâm trầm. Phật muốn dạy cho ngài A-nan và đại chúng trong hội biết rằng, lâu nay mình cứ chấp những nghĩ tưởng trong tâm là tâm mình. Những nghĩ tưởng có thì cho rằng có tâm, nghĩ tưởng mất đi thì cho là không tâm. Nên luôn luôn chạy theo nghĩ tưởng, không bao giờ dừng. Chạy theo nghĩ tưởng, cho là tâm mình thật, đến lúc nào đó nó lặng dừng, liền la lên mình mất tâm, mình không có tâm. Vậy có giống như chàng Diễn-nhã-đạt-đa, ôm đầu mà chạy la mất đầu không?

Hiểu như vậy, tụi con mới thấy, lâu nay hầu hết mọi người đều nói, đều nghĩ những ý nghĩ, tư tưởng ở nội tâm, nó là mình. Nhận nó là mình thì chẳng khác nào nhận bóng cho là đầu thật, nên quên cái đầu của mình hiện có. Đó là mê, Phật gọi là điên đảo. Vì cái bóng mà tưởng là thật, cái thật lại không nhớ.

Khi tu, bước đầu phải thấy ra: Lâu nay mình cho nghĩ tưởng là tâm mình, là mình, là thật, đó là mê lầm. Ngày nay thấy rõ nó là hư dối, là vọng tưởng,

không thật; biết rõ không thật, nên không chạy theo, vậy có công dụng gì? Đầu tiên, sáng được một phần, không còn lầm như Diễn-nhã-đạt-đa cho bóng là thật. Bây giờ, bóng mình biết là bóng, là tiến bộ. Không lầm bóng là thật, đó là trí; lầm bóng là thật, là điên rồ, dại khờ. Bây giờ, bóng biết là bóng, là đã tiến một bước, bớt điên rồ.

Vậy bước đầu rất thiết yếu. *Biết vọng*, là tất cả nghĩ tưởng khởi lên mình biết nó là hư dối, là vọng tưởng, *không theo* nó. Như chàng Diễn-nhã-đạt-đa khi biết bóng trong gương là bóng không phải đầu thật, thì anh chàng hết điên. Bây giờ, tụi con có vọng tưởng, biết là vọng tưởng, xác định như vậy, tụi con đã bớt điên rồi. Vì không còn lầm nữa! Như vậy, thấy nó, biết nó là vọng tưởng thì tự tụi con có một phần trí tuệ. Mà *biết* nó là vọng tưởng, *không theo* nó thì nó tự lặng. Nhưng không lặng hoài, mà lặng bóng này nổi bóng khác. Vậy nên, tu hành là phải luôn biết vọng tưởng, để vọng lặng. Tụi con phải nhớ hình ảnh Diễn-nhã-đạt-đa, sở dĩ điên là vì chấp bóng cho là thật. Biết bóng không thật là bớt điên.

Từ lâu, chúng ta mê lầm, chấp vọng tưởng là tâm mình thật, cái mê lầm này cả nhân loại đang mắc phải. Ngày nay chúng ta bước vào đạo, khởi sự tu, biết rõ những tâm đó là hư ảo không thật, nên không theo. *Biết vọng* không thật là chặng đầu, chặng thứ hai là *không theo*. Biết rõ nó không thật là trí tuệ, không theo nó là đi tới định, vì không theo tức là dừng, lặng mà dừng, lặng tức là định. *Định và tuệ đồng thời* ngay lúc đó.

Thầy thường nhắc, Lục Tổ dạy rằng: *"Đừng* sợ *vọng khởi mà chỉ sợ giác chậm."* Người mê khi niệm dấy lên, họ tưởng nó là mình, nên khi không vọng tưởng, họ sợ mất mình. Còn người biết tu khi nó dấy lên, biết là dối là vọng, đó là giác. Vậy thì, nếu theo vọng là mê; biết vọng là vọng, tức là giác. Một vọng niệm dấy lên là một chúng sanh. Biết vọng là hư dối, không theo là một cái nhìn giác, là Phật. Cho nên, một chúng sanh khởi lên thì có một ông Phật đi theo. Vậy có thiệt thòi gì! Tuy còn vọng mà chúng ta vẫn ở trong tỉnh giác. Ngược lại, nếu vọng dấy lên rồi đuổi theo nó để tạo nghiệp, đó là mê lầm.

Trên đường tu, mỗi phút mỗi giây, lúc ngồi thiền cũng như khi sinh hoạt ở ngoài, niệm dấy lên tụi con nhớ là dối là hư vọng, không theo nó, là tụi con đang tỉnh hay đang mê? Đó là đang tỉnh. Vừa rồi H.L sám hối niệm thị phi, đó là thấy niệm mà vẫn theo nó. Bởi theo cho nên thành có chuyện thị phi. Nếu thấy nó, biết rõ là vọng, không theo, thì đâu còn thị phi nữa.

Không phải chúng ta tu trong giờ ngồi thiền thôi, mà tu luôn trong tất cả mọi hành động, mọi hoạt động. Mình vẫn cuốc đất, vẫn làm công tác, mà niệm khởi thì liền bỏ. Dù nghĩ chuyện này hay, nghĩ chuyện kia dở, đều không quan

tâm hay dở, buông đi, đó là đang tỉnh. Nếu thấy điều hay thì khen, thì thích, điều dở thì bực bội, đó là đang bị mê lầm dẫn đi.

Nên tu là phải tỉnh phải sáng, không nên ở mãi trong mê. Tụi con tỉnh sáng là đã bước chân vào con đường giác rồi. Đi trên con đường giác, một bước chưa thể tới đích, phải đi nhiều bước, mỗi bước là đã gần đích một tí. Tuy đường xa, mà bước một bước là đã gần một bước.

Phối hợp với tranh Mười mục chăn trâu, "thấy trâu" là đã có một bước tiến. Nếu nói theo Mười mục chăn trâu của Đại thừa, từ chỗ nương theo dấu chân, là căn cứ trên giáo lý, học để phăn tìm được chân lý, lẽ thật. Khi mình theo dấu chân, tìm thấy được con trâu, là mình đã thấy được cái thật. Thấy được rồi đã xong chưa? Thấy được mà chưa xong. Ở mục thứ nhất thứ hai thứ ba, người chăn trâu khỏe vui hay mệt nhoài? Mệt đến thở không kịp. Vì trâu còn hoang.

Khi thấy nó rồi, muốn bắt nó lại, phải tìm đủ cách để xỏ mũi, dùng roi đánh, dẫn nó về. Con trâu hoang với sức người, ai mạnh hơn? Tụi con cũng thường phàn nàn, sao biết vọng mà vọng cứ lên hoài, không chịu dừng. Như vậy đủ thấy là nó rất mạnh. Tụi con đang điều phục con trâu hoang, nó hoang nên khó trị, nó mạnh hơn mình nên mình vất vả chăn dắt. Khó khăn lắm mới có thể kìm chế nó nổi, chứ không phải thấy nó là mọi việc xong xuôi.

Giai đoạn đó là giai đoạn khó nhọc nhất của người tu, tuy khó nhọc mà có niềm vui là tuy chưa điều phục được nó, nhưng đã thấy nó rồi, không còn phải bận tâm đi tìm kiếm. Đó đã là thành công chưa? Thành công một phần rồi, vì mình đã thấy được nó. Lâu nay tìm mà không biết nó ở đâu, nay thấy nó tường tận, thì đó là bước tiến đáng mừng rồi. Nhưng đừng bao giờ nghĩ thấy nó là xong việc, mà còn phải công phu vất vả nhiều. Chừng nào mình xỏ mũi, lôi đầu nó được, thì mới an ổn một chút. Một chút thôi, vì không phải xỏ mũi nó được rồi sẽ dẫn đi dễ dàng. Vì nó lúc nào cũng mạnh, có khi nó lôi mình, mình cũng khó giữ được, còn chạy theo nó làm càn.

Vì con trâu này còn hoang quá, nên khi nó lôi, tụi con không đủ sức kìm giữ, nên phải chạy theo, chạy theo nhưng còn nắm dây mũi, nên lúc tỉnh mình kéo mũi nó lại được. Tay còn cầm cây roi, thi thoảng trâu cứng đầu, không chịu thuần phục, mình quất cho mấy roi. Bị mình đánh, lâu ngày nó phải phục, phải sợ mình. Nhưng trong khi đang giằng co giữa mình với nó, nếu tụi con thả trôi, buông vàm, bỏ roi thì sao? Nó chạy vô rừng lại. Nên giai đoạn giằng co đó, tụi con phải nỗ lực, lúc nào cũng giành quyền làm chủ, đừng để nó làm chủ mình. Phải nắm vàm cho chắc, cầm roi cho vững, đánh nó khi nó ngỗ nghịch. Như vậy, trừng trị lâu ngày, lần lần nó thua mình, phải đầu hàng. Khi nó thua mình thì mình mới thảnh thơi.

Trên đường tu, buổi đầu rất gian lao vất vả, nhưng tương lai sẽ được thảnh thơi. Nếu từ đầu đến cuối đều vất vả thì chắc không ai tu được. Những khó khăn ban đầu tụi con hay gặp như ngồi thiền đau chân, loạn tưởng dẫy đầy, nhưng khi tụi con quyết tâm chinh phục bằng được thì dần dần hết đau chân, vọng tưởng sẽ đầu hàng, tâm được nhẹ nhàng an vui.

Như vậy, chàng mục đồng với con trâu là một hay hai? Rõ ràng có năng sở. Vậy mà có nhiều người lý luận theo "kiểu Thánh", nói tu mà còn năng sở, là chưa tới nơi. Buổi đầu làm sao không năng sở được. Lúc điều phục thì có năng sở, khi trâu thuần phục rồi thì người chăn nhẹ nhàng thảnh thơi, tuy thảnh thơi nhưng niệm vẫn còn nên thỉnh thoảng phải xem chừng. Ngồi trên lưng trâu thổi sáo, an nhàn nhưng còn ngồi trên lưng trâu là vẫn còn hai bên. Đến lúc nào đó, khi trâu đã thật sự thuần phục, không cần theo canh nó, người chăn có thể ngồi nghỉ dưới gốc cây, mà trâu vẫn ngoan ngoãn nằm yên. Đó là lúc rất thảnh thơi. Nhưng cuối cùng thì sao? Trâu mất, chỉ còn chú chăn, rồi chú chăn cũng mất luôn. Chú chăn mất rồi thì lúc đó mới thấy bầu trời trong, vầng trăng sáng.

Chúng ta đi từng bước. Nếu mới tu mà không trâu, cũng không người chăn thì điều phục cái gì? Điều phục là đi từng bước như vậy, nhưng những bước đi đó, chứng tỏ chúng ta tiến chứ không phải dừng. Mình đang chinh phục nó, nó không hình không tướng, chợt có chợt không, tụi con cứ kiên trì điều phục, lần lần thấm rồi, nó sẽ ngoan dần. Con trâu hung hăng nhưng chúng ta đã có dây vàm kéo mũi, có roi đánh, thuần phục từ từ, nó sẽ theo mình. Việc đó không xa vời, mà rất thực tế. Nếu kiên trì nhất định sẽ được.

Khi trâu đã dần dần thuần phục rồi, từ từ mình sẽ thảnh thơi. Thảnh thơi nhưng vẫn còn chăn, vì còn trâu. Về sau trâu mất mà chăn vẫn còn. Đến giai đoạn trâu mất nhưng còn chăn là khi ngồi tu, tâm không còn lăng xăng chạy ngược chạy xuôi nữa, nhưng thỉnh thoảng vẫn xem chừng. Chừng nào hết trâu, chăn cũng không còn, chừng đó mọi việc mới xong.

Ở giai đoạn hết trâu chỉ còn chăn, mình cần cẩn thận. Lúc trước tâm mình bị dấy động bởi sáu trần bên ngoài, nên phải chăn trâu; bây giờ nó đã yên, mà cứ chăm chăm *nhìn* cái *yên* đó là không đúng. Cũng có người khi yên, *không giữ cái yên* đó nữa mà *giữ cái biết*. Vì sợ quên cái biết thì sẽ bị ngủ gục, hôn trầm, nên giữ cái biết hoài. Như vậy cũng không đúng.

Trâu đã mất chỉ còn chăn, đây là giai đoạn gần cuối trên đường tu. Chỗ này rất vi tế mà cũng thật vi diệu. Tức là vọng tưởng không còn, mà cứ chăm chăm chỗ không dấy của nó, thì đó là còn hơi hám của năng sở chứ chưa hết, vì còn nhìn chỗ lặng của nó. Thí dụ, lúc nãy Thầy thấy một đàn kiến rất đông, Thầy nhìn từng con kiến. Bây giờ nó đi hết, Thầy vẫn nhìn chăm chăm chỗ đàn

kiến lúc nãy coi còn không. Nhìn hoài như vậy thì chỗ mình nhìn và cái hay nhìn có phải hai không? Không có kiến là đối tượng nhìn, nhưng còn nhìn chỗ kiến bu khi nãy, đó cũng là năng. Cho nên đến giai đoạn này không được nhìn chỗ lặng, mà chỉ còn cái biết thôi. Chỉ còn cái biết mà lại sợ mất, rồi giữ mãi cái biết, đó cũng không đúng.

Trong Thiền Tông Vĩnh Gia Tập, phần tụng về Xa-ma-tha, ngài Huyền Giác nói thí dụ chỗ này rất hay. Ví như tay cầm cây viết, thì cái tay và cây viết là hai. Có năng có sở, cây viết là cái bị cầm, tay là cái hay cầm. Cây viết dụ cho chỗ tâm lặng (vọng lặng), tay dụ cho biết, tâm nhìn chỗ lặng giống như tay cầm cây viết, tức là còn hai.

Bây giờ bỏ cây viết mà giữ cái nắm tay, sợ mất nên cứ nắm chặt lại, như vậy đúng không? Nay bỏ đối tượng là chỗ lặng, mình không nhìn mà cứ giữ cái biết, sợ quên rồi bị hôn trầm hay rơi vào chỗ vô ký. Sợ rơi vào vô ký nên giữ cái biết, giống như tay mình nắm lại. Nắm vậy hoài thì tay chưa được tự tại. Phải *buông* cả *giữ cái biết,* tức buông tay ra mới tự do tự tại.

Như vậy, không giữ cái biết giống như tay buông ra, tay buông ra là còn hay không còn? Tuy không nắm lại, mà tay vẫn còn đó tự tại. Chỗ đó mới là chỗ chân thật. Nên còn giữ cái biết là còn kìm. Chừng nào *buông xả cái giữ* đó để cho *cái biết thênh thang*, đó mới là trở về chỗ chân thật, còn nếu cố giữ cái biết, đó là bệnh. Ai có bệnh đó thì nhớ khéo chừa.

Như vậy, mới thấy đường tu vi diệu vô cùng, đi từ thô lần lần tới tế. Tế là không còn nhìn, không còn giữ chỗ lặng thì cái biết thênh thang. Cái biết thênh thang tự tại đó là cái biết của thánh. Đó là liễu liễu thường trị: rõ ràng thường biết.

Cho nên người tu khi đã tiến tới đó, thì ngài chỉ rõ pháp thân có ba đức là Bát-nhã, Giải thoát, Pháp thân.

- Bát-nhã là trí tuệ, là sáng, cái biết luôn luôn sáng.

- Giải thoát là không dính, không nhiễm.

- Pháp thân là tịch diệt, là yên lặng thanh tịnh.

Sáng suốt rõ ràng là Bát-nhã, không dính nhiễm là Giải thoát, thanh tịnh là Pháp thân. Người nào tu tới chỗ đó rồi, đều đủ ba đức Bát-nhã, Giải thoát và Pháp thân. Ba đức đó tên tuy khác nhưng chỉ có một thể. Tới chỗ đó mới giải thoát sanh tử, là được nhân pháp thân. Nhân ba đức pháp thân, chứ chưa phải quả của ba đức pháp thân.

Tóm lại, khi tu tới không một niệm mà cứ chăm chăm nhìn nó thì vẫn còn hơi hám của đối đãi. Buông luôn chỗ đó, không nhìn nó nữa mà còn giữ cái biết, cho vậy là sáng là thường cũng chưa phải giải thoát. Chừng nào chỉ còn

cái biết thênh thang tự tại, rõ ràng thường biết, là Bát-nhã. Rõ ràng thường biết, không dính, không giữ gì hết, là giải thoát. Bởi vậy nên nói *Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp* là ý đó. Tu như vậy mới được giải thoát, mới vi diệu. Lâu nay, bao nhiêu người tu đạt đến chỗ vi diệu đó!

Được vậy rồi, mới thấy đường tu rất quý, rất cao siêu phi thường, chứ không phải chuyện tầm thường. Có người cứ nghĩ tạo phước, làm lành là chỗ cứu cánh, không biết chỉ là phước trong sanh tử, chứ không phải giải thoát. Muốn giải thoát phải ráng tu, dứt sạch tất cả niệm khởi, phiền não thì tâm được yên tịnh. Nhưng yên tịnh mà mờ mờ cũng không đúng; phải sáng, phải *rõ ràng thường biết,* đó mới là Bát-nhã. Nếu nói rõ ràng thường biết mà còn dính mắc là chưa giải thoát. Tu hành phải đủ ba điều: Bát-nhã, Giải thoát, Pháp thân mới được cứu cánh giải thoát.

Thầy nói rõ cho tụi con nắm vững đường tu. Chứ nhiều khi Thầy bảo tụi con bỏ vọng, nhiều đứa thắc mắc không biết vọng hết rồi mình tới đâu. Tụi con phải biết từ bắt đầu, cho tới cứu cánh, không còn cái biết để nhìn vọng tưởng, cũng không còn giữ cái nhìn chỗ lặng. Vậy mới đến không còn trâu, không còn chăn. Hết cả hai rồi mới thấy bầu trời trong, mặt trăng sáng, mới biết được ý chư Tổ.

An cư 15-04 Kỷ Mão (29-05-1999)

Trước tiên Thầy nói về mùa an cư. Ni chúng đã đúng theo lời Phật dạy, mỗi năm có ba tháng hạ an cư, để tỏ lòng cung kính đối với lời dạy của đức Phật. Khi ngài đã sắp đặt, chỉ dạy điều gì thì tất cả chúng ta đều không dám sai sót, dù thời gian cách Phật rất dài, rất xa mà cũng y theo đó làm.

Phật dạy, qua ba tháng an cư là được thêm một tuổi hạ. Vậy tuổi của người tu là từ kết quả tu hành trong ba tháng an cư. An cư là yên ở một chỗ, trong một phạm vi nhất định, không đi đâu, để luôn luôn tinh tấn tu hành. Nên mùa an cư là mùa được nhiều công đức, công đức tăng trưởng nhờ sự tu hành của mình.

Đức Phật nói sau ba tháng an cư, đến ngày rằm tháng Bảy, ngày tự tứ, tăng ni tăng thêm một tuổi hạ tức là lớn thêm một phần, đó là do công đức tu của mình. Ni chúng trong ba tháng an cư này, cố gắng tinh tấn tu cho xứng với ý nghĩa an cư. Do vì Phật tử tin tưởng ni chúng tu hành thanh tịnh vào mùa an cư, nên phát tâm cung kính cúng dường. Nên chúng ta phải làm cho đúng lời Phật dạy, tăng trưởng công đức, xứng với lòng trông đợi của Phật tử.

Tiếp đây, Thầy nhắc tất cả chúng biết *Tứ hoằng thệ nguyện* của người tu. Chúng ta tu theo Phật giáo Đại thừa hay phát triển, luôn lấy Tứ hoằng thệ nguyện làm kim chỉ nam để tiến lên. Người nào chưa hiểu nghĩa thì cũng như

chưa thuộc Tứ hoàng thệ nguyện. Đây Thầy nhắc lại cho tất cả nhớ, nguyên âm chữ Hán là:

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Chúng ta không phải phát nguyện suông mà cần nhớ rõ ý nghĩa và thực hành cho đúng.

Chúng sanh vô *biên thệ nguyện độ*. Chúng sanh trên cõi thế gian này không thể nào tính hết nên nói *vô biên*, mà chúng ta nguyện độ hết, đó là ý nghĩa độ sanh. Theo nhà thiền, chúng sanh có hai loại: chúng sanh ở ngoài và chúng sanh ở trong. Kinh Kim Cang, Phật bảo Tu-bồ-đề: "Các vị Bồ-tát lớn nên như vầy mà hàng phục tâm mình. Có tất cả những loài chúng sanh nào, hoặc sanh từ trứng, hoặc sanh từ bào thai, hoặc sanh từ ẩm ướt... đều đưa vào vô dư Niết-bàn mà diệt độ chúng. Như thế, diệt độ vô lượng vô biên chúng sanh mà thật không có chúng sanh được diệt độ. Tại sao? Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, tức chẳng phải Bồ-tát."

Độ hết tất cả chúng sanh đưa vào Vô dư Niết-bàn là hàng phục tâm. Vậy chúng ta phải độ chúng sanh nào trước? Chúng sanh ở trong tâm mình. Vừa dấy nghĩ một niệm, niệm nhớ về người, vật, nhớ đủ thứ, đó là chúng sanh. Nên vừa có niệm khởi liền biết, dừng lại, đưa nó vào chỗ yên lặng, là vô dư Niết-bàn. Như vậy, chúng ta hằng độ sanh, ngày nào đêm nào cũng độ, đó là độ chúng sanh ở bên trong.

Chúng sanh ở bên trong độ được thì mới có thể độ chúng sanh bên ngoài. Vì chúng sanh bên ngoài đông vô số, muốn độ thì ít ra nơi nội tâm mình phải bình an, trong sáng thì mới độ được người khác. Nếu tâm mình bất an, tăm tối thì không độ ai được. Chúng sanh ở trong cũng vô biên vô số nên hằng ngày hằng giờ phải nhớ tu để dừng tâm vọng tưởng, phiền não. Những niệm khởi đều độ nó vào vô dư Niết-bàn, thì tự mình được thanh tịnh. Tự mình đã được thanh tịnh là trở về chỗ vô sanh, nên gọi là vô dư Niết-bàn. Chúng ta tu thì phải luôn hướng về nội tâm mình để giải quyết chúng sanh bên trong, sau đó đi đến hóa độ chúng sanh bên ngoài mới không ngán, không chán. Đó là nguyện thứ nhất *chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*.

Thứ hai, *phiền não vô tận thệ nguyện đoạn* tức là phiền não không cùng không tận, nguyện đoạn hết. Phiền não có hai loại: phiền não của mình và phiền não của người. Nội tâm người nào vừa dấy một niệm phiền não thì nó liền phát

ra ngôn ngữ, hành động khiến người khác cũng phiền não lây. Phiền não của mình, mình phải đoạn trước, đoạn sạch. Khi hết sạch phiền não trong tâm thì mới đoạn phiền não cho người được.

Chính trong khi đoạn phiền não của mình là đã đoạn giùm phiền não của người rồi. Trong chúng bao nhiêu người, một người dấy niệm phiền não, liền dứt, nhờ dứt phiền não của mình, nên nó không lây tới người khác. Mình dấy niệm phiền não ai đó, rồi nổi giận, người khác nghe cũng nổi giận, như vậy thì phiền não của mình đã lây lan rồi. Cho nên chúng ta độ được phiền não của mình là độ được phiền não của người khác. Nếu trong chúng, ai cũng tự độ được phiền não của mình thì sẽ được an nhiên tự tại, không có những chuyện buồn vui, không còn những đau khổ, phiền phức nữa.

Trừ phiền não của mình là gốc, nên trong chúng phải nhớ, phiền não vừa dấy lên là phải đoạn đứt, đừng cho khởi, đừng cho truyền sang người này người khác làm họ khó chịu, phiền não. Người khác khổ, vì cũng bị tham sân si của mình lôi kéo. Nếu chúng ta dẹp sạch được những khổ não thì mới dạy, mới chỉ được cho người khác để họ tiêu trừ. Chứ họ phiền não, chúng ta cũng phiền não thì dạy họ sao được. Khi phiền não của mình lặng sạch rồi, chừng đó mới nói đến chuyện độ phiền não của người khác. Đó là thiết yếu.

Mình dứt phiền não được rồi mới có đủ tư cách, đủ phúc đức để độ phiền não của người. Gần đây, nhiều người tu dạy người này người kia bỏ tham sân si mà động tới mình thì cũng tham, sân, si như thường. Thế thì lời dạy đó chỉ là lời nói rỗng, không có giá trị. Nên người tu chúng ta phải thực tế, điều gì bản thân làm được mới dạy người khác.

Nói đến *phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,* nếu vị nào ở địa vị lãnh đạo tăng ni, sẽ thấy điều này rõ lắm. Hàng Nhị thừa, vì thấy chúng sanh phiền não nhiều quá, không kham độ tận phiền não cho chúng sanh, nên chán. Do đó các ngài tu ráo riết đạt đến chỗ vô sanh, rồi nhập Niết-bàn luôn, không trở lại. Nhưng quan niệm của Bồ-tát thì khác. Bồ-tát nghĩ còn một chúng sanh khổ là mình còn khổ, còn một chúng sanh xấu xa là mình vẫn còn ô nhiễm xấu xa. Nên Bồ-tát nguyện độ hết tất cả phiền não cho chúng sanh, rồi mới nhập Niết-bàn.

Như ngài Địa Tạng nói nếu còn một chúng sanh ở địa ngục, ngài cũng trở xuống để độ. Như vậy, chúng ta tu không nên ích kỷ, phải phá dẹp không còn một chút ngã nào, chúng ta mới hòa với mọi người. Mọi người còn xấu thì chúng ta vẫn còn xấu để ở bên cạnh giúp họ. Sống trong tập thể tu hành, đừng nghĩ rằng "ta tốt, những người kia xấu" không ra gì. Mà nên biết rằng, huynh đệ mình còn một người xấu dở thì mình vẫn còn xấu còn dở. Ví dụ có một người A, B gì đó ở Trúc Lâm đi ra ngoài, đến chùa khác hoặc đến đâu đó, rồi

nói bậy, làm bậy thì người ta nghĩ gì về tập thể người tu ở Trúc Lâm này? Họ cũng coi thường, phải không? Như vậy, chỉ một người xấu, chúng ta cũng bị xấu lây.

Cho nên tụi con hiểu, còn huynh đệ nào chưa được an ổn, chưa được vui vẻ thì mình cũng phải thương, nhắc nhở, tạo điều kiện tốt cho họ được an ổn vui vẻ. Đừng thấy họ không ổn không vui mình cứ xầm xì bàn tán. Bị chỉ trích thì họ buồn khổ, mình cũng khổ theo.

Tu là độ tất cả, phải đoạn tất cả phiền não cho chúng sanh chứ không phải chỉ lo cho mình thôi. Không phải chỉ độ những người thân, mà người nào mình cũng phải cố gắng độ. Vì đã đến ở tại một trú xứ, tức là có duyên với nhau nhiều hoặc ít, nên phải cố gắng hòa hợp để độ tất cả. Đó là tâm từ bi của Bồ-tát. Tu theo Đại thừa thì phải tập tâm rộng lớn như vậy, đừng nhỏ mọn ích kỷ, vậy mới xứng đáng.

Tụi con ở đây tu lâu, tự nhìn phiền não của mình, thấy ngán không? Người nào cũng có cả lố phiền não, muốn độ cho hết thì thật cay đắng. Vậy, tất cả ni chúng mùa an cư này, ráng đoạn phiền não của mình, không phải đoạn chút ít mà đoạn tận gốc rễ, rồi mới dạy người đoạn. Đó là điều thứ hai.

Thứ ba, *pháp môn vô lượng thệ nguyện học.* Nghĩa là pháp của Phật nhiều vô số, chúng ta nguyện học, nguyện hiểu hết. Tại sao vậy? Tại vì lời đức Phật dạy là những lời vàng lời quý. Phật thấy được lẽ thật, nên điều gì ngài nói cũng đều đúng với chân lý, hợp với sự thật, càng nghe chúng ta càng được mở mang trí tuệ. Nên chúng ta phải học để trí tuệ càng ngày càng tăng trưởng. Chứ tu mà lười biếng, không chịu nghe không chịu học sẽ bị tăm tối, bản thân không biết đường tu, cũng không làm lợi ích cho ai. Trong chúng, những người nào lười học chán học là những người không muốn tiến, không muốn mở sáng con mắt trí tuệ, ở mãi trong u tối nên bị trầm luân. Vậy nên phải cố gắng học Phật pháp.

Điều thứ tư *Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*. Phật đạo vô thượng tức là không có gì quý hơn, không có gì cao hơn đạo Phật. Đây là điểm rất hay của đạo Phật. Những tôn giáo khác cho rằng giáo chủ của họ là trên hết, là cao tuyệt đối, còn tất cả những người dưới chỉ là kẻ phụ thuộc hoặc là người hầu hạ, không ai đạt đến quả vị như giáo chủ của họ. Đạo Phật thì khác. Đạo Phật nói vô thượng là không có gì trên, nhưng có bằng. Bởi vì, Phật dạy tu muốn được thành Phật thì phải giác ngộ viên mãn. Viên mãn tức là tròn đầy. Đức Phật ngài đã giác ngộ tròn đầy, ai tu giác ngộ như vậy đều là Phật không khác.

Chúng ta đang tu là đang giác ngộ, giác ngộ từng phần nho nhỏ. Khi tụi con học kinh thấy Phật nói hay quá, vui nhận được, đó là có chút giác. Hoặc đôi lúc tụi con ngồi tu, bất chợt nhớ lại lời Phật, thấy rõ ràng chỗ cao siêu đó,

vui mừng, đó cũng là giác. Như vậy, mình giác ngộ từng phần nhỏ, lâu ngày lâu đời gom lại thành giác ngộ viên mãn. Khi đã giác ngộ viên mãn thì mình cũng đồng với Phật. Tới chỗ đó rồi tất cả như nhau, nên không có trên mà có bằng. Như vậy ai giác ngộ viên mãn thì bằng Phật, mà bằng Phật tức là thành Phật.

Có người nào tu không muốn thành Phật không? Chúng ta tu là phải đi đến chỗ giác ngộ viên mãn, thành Phật. Trên đường tu, tụi con đừng bao giờ cho tới mức nào đó là vừa rồi, hài lòng rồi. Chúng ta cứ tu hoài, chừng nào giác ngộ viên mãn như đức Phật thì mới dừng. Viên mãn rồi còn gì nữa mà tu. Như vậy, tu thì phải đi tới cứu cánh viên mãn. Viên mãn cái gì? Viên mãn trí tuệ. Người tu chú ý quan trọng ở trí tuệ, chứ không nên chú ý nhiều ở phước báu.

Mình có giác ngộ mới hướng dẫn người khác giác ngộ, mình giác ngộ tròn đầy mới hướng dẫn người khác giác ngộ tròn đầy. Cho nên, đức Phật giác ngộ viên mãn rồi, mới hướng dẫn Bồ-tát đi lần lần tới giác ngộ. Bồ-tát tức là phần giác, là giác ngộ từng phần. Bây giờ tuy tụi con không phải Bồ-tát, không dám xưng Bồ-tát, mà đang tập giác ngộ từng phần là đang thực hành hạnh Bồ-tát. Vì vậy, người tu theo Phật giáo Đại thừa, khi tu cũng thọ luôn giới Bồ-tát. Thọ giới Bồ-tát tức là làm hạnh Bồ-tát. Đó là ý nghĩa chúng ta phải nhớ, hiểu để ứng dụng tu.

Qua bốn câu thệ nguyện lớn này, tụi con thấy bổn phận người tu không phải đơn giản, cũng không có giới hạn, mà phải rộng lớn. Độ chúng sanh phải trọn vẹn, đoạn phiền não phải sạch hoàn toàn, giáo lý phải thâm nhập cho hết, quả vị Phật cũng phải tới nơi. Chỗ cuối cùng là thành Phật chứ không ở giữa chừng rồi tạm cho là đủ. Vì vậy, sự tu của mình không chỉ ở một hai đời mà đời này mình giác ngộ được đôi phần, đời sau tiếp tục giác ngộ nữa, cứ thế mãi mãi đến khi giác ngộ viên mãn.

Có đức Phật nào nói tu một đời thành Phật không? Phật nào cũng đã từng tu hạnh Bồ-tát, tức là giác ngộ từng phần cho tới kiếp cuối cùng giác ngộ viên mãn rồi thành Phật. Như vậy, trên đường tu, mục tiêu hướng đến là giác ngộ hoàn toàn viên mãn, là Phật quả. Nên cứ tu, đừng nghĩ việc mau chậm, cứ tinh tấn dẹp phiền não, rồi độ chúng sanh. Cứ như vậy tiến hoài, tiến tới chừng nào viên mãn mới thôi. Đó là mục đích của người tu.

Tụi con trong mùa an cư này phải tăng thêm một buổi nghe pháp, tức là ngoài phần Quản chúng và Phó quản chúng dạy một buổi, còn phải có một buổi để nghe Thiền Căn Bản, Thiền Đốn Ngộ và những bài pháp khác. Tụi con nghe vào một buổi nhất định, tức là tăng thêm giờ, mỗi tuần đều có hai buổi, phải học cho đủ. Vì không học, lâu ngày tâm lơ là, mà lơ là thì tâm niệm chúng sanh

sẽ sống trở lại, không tốt. Ngoài hai buổi Thầy dạy trong tháng, tụi con còn học mỗi tuần. Được như vậy thì nguyện *pháp môn vô lượng thệ nguyện học* mới tròn.

Đây là lời Thầy nhắc nhở tất cả chúng trong mùa an cư này, nhớ tứ hoằng thệ nguyện để tu cho xứng đáng.

Ngày 28-04 Kỷ Mão (11-06-1999)

Phần thỉnh nguyện hôm nay, Thầy thấy toàn chúng người có lỗi lầm, có sai sót đều biết ra sám hối, cho tất cả những lỗi lầm đó được trong sạch. Còn những vị có lỗi mà chưa biết, quý thầy nhắc cho biết để sửa, như vậy mới đúng tinh thần thỉnh nguyện.

Thỉnh nguyện là phải thấy tường tận những lỗi lầm của mình, để trình lên sám hối, từ đó về sau sửa đổi cho được tốt được hay, chứ không phải chỉ kể lỗi ra rồi thôi. Sám hối rồi, từ đó chừa hẳn không tái phạm nữa, tinh thần thỉnh nguyện như vậy mới được đầy đủ. Đó là phần căn bản cho chúng thỉnh nguyện, cho chúng tu tập, tự tỉnh tự giác để mỗi người mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi năm đều tiêu mòn dần những phiền não, lỗi lầm. Mỗi ngày mỗi tiến cho đến chỗ hoàn toàn thanh tịnh. Thỉnh nguyện hôm nay đã xong, sau đây Thầy có ít lời nhắc nhở chúng.

Phần nhắc nhở hôm nay hơi khó một chút, nhưng Thầy thấy cần cho chúng nghe. Vì Phật pháp rất sâu xa, nên người học đạo phải nghiên cứu tường tận. Nếu chúng ta tu mà không nắm vững, không hiểu rõ đường lối tu, thì có khi mơ màng hoặc nghi ngờ, làm chướng ngại sự tu.

Thầy nhắc cho tất cả nhớ. Trong Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ nói về phần Tám thức chuyển thành Bốn trí, tụi con nhớ không? Bên Duy thức học cũng nói rõ điều đó. Chúng ta tu thiền, phải nắm vững tám thức chuyển thành bốn trí, thức nào chuyển thành trí nào. Bây giờ, trước hết nói tám thức. Duy thức học chia ra tám thức là nhãn thức, nhĩ thức, tỹ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức, cộng với mạt-na thức (chỗ khác gọi là ý căn), và tàng thức (a-lại-da thức). Nói thức là nói tới nghĩa phân biệt. Thức là phân biệt, chúng ta tu, tám thức đó chuyển thành bốn trí: Thành sở tác trí, Diệu quan sát trí, Bình đẳng tánh trí và Đại viên cảnh trí.

Muốn chuyển tám thức thành bốn trí, phải chuyển thức nào trước? Năm thức nhãn, nhĩ, tỹ, thiệt, thân thức chuyển thành Thành sở tác trí; còn thức thứ sáu thành Diệu quan sát trí; thức thứ bảy thành Bình đẳng tánh trí; thức thứ tám thành Đại viên cảnh trí. Học thuộc thì dễ, nhưng chuyển bằng cách nào, cái gì chuyển? Đó mới khó! Nếu không nắm vững điều này, trong khi tu tụi con sẽ lúng túng, không biết tu cái nào trước cái nào sau.

Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cái nào chuyển trước?

- Dạ, chuyển ý.

- Chuyển ý làm sao? Đó là một vấn đề. Nếu không hiểu sẽ lúng túng trong lúc tu. Trong Duy thức học nói về ý là "công vi thủ, tội vi khôi". Công thì nó đứng đầu mà tội nó cũng đi trước, tội to mà công cũng lớn. Làm gì nó cũng đi đầu, tội nó cũng đi đầu mà chuyển thành trí nó cũng đứng đầu. Vậy nên tu cũng phải bắt đầu từ ý.

Nhà thiền thường dạy mắt, tai, mũi, lưỡi, thân là năm căn tiếp xúc với năm trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc. Nếu năm căn tiếp xúc với năm trần mà không có ý thức cộng vô thì không thành lỗi. Mắt thấy sắc, sắc nó ra sao thì cứ hiện vậy, hoặc có phân biệt trắng đen, đẹp xấu... vậy thôi. Tới ý thức cộng tác khởi phân biệt đẹp thì sanh yêu thích, xấu sanh ghét. Có niệm thích và ghét hay yêu và ghét thì thành tội chưa? Nếu nó đẹp là đẹp, xấu là xấu thì chưa phải tội, mà tội bắt đầu từ yêu thích, từ chán ghét. Vậy thành tội là khi có ý thức hợp tác vô.

Rồi tới tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị. Lưỡi ăn cơm, ăn vật thực, ăn vô, ngon biết ngon, dở biết dở, đó là công dụng của thiệt thức. Biết ngon biết dở là có phân biệt, nhưng không có lỗi. Nếu còn thêm "món này ngon quá, thích; món này dở quá, bực, chán, muốn rầy" thì thành tội. Thành tội là do cảm thấy ngon, rồi sanh tâm yêu thích, dở sanh ra bực bội rầy rà, do có ý thức hợp tác. Nếu không có ý thức thì chỉ biết ngon biết dở thôi, chứ không có thêm gì nữa. Như vậy, phân biệt ngon dở nhất định phải có, nhưng khen chê, ưa ngon ghét dở không phải là chuyện của lưỡi, của thiệt thức mà là của ý thức.

Cho nên, ý thức phát nghiệp thì tội đứng đầu, khi mình tu thì công cũng đi đầu. Ý thức luôn luôn phân biệt, bên đây thì ưa, bên kia thì ghét, tạo thành tất cả những thứ đối đãi. Như hiện giờ tụi con nghĩ cái gì làm cản trở khiến mình hay gặp khó khăn trong sự tu? Con mắt không làm khó, tai cũng không làm khó. Thí dụ, tụi con đang ngồi thiền, dưới xóm người ta đánh nhạc, nếu nghe tiếng nhạc thôi, nó chưa có tội. Nhưng nghe có tiếng nhạc rồi lắng tai nghe, khen chê nhạc đó hay hoặc dở, đó là cộng tác của ý thức đã ra sức phân biệt, để rồi sanh ra thích và không thích. Nên tu gốc từ ý, ý là chủ, phải chuyển ý thức trước. Như lời thiền sư Quảng Trí nói *chăn trâu,* cái gì là *trâu,* cái gì là *chăn,* tụi con nhớ không? *Trâu là năm thức trước,* là năm căn, *chăn là ý thức.* Ý thức có hai phần: bên mê và bên tỉnh giác. Mê thì ý thức chạy theo năm trần để tạo nghiệp, còn tỉnh giác thì ý thức chặn đón, không cho dính nhiễm với năm trần. *Chặn đón* đó gọi là chăn, còn chạy theo là mê. Như thế, tu luôn luôn phải khéo *dùng ý thức chăn,* ý thức chăn đó là phần tỉnh, phần giác. Nó là công

dụng của Diệu quan sát trí. Vì vậy, luôn luôn phải vận dụng phần trí, đừng cho năm căn dính với năm trần. Nếu không khéo dùng nó để ngừa đón, chặn đứng thì căn trần dính nhau trở thành nhơ nhiễm, rồi lôi kéo đi trầm luân sanh tử.

Trong kinh Lăng-già ghi: "Đại Huệ! Cái sanh diệt kia là thức, cái chẳng sanh diệt là trí. Lại nữa, rơi vào tướng, vô tướng và các thứ nhân tướng có và không là thức, siêu việt tướng có không là trí. Lại nữa, tướng trưởng dưỡng là thức, chẳng phải tướng trưởng dưỡng là trí."

Phân biệt là động, không phân biệt không động nên thuộc về trí không sanh diệt. Còn khi dấy niệm lên, lúc đó có động không? Bất cứ dấy niệm nghĩ chuyện gì cũng đều là động, động là tướng sanh diệt mà sanh diệt thì tạo nghiệp luân hồi. Nếu dừng được ý thì không còn dấy niệm, không còn dấy niệm mà hằng sáng.

Như vậy, tu trọng tâm dùng phần trí không sanh diệt của ý thức, chuyển ý thức từ nhơ nhiễm trở thành thanh tịnh, từ ý thức chuyển thành Diệu quan sát trí. Nếu thành Diệu quan sát trí rồi thì năm thức trước trở thành Thành sở tác trí. Vì chúng không làm gì được hết, khi ý thức chuyển thành trí thì năm thức trước cũng thành trí theo. Thành sở tác trí này chỉ thành tựu được khi Diệu quan sát trí thành tựu, thành là nhờ công phu tu hành, ý thức chuyển thành Diệu quan sát trí. Thành theo vì do Diệu quan sát trí *làm ra* là *sở tác,* nhờ ý thức làm ra chứ không phải tự tiền ngũ thức làm ra. Như vậy, ý thức quan trọng không? Quan trọng!

Nên tụi con ngồi thiền để ngăn đón ý thức, không cho nó chạy theo bóng dáng của pháp trần, tức chuyển nó đừng dính với trần. Khi không dính với trần, từ đó trở lại chỗ biết, hay là chuyển thức thành trí. Khi ngồi thiền, mê là vào hang quỷ, tỉnh giác yên lặng là sáng, đúng như lời của ngài Vĩnh Gia Huyền Giác nói:

Tỉnh tỉnh lặng lặng phải,

Vô ký lặng lặng sai;

Lặng lặng tỉnh tỉnh phải,

Loạn tưởng tỉnh tỉnh sai.

Hôm trước, Thầy đã nhắc ba thứ Pháp thân, Giải thoát, Bát-nhã. Tịch diệt là tịch tịnh là Pháp thân; tỉnh tỉnh là Bát-nhã; thanh tịnh không nhiễm là Giải thoát. Như vậy, tu hành cuối cùng có đủ ba thứ Pháp thân, Bát-nhã, Giải thoát. Đó là công năng của Niết-bàn. Vậy nên khi ngồi thiền mà tâm trong sáng, không dấy niệm, không mơ màng thì đó là Bát-nhã, là trí chứ không phải thường.

Do đó khi tu, niệm chạy theo phân biệt là thức. Dừng niệm phân biệt, chỉ còn tâm sáng suốt là trở về trí. Vậy là chuyển thức thành trí. Mà chuyển ý thức là trước tiên, nên mình ngồi tu chỉ dồn hết tâm lực vào đó thôi. Mình tu phải nhắm ngay đầu mối, nếu ý thức không còn chạy theo, dính mắc sáu trần, khi đó chuyển ý thức thành Diệu quan sát trí. Nó đã thành Diệu quan sát trí thì năm thức trước biến thành Thành sở tác trí. Như vậy, chuyển được sáu thức thành hai trí rồi.

Ý thức luôn nằm ở hai bên là thương hay ghét, vui hay buồn, hoặc ưa không ưa. Tất cả những thứ hai bên đó là công việc của ý thức. Bây giờ mình tu thì phải bỏ, không được nuôi dưỡng nó. Trọng tâm tu là ở chỗ này. Thầy chỉ rõ để tụi con nhìn lại, biết đang ở chỗ nào, đang ở trong ý thức phân biệt hay đang chuyển thành trí.

Ý thức luôn luôn chạy theo đối đãi phân biệt, mà phân biệt đối đãi thì có thương ghét, buồn giận v.v... Còn những thứ đó là còn luân hồi, vì nó là nhân luân hồi sanh tử. Bây giờ, muốn thoát ra khỏi luân hồi sanh tử thì phải dừng phân biệt đối đãi, dừng thì tâm lặng. Tụi con đã hiểu tại sao ngồi thiền để tâm yên chưa? Nếu tâm yên mà ngồi gục lên gục xuống là lúc đó ở đâu? Ở trong hang quỷ, nên đập cho nó chạy. Người thấy mình sắp vào hang quỷ, đánh cho thoát ra, đó là thương hay ghét, cứu hay hại mình? Vậy mà có người đang gục lên gục xuống, giám thiền đánh một cái cho tỉnh, mà lại buồn giận. Có phải muốn chui vào hang quỷ không? Nên khi mình ngồi ngủ gục, giám thiền đánh, đó là từ bi cứu mình ra khỏi hang quỷ. Vì nếu tụi con ngồi yên, không có suy nghĩ, mà mờ mờ mịt mịt, là ở trong tăm tối, mà tối tăm là ở trong hang quỷ. Nên luôn luôn phải tỉnh, không suy nghĩ, không chạy theo cảnh mà tâm hằng tỉnh hằng sáng thì đúng. Đó mới là trở về dần dần với Diệu quan sát trí. Nếu mê thì không thể trở về mà đi trong mờ tối.

Hiểu cho thật rõ tụi con mới thấy giá trị của sự tu, nếu không thì không biết tại sao phải làm như vậy. Khi ngủ gục, không làm chủ được, thấy có người đi tới để xem xét, hướng dẫn cho tỉnh, nghi thức dạy phải làm sao? Mình sắp vô hang quỷ rồi, phải cầu cứu, nên thấy người vác cây thiền bảng tới, mình mừng quá, chắp tay xá rồi vịn đầu bả vai kéo xuống, nghiêng đầu qua, chờ được đánh để cứu ra khỏi cơn mê, xong rồi chắp tay xá. Tụi con phải hiểu, mình mê mờ, ở trong hang quỷ không ra khỏi, nên đánh cho giật mình tỉnh để sáng lên, nhờ đó thoát khỏi mê lầm tối tăm, nên bị đánh mà lại chắp tay xá để cảm ơn.

Như vậy, tụi con biết rõ tu là phải vận dụng công phu nơi ý thức. Ý thức đứng về mặt trí. Đừng theo mê, mê thì dính mắc chạy theo cảnh, trí thì biết rõ, dừng những tâm chạy theo cảnh. Như vậy, cái dụng khi được đầy đủ rồi thì

biến thành Diệu quan sát trí. Biến thành Diệu quan sát trí rồi thì năm thức trước cũng theo đó mà chuyển. Chuyển hai trí xong rồi mới tới trí thứ ba.

Ý căn hay mạt-na thức nó thầm lặng khó thấy, công dụng của nó là *chấp thức thứ tám làm ngã.* Nó có hai công dụng. Một công dụng nổi là *truyền tống thức* mang chủng tử từ ngoài vô kho. Ý thức lấy cảnh vui buồn ở ngoài thành chủng tử, lượm những thứ từ ý thức dồn vô kho là truyền tống thức. Còn một công dụng nữa, nó chấp tàng thức, cái kho làm ngã. Công dụng thầm lặng đó, chi phối rất tinh vi, mình khó thấy khó biết.

Sau khi chuyển thức thứ sáu rồi, chừng đó nhìn lại mới thấy sự thầm lặng chấp ngã của nó. Nên tụi con khi ngồi tu lâu rồi, có những lúc thấy như vọng tưởng mất, rồi sẽ thấy cái lăn tăn nhỏ nhiệm thầm lặng ở bên trong, đó là hiện tượng của mạt-na. Nên phải nhận biết sâu, làm cho hiện tượng đó sạch luôn, thì mới chuyển thức thứ bảy thành Bình đẳng tánh trí, tới đó mặt hồ tâm mới bằng phẳng.

Thức thứ bảy chuyển thành Bình đẳng tánh trí rồi thì thức thứ tám có chuyển không? Tự nó chuyển hay sao? Vì kho chứa mà không đem đồ vô nữa, thì còn chứa cái gì? Không còn đồ chứa thì biến thành kho trống sạch, mà kho trống sạch rồi thì thành Đại viên cảnh trí. Như vậy, thức thứ tám tự nó không chuyển, mà khi không còn chủng tử ô nhiễm mang vô thì đương nhiên nó sạch. Sạch thì trở thành trí, đó là trí cứu cánh.

Bởi vậy, trên đường tu hiểu cho sâu, mới thấy mỗi thứ công dụng đặc biệt của tâm. Mình phải biết rõ từng phần, chứ không nên tu là bảo sao làm vậy. Nếu tụi con đến đây tu, bảo ngồi thiền thì ngồi thiền, bảo bỏ vọng tưởng thì bỏ, không biết bỏ để làm gì, bỏ ra sao, đó là không nắm vững sự tu. Không nắm vững sự tu thì mai mốt làm sao dạy người khác được. Nên phải hiểu cho rõ tại sao phải làm như vậy.

Chuyển thức thứ sáu trước để nó trở nên thanh tịnh sáng suốt thì năm thức trước cũng chuyển. Tới thức thứ bảy, nó chấp ngã thầm lặng, nên tu là xóa lần những niệm lăng xăng. Còn niệm là còn chấp ngã, hết niệm thì lấy gì chấp, chủng tử không còn lôi nữa thì thành Bình đẳng tánh trí. Thức thứ bảy chuyển rồi thì cái kho tức thức thứ tám tự thanh tịnh, tự nó trong sạch. Đó là cả hệ thống tu hành rất sâu. Bởi vậy người nào tu, muốn đạt tới chỗ cứu cánh phải thấy sâu xa, tu từ thô lần lần tới tế, cho tới hoàn toàn thanh tịnh.

Như vậy, công phu tu là cả quá trình dài khó nhọc và tế nhị, nhiêu khê chứ không đơn giản. Nên người quyết tâm tu mà chỉ tu sơ sài, tưởng là đủ, là được rồi thì chưa tới đâu hết. Phải tiến cho sâu, nhìn cho tường tận gốc của nó, như vậy sự tu mới đến nơi đến chốn.

Hôm nay, Thầy chỉ nói đơn giản vậy thôi, từ từ có dịp sẽ nhắc thêm. Điều kiện cần là phải chịu khó học kỹ quyển Thiền Căn Bản nói về các thứ ma, biết để điều trị. Kế là quyển Thiền Đốn Ngộ để thấy được chỗ thâm sâu của sự tu hành, chứ đừng coi thường.

Thầy không có thời gian giảng đi giảng lại, chỉ giảng một nơi thôi, tụi con cố gắng học theo. Ở đây Thầy giảng Thiền tông Việt Nam cuối thế kỷ XX, chỗ kia Thầy giảng chủ đề khác, nhưng tụi con phải học cho hết, phải gom lại để học. Như vậy sau này nắm vững được đường lối tu, bản thân tụi con tu được, hướng dẫn người khác cũng không sai lầm.

Đời tu vô cùng quý giá. Nếu không học kỹ, không khéo thì mình tu không ra gì, có hướng dẫn người cũng không tới đâu. Đó là có hại, không tốt. Vì người thế gian đang mê, mình được tỉnh, tỉnh mà không phát huy cho xứng đáng với giá trị tỉnh, đôi lúc chiều theo mê thì uổng một cuộc đời. Tụi con cố gắng, phải tỉnh, phải làm sao đời tu của mình đi mãi trên con đường sáng suốt giác ngộ, chứ đừng bị mê trở lại. Đó là điều quý báu nên phải cố gắng. Đây là lời nhắc nhở của Thầy, mong tụi con thực hành cho được.

Bây giờ, còn một điều Thầy phải giải quyết người vắng mặt. Vừa rồi khi Thầy về, được nghe báo cáo lại, ở trong chúng đây có M.A, một sáng nọ đi xuống cổng Nội viện ni, không biết có ai giữ chìa khóa đưa nó đi không. Xuống dưới cổng thì có một chú thanh niên đi xe máy đậu sẵn đó, chở nó lại chỗ điện thoại công cộng. Nó gọi điện thoại, xong rồi ra, chú thanh niên đó đưa nó trở về thiền viện, rồi nó về đây. Nửa tiếng đồng hồ sau có điện thoại gọi đến bên quý thầy, nói mẹ nó đau nặng, yêu cầu phải cho nó về gấp. Như vậy, nó gọi điện thoại cho ai đó, rồi ở nhà nó gọi điện thoại vô xin cho nó về, có phải vậy không?

Như vậy tụi con nghĩ sao? Ở trong chúng mà lén đi giao thiệp với một chú thanh niên, không biết người đó là ai, chở lại đằng kia gọi điện thoại, rồi chở đưa về. Nếu không liên hệ, làm sao có chú thanh niên tới chở đi rồi chở về đàng hoàng. Đó là điều Thầy thấy hơi quá lắm. Qua sự báo cáo, có người thấy rõ ràng, kể lại rành mạch cho Thầy nghe, chứ không phải chỉ biết một cách mơ màng.

Hồi nãy, Thầy sắp lại đây thì nghe điện thoại reo, Thầy bắt máy. Biết là Thầy, nên M.A thưa: "Xin phép Sư ông cho con ở lại mười hôm nữa, vì mẹ con còn bệnh." Thầy trả lời: "Duyên con ở thiền viện hết rồi, thôi con đừng trở về."

M.A ở trong chúng tu mà lén đi liên hệ bên ngoài. Chuyện nói mẹ đau, sao tin được. Như vậy, nó có mấy lỗi?

Lỗi thứ nhất là lén đi giao thiệp với bên ngoài không xin phép ai. Giao thiệp với người nam là ai cũng không biết.

Lỗi thứ hai là gọi điện thoại. Ở đây có điện thoại, nếu có chuyện gì cần thiết lắm thì lại thưa Quản chúng mình có việc cần thiết, xin gọi điện thoại về nhà. Cứ ở đây mà gọi, chứ đi ra ngoài kia gọi là không chân thật, có ý giấu giếm điều gì đó.

Thứ ba, ở đây không được giữ tiền, tiền ở đâu có mà nó lại đằng đó gọi điện thoại.

Đó là ba điểm cho thấy, nó ở đây không phải quyết chí tu, dường như để làm cái gì đó, nên Thầy dứt khoát cho đi luôn, không được trở lại. M.H coi trong đơn của nó có đồ đạc gì thì đóng gói lại, để có dịp nào đó gửi trả cho nó. Thầy nhất định không cho nó ở đây nữa. Điều này rất đáng ngại. Vì trong chúng đây, tụi con ở chung đông đảo, có trưởng liêu, có huynh đệ, mà nó đi đâu không ai biết thì thật ngại. Bằng cách nào giao thiệp, hẹn với người ngoài? Mà người đó lại là người nam. Rồi người đó lại đây chở đi, mà họ đâu phải ở gần bên đây, thời gian chở đi rồi chở về nên chắc chắn đi phải lâu, vậy mà không ai biết? Điều này không hiểu làm sao mà nói. Gọi điện thoại nói chuyện bí mật gì, với ai mà không dám gọi điện thoại ở chùa. Như vậy, người gian dối, không thật thà thì đâu thể ở đây tu được. Bởi vì ở đây cần những người thật tu, còn ai không có tư cách đó thì không được chấp nhận.

Đây là điều Thầy dạy tụi con, mình ở đây chỉ tu thôi chứ không làm chính trị. Thầy không phải khó khăn với tụi con mà vì muốn tụi con có đủ thời gian yên ổn tu hành, không bận tâm chuyện này nọ, để dồn hết sức lo công phu. Trừ những trường hợp thầy hoặc cha mẹ bệnh nặng hoặc tịch thì báo tin, chừng đó mới xin phép đi về. Còn chưa nghe gia đình báo, mà tự mình ra ngoài kia gọi, khi thấy có thầy tăng đi tới gần, liền nép thấp trốn ở dưới để khỏi bị thấy. Như vậy, ở trong thiền viện cũng có những người không quyết tâm tu, chứ nếu quyết tâm tu thì không thể có thái độ như vậy.

Nên tụi con sống chung, ai thấy những huynh đệ ở gần làm gì sai sót, không hợp pháp, có hại cho tập thể thì phải thưa cho ở trên biết, để dè dặt, cẩn thận, khéo nhắc nhở dạy dỗ từ buổi đầu, chừng nào không được thì thôi. Chứ tụi con cứ im lìm, làm thinh, ai đi đâu thì đi, ai làm gì thì làm, không cần biết tới. Tới chừng chuyện không tốt vỡ lở xảy ra, thì không còn cách nào cứu được.

Ngày 28-05 Kỷ Mão (11-07-1999)

Thầy có ít lời nhắc nhở. Phần đầu trong Nội quy, tụi con nhớ có dạy thiền sinh ở đây sống đạm bạc. Đạm bạc là tinh thần của thiền sinh sống ở thiền viện. Tụi con hiểu nghĩa đạm bạc là sao không?

Đạm bạc là kham khổ, chỉ ăn muối hột với rau luộc thôi, phải không? Hay đạm bạc cách nào? Câu đó nhiều khi tụi con không hiểu sẽ ứng dụng lầm. Thầy nhớ trong sử đức Phật, ngày xưa khi chư tăng đi khất thực, có những chỗ cúng hết sức sơ sài, các ngài cũng hoan hỷ thọ nhận. Lúc ăn uống, các ngài không phàn nàn sao hôm nay nấu ăn dở quá. Những lúc khác khất thực chỗ nhà quan quyền, cúng dường rất hậu hỹ, các ngài cũng nhận về ăn mà không khen hôm nay đồ ăn ngon.

Như vậy, tinh thần đạm bạc là được cho thứ gì nhận thứ ấy, không đòi hỏi, không khen chê. Ở thiền viện, nếu Phật tử cúng nhiều, mình nói "Tôi sống đạm bạc nên không ăn đâu", vậy có được không? Người ta cúng nhiều, có kẹo bánh thì cũng vui vẻ nhận, ăn cho thí chủ gieo duyên. Nếu người ta cúng mà nghĩ sống đạm bạc nên không ăn, rồi đem cho người này người kia hết, làm vậy phải không? Đó là không khéo.

Tụi con phải hiểu, đạm bạc có nghĩa là được sự cúng dường ít thì dùng theo ít, nhiều thì dùng theo nhiều, không vì ít mà đòi cho nhiều, không vì nhiều mà trốn tránh, không nhận. Đó là lòng tốt của thí chủ, chúng ta không nên phụ lòng. Nên tụi con phải hiểu ý nghĩa đạm bạc mà Thầy nói ở đây là không mong cầu, không đòi hỏi. Phật tử tới cúng dường, có gì ăn nấy, không khen chê ngon dở, không vì dở thì chê, đem bỏ đi, ngon thì thích, đòi thêm. Cũng đừng cố chấp, nói đạm bạc rồi món ngon không dám ăn, sợ tổn phước, đưa cho người khác ăn giùm. Đó là không tốt.

Nếu trường hợp thí chủ cúng ba viên kẹo, thấy mấy đứa bé nghèo, mình thương cho nó một viên, còn hai viên mình dùng để cho người thí chủ có phước. Nhiều khi tụi con không hiểu, tưởng mình đem trút cho hết là lòng tốt, lòng từ bi; mà không biết làm vậy thì người cúng cho mình lại không có duyên với mình. Mình đã trao qua cho người khác rồi, đâu có nhận gì mà có duyên.

Mình không dùng của thí chủ thì không mắc nợ họ, mà không mắc nợ là mình không gieo duyên với họ. Không phải mình xấu tính, ham ăn, nên ai cúng gì cũng nhận; mình nhận là để có duyên với thí chủ, sau này gặp lại, mình giáo hóa họ. Nếu mình đem cho người khác, tức là mình không có trách nhiệm, vô tình khiến người cúng không có phước, không có duyên với mình, đó là lỗi tại ai?

Nhiều người không hiểu rõ tinh thần người xuất gia nhận tứ sự cúng dường, nên cứ làm cách này cách nọ đưa đẩy. Thí chủ nghe được cảm thấy buồn vì cúng cho các cô mà các cô không nhận, chuyển cho người này người kia. Điều đó không tốt. Ít ra cũng phải dùng phân nửa, còn dư mới đem chia thì có thể tha thứ được. Chứ có bao nhiêu gom chia cho người khác hết thì không được, bởi làm vậy là không muốn kết duyên lành với Phật tử, phụ lòng tốt của người

thí chủ cúng dường. Họ muốn gieo duyên với mình, mà mình lại trốn tránh. Học đạo phải nắm cho vững mấy việc nhỏ đó, không phải thấy nhỏ mà coi thường. Tụi con phải hiểu cho kỹ, không được lầm lẫn.

Ngược lại, có những người được thứ này đòi thứ khác, đòi thứ vừa ý, vừa với khẩu vị của mình, thứ nào không vừa bèn chê thì không được! Không đúng với tinh thần đạm bạc. Vậy nên tụi con phải hiểu rõ cuộc sống

thiền viện, được người giúp thứ gì thì nhận cái ấy cho người phát tâm được vui vẻ, được có duyên với mình, đừng từ chối cũng đừng đòi hỏi. Hiểu như vậy thì giữ được nếp sống tu hành bình thường. Thầy mong tụi con đừng đứa nào có hai tật đó.

Nhớ hai tật Thầy vừa nói không? Thầy tóm lại, thứ nhất là tật cố chấp, nói trong Thanh quy dạy sống đạm bạc, nên cúng nhiều quá tôi không nhận, hoặc đồ ngon quá tôi không dám ăn. Vậy là hiểu sai lầm tinh thần đạm bạc rồi. Còn có người nói, ăn cái này không bổ, thiếu chất, đòi hỏi phải có chất này chất kia, bổ này bổ nọ, vậy cũng không tốt.

Tụi con nhớ, trong sử ghi, ngài Ca-diếp đi khất thực, ngài có tâm nghĩ tới người nghèo, nên có lần ngài đi đến, đưa bát khất thực thức ăn của người bệnh hủi. Người đó lấy bát cơm đang ăn, sớt cho ngài, ngài hoan hỷ bốc ăn hết. Người xưa làm thế, còn mình bây giờ thấy như vậy lại gớm sợ. Sở dĩ các ngài làm được là vì thương người thiếu phúc bị tật nguyền khổ sở nên muốn tạo cơ hội cho họ. Nếu mình cứ sợ, tránh né thì họ làm sao gieo duyên, làm phước! Cho nên phải nhận của họ, giúp họ được phước, để đời sau họ chuyển kiếp, không còn nghèo khổ nữa. Hiểu như vậy thì tụi con mới thấy trên đường tu, mình là người phải thọ nhận để chúng sanh gieo duyên.

Trong kinh viết, y Tỳ-kheo gồm nhiều mảnh dài ngắn, cắt rọc, ráp nối lại, giống như những bờ ruộng hay thửa ruộng. Nhận hạt giống Phật tử gieo lên thửa ruộng của mình, gọi là gieo duyên. Cho nên y Tỳ-kheo luôn luôn có năm điều, bảy điều hoặc hai mươi lăm điều... để tượng trưng cho bờ ruộng, thửa ruộng. Phật dạy rằng: Chư Tỳ-kheo đi khất thực, nhận của tín thí, như là cho thí chủ gieo hạt, gieo giống trên thửa ruộng tốt của mình, nhờ mình mà họ được phước lành. Ở thiền viện không đi khất thực, những người có tâm tốt muốn gieo duyên với mình, phát tâm cúng dường thì mình phải vui vẻ nhận. Đó là tạo duyên tốt cho họ. Chúng ta không từ chối cũng không đòi hỏi, vì từ chối và đòi hỏi là tật xấu, không đúng tinh thần của người xuất gia tu theo Phật.

Hiểu như vậy, để tụi con đừng có lối sống quá khắc khổ mà từ chối sự cúng dường, cũng đừng đòi hỏi thích hợp khẩu vị hay những thứ tốt vừa ý. Những tâm đó đều không tốt, ai phạm một trong hai điều đó đều bị rầy. Chúng ta phải chấp nhận, ai cúng gì cũng hoan hỷ, chứ không nói "bây giờ tôi không

đủ phước", từ chối, đưa đẩy đồ cúng dường. Đó là tấm lòng của Phật tử dâng cúng nên tốt xấu đều vui vẻ nhận. Tốt xấu đều xem như nhau, đừng có niệm khác, được vậy là quý. Nếu ai đó thấy người cúng đồ tốt thì rất hoan hỷ, còn người đem cho vật thô xấu liền không vui thì chưa đúng với tinh thần người xuất gia nhận sự cúng dường của đàn-na thí chủ.

Đó là lời nhắc nhở của Thầy, mong tất cả phải nhớ sống đạm bạc là như vậy. Không phải đạm bạc là khắc khổ.

Ngày 28-06 Kỷ Mão (09-08-1999)

Đến phần nhắc nhở chúng tu hành. Đây là bài kinh trọng yếu mỗi đêm tụi con phải tụng. Hiện giờ, mỗi đêm tụi con tụng kinh gì?

- Dạ, tụng Bát-nhã.

Mỗi đêm tụng Bát-nhã mà có "hành thâm" chưa? Tụng để tụng thôi chứ chưa hành thâm. Có nhiều người học Bát-nhã mà không hiểu Bát-nhã, tụng Bát-nhã mà không thấm được lý Bát-nhã. Nên hôm nay, Thầy nói cho tụi con thấy tường tận chỗ hay, chỗ quý của kinh.

Trong kinh Bát-nhã, tụi con thấy nói: "Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách." Bấy nhiêu đó thôi. Hết sức đơn giản!

Bây giờ, người tu than thở tu khó, gặp chướng nhiều là tại sao? Tại chiếu kiến ngũ uẩn *giai hữu,* cho nên than thở khó tu. Trong kinh nói *chiếu kiến ngũ uẩn giai không* thì *độ nhất thiết khổ ách,* tức là qua hết tất cả khổ nạn. Phật không nói gạt mình mà tại mình không chịu tu nên khổ.

Chiếu kiến ngũ uẩn giai không nghĩa là sao? Chữ *Không* là chữ tụi con phải nhận định cho thật chín chắn, phải thâm nhập cho được. Hồi xưa tới giờ, nghe trong chùa hay nói câu: "Thà chấp có bằng núi Tu-di, chứ không nên chấp không bằng hạt cải." Rồi nghe kinh Bát-nhã nói *chiếu kiến ngũ uẩn giai không*, liền kết luận đó là *chấp không*. Thấy người tụng kinh Kim Cang, kinh Bát-nhã liền cho là *chấp không*.

Hiểu chữ *không* như vậy là chưa hiểu kinh Bát-nhã. Chữ *không* là mấu chốt hết sức quan trọng. Nếu tụng Bát-nhã mà không hiểu chữ *không* thì tụng theo văn tự, chứ không thâm nhập được, không có lợi ích cụ thể. Vì *không* là Bát-nhã, nói gọn; nói đủ là *tánh không* chứ không phải không ngơ. Chữ *không* đó vượt ra ngoài đối đãi không và có, không phải nói cái không và cái có. Mà *không* này là tánh không của các pháp, tánh không của ngũ uẩn. Tánh không của ngũ uẩn là sao? Phải biết tánh không đó là không thực thể, là không cố định. Nếu soi thấu tánh không của ngũ uẩn liền qua hết tất cả khổ ách.

Người đời quen nhìn theo lối si mê, nên nói có thì thật có, nói không thì thật không, thật có thật không tức cho các pháp là thật tánh. Ở đây, trí tuệ Bát-nhã thấy tất cả pháp không có thật thể, không cố định.

Tụi con thử xét xem, như cái nhà này, cái gì là thật thể của nó? Không có thật thể ngôi nhà, chỉ là một mớ duyên hợp. Các duyên hội tụ đầy đủ thì ngôi nhà này thành, duyên ly tán thì ngôi nhà này hoại, chứ không có thật thể của ngôi nhà. Nếu không có thật thể ngôi nhà, tức là nhà không có thật tánh. Cái nhà không có thật thể nên đợi duyên hợp mới thành. Như vậy, lý tánh không của Bát-nhã là y cứ lý nhân duyên, các pháp đều do nhân duyên sanh.

Trong kinh A-hàm, nói về lý nhân duyên, có bài kinh Phật dạy: người nào thấy được lý nhân duyên thì người đó thấy pháp, thấy pháp tức là thấy đạo. Thấy đạo là thấy chân lý, thấy được lẽ thật. Ai hiểu được, thâm nhập được lý nhân duyên thì người đó thấy được lý chân thật của muôn sự muôn vật trên thế gian này. Đức Phật dạy các pháp tu, trong đó có pháp Tứ đế, Nhân duyên... nhưng lý nhân duyên là tối hệ trọng, tự Phật giác ngộ thấy mà nói ra, không liên hệ tới các tôn giáo cổ xưa. Thí dụ như lý nghiệp báo luân hồi thì những tôn giáo cổ xưa có nói, còn lý nhân duyên chỉ có đức Phật nói, cho nên lý nhân duyên là tối hệ trọng. Người nào thấy được lý nhân duyên, Phật cho là thấy đạo.

Tánh không là y cứ theo lý nhân duyên, lấy lý nhân duyên làm nền tảng để nói các pháp không, tánh không. Bởi vì nó không có tánh cố định. Nếu mỗi pháp có tánh cố định thì không đợi duyên mới thành. Vì nó có tánh, có định sẵn rồi, đâu đợi duyên hợp làm gì! Mà các pháp đợi duyên hợp mới có, thì nó là không tánh, không cố định, không có thật thể.

Bản chất của sự vật trên thế gian này không sẵn có tính chất cố định, mà phải đợi duyên hợp mới có. Vậy có thứ nào không phải duyên hợp hay không? Tất cả pháp đều là duyên hợp. Do duyên hợp thì không cái nào là cố định, do duyên hợp thì theo thời gian sẽ biến hoại, nên không có thật thể, không giữ được nguyên vẹn mà đều bị chuyển biến. Tụi con tìm thử trên thế gian này, có cái gì nguyên vẹn chân thật là nó không? Không có. Thấy tất cả sự vật trên thế gian đều đợi duyên hợp mới có nên vật đó không thật có. Như vậy, cái gì do duyên hợp thì có tạm thời rồi bị bại hoại, cho nên gọi là giả, không thật.

Năm uẩn này do duyên hợp thì nó thật hay giả? Đã giả thì còn gì thị phi. Bản chất nó tạm bợ, không ra gì thì dù khen hay chê nó có ý nghĩa gì đâu. Thấy rõ năm uẩn không thật, không cố định, nên có là duyên hợp tạm có, rồi nó sẽ tan nát. Như vậy, nó là tướng hư ảo, tạm bợ. Đã là tướng hư ảo tạm bợ thì có còn chấp nó, nói đẹp nói xấu gì không? Đồ bỏ, đồ tạm bợ thì nói gì cũng không dính dáng, không quan trọng! Vậy, nếu soi thấy năm uẩn này rõ ràng là tướng

duyên hợp, tạm bợ hư dối thì tất cả khổ nạn đều qua hết. Vì thân đã hư dối thì khổ nạn cũng là hư dối, còn gì mà lo mà sợ.

Bây giờ chúng ta đang sợ, là sợ cái gì? Sợ đau, sợ chết. Cái hư dối có chết, có rã ra là chuyện thường. Biết rõ như vậy thì có gì quan trọng mà sợ chết. Đó là lẽ thật, là bản chất của thân. Đi sâu trong đó rồi tụi con mới thấy, cái gì do nhân duyên hợp thì không có thật thể, mà không có thật thể nên không cố định. Biết rõ như vậy thì có gì mà chấp.

Sở dĩ chúng ta chấp đủ thứ là do nghĩ thân này lâu dài, bền chắc, là thật. Đó là si mê không thấy được như thật. Thấy tột cùng chỗ đó thì sự tu có khó gì đâu. Như vậy, một trăm người ở chung, ai cũng là thân giả, sống tạm bợ với nhau, nên không có gì đụng chạm. Do đó chỉ còn một việc tu, chuyện phải quấy hơn thua là chuyện trò chơi, không dính dáng gì. Chính thân mình đã không ra gì thì những chuyện bên ngoài cũng không có giá trị.

Như vậy, cốt yếu là phải thấm sâu, thấy rõ năm uẩn đều là *không*, bản tánh nó là *không*. Nghĩa *không* đó, nắm vững rồi thì học qua những bộ kinh lớn, kinh Bát-nhã hoặc Thiền Đốn Ngộ tụi con sẽ hiểu. Nếu không nắm vững thì học hết sức khó khăn. Tại sao vậy? Vì tụi con cứ ngỡ *không* là không ngơ. Mà không ngơ thì đối với có, không với có là hai pháp đối đãi nhau. Khi hiểu sai, tụi con thấy tất cả pháp hoặc là không hoặc là có. Nếu nói theo thế gian thì khi duyên hợp là có hay không, có thật hay là không thật? Khi duyên hợp thì không phải là không ngơ, mà có nhưng không thật có.

Lý nhân duyên tánh không là không có thật thể cố định, chứ không phải *không* là không có gì. Cái nhà này tánh không mà đủ duyên thì có nhà. Con người tánh không mà đủ duyên là có người, như vậy thì nhà, người là tạm bợ, duyên hợp mới có. Vậy thì duyên hợp duyên tan là chuyện thường, không phải chuyện gì quan trọng. Quan trọng là phải thấy được như vậy. Thấy vậy là tụi con có được trí tuệ cứu cánh rồi. Nếu được bước vào hàng đó thì ít ra cũng cỡ "Bồ-tát con", phải không? Mình với Bồ-tát đâu có cách xa, chỉ cách mê với giác thôi. Thấy đúng như vậy là có trí tuệ vượt hơn tất cả phàm phu.

Với trí tuệ Bát-nhã thấy tất cả các pháp tánh nó là *không*, do duyên hợp mới có nên chúng không thật thể, không cố định. Bởi vì lý duyên hợp nên tánh nó không, có là giả có nên cũng không phải không ngơ. Biết rõ như vậy thì còn thấy thật có, thật không nữa không? Ở thế gian cho có là thật có, cho không là thật không, nên nghe kinh Bát-nhã nói "các pháp không tướng" rồi chấp không. Lâu nay tụi con có chấp vậy không? Do không có trí tuệ nên nhìn sự vật đứng ở hai mặt, hoặc là có hoặc là không.

Nếu thấy có - không đối đãi là thật, thì chúng ta không thấy được nó giả có. Thấy chỗ này là không, chỗ kia thật có, thấy như vậy là mê lầm, là chỗ thấy

của phàm ngu, không phải thấy bằng trí tuệ. Cái có - không là không cố định, là tạm bợ, hư giả. Nhưng bây giờ nói chuyện gì mọi người cũng bắt xác định có hoặc không. Xác định có hoặc không là cố chấp nó là thật, nếu chấp có - không thật thì cũng chấp tốt - xấu thật v.v... tất cả đều thật. Từ gốc mê lầm chấp có - không, rồi thêm một loạt các mê lầm khác sanh khởi. Bây giờ, thấy có - không không thật thì tất cả phải quấy, đẹp xấu, hơn thua... cũng không thật. Tất cả không thật thì còn cái gì mà tụi con khổ.

Do vậy, nên trong nhà Phật nói tánh không để biết các pháp do nhân duyên mà thành. Thí dụ như ngôi nhà này, ban đêm không mở đèn thì tối. Cái tối đó có thật không? Nếu thật, thì bật đèn lên nó không sáng được, mà thực tế bật đèn lên thì nó sáng. Như vậy, tối đối với sáng, do đối đãi với nhau mà lập, nó tạm bợ không phải thật. Vì nó không có tánh cố định, không có thật thể, nên đang tối mà bật đèn lên là sáng, cũng như đang sáng mà tắt đèn thì tối. Từ tối - sáng đó, thấy ra tất cả đối đãi khác cũng không thật, chỉ tạm lập giả có. Vậy thì tất cả sự vật trên thế gian này đều là duyên hợp, tạm đặt với nhau chứ không có gì thật. Chúng sanh mê lầm cho là thật, rồi đau khổ đủ thứ.

Tụi con đọc trong kinh Bát-nhã thấy nói "soi thấy năm uẩn là *không*", rồi thấy sáu căn sáu trần sáu thức, tức là Thập bát giới cũng *không*. Đó là nói pháp thế gian *không*, nhưng pháp xuất thế gian là pháp Tứ đế: Khổ Tập Diệt Đạo cũng *không.* Các pháp thế gian là *không* thì còn dễ hiểu, dễ chấp nhận, còn pháp Tứ đế Phật nói là chân lý mà tại sao nói *không*? Bệnh chúng sanh không thật thì pháp trị bệnh chúng sanh sao có thật được! Thí dụ như, người bị bệnh cảm thì rước thầy thuốc lại xem bệnh cho thuốc, thuốc đó có là từ nơi bệnh, nhân bệnh mới có thuốc, uống thuốc rồi bệnh hết, bệnh hết thì thuốc cũng bỏ luôn. Nên bệnh không có thật thì thuốc cũng không thật.

Nếu bệnh đó cố định thì không ai có thể trị được bệnh. Vậy thuốc có giá trị khi người bị bệnh. Thuốc không có thực chất cố định, chỉ dùng để trị bệnh, không bệnh không cần thuốc, nên thuốc không có thật. Cũng vậy, pháp để trị bệnh khổ là pháp Tứ đế. Biết tại sao khổ là biết được nguyên nhân của khổ, là Tập đế. Phương pháp trị hết nhân khổ này là Đạo đế. Hết bệnh, hết khổ là Diệt đế. Đây là pháp tạm dùng đối với người đang khổ, người hết khổ thì không cần dùng pháp, nên pháp không có thật.

Tứ đế *không* rồi, cũng "vô vô minh diệc vô vô minh tận", nghĩa là không có vô minh cũng không có hết vô minh. Vậy là Mười hai nhân duyên cũng *không* luôn. Nhiều khi tụi con thắc mắc, các pháp Thập bát giới là pháp thế gian, hư ảo thì phải, còn pháp Tứ đế, Thập nhị nhân duyên là chân lý sao cũng hư ảo? Đức Phật có nói "Ta nói tất cả pháp để trị tất cả bệnh cho chúng sanh"; vì chúng sanh bệnh, Phật mới chế thuốc nên gọi tùy bệnh cho thuốc. Như vậy, tất cả pháp Phật nói: Tứ đế, Thập nhị nhân duyên... là thuốc để trị bệnh cho

chúng sanh. Khi chúng sanh hết bệnh khổ thì tất cả pháp đều *không*. Hiểu như vậy thì không có gì thắc mắc.

Vậy mà chúng ta bây giờ tu, cứ đem kinh ra tụng hoài, từ năm này qua tháng nọ. Nghiền ngẫm, mở sáng trí tuệ, thấy rõ lẽ thật mới là chiếu kiến, mà mình không chiếu, cứ đọc suông thôi. Ai lười thì đọc một biến, ai siêng thì đọc ba biến, rồi khoe "bữa nay tôi tinh tấn lắm". Như vậy chỉ tu có hình thức chứ không có thực chất. Thực chất là phải thấy đúng như lời Phật dạy. Muốn thấy đúng là phải luôn luôn nghiền ngẫm, quan sát, chiếu soi. Từ thấy đúng như thật, nên buông xả tất cả một cách nhẹ nhàng, thân này không cần phải khổ nhọc công phu.

Đối với thân này, biết rõ nó tạm bợ giả dối, còn ngày nào dùng ngày ấy, hết duyên thì thôi, không sợ gì. Thân chết sống không sợ thì mọi việc khen chê, bỉ thử không đáng quan tâm. Thân không thật, kể cả pháp của Phật cũng không thật, huống là chuyện khen chê, phải quấy. Người tu đạo giác ngộ cầu giải thoát sanh tử, mà chấp chặt mấy thứ giả dối không thật kia, rồi khổ đau. Vậy có thật đi trên con đường cầu giác ngộ giải thoát chưa?

Nên phải thấy cho thật kỹ! Chỉ cần nắm vững tinh thần Bát-nhã, tụi con tu sẽ dễ tiến. Tất cả tâm lăng xăng lộn xộn của tụi con là tại chấp cái này cái kia, hơn thua, phải quấy, được mất, có không. Bây giờ biết rõ tất cả là duyên hợp hư dối không thật thì còn gì mà chấp, còn gì làm tụi con bận tâm. Như vậy, nhờ trí tuệ soi sáng, tâm trong sáng thênh thang. Tu là vậy đó.

Sở dĩ ngày nay tu hành rối như bòng bong là vì chấp quá nhiều. Nghe lời nói hơi trái một chút là không an rồi. Ngày nào tụi con cũng tụng Bát-nhã, tụng đây không phải học thuộc lòng rồi đọc cho hay, mà tụng để thâm nhập. Muốn thâm nhập thì phải chiếu kiến, không quán chiếu thì không vào sâu được. Nhờ biết các pháp không thật nên được định mà định thì trí sáng. Đạt được lý *không* Bát-nhã thì sự tu hành của tụi con rất nhẹ nhàng, điều đó không có gì nghi ngờ. Chính đây là cửa vào nhà thiền.

Nên người nào học đạo, muốn tu thiền mà không nắm vững lý Bát-nhã thì tu khó tiến. Chữ *không* của Bát-nhã này là tánh không. Các pháp không có thật thể, không cố định, gọi đó là *không*. Câu người xưa nói "Thà chấp có bằng núi Tu-di, không nên chấp không bằng hạt cải" đối với chữ *không* này không dính dáng gì. Người không biết nên lầm *không* Bát-nhã và không đối với có này, đem câu đó ra so sánh, sợ mình học Bát-nhã rồi chấp không. Nếu thấu suốt được lý Bát-nhã thì đó là cửa vào đạo, là bước đầu để dừng hết vọng tưởng điên đảo.

Như vậy, từ tối sáng không thật, rồi phải quấy, khen chê... tất cả đều không thật. Một chuỗi dài đối đãi đều không thật. Mình vừa nhớ đến những pháp đối

đãi này, liền biết rõ nó đều không thật thì có gì quan trọng mà bận tâm. Vậy tu có gì khó khăn khổ sở đâu.

Lập pháp đối đãi đó là vì muốn nhân cái này biết được cái kia, nhân cái kia biết được cái này, qua lại. Như nói tối sáng, nói phải quấy... tất cả đối đãi đó là ngôn ngữ, chứ không có giá trị thật. Giá trị thật là bản chất tất cả pháp đối đãi là không thật. Thấy thân này không thật, mọi vật đều là duyên hợp, biết rõ như vậy là trí tuệ.

Trong kinh Kim Cang có câu: "Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai." Thấy Phật dễ quá, phải không? Nếu thấy các tướng là hư dối không thật, không có thứ nào thật, tức là thấy Như Lai. Vậy là mở sáng con mắt trí tuệ, là thấy Phật rồi. Thấy Phật xa hay gần? Rất gần. Mê nên cách xa, ngộ thì thấy Phật rất gần. Phật đã dạy rất rõ trong kinh Bát-nhã và kinh Kim Cang. Thấy các tướng thế gian là hư giả, biết nó không thật là trí tuệ Bát-nhã rồi, thì có gì mà chấp. Nhưng bây giờ, người tu cứ chấp hai bên, thấy gì cũng kẹt phải quấy, tốt xấu... Tối ngày bàn tán xầm xì hoài, mất bao nhiêu giờ quý báu, cho nên cứ điên đảo, tu không tới đâu.

Bây giờ, tụi con đi tới lui, hoạt động như mọi người, mà biết tất cả tướng đều duyên hợp, hư giả không thật, ngôn ngữ hoặc hành động không có gì thật, vậy là mở sáng con mắt trí tuệ. Từ mở sáng mắt tuệ thì mọi phiền não theo đó lặng, lặng phiền não thì tâm định. Con đường giác ngộ ngay đó không xa. Tụi con không nên trông chờ mình tu phải sớm thấy đạo, được đạo, mà cứ quán chiếu thường xuyên như vậy, thì có ngày thấy đạo. Thấy pháp nhân duyên là thấy đạo rồi. Hàng ngày đi đứng nằm ngồi cứ quán chiếu vậy là đã tu, là thấy đạo. Còn điều gì tăng thêm lúc ngồi thiền nữa thì cũng tốt.

Thấy đạo là do chiếu kiến, chứ không phải do ngồi chờ thấy đạo. Nên hằng ngày phải sống bằng con mắt trí tuệ thì mọi mê lầm của thế gian dần hết. Mê lầm tan thì không mong chờ giác ngộ cũng giác ngộ. Vậy có nên đi kiếm giác ngộ ở đâu không? Nhiều khi mấy đứa con vẫn ảo tưởng mình ngồi thiền phải bừng sáng như Phật, vậy mới đúng. Có người còn ảo tưởng mong biết quá khứ vị lai nữa. Hồi xưa, chưa ai chỉ con đường tu cho đức Phật, nên ngài ngồi thiền, bừng sáng, mới chứng Tam minh Lục thông. Bây giờ, Phật đã chỉ cho chúng ta rồi, nên chỉ đi đúng con đường đó thì sẽ tiêu trừ hết phiền não, trí tuệ tự sáng, chứ đâu phải đợi ngồi mới sáng.

Cũng như những nhà bác học, khi muốn khám phá ra điều gì, phải dùng hết tâm lực để thử nghiệm, tới chừng sáng ra, mới phát minh được điều đó. Bây giờ mình chỉ làm đúng với những điều phát minh trước đó là được, chứ giờ mình muốn phát minh ra cái mới làm chi cho tốn thời giờ. Điều mà Phật

đã thấy rõ bằng trí tuệ giác ngộ, đem chỉ dạy cho, bây giờ mình sống đúng với những lời dạy đó là đã có trí tuệ.

Phật nói thấy rõ các pháp đều phi tướng là thấy Phật. Thấy như vậy là gần với Phật rồi, còn tụi con muốn tự kiếm ánh sáng như Phật xưa ngồi dưới cội Bồ-đề giác ngộ, thành ra tu lâu lơ lâu lắc, tu hoài không thấy gì hết, nghĩ mình ngu muội quá, rồi chán. Mình không chịu mở sáng con mắt trí tuệ mà không ngu muội sao được. Thế nên, mỗi đêm tụng kinh Bát-nhã để nhắc tụi con cần thấy biết rõ như vậy là đã có cái thấy giống Phật.

Thầy nói đại khái để tụi con nắm vững chữ *không* của kinh Bát-nhã. Nhiều khi không hiểu cũng lúng túng, sau nghe ai nói, lại sợ *chấp không*. Hiểu lý Bát-nhã rồi, từ đây về sau tất cả mọi thứ đối đãi đều bỏ, đều quăng vô sọt rác hết nghe!

Tự tứ 15-07 Kỷ Mão (25-08-1999)

Hôm nay là ngày tự tứ của chúng tăng, nói riêng là của ni chúng thiền viện Trúc Lâm, Thầy có ít lời nhắc nhở, đồng thời cũng chỉ rõ ý nghĩa tự tứ cho tất cả chúng biết.

Người chủ lễ nhận lời cầu thỉnh của ni chúng để chỉ những lỗi lầm khi thấy, nghe hoặc nghi, nhưng toàn buổi lễ, ai thưa Thầy cũng nói "Tốt lắm!", ai cũng tốt. Vậy buổi lễ chỉ có hình thức máy móc, phải không?

Đây, Thầy giải thích vì sao gọi là tự tứ. Nhiều khi cứ nói tự tứ, quen rồi như thuộc lòng mà tự tứ là gì thì ít người hiểu. Tự là mình, tứ là mặc tình hay tha hồ. Tức mình cầu xin người chủ tự tứ, mặc tình thấy, nghe hay nghi có lỗi gì đó thì đem ra chỉ dạy, để vị đó biết mà sám hối. Lễ Tự tứ có tính cách cao thượng: Cầu xin, cầu thỉnh người lớn chỉ những lỗi lầm, không phải chỉ những lỗi thấy thôi, mà cả lỗi nghe và nghi nữa.

Người muốn thân tâm được sạch hết những lỗi lầm, thì phải cầu xin vị chủ tự tứ chỉ cho mình tất cả tội lỗi, để sám hối. Tâm đó hết sức thanh tịnh thì lý đáng người chủ tự tứ phải chỉ lỗi từng người. Người nào có lỗi thì phải chỉ ra cho họ sám hối. Nhưng suốt buổi không thấy chỉ lỗi người nào thì lễ Tự tứ có máy móc không? Như vậy, việc làm đó gần như làm lấy lệ. Thầy sẽ giải thích cho tụi con biết.

Ngày xưa, Thầy rất lấy làm lạ về việc làm này. Tới ngày tự tứ, mặc người cầu thỉnh, cũng không nghe một câu chỉ dạy nào. Chỉ bảo "Tốt!", ngày xưa thì dùng chữ "Thiện!", chứ không có lời nhắc nhở gì. Vậy nên lời cầu xin được chỉ lỗi trở thành vô nghĩa. Nhưng từ đó, Thầy nghĩ phải làm sao cho việc làm đó có ý nghĩa cụ thể hơn, nên Thầy bắt tăng ni phải thỉnh nguyện hàng tháng.

Thỉnh nguyện là gì? Là tự mình sám hối lỗi lầm trước chúng. Còn nếu không tự thấy thì cầu xin, không những người lớn mà tất cả huynh đệ, ai thấy lỗi thì chỉ giùm để mình biết lỗi sám hối. Như vậy có giống tinh thần tự tứ không? Đó là tinh thần tự tứ. Vậy mỗi tháng trong mùa an cư, tụi con đều có tự tứ, đã cầu xin chỉ dạy những lỗi lầm rồi, tới ngày nay Thầy chỉ nói "Tốt!" là đủ. Chứ những tháng kia tụi con không thỉnh nguyện, Thầy cũng không chỉ dạy gì, thì bây giờ nói "Tốt!" là máy móc.

Tại sao ngày tự tứ gọi là ngày Phật hoan hỷ? Phật dạy tăng ni sau ba tháng an cư tu hành, can đảm tha thiết cầu xin người lớn thương xót chỉ lỗi, chẳng những lỗi khi thấy mà cả lỗi nghe, nghi cũng chỉ ra để sám hối. Nếu từ lỗi lớn đến lỗi nhỏ, đều cầu xin chỉ cho để sám hối thì người đó còn tội không? Chúng tăng ni tu hành đã có đạo lực, đồng thời nguyện chừa bỏ tất cả những lỗi lầm thì tâm thanh tịnh, vậy nên Phật hoan hỷ. Những ngày thường do còn ôm ấp lỗi lầm trong lòng, không chịu phát lồ nên không thanh tịnh. Còn ngày này, cởi mở sạch hết nên được thanh tịnh, ngày đó Phật rất vui mừng nên gọi ngày Phật hoan hỷ.

Tụi con nhớ ngày tự tứ cũng là lễ gì nữa? Lễ Vu- lan. Theo Trung Hoa thì ngày này có ba nghĩa: một là Phật hoan hỷ, hai là xá tội vong nhân, ba là giải đảo huyền: mở trói cho tội bị treo ngược. Vu-lan là tiếng Phạn, nghĩa là cầu nguyện cho tất cả vong nhân ở trong kiếp địa ngục, ngạ quỷ được thoát khổ nên gọi là xá tội vong nhân. Ý nghĩa này bắt nguồn từ tự tứ, ngày Phật hoan hỷ. Do bà Thanh Đề mẹ đức Mục-kiền-liên bị đọa nơi địa ngục Vô gián. Tôn giả muốn cứu mẹ nhưng không được, nên cầu thỉnh đức Phật chỉ dạy cách cứu bà. Phật dạy ngài Mục-kiền-liên, nhân ngày chúng tăng tự tứ, cúng dường cầu nguyện cho mẹ siêu thoát kiếp ngạ quỷ. Nhờ tâm thanh tịnh của tất cả chúng tăng cầu nguyện, nên bà Thanh Đề được sanh thiên.

Vậy trọng tâm của lễ Vu-lan là lễ Tự tứ. Từ lễ Tự tứ, tăng ni thanh tịnh nên cầu nguyện được kết quả, cảm được các vong nhân chuyển tâm mê muội thành tâm thiện lành, liền thoát khỏi kiếp ngạ quỷ, địa ngục, nên gọi là xá tội vong nhân. Những tội nặng như tội bị treo ngược cũng được thoát khỏi. Nên ngày này rất hệ trọng mà trọng ở chỗ tự tứ.

Ngày tự tứ, nếu trong chúng cả trăm người, mà thầy chỉ lỗi người này, lỗi người kia chừng nào mới xong! Vì không có thời gian chỉ lỗi từng người, nên trước lễ Tự tứ chư tăng ni đã thỉnh nguyện để biết lỗi sám hối. Tự tứ là tinh thần giải hết những tội chướng của mình, khi được người khác thấy lỗi chỉ cho, mình thành tâm sám hối cho tiêu sạch hết nghiệp chướng.

Ý nghĩa thỉnh nguyện hay tự tứ rất hệ trọng trên đường tu. Vị thầy hoặc huynh đệ thấy lỗi của mình, chỉ cho, mình nên buồn hay nên mừng? Đúng lý

được chỉ lỗi thì nên mừng, vì nhờ chỉ lỗi, mình thấy biết rồi sám hối thì tâm trong sạch. Từ tâm trong sạch, tọa thiền mới thanh tịnh. Nếu người chỉ lỗi cho, mình buồn, giận hờn thì đó là tâm ích kỷ, tâm phiền não. Mà tích lũy phiền não thì chừng nào giải thoát sanh tử?

Người biết tu là biết quý trọng người đã thương xót chỉ những lỗi lầm cho mình. Nên được chỉ càng nhiều thì càng mừng, càng mang ơn. Vậy mà có người thường được nhắc nhở thì lại phàn nàn người kia khó, rồi đâm ra bực bội. Đó là muốn tích lũy phiền não trong lòng, chứ không muốn dẹp sạch nó. Phật chú trọng ngày chư tăng giải bày lỗi lầm, để những bậc trưởng thượng chỉ bảo cho. Đó là điều nên vui mừng. Vậy thì cuối tháng tụi con được nhắc, được chỉ lỗi là đáng vui hay đáng buồn? Phải can đảm nhận rằng đó là dịp tốt để sửa đổi lỗi lầm. Có người nào trên thế gian này không có lỗi lầm. Nhưng, có lỗi tự thấy được, có lỗi không tự thấy thì nhờ người chung quanh chỉ giùm để sửa. Đó là một cơ hội tốt trên đường tu.

Ý nghĩa thỉnh nguyện trong mỗi tháng là Thầy thể theo tinh thần tự tứ, tinh thần ngày Phật hoan hỷ. Vậy mỗi tháng chúng ta đều thỉnh nguyện, Phật có hoan hỷ không? Chắc Phật hoan hỷ có phân nửa. Vì có người bị chỉ lỗi, giả bộ ra sám hối, chứ trong lòng buồn buồn. Mọi người được chỉ lỗi, ai cũng vui vẻ thì Phật mới hoan hỷ trọn vẹn. Từ đây về sau, nhớ phải làm sao trong buổi thỉnh nguyện được thầy, bạn chỉ lỗi cho, tụi con hoan hỷ sám hối để tiêu hết những nghiệp chướng. Thay vì một năm Phật hoan hỷ có một lần, mình thỉnh nguyện vậy, Phật hoan hỷ tới mười hai lần.

Phật dạy ngài Mục-kiền-liên thỉnh chúng tăng cầu nguyện cho mẹ, chỉ vào ngày tự tứ này, chứ không vào những ngày khác. Vì ngày này là ngày chúng tăng thanh tịnh nhất. Chúng tăng thanh tịnh thì cầu nguyện có kết quả, chúng tăng tâm phiền não thì cầu không được gì. Tụi con hiểu tinh thần tu là làm sao cho tiêu hết nghiệp chướng, tất cả lỗi lầm đều sạch thì đó là biết tiến tu. Còn người chứa chấp phiền não, buồn giận, nghe chỉ lỗi liền quạu quọ thì tu chẳng những không tiến mà còn thụt lùi. Cho nên phải hiểu cho tận gốc rễ. Nếu hiểu không đúng thì sự tu không có kết quả.

Như vậy, ngày Vu-lan này, từ ý nghĩa tự tứ của chúng tăng, được Phật hoan hỷ, nên mới có hai kết quả: giải tội cho vong nhân và cứu được tội bị treo ngược. Lễ Vu-lan là quả có được từ nhân tự tử thanh tịnh. Bây giờ chúng ta lo làm lễ Vu-lan cho hoành tráng mà ý nghĩa tự tứ không xem trọng, đó là không biết được nhân. Nhân là tâm chư tăng ni được thanh tịnh thì làm lễ Vu-lan mới có kết quả, chư tăng ni không thanh tịnh thì lễ Vu- lan chỉ có hình thức thôi, không được lợi ích gì. Đó là điều hết sức quan trọng.

Hôm nay, nhân ngày tự tứ, nhắc cho tụi con biết ý nghĩa tinh thần tự tứ. Hiện giờ, có phải tụi con ứng dụng thỉnh nguyện theo tinh thần tự tứ không? Nếu đúng theo tinh thần này, thì ráng mỗi tháng khi thầy, bạn chỉ lỗi phải vui vẻ nhận, thật tâm thấy lỗi nên ra sám hối một cách thanh tịnh. Vậy sự tu sẽ tiến và sẽ được kết quả tốt.

Ngày 28-07 Kỷ Mão (07-09-1999)

Hôm nay Thầy có ít lời nhắc cho toàn chúng. Trên đường tu, chúng ta phải làm sao để trở thành người có tư chất hoàn hảo, không được một trăm phần ít ra cũng được tám chín mươi phần. Đừng làm người tu không ra người tu, người đời không ra người đời.

Tất cả tụi con thấy, nhiều khi có những lỗi mới nghe thì thấy nhẹ, nhỏ nhưng xét kỹ thấy lớn. Trong nhà Phật, người xuất gia phải lấy giới luật làm căn bản, có giữ luật giữ giới thì đường tu mới đi tới chỗ giải thoát. Giới thuộc về Biệt giải thoát, tức là giữ giới phần nào thì được giải thoát phần đó.

Giới luật Phật chế ra rất nhiều, rất đầy đủ, nhưng hoàn cảnh chúng ta ngày nay có những khác biệt với thời trước. Là khác biệt gì? Cách đây hơn hai ngàn năm Phật chế giới luật cho chư tăng ni, ngày nay thời gian cách Phật quá xa, vạn sự trên thế gian biến chuyển, hoàn cảnh không còn giống như xưa nữa. Mà giới luật thời đó, Phật nhắm vào tập tục xã hội người Ấn. Sang người Việt Nam thì có nhiều duyên không thích hợp được, nên khó giữ tròn hai trăm năm mươi giới hay ba trăm bốn mươi tám giới.

Bởi vậy, sau này Thầy chỉ lấy mười giới làm căn bản thôi. Mười giới căn bản mà không giữ được là thiếu sót rất lớn, đời tu khó có kết quả. Mười giới và Lục hòa tụi con phải chú trọng, phải kính vâng giữ, đừng coi thường. Vì coi thường giới luật là không trọng đạo, không kính Phật. Đó là lỗi rất nặng. Thầy chỉ nói Mười giới, mong tụi con giữ tròn, đó là đủ rồi. Còn những phần chi tiết khác, tụi con đọc để biết, nếu giới nào giữ được thì phải giữ tròn. Mười giới và Lục hòa, mỗi tháng đọc đi đọc lại, tự tụi con thấm sâu, hiểu rõ mà còn phạm thì khó tha thứ.

Thầy đặt nặng tụi con phải có tinh thần tự giác cao, nếu tự thấy dở thì phải thức tỉnh, sám hối những lỗi dở của mình. Những điều gì trong giới luật đã răn cấm mà không chịu gìn giữ, không làm được, thì thọ giới làm gì! Nhất là những giới trọng, chẳng hạn như giới nói dối, người tu nếu nói không đúng lẽ thật, thì lời nói đó vô giá trị. Bây giờ nói dối, mai mốt lớn lên tại con cũng nói như vậy, thì đâu còn tư cách người tu nữa. Không nói dối là trọng giới Phật đã cấm, giới này không giữ được thì những giới khác chắc gì giữ được.

Nên giới nói dối mới nghe dường như nhẹ, nhưng nhìn sâu mới thấy phạm giới đó lỗi rất nặng. Vì mình nói dối, người khác biết được thì họ hết tin. Người

ta không tin, thì làm sao giảng cho họ biết đạo để tu. Như vậy, đời mình tàn lụi. Nên đức Phật dạy phải trực tâm, phải nói lời ngay thẳng đúng với đạo lý. Bởi đạo Phật chỉ sự thật cho tất cả chúng sanh thấy, hiểu để tu. Bây giờ mình tập thành thói quen nói dối, mà dối thì làm gì có sự thật, không nói sự thật thì lời nói sao có đạo lý. Nên tụi con thấy thói nói dối là nguy hiểm, làm cho đời tu mất hết ý nghĩa.

Tụi con phải ráng tập, những gì cần nói, phải lựa lời nói cho đúng. Người ta tin được thì mới nghe theo, mới tu theo. Lời nói không tin được thì không ai nghe, mà không nghe thì làm sao tu. Là một người giảng dạy đạo lý mà nói dối thì không còn giảng dạy gì được, nên tất cả tụi con đừng xem thường, cho rằng nói dối không giết hại ai. Sự thật, nó chẳng những làm mất uy tín mà còn làm cho cả đời mình cũng không làm được Phật sự, tới ai mình nói người ta cũng không muốn nghe. Đó là điều hết sức quan trọng.

Là người tu, tụi con phải tha thiết, phải chân thành học đạo, phải nói cho đúng đạo lý. Điều sai, dù cho sai nhỏ mình cũng không dám nói, vậy thì lớn lên mình mới có thể nói đạo lý để người ta tin, ứng dụng tu. Tất cả tụi con, từ đây mãi về sau phải nhớ, đừng quá phương tiện, sau lệch lạc hồi nào không hay.

Nhiều khi Thầy thấy ở chùa cũng dùng lời nói không thật để làm cho Phật tử xót xa, để cho người ta cúng dường. Mình chưa đói mà than "hết gạo", chưa hết tiền mà than "lúc này túng thiếu...", làm cho Phật tử tưởng thật, họ thương nên xuất tiền xuất của ra cúng cho mình. Đó là điều không tốt.

Ở đây, Thầy chưa bao giờ than một điều gì, không bao giờ xin một thứ gì. Nhưng thấy Thầy làm Phật sự, tự nhiên người ta phát tâm ủng hộ, là vì lòng chân thành của mình, không nghĩ tới quyền lợi. Tụi con thấy, bãi giữ xe thiền viện không thu tiền, trái lại còn thuê người giữ. Vậy Thầy có đặt quyền lợi gì đâu, chỉ làm sao cho người đến chùa lòng thanh thản, đi chùa lễ Phật vui vẻ là được rồi. Đó là tạo duyên cho mọi người tu. Không nghĩ tới quyền lợi thì tâm đó mới thật vì đạo. Tụi con cũng vậy, ngày nay là chúng, rồi mai kia cũng là trụ trì, là người lớn, nên phải tập vì tất cả chúng sanh để làm lợi ích cho họ, đừng vì riêng tư, vì lợi nhỏ mà làm hại người và hại luôn cả đời mình.

Đời người tu phải sống đời ngay thẳng trong sạch, đáng làm gương mẫu cho thiên hạ. Vì vậy, tụi con ráng tập, những điều dở đừng để cho tiếp tục, đừng để nảy sanh những thói không hay, khiến người đời, huynh đệ chung quanh bàn tán, bất mãn, dị nghị. Tu là chân thành, tu là vì tìm chân lý, mà sự thật chỉ có nơi người chân thành thiết tha, không có ở người dối trá. Bởi vậy nên tụi con phải quyết tâm giữ sự chân thành thiết tha để cầu đạo thì sẽ được

đạo. Nếu mình xảo quyệt dối trá thì đạo rất xa, không bao giờ thấy được. Nếu có thấy thì chỉ thấy những mảnh vụn không giá trị.

Vì vậy Thầy mong tất cả tụi con, từ lớn tới nhỏ phải nghĩ đến tương lai. Mình là người có trách nhiệm chỉ dẫn cho thế hệ mai sau, hướng dẫn Phật tử nên lời nói phải chân thật, mới có lợi ích cho chúng sanh. Đừng mang những lời nói dối trá vào cuộc sống, làm hỏng đi một đời tu hành, mà còn mang tiếng xấu cho đạo. Vậy mong tất cả từ đây về sau cố gắng.

Ngày 28-08 Kỷ Mão (07-10-1999)

Tụi con có can đảm hứa, từ nay về sau sẽ hết sân không? Thầy hỏi đôi ba phen mà không ai dám đưa tay lên hết vậy? Tu ở thiền viện bao nhiêu năm rồi, chỉ có ba chú độc này mà chưa chừa được chú nào thì làm sao giải thoát!

Bây giờ tụi con phải can đảm hứa với Thầy chừa bỏ một chú. Chỉ chừa bỏ chú sân thôi. Ai can đảm hứa từ đây về sau sẽ không nổi sân nữa? Ban đầu một người không sân, rồi hai người, cuối cùng mười người... không sân. Vậy thì tốt biết bao nhiêu.

Người tu cốt là giải thoát sanh tử, mà còn chứa ba thứ độc là còn trầm luân, đi trong sanh tử, làm sao giải thoát? Bỏ ba rắn độc một lần không nổi, bây giờ bỏ trước con rắn sân. Tụi con can đảm, hứa từ giờ này cho đến trọn đời không bao giờ sân, ai dám hứa? Từng người đưa tay lên coi. Bữa nay Thầy không đem sổ, bữa khác đem sổ theo, ghi đàng hoàng. Nếu bảo người ta đừng chọc mình, đó là còn sân nên không dám thử thách. Vì có bị người chọc mới biết mình còn sân hay đã hết. Nếu không cho người ta chọc tức, là chấp nhận mình còn sân. Vì vậy, muốn biết hết sân chưa thì phải cho người ta chọc ghẹo, để biết đó là vàng thật hay vàng giả. Đừng đổ thừa tại người ta chọc tức mà hãy thừa nhận mình cởi bỏ chưa hết.

Nếu năm nay tụi con hết sân, năm tới hết tham, rồi năm tới nữa hết si, thì được giải thoát sanh tử. Ba thứ độc đó hết, chưa đạt tới bậc Thánh thì ít nhất cũng tới bậc Hiền. Chẳng lẽ tu đứng mãi một chỗ, phải tiến lên chứ! Thầy cho đi từ từ từng bước như vậy, mới thấy bước tiến của tụi con.

Ngồi thiền thì định tăng tiến, còn tu trong sinh hoạt thường ngày, gỡ sạch phiền não là tiến bộ của nội tâm. Dù mình tu hay mà nổi sân thì cũng hết hay. Ngồi thiền bốn năm tiếng đồng hồ mà ra ngoài có người động tới liền nổi sân thì chưa phải là thiền thật. Vì vậy, Thầy muốn tụi con sạch hết sân.

Từ dẹp tham sân si này, dần dần sẽ tiến lên, diệt sạch tất cả phiền não. Vậy, tụi con mỗi năm sẽ có một bước tiến vượt bậc. Còn ba năm nữa Thầy nghỉ thì tụi con sẽ hết sạch tham, sân, si. Nói vậy để tụi con thấy, tu phải có bước tiến chứ không được lùi. Phải mạnh mẽ lên chứ thả lỏng, tụi con lơ là.

Không có duyên nghịch gì thì không sân là chuyện thường, mà gặp việc trái ý không sân mới là thật. Nên tụi con phải hứa, nổi sân lên thì phải sám hối với toàn chúng, lạy ba lạy. Vì trước đã hứa mà không làm tròn là nói dối, nên phải lễ toàn chúng tạ lỗi, không phải chỉ lễ Thầy thôi. Nếu thốt ra lời hoặc có hành động thì phải lạy từng người. Bắt buộc vậy đó, tụi con tu mới tiến.

Thôi, bao nhiêu đó để tụi con chuẩn bị lo tu, để bữa nào đụng đầu mà không sân mới hay. Được vậy, ngày sau ra giảng đạo, làm Phật sự, đó mới là thứ thiệt. Chứ trốn trong thất thì yên, ra gặp duyên liền nổi sân thì chưa được.

Ngày 28-09 Kỷ Mão (05-11-1999)

Thầy nhắc nhở, chúng ở đây trong thời gian năm sáu năm qua, đã có những người tu tiến, đáng khen đáng mừng, cũng có những người tu không tiến, sanh ra chểnh mảng, thối chí, đó là điều đáng buồn.

Thầy từng nói với tất cả tụi con, Thầy dạy ba năm nữa thôi, sau đó Thầy nghỉ hoàn toàn, không thỉnh nguyện, không rầy dạy nhắc nhở gì. Như vậy, chỉ trong vòng ba năm này, nếu ai quyết tâm tu, quyết tâm học hỏi, hiểu đạo lý rõ ràng, để trên đường tu không bị trở ngại thì phải cố gắng học, cố gắng tu. Còn ai cảm thấy ngang đây mỏi mệt rồi thì cứ xin Thầy rời đi, không điều kiện gì, như trong Thanh quy nói.

Ai không muốn ở đây thì khỏi cần bày chuyện, cứ ra thưa Thầy "con không kham ở đây nữa, Thầy cho con về", Thầy cho liền, chứ không ngăn cản hay rầy la gì. Vậy, không có lý do gì khiến tụi con phải bày chuyện này chuyện kia để xin xỏ cho mất công. Hiện giờ có nhiều người ham tu, nghe thời gian Thầy dạy không lâu nữa, họ muốn xin vào đây mà chưa có chỗ ở, Thầy chưa giải quyết được. Trong khi đó có những người ở đây mà không thích, thì cứ nhường chỗ cho người khác là tốt, chứ đừng ngại.

Tụi con đến đây tu, từ buổi đầu Thầy đã nói rõ, Thầy bảo đảm tụi con được sống trong điều kiện tốt. Thứ nhất, tứ sự không thiếu thốn. Thứ hai là Thầy luôn tạo điều kiện để tụi con hiểu đạo, tu đúng chánh pháp. Thứ ba là tạo duyên cho tụi con khỏi bận tâm, khỏi bị những chuyện bên ngoài lôi kéo. Thí dụ như ở chùa riêng, tụi con phải đi cúng, đi làm này kia, ở đây thì tuyệt đối chỉ chuyên tu, không đi đâu cũng không bận rộn khách khứa. Thầy đã tạo đủ duyên để tụi con tu, mà không chịu tu thì Thầy cũng không biết nói sao. Vậy, ai cảm thấy không thích ứng kịp, không muốn ở đây, thì thưa Thầy cho đi, để những người ham tu đến tu trong ba năm cũng là quý. Đừng nghĩ đã ở rồi thì phải ở cho trót. Ở mà không chịu tu thì không được.

Với bao nhiêu tâm huyết, Thầy cố gắng thực hiện cho được những điều Thầy mong mỏi từ lâu. Giờ, Thầy thực hiện được môi trường chuyên tu đúng như hoài bão của mình, thì những người đến ở tu là những người Thầy trông

đợi mai này thay thế Thầy. Ai không chịu cố gắng tu, không chịu thực hành thì thật phí uổng công lao của Thầy nhiều lắm. Cho nên, tụi con đừng ngại ngùng, nếu cảm thấy không kham nổi, không phù hợp thì cứ xin rút lui, Thầy sẵn sàng cho. Còn ai ở lại, phải chí thành, phải cương quyết tu hành, một ngày đáng một ngày, không lôi thôi.

Vì tu là con đường dài, có thầy, bạn nhắc nhở và hướng dẫn tu là điều khó kiếm, không phải dễ. Ngày nay đã đủ những điều kiện đó mà tụi con không chịu tiến thì còn chờ gì. Nếu không tu thì thôi, còn đã tu thì phải xứng đáng là người tu. Lúc nào cũng phải có tâm cố gắng, làm sao tu được an vui, làm sao tu cho có kết quả, làm sao hiểu Phật pháp cho đúng. Những điều đó tụi con phải thực hiện cho được. Thầy đã lo, đã sắp đặt, không để tụi con chịu thiếu thốn, đã có được duyên tốt đó mà tụi con không cố gắng tu là lỗi lớn. Thời gian không còn dài, chỉ còn khoảng ba năm thôi, Thầy không muốn để phí vô ích.

Thầy nhắc lại, tất cả tụi con, ai cảm thấy mệt mỏi, muốn rút lui thì cứ tùy ý. Còn ai muốn ở đây quyết tâm tu thì cố gắng, đừng lơ là, đừng để mất thời gian vô ích. Việc Thầy làm là vì tụi con mà làm, lo cất chùa để có chỗ cho tụi con tu. Thầy đâu có ở đây hoài, nhưng vì Phật pháp, vì độ chúng sanh nên Thầy phải cố gắng làm. Tụi con hiểu như vậy thì cố gắng tu để tự cứu mình và có đủ khả năng hướng dẫn những người sau. Nếu không thì công việc của Thầy chẳng những không tròn mà lại vô ích nữa.

Hôm nay, Thầy nhắc nhở chung cho tất cả tụi con, nếu quyết tu thì phải cố gắng, còn nếu thấy mỏi mệt cứ can đảm xin rút lui, nhường chỗ cho người khác. Đừng lừng khừng mất thời gian vô ích, mà không có chỗ cho những người ham tu đến tập tu. Đó là lời nhắc nhở của Thầy, mong tất cả nhớ và cố gắng.

Ngày 28-10 Kỷ Mão (05-12-1999)

Thầy có những lời nhắc nhở toàn chúng. Trong Thanh quy đã nói, thể theo tinh thần Trúc Lâm Đại Đầu-đà thì chúng ta phải tập ba đức tính: dứt khoát, kiên quyết và đạm bạc. Đây nói riêng đức tính dứt khoát.

Tại sao phải dứt khoát? Chúng ta can đảm bỏ tất cả để vào chùa tu, đó là việc lớn, không phải việc nhỏ. Còn người thế gian, họ không dám rời xa cha mẹ anh em, những người thân thuộc, không dám bỏ nhà ra đi như vậy. Ngày nay vì sự tu hành mà chúng ta dứt khoát bỏ tất cả những thứ mà thế gian không dám bỏ để vào chùa tu. Đó là thái độ hết sức mạnh mẽ, hết sức cương quyết, vì đạo, vì việc lớn mà quên hết tình chấp nhỏ. Vậy khi vào đạo rồi, phải nuôi chí lớn đó, phải biết mình là người vì đạo mà đi tu, chứ không vì lý do nhỏ nhặt nào. Cho nên, khi vào chùa rồi, phải tập giữ tư cách của người xuất gia, nguyện cầu giải thoát sanh tử để cứu độ chúng sanh. Đã nguyện như vậy thì phải thấy trách nhiệm hằng ngày nên làm những gì, phải tu như thế nào.

Trên đường tu, qua nhiều kinh nghiệm, Thầy thấy rõ, nếu là người quyết tâm tu mà bận bịu những việc tình cảm, phải quấy qua lại, thì không bao giờ tu đến nơi đến chốn được. Như người làm trụ trì, có một số bổn đạo. Bổn đạo bệnh thì tới thăm, cầu an, bổn đạo chết thì đi đưa đám, cầu siêu. Nếu trụ trì có vài ngàn bổn đạo, tối ngày chỉ lo làm vui lòng đệ tử, không còn thời gian tu, vô tình bị tình cảm cột trói mà quên lý tưởng của mình. Ở đây, thiền viện hạn chế đi đám, không tổ chức lễ lượt, không đi ra ngoài, để tụi con dồn hết thời gian trong việc tu, cố gắng dẹp sạch phiền não, mở mắt trí tuệ, rồi đi tới giải thoát sanh tử. Tụi con phải tập dứt khoát, không nuôi dưỡng tình cảm như người thế gian. Thứ nhất là tình cảm trong chùa, không có tâm thương mến huynh đệ, trói buộc, rồi buồn giận, làm trở ngại đường tu. Thứ hai là tình cảm với bổn đạo, những người ở đây ở kia, dù mình có quý mến, cũng không bận tâm giao du, thăm viếng.

Ngày xưa, lúc ở trường, nhiều khi Thầy thấy rất buồn. Vì có những người Phật tử khá giả, nhiều phương tiện, có thể giúp đỡ chùa thì chư tăng ni xúm lại đón mừng tử tế, muốn được lòng người Phật tử đó. Thầy nghĩ mình đã nguyện đi tu để giải thoát sanh tử, cứu độ chúng sanh. Mà vì nhu cầu thiếu thốn nên muốn có thí chủ ủng hộ, rồi phải chiều uốn theo họ, làm mất mình, mất tất cả lý tưởng cao siêu. Nên Thầy thấy không tốt.

Ngày nay ở thiền viện, bắt buộc tụi con phải sống đúng với nếp sống tu hành. Những gì thấy là nhu cầu không thể thiếu được thì thiền viện lo cho tụi con có đủ, để cảm thấy không cần về nhu cầu vật chất nữa. Như vậy, giả sử có trăm Phật tử, ngàn Phật tử tới, mình vẫn bình thường, không cần làm thân, cũng không muốn được lòng họ để được họ giúp đỡ. Như vậy mới giữ được nét thanh cao của người tu.

Như Thầy bây giờ, Phật tử quy y với Thầy hơn hai mươi ngàn người, nếu Thầy chiều theo những Phật tử đó, ai có bệnh thì tới thăm, ai chết thì tới cầu siêu, Thầy đi và dẫn tụi con hết người này đến người kia đi đám, thì chắc đời Thầy chỉ làm một việc đó thôi, không tiến tới đâu. Rồi tụi con cũng vậy, cũng chạy theo đó, thì sẽ không còn thời gian làm được việc gì cao siêu hơn.

Thầy thường nhắc mấy Phật tử thí chủ thường giúp đỡ cho thiền viện là Thầy chỉ có bổn phận dạy, chỉ đường cho họ tu, chứ khi họ chết Thầy không đưa đám. Thầy can đảm, cương quyết như vậy, dù cho thí chủ gần xa có nhắm mắt Thầy đều không đi. Nhờ đó mà Thầy có thời gian ở tại thiền viện tu, nghiên cứu Tam tạng, phiên dịch kinh sách để dạy tụi con.

Tụi con phải có thái độ dứt khoát, không vì chiều theo Phật tử, làm mất thời gian quý báu của mình. Nếu không, lúc đầu tụi con vào chùa thì còn tốt, sau chiều uốn theo Phật tử, họ đòi gì làm theo nấy, cuối cùng mất chí hướng,

rốt cuộc đường tu của mình không còn cao thượng. Nên mình phải học thái độ dứt khoát của vua Trần Nhân Tông. Khi ở tại ngôi vị, ngài là một người lãnh đạo đất nước, tất cả những chuyện hiểm nguy chống giặc ngoại xâm, ngài đều làm tròn trách nhiệm. Khi đi tu, ngài dứt khoát bỏ hết, không bận tâm với ngai vàng, điện ngọc. Theo trong sử sách kể, sau khi xuất gia, ngài không chịu đi thuyền rồng như ngày trước. Từ Thăng Long là Hà Nội bây giờ tới núi Yên Tử, ngài chỉ đi bằng đường bộ. Vậy nên, khi ngài đi tu rồi thì ngài làm được những điều hay, điều tốt cho đạo, còn lưu truyền tới ngày nay, chúng ta phải học theo gương đó.

Hồi xưa ở nhà, dù tụi con có người sanh trong nhà giàu có, nhưng khi vào đạo rồi, đều phải sống giống như tất cả huynh đệ. Không được nghĩ mình là người khá giả, giờ phải sống với điều kiện ở chùa như vầy là thiếu, là nghèo. Mình phải sống dứt khoát như vậy, phải thấy tất cả những gì của thế gian, không còn là của mình. Mà chỉ nghĩ ngày nào còn sống, ráng siêng tu cho có kết quả, mới xứng đáng một đời tu.

Kế nữa, Thầy thấy hiện giờ tụi con nếu theo thời khóa tu đều đặn bình thường thì sự tu hành tuy có tiến, nhưng tiến nhẹ, ít có đột phá. Nên Thầy lo cất thất để tụi con thay phiên nhau nhập thất. Những ngày tháng nhập thất, tụi con mới tận dụng hết khả năng của mình để tu cho có kết quả. Nhờ vậy, thỉnh thoảng ở đây có người khi nhập thất ra, có những đột phá mới và thấy được những gì từ xưa đến giờ chưa từng biết, chưa bao giờ thấy.

Mỗi lần tụi con nhập thất ra, tuy cũng có một hai trường hợp hơi lôi thôi nhưng đa số đều có chỗ tiến đáng mừng. Mỗi lần tăng ni ra thất trình, Thầy thấy rõ có những bước tiến không ngờ, khiến họ tăng trưởng lòng tin đối với đạo. Như vậy, tụi con thấy trên đường tu, nơi nào tạo đủ điều kiện để tu tiến được thì đó là chỗ lý tưởng. Chứ đừng nghĩ rằng, chỗ nào chiều mình, nuôi dưỡng mình trọng hậu là chỗ lý tưởng.

Trong kinh Tăng Nhất A-hàm, phẩm Mã Vương, đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

"Nếu ở nơi làng xóm, mà pháp lành dần dần tiêu diệt, pháp ác *tăng trưởng, ý niệm không chuyên nhất*, *không đến chỗ vô vi an ổn. Tỳ-kheo ấy cũng không vì được y phục, mền nệm, thức ăn uống*, *giường nằm, tọa cụ, thuốc men mà làm Sa-môn. Điều mong muốn của vị ấy nay không đạt kết quả. Vị ấy nên* rời *trú xứ kia, đi nơi khác*.

Nếu có *Tỳ-kheo ở chỗ vắng trong nhân gian, nơi làng xóm, pháp lành tăng trưởng*, *pháp ác tiêu diệt, tứ sự cúng dường* do *siêng năng* khổ *nhọc mới* có, *cũng không vì y phục mà xuất gia học đạo, tu phạm hạnh*. *Điều mong muốn*

của vị *Tỳ-kheo ấy khi* học *đạo thảy đều thành tựu. Tỳ-kheo ấy nên suốt đời ở tại trú xứ kia, không nên đi xa*.

Đó là lời đức Phật nhắc nhở chúng ta, đi tu rồi phải trọng đạo hơn tất cả những vật chất thế gian. Nếu quá trọng vật chất thế gian thì hãy ở nhà tốt hơn, chứ đi tu làm gì? Khi đã từ bỏ, đã xa lìa thế tục, vào đạo rồi mà còn thích vật chất, còn trọng vọng thì làm sao tu được. Tụi con không tu thì thôi, đã tu thì dứt khoát tu đến nơi đến chốn cho tròn bản nguyện, để lợi ích cho bản thân mình và làm lợi ích cho chúng sanh. Chứ tu lừng chừng, tu lấy có, chẳng những không lợi ích cho mình mà cũng không lợi ích cho người. Như vậy, một đời sáu bảy mươi năm sống không ra sống, chết không ra chết. Thật uổng, thật đáng tiếc!

Thầy mong tất cả tụi con, mỗi người ở đây đều phải ý thức được điều đó, để dành tất cả thời gian trong sự tu học. Vì ở đây Thầy chủ trương Thiền Giáo đồng hành, học để hiểu giáo lý, thiền để ứng dụng tu nơi nội tâm, hai việc đó tương quan nhau. Nếu có Thiền mà không có Giáo thì không có phương tiện giáo hóa cho người, vì vậy phải có Thiền có Giáo đồng hành.

Xưa, Mã Tổ có một đệ tử là Trí Tạng Tây Đường, là đệ tử nhập thất. Một hôm, Mã Tổ hỏi :

- Sao con không xem kinh?

Ngài Tây Đường thưa:

- Bạch Thầy, kinh đâu có gì khác mà xem!

Mã Tổ bảo:

- Tuy nhiên như thế, song con về sau vì người cần phải xem.

- Con bệnh cần phải trị dưỡng, đâu dám nói vì người.

- Con lúc lớn tuổi sẽ làm Phật pháp hưng thịnh ở đời.

Biết rằng tất cả kinh điển nói, đều không ngoài chỗ cứu cánh đó, nhưng khi tụi con dùng những lời hay chỉ dạy người ta tu, người ta nghe nhưng còn nghi. Vì phương tiện giáo hóa người, nên tụi con phải trích dẫn những câu kinh Phật làm chứng, người ta mới tin sâu, tin chắc. Vì mình truyền chánh pháp của Phật, nếu không dẫn lời Phật dạy thì làm sao người ta tin chắc được.

Tuy đây là thiền viện chuyên tu, nhưng vẫn bắt tụi con học thêm cho hiểu, hiểu để tu, tức là giải và hạnh cả hai tương ưng nhau, chứ không nghiêng một bên nào. Nếu có giải mà không có hạnh thì chỉ là nói suông nói rỗng. Ngược lại, có hạnh mà không có giải thì tuy hạnh đó có lợi lạc cho bản thân, nhưng muốn lợi ích cho nhiều người thì khó thành.

Vì vậy, tụi con phải hiểu bản ý của Thầy. Vì muốn có lợi cho bản thân tụi con, những người xuất gia phát nguyện hoàn thành việc lớn, đồng thời mai kia làm lợi ích cho người, truyền bá chánh pháp cho nhiều người được thâm nhập nên phải có tu có học. Chứ không phải ở thiền viện đây, chỉ lo cho phần mình tu được rồi thôi, mà không nghĩ tới người khác.

Thầy nhắc tất cả tụi con cố gắng, hiểu rõ đường lối để khi ứng dụng không còn lạ lùng, bỡ ngỡ nữa. Đó là lời nhắc nhở của Thầy.

Ngày 28-11 Kỷ Mão (04-01-2000)

Do nghe những người đi cứu trợ về thuật lại, giờ đây Thầy có ít lời nhắc nhở toàn chúng.

Thầy nhớ trong kinh Tăng Nhất A-hàm, phẩm Tàm Quý, Phật dạy có hai hạng người: người được tài vật mà hằng cất giấu và người được tài vật mà hay phân phát cho người. Kinh nói: "Có người học các kỹ thuật, học làm ruộng, hoặc tập thư sớ, kế toán, thiên văn, địa lý, bói tướng..., chẳng tránh lạnh nóng đói rét, cần khổ để tự mưu sống. Người ấy bỏ ra nhiều công sức mà được tài vật, nhưng người ấy không dám ăn xài, cũng không cho vợ con, nô tỳ, những người thân thuộc. Tài vật của người ấy hoặc bị vua cướp đoạt, hoặc bị giặc giã, hoặc lửa cháy, nước cuốn, phân tán chỗ khác, chẳng được lợi ích, hoặc ngay trong nhà có người phân tán tài vật này, chẳng giữ mãi được. Đó là người được tài vật mà che giấu."

Còn thế nào là tài vật mà phân phát? "Có người học tập các ngành nghề như trên, cần khổ mà mưu sống. Người ấy ra công sức thu hoạch tài vật, họ ban phát cho chúng sanh, cấp cho cha mẹ, nô tỳ, vợ con, cũng cấp rộng đến Sa-môn, Bà-la-môn, tạo các công đức, trồng phước cõi trời. Đó là người được tài vật mà bố thí."

Quý vị có thấy tài sản thuộc năm nhà không? Một là nhà lửa, nạn lửa cháy tiêu tan; hai là nạn nước, nước lũ lụt cuốn trôi đi; ba là vua quan tịch thu; bốn là giặc giã cướp mất; năm là con bất hiếu phá tan. Sự nghiệp, của cải, không có gì bảo đảm, không có gì thường còn. Bao nhiêu của cải, tài sản dồn đó để dành, rồi qua trận lụt, bị nước cuốn đi hết, không còn nhà ở nữa, huống là những nạn khác! Vậy mới thấy sự nghiệp ở thế gian không có gì chắc chắn, không có gì bền lâu. Người đời lo gìn giữ mong để được lâu dài, điều đó sẽ khiến họ đau khổ vô cùng. Họ rất đáng thương!

Ngoài sự nghiệp của thế gian đó, còn có sự nghiệp gì mà năm nhà không phá được? Như trong kinh đã nói, nếu người có tài vật đem phân phát cứu giúp người, đồng thời biết cúng dường phụng sự người tu hành, những việc tốt điều hay, làm lợi cho người, xây dựng cho đạo pháp, tích lũy nghiệp lành đó, đức Phật gọi là công đức, phước đức. Chính công đức, phước đức kia là thứ không

thể mất, không có gì có thể tàn phá được. Thứ mà lửa không thể thiêu đốt, nước không cuốn trôi, vua quan, trộm cướp không lấy được, kể cả đứa con bất hiếu cũng không phá được, đó mới là thứ bền lâu.

Người thế gian không biết, chỉ lo tạo vật chất bên ngoài nên bị mất một cách dễ dàng. Còn thứ không thể mất họ lại không nghĩ tới, đó là điều sai lầm. Vì vậy người biết tu, từ cư sĩ tới người xuất gia, luôn luôn phải tạo nghiệp lành, tạo công đức. Công đức đó không thấy được bằng mắt, không ai lấy mất được, không ai tranh giành được. Đó là thứ nhất.

Thứ hai là tất cả sự nghiệp thế gian đều là tạm bợ giả dối, kể cả nghiệp lành nghiệp dữ cũng không thật, còn có cái chân thật không bao giờ mất. Đó là gì? Đó là cái mà người tu hiện giờ đang nỗ lực phăn tìm, nỗ lực vạch màn vô minh để nó hiện ra. Đó là cái chân thật, là Phật tánh, là chân tâm mà ai ai cũng có, nhưng lâu ngày bị khuất lấp nên không thấy, không biết. Bây giờ, chúng ta tu, vén màn vô minh để nó hiện ra. Nó là cái thật muôn đời ai cũng có mà bị lãng quên.

Người thế gian sống với thứ tạm bợ, đổi thay sanh diệt, khi còn khi mất nên khổ đau. Nếu biết trở về cái chân thật của mình thì tất cả những thứ bên ngoài, còn mất không quan trọng, chỉ có cái chân thật đó mới là hơn hết. Nhờ thế mà cuộc đời họ không đau khổ. Vì vậy, tất cả người tu phải cố gắng dẹp hết những mê lầm, phiền não để tâm được thanh tịnh trong sáng. Nhận ra được cái chân thật của mình thì không uổng một đời tu. Bằng không, cứ chạy theo những thứ tạm bợ, rốt cuộc mình cũng sống mê lầm giống như người đời, đắm chìm trong những thứ phù du, không có ngày tỉnh ngộ.

Có những người ở ngoài đời, khi tài sản bị mất hết, họ đau khổ khóc lóc, vì họ không biết sẽ sống như thế nào một khi không còn gì trong tay, không còn gì để hướng tới nên họ tuyệt vọng. Đó là do họ không biết mình có cái chân thật, chỉ biết chấp vào những thứ bên ngoài. Khi những thứ bên ngoài mất rồi thì chới với, không còn làm chủ được, không còn hy vọng gì. Nếu nhận được cái chân thật, thì dù ở cảnh nào, dù ở chỗ khổ nào mình cũng an lòng, vì không gì có thể làm tiêu hao, mất mát cái thật được. Nó cao siêu, cụ thể vô cùng!

Chúng ta biết được mình có của báu thì phải cố gắng tu hành để đạt được. Đồng thời, khi thấy được cái thật của mình rồi, đem ra chỉ dạy cho mọi người, để họ biết cái chân thật của họ. Đó là trách nhiệm lớn lao của người tu. Nếu chỉ tu lơ là theo hết thời khóa, cho vậy là đủ thì chưa làm tròn bổn phận của mình. Điều chủ yếu phải nhận ra bản tánh chân thật, sống với tánh đó, thì mới tròn bổn phận.

Ngày 28-12 Kỷ Mão (03-02-2000)

Tất cả tụi con tu hành trong thiền viện, tuy chưa được chín chắn nhiều, nhưng so với những nơi khác, thấy có phần kỹ càng hơn. Vì vậy, sống trong thiền viện là cơ hội tốt để tụi con phát triển đức hạnh, tu hành mau được thanh tịnh sáng suốt. Đó là duyên thuận, cũng là phước lành của tụi con.

Giờ đây, theo Thầy biết, trong chúng có những người có hai căn bệnh quan trọng: thứ nhất là ngã mạn, thứ hai là ích kỷ. Tụi con nhìn trong chúng có hai bệnh đó không? Chắc có. Hai bệnh đó gây trở ngại trên đường tu, khiến mình tuy cố gắng tu nhưng không đạt được đạo. Trước hết là nói về bệnh ngã mạn. Trong kinh Phật dạy tu là phải phá ngã chấp, đến chỗ vô ngã thì mới đạt tới Niết-bàn. Nếu còn ngã chấp thì không đạt được Niết bàn. Ngã chấp còn không được Niết-bàn, huống là ngã mạn. Ngã không thật, là mớ duyên hợp hư dối mà còn nương vào ngã đó, khởi tâm ngạo mạn thì đó là mê lầm rất lớn.

Tâm ngạo mạn gây ra những trở ngại. Trở ngại thứ nhất là sống với ai, người ta cũng không ưa. Thứ hai là khinh thường người khác, nên dễ tạo tội, dễ mất phước đức. Thứ ba là tâm ngạo mạn chấp cứng cái ngã, không thể nào phá được, cho nên tu không có kết quả. Vì vậy đứa nào mắc phải bệnh ngạo mạn, từ đây về sau phải khiêm nhường, hạ thấp mình xuống.

Trong kinh Tăng Nhất A-hàm, Phật dạy Tỳ-kheo nếu đi đường bị giặc bắt giữ nên nhiếp tâm ý, đừng khởi niệm ác. Nên khởi tâm hộ niệm trùm khắp mọi nơi. Nên giữ gìn tâm như đất, nhận vật sạch cũng nhận vật dơ, phẩn tiểu dơ uế xấu xa thảy đều nhận hết; song đất chẳng khởi tâm tăng giảm, không nói "đây là xấu, đây là tốt". Giả sử bị giặc bắt giữ giam cầm, Tỳ-kheo chớ sanh ác niệm, khởi tâm tăng giảm. Nên giữ tâm như đất nước lửa gió, xấu cũng nhận, tốt cũng nhận, đều không có tâm tăng giảm.

Phật dạy giữ tâm mình như đất, dù ai đem đổ vật dơ hay sạch, đất đều chấp nhận mà không khởi tâm vui mừng hay phiền trách. Giữ tâm mình như nước, tất cả đồ dơ, sạch đổ bỏ xuống sông hồ mà nước cũng không phản kháng, cho tới tâm mình như lửa, gió cũng vậy. Bốn đại đó đều chấp nhận những thứ dơ sạch, người tu hành phải giữ tâm bình thản trước mọi duyên thuận nghịch.

Vậy nên, người tu hành tâm phải thuần thục, dù gặp duyên gì cũng an nhiên không dao động. Nếu vậy thì đâu có gì để khởi tâm ngạo mạn. Tụi con, ai có bệnh đó ráng tập chừa bỏ. Đừng bao giờ thấy mình cao hơn người. Cứ luôn luôn thấy mình là người thấp kém, cần phải học hỏi nhiều, biết kính trọng người lớn hơn, đức hạnh hơn, tuổi cao hơn, chứ đừng khởi tâm ngạo mạn.

Lỗi thứ hai là ích kỷ. Ích kỷ trái với tâm từ bi. Tâm từ bi là tâm thương yêu, bao dung, rộng lượng, tha thứ, giúp đỡ mọi người. Tâm ích kỷ gần với

tâm keo kiệt, cái gì cũng muốn đem về cho mình, muốn mình được, không muốn người khác được. Hoặc của mình thì quý, của người thì coi thường.

Người tu phải tập có tâm từ bi rộng lớn thênh thang, thương tất cả người, vật, nên không có lý do gì mà nghĩ lợi cho mình, gom tất cả những thứ quý trọng về mình, còn người chung quanh thế nào đều mặc kệ.

Người tu là mở rộng lòng mình, bao dung, thương yêu tất cả, không hạn cuộc trong một phạm vi nào. Những người đến đây tu cốt yếu phải ham tu, không phân biệt người xứ nào, người trong nước ở Bắc, Trung, Nam và cả người nước ngoài tới tập tu, mình cũng thương như vậy. Nếu tâm hẹp hòi ích kỷ nhỏ nhoi, nghĩ đây là huynh đệ của mình rồi bảo vệ, nhắc nhở, lo lắng cho người đó, còn kia không phải huynh đệ rồi có vẻ không ưa, khó khăn, mặc kệ họ mệt nhọc không muốn giúp. Người có tâm như vậy, ở trong đạo thật đáng chê trách!

Tụi con phải tập mở rộng lòng mình, nhìn tất cả mọi người đều đáng thương, đáng quý. Mình tu là vì tất cả chúng sanh, muốn làm lợi ích cho họ, không phải tu vì một nhóm người này hay một số người kia. Tâm thế gian hạn hẹp, chỉ biết thương cha mẹ, anh em, con cái. Từ biệt gia đình vào chùa tu, tâm mình thênh thang, thấy tất cả đều là người đáng thương, đáng giúp đỡ, nên không phân biệt, không còn thấy người thân hay sơ.

Như vậy, hình ảnh người tu là người có từ bi, lợi tha, có tâm rộng lớn không bờ bến. Đó mới đúng với hạnh nguyện người xuất gia. Nếu có giới hạn, có phần nào bị khu biệt thì đó là chưa xứng đáng. Người xuất gia đã từ bỏ tất cả tình cảm riêng tư để vào đạo, phải mở rộng lòng thương khắp tất cả, nên không có quyền ích kỷ, không nghĩ riêng tư, không tạo bè phái, phe nhóm cho mình.

Mong tất cả tụi con ở đây đều có tâm từ bi rộng lớn, thương mến đùm bọc, bao dung, luôn tha thứ cho nhau, để đường tu mỗi ngày mỗi tiến, càng ngày càng sáng suốt hơn. Mai kia làm lợi ích cho Phật pháp, cho chúng sanh. Được như vậy, mới xứng đáng là người tu hành.

Ngày 28-01 Canh Thìn (03-03-2000)

Thầy có ít điều nhắc nhở cho tất cả. Thầy hiểu tất cả tụi con, khi có trách nhiệm điều chúng, sắp đặt người thì trong chúng có những người rất tốt, rất hay, nói đâu vâng đó, hoặc có những người hơi dở, hơi cứng đầu, nói không chịu nghe, thì tự nhiên tâm không được vui hoặc buồn chán. Từ buồn chán đó, có khi phát ra lời nói không đúng với tâm nguyện của người biết đạo lý, chân thành phụng sự Tam bảo.

Kế nữa, có những trường hợp dạy mà chúng cãi lại, đôi khi chỉ lỗi mà họ không nghe, hoặc một lỗi mà phải dạy đôi ba lần, nên phiền muộn, rồi đến thưa Thầy với vẻ bực bội, làm Thầy cũng không được vui. Tuy điều đó xảy ra vậy, Thầy cũng không trách cứ gì tụi con. Thầy là người hướng dẫn đường tu cho tất cả tụi con, nên Thầy hiểu tâm niệm, hoàn cảnh và vì sao có những việc xảy ra như vậy.

Thầy mong tất cả tụi con, từ trên đến dưới, lúc nào cũng nhớ rõ ràng rằng: Vì tụi con muốn tu giải thoát sanh tử, nên mới cùng tụ họp một nơi, để giúp đỡ nhau phương diện này hoặc phương diện khác. Để huynh đệ cùng chung lo sự tu được tốt đẹp trọn vẹn. Để những huynh đệ chung quanh càng ngày càng vượt qua những trở ngại, lỗi lầm, tiến lên trên bước đường trí tuệ sáng suốt.

Tất cả tụi con đã làm một việc thấy dường như dễ mà khó. Vì chính mình điều phục mình đã cực rồi mà còn phải điều hòa, giúp đỡ nhiều người nữa thì không sao tránh khỏi những phiền muộn, nên đôi lúc thổ lộ ra những lời không được vui, Thầy cũng bị lây tâm trạng không vui đó. Tuy nhiên, Thầy bỏ qua được, cũng không buồn phiền gì.

Thầy cũng biết rõ trong chúng, tụi con vâng lời Thầy chăm lo cho đại chúng. Những trách nhiệm khi Thầy đã giao thì tụi con cố gắng làm cho được. Thầy chỉ khuyên một điều: Những người có trách nhiệm lãnh đạo và tất cả chúng nên thấy rằng mỗi tụi con đều có duyên phúc lớn, nên ngày nay cùng ở trong pháp hội tu hành, được Thầy đi trước lo lắng hướng dẫn. Vậy nên tụi con cũng phải một lòng thương nhau, nhắc nhở khuyên nhủ nhau, đừng để trên đường tu bị chậm trễ, bê bối. Đừng để bên ngoài hiện ra những hành động xấu dở, khiến người khác thấy sẽ chê cười.

Đồng thời, tụi con phải tự kiềm chế, giữ gìn mình, đừng để những phiền não dấy khởi, làm mất thời gian tu, làm cho lúc tụi con cần thanh tịnh mà nó quấy rầy không được thanh tịnh. Tu vậy là tụi con khôn ngoan, khéo léo. Tu vậy là tụi con thương Thầy, giúp Thầy lo cho đạo được ngày càng tốt hơn.

Vậy năm mới này tụi con ráng tiến lên. Mọi trở ngại của năm cũ, tụi con biết rồi, phải vượt qua, năm mới đừng để xảy ra nữa. Những gì năm cũ đã lỡ lầm thì qua năm mới phải tiến bộ, đừng để mắc phải lần thứ hai. Vậy thì tất cả tụi con đều là người tốt, đều là người chân tu. Lỗi lầm năm vừa qua đã được nhắc mà năm này vẫn còn giữ, năm tới lại tiếp tục, đó không phải là người chân tu mà là người bướng lỳ, tu không tiến, đứng một chỗ. Tu vậy càng ngày phiền não càng nhiều.

Trên đường tu, không ai mới bước chân vào đạo mà thành thánh, ai cũng là phàm; bởi phàm nên những lỗi lầm sơ suất không ít. Tụi con là người lớn, là người đi trước, khi thấy những lỗi lầm của người đi sau thì khuyên dạy họ.

Nên đem tình thương khuyên dạy, đừng nên giận buồn, vì đó là điều người đang tu khó tránh khỏi. Thương xót dạy bảo rồi thì bỏ qua, đừng giận hờn, trách móc hoài. Có vậy thì trên dưới thuận hòa, mọi việc đều tốt đẹp.

Đó là lời nhắc nhở của Thầy cuối năm. Mong năm tới, tất cả tụi con đều tiến hơn, tốt hơn và tu hành ngày càng sáng suốt hơn.

Ngày 28-02 Canh Thìn (02-04-2000)

Thầy có ít lời nhắc nhở toàn chúng.

Hôm Thầy về dưới kia chứng kiến hai người tu đã mất, một người hơn ba mươi tuổi, một người hơn tám mươi tuổi, như vậy có một già một trẻ đã ra đi. Khi vô thường đến thì ai cũng phải đi. Vậy, khi nhìn thấy cảnh mất mát của những người tu đi trước, chúng ta phải có thái độ như thế nào, để cho sự tu hành càng ngày càng tiến thêm nhiều.

Khi chúng ta tu mà không có sự cảnh tỉnh, không có sự nhắc nhở, thì tu lâu ngày trì trệ không tiến. Vì vậy, hôm nay nhắc cho toàn chúng thấy, cái chết không đợi già mới đến; khi còn nhỏ, hết duyên cũng đi. Như vậy, già cũng chết, trẻ cũng chết, không ai có thể bảo đảm chừng nào mình chết. Mỗi lần chứng kiến người chết, chúng ta xót xa, vì khi chết, cơ thể bị hành hạ rất đau đớn, khổ sở vô cùng.

Chúng ta tu với mục đích giải thoát sanh tử, nghĩa là tu làm sao để ra khỏi vòng sanh tử. Nếu chúng ta không thoát khỏi vòng lẩn quẩn này thì lần này chết, rồi sanh ra, ít chục năm sau lại chết, sanh ra rồi lại chết... Sanh tử liên tục thì sự khổ đó thật vô cùng vô tận.

Trong kinh Tạp A-hàm, "Phật bảo các Tỳ-kheo:

Chúng sanh từ vô thủy sanh tử đến nay cứ mãi xoay vần, không biết cội nguồn của khổ. Các Tỳ-kheo nghĩ thế nào? Nước sông Hằng.., nước trong bốn biển lớn là nhiều hay nước mắt của các Thầy tuôn ra trong vòng sanh tử luân hồi là nhiều?

- Như chúng con hiểu ý nghĩa lời Phật nói. Nước mắt của chúng con tuôn rơi trong vòng sanh tử xoay vần rất nhiều, nhiều hơn cả nước sông Hằng và nước bốn biển lớn.

- Nước mắt của các Thầy tuôn rơi trong vòng sanh tử xoay vần rất nhiều, chứ không phải nước sông Hằng và nước bốn biển. Vì sao? Vì các Thầy đã từng bị mất cha mẹ, anh em, chị em, thân thuộc, người quen, bị mất mát tiền của, nước mắt tuôn rơi cho những sự mất mát đó nhiều vô lượng. Các Thầy cứ mãi bị ném ra nghĩa địa, máu tanh chảy ra, rồi sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

- Này các Tỳ-kheo! Các Thầy từ vô thủy sanh tử cứ xoay vần, máu và nước mắt trong thân rất nhiều, nhiều vô lượng."

Phật dạy nước mắt chúng sanh nhiều hơn biển cả là như vậy. Chúng ta không phải một đời khổ mà muôn đời, muôn kiếp cứ tiếp tục khổ, nếu còn sanh tử là còn khổ. Đã khổ như vậy, nên ngày nay, chúng ta thức tỉnh, muốn ra khỏi nỗi khổ đó thì phải giải thoát sanh tử.

Như vậy, tất cả chuyện xảy ra trong đời sống, không có chuyện gì là quan trọng, việc quan trọng tối thượng là làm sao thoát ly sanh tử. Hơn thua, phải quấy, khen chê, tốt xấu v.v... chỉ là trò chơi, chuyện trẻ con, không có gì đáng quan tâm. Điều quan trọng trong đời mình là phải cố gắng tu để thoát ly sanh tử.

Chúng ta bỏ gia đình để đi tu chỉ vì mục đích đó. Đây là đích chủ yếu mà chúng ta đã nhắm. Vậy, tất cả tăng ni đã phát tâm tu rồi đều phải cố gắng. Mình đi trước, vạch ra một con đường để giúp cho người sau đi theo, trong đó có những người thân, quyến thuộc nhiều đời của mình, để họ cũng được thoát ly sanh tử. Nên mình phải cố gắng hết sức, không phải chỉ tu lừng khừng, hết một đời, không đi tới đâu.

Đọc lại bài kệ của Thiền sư Minh Chánh, Thầy rất thích bốn câu chót. Ngài nói rằng:

Công danh cái thế màn sương sớm

Phú quý kinh nhân giấc mộng dài

Chẳng rõ bản lai vô nhất vật

Công phu luống uống một đời ai.

Đọc bốn câu đó, Thầy thấy thấm làm sao! Công danh tức là chức tước, địa vị; *cái thế* là vượt hơn mọi người trên đời. Tất cả công danh trên đời dù vượt bậc, không ai bì nổi, nhưng khi nhắm mắt, đó chỉ là một màn sương buổi sáng sớm. Phú quý là sự giàu sang, dù cho người nghe phải giật mình kinh hãi, nhưng nó chỉ là một giấc mộng dài thôi. Mộng ngắn hay mộng dài cũng chỉ là mộng, không có gì là thật.

Vậy chúng ta thấy, công danh phú quý đều là một trò mộng ảo, là màn sương, không có thật. Dù có được thì cũng chỉ ít mươi năm rồi sẽ mất. Đời sống con người không bảo đảm sống trăm tuổi, mà trăm tuổi cũng chỉ là giấc mộng dài, cũng tạm bợ, vô thường. Nên cái được của thế gian chỉ là được trong bóng, trong giấc mộng, không có thật.

Chúng ta đi tu, phải tu đến giải thoát sanh tử. Muốn giải thoát thì phải sao? Câu *Chẳng rõ bản lai vô nhất vật*, tức là không thấu đáo được thể tánh chân

thật, xưa nay không một vật. Có một vật tức là còn vô thường sanh diệt, không có một vật thì vượt ngoài sự chi phối của sanh diệt. Lục Tổ đã nói câu đó, được Ngũ Tổ cho vào thất. Lục Tổ đã thấy cái chưa bao giờ bị vô thường sanh diệt, đó là *bản lai vô nhất vật*. Thấy được vậy mới xứng đáng là người tu.

Còn nếu cả một đời tu, công phu nhiều, cực nhọc mà không nhận, không thấy được thì uổng phí một đời. Tại sao? Vì mình tu để giải thoát sanh tử nhưng cái gì giải thoát? Chính là cái chân thật không hình tướng, nên bất sanh bất diệt. Những thứ hơn thua, phải quấy v.v... đối đãi đó là tướng sanh diệt của nội tâm. Thân mạnh yếu, đẹp xấu v.v... là sanh diệt của thân, thuộc về sắc chất. Thân và tâm hai thứ sanh diệt đó cứ đeo đẳng hoài, nên tạo nghiệp luân hồi vô số kiếp. Nếu nhận được nơi mình có bản lai vô nhất vật, chừng đó mới thoát ly sanh tử. Nếu không nhận được thì uổng một đời công phu, không có kết quả. Thật đau xót!

Vì vậy, Thầy khuyên tất cả chúng, nếu quyết tâm thoát ly sanh tử, phải nỗ lực tu. Không tu thì sẽ thả trôi theo dòng đời, mặc tình đi trong luân hồi. Muốn thoát ly sanh tử, phải cố gắng nhận rõ cái chưa từng sanh chưa từng diệt, sẵn có đầy đủ nơi mình chứ không đâu xa. Vậy nên phải biết rõ, tất cả những tâm niệm sanh diệt, đối đãi là trò chơi, là cái bóng, không thật, đừng cố chấp. Nhiều khi chỉ vì hơn thua, phải quấy mà cứ lẩn quẩn tạo nghiệp, thọ khổ không cùng. Vậy nên, gạt hết những thứ đó ra, đừng bận tâm với chúng, chỉ một mạch trở về với tâm bất sanh bất diệt. Tâm đó là tâm chủ để thoát ly sanh tử mà ai cũng có, không chỉ riêng người nào. Nếu không chịu trở về, dù có chức phận, địa vị tới đâu, rốt cuộc cũng là trò chơi, không có giá trị gì.

Mong rằng trong chúng, đã tu thì phải ráng tu cho đến nơi. Đừng lưng chừng uổng một đời, đáng tiếc. Phải luôn nhớ câu *công phu luống uổng một đời ai*, nhớ thì phải cố gắng tu.

Ngày 28-03 Canh Thìn (02-05-2000)

Sau đây, Thầy có những lời nhắc nhở toàn chúng.

Người xuất gia, ai cũng tâm rộng lớn phát nguyện mạnh mẽ, nguyện tu để được giác ngộ, giải thoát và độ tất cả chúng sanh. Nhưng có người vào chùa tu một thời gian, để tâm lớn đó co lại thành nhỏ. Thí dụ, khi được cử làm Tri sự, do công việc đó bận rộn, đa đoan, nhọc nhằn nên nhiều người không được vui, không muốn làm. Vì công việc cực nhọc nên mình không muốn làm, để người khác làm, vậy mình có ích kỷ không? Như vậy, ngầm đã có ích kỷ trong đó. Việc gì khó bèn giao cho người khác làm, để mình được nhàn thì đó là ích kỷ chứ gì!

Ngày xưa, Sư ông, thầy của Thầy từng kể lại, khi Sư ông và Hòa thượng Giám đốc ra Huế học ở chùa Báo Quốc, trong trường cử Hòa thượng Giám đốc

làm Tri sự. Làm Tri sự ngoài đó cực lắm, nhiều khi không được ngủ trưa. Hòa thượng lại viết chữ rất đẹp, ai muốn viết chữ trên sách vở hay gì đó, đến nhờ Hòa thượng viết, ngài đều nhận hết. Chữ ngoài bìa cuốn tự điển Sư ông cho Thầy là do Hòa thượng ghi giùm. Ai nhờ việc gì Hòa thượng làm việc nấy, việc của chúng và việc của huynh đệ, Hòa thượng đều làm, làm luôn cả trưa, không ngủ.

Như vậy, trải qua mấy năm ở chùa Báo Quốc, làm Tri sự vất vả, đồng thời thường phụ giúp huynh đệ khi cần, nên công tác của Hòa thượng Giám đốc rất khó nhọc. Nhưng ngài không bao giờ từ chối giúp đỡ người khác, cũng không bao giờ than. Đó là tinh thần tích cực vì người. Với tinh thần đó, nên sau này ngài trở về Nam, khi quý Hòa thượng mở Phật học đường Ấn Quang, mọi người quý kính, tôn cử Hòa thượng lên làm Giám đốc.

Ngày xưa, Thầy học ở trong Phật học đường Ấn Quang, vì nước máy không vô tới chùa, ở Ngã Ba Vườn Lài ngoài kia. Ban ngày, dân đi lấy rất nhiều nên trong chùa ra không có nước, phải đợi đến mười giờ đêm, trong chùa mới ra gánh nước về xài.

Có một thầy là thầy T.N, thầy lười lắm, mỗi khi kêu thầy làm gì thì thầy bảo mình bị bệnh. Mà thầy đó bệnh hoài, thành ra ai nấy đều phàn nàn, nhưng biết nói sao giờ. Vậy mà, rảnh thì thầy đó ngồi đánh máy bài. Hồi xưa không có kinh để học, nên những quyển kinh mới được dịch ra thì đem đánh máy để học. Người có máy đánh chữ mới đánh được, đánh xong bán lại cho những người khác mua để học. Thầy đó ngồi đánh máy thì khỏe mạnh, bảo đi gánh nước thì nói bệnh, nên nhiều người rất phiền lòng. Thầy học một lớp với thầy đó, sau này ra trường rồi, thầy đó cũng ra đời luôn.

Vậy mới thấy người nào tâm hẹp hòi ích kỷ, ở trong đạo không bền vững. Người đó vì lo cho cá nhân họ nhiều quá mà không lo cho tập thể nên dễ rơi rớt ra ngoài. Còn người nào hy sinh cho chúng, thấy như mình thiệt thòi nhưng chính đó là công đức để giữ mình cả đời ở trong đạo, làm được nhiều Phật sự.

Tụi con nên học theo gương ngài Hư Vân. Khi ngài đi đến Cao Mân, vị Tri sự thấy hình sắc ngài tiều tụy hỏi có bệnh gì không, ngài đáp là không. Rồi lên yết kiến Hòa thượng Nguyệt Lãng. Sau khi hỏi việc xong, bèn cử ngài làm chức sự, ngài không nhận, lại không thuật chuyện trước mình bị té sông, tiểu tiện đều ra máu, mà chỉ cầu xin được ở thiền đường đã thất.

Gia phong Cao Mân rất nghiêm nhặt, nếu ai được mời làm chức sự mà không tuân thì bị kết tội khinh mạn đại chúng, phải ra biểu đường, chịu đánh hương bản. Ngài vâng lệnh chịu phạt mà không nói gì, nhưng bệnh tình gia tăng trầm trọng, máu chảy không ngừng, tiểu tiện ra tinh, chỉ nằm chờ chết.

Sư Đức Ngạn mang y vật đến cúng dường, thuật lại chuyện ngài Hư Vân bị té sông cho đại chúng biết, ai nghe cũng khen phục, không còn bắt ngài làm các chức sự trong thiền đường nữa. Ngài được cơ hội thuận tiện để tu hành.

Tụi con thấy sự nghiêm chỉnh của người xưa. Những trách nhiệm trong chùa, khi được tăng cử, trong chúng không ai có quyền từ chối, vì từ chối là trốn tránh trách nhiệm, sẽ bị phạt. Cũng như Thầy, lúc trước ở dưới Thường Chiếu, thấy Tri sự cực quá, phải đi làm ruộng làm rẫy đủ thứ, nên Thầy phân chia mấy vị lớn, mỗi vị phải làm một năm. Mấy vị kia làm xong, tới thầy T.T, thầy ấy ra thưa: "Con không thể làm nổi." Thầy nói: "Chịu làm thì ở, không chịu làm thì rút lui." Sau này thầy ấy rút lui về dưới Vĩnh Long.

Trong chúng tụi con phải hiểu, mình làm được việc gì góp công lo cho chúng thì đó là niềm vui cho mình. Đừng nghe việc đó khó khăn hay nhọc nhằn, rồi trốn tránh. Đó là tâm ích kỷ, còn lo nghĩ cho riêng mình, còn dung dưỡng tật lười biếng, theo lối sống vị kỷ thấp hèn, tránh nặng tìm nhẹ, không chịu phụng sự chúng. Đó là tổn phước. Nên chức vụ nào dù cực khổ, khi được giao, tụi con phải vui vẻ nhận. Khi sắp đặt việc cho mình, người lớn đã nhìn, đã biết mình làm được nên mới giao phó. Chứ ai mà giao công việc cho người làm không được. Được giao mà không chịu làm là trốn tránh trách nhiệm. Đó là tâm ích kỷ, sẽ không làm được việc lớn mai sau.

Vậy nên tụi con, đứa nào cũng phải sáng suốt biết rõ tâm mình, vừa có ý niệm trốn tránh trách nhiệm, ích kỷ thì dẹp bỏ một bên. Lúc nào cũng sẵn sàng hy sinh cho chúng, lo cho chúng thì đó là phước lớn của tụi con. Dầu cho hiện giờ tụi con tu chưa được tiến nhưng nhờ phước duyên đó, có cơ hội sẽ giúp cho tụi con tiến.

Nếu tụi con ích kỷ, trốn tránh trách nhiệm, thì dường như có thời giờ tu nhiều, nhưng với tâm hẹp hòi tính toán đó cũng khó mà đạt được đạo quả. Nên trên đường tu, tụi con đừng nghĩ rằng mình yên, mình vô sự tu mới được, còn phải làm việc chúng tu không được. Tụi con nhìn Thầy vô sự hay đa sự? Tuổi già mà việc trong viện, việc các nơi cũng nhiều, mà còn đi giảng, đi dạy chỗ này, chỗ kia.

Thầy làm có phải là hiếu danh, muốn người ta khen mà làm không? Thật tình, đó không phải mục tiêu Thầy nhắm. Thầy chỉ nghĩ rằng, Phật tử ở gần cũng như ở xa, từ trước tới giờ họ chưa biết thiền là gì. Giờ đây họ có nghiên cứu, có nghe, hiểu được chút chút, muốn biết rõ đường lối để tu mà mình lại từ chối, lại trốn tránh thì chừng nào họ mới biết tu. Nếu để họ không biết tu thì mình đâu tròn trách nhiệm truyền bá chánh pháp. Nên dù cực khổ, dù xa xôi, họ cần thì Thầy cũng phải đi giáo hóa, để làm bổn phận của mình.

Vì người tu ngoài việc tu hành, còn phải làm tròn trách nhiệm đối với mọi người. Ai muốn hiểu đạo, ai muốn cầu tu, chúng ta ráng giúp cho họ hiểu, giúp cho họ tu, đó là trọng trách. Chừng nào làm không nổi nữa thì chừng đó mới ngưng, chứ không nỡ bỏ chúng sanh khổ. Khi người ta tin tưởng nơi mình mà mình không ngó ngàng đến họ, thì đó là tổn phước.

Tụi con ráng tập mở rộng lòng mình, tu trong mọi hoàn cảnh, tu trong tâm mở rộng vì người, đó là tu rồi. Còn nếu vì sự tu mà tụi con trốn tránh trách nhiệm, thì tự nhiên thầm có tâm nhỏ mọn, ích kỷ trong đó. Có tâm ích kỷ nhỏ mọn cũng do vị ngã mà ra, mà người còn vị ngã thì tu khó đạt đạo, và ngày sau cũng không thể nào làm Phật sự lớn lao được.

Bởi vậy nên hôm nay nhắc cho tất cả tụi con ý thức, mình đến ở chỗ có nhiều người tu hành như thiền viện hay tu viện, mình phải có tâm phục vụ đại chúng. Vì đó là phước lớn. Người xưa thường nói "đức chúng như hải". Tụi con phải nhớ như vậy để vui vẻ làm việc cho chúng, công việc dầu cực nhọc cũng hăng hái làm, đó là tạo phước. Từ chỗ có phước rồi, sau này tụi con dụng công ít mà kết quả nhiều.

Như khi Thầy học ở trường, có hai thầy Thiền Tâm và Bửu Huệ ra trường trước Thầy một lớp. Khi ra trường rồi, hai thầy xin phép Hòa thượng Giám đốc được về ở thất tu mười năm, rồi mới ra làm Phật sự. Còn Thầy với quý thầy sau, như thầy Huyền Vi chẳng hạn, trong khi còn đang học cũng phải đi giảng dạy, ra trường rồi vẫn tiếp tục làm việc, mãi cho tới sau này, Thầy mới xin nghỉ để chuyên tu.

Khi Thầy nghỉ để tu, Thầy rất lo trong lòng. Quý vị lớn đã tu trước mình, nhập thất mười năm mà chưa nghe có gì đặc biệt. Bây giờ mình nhập thất, không biết có tin tức tốt lành gì không? Hay chỉ nhập thất tu thôi, rồi cũng không đi tới đâu. Bởi vậy, khi nhập thất, Thầy tuyên bố nếu thấy gì mới lạ, mới mở cửa thất để làm Phật sự. Nếu không thấy gì mới lạ, Thầy chấp nhận ở trong thất chết luôn. Đó là Thầy thấy người tu trước nhiều năm mà chưa được gì, Thầy bây giờ chắc cũng không hơn.

Nhưng không ngờ, Thầy nhập thất chỉ ba tháng thì thấy có những chuyển biến lạ, vậy nên Thầy chỉ ở trong thất có sáu tháng thôi, rồi mở cửa thất ra lập thiền viện, nhận người vào tu. Như vậy, Thầy phải làm Phật sự đa đoan, thời gian chuyên tu rất ít, thấy dường như là thiệt thòi, nhưng tới chừng hạ thủ công phu tu thì thời gian ngắn mà kết quả nhiều. Rõ ràng là công đức hay phước mình đã tạo trong lúc làm Phật sự, dường như là phần thưởng cho mình được rút ngắn thời gian, khi mình ngồi tu mau được kết quả. Vậy tụi con thấy, đâu có thiệt thòi gì.

Lo cho chúng, dạy người ta tu, không có gì thiệt thòi cho mình. Chỉ lo là tâm mình không được rộng lớn, tâm mình tiêu cực, ích kỷ, làm chướng ngại sự tu. Vì chúng vì mọi người là đức tính tốt. Mình càng giúp cho người hiểu được đạo thì phước càng tăng, khi mình ngồi tu hoặc làm Phật sự đều không trở ngại. Còn tụi con ích kỷ, chỉ lo cho mình, không có phước nên khi gặp duyên không tốt, sẽ thấy mình bị thiệt thòi, con đường tu sẽ không đi tới đâu. Nên tất cả tụi con phải hiểu rõ, để khi còn ở trong chúng, khi được cắt cử công tác gì, mình hoan hỷ gánh vác. Mai kia lớn lên ra ngoài, mới có thể gánh vác Phật sự để làm lợi ích cho chúng sanh. Tâm như vậy mới xứng đáng là người xuất gia, mới đúng với sự phát tâm ban đầu.

An cư 15-04 Canh Thìn (18-05-2000)

Hôm nay là ngày Kiết hạ an cư cho toàn thể tăng ni. Đây là nề nếp, quy chế trong nhà đạo, có từ thời đức Phật.

Ở Ấn Độ, mùa này là mùa mưa, nước nổi, nên kiến, trùng, dế... bò lên trên đường, tăng ni đi khất thực sẽ giẫm đạp lên các loài đó, làm thương tổn chúng. Nên đức Phật dạy, mùa an cư (từ đầu mùa mưa đến cuối mùa mưa) chư tăng chư ni ở yên một chỗ tu hành, tránh đi ra đường giẫm đạp trùng, kiến. Đó là một lý do.

Còn những lý do khác nữa. Thời đức Phật, khi chư tăng ni tu hành tiến bộ, đức Phật phân chia đi nơi này, nơi nọ để khất thực và giáo hóa, chứ không được ở một chỗ. Chư tăng ni phân tán khắp nơi nên không có dịp được học hỏi từ đức Phật đến những bậc trưởng lão và thời giờ tu cũng không được chu đáo. Nên vào mùa an cư, tăng ni ở các nơi về cùng một trụ xứ, nương nơi đó tu học.

Mỗi một trụ xứ có một vị trưởng lão đứng đầu, chỉ dạy từ giáo lý cho tới giới luật Phật dạy. Bởi vậy, có câu hỏi "Nương theo luật sư nào?" để biết rằng mỗi nơi có vị trưởng lão hiểu rành giáo lý và giới luật, tăng ni tụ họp, nương đó tu hành trong ba tháng. Trong thời gian này, ai có điều gì sai phạm luật, thì vị trưởng lão đó sẽ rầy dạy, nếu tu hành chậm trễ thì vị trưởng lão đó sẽ sách tấn. Vì vậy, ba tháng đó được tu học đầy đủ và được nghiêm chỉnh gìn giữ giới luật thanh tịnh. Do đó, đức Phật dạy, ba tháng an cư làm tăng trưởng công đức của người tu, sau lễ Mãn hạ thì tăng ni đều tăng thêm một tuổi hạ, tuổi đó là tuổi công đức.

Lúc Phật còn tại thế, có nhiều vị Tỳ-kheo trong ba tháng an cư, các vị tu thiền định, có những vị qua ba tháng, thấy rằng mình tu sắp chứng các tầng thiền hoặc sắp sạch hết các lậu hoặc, chứng A-la-hán, mà mãn an cư, giải hạ, phân tán đi nơi khác thì e bị cản trở quả chứng. Nên các vị xin ở lại an cư thêm, chừng nào tu chứng xong mới rời trú xứ.

Như vậy, mùa an cư là mùa tăng, ni tu hành tinh tấn, có kết quả, đầy đủ công đức. Không phải an cư chỉ là việc ở một chỗ, mà không tiến tu. An cư vậy không đúng tinh thần Phật dạy. Mùa an cư là để tất cả tăng ni đều cố gắng tu hành, thúc liễm thân tâm, trau giồi giới định tuệ. Nên là mùa chư Phật chư Bồ-tát đều tán thán khen ngợi.

Bình thường ni chúng ở tại thiền viện, luôn ở tại nơi này, ít đi đâu là đã an cư rồi. Nhưng, nếu mùa an cư, thể theo tinh thần sách tấn của chư Tổ thì chúng ta càng nỗ lực tu hành nhiều hơn. Ngày xưa tu năm bảy, bây giờ tu mười để tiến lên, mới xứng đáng một mùa an cư, được thêm một tuổi hạ, một tuổi đức hạnh.

Vì vậy, trong mùa an cư mà lại biếng trễ, không chịu tu, dạo nơi này nơi nọ là thiếu sót lớn, không có lợi trên đường tu. Mong tất cả ni chúng, trong mùa an cư năm này, đều nỗ lực tu hành để tu một năm là xứng đáng một năm, tu ba tháng hạ xứng đáng ba tháng hạ, không nên tu cho có chừng, tu cho hết ngày hết tháng, rồi nói "được thêm tuổi hạ, thành người lớn", thì không đúng tinh thần đạo đức.

Mong tất cả chúng trong mùa an cư năm nay, tinh tấn tu hành được tiến hơn, và đạt được kết quả nhiều hơn những năm trước. Đó là lời nhắc nhở và mong mỏi của tôi.

Ngày 28-04 Canh Thìn (31-05-2000)

Người xưa hay nói người tu là *xả phủ cầu bần, xả thân cầu đạo*. Tu sao mà gọi là xả phú cầu bần? Như một người khá giả giàu có, muốn đi tu là phải bỏ sự giàu có của mình, vào trong đạo, nhập Tăng đoàn. Khi vào Tăng đoàn thì lúc đó thành người gì? Là người ăn mày. Khất sĩ là ăn mày, chứ có gì đâu.

Người tu phải luôn nghĩ, mình là ăn mày, mà ăn mày là kẻ nghèo khó, không phải là người ngất ngưởng ở trên chỗ nhiều danh nhiều lợi, lắm tài sản như người thế tục. Tại sao từ một người giàu sang, cạo tóc xuất gia liền trở thành ăn mày? Vì người tu bỏ thế tục vào chùa tu hành vừa để giải thoát cho mình, vừa gieo duyên tốt với mọi người, để sau độ họ. Nên xưa Phật dạy, Tỳ-kheo phải đi khất thực, là vị khất sĩ, tức là kẻ ăn xin. Khi người thí chủ phát tâm, cho mình một bát cơm hay cái gì đó, là họ gieo duyên với mình, còn mình thì mắc nợ họ, thí chủ có duyên, còn mình mắc nợ nên phải trả bằng cách giáo hóa họ, độ họ.

Vậy người tu đi ăn mày, để tạo duyên cho người, để thấy mình có nợ, ai cũng là người chủ nợ mình phải trả, chứ không có quyền khất nợ. Đó là ý nghĩa rất thâm sâu. Vậy, là kẻ nợ thì chuyện gì làm được lợi ích cho người thì mình sẵn sàng làm, nếu chưa đủ sức làm thì phải tạo duyên, cố gắng nỗ lực để đủ sức trả.

Bây giờ, tụi con chưa đi thuyết pháp, giảng đạo được, đó là tụi con chưa trả nợ được, thì tụi con phải cố gắng tu học, một thời gian sau ra làm Phật sự, tức là trả nợ đàn-na thí chủ. Trong thời gian này, là thời gian tụi con phải cố gắng tích tụ đức hạnh, nuôi dưỡng trí tuệ còn non yếu đó cho được sung mãn, để mai kia ra làm Phật sự, tụi con đủ sức để đền đáp ơn của đàn-na tín thí thì mới xứng đáng là người tu. Xả phú cầu bần là như vậy.

Xả thân cầu đạo là sao? Nghĩa là người tu quên thân vì đạo, đặt đạo lên trên, chứ không phải đặt thân mình lên trên. Xưa khi Phật còn làm Bồ-tát, ngài từng vì đạo thí thân cho cọp đói, lấy thân bắc cầu để cứu bầy khỉ, dùng thân làm đèn để cầu pháp... Chư vị tổ sư cũng không khác Phật Bồ-tát, đều phải đi trên con đường này, huống là hàng phàm phu chúng ta.

Như tụi con, đã bỏ tất cả để đến với đạo, thì mọi quyền lợi không đáng bận tâm, nhưng cũng có chút bận tâm là phải làm sao chỗ mình ở tu, càng ngày càng được phồn thịnh, tốt đẹp hơn, để mọi người có chỗ hướng về tu tập. Đó là quên thân để lo cho đạo. Khi tụi con tu học được vững, được cứng chắc rồi thì từ đó về sau mới quên mình để đi hướng dẫn, chỉ dạy mọi người. Đó là vì đạo mà xả thân. Chứ đi ra giảng dạy, hướng dẫn Phật tử tu một lúc, thấy sao mệt quá, chán quá, không muốn làm nữa. Như thế, có quên thân hay còn quý thân? Nhiều khi tụi con cứ nghĩ tu là phải sống dai để làm Phật sự, nhưng cứ cưng dưỡng thân hoài thì sống dai cũng không có lợi ích gì.

Vì vậy, khi vào tu tụi con có hai chặng đường. Thứ nhất, ở trong chúng thì vì huynh đệ, vì chỗ mình ăn ở mà tận lực quên thân để lo chung. Thứ hai, khi hết thời gian ở chung tu học rồi, ra làm Phật sự thì cũng phải quên mình để lo cho đạo, mở mang, giáo hóa.

Như vậy, xả thân cầu đạo là lúc ở trong chúng vì sự tu học mà không màng đến thân. Rồi khi ra làm Phật sự, tức là chặng thứ hai, thì đặt mục đích lợi ích cho chúng sanh, giúp họ hiểu đạo để biết đường tu là trên hết. Vậy thân là công cụ phục vụ cho tất cả, không đáng quý. Được như vậy, ý nghĩa tu hành mới đến nơi đến chốn.

Còn ai tu mà hơi ích kỷ, ở trong chúng cứ làm việc của mình, lo cho mình, những gì được cho mình thì lấy làm trọng, chuyện lo chung lại xem nhẹ. Người này mai kia ra làm Phật sự cũng vậy. Làm việc gì được quyền lợi nhiều thì làm, còn không có quyền lợi, nhọc nhằn thì không làm. Đó là niệm ích kỷ, vì bản ngã, vì thân chứ không có tâm xả thân vì đạo, cầu đạo, nên không tốt.

Như vậy, tất cả tụi con tự kiểm lại, nếu thấy điểm nào nơi mình còn yếu, phần nào còn thiếu thì phải bổ túc. Phải làm cho tròn để xứng đáng là người tu. Người đã nguyện trước Phật, đi tu là để cầu đạt được đạo và đem đạo đó truyền

bá cho mọi người, chứ không có niệm ích kỷ, riêng tư. Mong tất cả tụi con nhớ câu: *Tu là xả phủ cầu bần, xả thân cầu đạo*.

Vậy bây giờ, có người nói Thầy giàu thì sao? Phải giàu không? Nói Thầy giàu, đó là lời nói của người không hiểu đạo, chứ thật ra, Thầy giàu là giàu nợ. Nợ nần nhiều quá, chứ không phải của cải nhiều. Vì Thầy nhận tiền nơi này, nơi nọ để làm Phật sự. Nhận nhiều tức nợ nhiều, chứ không phải nhận nhiều là giàu có. Như vậy, nói đúng nghĩa thì Thầy là người mang nợ nhiều nhất.

Thầy thường nói với tụi con, Thầy là người mang nợ ngập đầu. Vậy nên, bây giờ ở đâu ai đòi, Thầy làm được gì thì ráng làm để trả bớt nợ, dù biết có thể là mất sức khỏe, nhưng không dám từ chối. Vì đó là trách nhiệm trả nợ áo cơm, chứ không phải làm như vậy để có danh, để được lợi. Mà chính vì nợ áo cơm phải trả, hay nói cách khác, nợ đàn-na thí chủ phải đáp đền. Nên nói Thầy giàu nợ chứ không giàu tiền.

Nói cho tụi con biết rõ, để từ đây về sau, phải ý thức được trọng trách của mình tu là vì cầu được đạo. Cho nên phải quên sự nhọc nhằn, quên bệnh hoạn mà cố gắng tu cho đạt kết quả tốt. Khi đạt được kết quả tốt rồi, từ đó về sau, ráng làm sao đem đạo lý mình thấy hay, thấy quý truyền đạt cho người khác hiểu mà tu. Đó mới tròn bổn phận của người xuất gia.

Mong tất cả tụi con đứa nào cũng phải cố gắng, phải thực hiện điều Thầy nhắc nhở.

THUỐC ĐẮNG

Ở đây tôi biết, chẳng những T.T mà có nhiều chú nữa, cũng mang mặc cảm. Mặc cảm là bệnh, nếu không biết thì nó phá mình.

T.T có mặc cảm là về văn hóa ở ngoài không giỏi hơn ai. Kể cả chữ Hán cũng biết vừa phải thôi chứ không giỏi, nên nghĩ không xứng đáng làm Thầy. Mặc cảm thứ hai nữa, trong mấy năm nay tu hành, nhập thất cũng không tiến bao nhiêu. Như vậy, cả hai mặt học - tu đều không theo kịp huynh đệ, có khi kém hơn. Vì mặc cảm nên làm việc thấy thua sút, mặc cảm nên muốn kiếm chỗ tu cho vươn lên.

Mặc cảm đó hay hay dở? Đó là một bệnh. Tại sao chúng ta không phát nguyện mạnh rằng: Mình tiến nhanh hay tiến chậm cũng không sao. "Nếu không tiến được trên đường học, đường tu thì nguyện làm những viên đá tảng, để xây những bậc cấp, trợ duyên cho huynh đệ đạp bước lên những nấc thang cao làm Phật sự." Mình không cần đặt mình phải bằng người, mà cứ nguyện huynh đệ ai được tiến lên là mình vui. Đó là đạo đức thâm hậu. Như vậy, huynh đệ ở trong đây, bất kỳ người nào miễn tu được hoặc học hành giỏi, mình cũng mừng cho họ.

Có bao giờ T.T thưa gì với tôi, để tôi biết mà khuyên. Khi có tâm muốn bằng người, không bằng được, thua kém nên hổ thẹn, mặc cảm, rồi muốn bỏ đi. Mặc cảm bỏ đi như vậy chắc gì tu được, có bảo đảm đi ra ngoài mà tu được như ý hay không?

Như vậy, người tu phải phát nguyện lớn. Một là nếu túc duyên đời trước đã sẵn thì đời nay tu hành được mau tiến bộ, được duyên lành để làm Phật sự lớn. Hai là nếu phước duyên thua kém huynh đệ thì nguyện làm công quả, tích lũy duyên lành cho đời này đời sau. Mình công quả hộ trì cho huynh đệ họ tu, tiến được, làm Phật sự được, là mình có một phần công đức trong đó. Vậy trong phần lợi cho người, đã có phần lợi mình rồi. Như vậy mới tốt, chứ nghĩ mình thua kém người, rồi bỏ cuộc là không tốt. Phải làm sao cho cao thượng. Đừng nghĩ mình phải có vị trí cao mới được, mà cứ sẵn sàng làm bàn đạp, để các huynh đệ nương nơi mình tiến lên thì đó là những con người cao thượng.

Cho nên, các huynh đệ còn nhỏ, trong khi học, trong khi tu, nếu thấy kém huynh đệ khác thì có thể phát tâm phụ giúp những công tác nặng nhọc, để ai có khả năng, họ được cơ hội vươn lên, đó là tinh thần cao thượng. Không phải vì mình được lợi, mình mới làm; mà mình nên tạo duyên, lập được những công đức giúp cho người khác vươn lên, đó mới là tâm cao thượng.

Nếu nghĩ mình phải vươn lên đạt được như ý, còn không được vậy thì bỏ cuộc, vậy là dở. Như vậy, mình đủ phước đủ duyên thì khi tu mau tiến, nếu

mình còn bị nhiều chướng, chưa thể tiến được thì mình sẽ công quả giúp huynh đệ tu hành. Một người ở trong chúng tiến được là một niềm vui chung, là điều mình nên mừng. Ở trong đạo đâu phải ai cũng đủ duyên vươn lên liền được.

Mấy chú thấy trong sử kể, ở Trung Hoa đời Đường, có nhiều thiền viện, như chỗ ngài Quy Sơn có một ngàn năm trăm vị tu học, nhiều lắm là mười vị được nổi tiếng. Chỗ ngài Hoàng Bá có năm trăm vị, nổi bật nhiều lắm là năm bảy vị. Vậy đâu phải mọi người vào thiền viện đều tiến như nhau được. Đặc biệt chỉ ở chỗ Mã Tổ có tới tám mươi tư vị là Thiện tri thức. Như vậy, cùng vào đây tu, nhưng duyên phước của mỗi người khác nhau. Có người thì do phước ít nên hay bệnh hoạn, người thì được phước thông minh, người thì được phước duyên đời trước nên tu ít mà kết quả nhiều, mỗi người đều có phước riêng.

Tùy theo phước của mình, ở trong chúng, mình được góp một phần công sức, làm sao chỗ này được năm người, mười người tiến bộ, để ra gánh vác Phật sự. Dầu không có tên mình trong số đó, mình vẫn vui như thường. Nếu một người không có người phụ giúp, không có người hỗ trợ thì làm sao họ đủ duyên để tu tiến. Vì nhờ mình phụ, mình lo nên họ có thời gian tiến tu được.

Nếu đời này mình chưa tiến được thì đời sau nhờ công đức tích lũy, tu sẽ tiến. Nên không cần lo gì hết, có nhân rồi thì quả sẽ đến. Đừng buồn phiền, đừng mặc cảm, phải nên lúc nào cũng tùy hỷ, vui mừng khi huynh đệ tiến. Đó là người biết đạo, thấy đạo sâu. Chứ cứ nghĩ rằng mình thua kém người khác, rồi chán nản, muốn đi kiếm chỗ nào cho tốt hơn, mà chưa chắc kiếm chỗ khác là tốt hơn. Nhiều khi kiếm chỗ khác rồi, chướng nhiều hơn thì có, còn thuận hơn thì chưa chắc có. Những điều đó tôi đã kinh nghiệm nhiều rồi.

Tôi kể hai câu chuyện của hai người. Đ.H trước ở Thường Chiếu, tu không tiến, chạy đi theo Hòa thượng D.L tu, mong được tiến hơn, nhưng rồi bây giờ đã có hai đứa con. N.T chế ở Viên Chiếu tu không tiến, chạy lên trên T.C để tu tiến. Bây giờ nó chạy theo "bà bóng".

Như vậy, chỗ của mình đang tu đây, Thầy đã tạo đủ duyên, đủ mọi thứ ăn, mặc, ở, dưỡng bệnh, không khí... đều tốt đẹp. Đó là lý tưởng số một mà cũng bị chê. Tôi không biết tạo cái gì nữa, để người ta bằng lòng.

Vì vậy, người nào tu thấy mình đã nỗ lực tối đa, mà tiến không kịp huynh đệ thì biết rõ đó là căn duyên của mình chưa đủ chín muồi. Nên giờ mình cố gắng tạo phước, tạo nghiệp lành giúp đỡ cho huynh đệ tiến, tùy hỷ với điều hay điều tốt của người, rồi mình cũng sẽ được hay được tốt. Chứ mang mặc cảm, buông xuôi, rốt cuộc người khác không có cơ hội tốt vươn lên, mình cũng thất bại luôn, cả hai người đều bất lợi.

Cho nên, trong chúng mỗi người phải khéo nghĩ, khéo biết rõ tâm tư, nghiệp chướng hay căn cơ của mình. Đừng phàn nàn, đừng oán trách gì. Tại sao huynh đệ đó nhập thất ba tháng, ra có tiến, còn mình cũng nhập ba tháng mà không tiến. Đó là tại cơ duyên của mình kém, biết vậy mình sám hối, làm phước đức nhiều hơn, rồi sẽ được tiến. Đừng vì vậy mà mặc cảm rồi buồn rầu này kia thì không tốt.

Trong Thanh quy, Quy chế phụ thứ mười nói gì? Nếu một người chúng ở đây, không muốn ở đây nữa thì ra đi tự do, không cần điều kiện gì. Đã cho tự do như vậy, thế mà thỉnh thoảng cũng có người trốn đi, tôi không hiểu được! Phải chi Thanh quy nói một người muốn ra đi thì phải bồi hoàn tiền ăn ở năm bảy tháng là bao nhiêu, hay ra điều kiện gì đó, do sợ không đáp ứng được nên bỏ trốn... Vậy thì cũng dễ hiểu, mà sự thật lại không có điều kiện gì.

Việc trốn đi có hai điều dở. Thứ nhất là tình nghĩa trong đạo, đến tu thì xin, đi cũng phải thưa, chứ đâu thể trốn đi mất. Làm vậy không tốt. Thứ hai nữa, lúc lên đây có chú được thầy tổ gửi gắm, nếu trốn đi, không thưa thì về có dám gặp mặt thầy tổ không? Lại thêm tệ. Như vậy là mình tự từ giã thầy mình luôn. Vậy nên mấy chú đừng ngại, Thanh quy ghi rất rõ: "Khi không muốn ở đây thì xin phép ra đi tự do không cần điều kiện gì." Nên có thể đến nói "thưa Hòa thượng" hoặc "thưa quý thầy, vì con bệnh phải về trị bệnh", hay "con không muốn ở đây, ở không hợp"... Cứ thưa thì sẽ được cho phép đi liền, còn cho tiền xe đi nữa, chứ trốn đi thì tiền đâu mà đi.

Nói như vậy để mấy chú hiểu. Thật ra, tôi cố gắng tối đa làm tròn bổn phận của người lớn hướng dẫn người nhỏ, người đi trước giúp đỡ người đi sau. Làm sao để trên đường tu mọi người có lợi ích, cho nên tôi ráng tạo đủ duyên cho mấy chú tu. Mà mấy chú tu không tới nơi hoặc tu không được, đó là duyên riêng của mỗi người. Tôi không buồn.

Ở đây, không phải mấy chú đi là tôi phải buồn phiền. Chỉ có điều là tập làm sao cho mình đến tốt đẹp thì ra đi cũng tốt đẹp, công khai đàng hoàng. Như vậy tốt hơn. Mai kia quý vị đừng xách giỏ trốn đi ban đêm nữa. Người ta biết sẽ tưởng rằng trong đây có chuyện gì nguy hiểm lắm, chịu không nổi, phải trốn đi.

Đó là điều tôi nhắc cho toàn chúng nhớ để cố gắng thực hiện cho được.

Tôi nhắc lại một vài điểm nhỏ cho chúng nhớ để sửa. Tôi hy vọng toàn chúng ở đây, vì mai kia mỗi người hoặc nhận trách nhiệm lớn hoặc chuyên phần hoằng pháp lợi sanh, nên phải tu hành đúng theo đường hướng của thiền viện Trúc Lâm đã sắp đặt, mở mang ra. Vì vậy, mỗi người trong chúng đều có trách nhiệm, phải làm sao tự mình trở thành người đàng hoàng, đứng đắn, đủ tư cách để làm những Phật sự đó.

Ở đây, tôi thấy có hai khuyết điểm. Có những người nói lanh quá lanh, vậy làm sao đi giảng được, nói nghe không kịp. Chỉ thẳng bên này là T.Đ, bên kia là T.N. Hai người nói lanh quá. Giảng mà nói lanh quá, người ta nghe không lãnh hội được, sẽ làm mất thời gian của mình lẫn người. Quý vị phải nói chậm lại một chút, để lời nói rõ ràng từng câu, người nghe hiểu kịp, lãnh hội được, thì mình mới làm được việc hoằng pháp độ sanh.

Kế đó, có mấy chú nói chữ "ra" thành "ga". Nhất là mấy chú ở Trà Ôn, Vĩnh Long mới lên. Mình phải nói chữ "ra" cho rõ, để tất cả mọi người nghe đều hiểu. Giảng sư mà nói lời không rõ ràng thì người nghe sẽ cười. Cũng như khi xưa, trên này Đ.T nói ngọng chữ gì mấy chú nhớ không?

- Dạ chữ "t".

Về dưới giảng tôi rầy hoài, bảo phải bỏ, đừng để làm giảng sư mà ngọng người ta cười. Nên hôm rày chú sửa cũng khá lắm rồi. Giảng dạy thính chúng cũng chịu, nhưng có vài từ ngọng đó, nên họ cười. Mấy chú nhớ chữ gì mình lỡ nói không đúng thì phải sửa lại, nói cho đúng. Để sau này có trách nhiệm hoằng pháp lợi sanh, khi đó mình giảng nói không bị ai chê cười. Chứ còn phần học hiểu giáo lý, phần tu hành mình làm được; đến lúc đi giảng, nói có những từ ngọng, không rõ ràng thì người nghe sẽ cười. Đó là những lỗi nhỏ tôi nhắc cho tất cả nhớ để sửa. Đừng để những lỗi nhỏ làm ảnh hưởng việc lớn mai này.

Hiện nay có một số người tu rất giỏi, nhưng càng hay càng lanh lẹ thì càng dễ bị ngoại duyên lôi kéo, nên nghe nổi tiếng một lúc rồi chìm. Chẳng những ở trong nước mà quý thầy ra nước ngoài cũng vậy. Nên một số Phật tử buồn ghê lắm, họ nói rằng chỉ có Trúc Lâm là còn có thể tin tưởng được thôi.

Nhưng gần đây tôi thấy có điều không bằng lòng. Tôi chỉ cho trong chúng, từ đây về sau tất cả phải ráng thay đổi. Các thiền viện ở dưới kia, như Thường Chiếu, Linh Chiếu, Viên Chiếu, Phổ Chiếu, Huệ Chiếu... thì thiền viện tăng cách thiền viện ni xa, nên ban quản chúng quản lý chúng dễ. Còn mình ở đây Nội viện tăng - Nội viện ni gần quá, ban quản chúng rất khó quản lý. Mà ông Quản chúng của mình lại lơ là, ai làm gì thì làm, ông chớ có biết.

- Hồi sáng này, tăng ni làm công tác chung nên tôi lo, trời mưa tôi cũng phải ra ngồi coi, mà kiếm Quản chúng không ra. Đó là chỗ yếu của mình. Mình phải dè dặt ngăn đón, tức là phải ngừa bệnh hơn trị bệnh. Nhiễm bệnh rồi mới đem ra rầy phạt thì đã muộn quá rồi, nên phải ngừa trước.

Sở dĩ người lớn phải có mặt, để đề phòng tăng ni có điều gì muốn nói riêng, hoặc gặp gỡ, gần gũi, hoặc có thái độ không tốt, họ sẽ dè dặt bớt, không dám thổ lộ. Mình phải ngừa việc xấu, chứ để có chuyện lộn xộn thì thiền viện sẽ mất uy tín. Điều đó hết sức quan trọng, mấy chú lại coi thường.

Tôi được mấy đứa nhỏ mách lại chuyện này. Nó nói rằng gần đây chiều tối nghe tiếng xe gắn máy qua, tụi nó mừng lắm. Tôi hỏi: "Mừng cái gì?" Nó nói: "Mừng vì thầy Tri sự qua cho kẹo." Việc đó là không được rồi. Đã tránh duyên, mà bây giờ Tri sự đem kẹo qua cho, chúng nhỏ vui vẻ bu quanh, lâu rồi sẽ có chuyện. Nên kể từ đây về sau, mọi công tác, bên tăng lo bên tăng, bên ni lo bên ni. Chuyện gì bên ni không tự lo được, qua tăng nhờ giúp thì mới giúp, chứ không được qua lại tự do. Qua lại tự do có những điều mình không thể lường trước được. Đó là điều quan trọng.

Kể từ ngày này, khi có chuyện cần Tri sự muốn qua bên ni, phải có Phó quản chúng hoặc Quản chúng cùng đi. Còn chuyện gì ở bên ni qua nhờ, ít ra cũng phải có một hai người lớn qua, không lôi thôi được. Mình giữ uy tín của mình trong sạch từ đầu đến cuối, chứ để lỡ có sai sót, tiếng xấu đồn ra thì tất cả công lao của mình tiêu tan. Quản chúng ở đây lơ mơ quá! Quản chúng và Phó quản chúng phải cẩn thận tối đa, phải chịu cực một chút để theo sát chúng. Tôi đi vắng, tin tưởng ở nhà, bên nào cũng có Quản chúng trông coi chúng. Khi tôi về, sáng nay đi một vòng, kiếm Quản chúng không ra, xuống phòng thấy đóng cửa kín mít.

- Dạ! Có Phó quản chúng, thưa Thầy.

- Không đổ thừa hay ỷ lại được. Cả hai đều phải có mặt để coi chừng, trong khi làm công tác, chia ra đến ba bốn chỗ cùng làm chung lẫn lộn, mình phải cẩn thận. Phải ngừa bệnh, đừng để có bệnh xảy ra, vậy mới giữ uy tín lâu dài. Mấy chú dễ ngươi quá thì có ngày nguy lắm. Tôi còn có mặt thì còn kìm chế được, khi tôi đi vắng, ở nhà không ai kìm chế hết thì nguy. Vì vậy, tôi nói phải rất cẩn thận, chưa xảy ra thì mình phải phòng ngừa trước, chứ để có chuyện thì mình phải làm sao? Có thể công lao mình bị trôi sông trôi biển.

Hơn nữa, gần đây tôi thấy chúng qua bên kia, tự ý đi, đi ngang qua tôi, thấy tôi nhìn mà không thưa trình gì. Có những người đến sau không biết luật. Ở đây, tôi là người quản tất cả. Vì tôi sợ tăng ni gần gũi thì sanh bệnh. Nên bên ni, ai đi qua đây đều phải trình với tôi, trừ khi tôi không có ở nhà. Tăng muốn qua bên đó cũng phải trình với tôi, chứ không phải tự ý đi lại, không khéo người ở chung quanh thấy tự do quá họ sẽ chê cười.

Nhất là trong chúng mình, người ở cả ba miền Nam Trung Bắc, ở bên kia cũng vậy. Chỉ cần một người làm sai, tiếng đồn đi khắp, bao nhiêu người phải chịu ảnh hưởng, cho nên mình phải giữ quy củ cho đàng hoàng, làm việc phải nghiêm chỉnh. Bây giờ tôi nhắc lại, Tri sự từ đây về sau muốn qua bên ni có việc thì mời Quản chúng hoặc Phó quản chúng cùng đi. Qua nói chuyện nghiêm chỉnh, chứ đem kẹo bánh qua cho, để con nít bu lại kiểu đó, người ngoài thấy

họ phê bình. Tôi rất lo việc đó, nên giờ tất cả chuyện gì qua lại cũng phải cẩn thận.

Tôi đã kinh nghiệm qua các chùa rồi. Các chùa mất uy tín cũng vì hai bên, bên này - bên kia không được nghiêm chỉnh rồi sanh ra bao nhiêu thứ bệnh. Từ đây về sau không được lôi thôi. Tức là bên đây đi qua, phải nghiêm chỉnh, đàng hoàng. Nếu tôi đi vắng, phải xin phép Quản chúng; dù Tri sự đi cũng phải trình người lớn biết. Bên kia cũng vậy, muốn làm gì, qua đây cũng phải nghiêm chỉnh.

Nhiều người cũng hỏi tôi: "Tăng, ni ở gần quá, làm sao quản lý được?" Tôi nói: "Ở đây luật lệ rất nghiêm." Nhưng mà hổm rày, khi tôi đi khỏi, ở nhà tự ý làm riết hết nghiêm rồi đó. Như vậy họa có thể sẽ đến. Từ đây về sau phải cẩn thận hơn.

Còn ngoài Hương Vân cũng vậy, tuyệt đối ai ra làm công tác gì cũng phải trình với Quản chúng, chứ không phải thấy quý vị nhờ là ra làm. Ra làm ngoài đó, họ có đãi đằng ăn uống thì phải ăn ở dưới phòng khách, chứ không được quyền lên lầu. Trên lầu là phòng của mấy cô, lên đó thì như phạm luật rồi. Tôi nghe đồn hình như có một hai người lên đó ăn uống, đó là việc bậy nhất.

Thiền viện có uy tín, mai kia mấy huynh đệ lớn ra làm việc mới có uy tín. Chứ nếu thiền viện mất uy tín rồi thì mấy chú sau này cũng khó thành tựu. Một người làm mà ảnh hưởng bao nhiêu người phải chịu. Cho nên ai nấy đều phải cố gắng. Mình còn là phàm tăng nên phải dè dặt, cẩn thận. Những người năm mươi, sáu mươi tuổi cũng chưa chắc đã bảo đảm, huống nữa là khoảng bốn mươi, cũng còn dễ xảy ra lôi thôi lắm. Phần nhiều xảy ra lôi thôi, ở tuổi hơi cứng cứng, từ bốn mươi tuổi trở lên. Do tuổi hơi lớn, họ dễ ngươi, nên dễ gặp những sự cố xảy ra. Mấy huynh đệ phải cẩn thận tối đa, giữ cho uy tín mình được lâu dài thì lớn lên làm Phật sự mới được, chứ nếu thả lỏng thì sau này rất khó.

Khi chúng làm việc tôi cũng lo lắm, vì không muốn xảy ra chuyện gì, nên phải theo dõi, coi ngó để nhắc nhở. Tuy mình không làm, chỉ đứng đó, để họ dè dặt, ai cũng tự giữ gìn thì không sao. Nếu mình đi khỏi, họ giỡn cười với nhau, rồi có chuyện, người ngoài nhìn thấy sẽ mang tiếng.

Đó là điều tôi vừa được nghe báo cáo, nên hơi giật mình. Ở đây, tất cả trong chúng, tôi tin rằng ai cũng là người quyết tâm tu, nhất là tu càng lâu thì đạo đức càng cao nên phải cố gắng gìn giữ, đừng để những thứ nhỏ không đáng gì làm mất uy tín, tiêu mòn đức hạnh của mình. Đó là điều không tốt.

Còn phần Tri khách, tôi nhắc lại một chút là Tri khách phải quản lý những người cư sĩ, chứ đừng giao họ tự quản lý, vì họ mới vô đây, đâu biết gì mà tự quản lý. Mình lớn, ở lâu, biết việc gì trong chùa cần làm thì phân công cho họ

làm. Hoặc biết người nào khỏe, người nào yếu phân công cho dễ, chứ đừng nên để họ quản lý nhau. Nhiều khi họ làm không được hoặc sai sót thì mình là người lớn phải chịu trách nhiệm.

Đó là những chuyện cần, tôi nhắc cho trong chúng biết. Vì uy tín chung mà phải ráng giữ.

Hôm tôi qua bên Mỹ, có mấy người nói chuyện: "Ở bên Việt Nam không có tự do, bên đây mới là tự do." Tôi nói: "Tự do gì, ở bên Việt Nam, tôi ngồi xe không cần thắt dây an toàn, tôi cũng đi được, không bị ai rầy. Bên đây không thắt dây sẽ bị phạt. Giờ ai tự do hơn ai?" Họ cười. Sự thật, mình tự do trong giới hạn, chứ đòi tự do như mình, nếu bị đụng xe thì không được an toàn, nhất là cái đầu sẽ bị trước; còn bên kia lỡ bị đụng xe thì không đến nỗi, vì người ta có thắt dây an toàn. Hiểu vậy thì cái mất tự do chính là tự do.

Như vậy, huynh đệ phải hiểu, có điều gì tôi khó cũng là để giữ cho tập thể được tốt đẹp lâu dài, chứ không phải khó là làm trở ngại sự tu của quý vị. Nhiều khi dễ dãi sẽ là duyên cớ đưa chúng tới hư hỏng, mà hư hỏng thì rất tội. Đời tu mấy mươi năm, mong tiến lên, giờ nó tụt xuống thì sao không tiếc được! Nên trong chúng ráng cẩn thận, ráng dè dặt.

Nếu mình phân công tác, cần nhờ mấy cô làm gì thì cứ giao cho họ, mấy cô cũng có phương tiện. Cần ăn kẹo thì họ mua kẹo đãi chúng, chứ mình không cần phải mua đem qua. Đừng có làm lố, đi quá phạm vi của mình! Bên nào lo cho bên ấy. Khi nào công tác chung thì phân công chung, khi nào riêng thì phải làm riêng. Còn chuyện xây dựng, việc gì họ không làm được, họ nhờ thì mình phải làm giúp. Hoặc cần bàn gì thì Tri sự và Phó quản chúng phải qua bàn cho nghiêm chỉnh. Chung quanh mình, rất nhiều con mắt nhìn, sai sót một chút là họ đánh giá liền, nên phải sợ mà cẩn thận.

Hơn nữa, gần đây tôi phải đi nhiều, nơi này nơi kia, rồi ở nhà huynh đệ thả lỏng với nhau, không ai coi ngó ai, coi như lớn hết rồi, tha hồ muốn làm gì thì làm, thì nguy lắm. Tiếp tục như thế thì một ngày kia sẽ sanh ra những tật không tốt. Nên toàn chúng phải ý thức được, kể cả lớn lẫn nhỏ, ai cũng phải dè dặt, cẩn thận để giữ gìn uy tín chung. Mấy chú xét kỹ lại, tất cả chùa mang tiếng, phần lớn là mang tiếng việc nam nữ. Chuyện nam nữ làm cho người ta hư nhiều lắm. Mình giữ gìn cho cẩn thận, đừng để những tiếng xấu xảy ra. Đó là mình thương chúng, lo cho chúng, bảo vệ họ tu. Trừ khi người nào ra ngoài, không ở đây nữa, thì mình không có trách nhiệm, họ có lỡ làm gì thì họ tự chịu. Ngày nào họ còn ở đây, mình phải chịu trách nhiệm. Chịu trách nhiệm thì ráng cẩn thận, phải coi ngó họ.

Nói tóm lại là mình phải chịu cực. Đừng nghĩ rằng đi coi ngó người ta hoài mình tu không được. Không phải vậy! Người nhỏ đi dòm ngó người ta để thị

phi thì tu không được, chứ người lớn coi chừng họ để giúp họ tu, thì đó là phước. Tôi sở dĩ được người ta tin, được có phước, là nhờ tôi lo cho tăng ni được yên ổn, trong sạch tu hành.

Cho nên mấy huynh đệ sau này cũng vậy, mình nuôi chúng thì phải tận tâm, lo giữ chúng chứ đừng thả lỏng. Vì họ nương mình tu mà không khéo họ tu không được, thì đó là lỗi tại mình. Vì vậy nên ráng cẩn thận. Lo cho chúng, thương chúng là phải kìm chế, chứ không phải thương chúng là họ muốn gì được nấy. Chúng ta vì muốn giúp đỡ huynh đệ tu, nhất là những người còn nhỏ, nên phải khó một chút, kìm chế họ, chứ những người không muốn tu thì đâu cần mình phải kìm chế.

Tôi nhắc nhở cho toàn chúng ý thức được trách nhiệm của mình. Kể từ đây về sau phải nhớ, bên tăng có giới hạn của tăng, bên ni có giới hạn của ni. Bên này sang bên kia, với điều kiện có huynh đệ cùng đi, chứ không được đi một mình. Đi ngang thất tôi, nếu tôi có ở nhà thì phải thưa cho tôi biết. Để quý vị thấy rằng, một lần muốn qua bên đó khó khăn lắm, cho bớt chuyện tự do qua lại.

Nhất là không được đi ban đêm, trừ phi có chuyện bất cập, bất thường thì mới được, chứ bình thường thì không bao giờ đi tối. Quý cô cũng vậy, không cho ra ngoài này ban đêm, trừ những chuyện quan trọng lắm, nhưng phải xin phép, tôi cho đi thì mới được đi. Mình phải gìn giữ cẩn thận.

Quý vị thấy, bên nào cũng có khách, bên nào cũng có những cư sĩ mới đến tập tu với mình. Họ nhìn kỹ lắm, một chút sơ sót của mình họ cũng để ý rồi. Nhiều khi đi tới đâu đó, có ai khen thiền viện Trúc Lâm, thì họ đem những cái dở họ đã thấy, phơi bày ra thì kẹt cho mình. Ráng cẩn thận, mỗi người gìn giữ mỗi phần, làm sao cho tất cả đều được tốt đẹp. Tu hành ở đây, mười năm, hai mươi năm rời đi, mình là những người thanh tịnh đàng hoàng, tu hành hiểu đạo, thấy được lẽ thật của đạo, vậy mới xứng đáng, không uổng công mình tu.

Đó là lời nhắc nhở toàn chúng, mong tất cả cố gắng, nhất là ban chức sự ráng cẩn thận hơn.

Để điều hành một thiền viện, phải phân công tác, có nhiều người phụ trách mỗi việc, mỗi người chịu trách nhiệm mỗi phần. Chúng thấy có gì cần, phải hỏi người có trách nhiệm. Ở đây, tôi giao Phó quản chúng có trách nhiệm quản lý những tài sản của thiền viện, ở trong nội viện. Khi cần thứ gì thì cứ đến thưa "Thưa thầy, cho con mượn cái đó..." hay "Con cần dùng cái đó..." Tất cả đồ vật ở đây là của chung, chứ không phải của riêng, đừng nói rằng vật này của riêng người nào, mà là của chúng nên khi cần thì cứ mượn. Lịch sự thì mình nên thưa, chứ không phải là xin họ mới cho, không xin họ không cho lấy. Sở dĩ phải trình thưa, để tập tâm mình quen tinh thần của chung, ai cũng phải có

trách nhiệm gìn giữ. Vậy nên, phải cho mọi người biết đồ vật đó ai mượn, ai lấy, chứ tự ý lấy xài, còn mất không biết, tới chừng mất hết thì sao? Vậy Quản chúng, Phó quản chúng giữ cái gì? Nên toàn chúng ý thức được điều đó, để cho mọi thứ đều được tốt đẹp.

CÂU CHUYỆN BUỔI CHIỀU

Nhìn chung cuộc đời con người thấy đáng buồn: Lớn lên, lo tính đủ thứ chuyện. Cuối cùng điều mình không chuẩn bị, không chờ đón lại xảy đến. Ít ai nhớ rằng cái chết luôn chực sẵn, hay nói cách khác: cái quan tài luôn mở nắp chờ sẵn. Còn sống thì cứ tranh giành, phải quấy, hơn thua. Ngày nào chui vô quan tài, đậy nắp lại rồi thì còn phải quấy, hơn thua được nữa không? Vậy mà còn chút hơi thở thì ai chê một câu cũng không chịu nổi.

Người tỉnh táo phải thấy xa biết rộng, đợi đến giờ chót mới biết thì quá muộn màng. Người thấy xa là phải chuẩn bị, tới lúc cuối đó phải làm gì để đối phó. Không phải chỉ biết ngày nay đang sống khỏe mạnh vui vẻ, việc gì vừa lòng thì cười, không vừa lòng thì khóc. Tất cả những gì đến dù tốt hay xấu rồi sẽ qua. Khi cuộc đời đã qua, kết thúc thì mình vui vẻ ra đi. Tức là tới lúc quan tài mở nắp thì vui vẻ chun vô, chứ không e dè sợ sệt. Đi một cách nhẹ nhàng, đó mới tốt. Nhiều người tới lúc đó, thấy quan tài mở nắp sợ quá hoảng hốt. Hoảng hốt thì khổ! Lúc đó biết chạy đi đâu!

Bởi vậy ở đây, mỗi ngày mỗi nhắc: *Ngày nay đã qua...* Nhưng nghe riết rồi tụi con có quen tai không, hay vẫn còn có cảm giác tỉnh? Thật ra, con người cứ ngỡ mình sẽ sống bảy tám mươi tuổi, nên khi cái chết đến đột ngột thì hoảng hốt. Bây giờ ai cũng nên chuẩn bị, biết mình sẽ chết một ngày nào đó, không biết bao giờ, lúc bao nhiêu tuổi, khi bệnh hoạn hoặc tuổi già, nó không tha thì chết. Nên cái chết đến mình vẫn thản nhiên không sợ nó. Sợ chỉ làm mình thêm khổ, chẳng có lợi ích gì cả. Ở đây có ai không sợ chết không?

- Bạch Thầy, không phải là sợ chết, mà là sợ khi chết đến tụi con chưa đủ đạo lực để ra đi tự tại.

Chỉ sợ ngày nay mình tu lơ mơ, chứ đừng sợ khi chết mình không đủ đạo lực. Mỗi ngày mình cứ nỗ lực thì tới đó tự nhiên sẽ đủ sức, chứ còn cứ sợ suông mà tu không tiến chút nào thì chừng đó làm sao có đủ đạo lực?

Tụi con ở tại thiền viện, được nhắc tới nhắc lui, vậy mà còn chưa tỉnh, huống là ở chùa riêng rồi tha hồ lo chuyện này, bận việc kia, quên cả giờ tu hành của mình, tới lúc nhắm mắt không biết đi đâu. Vì ai cũng sẽ tới ngày cuối cùng đó. Nếu không chuẩn bị trước, chừng đó khổ đau dồn tới thì ai cứu mình? Anh em, cha mẹ, thân bằng quyến thuộc thương mình, nhưng tới giờ phút đó, có ai giúp được gì cho mình không? Cũng phải tự mình giải quyết lấy. Người biết tu là người thật sự thức tỉnh, biết trước việc sắp tới thì hiện tại phải làm gì?

Vậy nên thương mình là lo làm sao để lúc ra đi mình có thể biết trước, rồi vui vẻ đi là tốt. Tu như vậy mới có đạo lực. Muốn được vậy thì ngay hiện tại

phải lo, chứ bây giờ không chịu lo, cứ thả trôi, phút cuối cùng muốn được tự tại, đó là hão huyền.

Tu cho ra tu, đây là người tỉnh. Còn người thế gian, khi còn trẻ thì lo cho có gia đình, sự nghiệp, lo cho con cái được thành tài, đến già hài lòng với chút công danh, lợi lộc. Ngày ngày uống trà nói dóc chơi, rồi lăn đùng ra chết, không biết đi về đâu! Như vậy, dường như thương mình mà không có thương gì hết, đến giờ phút chót ra đi một mình đau khổ, sợ hãi. Con cái có thương lắm thì làm giỗ này giỗ kia rình rang, an ủi người mất, thể diện người sống, chứ đâu thể cứu được mình.

Người biết tu phải thấy viễn cảnh trước mắt, để chuẩn bị từ bây giờ. Tu tích cực chứ đừng lơ mơ. Có ai bảo đảm sống tới bao nhiêu tuổi chết không? Cứ tưởng bảy tám mươi mới chết nhưng lỡ bốn mươi chết thì sao? Sống chết đâu có nhất định! Vậy nên cứ chuẩn bị sẵn sàng, chừng nào nó đến thì đến. Đừng nghĩ là mình thích sống đến sáu mươi tuổi... thì sẽ được vậy. Lỡ mới năm mươi tuổi vô thường đến, mình có thể cầu xin "Tôi tu chưa kịp, hãy tha cho tôi được ở lại thêm mười năm nữa, tu cho khá khá rồi tôi đi!" Có xin vậy được không?

Tụi con đi ra ngoài mới thấy cái chết đến bất ngờ, không lường trước được, sơ sảy là chết. Nhất là thời này xe cộ chạy ào ào, lái xe sảy tay một cái là rồi. Lên máy bay cũng sợ rớt máy bay. Xuống tàu sợ chìm tàu. Đi tàu hỏa thì sợ đụng. Cái chết không tha ai, luôn chực sẵn. Đã biết nó chực sẵn thì phải ráng tu.

Bởi vậy, tụi con phải luôn nhớ chuyện anh chàng bưng bát dầu, hễ ngó lơ làm đổ bát dầu là rồi đời. Tụi con ngó lơ nhiều hay ít? Phải luôn tỉnh táo sáng suốt. Tu cho có kết quả là tự cứu mình và cứu người, chứ tu lơ mơ chỉ phí đi một đời. Sau muốn trở lại thì muộn quá rồi, không biết có duyên thuận để trở lại không? Mà trở lại cũng không biết có gặp thầy bạn tốt không? Không phải lúc nào cũng có cơ hội tốt cho mình tu.

Nghe nói đến cái chết tụi con thấy buồn quá, phải không? Nói chuyện buồn vậy mới nhớ tu, còn nói chuyện vui thì dễ quên tu. Tụi con có khi nào vui quá rồi nói chuyện tào lao không? Vậy là không giữ chánh niệm.

Mấy cô lớn tuổi thấy ở đây tu có khó lắm không? Thật ra, ở nhà quý cô là bậc trưởng bối, tác oai tác quái với con cháu. Nay tới đây, nói, làm điều gì cũng hơi dè dặt, vì không biết mình có làm gì sai, bị cô Tri khách rầy không. Nhờ vậy, các cô mới thấy, có được cơ hội tốt, ở chung nhiều người mà có luật lệ, quy củ thì mình mới sửa bỏ được các tập quán, thói quen cũ. Chứ không thì cứ theo lối cũ, giận ai liền la lối quát nạt, buồn ai là bỏ ăn cơm, đợi năn nỉ mới ăn.

Ở đây không có chuyện đó, tới bữa, hành đường đánh kẻng thì lo tập trung đến thọ trai, không chờ ai năn nỉ, đó là cơ hội tốt để quý cô tu tập.

Còn mấy đứa nhỏ mới xuất gia, ở nhà hơi buồn buồn là nhõng nhẽo với ba má, vô đây có dám nhõng nhẽo với thầy không? Như vậy để thấy tụi con biết tu rồi thì tuy tuổi nhỏ mà thành người lớn. Biết tại sao vậy không? Bởi người lớn mà ở trần tục thì họ vẫn sống trong mê lầm, từ mê lầm này đến mê lầm khác. Còn tụi con tuy nhỏ mà đã thức tỉnh, biết trần tục không đáng lưu luyến, không đáng quý, mình đi tu để mai kia tự độ, độ người. Như vậy là người lớn rồi, chứ đâu còn nhỏ nữa.

Đứng về phần tuổi tác thế gian thì không lớn, nhưng đứng về phần giác thì mình lớn. Nhưng lớn về tuổi tác đâu có giá trị. Tụi con thấy ở ngoài đời, nhiều người già không được học hành, thấy những người trẻ có bằng cử nhân, tiến sĩ họ cũng nể kính. Người tu cũng vậy, nếu mình nhỏ mà tu đàng hoàng, đúng đạo lý thì người lớn tự nhiên nể trọng. Nếu ba má tụi con biết Phật pháp, thì khi tụi con về thăm, sẽ không dám gọi là con nữa, mà gọi là cô. Vậy tức là thấy tụi con lớn rồi. Còn tóc, còn si mê nên gọi con, nay cạo tóc là đã tỉnh rồi, nên ba má nể trọng, đâu còn coi thường nữa. Vậy nên đi tu là làm người lớn.

- Bạch Thầy, kỳ này Thầy về dưới kia, bao lâu mới trở lên?

- Kỳ này, mười sáu Thầy xuống Thường Chiếu, mười bảy đi Vĩnh Long, mười tám qua Cần Thơ, mười chín xuống Trà Ôn, hai mươi trở về Thường Chiếu, sáng hai mốt giảng ở Bà Rịa, chiều giảng ở Vùng Tàu, hai mươi hai giảng ở Thường Chiếu, hai mươi ba Thầy trở lên Trúc Lâm. Chạy vù vù, bởi vậy về tới đây là đuối, gần hết hơi!

Bây giờ Thầy hỏi, tụi con chuẩn bị nghe rồi trả lời. Hồi sáng này Thầy giảng, câu kết thúc của Thầy là câu gì, tụi con nhớ không?

- Thưa Thầy, câu kết thúc là Thầy muốn cho mọi người nhận được vô vị chân nhân nơi mình.

- Không phải.

- Thưa Sư ông, câu kết thúc là: Quý vị làm gì cả ngày mà không chịu tu, tôi không hiểu nổi.

- Gần đó chứ chưa phải. Dở quá! Mới nói hồi sáng này mà bây giờ đã quên rồi. Không ai thuộc sao? Thầy nói câu đắc ý nhất của Thầy mà mấy đứa quên.

- Thưa Sư ông, con nhớ Sư ông dạy là: Người ta làm vua, bận rộn trăm công ngàn việc mà còn tu được, thấy được đạo lý rõ ràng. Còn tụi con ở trong thiền viện của Sư ông, tối ngày chỉ có một việc tu mà cũng không xong.

- Ừ, tụi con nghĩ xem làm vua thì phải lo việc nước, việc dân bề bộn, vậy mà còn hiểu thấu đạo lý, còn tu được. Còn tụi con, cả ngày chỉ có một chuyện tu thôi, mà tu không ra gì, thì sao?

- Dạ, đánh đòn.

- Ừ, đánh ba roi, nhớ chưa!

- Thưa Sư ông, bố con gọi điện hỏi cách thức tu như thế nào và muốn thưa Sư ông là bố con có đúc một tượng Phật và muốn xin hỏi ý kiến mấy việc liên quan.

- Con nhớ Sư ông có nói, người phàm không khai quang điểm nhãn Phật được. Bây giờ nhiều người làm nhiều chuyện vô lý. Muốn khai quang điểm nhãn, cần phải người có đức cao.

- Con có bảo bố con là "Bố làm chuyện mê tín", mà bố con không chịu tin con. Bố con nói là "Phải đi hỏi Sư tổ thì bố mới tin".

- Hồi nãy bố con có hỏi rồi, có xin tên cho một đứa nhỏ nữa. Thầy làm đủ thứ: đặt tên con, rồi gì gì cũng có..., bá nghệ.

Sáng nay, có một đoàn ở Đài Loan tới thăm. Trong đoàn có một Hòa thượng, một Thượng tọa, một ông cư sĩ cùng đi với một trăm người nữa. Họ phát nguyện đi các chùa cúng dường cho một ngàn tăng ni trong mùa Hạ.

- Hồi sáng không dẫn họ qua đây hả Thầy?

- Vì họ ngại mùa an cư đi đông quá ồn ào, làm động chúng, tổn phước. Người ta quý sự tu hành thanh tịnh vậy đó. Còn tụi con ở đây mà ồn ào thì không biết nói sao.

Họ có hỏi Thầy một câu, là họ đi thăm các chùa Việt Nam, thấy chùa nào cũng thờ tổ Đạt-ma. Tại sao tất cả chùa chỉ thờ có một Tổ đó thôi? Vì ở bên Đài Loan, hệ phái nào thì thờ các Tổ đó. Thí dụ tông Lâm Tế thờ tổ Lâm Tế, tông Tào Động thờ tổ Tào Động. Thầy trả lời rằng: Tổ Đạt-ma sang Trung Hoa truyền thiền, ngài Huệ Khả lãnh hội được làm tổ thứ hai, lần lần chư tổ Trung Hoa truyền sang Việt Nam. Bây giờ xét lại, các tổ Trung Hoa nhiều quá, không biết thờ ngài nào. Tổ Đạt-ma là vị tổ đầu tiên truyền thiền ở Trung Hoa nên thờ ngài là trọn hết, vậy nên ở Việt Nam thờ tổ Đạt-ma.

Nói cho mấy đứa nghe thì Thầy nói ngắn vậy, chứ nói với họ thì Thầy nói chuyện tới nửa giờ, vì họ muốn nghe. Họ nói mấy bữa nay đi cúng dường các chùa, tới đâu cũng chỉ mời uống trà thôi, không nói gì hết. Hôm nay họ tới đây, được nghe Thầy nói chuyện, họ vui lắm.

Người Hoa ở Đài Loan thích cúng dường lắm, bởi vậy họ giàu. Các chùa Tàu ở các nước khác, chùa nào cũng giàu. Qua bên Đài Loan thấy các chùa đều to. Chùa mình ở đây chỉ bằng chi nhánh nhỏ xíu của họ thôi.

- Vì ở bên đó đất rộng.

- Nói trật lất. Con chưa qua đó mà biết bên đó đất rộng? Đài Loan đất hẹp hơn mình. Ở đó núi nhiều. Trung Quốc đất mới rộng, Đài Loan chỉ là đảo, Trung Quốc khác Đài Loan, hiểu lầm, phát biểu lầm rồi chú ơi.

- Thưa Thầy, ở Đài Loan muốn trồng cây, họ đổ đất vô bao trồng.

- Ở bên đó thiếu đất, nên họ qua đây thuê mướn đất của mình để trồng rau. Như ở dưới Cần Thơ, có mấy chỗ người Đài Loan họ trồng rau. Vậy tụi con mới thấy, mình tu đàng hoàng thì những người cùng đạo Phật với mình, dù ở xứ nào, đều có cảm tình. Mình ở đây mà được người từ bên Đài Loan qua cúng dường. Do họ rất chú trọng mùa an cư, vì mùa đó tăng ni tu nhiều, nên họ thích cúng dường. Vậy chỉ e mình không tu thôi, không tu thì ít ai biết tới, chứ tu thì nhiều người thương quý, họ ủng hộ.

Mấy đứa nhỏ sắp xuất gia chuẩn bị xong hết chưa? Có y có hậu đàng hoàng rồi hả? Đã thuộc kệ chưa? Ráng chuẩn bị cho xong, kỳ này mấy đứa trẻ xuất gia đông hơn kỳ trước, già ít trẻ nhiều. Ở đây, cả thảy có mấy đứa hiện có mặt?

- Dạ, có tám người.

- Được tám người à? Kỳ này, bên tụi con tre già thì măng mọc nên ráng tu cho giỏi.

- Mấy người già chờ chuyến chót thưa Thầy.

- Chờ chuyến chót hả? Ờ thôi, chuyến chót xong là Thầy nghỉ luôn, đã đề huề rồi.

- Thưa Thầy, Thầy nghỉ rồi, sau Thầy có ra làm việc lại không?

- Già rồi làm gì nữa! Hồi xưa, Thầy nghỉ, nhập thất tu để hiểu đạo sâu, rồi ra đi dạy. Giờ, già rồi dạy đâu nổi nữa, càng ngày càng đi tới chỗ kiệt quệ. Bây giờ Thầy vô thất, cũng không ở hẳn trong thất hoài, mà đi vòng khắp khu rừng quanh thất. Chỉ đi trong khu thất Thầy, chứ không phải quanh thiền viện này. Thầy nhập thất không khổ như tụi con đâu, ngồi thiền xong đi loanh quanh thất chơi, thảnh thơi! Tụi con nhập thất trong bốn chín ngày, lo tu quyết liệt. Sanh tử sự đại mà! Còn Thầy thảnh thơi làm người vô sự. Tết năm nay chắc có nhiều người bi lụy. Điều gì nghe hơi bi lụy, chắc được nhiều người hưởng ứng lắm nha

- Thưa Thầy, hôm trước đi học, có đoàn Phật tử Thái Tuệ tác bạch với Thầy, nghe cũng cảm động lắm.

- Năm nay, gần tết đủ thứ chuyện. Cần sắp xếp các thiền viện để giao lại. Bây giờ thiền viện nào Thầy cũng chịu trách nhiệm, nên phải lo hết. Sau này, mỗi viện thiếu gì, tùy ý tự giải quyết lấy, tăng ni hay dở gì thì tự chịu, chứ Thầy không dạy dỗ cũng không bận tâm nữa, Thầy thảnh thơi.

- Thưa Thầy, vậy thiền viện Yên Tử đâu có khánh thành kịp lúc Thầy còn ở ngoài?

- Hôm qua quý vị nói là kịp.

- Thưa Thầy, có Thầy làm lễ khánh thành mới vui, chứ Thầy vô thất rồi khánh thành đâu có gì vui.

- Thầy chỉ e khánh thành đông quá không đủ chỗ.

- Thưa Thầy, chuyến chót cho đông mới vui.

- Tụi con nghĩ đông người thì vui, nhưng đông quá cũng mệt nữa.

- Mệt mà vui.

- Ban làm bếp, khách đông chừng nào khổ chừng nấy, làm ứ hự.

- Thưa Thầy, người ta muốn kết duyên với Phật pháp nên tụi con mừng, dù mệt cũng thấy vui.

- Thất của Thầy ở ngoài đó, hôm nay đã xong phần chính, còn vài chỗ nữa là xong.

- Thưa Thầy, còn giấy phép thì sao ạ?

- Chưa ký nhưng làm được. Ngày hôm nay họ có họp. Sau khi họp tại chùa, nói chuyện thấy họ có cảm tình lắm. Họ nói sẽ tạo điều kiện cho mình làm, để kịp cuối năm nay khánh thành.

- Thưa Sư ông, đội mũ kẻo lạnh.

- Mấy đứa lo xa quá.

- Mấy đứa nhỏ bây giờ yếu lắm thưa Thầy. Sao Thầy già mà mạnh, còn trẻ lại yếu?

- Tại Thầy nội lực thâm hậu.

- Tụi con thấy Thầy có quạu với tụi con không? Còn tụi con quạu với nhau hoài nên yếu là phải rồi. Quạu rồi buồn, buồn rồi giận hờn đủ thứ, cơ thể chịu ảnh hưởng nên dễ sanh bệnh. Nếu vui vẻ, tươi cười với huynh đệ hoài thì đâu có yếu. Tu là hết khổ mà có người tu lại càng khổ thêm, có không? Mấy đứa nói thật xem nào? Tu mà chấp quá thì khổ thêm, nghe huynh này huynh nọ khen chê nên buồn phiền khổ não. Chuyện khen chê nên biết không có gì quan

trọng, vì mỗi người có mỗi cái nhìn khác nhau. Có gì đâu mà nghe chê thì phiền não, quên ăn quên ngủ, khổ vậy!

Phật dạy do si mê nên khổ, khổ là từ gốc si mê mà ra. Người giải trừ được si mê thì hết khổ. Còn than khổ là biết người đó còn si mê nhiều. Bây giờ Thầy xử kiện dễ lắm. Có ai thưa huynh đó nói xấu con, bắt nạt con, vậy Thầy xử làm sao, đố tụi con? Thầy xử bởi si mê nên mới thấy người ta ăn hiếp, mới thấy người ta khen chê. Người trí thì thấy mọi thứ chỉ là trò chơi, có gì thật, có gì giả. Thân này được mất còn không quan trọng, huống là hơn thua, phải quấy.

Hồi sáng, Thầy đọc một bài của Phật tử trong đạo tràng Tuệ Giải ở Hà Tiên viết gửi về đăng kỷ yếu. Cô đó tên Nguyễn Tuyết Mai, năm nay cũng hơn bốn mươi hay năm mươi tuổi gì đó. Trong bài kể cô theo đạo Thiên chúa, chưa từng biết gì về đạo Phật. Cô làm ăn khá giả, sau phát giác ra mình bị bệnh ung thư. Khi biết bị ung thư, cô từ Hà Tiên chạy lên Rạch Giá chữa trị một thời gian, khoảng mấy tháng. Những người thầy thuốc bằng cách này cách nọ đều làm hết khả năng của mình để chữa bệnh. Sau đó, cô thấy bớt nên về nhà, ba bốn tháng sau nó tái phát. Khi bệnh trở lại, cô xuống bệnh viện, bác sĩ lắc đầu, không thể cứu nổi. Cô buồn lắm, vì con cái cô còn nhỏ, cô chết rồi ai chăm lo chúng. Trong khi bế tắc, chờ ngày chết, bỗng dưng có người quen, đem quyển kinh Kim Cang giảng giải của Thầy tặng cho cô, bảo cô ấy đọc cho đỡ buồn. Ban đầu cô không thèm đọc, chỉ nể tình nhận thôi. Một bữa nọ, đau nhức quá chịu không nổi, cô lấy kinh xuống đọc thử. Đọc hai ba lượt, cô sáng ra, thấy thân này là huyễn hóa, mình còn có cái thật. Thân còn mất không quan trọng, cái thật của mình mới quan trọng. Nghĩ như vậy, cô tỉnh ra, hết khổ, một thời gian sau bệnh hết luôn. Cô ấy chưa gặp Thầy mà gửi thư lên cho Thầy, cô xưng là đệ tử. Đọc câu chuyện của cô này, Thầy ngạc nhiên quá.

Sau này, cô đi vô chùa Tam Bảo, gặp đạo tràng tu thiền rồi tập tu thiền luôn. Sở dĩ hết bệnh là thế này: Cô thấy trong kinh Phật và sách của Thầy đều dạy tu thiền nên cô quyết định tu thiền. Cô nói ngồi thiền đau nhức cũng không sao, vì không nhức bằng bệnh ung thư hành. Lần đầu ngồi một giờ, đau rân cả người mà cô cũng ráng, ráng riết tới lúc ngồi được hai giờ và bây giờ có khi cô ngồi bốn giờ. Sau đó, cô khỏe luôn và ngồi viết bài đăng kỷ yếu. Tụi con thấy cô này có ý chí rất vững vàng, phải không? Bệnh tái phát, hết cách cứu rồi mà cũng qua được một cách lạ thường.

Vậy mới thấy, ngồi thiền đau chân, nhưng nhờ ngồi thiền đúng pháp, mình có bị cảm nó cũng dễ qua. Mấy năm Thầy ở trên Núi Lớn - Vũng Tàu, Thầy nói không cần bác sĩ nữa, cho bác sĩ thanh tịnh nghiệp. Khi nào hơi khó chịu, hắt hơi nhảy mũi thì vô ngồi thiền. Vì hồi đó tự do, không làm việc gì chỉ tu thôi, nên nhuốm bệnh thì vô ngồi thiền cho ra mồ hôi, rồi lau khô, hết bệnh liền, không tốn thuốc.

Tu khéo thì trị được nhiều bệnh lắm. Tại tụi con không đủ can đảm, không tin tưởng mạnh nên không thấy hiệu quả, cô kia tới đường cùng rồi nên tin, cố gắng tu liền hết bệnh. Như vậy thuốc của mình rất hay. Không phải chỉ một người đó, còn vài ba người nữa đã kể cho Thầy nghe, nhờ họ bắt chước tu theo mình mà hết bệnh. Những người khác tu, họ trị lành được bệnh, còn tụi con tu lâu lại lờn, quá quen rồi, không cố gắng nỗ lực nên không thoát được bệnh.

Khi trong tâm mấy đứa có chuyện không vui, có những nỗi buồn, những chuyện phiền não gì đó, thì thấy nhuốm bệnh tới nơi rồi. Còn khi trong lòng thảnh thơi nhẹ nhàng thì không có bệnh. Do bệnh đó gốc từ tâm mà ra, tập cho tâm vững vàng, an ổn vui tươi thì bệnh dễ hết. Vậy mới thấy tu là quan trọng.

Hồi xưa, Thầy bệnh gì tụi con biết không? Bệnh phổi. Nên phải nằm bệnh viện Đồn Đất ba tháng, sau này bị bệnh tim, mà bây giờ Thầy thấy mình mạnh hơn xưa. Đó là nhờ sống không có phiền muộn, hễ có việc gì cần thì mình làm hết bổn phận, được hay không là còn tùy vào duyên, cười thôi. Nếu Thầy hay lo thì mấy hôm nay ở ngoài Yên Tử giấy tờ đang trục trặc, chắc Thầy nằm gác tay lên trán suy nghĩ dữ lắm, nhưng Thầy chỉ cười thôi, không có gì quan trọng. Làm Phật sự là tùy duyên, duyên thuận thì làm, duyên nghịch thì thôi, ai bắt buộc mình làm mà mình phải khổ. Nhờ vậy mà tâm an. Khỏe! Tụi con tập được như vậy thì khỏe, tám mươi tuổi cũng khỏe. Không biết tập như vậy thì sầu não hoài, bệnh hoạn hoài.

- Con có đọc được một câu là: "Một Hòa thượng gánh nước, hai Hòa thượng khiêng nước, ba Hòa thượng không có nước uống." Xin Sư ông giải thích giùm.

- Ai nói câu đó thì giải, chứ Sư ông đâu có nói mà bắt giải. Họ nói này nói nọ tụi con lại muốn Sư ông giải.

Điều gì trong sách, trong kinh dạy thì Sư ông giải. Còn họ đặt ý nói gì đó mà bảo giải, nhiều khi không trúng đâu vào đâu hết. Muốn hỏi ý trong kinh trong sử thì khả dĩ Sư ông giải cho.

- Ở đây, thỉnh thoảng tụi con có ai chau mày lại không?

- Thưa Thầy, Thầy thấy ai trán nhăn nhăn là có đó.

Ai hay chau mày lại mau già lắm đó. Biết tại sao không? Mình tu thiền là buông xả. Giả sử bây giờ tụi con đang giận hầm hầm mà buông xả, mặt cũng hết đỏ. Vậy mới gọi là tu hạnh buông xả. Còn nếu chau mày hoài là chưa buông xả được. Chưa buông xả là còn tích lũy, tu hành vậy là còn trầy trật lắm, khó tiến.

Tụi con tập không giữ những thứ vui buồn thương ghét ở trong lòng thì thảnh thơi, mặt mày tươi sáng. Người giữ phiền não ở trong lòng thì mặt mày

sầu héo, dòm qua thấy buồn. Vậy nên tụi con biết tu rồi, làm sao cho người khác nhìn thấy mặt mình, họ nói "Nhìn thấy các cô tươi vui, đủ tin rằng các cô này tu hành giỏi". Không phải mình giả bộ, mà chính khi trong lòng yên ổn thì tự ở ngoài mặt tươi sáng.

Khách tới đây, nhìn qua các cô ni là biết ở đây tu giỏi hay dở liền. Chứ không cần phải trình bày này nọ người ta mới biết mình tu giỏi hay dở. Cũng như khi nghe đánh tiếng chuông, mình biết người đó tu lâu hay mới tu. Tụi con biết tại sao không? Người đánh chuông nhẹ nhàng, nghe tiếng chuông êm và vang lâu, mình biết họ tu lâu, tâm thuần thục. Còn người đánh chuông nghe chát chúa, điếc tai, mình biết người này mới vô chùa, tâm còn thô. Người đánh mõ hay khánh cũng vậy.

Nên tụi con phải tu hành, có tư cách, thái độ đàng hoàng. Lâu ngày tụi con thấm nhuần, đi tới đâu người ta cũng quý cũng thương. Nếu tụi con đi tới đâu, mà mặt mày cứ nhăn nhó hoài thì người ta hết dám nói chuyện. Sở dĩ Sư ông được nhiều người mến là vì Sư ông cười hoài, không có giận hờn ai. Khi rầy tụi con, Sư ông cũng cười thôi; cười mà ngán không?

- Dạ ngán.

- Vì đâu có gì để giận hờn tụi con, nhưng điều gì không hợp đạo lý thì phải rầy, bắt buộc tụi con phải nghe, nghe rồi thôi, chứ Sư ông đâu có oán hờn. Mấy con chó Sư ông còn thương, không lẽ tụi con Sư ông bỏ, nhưng phải cho mấy đòn hơi đau đau để chấn chỉnh lại. Chứ điều gì dễ ngươi quá thì hỏng, nên Sư ông dễ mà khó, phải không?

- Dạ, Thầy nghiêm mà từ. Thầy nghiêm tụi con sợ quá!

Ở ngoài thì vui vẻ, khi vô thỉnh nguyện thì không vậy. Bởi vì người lớn là người có trách nhiệm hướng dẫn, khi thấy điều tốt, điều hay, chỉ cho bảo phải làm mà không chịu nghe, vậy dạy được không? Dạy không được thì dùng được không? Ai dạy không được thì dùng không được, dùng không được thì như bỏ đi rồi. Bởi vậy nên rất dễ mà cũng rất khó.

Thời xưa, các vị tổ vô rừng sâu ở, tu hành cực khổ, khi hiểu được đạo rồi, các ngài phải ra làm Phật sự bao nhiêu năm. Còn tụi con bây giờ không đến nỗi vô rừng sâu, vẫn được cảnh yên tĩnh. Trên có quý thầy, dưới có huynh đệ cùng tu với nhau. Như vậy năm bảy năm tu hành, nếu tu tốt, có đức hạnh thì sai đâu phải làm đó, vui vẻ sẵn sàng nhận trách nhiệm. Chứ tăng sai mà cúi mặt không chịu, còn khóc lóc nữa. Hỏi như vậy còn trông chờ cái gì!

Bởi vậy, tụi con hiểu rồi, biết trách nhiệm của mình là vậy, mình vui vẻ, tăng sai gì làm nấy. Như có ai sai Thầy qua Pháp, Mỹ làm gì đâu, nhưng nhân duyên thấy Phật tử cần mình, thì phải đi qua đó làm Phật sự. Khi nào Phật sự

xong, tạm đủ rồi thì mình nghỉ, nhưng trước khi nghỉ phải có người thay thế. Nuôi hàng trăm chúng mà nay Thầy nghỉ, ai cũng rụt cổ không chịu thế hết, rồi làm sao đây? Người đi trước là người đương đầu với bao khó khăn, dọn dẹp đường sá để có hướng cho người sau đi. Người sau phải tiếp tục đi, chứ ngồi hoài một chỗ thì đoàn người đó ù kỳ không thể tiến.

Hiểu như vậy, tụi con mới thấy bổn phận của mình. Không phải người sắp xếp mình làm một công việc Phật sự là ghét mình, mà chính là muốn nâng mình lên, để mình đem hết khả năng ra phụng sự, cho có phước đức. Tụi con học hơn mười năm, hai mươi năm, không lẽ những điều tụi con nhận hiểu được, chôn vùi ở đó luôn, không có cơ hội giảng giải, nói cho người khác nghe thì có uổng phí không? Mình học, tu rồi hướng dẫn cho người khác cùng tu, ngọn đèn này sắp tắt thì phải có ngọn đèn khác mồi. Cứ như vậy liên tục thì thế gian mới sáng. Thế gian mù tối, mà ai tu cũng để đèn trong lòng, không cho người khác mồi thì có xấu không?

- Thưa Thầy, hồi xưa các vị thiền sư khi nhận ra được rồi, lên núi ba bốn chục năm, khi nào xong việc mới xuống núi.

- Đó là tụi con quên, khi đó có các vị Tổ, các vị lớn còn đang truyền bá. Thí dụ như ngài Huệ Trung ngộ, khi đó tổ Huệ Năng còn dạy. Như vậy, thầy còn đang dạy thì trò phải lo tu. Còn bây giờ, thầy nghỉ trò cũng nghỉ, thì ngọn đèn chánh pháp tắt ngủm luôn. Phải hiểu chứ! Nhiều khi tụi con hiểu mà quên hoàn cảnh hiện tại của mình. Hiểu như vậy là hiểu lầm.

Bây giờ giả sử có một lớp học, chúng đang học, rồi Thầy nghỉ, các cô lớn nghỉ, tụi con nghỉ luôn. Không ai chịu trách nhiệm hướng dẫn, dạy dỗ thì chắc mấy vị đó phải để tóc về nhà. Bởi vậy, người lớn nghỉ thì người kế phải tiếp nối. Như vậy mới có người kế thừa mồi đèn nối đuốc, chứ không thì làm sao!

Thí dụ, hồi xưa thầy của Thầy tịch rồi, Thầy phải cố gắng bươn chải. Chứ lúc thầy của Thầy còn thì Thầy cũng chỉ là giảng sư bình thường thôi. Mình là người sau, người lớn chuẩn bị nghỉ thì người sau phải chuẩn bị làm thế, chứ không phải người lớn chuẩn bị nghỉ thì người sau xách gói trốn. Người lớn biết ai có khả năng mới cử đi làm, nếu không có khả năng thì đâu ai cử.

- Thưa Thầy, con nhớ Sư ông nói Thầy là cục sắt, Sư ông làm thành cây kim, vậy mà bảo làm cái gì, Thầy cũng không làm. Sau khi Sư ông tịch rồi thì Thầy cũng phải làm.

- Lúc Thầy còn đang học đâu thể nói không làm. Từ năm 1955, Thầy bắt đầu đi giảng cho tới bây giờ.

Sư ông bắt đi giảng thì đi, bảo dạy học thì phải dạy, chứ đâu dám không làm, có điều vừa học vừa làm. Làm Phật sự từ năm 1955 đến giờ, tính coi bao nhiêu năm? Gần nửa thế kỷ. Giờ nghỉ là hợp lý quá rồi!

Có mấy người ở bên Canada, bên Mỹ, họ chưa từng biết Thầy, chỉ nghe tên thôi. Họ đến thăm Thầy và hỏi: "Thưa Thầy, tụi con tánh nóng quá, Thầy dạy tụi con làm sao cho bớt nóng."

Thầy rầy họ liền: "Nóng không phải là tánh, chẳng qua là một thói quen chấp ngã thôi. Tánh là không đổi thay, còn nóng giận thì đổi thay theo hoàn cảnh. Nếu người nào ngang hoặc thấp hơn mình làm trái ý thì mình nổi nóng lên. Như con cháu làm nghịch ý là mình sẽ hét toáng lên. Còn nếu người nào có địa vị cao hơn mình nhiều mà nói trái thì mình không dám nổi nóng. Thí dụ cảnh sát có chuyện gì đó mời mình lại, họ nói nặng nhẹ mình, mình có nổi nóng không? Tại sao những người lớn nói những điều trái ý mà mình không dám cãi, không dám nóng, còn con cháu nói mình lại nóng?

Như vậy, nóng giận là tùy duyên chứ không phải tánh thật. Vậy nóng là tánh hay không tánh? Bởi vậy, Thầy nói nóng là coi mặt. Nóng giận không phải thật mà coi là thật, còn khoe với thiên hạ: "Tánh tôi nóng lắm nghe, đừng có chọc tôi!" Đó là muốn bảo vệ tật xấu của mình, nên không tốt." Nghe Thầy nói vậy, họ mới giật mình.

Tụi con có nóng không?

- Dạ có.

- Sao mà có? Nóng với ai?

- Dạ, nóng với mấy em nhỏ. Bằng mình hoặc nhỏ hơn mình.

- Tới Sư ông, tụi con có dám nổi nóng không? Chắc là không rồi. Nóng không phải là thật mà do tưởng, do chấp ngã nặng mà có. Biết như vậy, khi nào gặp việc không vừa lòng, chỉ cười thôi, không thấy có gì quan trọng. Cho nên, khi mình đã từng làm hại ai đó mà không nhớ, bây giờ bất ngờ người đó lại trước mặt mắng nhiếc mình, lúc đó nên cự lộn hay làm sao? Lúc đó mình nên hỏi: "Thưa chị, lúc trước không biết em có làm lỗi quấy gì, khiến chị gặp nhiều phiền não, giờ em đã quên rồi, chị nói cho em biết để em xin lỗi." Người đó sẽ nói lý do khiến họ tức tối cho mình nghe. Chứ người ta đã giận ghét mình mà mình còn la cự lại nữa, thì người ta càng ghét mình hơn. Trước mình đã làm lỗi, không biết, mà nay còn la lại họ, thành ra chồng thêm một lớp lỗi nữa. Có khi nào người không động phạm tới tụi con chút nào, mà gặp họ, tụi con la mắng được không? Người ta la mình, mình không tìm rõ nguyên nhân; thấy người ta la, mình vội la lại; cứ chồng chất lớp oán này thù kia, chồng chồng lớp lớp, không bao giờ hết.

Cho nên người tu Phật là lấy nhân quả để soi sáng lại. Mình từng làm điều gì khiến người buồn, người mới la mắng mình. Nên mình hỏi để xin lỗi cho tiêu tội. Người xưa nói "oan gia ưng giải bất ưng kết", mà tụi con cứ kết. Người mắng mình, mình mắng lại, mà quên tìm lỗi của mình. Tìm lỗi mình thì hết chuyện rồi, không còn thêm gì nữa, tu như vậy mới được. Còn tu mà ai động tới, la chói lói lên, như vậy không hay chút nào.

Nay có một vấn đề tuyên bố cho tất cả tụi con được biết. Vừa rồi có vài đứa nhỏ xin đi về thăm nhà. Vì trước kia, Thầy nói rằng ở đây đủ ba năm, Thầy cho tụi con về thăm nhà một tuần, hai tuần. Đợt trước, có những người ở đủ ba năm đã đi về rồi, đợt này cũng có những người ở hơn ba năm, vậy năm nay là năm thứ sáu rồi đó. Đợt này đã quá ba năm, nhiều người lóng nhóng muốn xin đi về thăm gia đình.

Nhưng bây giờ, Thầy tuyên bố rằng Thầy chỉ dạy ba năm nữa là nghỉ, phải không? Ba mươi sáu tháng mà nay gần được một tháng rồi, chỉ còn hơn ba mươi lăm tháng nữa thôi. Trong thời gian còn lại này, Thầy trông đợi tụi con từng ngày, để làm gì? Tụi con tu cho hay, tu tiến để mãn ba năm Thầy nghỉ, đứa nào cũng vững vàng. Tự bản thân mình tu có kết quả và ra giảng dạy hướng dẫn người khác được, như vậy mới xứng đáng.

Cho nên Thầy nói, nếu đợt này tụi con không về thì trước ba năm Thầy nghỉ, Thầy dành một tháng cho tụi con du lịch miền Trung hoặc miền Tây. Miền Tây du lịch tới Hà Tiên, rồi được đi xuống chùa Phước Hậu, chùa Phật Quang, quê hương của Thầy. Còn miền Trung, từ Nha Trang trở ra, chưa biết tới đâu. Nếu ai đi bây giờ thì sau khỏi đi, còn ai không đi bây giờ thì sau được đi, tụi con liệu, cho tụi con có quyền lựa chọn. Đi có người trước kẻ sau, chứ nếu đi một lượt thì đâu có người giữ chùa.

Thầy từng nói cho tụi con nghe nhiều lần, ba việc Thầy làm ở đây:

Việc thứ nhất là kiến thiết xây dựng chỗ nơi, bây giờ cũng tạm đủ rồi.

Việc thứ hai là in kinh sách của nhà thiền - thiền Việt Nam, bây giờ cũng xong rồi.

Thứ ba là tăng ni ở đây tu cho đến khi Thầy nghỉ dạy, người nào cũng có đủ lòng tin và đủ khả năng giáo hóa. Phần này được hay chưa được thì cũng không phải việc của Thầy nữa. Vậy của ai? Tụi con phải quyết chí thêm ba năm nữa để củng cố sự tu hành của mình, rồi đi dạy người. Như vậy mới tròn bản nguyện. Còn tụi con cứ lừng chừng, dù ở đây sáu, bảy năm mà rốt cuộc chẳng được gì, cũng uổng đi một đời tu. Như vậy tụi con tính sao? Thôi cho suy nghĩ ba ngày rồi trả lời sau.

Giấy tờ xin phép xây dựng chùa Lân chỉ còn vài bước nữa là xong, rồi bắt đầu xây dựng. Dự tính làm đến tết sẽ khánh thành. Không biết có xong sớm hơn không? Tết năm này cập rập dữ à.

Hổm rày mình đã làm được hai hạng mục: thất của Thầy và nhà khách ni, xong xuôi rồi. Nhà khách ni có hai tầng, tầng trên có một gian thờ Phật. Giờ chuẩn bị thỉnh tượng Phật chùa cũ xuống đó thờ, để dỡ chùa cũ.

Chỉ mới làm bấy nhiêu mà đã tốn khá nhiều tiền. Chi phí xây dựng ngoài đó nặng hơn trong đây. Vì nhà khách ni mình muốn lợp tôn, họ không chịu, yêu cầu phải đổ mái rồi dán ngói lên, nên tốn nhiều tiền, thất Thầy cũng vậy. Công thợ thì rẻ, nhưng thiết kế chi ly quá nên mất nhiều công. Trong này làm cái gì cũng đơn giản, nhưng ở ngoài đó họ làm kỹ quá. Còn tượng Phật đúc bằng đồng nên cũng tốn nhiều tiền. Tụi con thấy mình là ăn mày, mà nghe nói nhiều tiền vậy mệt quá, phải không?

Còn mấy tháng mà công việc dồn dập. Khởi công xây dựng thì Thầy phải chạy ra ngoài đó ít nhất một tuần. Rồi về Thầy lo đi ngoại quốc, tối thiểu là hai tháng. Vậy là tới tết rồi. Đi nước ngoài về, rồi lo sắp đặt các thiền viện, thôi thì đủ thứ việc, rồi chuẩn bị khánh thành nữa.

Phần chánh điện thì kiến trúc sư tính với Thầy, tiền xây dựng tương đương nhà khách ni, chứ không hơn. Nhưng nhà khách ni có hai tầng, có nhiều phòng, còn chánh điện chỉ như một phòng lớn, nhưng nặng tiền là do phần mái và các cửa làm bằng gỗ tốt. Đội ngũ thi công đang cố gắng cho kịp thời gian. Tụi con nghe công việc sắp tới mệt không? Tụi con nghĩ công việc như vậy, Thầy lo nhiều hay ít? Thầy đâu có lo gì. Ở ngoài đó ai làm cứ làm, ở trong này ai kêu ký giấy tờ gì thì Thầy ký thôi, không có gì khó.

Làm nhiều việc vậy tiền ở đâu mà làm? Do thí chủ họ thấy Thầy xây chùa nên họ lo phụ Thầy. Bởi vì, Thầy nghĩ làm gì cũng do phước duyên của mình, mà phước duyên thì không ai lường trước được. Như khi xây dựng, Thầy phỏng là ba năm, mà đây tới tết có tám tháng, họ hứa là xong. Trước, Thầy nghĩ ba năm làm kịp hay không kịp cũng tùy, nhiều khi thợ có đủ nhưng không có tiền thì cũng không thi công được. Nhưng khi mình xây tới đâu thì lại có tới đó, làm hết cái này tới cái khác.

Bởi vậy, người tu phải tin ở phước đức, chứ mưu mô tính cách này cách nọ làm ra tiền là không đúng. Tụi con thấy Thầy có tính làm gì ra tiền không? Không có tính gì, chỉ làm tới đâu hay tới đó, nhưng thấy không thiếu. Như vậy, tụi con ráng tu, đừng lo thiếu, đừng lo nghèo, mà chỉ lo mình tu không ra gì thôi. Giá trị của người tu là ở chỗ đó. Ráng tu, tu cho xứng đáng với mình, tu không hổ thẹn với người, tu càng ngày càng sáng, càng thanh tịnh thì phước sẽ tới, muốn gì có nấy. Không chịu tu mà tính quá thì không được gì hết.

Vậy nên giá trị của người tu là ở chỗ thật tu. Như ở đây, Thầy tạo điều kiện cho tụi con tu, nhiều người hỏi Thầy lấy tiền ở đâu nuôi chúng hơn trăm người. Tiền ở đâu có? Mình không có xin ai, cũng không có đặt ban bệ nào hết, vậy mà có tiền nuôi chúng hoài. Đến bây giờ tụi con có đói, có rách ngày nào không? Mới thấy do tu hành mới được.

Bên tăng trồng hồng, bên ni cũng trồng hồng, nói tự túc chứ tự túc được bao nhiêu. Đó mới thấy sức hộ trì của Tam bảo, không lường trước được. Nhiều người không biết, họ ỷ vào sức mình, tin vào mưu kế của mình mà không tin vào Tam bảo. Nếu mình tu chân chính, thật tình lo cho đạo, không cần mưu tính gì mà mọi việc đều tốt đẹp là nhờ ơn Tam bảo. Còn tu lơ mơ, đòi cái này tính cái kia thì chỉ khổ mà thôi, chẳng đi tới đâu.

Vậy nên không có lo gì, có bao nhiêu dùng bấy nhiêu, chứ lập ban này ban kia mệt lắm. Lập Ban hộ trì, ít bữa hội họp họ nói này bày nọ cũng mệt. Tụi con thấy các thiền viện không có ban gì hết. Chỉ Phật tử cúng dường để nuôi chúng, thiếu hụt thì ráng tiết kiệm.

Như Tuệ Tĩnh đường ở Linh Chiểu, từ lúc lập tới giờ, hai ba năm nay mỗi tháng Thầy phải bù vô bảy triệu (đồng), bảy triệu đó là do mấy người nghèo không có tiền mua thuốc thành phẩm, mình phải cho. Phật tử cúng không đủ, thành ra mình phải bù. Bây giờ, nghe tin Thầy sắp nghỉ, hai ba chỗ họ phát nguyện thay Thầy lo. Bởi vậy, Tuệ Tĩnh đường bây giờ càng ngày càng phát triển. Tụi con tính coi, từ ngày khởi công làm đến giờ, cũng bảy tám năm rồi, đáng kể lắm! Mỗi ngày bệnh nhân không dưới hai trăm người. Mình làm không công, không có quyền lợi gì hết.

Do đó, Thầy tin mình có lòng chân thành lo cho đạo, làm lợi cho dân thì không có thiếu. Thầy nghe L.Q kể chuyện ở Tuệ Tĩnh đường mà xót xa. Nó hốt thuốc cho một cô, uống thuốc vô, cổ ăn cơm thấy ngon, qua bữa sau hốt thang kế, cổ năn nỉ L.Q: "Cô ơi, cô hốt thuốc đừng cho con ăn ngon." Hỏi: "Sao vậy?" Cô nói: "Con không đủ gạo ăn." Nghe vậy đau xót làm sao, họ nghèo thiếu như vậy đó. Bệnh cần ăn được để mau khỏi bệnh, mà không dám ăn, vì không đủ gạo. Cho nên, Thầy nghĩ giúp được gì cho chúng sanh, Thầy ráng giúp.

Tụi con mới thấy, ở đây tụi con đâu có làm gì mà chưa ai thiếu ăn thiếu mặc. Ở ngoài đời họ lo làm đủ thứ, có khi còn thiếu hụt. Còn mình tu thì chỉ lo tu thôi, không làm gì hết, không tính toán danh lợi hay trồng tỉa gì, mà không thiếu hụt ngày nào. Vậy mới thấy công đức tu hành rất là thâm hậu.

Nếu tụi con nỗ lực tu, không nghĩ bậy nghĩ bạ, hơn thua, phải quấy gì, thì phước không lường trước được, no ấm mãi mãi. Đói thì có cơm, khát thì có nước, rách có áo mặc, nhà hư có người sửa. Vậy mà không chịu tu, còn đòi cái

gì nữa! Nếu ở đây thiếu thốn thì nói tu không nổi, nhưng tất cả đều có đủ, vậy mà không cố gắng tu thì quá tệ!

Đối với Thầy, nuôi chúng đông thì phải lo, nói lo cũng không biết lo gì đây. Người ta bày mình thu tiền bãi xe, một năm cũng được nhiều lắm, lấy đó lo cho thiền viện. Nhưng Thầy không làm vậy, miễn phí tất cả, mà vẫn đầy đủ, không đến đỗi thiếu hụt.

Sắp làm Lễ Đặt đá, tụi con ra Yên Tử, trước phải lo làm công việc.

- Dạ, làm cái gì ạ?

- Làm bếp. (Toàn chúng cười.) Ưu tiên cho tụi con ra làm bếp. Thầy dặn trước, làm bếp thì ai sai gì phải làm đàng hoàng, làm cho khéo một chút để đãi khách, đừng làm vụng quá người ta chê cười. Kế nữa, sau khi làm đám xong rồi, tụi con đi đâu?

- Dạ tụi con đi tham quan.

- Ờ, đi tham quan Yên Tử, rồi đi vịnh Hạ Long, phải không?

- Dạ phải.

- Khi lên Yên Tử, tụi con phải cố gắng leo. Nhớ leo núi Yên Tử thì phải có tâm thành với Tổ mới được. Mình tu theo hệ phái Trúc Lâm Yên Tử, mà Yên Tử có Tam Tổ Trúc Lâm, giờ được lên đó phải nhớ lễ Tam Tổ nghe.

Điều thứ ba, nhớ là khi đi ra vịnh Hạ Long, tới hang động Sửng Sốt thì nhìn qua thôi, chứ đừng tới đó rồi la to hay cười lớn nhen. Người ta gọi là động Sửng Sốt, vì thấy lạ nên sửng sốt, ngạc nhiên rồi la lên. Làm vậy, người ta nói mấy cô ni mất oai nghi, rồi họ chê cười. Đi xem cho biết, vui vừa thôi, chứ không người ta nói các cô thiền viện Trúc Lâm ra đây cười giỡn quá, kỳ lắm! Thầy dặn ba điều đó, tụi con phải nhớ.

Ở ngoài Bắc, một số nhà sư không ăn chay, người đi lễ đem đồ mặn vô cúng, rồi chia cho quý sư dùng. Chư tăng ni thiền viện Trúc Lâm Yên Tử của mình ăn chay. Còn các chùa trên Yên Tử thì thấy người dân đi lễ cúng đủ thứ chay mặn. Như vậy, mai kia tụi con ra ngoài đó ở, người ta hỏi: Tại sao từ xưa đến giờ các Tổ ăn mặn mà bây giờ mấy cô ăn chay, như vậy là làm ngược lại với các Tổ? Tụi con trả lời thử coi?

Tụi con phải chú ý điều này để mai kia có ai hỏi, mình biết mà trả lời. Bởi vì, có những người thấy thiền viện có thờ Tam Tổ, bây giờ mình ăn chay thì họ thắc mắc: Hồi xưa Tam Tổ ăn chay hay mặn? Tụi con nhớ câu gì để xác định Tam Tổ Trúc Lâm ăn chay, nói to cho Sư ông nghe coi!

- *Ăn rau ăn trái, nghiệp miệng chẳng hiềm thửa đắng cay;*

Vận giấy vận sồi, thân căn có ngại chi đen bạc.

Ừ! Sau này tụi con học thêm một bài nữa. Bài Vịnh Vân Yên Tự Phú của thiền sư Huyền Quang, bài vịnh đó có câu: *Quên ngọc thực bỏ hương giao,* rồi sau đó *Cắp nạnh cà một vò, tương một hũ.* "Ngọc thực" nghĩa là những thức ăn mỹ vị, thơm ngon, "hương giao" là rượu thơm. Quên thức ăn ngon, bỏ rượu thơm không dùng mà xách một vò cà pháo với một hũ tương lên núi dùng, để chứng minh ngài không có ăn cá thịt mà chỉ ăn tương cà thôi.

Phải thuộc lòng, nắm chắc, chứ nếu mình không biết trước, người ta đặt câu hỏi, mình lúng túng. Vậy ăn chay là đúng ý Tổ hay ăn mặn là đúng? Mình có bằng cứ mới nói Tam Tổ ăn chay được, nếu không có bằng cứ, nói khơi khơi thì người khác nói mình bịa. Bởi vậy, tụi con phải thuộc ít bài, mấy câu đó phải gạch đít để nhớ.

Mình chủ trương khôi phục Thiền đời Trần, lấy Tổ Trúc Lâm làm gương mẫu, mà nói Tổ Trúc Lâm ăn mặn thì cay quá. Vậy nên, Thầy nghiên cứu kỹ lời dạy của các Tổ, nhớ thuộc lòng, để thực tế dẫn một hai câu của các ngài, không ai cãi được.

Người tu ăn chay lạt để giữ lòng từ bi, thương yêu các loài. Chứ nếu tụi con còn ăn cá ăn thịt, nghe nói làm thịt con heo con bò, mình dửng dưng không thấy xót thương chúng. Mình ăn chay thấy người ta đập cá, cắt cổ gà vịt, nó vùng vẫy mình thấy xót xa. Nếu ăn mặn, thấy cảnh đó, nhớ chút nữa mình có đồ ăn ngon thì đâu có thương, thương nó làm sao ăn được. Thí như mấy người ăn thịt chó, thấy đập đầu chó thì vui, gặp thịt chó là ăn liền, đâu có thương chúng. Còn bây giờ tụi con ăn chay, không ăn cá thịt, nên nghe hay thấy người ta giết hại chúng thì đau xót, đó là lòng từ bi. Các vị tu Nguyên thủy (Nam tông) không ăn chay, cũng có lý do của họ là đi khất thực người ta cho gì ăn nấy, nếu chỉ ăn chay thì rất khó có thức ăn.

Hôm đó, đi ngoài đường, Thầy thấy có người chở trên xe mấy con chó họ đã làm thịt, mổ bụng, nhìn thấy giống thịt của mình, không khác. Bởi vậy, ai đi tu muộn, còn nhớ lại hồi ở nhà không? Ở dưới quê, khi giết mấy con vật, họ đọc bài chú vãng sanh. Hoặc lâm râm: "Đầu thai kiếp khác làm ăn, đừng đầu thai con gà, con vịt ở dơ ở dáy..." Thương chúng thì thả chúng ra, chứ đem chúng đi cắt cổ vặt lông, vậy mà còn làm ra vẻ từ bi, đó là lừa dối, là gạt mình. Mấy đứa hồi ở nhà có làm kiểu đó không? Nếu thương chúng, muốn chúng được vãng sanh, thì phải tha chúng, chừng nào chúng hết duyên thì ra đi. Đàng này cắt cổ chúng mà đọc chú vãng sanh.

Bây giờ Thầy đặt câu hỏi lại, giả sử bây giờ có ai đó đè cắt cổ mình, nói cắt cổ cho cô, cho chị được về cõi Phật sớm, có ai chịu không? Thật vô lý làm sao, cắt cổ chúng, rồi tụng chú vãng sanh, nghe thì có vẻ rất từ bi, nhưng thật là vì miếng ăn mà đoạt mạng chúng sanh, không biết thương hay xót xa.

Người đời thấy người tu ăn chay lạt, họ thấy thương mình sao sống kham khổ vậy. Họ đâu biết người tu phải từ bi, thương vật nên tình nguyện ăn chay, chứ không ai ép. Có lòng từ bi thì đối với đồng loại mình thương, với đồng đạo cũng thương. Còn với người đồng chí hướng càng phải thương hơn nữa. Tụi con có mấy cái đồng? Trước là cùng tình đồng loại, kế là đồng chủng tộc, đã thấy thương rồi. Giờ thêm tình đồng đạo càng thương hơn, rồi thêm tình đồng sư nữa lại càng quý. Nhưng khi phiền não nổi lên thì có thương không? Có phiền não liền hết thương, ôm ấp phiền não thì không có từ bi, dẹp được phiền não thì mới có lòng thương.

Tại sao mình bị phiền não? Là do thấy gì cũng thật nên phiền não. Nếu thấy giả hoài thì đâu có chuyện gì để bực bội, phân bua. Không phải đợi mất đi mới thấy mình giả; lúc vẫn còn ăn nói, vẫn còn hoạt động nhưng thấy rõ nó không chắc thật. Phật nói giả mình phải luôn nhớ; chứ không phải ngồi trong lớp học thì nhớ, ra rồi thì tính ngày nào, tháng nào, giờ nào đó ai đã xúc phạm mình, coi thường mình... rồi khởi tâm giận hờn, thù địch. Biết nó giả, ai làm gì cũng cười thôi.

Sơ tổ Trúc Lâm khi bỏ mọi vinh hoa phú quý, vào trong núi sâu tu hành đắc đạo, nên làm bài ca Được Thú Lâm Tuyền Thành Đạo. Trong đó có mấy câu, ngài ngồi ngẫm lại trong lòng rất thích rất vui, rồi cười ha hả một mình. Như vậy, ngài vui thích cái gì mà cười? Ngài thích chỗ "không trọng công danh, không màng phú quý". Tại sao ngài không trọng công danh, không màng phú quý? Vì ngài thấy ở địa vị một ông vua, như vua nước Tàu đời Tần đời Hán, dù địa vị cao sang tột bậc, rồi cũng như bao người khác, cũng vinh nhục thăng trầm, cũng chịu sanh già bệnh chết, rốt cuộc có được gì! Làm vua cả một cường quốc hay đại quốc rồi cũng chết, chết rồi cũng chỉ có hai bàn tay trắng, đâu có mang theo gì. Vì ngài thấy vậy, nên đang làm vua mà nhường ngôi lại cho con để đi tu, không màng công danh phú quý, đó là chỗ đắc ý của ngài. Nên ngài ở yên chỗ vắng vẻ lặng lẽ đó mà an ổn cười vui.

Thầy lên Yên Tử cất thiền viện, để là thiền viện Trúc Lâm Yên Tử. Ở đây cũng là thiền viện Trúc Lâm, tu theo thiền Trúc Lâm Yên Tử, nhưng đây là núi Phụng Hoàng, nên để là thiền viện Trúc Lâm Phụng Hoàng. Còn ngoài kia thì đúng là ở dưới chân Yên Tử, nên để thiền viện Trúc Lâm Yên Tử.

Tại sao mình phải khôi phục lại Thiền tông đời Trần? Bởi vì, Sơ tổ Trúc Lâm xuất thân là một ông vua, đã từng chiến thắng giặc ngoại xâm là một cường quốc lớn, từng có công danh hiển hách, oai hùng. Như vậy mà ngài còn dám bỏ hết, giao lại cho con rồi lên non lên núi ở tu. Đó là điểm rất đặc biệt, không những ở Việt Nam mà cả các nước trên thế giới cũng không có bao nhiêu người được như thế. Vậy mà thiền đời Trần, công đức của Tổ lại bị bỏ quên mấy trăm năm nay, không ai biết tới. Bởi vậy, Thầy xét kỹ cần phải khôi phục

lại, để làm tấm gương sáng cho người tu Phật, phải mạnh mẽ, tinh tấn trên con đường giác ngộ giải thoát.

Một ông vua đang ở địa vị sang quý, danh vọng như vậy mà không màng, dám bỏ hết đi tu, sống đời khổ hạnh. Còn mình là một người dân đen, có gì đâu, vậy mà khi chuyên tu, ở yên một chỗ, còn sợ buồn sợ khổ. Ở đây có khổ bằng trên Ngọa Vân am không? Chúng ta có nhà cửa để ở, có cơm ăn không sợ đói thiếu, không có gì trở ngại. Vậy còn mong cầu gì nữa mà không ráng lo tu hành!

Có những Phật tử không biết tại sao có người tu ăn chay, lại có người ăn mặn? Cùng tu theo Phật mà người ăn chay, người ăn mặn, vậy thì ai đúng? Thầy sẽ giải thích cho quý Phật tử hiểu.

Thời Phật còn tại thế, ngài chủ trương đi khất thực. Tám, chín giờ sáng đi khất thực, đến nhà thí chủ họ cúng gì mình nhận cái ấy về ăn, thành ra không thể đòi hỏi là đồ chay hay mặn. Nhưng về sau này, khi Phật giáo truyền sang những nước như Trung Quốc, Triều Tiên, Việt Nam, Nhật Bản, vì văn hóa bản xứ, các ông vua không chấp nhận việc quý Sư đi khất thực như một người ăn xin. Những vị vua kính trọng Phật pháp, kính quý các đại sư đạo đức, tôn các ngài là Quốc sư. Một vị quốc sư mà đi khất thực, coi như ăn mày thì đâu có được, thành ra họ không chấp nhận thể chế khất thực, nên họ cúng đất, xây chùa. Phật tử cúng dường tứ sự, quý Sư không phải đi khất thực.

Không đi khất thực mà ăn mặn thì phải mua con này con kia về làm thịt, tức là phải ra tay giết, là phạm tội sát sanh, cho nên quý Sư chủ trương ăn chay, để tránh tội sát đó. Chùa Bắc tông, hầu hết là không đi khất thực, không đi khất thực mà ăn mặn sao được, cho nên phải ăn chay để tránh tội sát sanh. Đó là ý nghĩa ăn chay và ăn mặn.

Nhưng với thời này, người ta thấy ăn chay là thích hợp hơn, bởi vì ăn chay là ăn các thứ thực vật thì các bệnh đều giảm. Nên xét ra ăn chay là tốt, vừa nhẹ nhàng vừa đơn giản nên ít tốn. Nếu ăn kiểu người giàu có, sang trọng thì hơi phiền; còn ăn rau luộc chấm nước tương, không tốn bao nhiêu. Vậy ăn chay làm cho cuộc sống đơn giản hơn. Do đó các vị tổ sư chọn pháp ăn chay cho tốt, hoàn toàn tránh được chuyện sát sanh cho mình và cho Phật tử.

Còn quý Sư bên Nam tông thì ăn mặn lẫn chay, vì chùa không có nấu ăn. Các vị đi khất thực hoặc Phật tử đem tới cúng dâng tại chùa, cho nên họ dâng gì thì nhận cái ấy, cho gì thì dùng cái ấy. Vì vậy nên không thể chọn ăn chay hay ăn mặn. Do các Sư không từ chối đồ mặn nên Phật tử quen dần cúng mặn luôn nên thành truyền thống, vì vậy bên Nam tông ăn mặn, bên Bắc tông ăn chay là lý do như vậy. Đó là ý nghĩa tại sao Phật giáo có bên ăn chay, có bên ăn mặn.

PHẦN IV:

THỈNH NGUYỆN TĂNG

Ngày 13-07 Canh Thìn (12-08-2000)

Kỳ thỉnh nguyện này thấy toàn chúng đều thanh tịnh, đó là điều đáng mừng. Nhờ trong mùa an cư, toàn chúng đều cố gắng giữ gìn nề nếp tu hành, đạo hạnh tăng trưởng nên mới được thanh tịnh như vậy. Kết thúc buổi thỉnh nguyện, tôi có ít lời nhắc nhở thêm đại chúng.

Trong bản Thanh quy của Thiền viện, đáng lý phần giới luật phải để trước, nhưng tôi lại để phần Lục hòa trước Mười giới. Toàn chúng tự gẫm xem, tại sao như vậy? Điều này cho thấy rằng, cái nhìn của tôi về Lục hòa hết sức quan trọng. Bởi vì, Tăng-già hay Tăng đoàn, có nghĩa là Hòa hợp chúng. Nhằm chỉ cho một đoàn thể tăng tu hành, cùng sống chung hòa hợp với nhau như nước hòa với sữa. Hòa hợp tức là không thấy có cái riêng, không thấy ranh giới, đó mới gọi là hòa. Tôi nhận thấy ở phần giới luật, đối với những giới trọng thì chúng ta gắng giữ, còn với những giới nhỏ nếu không phù hợp hoàn cảnh thì chúng ta có thể thiếu sót, nhưng về phần Lục hòa thì người tu trong thiền viện cần phải sống trọn vẹn. Nhất là ba điều hòa hợp đầu tiên.

Một là *Thân hòa đồng trụ*. Chúng ta từ người lớn cho đến kẻ nhỏ, tất cả cùng ở chung, cùng sống một nếp sống như nhau, hòa hợp vui vẻ không chống đối, không so bì hơn thua. Nếu sống chung mà người làm ít, người làm nhiều, người được nghỉ, người phải làm công tác... không đồng đều nhau thì cuộc sống sẽ có những đối chọi, không vui. Cho nên trước là thân hòa.

Hai là *Khẩu hòa vô tranh.* Miệng phải nói năng nhẹ nhàng, hòa thuận, không được lớn tiếng, không nói những lời móc méo, cũng không được nói lời thô bạo. Như vậy sống trong chúng, mình mới có niềm vui và thuận thảo với nhau. Nếu người này nói nặng người kia, người kia nói móc người nọ, tranh đấu hơn thua thì không bao giờ an ổn, mà không an ổn thì không tu hành được. Vì vậy tôi thấy khẩu hòa rất thiết yếu.

Ba là *Ý hòa đồng duyệt*. Chữ duyệt có nghĩa là vui. Sống trong chúng mà ý hòa với nhau thì cuộc sống vui tươi tu hành an ổn, còn ý chống đối thù ghét nhau thì tu hành không tới đâu hết. Xử sự với mọi người, trong từng ý niệm mình đều vui vẻ hòa thuận, tốt đẹp, không oán hờn, không thù ghét, không đố kỵ, cùng chung sống vui hòa với nhau. Tu hành như vậy cuộc sống mới an vui thanh tịnh, còn nếu ý người này chọi với người kia, ý người kia không ưa người nọ... Đối chọi, không ưa là tâm đố kỵ hoặc tâm hờn ghét; từ đó, sanh ra bực bội, không an ổn trong sự tu hành. Cho nên ý hòa là vấn đề then chốt của cuộc sống.

Tất cả chư tăng ở đây, trong thời gian cùng ở chung tu học đều phải sống Lục hòa, mà nhất là phải ráng thực hành cho được ba điều hòa mà tôi vừa nói. Sống hòa hợp với nhau đó là biết tu, còn chưa làm được thì sẽ sanh ra lôi thôi, cuộc sống tu hành khó yên ổn được. Sở dĩ tôi thấy Lục hòa thiết yếu là vì tôi đã từng ở Phật học đường, đã từng dạy chúng các nơi rồi, cho nên tôi thấy rất rõ. Bởi tu mà tâm không hòa nên mới chỉ trích lẫn nhau, người này nói tật xấu của người kia, người kia vạch điều lỗi của người nọ... Người tu mà sống không hòa thuận với nhau thì sự tu hành không có giá trị gì hết, như vậy càng tu càng tạo nghiệp chứ không đi đến giải thoát. Thế nên toàn chúng phải ráng tập sống hòa.

Muốn làm Phật sự lớn thì không thể nào một cá nhân mà có thể làm được, phải nhiều người chung góp công sức. Mỗi người mỗi phần, mỗi trách nhiệm, cùng hòa hợp với nhau chung lo thì mọi việc mới thành công. Nếu người này chọi người kia, người kia chống người nọ thì không bao giờ làm được việc gì, dù ở mấy trăm người cũng không làm được trò gì hết. Người tu trước tiên phải nghĩ đến việc giải thoát cho mình, kế đến là phải có lòng từ bi thương độ cho người cùng tu. Vì vậy, mỗi người tu ở trong chúng phải gắng giữ được nếp sống Lục hòa.

Hòa thứ tư là *Kiến hòa đồng giải,* mọi người cùng nhau bàn luận những hiểu biết trong Phật pháp, hay kinh nghiệm trong khi tu để thông cảm, học hỏi nhau. Hòa thứ năm là *Giới hòa đồng tu,* ở đây lấy Mười giới làm luật chung, tất cả đại chúng cùng giữ gìn giới luật như nhau. Thứ sáu là *Lợi hòa đồng quân*, cùng chia sớt tứ sự đồng đều nhau, việc ấy cũng không khó.

Ba hòa sau cùng này, thấy vậy mà dễ. Tôi chỉ sợ nhất là *Ý hòa đồng duyệt*. Đại chúng có thấy rõ tâm mình không ưa người này, không thích người kia, thù ghét người nọ không? Đó là những tâm niệm phá hoại sự tu hành của mình. Vì còn thù còn nghịch, còn ghét là không an, khi ngồi thiền cũng không an. Vậy nên cần phải khéo xả bỏ hết những ý niệm thương ghét riêng tư để cùng sống hòa vui với nhau.

Ngày nào chúng ta còn ở đây là còn chung lo, cùng gánh vác theo khả năng của mình. Mình được phân công tác gì thì ráng làm cho vuông tròn. Đối với huynh đệ đều hòa hợp, đều vui thì cuộc sống ở thiền viện mới có ý nghĩa, mới có giá trị. Nếu bên ngoài tỏ ra bình thường nhưng bên trong thì cứ không ưa người này, nói xấu người kia... làm cho nội bộ của mình trở nên rắc rối, bực bội, buồn phiền; như vậy chẳng những mình không tu được, mà còn làm cho những người chung quanh khó tu. Đó là tự làm tổn phước tổn đức. Trong bài kệ Vô Tướng, Lục Tổ dạy: Nếu thấy lỗi người khác thì lỗi mình đã ở bên cạnh rồi. Cho nên mình phải phản quan tự chiếu, soi rọi lại những ý niệm, tâm tư nào không hợp đạo lý thì phải bỏ. Chẳng những dẹp bỏ lỗi lầm sai trái, mà còn

phải bỏ luôn tất cả vọng niệm của mình, huống là nuôi dưỡng tâm ưa ghét thù địch.

Ngày xưa tôi đi giảng dạy, thấy có trường hợp chùa này không thích chùa kia, chùa kia không ưa chùa nọ... rồi cùng chỉ trích qua lại. Động cơ không gì lạ, chỉ vì chùa này Phật tử tới ít còn chùa kia Phật tử tới đông, từ đó đâm ra đố kỵ chống chọi nhau. Tại các Phật học đường cũng vậy, mỗi người làm theo mỗi cách. Người giàu thì sống theo giàu, nghèo sống theo nghèo, không cảm thông nhau. Hai người nằm hai đơn gần sát nhau, mà người này thì được thầy tổ khá giả cho tiền đi mua cái này sắm cái nọ dư dả, còn người kia thì nghèo túng không có tiền. Lâu lâu người này có việc đi vắng, người kia lén giở đơn người này, không nói mượn nữa mà là chia sớt. Người không có thì chia sớt một tí của người có dư, nhưng chia lén chứ không dám chia công khai. Do đó khi lập Thiền viện, tôi bắt phải sống Lục hòa. Sống được Lục hòa rồi thì sự hòa hợp chung lo việc Tam bảo dễ hơn. Tăng là hòa hợp chúng, mà không hòa hợp với nhau thì sao được gọi là Tăng! Những hình ảnh này, thật hổ thẹn vô cùng! Chúng ta khuyên Phật tử không được trộm cắp, mà người tu còn phạm thì nói sao đây? Tình cảnh một người dư một người thiếu nằm gần nhau, sự bất công chênh lệch thấy quá rõ ràng thì làm sao họ dằn tâm muốn được chia đó. Không dằn được thì chia lén, chứ đừng nói ăn cắp nghe kỳ quá! Thật sự người lén chia đó, không phải là người hoàn toàn xấu. Nếu dư dả thì họ đâu có ăn cắp. Phải không? Bởi vì họ quá thiếu!

Hồi ở trường Phật học, chính tôi chứng kiến, có một thầy tới học muốn mua cuốn tự điển mà không có tiền, thầy tổ, cha mẹ lại ở xa. Thầy cầm cây dù tới những người Phật tử quen, tương đối khá giả để xin tiền mua tự điển. Đi từ sáng tới chiều về cũng không có tiền, Thầy nói: "Bây giờ tao là học tăng nghèo, xin tiền mua tự điển không cho. Sau này làm pháp sư mà tới cúng, lúc đó tao hất, tao quăng.." Tại sao Thầy thốt ra những lời bất mãn như vậy? Tại vì Thầy khổ quá! Học mà không có tự điển làm sao học được? Muốn có tự điển thì phải có tiền mua, người thân lại không ở gần, huynh đệ không ai chia sớt, chỉ còn cách đi xin mà xin không được nên nổi quạu, tức giận nói bậy bạ.

Sự thiếu thốn cũng dễ làm cho người ta mất đạo đức, đó là kinh nghiệm sống mà tôi đã thấy trong thời gian học ở trường. Do đó mà sau này lập Thiền viện, tôi cố gắng tạo điều kiện cho cuộc sống người tu được hòa vui. Muốn vậy thì phải làm sao từ tiền bạc, ăn uống... cho đến các thứ vật dụng, mỗi người đều có được như nhau. Thế nên ở đây, tiền bạc thì có Thủ bổn giữ, vật dụng thì có Tri sự, ngoài ra không ai được giữ tiền bạc và vật dụng riêng, trong chúng nếu có nhu cầu cần thiết thì đến xin. Tất cả chúng sống ở đây, có bao nhiêu thì cùng ăn, cùng chia sớt với nhau công bằng. Không có gì bực bội hoặc phàn nàn người dư người thiếu. Nhờ vậy mình tránh được lỗi chia lén đó.

Tôi tạo điều kiện sống theo nếp Lục hòa là bước đầu để tu cho xứng đáng một vị Tăng. Tăng là hòa hợp chúng thì phải sống hòa hợp, đồng chia sẻ cực khổ, sướng vui cùng nhau, như vậy mới có tình đạo. Tình đạo có thì lúc chung làm Phật sự mới vui vẻ, nếu làm Phật sự mà không ai ưa ai thì làm sao làm chung, mà không cộng tác với nhau được thì trên con đường hoằng hóa mình cũng không làm được việc gì. Cho nên tôi nhắc lại một lần nữa, chúng ta phải sống hòa hợp, cùng chia sớt với nhau những gì mình có. Đem tất cả khả năng của mình để chung lo Phật sự, làm lợi ích cho chúng sanh, như vậy mới gọi là người có tâm đạo chân chính. Nếu mỗi người cứ lo tư riêng, ai cũng nghĩ phần mình mà không nghĩ cho người khác thì hòa không được, như vậy gọi là Tăng nhưng không đúng ý nghĩa Tăng, mà chỉ là người tu đơn lẻ thôi.

Tôi mong tất cả chư tăng ở đây, đem hết tâm sức của mình mà thương yêu giúp đỡ nhau, để cùng chung lo gánh vác Phật sự chung hoặc những công việc được giao phó tại Thiền viện. Chúng ta chia sớt công việc với nhau để cùng sống hòa vui mà tu hành, đừng để kẻ phải gánh quá nặng, người nhẹ nhàng thảnh thơi, kẻ làm nhiều người làm ít. Cho nên, tôi để phần Lục hòa lên trước rồi mới tới phần Giới luật. Vì Lục hòa là đạo đức đầu tiên, nếu không có thì những phần sau không thể nào giữ được. Bởi lẽ, người ta sanh tâm ăn cắp là do tiền bạc, vật dụng chênh lệch không đồng nhau. Bây giờ mọi thứ được chia đều, ai cũng có hết thì đi ăn cắp làm chi! Nhờ vậy, phần giới ở sau tự nhiên giữ được. Lợi hòa như vậy, những hòa khác cũng tương tự thế.

Tất cả quý vị có mặt ở đây đã quyết tâm tu hành giải thoát và thương chúng sanh muốn độ họ, mỗi người phải ráng phá cái ngã riêng của mình để hòa chung với huynh đệ cùng gánh vác Phật sự, cùng lo lắng cho đạo. Như vậy mới đúng là tâm của người tu hạnh giải thoát, cứu độ chúng sanh. Muốn thế thì ngay bây giờ, trong cuộc sống cùng làm công tác chung nhau phải tập hòa cho quen, để mai kia ra ngoài gánh vác Phật sự mới không có tâm ganh ghét hay đố kỵ nhau. Như vậy mới có thể làm được việc lớn. Mong tất cả phải nhớ Lục hòa là bản chất, là nền tảng, là cốt tủy của người tu. Đó là điều tôi mong mỏi.

Ngày 13-08 Canh Thìn (10-09-2000)

Hôm nay toàn chúng thỉnh nguyện đều được thanh tịnh, đó là một duyên phúc lớn. Tất cả phải nhớ, chúng ta hiện giờ đang ở trong đời mạt pháp, nên sự tu hành khó tiến. Trong kinh Phật có chia ra ba thời kỳ: Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp. Những người không hiểu cho rằng đời Mạt pháp khó tu, vì Chánh pháp gần hết rồi nên tu không được. Đó là hiểu lầm. Bây giờ tôi sẽ giải thích rõ về ba thời kỳ này.

Thời Chánh pháp là chỉ cho thời đức Phật hiện tiền. Sao gọi là Chánh pháp? Vì vào thời này đức Phật giáo hóa chúng sanh, một trăm người thì ngộ đạo đến

tám chín mươi người. Tại sao những người Phật dạy đều ngộ? Bởi vì sau khi thành đạo đức Phật có đủ Tam minh Lục thông... cho nên khi có người đến học đạo hoặc hóa độ ai, ngài đều thấy biết được trình độ, căn cơ của họ. Do biết được chủng duyên từ thủy chí chung của mỗi người, nên Phật dạy đâu đúng đó. Phật biết bệnh cho thuốc, người uống vô là hết bệnh liền, chứ không phải như chúng ta bây giờ. Thế nên những người được Phật giáo hóa thảy đều đạt đạo, tùy theo trình độ cao thấp mà quả vị có khác nhau. Vì vậy thời kỳ đầu được gọi là thời Chánh pháp.

Kế đó là thời Tượng pháp. Tượng là tương tự, tức là tương tự như thời Chánh pháp nhưng không bằng. Sau đức Phật nhập Niết-bàn, những đệ tử của Phật đa số đã chứng quả A-la-hán, hoặc quả Bồ-tát. Các vị ấy tuy cũng đạt đạo nhưng không phải là Phật, nên hiểu được tâm bệnh của chúng sanh, chỉ đúng bệnh, cho đúng thuốc, giúp chúng sanh mau lành bệnh nhưng không trọn vẹn đầy đủ như Phật. Vì vậy, trong số người được giáo hóa có khoảng bốn năm chục phần trăm (40-50%*)* được ngộ đạo, tức một trăm người được khoảng bốn năm mươi người. Như vậy, do số người được các vị đệ tử Phật giáo hóa, ngộ đạo chỉ bằng phân nửa thời đức Phật nên gọi thời kỳ này là thời Tượng pháp.

Hiện nay, tất cả chúng ta là người xuất gia tu hành, cũng đi giáo hóa chúng sanh, nhưng tự bản thân chỉ là phàm tăng vì chưa chứng A-la-hán, chưa được quả Bồ-tát. Phàm tăng thì có khi được phần giác ngộ nhưng chưa có thần thông, không biết được trình độ, căn cơ của chúng sanh, cho nên người tới học đạo trăm người, ngàn người mà chỉ một vài người ngộ được thôi. Có người cả đời giáo hóa còn chẳng có ai ngộ. Vì sao vậy? Vì ông thầy chưa ngộ mà muốn học trò ngộ làm sao được. Càng ngày Phật pháp càng suy đồi, người tu nhiều mà người đạt đạo không bao nhiêu, nên gọi là thời Mạt pháp.

Tóm lại, Chánh pháp là thời Phật còn tại thế. Tượng pháp là thời sau Phật Niết-bàn năm trăm năm. Những đệ tử của Phật, tuy rằng truyền bá rộng rãi nhiều nơi nhưng người hiểu đạo, đạt đạo thì không nhiều. Do đó sự giáo hóa có giới hạn, khiến cho đạo lý ngày càng thấp xuống cho tới ngày nay.

Tôi thí dụ, như một vị lương y. Thời Chánh pháp, đức Phật là một vị đại lương y giỏi toàn vẹn, bắt mạch cho thuốc đúng một trăm phần trăm nên bệnh lành gần trăm phần trăm. Thời Tượng pháp, tuy rằng những vị lương y đó cũng giỏi, nhưng không bì được với đức Phật, nên bắt mạch xem bệnh đúng năm chục phần trăm, thành ra trị lành bệnh được năm chục phần trăm. Thời Mạt pháp, lương y xem bệnh không đúng, bắt mạch chẩn đoán không chính xác mà chỉ phỏng đoán thôi. Phỏng đoán thì ít đúng bệnh, mà không đúng bệnh, không đúng thuốc thì làm sao bệnh nhân lành được. Nên thời này, là thời chúng ta truyền bá, người hiểu đạo thì nhiều mà người thực hành đến nơi đến chốn, đạt đạo viên mãn thì rất ít.

Phật nói đời Mạt pháp trải qua bao nhiêu năm? Một muôn năm. Bây giờ mới được hơn hai ngàn năm, chưa được phân nửa. Vì vậy đừng nghĩ thời này Mạt pháp là Phật pháp sắp hết, sắp tàn; chỉ là số người được đúng bệnh, đúng thuốc không nhiều, người học đạo thấu hiểu tường tận cũng ít đi. Thế nên người tu ngộ đạo, chứng đạo thì ít, nhưng người có lòng tin đạo thì không phải là ít.

Thời đức Phật giáo hóa, theo sử kể lại, chỉ có vùng xung quanh lưu vực sông Hằng, cao lắm chừng năm mười triệu, hoặc một hai chục triệu người. Còn bây giờ, tín đồ của Phật giáo trên toàn thế giới rất nhiều, nên nói thời mạt pháp là thời Phật pháp suy vi, tàn lụn và không có người tu Phật thì không đúng. Mà là thời Phật pháp đang lan rộng thêm, người tu theo Phật đông hơn, nhưng người đạt đạo thì ít hơn.

Chúng ta đừng cho rằng, thời Mạt pháp không mong gì đạt đến chỗ viên mãn, cho nên tu dối dối cũng được. Hoặc có nhiều người bi quan nghĩ rằng, đời mạt pháp dù có ráng tu cũng không được gì, nên tu gieo duyên thôi. Đừng hiểu lầm như vậy! Thời Mạt pháp mà mình tu tinh tấn, có đầy đủ giới định tuệ, được kết quả viên mãn thì vẫn là thời Chánh pháp.

Hiểu rồi chúng ta mới thấy, chúng ta đang ở trong giai đoạn đầu thời Mạt pháp. Giai đoạn đầu nên cơ hội tu hành học đạo, hiểu đạo thì dễ, nhưng sống đúng theo đạo lý, hoàn toàn thanh tịnh thì rất khó. Tôi nói điều gần nhất là giới Tỳ-kheo quy định, không được xúc chạm với người nữ. Nhưng hiện nay, chúng ta đi ra chỗ này chỗ kia, các cô đưa tay bắt tay mình, mình phải làm sao cho đúng? Nếu bắt tay người nữ là có xúc chạm rồi, là rơi vào giới Tăng tàn. Vậy thì nếu theo y trong giới này, mình có phạm không?

Tôi gặp phải tình huống này, đó là lần đầu tiên vào năm 1965, khi tôi sang Nhật. Ở Việt Nam, gặp nhau thì xá chào, quen rồi. Lúc qua Nhật, khi mua giấy xong, mấy cô bắt tay mấy người kia mà mình đứng trơ ra coi kỳ, nên theo phép lịch sự tôi cũng bắt tay họ. Bắt tay xong, tôi tự hổ thẹn, thấy kỳ quá! Bây giờ trong thời hiện đại, khi đi sang các nước phương Tây, gặp nhau phái nữ cũng thường bắt tay mình, mình lại kẹt nữa! Thế nên, giữ giới luật trọn vẹn như thuở xưa là thật khó!

Duyên bên ngoài gây đủ thứ trở ngại, khiến cho khó giữ. Như hồi xưa, nếu muốn nghe ca kịch, hát xướng... thì phải đi tới rạp nên người tu dễ giữ giới này, bây giờ thì chùa ở gần khu dân cư nên họ mở nhạc mình cũng nghe, vì vậy tâm dễ loạn khó thiền định. Đây là tôi nói một vài thí dụ nhỏ thôi, còn nhiều thứ khác nữa không thể kể hết. Do đó, thời của chúng ta tu khó thanh tịnh, khó được an ổn là vậy. Giờ đây, chư tăng được ở trong nội viện Thiền viện, được khép mình theo nội quy để cùng sống, cùng tu với nhau là có phước duyên lớn chứ không phải ngẫu nhiên mà được.

Người xuất gia có hai trường hợp không được hay: Thứ nhất là không có duyên ở trong chúng, mà ở riêng lẻ một mình nơi am thất. Thứ hai là ở trong tập thể, nhưng tập thể đó không thanh tịnh. Như vậy, tu mà không rõ đường lối lại bị những thứ chướng bên ngoài lôi kéo, không thoát ra được thì cũng không tốt. Ngày nay Tăng chúng được ở trong tập thể thanh tịnh như vầy là quá tốt, đây là duyên lành nhiều đời chứ không phải việc thường. Vì vậy, được ở chúng cùng hòa hợp tu hành tinh tấn, vui vẻ với nhau là điều hết sức quý.

Mong tất cả chư tăng ở đây, tự kiểm điểm, xét lại coi có phải duyên phúc của mình sâu dày hay không? Nếu cảm nhận được duyên phúc mình sâu dày thì ráng cố gắng tinh tấn tu, không để thời giờ trôi qua vô ích. Cố gắng tu để hiểu đạo, thấy được lẽ thật mà Phật tổ đã chỉ dạy, thấy biết rõ để chỉ dạy lại cho người sau. Nếu không cố gắng tu, khi nghe kinh luận tuy cũng hiểu nhưng chưa chứng nghiệm được thì hiểu đó cũng chỉ ở trên văn tự mà thôi. Vậy toàn chúng phải cố gắng, trước hết vừa học hiểu, vừa ứng dụng tu để chứng nghiệm được lời dạy của Phật tổ, không còn nghi ngờ. Rồi sau mới đem kinh nghiệm đó chỉ dạy cho người nhận hiểu, người nghe cũng dễ ứng dụng tu. Nếu mình tu lơ là, không thấy rõ lối đi thì làm sao dạy người! Đó là chính mình không có lợi, mà cũng không làm lợi ích gì cho người.

Mong tất cả cố gắng học, cố gắng tinh tấn tu. Làm sao trong thời gian năm, bảy năm ở Thiền viện, khi ra ngoài mình đủ tư cách làm người chỉ đường, hướng dẫn cho người khác cùng tu. Đó là điều thiết yếu.

Ngày 13-09 Canh Thìn (10-10-2000)

Qua buổi thỉnh nguyện hôm nay, tôi rất mừng vì nhận thấy trong chúng chỉ có một ít lỗi nhỏ, không đáng kể. Toàn chúng sáu bảy chục người mà một tháng qua không có lỗi lầm gì, đó là điều rất tốt. Kết thúc buổi thỉnh nguyện, tôi có ít lời nhắc nhở toàn chúng.

Vừa rồi, tôi đọc lại kinh Viên Giác. Bồ-tát Di-lặc hỏi Phật, nguyên nhân nào làm cho chúng sanh phải luân hồi sanh tử mãi mãi không ra khỏi? Đức Phật dạy, sở dĩ người tu không ra khỏi sanh tử là vì bệnh ái dục. Chúng sanh ở cõi Dục, bệnh ái dục là bệnh trầm trọng nhất. Chúng tu ở đây đa số là người trẻ, mà người trẻ thì bệnh ái dục còn nặng, dễ làm cho sự tu hành trở thành khó khăn chướng ngại. Cho nên tôi nhắc kỹ về điều này.

Phật dạy, ái dục có hai thứ: một là ái dục, hai là ái mạng. Nhân ái dục sanh ra ái mạng, nghĩa là từ ái dục mà có ra những sự tiếp nối. Những chúng sanh tiếp nối đó, khi có mặt lại yêu mến quý trọng thân mạng của mình. Cứ như vậy mà ái dục đi trước, ái mạng theo sau. Hoặc ngược lại, ái mạng có trước, rồi sanh ra ái dục.

Chúng ta có mặt ở đây, là do ái dục dẫn dắt. Ái dục là nghiệp để chúng sanh truyền nối đời đời. Sanh mạng mọi loài đều do ái dục mà có, như chúng ta đây, có người nào không từ ái dục của người trước mà sanh ra mình không? Như vậy cho thấy, ái dục là bệnh rất trầm trọng. Nếu không dùng trí tuệ quán chiếu thì bệnh ái dục không thể trừ được.

Trong kinh Phật dạy rất nhiều cách quán chiếu. Nếu ái dục nặng quá thì đức Phật dạy quán bất tịnh. Nghĩa là phải luôn luôn nhìn lại mình, quán sát thân nhớp nhúa, không ra gì này. Quán đi quán lại cho sâu xa, để mình chán thân mình rồi mới chán thân người khác. Đó là trừ bệnh ái dục của thân.

Nếu áp dụng quán như vậy mà bệnh ái dục thuyên giảm thì tốt, còn không thuyên giảm thì phải quán năm uẩn không thật, như Phật dạy trong kinh Bát-nhã. Mình đã không thật thì có cái gì mà ái, cái gì là dục? Bệnh ái dục là trầm trọng số một, bởi vì ái dục là nghiệp truyền giống. Thế nên chúng sanh nào cũng mang nghiệp đó, để tiếp tục nòi giống, để có mặt trên thế gian này.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói: "Trong các thứ ái dục, không gì đáng sợ bằng sắc dục. Lòng ham thích sắc đẹp to lớn không gì sánh bằng. May thay, chỉ có một mình nó mà thôi. Nếu có bệnh thứ hai bằng bệnh ái dục như thế thì khắp thiên hạ không ai có thể tu đạo được." Như vậy, chỉ có ái dục là nặng hơn hết, còn các thứ bệnh kia nhẹ hơn, nên chúng ta mới có thể tu. Nếu các bệnh khác nặng bằng ái dục thì chắc khó tu được. Do đó, Phật dạy người tu khi đi khất thực, chỉ nhìn xuống đất không quá ba thước, tức là nhìn vừa tầm để thấy đường đi mà thôi, chứ không được ngó qua ngó lại, để không thấy người này người kia rồi sanh nhiễm ô.

Tôi nhắc cho toàn chúng biết, để dè dặt tránh xa. Chúng ta đã biết ái dục là bệnh trầm trọng thì đừng nên xem thường. Đối với phái nữ, phải nên ít tiếp xúc. Tránh tiếp xúc với người khác phái để khỏi sanh ra bệnh trầm trọng làm trở ngại sự tu hành. Nhất là tư tưởng đừng nghĩ, đừng nhớ, chỉ chăm chỉ vào sự tu hành dứt niệm. Bởi có nghĩ tưởng thì ái dục phát sanh, nếu không khởi nghĩ thì ái dục sẽ hết.

Trong kinh Phật nói thí dụ, có một người bị tội tử hình, nhà vua bảo nếu ngươi bưng một đĩa dầu đầy, đi từ đầu đường đến cuối đường không nhỏ một giọt nào thì ta sẽ tha tội chết cho ngươi. Đi sau ngươi, có một đao phủ cầm đao bén, nếu ngươi làm nghiêng đĩa dầu, nhỏ xuống một giọt thì bị chặt đầu liền. Vua tuyên bố như vậy, đồng thời ra lệnh bày hai bên đường nào là nữ sắc, rượu chè, cờ bạc...đủ thứ trò vui. Nếu anh chàng đó muốn khỏi bị chặt đầu thì phải chăm chăm nhìn đĩa dầu, từ đầu đến cuối không dám ngó lơ thì mới thoát chết. Toàn chúng nghĩ xem, nếu mình là anh chàng tử tội đó thì có dám lơ là, ngó qua ngó lại, nghe cái này nhìn cái kia không, hay chăm chăm vào đĩa dầu, qua

khỏi mọi cạm bẫy, đến vạch cuối đường để thoát chết? Chắc chắn không ai can đảm buông lung!

Tất cả chúng ta sanh ra trên cõi đời này thảy đều bị án tử, không ai thoát khỏi quỷ vô thường, giống như anh chàng tử tội kia. Chẳng sớm thì muộn, không trẻ thì già... ai cũng phải chết. Bị án tử rồi mà muốn thoát khỏi, tức là muốn giải thoát sanh tử thì phải chú tâm vào một pháp tu. Đĩa dầu dụ cho pháp tu. Làm sao đi đứng nằm ngồi vẫn không lơi lỏng, đó là không để đổ dầu. Tên lính cầm đao dụ cho quỷ vô thường. Quỷ vô thường lúc nào cũng chực bên mình, sơ hở một chút là nó giết ngay. Nếu chúng ta không chăm chú vào pháp tu để qua khỏi đoạn đường sanh tử mà cứ chạy theo ngũ dục, mê những trò vui trên đường để mình bị giết chết, rồi phải lăn lộn kiếp này đến kiếp khác; đó là mình ngu xuẩn, không xứng đáng là người phát nguyện cầu giải thoát sanh tử.

Vì vậy, chúng ta tu muốn giải thoát sanh tử thì phải chăm chỉ đem hết tâm trí, đặt hết tinh thần, chuyên tâm vào đường lối tu của mình. Ngày đêm miệt mài như vậy thì mới có đủ sức tỉnh giác, mới thoát ly sanh tử được. Nếu hờ hững lôi thôi qua ngày thì sẽ bị chìm đắm trong sanh tử mãi mãi, không thể ra khỏi được.

Tôi mong rằng, trên con đường sanh tử quý vị đã có duyên tốt phát tâm tu hành thì phải ráng tinh tấn, chuyên chú vào đường lối tu, đừng nên lơi lỏng bê trễ. Như vậy mới không phụ ý chí quyết tâm, liều chết đi trên đường giải thoát. Nếu nghĩ tưởng xằng bậy thì ái dục càng tăng trưởng, còn tâm không lơi lỏng, tư tưởng không nghĩ nhớ việc xằng bậy thì tất cả ái dục theo đó từ từ suy giảm tiêu mòn. Vậy mong tất cả trong chúng nhìn kỹ, nhớ kỹ để thực hành cho được, tránh khỏi đường luân hồi sanh tử lâu dài.

Ngày 13-12 Canh Thìn (07-01-2001)

Hôm nay là buổi thỉnh nguyện cuối năm, chuẩn bị sang năm mới. Tôi có ít lời nhắc nhở trong chúng, gồm hai phần:

1- Phần thứ nhất là nhắc nhở ở trong chúng, những người đã tu lâu hoặc mới tu, nhưng trên đường tu thấy mình bị trì trệ không tiến nên có khi buồn, hơi thối tâm. Tôi nhắc cho các vị biết, chúng ta đi tu là một duyên phước lớn chứ không phải nhỏ. Bởi vì trên đời này, người ta chạy đua theo danh lợi tài sắc... còn mình không thích những thứ đó trói buộc nên phát tâm xuất gia. Đây là một tâm nguyện rất cao thượng, rất siêu thoát. Tuy nhiên, nghiệp chướng của mình đâu phải chỉ mới có trong đời này, mà đã huân tập từ nhiều đời. Do đó bên cạnh tâm trong sáng sẵn có, lại còn những nghiệp cũ sâu dày. Cho nên tuy phát tâm tu nhưng sự tu chậm lụt không suôn sẻ, không được kết quả như ý, thua sút huynh đệ. Điều này đáng buồn, nhưng không nên vì thua sút mà chúng ta thối tâm lùi bước.

Đối với sự tu hành, chúng ta phải quyết tâm. Nếu dụng công mười lần mà không tiến thì phải tăng lên mười hai, mười bốn lần. Cố gắng tăng lên hoài thì có ngày cũng tiến, chứ đừng vì lẽ thấy mình cũng tu như huynh đệ mà sao huynh đệ tiến còn mình lại không tiến, rồi nghĩ chắc là nghiệp mình nặng khó tu nên muốn bỏ cuộc. Không nên nghĩ như vậy, quan niệm đó là sai lầm! Phải biết, do nghiệp trước gây chướng ngại đường tu, mình sẽ vượt qua được nghiệp đó và sẽ thắng nó. Vì vậy phải quyết tâm tinh tấn hơn nữa để đường tu không bị lui sụt, chứ đừng vì thấy sự tu trì trệ rồi thối tâm, làm cho những duyên tốt trong đời tu của mình bị tiêu mòn, còn nghiệp chướng lại càng tăng trưởng. Tôi nhắc nhở trong chúng, ai có những bệnh như vậy thì phải mạnh mẽ, phải tiến lên chứ đừng để lui sụt.

2- Phần thứ hai là nhắc những vị trong chúng, khi tu thấy mình có tiến bộ, có kết quả tốt rồi tưởng mình đã sáng, ngang đó thỏa mãn, hài lòng, cho là đã thắng rồi, thành công rồi. Đó là một sự hiểu lầm rất nguy hiểm! Phải nhớ rằng tuy việc tu có tiến, có kết quả tốt nhưng chưa có gì là bảo đảm ngang đây mình hoàn toàn thanh tịnh mãi. Việc này đừng xem thường.

Từ kinh nghiệm thời gian qua cho tôi biết, có những người tu thấy tiến bộ nhưng khi gặp duyên cũng ngã dùng chứ không thắng nổi. Vì vậy tôi nhắc nhở, những huynh đệ đang tu thấy mình có tiến, nắm vững đường lối tu rõ ràng không còn nghi ngờ gì. Dù vậy cũng phải dè dặt, đừng có xông pha, đừng gần gũi người khác phái mà lâu ngày sanh bệnh không hay, vì đó là tập khí muôn đời của con người. Thế nên người khéo tu thì phải biết, trên đường tu mình tiến được là nhờ phước duyên nhiều đời, được gặp chánh pháp phù hợp với mình, nên sự tu hành tiến nhanh. Đừng tự mãn, đừng xem thường. Tự mãn, xem thường là bệnh.

Đây là điều mà tôi thấy cần phải dè dặt. Nhiều khi thấy mình được như vậy, lầm tưởng là tốt lắm, hay lắm, rồi xông pha. Về sau gặp họa thối tâm hồi nào không hay, tới chừng biết được thì đã sanh tâm nhiễm trước, đi quá xa rồi, khiến cho sự tu bị trì trệ trở lại, làm mất thời gian quý báu. Hơn nữa, sự ngăn trở đó làm mất uy tín của mình, làm mất lòng tin của huynh đệ. Họ nghĩ, mình đã tu được như vậy mà còn lui sụt thì những huynh đệ đi sau sẽ thế nào? Khiến cho họ càng hồi hộp, càng lo âu. Bởi thế nên, người nào tiến được thì ráng giữ cho mình tiến mãi mãi chứ đừng để lùi.

Tôi hay nói, khi tu có những cái sáng, thấy được lẽ đạo, muốn chứng thật công quả tu của mình thì lấy gì khảo chứng? Đó là tám gió thổi không động. Đừng nghĩ mình thấy vậy, đạt được vậy là hay là tốt rồi xem thường, đến khi gặp tám gió thì ngã nghiêng ngã ngửa. Cho nên các huynh đệ tu phải ráng cẩn thận, chừng nào tám gió thổi không động thì mới tin rằng, đường tu mình bảo

đảm không lui sụt. Còn mới lóe sáng hoặc thấy rõ ràng nhưng chưa gặp gió thử thách thì đừng chủ quan, tin chắc cho rằng mình đã thắng hết.

Mong tất cả các vị có chút ít kinh nghiệm trong sự tu, phải ráng cẩn thận dè dặt. Vì tôi chuẩn bị phân bổ nhân sự, sắp xếp người đi chỗ này, người đến chỗ kia. Nếu quý vị đã có lòng tin, có hiểu đạo mà lại khinh suất, để một ngày nào đó tụt xuống khiến những người xung quanh thấy vậy thối tâm. Đừng để những điều tốt xấu, hay dở làm mình xao xuyến, được như vậy thì trên đường tu mới vững vàng và lãnh công tác Phật sự mới được lâu bền.

Càng gần ngày tôi nghỉ thì tôi càng lo, cho nên phải nhắc nhở các vị nhớ cẩn thận, đừng xem thường. Nhiều vị khi tu, tâm được thanh tịnh, trí rất sáng, rồi xem thường mà mặc tình xông pha, tới ngày nào đó đụng việc thối tâm, chừng đó người ta cười, tưởng Thầy lựa người tu hay ngờ đâu rốt cuộc không ra gì! Đó là điều không tốt.

Ngày 13-01 Tân Tỵ (05-02-2001)

Sau thời thỉnh nguyện, tôi có ít lời nhắc nhở toàn chúng. Trong ba điều căn bản của Thanh quy, điều thứ ba là sống một cuộc sống đạm bạc, các huynh đệ thấy ở đây mình sống đạm bạc hay sung túc? Sung túc chứ không đạm bạc. Điều này tôi nhắc nhở để toàn chúng biết. Bởi vì chúng ta ở đây tu hành đàng hoàng chân chánh, được lòng tin của quý Phật tử, nên họ sẵn sàng giúp đỡ về mọi mặt, từ xây dựng đến ăn uống. Đó là một điểm tốt.

Nếu xét kỹ thì hoàn cảnh ở đây toàn chúng tu hành rất dễ dàng, những khi bệnh hoạn hoặc lúc cần mua sắm những vật dụng thiết yếu... chúng ta cũng không phải bận tâm về tiền bạc. Như vậy toàn chúng không có gì để bận tâm lo lắng hết. Mỗi buổi sáng, Tri sự phân công tác gì thì làm tròn công tác đó. Tới giờ ngồi thiền, sám hối thì lên Thiền đường theo thời khóa tu hành. Thế nên cuộc sống vừa bình an mà cũng vừa thuận lợi cho việc tu. Những vị tăng ở chùa khác và các Phật tử tới Trúc Lâm, đều tán thán khí hậu ở đây mát mẻ, tu Thiền rất tốt, không như những nơi khác nóng bức quá. Như vậy, điều kiện tu hành của mình tương đối tốt đẹp, chỉ mong toàn chúng mỗi người phải cố gắng tu.

Trên đường tu chúng ta phải biết bổn phận, phải biết trách nhiệm của mình. Trong kinh thường nhắc nhở, người tu là trên đền đáp bốn ơn, dưới cứu giúp ba cõi. Ở đây tôi chỉ nói gần nhất là ơn thầy tổ và ơn cha mẹ, đây là những ơn lớn mà nhiều khi mình cũng không nhớ. Chúng ta cứ nghĩ tu là tu thôi, chứ không biết phải tu thế nào cho ngộ đạo, thấy đạo. Nên nhớ, chúng ta tu làm sao đạt được kết quả tốt để cứu độ cha mẹ và cứu độ tất cả chúng sanh, chứ không phải tu lừng chừng, tới đâu hay tới đó.

Người biết tu lúc nào cũng phải đem hết tâm lực mà tu, đem cả chí nguyện cao siêu đặt vào trọng trách của mình, phải thực hiện cho được chí nguyện ấy. Trọng trách lớn nhất đó chính là tu hành đạt đạo. Nếu tu mà không đạt đạo thì làm sao cứu độ cha mẹ, cứu độ chúng sanh. Đó là điều hết sức thiết yếu, cho nên tôi ráng tạo điều kiện tốt để ai đến đây tu đều phải thấy đạo, phải đạt được chỗ cao siêu ấy.

Nhiều người tu thời này cứ đổ thừa thời Mạt pháp, tu hành có chừng thôi chứ không đạt được gì! Cho nên cứ nghĩ, giờ tu rồi mai kia ra làm việc thiện là đủ bổn phận của người tu. Đó là suy nghĩ sai lầm! Thời nào cũng vậy, nếu chúng ta quyết tâm tu thì đều đạt được kết quả tốt, chứ không phải thời Mạt pháp tu không được. Bởi vì quan niệm sai lầm của mình mà cứ thả trôi, không cố gắng tu. Thật uổng phí một đời. Đó là điều tôi nhắc nhở toàn chúng cần phải nhớ, phải thực hành. Nhất là đối với của Tam bảo, mỗi người trong chúng đều phải có trách nhiệm gìn giữ. Các huynh đệ thấy, ở đây chúng ta được Phật tử thương giúp đỡ nhiều, nên trong chúng tiêu xài ít nghĩ tới việc tiết kiệm, không biết rằng nhận vật của thí chủ nặng như núi.

Vừa rồi, Diệu Phương đi xuống Đồng Tháp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai. Sau lũ lụt họ trở về nhà thì nhà cửa đã hư sập, không có tiền cất lại. Diệu Phương nói, chỉ cần có một trăm dollar (100USD) là cất được căn nhà tương đối ấm cúng. Hôm đó, Diệu Phương đem hình những căn nhà mới được cất lại, đưa cho tôi xem. Toàn chúng thấy, có những người chỉ cần vài triệu bạc để cất một căn nhà, vậy mà cũng không có tiền. Nếu chúng ta ở đây đủ phước, có dư dả chút ít thì phải nhín ra để giúp những người khốn khó. Được như vậy thì tốt lành hơn chứ đừng xài phung phí, không nên thấy Phật tử cúng dường nhiều rồi tha hồ xài. Nếu sử dụng không đúng cách thì tổn phước. Thế nên tôi muốn nhắc nhở, tất cả từ trên đến dưới, nhất là những người có trách nhiệm, cần phải cẩn thận khi dùng đồng tiền. Nếu khi nào có dư dả thì khi gặp những việc cần thiết nên chia sớt giúp cho người, còn những kẻ phung phí một là tập thói quen không biết tiết kiệm phước đức, hai là không làm lợi ích cho nhiều người. Vậy nên mong tất cả chúng phải cẩn thận điều đó.

Chúng ta tu phải làm sao cứu độ được cha mẹ mình. Tôi đọc trong kinh thấy Phật thường dạy điều này, rồi nhìn sang chư tổ cũng thấy rõ, người xưa tu một khi ngộ đạo là cứu rỗi được cha mẹ mình. Như đức Phật, ngài là vị Bồ-tát tái thế có đầy đủ phước duyên, nên mẹ ngài khi chết liền được sanh lên cõi trời Đao-lợi.

Thiền sư Hoàng Bá, đời Đường ở Trung Hoa. Sau khi xuất gia ngài chuyên tâm tu hành, ít về thăm mẹ. Lần đó có dịp đi ngang quán trà của bà, ngài ghé lại thăm và tùy duyên khuyến hóa mẹ. Mẹ ngài bị mù không nhận ra ngài, ngài

cũng không cho mẹ biết. Đến lúc mẹ mất, ngài về lo hậu sự cho bà. Khi làm lễ hỏa táng thân mẫu, ngài ngửa mặt lên trời, nói:

Được nghe chư Phật dạy, một đứa con đắc đạo chín họ được thăng thiên. Nếu không như vậy là chư Phật nói dối.

Rồi ngài nói bài kệ:

Mẹ tôi suốt kiếp tự mê lầm,

Hôm nay Bồ-đề nở hoa tâm.

Sau này tam hội nếu gặp lại,

Quy mạng Đại bi *Quán Thế Âm*.

Thiền sư Hoàng Bá nói kệ xong, mọi người trông thấy mẹ ngài từ ngọn lửa thăng lên hư không.

Gần chúng ta hơn, ở tại Việt Nam vào đời Lê có thiền sư Tông Diễn, mọi người thường gọi là Hòa thượng Cua. Tương truyền thuở nhỏ, do ngài thả giỏ cua nên bị mẹ đánh mắng, sợ quá ngài bỏ nhà chạy đi mất biệt.

Khoảng hơn ba mươi năm sau, lúc đó ngài đã là trụ trì, nghĩ nhớ đến mẹ nên trở về quê tìm. Thấy một bà lão đầu tóc bạc phơ đang châm trà bán cho khách, ngài vào quán uống trà và hỏi thăm gia cảnh. Nghe bà lão nói có một đứa con trai đã bỏ nhà đi từ nhỏ, ngài biết bà lão ấy chính là mẹ mình. Không để bà lão biết mình là đứa con trai đó, ngài nhã ý mời bà về chùa nương bóng từ bi trong những ngày cuối đời. Bà lão cô quả nhận lời ngài, quyết định gửi thân nơi cửa Phật. Thời gian bà ở chùa, ngài cũng không để cho chúng biết đó là mẹ mình, vì sợ chúng ưu đãi bà khiến bà bị tổn phước. Vì vậy mọi người trong chùa đều xem bà là một người già không nơi nương tựa, được ngài từ bi mang về chùa ở.

Ngài an trí bà ở trong một cái thất lá, mỗi ngày phân công tác cho bà quét sân hay nhổ cỏ quanh chùa. Một hôm, có việc quan trọng phải đi vắng vài hôm, biết bà bệnh sắp mất nên ngài dặn chư tăng ở chùa, nếu bà cụ mất thì để vào quan tài nhưng đừng đóng nắp, đợi ngài về. Ngài đi được bốn, năm hôm thì bà mất, chư tăng làm y theo theo lời ngài dặn. Lúc về chùa, ngài đến bên quan tài nhìn mặt bà lần cuối, nói:

- Như lời Phật dạy, một người con tu ngộ đạo thì cha mẹ được sanh thiên. Nếu quả thật lời ấy không ngoa, xin cho quan tài bay lên hư không để chứng minh.

Nói xong, ngài cầm tích trượng gõ lên nắp quan tài ba cái, quan tài liền bay bổng lên hư không rồi hạ xuống. Lúc đó mọi người mới biết bà lão là mẹ của ngài.

Khi tôi ra ngoài Bắc nghe nói, dường như nắp quan tài đó còn được lưu giữ lại ở viện Viễn Đông Bác Cổ, nhưng vì tôi chưa đến chỗ ấy nên không biết thế nào. Tôi đọc trong bài tán thán công đức của ngài có câu "chỉ tích mẫu quan phi", là nói về việc ngài gõ cây tích trượng lên nắp quan tài, quan tài liền bay lên không. Như vậy để chứng minh rằng, người con tu hành ngộ đạo thì có thể cứu rỗi được cha mẹ. Đó là lẽ thật mà trong sử đã ghi lại.

Thế nên chúng ta tu phải nhớ: Không phải chỉ tu cho mình, mà tu để còn cứu độ cha mẹ và cứu giúp chúng sanh, vì vậy trách nhiệm của mình rất lớn. Chúng ta không nên tu lừng chừng để thời gian trôi qua suông, để có hình thức nhà tu, mà không làm tròn bổn phận người tu, đó là điều rất đáng tiếc! Tôi mong chư tăng phải ý thức được trách nhiệm của mình, tu vì để đền đáp bốn ơn và cứu giúp ba cõi, chứ không phải tu cho qua ngày qua tháng. Mong rằng mỗi người phải cố gắng.

Thiền viện tạo điều kiện cho tăng ni tu mà không chịu tu thì đó là lỗi ở quý vị, còn bổn phận của tôi, tôi đã cố gắng tối đa để làm tròn. Mong rằng trong chúng, mỗi người ý thức công tác của mình, trách nhiệm của mình, cũng ráng mà làm cho tròn. Bởi vì mấy năm qua, do công tác của thiền viện có những việc làm chưa xong phải tiếp tục làm, nên đôi khi làm mất nhiều thời gian tu của chúng. Kể từ đây về sau, mọi công tác đã tạm xong nên chúng chỉ làm việc bình thường, còn lại tất cả thời gian đều dành cho sự tu học.

Ở đây, tôi có chia sự tu ra hai phần. Một phần tu là ngồi thiền, sám hối. Một phần tu là trong hoạt động và các công tác. Làm sao trong lúc ngồi thiền yên tĩnh tâm mình được yên, trong hoạt động công tác tâm vẫn yên mới là thật yên, chứ ở trong cảnh tịnh thì yên mà khi ra cảnh động tâm liền động theo là chưa thật yên, công phu tu hành chưa đến đâu. Cho nên có những giờ công tác là để tập sống trong cảnh động, trong động đó mà sống an vui được thì sự tu hành mới kết quả chắc chắn. Giờ làm công tác cũng là giờ tu chứ không phải là giờ bỏ phí, cho nên tất cả chúng, mỗi vị khi làm công tác phải tiết kiệm thời gian quý báu của mình, vừa làm vừa tu. Như vậy trên đường tu, chắc chắn sẽ đạt được kết quả tốt, không nghi ngờ. Nếu chúng ta lơ là, chỉ tu cho có chừng thì thật là uổng đi một đời tu, không lợi ích gì cho ai.

Đó là sự mong mỏi, nhắc nhở của tôi. Mong toàn chúng cố gắng để thực hiện cho được bản hoài cao cả của mình.

Ngày 13-02 Tân Tỵ (07-03-2001)

Hôm nay tôi có một vấn đề quan trọng cần nhắc nhở, chỉ dạy cho chúng. Quý vị phải ráng tỉnh táo sáng suốt ghi nhận, để biết đường mà tu.

Tất cả chúng ta, từ người thế gian cho đến người tu trong đạo Phật, nếu không thấy tột được cái gì là chân thật, là quý báu thì sẽ bị những thứ rất tầm

thường, rất tạm bợ dẫn dắt lôi kéo, che đậy bản tâm mình, khiến cho cả đời sống trong mê lầm không biết được hướng đi. Đó là điều nhà Phật gọi là vô minh, là si mê. Thật là đáng thương! Người đời si mê như vậy thì đã đành, nhưng với người tu mà cũng không biết thì thật đáng trách! Nếu chúng ta tu mà không nhận ra cái chân thật, lại cứ bị những thứ tạm bợ giả dối chi phối thì uổng một đời tu! Tôi nhắc toàn chúng, phải ráng chú tâm nhận ra cái gì là thật mình, cái gì là tạm bợ, cái gì là tầm thường, đừng bị lệ thuộc nó.

Một là đối với thân này, có người nào không quý nó không? Trăm người như một, đều quý thân này. Bởi quý thân này nên tất cả các nhu cầu của nó mình cũng quý, vì quý nên muốn ăn ngon, ngủ nhiều... bị lệ thuộc vào các nhu cầu của thân, phải tìm kiếm đủ thứ để thỏa mãn nó. Chúng ta cho thân này nó là quý, song thử xét kỹ, nếu mình được thụ hưởng mọi nhu cầu của thân, làm cho nó được thỏa mãn như ý, nhưng cuối cùng thân này thành cái gì? Thành một khối vàng, một khối ngọc hay chỉ là một thây thúi! Thân mà chúng ta đang quý trọng, đang lo lắng, tìm kiếm theo thị hiếu của nó, rốt cuộc cũng chỉ là một thây thúi. Vậy mà tất cả người thế gian cứ chấp vào nó và sống theo cách như thế. Chúng ta là người tu, cần phải thấy được lẽ thật đó để tự mình thoát ly. Nếu biết thân này cuối cùng chỉ là một thây thúi, không có giá trị gì thì khi đang mang nó, mình phải sử dụng như thế nào để hữu ích cho đời và đạo chứ không nên cưng dưỡng, đừng vì nó mà đuổi theo vật chất hưởng thụ để rốt cuộc không ra gì. Có một sai lầm lớn mà mọi người đang mắc phải, kể cả người tu cũng không ngoại lệ. Đó là tuy biết thân này cuối cùng sẽ như vậy nhưng cũng lơ là, bỏ qua, chẳng quan tâm, chỉ biết sống hưởng thụ mà thôi!

Hai là đối với tâm mình, chúng ta luôn quý trọng bảo vệ nó. Tất cả mọi người đều cho rằng những điều mình nghĩ ngợi, suy tính, phân biệt, nhận định... là đúng, là hay. Cho nên ai khác với chỗ thấy hiểu, phân biệt của mình là mình phản đối, không chấp nhận. Vì vậy, cả đời cứ buồn phiền những người chung quanh, trách họ sao không giống như mình nghĩ, rồi đâm ra bực bội... Từ đó, cảm thấy sống trong cuộc đời không được toại ý, nên luôn luôn buồn khổ.

Do chấp lầm những suy nghĩ phân biệt, nhận định đúng sai phải quấy ấy, cho đó là tâm của mình nên có sanh tử khổ đau. Thân của mình khi chết chỉ là một thây thúi, còn tâm lăng xăng lộn xộn đó rốt cuộc thành cái gì? Chỉ là những niệm dấy động sanh diệt, hư dối không thật. Vừa dấy niệm khởi nghĩ đó, quan sát lại thì mất, vậy làm sao thật được! Thứ giả dối tạm bợ mà cho là tâm mình, chấp là mình, là mê lầm trầm trọng. Tinh thần là tâm sanh diệt, thể xác là thân nhớp nhúa bại hoại, mà lầm cho đó là mình, làm sao không sanh tử được!

Người thế gian sống chỉ vì hai việc: đó là lo cho thân và bảo vệ suy nghĩ của mình. Một thứ thì nhớp nhúa bẩn thỉu, một thứ chỉ là bóng dáng không thật, mà cả đời mãi đuổi theo rồi cho đó là gốc của cuộc sống. Không biết rằng,

ngoài hai thứ tạm bợ giả dối ấy còn cái chân thật miên viễn luôn luôn hằng tri hằng giác nơi mình, mà mình đã bỏ quên, chưa từng nhớ nghĩ tìm kiếm. Cứ chạy theo tâm thô phù sanh diệt liên miên, rồi chấp chặt vào đó, cho nó là mình nên bị che đậy mãi.

Tôi chỉ thẳng cho quý vị thấy. Như hiện giờ quý vị đang ngồi yên lắng nghe, không suy nghĩ tính toán, không luận bàn phân biệt gì cả, lúc này có biết không? Vẫn biết. Vậy nên, tổ Lâm Tế nói: "Ai là người đang nghe pháp!" Lúc đang nghe pháp, không khởi niệm, không nghĩ suy, vậy ai biết lắng nghe? Ngay nơi mình có một tâm chân thật mà quên hoài, cứ nhớ những thứ hơn thua phải quấy tốt xấu, không chịu buông, nên không nhận ra mình đang có cái hằng tri hằng giác hiện tiền không vắng thiếu một phút giây nào.

Những nghĩ suy phân biệt là động, vì nó sanh rồi diệt, diệt rồi sanh, còn tâm hằng tri hằng giác thì không từng sanh diệt. Chúng ta luôn sống với tâm sanh diệt, tâm sanh diệt này lặng, tâm sanh diệt khác tiếp tục khởi, chứ không chịu xoay lại nhận tâm chân thật của mình. Do tâm sanh diệt dấy lên che khuất tâm xưa nay, mà chúng ta cứ liên tục sống trong trầm luân sanh tử. Bởi vậy Phật mới thương xót nhắc nhở chúng ta rằng, mỗi người đều có viên ngọc quý vô giá. Viên ngọc quý giá mà không chịu nhận, lại mê lầm đuổi theo những thứ sỏi đá tầm thường tạm bợ. Thế nên tôi dạy quý vị ngồi thiền, chính là để dẹp bỏ những vọng niệm lăng xăng, quay lại sống với cái chân thật của mình.

Những phút giây không nghĩ, không suy mà vẫn tỉnh vẫn sáng, ấy là ai? Ai tỉnh, ai sáng? Đó chính là con người thật của mình. Tâm chân thật đó bàng bạc, không sanh không diệt, không động mà mình không biết, không chịu nhận, cứ nhận cái sanh diệt biến động lăng xăng làm mình. Chư Phật ra đời nhắc nhở, chỉ cho của báu mà chúng ta mê lầm quay lưng không chịu thừa nhận. Tôi thấy đó là điều rất đáng buồn đáng thương cho mình! Tại sao mình mê muội đến thế? Thứ tạm bợ giả dối thì quý nhận cho đó là mình, còn tâm chân thật hiện tiền không thiếu vắng lại bỏ qua. Có phải đại si mê không? Cho nên tu Phật là phải được định, để trí tuệ sáng. Định là gì? Lặng tâm lăng xăng đuổi theo dính mắc ngoại cảnh, gọi đó là định. Tâm an định thì cái chân thật hiện tiền là trí tuệ, chứ không có gì khác. Tuệ là trí tuệ sẵn có, nên được gọi là Trí vô sư. Vậy nên chúng ta không cần tìm kiếm Phật ở đâu xa, mà chỉ buông xả hết niệm điên đảo ngay nơi mình, chứ không phải tìm bên ngoài. Chính tâm trong sáng thanh tịnh hiện tiền đó, là tâm Phật.

Tôi rất thích bài kệ của thiền sư Úc sơn chủ ở Trà Lăng. Khi ngài đang cưỡi ngựa qua cây cầu ván thì tấm ván thủng, quăng ngài rớt xuống sông. Ngài ngộ, nói bài kệ:

Ngã hữu minh châu nhất khỏa,

Cửu bị *trần lao quan tỏa*.

Kim triều trần tận quang sanh,

Chiếu phá sơn hà vạn đóa.

Dịch:

Ta có một viên minh châu,

Đã lâu vùi tại trần lao.

Hôm nay trần sạch sáng chiếu,

Soi *tột núi sông muôn thử*.

Mỗi người đều sẵn có một viên ngọc minh châu, mà bị trần lao che phủ. Trần lao là gì? Là nghĩ suy phân biệt tốt xấu, hơn thua, phải quấy... Những vọng niệm ấy cứ liên tục dấy khởi nên che phủ tâm chân thật là viên ngọc báu của mỗi người. Ngày nay nhân bị té ngã, ngài tỉnh ngộ. Ngay lúc đó các trần cấu sạch hết, ánh sáng viên ngọc hiện ra chiếu soi khắp cả sơn hà đại địa, không sót một chỗ nào. Như vậy, thiền sư ngộ đạo chính là nhận thấy rõ ràng viên ngọc báu đó.

Trong kinh Pháp Hoa, Phật nói thí dụ: Một anh chàng nghèo khổ đến nhà bạn chơi, uống rượu say không biết gì, người bạn thương lấy một viên ngọc quý cột trong chéo áo. Người này có viên ngọc mà không biết lấy ra xài, nên vẫn nghèo cùng đi xin ăn. Đến khi gặp lại người bạn, bạn chỉ rõ chỗ để hạt châu, người này nhận ra rồi chừng đó mới hết đời lang thang khổ sở. Cũng vậy, nơi mình đã có cái chân thật mà cứ đuổi theo những thứ tạm bợ hư dối, do đó trôi lăn trong sáu đường.

Khi rơi vào cõi địa ngục, Phật tánh có theo mình xuống địa ngục không? Địa ngục là do nghiệp tạo, mà nghiệp là do tâm lăng xăng sanh diệt tạo nên. Đã tạo rồi phải xuống địa ngục, nhưng lúc xuống địa ngục thì Phật tánh bị hình phạt hay cái gì bị hình phạt? Chỉ là thân giả hiện trong địa ngục chịu khổ chứ Phật tánh không có chịu khổ. Phật tánh tuy cùng theo nghiệp mà không chịu khổ.

Sống ở thế gian, có những người sang cả sung sướng, cũng có những người nghèo khổ đói khát. Người sang cả sung sướng, Phật tánh có sung sướng không? Người nghèo khổ đói khát, Phật tánh có nghèo khổ đói khát không? Chẳng qua chỉ là thân mang nghiệp này, nó sung sướng hay chịu khổ mà thôi. Thân là tạm bợ, còn Phật tánh là cái chân tâm luôn hiện tiền. Nhưng vì quên mất tâm chân thật, chạy theo cái hư giả nên phải chịu đủ thứ khổ đau. Những người tu hành, không riêng tu thiền mà tu theo bất cứ pháp nào của Phật, rốt cuộc cũng phải

tìm ra cái thật đó, chứ không tìm cái nào khác. Cho nên tôi nói thẳng chỉ thẳng cho tất cả nghe, biết để đừng có lầm.

Có những người sống vì thân, mà thân có bảo đảm đâu? Ngày nay còn đi đứng vui cười, ngày mai đứt một mạch máu thì đã nằm dài, rồi một ngày nào đó thành thây thúi, không có gì bảo đảm. Thứ không bảo đảm mà dồn hết tâm lực lo cho nó, chạy theo sự đòi hỏi của nó, bị lệ thuộc vào nó thì có đáng thương không? Chúng ta là người tìm viên ngọc quý trong sọt rác, phải tỉnh sáng để nhận chân được cái gì là thật, cái gì là không thật, được như vậy thì mới xứng đáng là người tu cầu giải thoát sanh tử. Cầu giải thoát không cần phải đi đâu, không cần tìm kiếm nơi nào, mà chỉ cần phá tan đám mây mờ trần lao, để sống được với tâm chân thật là giải thoát.

Cho nên tôi nhắc tới nhắc lui, khuyên quý vị phải ngồi thiền. Không phải chúng ta ngồi thiền để có hào quang hay được thần thông, mà ngồi để phá tan trần lao, cho tâm rối loạn lóng lặng lại. Tâm lặng rồi thì cái chân thật hiện tiền. Thí dụ có một cái lu, nếu đem nước đục đổ vô thì nhìn vào không thấy gì hết, nhưng nếu để yên một thời gian những cặn bã bụi đất lắng trong nước xuống thì nước thành trong, nhìn vào thấy trời đất, mặt mũi mình hiện rõ trong lu nước. Lúc nước đục nhìn vô thấy tối, tại sao? Vì bụi đất cặn bã hòa tan trong nước. Khi biết rồi chỉ cần để yên cho cặn bã lắng xuống thì nước trong hiện tiền, không phải tìm kiếm ở đâu.

Nếu cho rằng bỏ nước đục để tìm nước trong thì chỉ nhọc công vô ích. Ngay nước đục mà biết lắng xuống thì thành nước trong. Cũng vậy, tại mình mê lầm nên chạy theo những thứ lăng xăng điên đảo, nếu tỉnh ngộ biết những lăng xăng điên đảo đó chỉ là hư dối, tâm lăng xăng lặng rồi thì tâm trong sáng hiện tiền, chứ không đâu xa. Thế nên nói, tâm chân thật đó không rời tâm lăng xăng. Vì chấp nhận lăng xăng là mình nên tâm chân thật bị ẩn đi, nay biết niệm lăng xăng là hư giả, buông xả nó thì tâm chân thật liền hiện ra ngay. Bởi tâm chân thật đã sẵn có, còn tâm lăng xăng là sanh diệt mới nhiễm ô. Giờ đây, những tạp nhạp sanh diệt lặng xuống rồi thì cái sẵn có hiện ra, không từ đâu được cũng không phải do ai đem đến.

Người tu Phật, nhất là người tu thiền, làm một công việc quá chân thật, quá cụ thể. Có những giây phút chúng ta không suy nghĩ gì hết, lúc ấy chúng ta có biết không? Tuy không nghĩ suy nhưng rõ ràng chúng ta vẫn thấy, vẫn nghe, vẫn biết. Biết đó không phải là cái biết động, do nghĩ suy phân biệt hơn thua phải quấy... mới biết. Biết do phân biệt nghĩ suy là cái biết sanh diệt, tạm bợ theo duyên. Thật tình mà nói, chúng ta rất ngu dại. Vì cái biết do phân biệt quá mạnh nên chúng ta cứ theo nó hoài, còn cái biết chân thật thì mình lại bỏ quên. Nên nói tu là bỏ thứ hư giả tạm bợ để cái chân thật hiện tiền, đây là một việc làm rất chân thật, thực tế chứ không phải huyền bí mầu nhiệm.

Ngày nay người tu hay tìm sự mầu nhiệm, tìm những thứ huyền bí xa vời, cho đó là hay. Thật ra, những thứ đó đối với nhà thiền là trò chơi, không có giá trị gì. Điều quan trọng là mình phải thấy, phải sống với cái chân thật, mới có thể cứu mình không rơi rớt trong cõi khổ. Hiểu như vậy, tu như vậy, mới là người hiểu đạo, ngộ đạo; còn không thì muôn đời đi trong trầm luân sanh tử.

Ngày 13-03 Tân Tỵ (06-04-2001)

Trong bản Thanh quy của Thiền viện, về phần giới luật trước là đọc lại Mười giới căn bản, sau là lời dạy của ngài Pháp Loa. Trong chúng có nhiều người mới vào chưa hiểu hết ý nghĩa, nên hôm nay tôi sẽ giải thích cho toàn chúng được rõ thêm.

Ở đây đa số là Tỳ-kheo, nhưng sao mỗi tháng chúng ta chỉ tụng lại Mười giới căn bản của Sa-di, mà không tụng giới Tỳ-kheo? Bởi vì, giới Sa-di là giới thấp nhất trong hàng xuất gia mà đôi khi người tu lâu cũng giữ chưa tròn, huống là đối với những phần nhỏ nhặt của giới Tỳ-kheo thì làm sao có thể giữ được. Chúng ta không nói những điều cao siêu không làm được, mà nói những gì chúng ta làm được. Nếu nói rộng hoặc nói nhiều chi tiết quá, mà không giữ hết thì không tốt. Do đó mỗi tháng tôi cho đọc lại Mười giới căn bản, để nhắc cho toàn chúng nhớ mà ứng dụng tu tròn đủ. Tất cả phải giữ cho được, Mười giới này là căn bản cho tất cả giới khác.

Kế đến là lời dạy của ngài Pháp Loa, ngài nói: **Giới thượng thừa: Tịnh giới là trong mười hai thời**, **ngoài dứt các duyên, trong tâm không dấy động**.

Ngoài dứt các duyên là đối với sáu trần chúng ta không đuổi theo, không để dính mắc. Sáu trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sở dĩ phạm giới luật là do bị dính mắc, nếu không dính mắc sáu trần là đã giữ giới rất cẩn thận. Nếu ở ngoài không dính mắc, *ở trong tâm không dấy động* thì đó là định. Không dính với sáu trần, nội tâm an định, đó là gốc của sự tu hành, cũng là gốc của giữ giới.

Trong tâm không dấy động nên cảnh đến vẫn an nhàn. Mắt không vì sở duyên thức ra, thức không vì sở duyên cảnh vào. Ra vào không giao thiệp gọi là ngăn dừng, tuy gọi ngăn dừng mà chẳng phải ngăn dừng. Nên biết tai, **mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế.**

Trong tâm không dấy động nên cảnh đến vẫn an nhàn. Bởi tâm không dấy động, nên tài sắc danh lợi có đến cũng vẫn thảnh thơi nhẹ nhàng, không bị lôi cuốn không bị dính mắc. Đó là tinh thần giữ giới tuyệt vời, chứ không phải tầm thường.

Mắt không vì sở *duyên thức ra, thức không vì sở duyên cảnh vào*. Sở duyên của mắt là sắc, tức là mắt không đuổi theo sắc nên thức không dấy khởi. *Ra vào không giao thiệp* gọi *là ngăn dừng, tuy* gọi *ngăn dừng mà chẳng phải ngăn dừng*. *Nên biết tai*, *mũi, lưỡi*, *thân, ý cũng lại như thế.* Các căn kia cũng vậy. Nếu sáu thức không chạy theo sáu trần, thì sáu trần không thể tự chui vào trong tâm thức được. Nói một cách đơn giản hơn, chúng ta tu là giữ sáu căn tiếp xúc với sáu trần mà không giao thiệp, tức tâm không chạy theo. Không bị ở trong chạy ra ở ngoài chui vào tức là không dính mắc bên nào hết. Sáu căn không nhiễm, không dính sáu trần thì tâm tự yên định, nên nói đâu có gì gọi là ngăn dừng.

Đây gọi là giới Đại thừa, gọi là giới Vô thượng, **cũng gọi là** giới **Vô đẳng đẳng. Tịnh giới này dù Tiểu tăng cho đến Đại tăng đều phải gìn giữ.**

Tâm không nhiễm mới được thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì giới mới thanh tịnh. Người tu lâu hay mới tu đều phải gìn giữ, không để sáu căn dính mắc sáu trần. Gìn giữ được như vậy là tu cẩn mật, là giữ giới thanh tịnh. Nên gọi giới này là giới thượng thừa, tất cả Tiểu tăng hay Đại tăng cũng đều phải gìn giữ.

Nếu để tâm mình phóng loạn chạy theo sáu trần thì dù nói giữ giới cũng không giữ được. Thế nên người tu phải luôn gìn giữ nội tâm, đừng đuổi theo ngoại trần. Sáu căn đối với sáu trần không dính kẹt, đó là thiền. Tâm không chạy theo cảnh, đó là định. Cảnh không dính vào tâm nên tâm rất an nhàn, hay nói cách khác là đã có trí tuệ nên không bị ngoại trần lôi cuốn. Do đó tâm được sáng suốt. Vì vậy người tu ráng giữ căn trần đừng cho dính mắc với nhau, đó là gốc tu mà cũng là giới đức cao siêu thanh tịnh của chính mình.

Tôi nói tóm lược để cho toàn chúng ý thức gìn giữ tâm mình, đừng để chỉ tu cho có hình thức, còn nội tâm không thanh tịnh thì không tốt. Mong tất cả trong chúng tu hành thanh tịnh, được như lời dạy của ngài Pháp Loa.

Ngày 13-04 Tân Tỵ (05-05-2001)

Hôm nay tôi lặp lại bài thuyết pháp của tổ Bồ-đề-đạt-ma, mà tôi gọi là *Bài thuyết pháp kỳ diệu,* dù đã trải qua hơn ngàn năm mà âm ba vẫn còn vang dội.

Tổ Bồ-đề-đạt-ma từ Tây Trúc sang Trung Hoa, đến ở chùa Thiếu Lâm, ngồi xoay mặt vào vách. Lúc đó ngài Thần Quang đủ lễ nghi đến hỏi đạo mà Tổ không nhìn. Ngài Thần Quang vì muốn Tổ thấy tâm tha thiết cầu đạo của mình, nên chắp tay đứng ngoài tuyết suốt một đêm. Trong sử sách nói, tuyết ngập lên khỏi đầu gối mà ngài vẫn tươi tỉnh không có một chút gì tỏ vẻ khó chịu.

Tổ Đạt-ma thương tình, xoay ra hỏi:

- Ngươi đứng suốt đêm trong tuyết, ý muốn cầu việc gì?

Thần Quang thưa:

- Cúi mong Hòa thượng từ bi mở cửa cam lồ, rộng độ cho con.

- Diệu đạo vô thượng của chư Phật, dù nhiều kiếp tinh tấn, hay làm được việc khó làm, hay nhẫn được việc khó nhẫn, còn không thể đến thay! Huống là, dùng chút công lao nhỏ này mà cầu được pháp chân thừa?

Thần Quang nghe Tổ nói như vậy, bèn lén lấy đạo chặt cánh tay trái đặt trước Tổ để tỏ lòng thiết tha cầu đạo. Tổ biết đây là pháp khí bèn dạy:

- Chư Phật lúc ban đầu cầu đạo, vì pháp quên thân, nay ngươi chặt cánh tay để trước ta, tâm cầu đạo như vậy cũng khá.

Giá trị của sự cầu đạo là ở chỗ quên mình, quên mình thì mới có thể đạt được đạo viên mãn. Nếu cầu đạo với tâm lơ là, không thích hay gượng gạo thì tu không đến đâu hết. Cho nên hình ảnh đó chính là để đánh thức tất cả chúng ta, người nào muốn tu đạt đến chỗ cứu cánh, phải có tâm liều chết cầu đạo thì mới thành công. Đó là nói về tinh thần cầu đạo quên thân, đến đây mới là phần trọng tâm của bài thuyết pháp.

Ngài Huệ Khả thưa:

- Pháp ấn của chư Phật con có thể được nghe chăng?

- Pháp ấn của chư Phật không phải từ người khác mà được.

- Tâm con chưa an, xin thầy dạy pháp an tâm.

- Ngươi đem tâm ra đây, ta an cho.

- Con tìm tâm không thể được.

- Ta đã an tâm cho ngươi rồi.

Thần Quang nhân đây được khế ngộ, Tổ bèn đổi tên ngài là Huệ Khả.

Khi nghe tổ Đạt-ma bảo *"Ngươi đem tâm ra đây, ta an cho"*, trong lúc đột ngột đó, ngài Huệ Khả liền soi lại xem tâm bất an của mình ở đâu. Khi tìm lại nó thì nó mất tăm mất dạng, nên ngài thưa: *Con tìm tâm không thể được.* Tổ Bồ-đề-đạt-ma liền bảo: *Ta đã an tâm cho ngươi rồi*. Ngay đó, ngài Huệ Khả khế ngộ liền biết được đường vào, tức là đã nắm vững được đường lối tu.

Như vậy, lời nói của tổ Đạt-ma qua hai lần chỉ dạy: lần thứ nhất, Tổ bảo "Đem tâm ra ta an cho", sáu chữ; lần thứ hai là khi ngài Huệ Khả thưa tìm tâm không được, Tổ bảo "Ta đã an tâm cho ngươi rồi", bảy chữ; tổng cộng hai lần là mười ba chữ. Như vậy, vỏn vẹn chỉ có mười ba chữ thôi mà ngài Huệ Khả ngộ đạo, cho nên tôi gọi là *Bài pháp* kỳ *diệu*.

Tại sao tôi nói, đến ngày nay âm ba kia vẫn còn vang dội? Bởi chủ trương và đường lối tu của Thiền tông không lệ thuộc vào kinh giáo, cũng không đi

theo thứ lớp văn tự mà là "chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật". Cho nên bài kệ của tổ Đạt-ma nói:

Bất lập văn tự,

Giáo ngoại biệt truyền,

Trực chỉ nhân tâm,

Kiến tánh thành Phật.

Ngài Huệ Khả do tâm bất an nên đến Tổ cầu xin pháp an tâm, ngay khi thưa: *Tâm con bất an, xin Hòa thượng dạy con pháp an tâm,* là ngài đang chờ nghe Tổ dạy một phương pháp tu cho tâm được an. Đang trông đợi như vậy, bất thần Tổ bảo: *Đem tâm ra ta an cho*, sửng sốt quá, ngài liền tìm lại xem tâm bất an ở đâu để đem ra. Quay lại tìm thì tâm bất an biến mất, không thấy hình bóng, ngài thật thà thưa: *Con tìm tâm không được.* Tổ bảo: *Ta đã* an *tâm* cho *ngươi rồi*. Như vậy, ngài Huệ Khả làm sao được an tâm và làm sao biết được đường vào? Tôi chỉ cho quý vị thấy chỗ kỳ đặc đó.

Khi tìm tâm thì nó mất không còn bóng dáng, chỗ này về sau Lục tổ Huệ Năng gọi là "vô niệm". Không còn tăm dạng, không chút suy nghĩ dấy động, ngay đó là vô niệm. Như vậy, điểm chủ yếu tổ Đạt-ma chỉ, không phải là dùng một pháp gì để đàn áp cho tâm an, mà chỉ nhìn lại tìm tâm bất an đó thì nó tự mất. Tâm vọng động lặng, tức là an.

Quay lại tìm tâm bất an, có hai ý nghĩa: thứ nhất là phản quan, tức là nhìn lại; thứ hai là biết nó không thật. Vì khi phản quan nhìn lại thì tâm bất an ấy lặng, không còn tăm dạng. Biết không thật thì ngay đó tâm tự an. Như vậy, chính tâm phản quan thấu suốt được chỗ bất an, biết niệm lăng xăng vốn là vọng thì không cần dùng một pháp nào để trị tâm. Dấy lên, loạn động là hữu niệm. Nhìn lại, lặng mất là vô niệm. Như vậy tâm an hay bất an chỉ ở chỗ vô niệm hay hữu niệm mà thôi.

Khi nghe Tổ dạy, ngài Huệ Khả đã đi sâu vào tâm mình, thấy rõ được những vọng động, mà trước nay lầm chấp là mình cho nên bị nó quấy phá khiến tâm bất an. Thấy được chỗ đó rồi, ngài ứng dụng tu. Ngài Huệ Khả được Tổ chỉ cho con đường tu, tức có hướng để ứng dụng, nên nói *được đường* vào. Như vậy, Thiền tông có pháp để tu, để vì người không? Sau này, thiền sư Đức Sơn cũng nói "Tông ta không ngữ cú, không một pháp cho người". Bởi chỉ thẳng tâm người chứ không có một pháp gì cả, nên nói *không một pháp cho người*.

Chỉ cần nhìn lại tâm mình thì vọng liền tan biến mất. Phản quan là một lối nói để mình ứng dụng tu tập. Chỉ dùng trí nhìn thẳng lại tâm bất an đó thì nó tự tan mất. Vọng mất tâm tự an, không nhờ một phương tiện hay cách thức gì

để đối trị. Đây không phải là một pháp tu, mà chính là một con đường thẳng để chúng ta trừ dẹp hết những vọng tưởng lăng xăng. Trong khi đi đứng nằm ngồi, bất cứ lúc nào vọng hiện ra thì liền nhìn lại, lập tức vọng lặng. Vậy có tu, có dẹp gì không? Không có phương tiện gì cả.

Tự nhìn lại liền biết rõ chân vọng nơi mình, điều này đã nói lên được ý nghĩa "Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật". Ngay tâm không một niệm, lặng lẽ mà biết, đó là tâm chân thật của mình. Chỉ thẳng nơi tâm chân thật ở mỗi người, tâm ấy không sanh không diệt. Đó gọi là tánh, là Phật tánh của mình, là kiến tánh thành Phật. Như vậy, đi sâu trong chỗ chân thật đó, sống được với nó, gọi là kiến tánh. Kiến tánh là Phật nhân, thấy được Phật nhân rồi thì khi nào công phu viên mãn sẽ đạt được Phật quả, không có gì xa xôi hết. Tinh thần của nhà thiền là như thế.

Khi nhận biết được đường tu, từ đó về sau ngài Huệ Khả luôn ứng dụng tu hành. Một hôm, ngài bạch với tổ Đạt-ma:

- Bạch Hòa thượng, hiện giờ con đã dứt sạch các duyên.

Tổ bảo:

- Coi chừng rơi vào Không!

Ngài thưa:

- Rõ ràng thường biết làm sao Không được.

Ngay đó tổ Đạt-ma liền chấp nhận, ấn chứng:

- Ông được như thế, ta cũng như thế, chư Phật cũng như thế.

Nhờ phản quan lại, nên tất cả tâm lăng xăng mà ngày xưa ngài Huệ Khả lầm tưởng là tâm mình, nay tan biến hết. Cho đến khi dứt hết các duyên, tức là đối với ngoại cảnh trong tâm không còn dính mắc một duyên nào nữa. Tâm không dính mắc thì không dấy niệm, không động. Đó gọi là chỗ chân thật của chính mình, nên ngài nói *đã dứt sạch các duyên,* tức là không còn dính các duyên. Nghe ngài Huệ Khả nói vậy, tổ Đạt-ma e rằng ngài có thể lầm, có thể rơi vào không. Vì có những trường hợp, người tu khi không còn vọng tưởng thì ngồi khán tịnh hoặc là khán không. Tổ sợ ngài Huệ Khả nói hết duyên là trở thành không, tức không có gì, nên nói *coi chừng rơi vào không.* Ngài Huệ Khả liền thưa, *rõ ràng thường biết làm sao không được*. Khi phản quan thì không còn vọng nữa, chỉ còn cái rõ ràng thường biết của mình, đó chính là chân tâm, là Phật tánh nơi mỗi người.

Như vậy, chỉ có mười ba từ của tổ Đạt-ma đã trở thành bài thuyết pháp kỳ diệu. Bài thuyết pháp đó truyền tới đâu? Truyền tới tổ thứ hai là ngài Huệ Khả,

rồi tới tổ Tăng Xán, ngài là vị tổ thứ hai người Trung Hoa, nếu tính từ Sơ tổ Đạt-ma thì ngài Tăng Xán là tổ thứ ba ở Trung Hoa.

Trước khi gặp tổ Huệ Khả, ngài Tăng Xán là một người bị bệnh hủi, sống lang thang khổ sở, trong lòng đầy mặc cảm nghĩ mình là kẻ tội lỗi nên mang thân nhiều bệnh tật khổ đau. Thế nên khi gặp Tổ, ngài liền bạch:

- Đệ tử mang bệnh ghẻ lở đầy mình, xin Thầy từ bi vì đệ tử sám tội.

Tổ bảo:

- Đem tội ra đây, ta sẽ vì ngươi sám hối.

Nghe Tổ bảo đem tội ra để Tổ sám cho, ngài nhìn lại xem tội ở đâu. Tìm đáo để, mà vẫn không thấy, ngài thưa:

- Đệ tử tìm tội không được.

Tổ bảo:

- Ta đã vì ngươi sám hối rồi.

Nhìn qua chúng ta thấy hai lối dạy khác nhau, nhưng trọng tâm phản quan thì không hai. Trước đây tổ Đat-ma dạy: *Đem tâm ra ta an cho*. Bây giờ đệ tử bảo: *Đem tội ra ta sám cho*. Tìm thử xem tội ra sao, nằm ở chỗ nào để đem ra Tổ sám cho, nhưng tìm lại thì mất tiêu. Vậy nên trong thời kinh sám hối có đọc bài kệ:

Dịch:

Tội tánh bổn không, do tâm tạo,

Tâm nhược diệt thời, tội diệt vong.

Tội vong, tâm diệt, lưỡng câu không,

Thị tắc danh vi chân sám hối.

(Tánh tội vốn không, do tâm tạo,

Tâm nếu diệt rồi*, tội sạch trong*.

Tội không, tâm diệt, cả đều không,

Thế ấy mới là chân sám hối.)

Tội tánh bổn không, tánh tội vốn không nhưng do đâu có? Do tâm tạo. Tâm tánh vốn không nên tội tánh cũng không. Chúng ta thấy, trước sau có hệ thống rõ ràng. Trước là thấy tâm không thật, sau là thấy tội không thật.

Ngài Huệ Khả tìm đến tổ Đạt-ma vì cho rằng tâm bất an là thật, khi nghe bảo đem tâm ra ta an cho, ngài quay nhìn lại thì tâm bất an biến mất, ngay đó liền an. Đến ngài Tăng Xán, bởi cứ nghĩ tội là thật, là cụ thể nên mới đến nhờ Tổ sám hối giùm cho hết tội. Tổ Huệ Khả muốn đánh thức cho biết tội không

có thật, nên bảo tìm tội đem ra nhưng tìm lại thì tội đâu không thấy. Bởi tâm bất an là do vọng tâm khuấy động, tội thành hình là do vọng tâm xấu ác. Như vậy bất an và tội là từ vọng tâm mà ra, mà vọng tâm vốn không thật nên tâm bất an và tội cũng không có thật. Trước kia, ngài Huệ Khả nhìn thấy được chỗ tổ Đạt-ma chỉ dạy, vọng tâm không thật. Ngay đó tâm lặng lẽ, liền ngộ. Đến ngài Tăng Xán, khi quay nhìn lại thì liền rõ tội cũng không thật, vì vọng tâm không thật thì tội cũng không có thật, tức là sám hối tội xong.

Chúng ta thấy kỳ đặc ở chỗ, nếu tâm là gốc tạo tội, mà tâm vốn không thật thì tội cũng không. Đến chặng thứ hai, khi tìm tội không có thì nói "sám hối cho ngươi rồi". Ngay đó, ngài Tăng Xán thức tỉnh, được Tổ ấn chứng. Tổ Tăng Xán ngộ cái gì? Chính là nhận ra tội vốn không thật, không có gì để sám nên được giải thoát.

Đến ngài Đạo Tín, vị tổ thứ tư của Thiền tông Trung Hoa. Ngài xuất gia lúc còn để chóp. Năm mười bốn tuổi ngài đến tham vấn tổ Tăng Xán, thưa:

- Xin Hòa thượng từ bi ban cho con pháp môn giải thoát.

Tổ hỏi:

- Ai trói buộc ngươi?

Ngài tìm một hồi, thưa:

- Bạch Hoà thượng, không ai trói buộc.

Tổ bảo:

- Đã không trói buộc, đâu cần cầu giải thoát!

Ngay đó ngài Đạo Tín liền đại ngộ. Bởi thấy nghiệp không thật có, do lầm nên bị trói buộc thành khổ đau. Thấy nghiệp không thật thì liền giải thoát.

Như vậy, chỉ qua ba vị tổ đủ cho chúng ta thấy chỗ lầm chấp. Trước đây lầm cho tâm suy nghĩ là mình thật, nay thấy tánh nó là không. Cho tội là thật có, quán chiếu lại thấy tánh nó là không. Thấy có nghiệp thật, bị nghiệp trói buộc nên luân hồi sanh tử, khi nhìn tường tận thì rõ tánh nghiệp là không. Tất cả mê lầm đó, gốc từ lầm chấp tâm là mình. Do lầm chấp tâm là mình nên theo nó tạo tội, rồi bị nghiệp trói buộc đi trong sanh tử. Phá được chấp tâm rồi thì tội và nghiệp cũng theo đó mà sạch.

Như vậy, từ một bài thuyết pháp của tổ Đạt-ma cho tới đời thứ hai, đời thứ ba, thứ tư cũng theo một hệ thống đó. Chung quy đều dạy phải phản quan. Quay lại tìm xem tâm thật không, tội thật không, nghiệp thật không? Tìm lại thì tâm, tội, nghiệp cũng theo đó mà lặng mất.

Tất cả chúng ta đang sống trên thế gian này, chịu bao nhiêu phiền lụy, gốc từ đâu ra? Từ chấp tâm thật mà ra. Do chấp tâm thật, nên có thiện ác, tốt xấu

v.v... rồi tạo bao nhiêu tội lỗi. Bây giờ biết rõ tâm không thật thì tội cũng không thật, tội không thật thì nghiệp cũng không thật. Như vậy là giải thoát. Chỉ có mấy lời thôi mà Tổ đã chỉ ra cho thấy một con đường đi rất thấu đáo, cho nên tôi nói *Bài pháp tuyệt diệu* là vậy.

Bây giờ tôi đối chứng lời Tổ với Mười bức tranh chăn trâu của Thiền tông, để minh họa ý của Tổ dạy và làm cho rõ nghĩa hơn.

Tranh thứ nhất là *Tìm trâu.* Chữ "tìm trâu" này, tôi thấy hay đáo để. Tìm trâu là tìm tâm. Tổ Đạt-ma nói: *Đem tâm ra ta an cho,* là bảo quay lại tìm coi tâm ở đâu? Quay lại tìm tâm là tìm trâu. Có tìm trâu thì mới biết trâu. Cho nên bước đầu trên con đường tu là phản quan, là xoay lại tìm. Tìm cái gì? Tìm con trâu của mình. Thấy nó, gặp được nó, rồi giằng co với nó. Hiện giờ mấy chú đang làm gì? *Chăn trâu*. Chăn nhẹ nhàng thảnh thơi hay đang giằng co vất vả? Chắc là chăn hơi vất vả. Nghĩa là không chỉ lôi đầu lôi cổ nó lại, mà còn phải một tay dùng roi quất một tay kéo dây vàm mới lôi nổi nó.

Đây là diễn tả giai đoạn đầu phản quan, mới tìm ra dấu tích trâu. Tìm gặp trâu rồi tới chăn giữ trâu, đánh đập trừng phạt dài dài nó mới thuần phục. Cho nên tới mục thứ sáu trở lên, mục đồng mới thảnh thơi ngồi thổi sáo. Đó là minh họa đầy đủ bằng hình ảnh cho mình nhớ mà tu.

Khi tìm lại trâu, nắm được nó rồi điều phục dần đến mục thứ bảy là trâu mất chỉ còn một thằng chăn, đây là chỗ đặc biệt. Có nhiều người nói vọng bị mình biết là sở, mình hay biết vọng là năng. Như vậy tu biết vọng là còn đối đãi năng sở, mà còn đối đãi năng sở thì làm sao tới chỗ tột cùng được?

Căn cứ Mười bức tranh chăn trâu thì ban đầu thằng chăn cốt *tìm trâu, được trâu, chăn trâu...* Tới chỗ *trâu mất* rồi thì thằng chăn một mình thảnh thơi. Rồi kế đó thì thằng chăn cũng mất luôn, vì đâu có gì để làm nữa. Đối tượng tức là sở đã mất thì thằng chăn là năng cũng không còn, vậy có gì phải lo. Trước tiên là vọng tưởng không còn chỉ còn cái biết vọng tức là còn năng, rồi từ từ năng cũng mất. Bởi khi có vọng mới biết vọng, hết vọng rồi thì đâu còn vọng nào để biết nữa, nên cái biết đó cũng tự lặng luôn. Năng sở lặng rồi thì đâu có gì là hai, là đối đãi. Vậy mà nhiều người không hiểu, lại nói rằng dạy tu như vậy là còn hai, chưa tới nơi tới chốn. Những bước đầu trên con đường tu hành đã xong rồi, bước qua mục thứ tám là vòng tròn. Đến mục này thì *thằng chăn và con trâu đều lặng*, tức là chỗ vô niệm của Lục Tổ nói. Như vậy tới đây mới hoàn toàn vô niệm.

Vô niệm rồi thì sao? Nếu tới đây lặng hết không còn gì nữa thì vô vị quá. Cho nên vô niệm không phải là chấm hết. Khi được vô niệm, tức tất cả những vọng thức lặng sạch rồi thì thức chuyển thành trí. Vì vậy, đến đây trâu và chăn không còn, tức là không còn niệm. Mà không còn niệm cần gì phản quan, cần

gì biết niệm. Vô niệm rồi thì tánh Phật hiện tiền. Cho nên tới đây phải qua bước khác nữa, đó là mục thứ chín *Trở về nguồn cội*. Chim bay về tổ, lá rụng về cội là trở về nguồn gốc của chính mình. Nguồn gốc ấy là Phật tánh hay chân tâm. Trở về Phật tánh, chân tâm rồi thì chừng đó diệu dụng không lường được.

Trong đạo Phật thường nói ba thân: Một là Pháp thân, khi trở về nguồn là nhập Pháp thân, là trở về bản thể Phật tánh. Hai là Báo thân, là thân hiển hiện theo hạnh nguyện, tích chứa các hạnh để thành Phật, có đầy đủ công đức. Ba là Ứng thân hay Hóa thân, là thân hóa hiện ứng theo căn cơ, nguyện vọng của chúng sanh.

Tới bức tranh thứ mười là *Thống tay vào chợ*, minh họa bằng hình ảnh một ông già bụng phệ xách cá chép, quảy bầu rượu. Tại sao lạ vậy? Bởi vì, khi nhập Pháp thân rồi thì phần tự lợi đã vuông tròn nhưng chưa có lợi tha, tức là mới được phần tự giác chứ chưa có giác tha viên mãn, mà không lợi tha thì đâu thành Phật được. Cho nên tới chặng này phải đi vào thế gian giáo hóa chúng sanh, đó là phần giác tha.

Vào thế gian giáo hóa chúng sanh thì phải như chúng sanh, chúng sanh thích uống rượu, ăn cá thì mình cũng phải có cá có rượu. Đây nhằm nói lên ý nghĩa nhập thế để giáo hóa chúng sanh, nếu mình cách biệt lạ lùng quá thì không bao giờ giáo hóa chúng sanh được. Đức Phật ra đời liền bước đi bảy bước trên hoa sen, là ở trong bùn mà không tanh mùi bùn. Hình ảnh này chúng ta phải hiểu theo ý nghĩa thoát tục, chứ đừng nhìn trên sự linh thiêng mà cho rằng ai ra đời cũng khóc oa oa, có người nào sanh ra đi trên hoa sen như vậy đâu, rồi thấy đức Phật cách biệt với mình quá, mình không thể làm được như Phật. Thấy như vậy thì chuyện Phật tu hành, giáo hóa không dính dáng gì tới mình.

Muốn ứng thân ra đời giáo hóa chúng sanh thì phải như chúng sanh. Bởi thế cho nên, tranh này vẽ rất rõ, người đi vô trong thế gian thì phải có cá, có rượu. Vô thế gian là một ông thầy đoan nghiêm khác thường thì người trần tục thế gian đâu dám gần. Như vậy làm sao giáo hóa họ được? Nhập pháp thân rồi mới hiện ứng thân vào trong tam giới, mà ứng thân ở đâu thì phải như chúng sanh ở đó, như vậy chúng sanh mới gần mình. Chúng sanh có thông cảm với mình thì mình mới giáo hóa chúng sanh được. Ứng thân Bồ-tát vào thế gian thường không khác với những chúng sanh khác. Nếu đức Phật ra đời đi bảy bước trên hoa sen, tay chỉ trời chỉ đất như vậy thì làm sao gọi là ứng thân giáo hóa chúng sanh. Đó là điều chúng ta thấy không hợp lý.

Lịch sử người xưa ghi lại, có đạo lý chân thật ngầm ở trong đó mà chúng ta không biết, nên đôi khi chúng ta thấy dường như trái với đạo lý. Ngày xưa người ta quý trọng những gì mầu nhiệm linh thiêng, nếu thấy phàm tình như

mình thì mọi người coi thường không phục, vì vậy phải có chút linh thiêng thần thánh. Nhưng thời nay thì khác, cái gì phải đúng với lẽ thật, phù hợp với thực tế thì cái đó mới có giá trị. Cho nên tùy vào hoàn cảnh mà ứng dụng cho thích hợp, phải hiểu ý nghĩa thâm sâu trong đó. Vậy mà chúng ta không tìm, không phăn tận cùng nguồn gốc nên không biết ngọn nguồn.

Mười mục chăn trâu diễn đạt đầy đủ tinh thần Thiền tông, bắt đầu là Phản quan. Suốt cả chiều dài lịch sử hơn một ngàn năm của Thiền tông, từ đường lối chỉ dạy của tổ Bồ-đề-đạt-ma ở Trung Quốc, chủ đích là Phản quan. Các vị thiền sư Việt Nam cũng lấy đó làm tiêu chuẩn, rõ ràng không sai lệch chút nào. Như ngài Tuệ Trung thượng sĩ, là một vị cư sĩ tu hành đắc đạo, cũng nói: "Phản quan tự kỷ bổn phận sự, bất tùng tha đắc." Nghĩa là phải phản quan lại chính mình, chứ không phải tìm bên ngoài cũng không phải từ ngoài đến.

Tại sao gần đây có một số người tu thiền lại tu thoại đầu? Thậm chí khi nói tới Thiền tông thì người ta nghĩ là phải tu theo thoại đầu. Vậy thoại đầu có đúng với tinh thần của Thiền tông từ buổi đầu truyền vào Trung Quốc không? Tôi đặt câu hỏi này cho quý vị lưu tâm một chút.

Thoại đầu là gì? Thoại là lời nói, đầu là trước lời nói. Trước lời nói là gì? Là vô niệm. Như vậy, tu thoại đầu rốt cuộc cũng phải tới vô niệm.

Lối "trực chỉ" của Thiền tông có từ trước đời Đường ở Trung Hoa, sang đời Tống thì người tu phần nhiều thấy thiền dễ hiểu dễ biết quá, nên cứ ngồi bàn thiền luận đạo với nhau, chỉ nói lý mà không chịu tu hành. Cho nên các vị tổ, từ tổ Hoàng Bá về sau, phương tiện thành thoại đầu để phải tu, chứ không cho lý giải nữa.

Như có vị tăng hỏi Động Sơn Thủ Sơ:

- Thế nào là Phật?

Động Sơn đáp:

- Ba cân gai.

Nói mà không cho hiểu, chỉ bắt tu, bắt phải chết sống với câu "Phật là gì? Ba cân gai", rồi tự đặt câu hỏi "Tại sao Phật là ba cân gai?" Cứ như vậy mà chết trong câu thoại đầu đó, đến khi tâm trở thành một khối, tức là không còn một niệm nào hết ngoài nghi tình. Như vậy, chư tổ phương tiện dạy tu bằng cách không cho hiểu, không cần hiểu mà chỉ gợi cho nghi. Nghi đến khi nào tâm nghi trùm hết, đập chết mọi vọng tưởng. Tất cả vọng tưởng chết rồi, tâm hết còn lăng xăng, chừng nào khối nghi tan vỡ thì chừng đó ngộ đạo.

Thuật dùng thoại đầu này, trong nhà thiền gọi là "lấy độc trị độc" nên khi tu phải hiểu cho thấu đáo. Niệm vọng tưởng là độc, câu thoại đầu là niệm, cũng là độc. Dùng niệm thoại đầu để đập cho niệm vọng tưởng chết. Đó là lấy độc

này trừ độc kia. Như vậy, khán thoại đầu là đang ở trong độc, chừng nào nó thành khối rồi tan vỡ ra, tâm hoàn toàn thanh tịnh chừng đó mới xong việc.

Như pháp tu Tịnh độ là dùng danh hiệu Phật Di-đà để niệm, phải tin triệt để có cõi Cực lạc, khi chết đức Phật Di-đà sẽ đón mình về Cực lạc. Lòng tin đó chính là sức mạnh. Nếu tu niệm Phật mà không tin có cõi Cực lạc, không tin đức Phật Di-đà thì niệm Phật không thành công. Cho nên trước nhất phải có lòng tin, có lòng tin rồi mới nhất tâm niệm "Nam-mô A-di-đà Phật". Cứ vậy niệm hoài, niệm cho tới vô niệm thì Phật hiện trước mắt mình. Lối tu niệm Phật được dụ như đạp gai thì lấy gai lể. Chúng ta có nhiều vọng tưởng, dụ như đang đạp gai. Giờ muốn lấy cây gai đó ra thì phải lấy cây gai khác để lể nó. Dùng gai mới để lể gai cũ ra, nếu lể ra rồi để cây gai mới trong đó luôn không lấy ra thì có được không? Cây gai cũ đã được lể ra rồi, phải bỏ luôn cây gai mới thì mới tới cõi Phật.

Nhà thiền dùng trí để quán chiếu tức là phản quan. Thấy rõ, biết rõ hư giả không theo thì mọi hư giả từ từ tan biến, cái chân thật hiện ra. Đó là chăn trâu, chừng nào trâu mất chừng đó không còn chăn, con trâu và thằng chăn không còn thì trở về nguồn, đó là nhập pháp thân. Khi nhập pháp thân rồi thì có đầy đủ ứng thân diệu dụng để giáo hóa. Chúng ta bây giờ cũng dùng cách phản quan này, tức là nhìn thẳng nhận ra thấy được lẽ thật. Khi nhìn thẳng thấy rõ niệm là hư dối thì vọng tan mất, như vậy là dùng cái gì để trị? Nên nói, lối tu này không có phương tiện.

Niệm Phật bặt hết vọng tưởng tới chỗ vô niệm, khán thoại đầu đến khối nghi tan vỡ tức vô niệm, còn với lối phản quan thì thấy tất cả tâm niệm không thật nên không còn niệm. Như vậy chúng ta thấy ba lối tu khác nhau, hai lối kia là phương tiện vì có dùng một pháp để tu, còn Phản quan là trực chỉ vì không dùng phương tiện. Nhưng chỗ gặp nhau thì không khác, đó là vô niệm. Do đó chúng ta phải biết, vì trình độ căn cơ khác nên mỗi lối tu có khác, nhưng đích đến cuối cùng thì không khác, vậy nên không có gì phải chống đối lẫn nhau.

Như vậy chúng ta thấy đường đi từ đầu tới cuối rất rõ ràng, không có gì dị thường khác lạ, cũng không có những lối tẻ lạ đời, nay nghĩ cái này mai nghĩ tưởng cái kia, trở thành lộn xộn. Người tu nếu không đủ lòng tin hoặc không thấy được lối đi, nên cứ hướng ngoại cầu xin, hoặc nay đi đường này, mai đi lối kia thì sẽ không tới đâu. Thế nên khi tu phải hiểu đường lối tu cho thật rõ, đã chọn một con đường nào thì phải đi cho tới nơi tới chốn chứ không nên lưng chừng. Nếu đi đúng đường thì chắc chắn sẽ gặp nhau ở chỗ cuối cùng.

Như có bốn người cùng leo lên một ngọn núi. Ở bốn phía của ngọn núi đều có đường đi lên tới đỉnh, người đi hướng đông, người đi hướng tây, người

đi hướng bắc, người đi hướng nam, mỗi đường mỗi phương khác nhau nhưng khi lên đến đỉnh thì đều gặp nhau. Như vậy, lúc ở dưới chân núi thì không ai biết ai, nhưng khi lên tới đỉnh núi gặp nhau thì như anh em trong một nhà, không có gì khác biệt.

Cũng vậy, đường lối tu của đạo Phật tuy khác nhau nhưng điểm đến cuối cùng không khác. Thế nên, nếu tất cả chúng ta tu cho đến nơi đến chốn thì kết quả sẽ giống như nhau. Còn các đạo khác, vì mục tiêu lý tưởng khác nhau nên lối chỉ dạy cũng khác nhau, do đó cuối cùng không gặp nhau.

Đường lối tu theo tinh thần của tổ Đạt-ma dạy: "Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật", là lối dạy tu thẳng tắt nhất. Đi thẳng, không quanh co, không nhờ phương tiện. Cho nên tôi thường ví dụ, tu theo Thiền tông như người đi qua cầu độc mộc, chỉ có một cây cau hoặc cây dừa bắc ngang sông rạch, không có tay vịn. Người đi qua được thì hay, không đi được thì té nhào, chứ không nương nhờ một phương tiện nào khác. Tu theo các phương pháp có dùng phương tiện thì thấy dễ tu hơn, nhưng để đạt đến cứu cánh thì cũng không phải dễ. Còn tu theo lối trực chỉ này thì khi mới tu thấy dường như khó, nhưng nếu quyết tâm miên mật thì có kết quả thiết thực không sai chạy, bởi ngay hiện tại tâm an lạc giải thoát chứ không phải chờ đến lúc nào đó mới giải thoát được.

Đường lối tu này khó đi, bởi tuy biết được, rõ được lý rồi, tức là đã biết con đường đi rồi nhưng vì không có phương tiện, nên nhiều người sợ không dám đi. Hoặc nghe nói "kiến tánh thành Phật", tưởng như dễ thành thánh thành Phật lắm. Nếu chỉ nghe nói thôi mà không chịu tu, cứ đi uống trà, nói dóc với nhau hoài thì không thể nào thành tựu được. Để khắc phục điểm yếu đó người tu phải ngồi thiền, công phu miên mật thì việc tu sẽ mau có kết quả. Còn nghe, hiểu, biết rõ mà không chịu tu, cứ thả trôi, nói suông tán gẫu hoài thì chỉ thành bệnh nói dóc, rốt cuộc chỉ có hại chứ tu không tiến được. Xưa kia chư tổ thấy vậy, sợ đời sau chỉ theo kiến giải chứ không thật tu thật ngộ, nên bảo phải chết với câu thoại đầu để không cho nghĩ gì khác nữa, đó là một phương tiện bắt buộc phải tu.

Từ tổ Bồ-đề-đạt-ma truyền đến tổ Huệ Năng, lời các ngài dạy khiến người học dễ ngộ như trở bàn tay. Chỉ thẳng, không giấu giếm chút nào hết. Như trường hợp tổ Đạt-ma bảo tổ Huệ Khả "đem tâm ra ta an cho", hoặc như tổ Huệ Năng nói với ngài Huệ Minh "không nghĩ thiện, không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Minh?"... Những lời nói này đều là chỉ thẳng, lối chỉ thẳng đó gọi là "Trực chỉ nhân tâm". Tăng ni phải hiểu rõ đường lối, chủ trương tu của mình. Nếu tới Thiền viện tu mà không hiểu rõ rồi sanh ra ngờ vực, đó là điểm yếu. Vì vậy tôi nói cho tất cả biết tường tận con đường đi của mình. Rõ được mới thấy mình thật đại phúc đại duyên, vì không những được gặp Phật pháp mà còn được hiểu lý sâu xa để tu hành.

Tôi nhắc thêm một điều quan trọng, chúng ta đã được gặp Phật pháp là có phước, lại thêm hiểu Phật pháp nữa đó là phước rất lớn, vậy thì phải hành được Phật pháp nữa mới là trọn vẹn. Nếu chỉ hiểu để bàn nói suông thì không đi đến đâu, tu hành sẽ không có kết quả tốt. Mong tất cả chúng, ai hiểu rồi thì cố gắng hành được đến nơi đến chốn. Như vậy không phí một đời tu, xứng đáng xuất gia học đạo, tu hành giải thoát.

Bài pháp của tổ Huệ Năng dạy ngài Huệ Minh "Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa Minh?" rất là sâu xa. Chỉ cần rõ được tinh túy trong đó thì việc tu hành không có gì khó.

Nghĩ thiện nghĩ ác là còn tạo nghiệp. Tạo nghiệp lành thì sanh cõi lành, tạo nghiệp dữ thì sanh cõi dữ. Ở cõi lành hết phước cũng bị rơi xuống, ở cõi dữ hết tội thì trồi lên. Cứ như vậy mà trồi lên tuột xuống, không biết bao nhiêu đời bao nhiêu kiếp, không biết chừng nào ra khỏi. Luân hồi là đau khổ. Đức Phật thương xót chúng ta là ở chỗ đó. Cho nên dù tạo nghiệp lành được sanh lên thiên đường cũng không nên mừng, vì vẫn còn đi trong luân hồi sanh tử.

Không nghĩ thiện, tức không còn niệm thiện. Không nghĩ ác, tức không còn nghiệp ác. Không có thiện ác, tức là vô niệm. Tâm còn dính hai bên là còn tạo nghiệp sanh tử. Tâm không còn dính hai bên tức không còn tạo nghiệp, ngay đó là giải thoát, không còn nghi ngờ. Hiện tại, nơi mỗi người chúng ta đều có đầy đủ khả năng vượt ra khỏi luân hồi sanh tử đó.

Bởi người thế gian thấy cuộc đời là thật, là khổ, nên thích tạo nghiệp lành để được quả giàu sang vui sướng. Thế nên Phật dạy tu Thập thiện hoặc Ngũ giới là để an ủi chúng sanh, muốn cho chúng sanh được bớt khổ, chứ không phải cầu sanh về cõi lành là điểm chủ yếu rốt ráo của Phật. Cứu cánh của đạo Phật là giải thoát sanh tử. Muốn giải thoát sanh tử thì phải không còn dính hai bên. Không nghĩ thiện, không nghĩ ác chính là dẹp hai bên, cứu cánh giải thoát sanh tử.

Bài thuyết pháp tuyệt diệu của tổ Bồ-đề-đạt-ma, chỉ có mười mấy chữ mà giờ chúng ta học tu theo cả đời chưa xong. Như vậy mới thấy, người xưa không cần nói nhiều mà chỉ thẳng. Tuy nhiên chỉ thẳng đó là chỉ thẳng với hạng người có trí, chứ còn gặp ai cũng chỉ thẳng thì người ta không thể hiểu nổi. Cho nên người đi giáo hóa phải biết trình độ chúng sanh để tùy duyên độ họ, làm sao đưa họ đi từng bước tiến đúng mục đích nhắm.

Người hướng dẫn phải hướng dẫn đúng và có con đường đi rõ ràng. Không thể nay chỉ đường này, mai chỉ đường kia, mốt chỉ đường nọ. Người đang ở hướng tây thì bảo họ đi thẳng đường hướng mãi sẽ tới chóp núi, người ở hướng đông thì bảo đi đường hướng đông thẳng lên tới đỉnh thì sẽ gặp nhau... Đừng một lúc mà chỉ dẫn đi hai ba đường, làm cho người đi bán tín bán nghi, không

biết lối nào mới tới đỉnh. Nếu cứ đi loanh quanh hoài thì tới chừng nào mới lên tới chóp núi.

Phật dạy đường lối tu nào cũng đều có điểm chủ yếu, chúng ta tu cần phải nắm cho rõ. Tu theo Thiền tông thì dùng trí phản quan của chính mình. Tu thiền công án hay thoại đầu thì dùng nghi. Tu về Tịnh thì tín hạnh nguyện phải đầy đủ... Tóm lại, tu pháp nào cũng phải thiết tha, đặt hết tâm mình vào đó. Tin phải tin cho thiết tha, nghi phải nghi cho thật đáo để, còn phản quan thì phải thật thấy tới nơi. Tu như vậy mới có kết quả.

Thời đại ngày nay khoa học phát triển, con người mở mang hiểu biết nhiều, cho nên đa phần thích dùng trí hơn dùng lòng tin. Chính vì vậy mà ngày nay Phật tử hưởng ứng tu thiền nhiều. Ngày xưa ông bà mình tin đủ thứ, tin có Phật, có quỷ thần v.v..., do lòng tin nhiều nên dạy những gì về lòng tin thì người ta dễ làm, còn dạy về trí thì khó làm. Ngày nay con người ít nghiêng về lòng tin mà dùng trí nhiều, cho nên chúng ta bắt đầu khơi mào để hướng mọi người đi vào con đường khai mở trí tuệ. Hướng đi này nói lên lẽ thật, ai thích dùng trí tuệ để thấy được lẽ thật thì theo đó mà tu, một khi đã thấy được lẽ thật rồi thì tiến mãi không lùi. Nếu bảo tin thôi mà không chỉ ra sự thật, cũng không cho biết đường hướng rõ ràng thì làm sao người ta tin được; không tin thì họ không chịu tu. Thế nên ở mỗi thời đại có mỗi cái hay riêng, không thể nói đâu là ưu, đâu là liệt.

Ngày 13-04 nhuần Tân Tỵ (04-06-2001)

Thỉnh nguyện kỳ này tôi thấy toàn chúng rất có tinh thần tự giác, ai có lỗi thì ra sám hối. Điều đó đáng mừng, vì cứ mỗi lần thỉnh nguyện là mỗi lần chúng ta biết chừa bỏ những lỗi lầm và cố gắng tinh tấn tu để được trong sạch hơn. Hôm nay tôi có vài việc nói với toàn chúng.

Trước hết tôi nhắc nhở để toàn chúng ý thức, điều này rất nhỏ nhưng cũng phải dạy. Đó là trong buổi thỉnh nguyện, trên là người chủ thỉnh nguyện, dưới là đại chúng, cho nên khi thỉnh nguyện đúng pháp thì phải nói: "Thưa Thầy" hay "Thưa Hòa thượng và toàn thể đại chúng". Còn nói: "Thưa Thầy, thưa quý thầy...", nói thế là sai sót. Hoặc có thể nói: "Bạch Hòa thượng, thưa quý thầy...", chứ không thể nói chung là "Bạch quý thầy", nói như vậy là coi như ngang nhau, không ai lớn hơn ai. Ngôn ngữ tuy là chỉ tạm dùng, nhưng chúng ta là người tu phải nói năng cho có tôn ty trật tự đâu ra đó. Nếu chúng ta nói năng không đàng hoàng, có khách tới nghe mình thưa trình như thế người ta đánh giá không hay. Đây là chuyện nhỏ thôi, với tôi thì không quan trọng, nhưng với người nhỏ nếu để vậy thì sẽ thành thói quen không tốt.

Tôi có một điều vui, nói cho đại chúng biết. Thật ra từ khi tu cho tới sau này, tôi cứ mặc cảm thầm nghĩ mình đang ở thời mạt pháp. Phật đã nói, thời

mạt pháp thì một muôn người tu, không có bao nhiêu người ngộ hay tu chứng. Cho nên tôi thấy rằng, thời nay tu khó có được tỉnh giác, hoặc khó nhận được cái chân thật như người xưa nên tôi rất ngại. Nhưng khi quyết tâm tu rồi, tôi thấy có được kết quả nên rất vui, nghĩ đây cũng là túc duyên nhiều đời của mình. Thường trong nhà Thiền thường nói "kiến tánh" hay "ngộ đạo", nhưng ở đây tôi chỉ dám nói là "sáng được chân lý" hay "rõ lẽ thật nơi mình" mà thôi. Có được niềm vui như thế, tuy nhiên tôi vẫn còn chút ngại, không biết hết đời tôi còn ai có khả năng, có đủ phước duyên nhận ra lẽ thật, kế tiếp việc này hay không? Ngày xưa tôi mơ ước, chỉ cần được vài ba người thấy được lẽ thật là đủ rồi. Nhưng bây giờ, dưới tôi có đến vài mươi vị đủ niềm tin vào đường lối tu. Như vậy là tôi mãn nguyện rồi. Từ giờ đến lúc tôi nghỉ, còn hơn một năm nữa, tôi tin chắc sẽ còn nhiều người được sáng tỏ. Tôi nghĩ, cho dù là thời mạt pháp nếu chúng ta quyết tâm tu thì vẫn có kết quả tốt.

Lúc trước tôi thường nói, thời mạt pháp hay thời chánh pháp là tùy theo sức tu hành tinh tấn của mình. Bởi ở thời chánh pháp được gặp Phật mà cũng có nhiều người thối Bồ-đề tâm, tu không nổi phải trở về nhà. Đa số hay có quan niệm, thời này là thời mạt pháp nên chỉ tu gieo duyên để đời sau tiếp tục, đợi khi nào gặp Phật ra đời thì chừng đó mới giác ngộ được. Nghĩ thế nên tu thì cứ tu thôi, còn ra sao thì ra, tới đâu thì tới. Chỉ cần bước vào Tam bảo để có duyên lành, rồi từ từ tiến lần lên chứ không quyết tâm tu cho sáng đạo. Thời mạt pháp mà chúng ta quyết chí, cố gắng tu hành thì cũng có thể chuyển như thời chánh pháp. Nếu việc tu cứ thả trôi hoài thì dù là thời chánh pháp cũng không thể tiến được. Đó là lẽ thật.

Khi tôi giảng ở Hà Nội, có người hỏi: "Khi Thầy nghỉ hoặc Thầy tịch, dưới Thầy còn ai có đủ khả năng thay thế Thầy không?" Tôi nói thẳng: "Phật tử đừng lo điều đó. Nếu tôi mất thì sẽ có nhiều người thay thế tôi. Hiện giờ, môn hạ tôi có hơn năm trăm tăng ni đang tu học, chỉ cần hai mươi phần trăm trong số đó, tức có khoảng một trăm người đáng tin cậy. Nếu mất một người mà còn một trăm người thì đâu thiệt thòi gì." Nói thì nói vậy, nhưng tôi không biết có thể được như vậy không? Tuy nhiên tôi có cái nhìn rất lạc quan. Sau khi tôi mất, dưới tôi có những huynh đệ nỗ lực tu theo đường hướng này được kết quả tốt, các vị này sẽ dìu dắt những người sau. Rồi người sau cũng cố gắng tu, họ sẽ lại tiếp tục hướng dẫn hậu bối, hết lớp này đến lớp khác. Được như vậy thì qua một đời tôi, chắc chắn không dưới trăm người kế tiếp. Cứ thế, những đời sau nữa cũng sẽ có được một số người kế tục.

Sở dĩ tôi có cái nhìn lạc quan như vậy, là vì gần đây tôi nhận thấy cả hai chúng tăng ni, trong thời gian tu đều có kết quả tốt. Có nhiều vị rõ được lẽ thật, tôi rất mừng. Vì thấy rằng, ngọn đèn thiền tông vẫn sẽ còn tiếp tục cháy sáng. Qua những lần nhập thất ra, tăng ni trình bày việc tu của mình, có người đã

thấy rõ ràng, có người lóe thấy. Dù chưa tới đâu nhưng cũng có đủ lòng tin, từ đó tu từ từ tiến lên đến chỗ thật thấy. Tôi rất hoan hỷ, tin rằng sau này sẽ còn có nhiều người tiếp nối, chứ không đến nỗi tận diệt như nhiều người nghĩ.

Trong chúng có những huynh đệ tu tiến đáng mừng, tôi nói lên đây để toàn chúng biết mà tất cả cùng cố gắng, người ta tu được thì mình cũng phải tu được. Như trong Quy Sơn Cảnh Sách, tổ Quy Sơn nói: "Bỉ ký trượng phu, ngã diệc nhĩ; bất ưng tự khinh nhi thối khuất". Người ta là trượng phu thì mình cũng vậy, đừng nên tự khinh mà thành lui sụt. Cho nên toàn chúng phải cố gắng, tin rằng việc tu này ai cũng có thể tu được, đừng mặc cảm tự ty rồi nghĩ rằng huynh đệ kia giỏi, có phước đức nhiều, còn mình kém phước nên không giỏi, tu không tiến. Nếu ai nỗ lực tu, quyết tâm tu cũng đều có kết quả tốt, hoặc nhiều hoặc ít, đừng có nghi ngờ, đừng e dè mà thối bước, cho rằng mình không có phần. Mong toàn chúng cố gắng cùng tu hành tinh tấn.

Ngày 13-05 Tân Tỵ (03-07-2001)

Hôm nay có nhiều việc cần phải sắp đặt trong chúng, nên tôi chỉ nhắc chung một vài điều.

Chúng ta ở đây là Thiền viện, vì vậy tất cả các thiền sinh, từ lớn đến nhỏ, đều phải sống đúng nề nếp, đúng tư cách của một thiền sinh ở tại thiền viện. Không nên sống tự do phóng túng, ưng làm gì thì làm, không có nề nếp gì hết. Nề nếp không phải là bó buộc, cũng không phải làm phiền hà, mà tập cho mình có đủ tư cách của một vị tăng. Các vị đang tu ở Thiền viện, cần phải có nhận thức đúng đắn, biết rõ việc gì nên làm thì phải tuân theo, việc gì không đúng thì phải tránh ngay. Một người sống như vậy, nhiều người cũng sống được vậy thì Thiền viện mới tốt đẹp, chúng mới có nề nếp. Nếu không có nề nếp thì sự tu hành không tiến, cũng không làm mẫu mực cho đời sau được.

Ở trong chúng, dù việc nhỏ việc lớn gì cũng phải sống theo nề nếp, để tự bản thân mình khép vô khuôn phép không tự do phóng túng, đồng thời các huynh đệ sống chung thấy mình không chướng ngại. Giờ chúng làm việc này mà mình đi làm việc khác thì tự nhiên người ta thấy mình là chướng ngại. Một người như vậy, rồi nhiều người cũng như vậy thì Thiền viện sẽ không thành Thiền viện nữa. Cho nên toàn chúng đều phải sống theo căn bản nề nếp của Thanh quy. Không làm điều gì trái thì nếp sống tốt, sự tu hành sẽ tiến. Mình tiến được thì huynh đệ cũng tiến được, còn thiếu trật tự thiếu nề nếp thì tu rất khó tiến, chẳng những khó tiến mà sau này sẽ bị người chê cười mình, đi tu lâu mà không có tư cách, không có quy củ. Như vậy không làm lợi cho mình, cũng không lợi cho người. Mong tất cả chúng đều phải cố gắng, sống cho có tư cách, có nề nếp, đừng để có những sơ sót không tốt. Đó là phần nhắc nhở, kế đây là phần sắp đặt công việc, lẽ ra tổ chức một buổi họp để bàn bạc công tác chung.

Nhưng để đơn giản, tôi cho ngay trong buổi thỉnh nguyện sắp đặt luôn, khỏi phải mất thời gian thêm.

Hôm nay tôi cho hai vị là Tuệ Giác và Tuệ Tĩnh đi ra nước ngoài làm Phật sự, thời gian không nhất định, từ ba tháng trở lên, tùy duyên. Nhân vì bên Mỹ có một số Phật tử tu thiền cùng phát tâm thành lập Thiền viện cúng dường, tôi nhận và để tên là Đại Đăng. Thiền viện Đại Đăng sẽ khánh thành vào ngày 15, 16 tháng 9 dương lịch (2001). Quý Phật tử mời tôi sang đó, chứng minh lễ khánh thành và đồng thời cho người ở lại chỉ dạy Phật tử tu Thiền. Do đó hôm nay tôi cử hai vị Tuệ Giác, Tuệ Tĩnh sang Mỹ chịu trách nhiệm Trụ trì. Tôi có dự tính như vậy, nhưng không biết các vị có trụ được không, có ở lại được lâu để hướng dẫn Phật tử tu học hay không? Trước khi đi, hai vị thỉnh cầu tôi chỉ dạy thêm. Do thời gian ít, nên tôi chỉ nhắc vài điểm then chốt để khi qua bên Mỹ, các vị biết đường lối tu hành và hướng dẫn Phật tử không đi lệch với chủ trương của Thiền viện.

Phật tử ở nước ngoài tin tưởng tăng ni tu hành tại Trúc Lâm là những người mẫu mực, hiểu đạo, có thể dạy tu học tốt, cho nên mới lập Thiền viện thỉnh qua cúng dường. Với lòng tin tưởng đó, các vị đi qua làm Phật sự phải đem những điều hay mà mình đã học được, hướng dẫn cho Phật tử cùng tu tập đúng theo tinh thần Thiền viện. Ở đâu cũng vậy, có cái hay có cái dở, phải biết gom nhặt những điều hay để ứng dụng tu và dạy người cùng tu. Những việc làm nào không hay thì cố gắng tránh, những việc không cần thiết thì không nên làm. Muốn được như thế phải lấy Thanh quy làm nền tảng, sống đúng theo tinh thần của các Thiền viện trong nước. Dù năm, ba người cũng phải thực hành theo Thanh quy, không đi lệch lạc. Sống ở nước ngoài tự do, cuộc sống vật chất tiện nghi đầy đủ, có rất nhiều duyên cám dỗ. Các vị qua đó làm phải cố gắng sống tỉnh giác, làm sao giữ được nguyên vẹn tâm ban đầu của mình, không gì có thể cám dỗ được, như vậy thì Phật sự mới thành công. Hôm nay tôi chỉ nhắc những điều căn bản, còn những việc chi tiết khác thì khi nào cần tôi sẽ dạy riêng.

Do có sự phân công mới, nên phải cử người thay thế. Trước đây vì Thủ bổn xin nghỉ, nên Tuệ Giác làm Phó quản chúng kiêm luôn Thủ bổn, nay tôi cử lại hai vị khác thay thế. Toàn chúng phải hiểu, khi sắp xếp chỉ định ai làm việc gì là thầy đã biết khả năng của đệ tử, nên các vị phải hoan hỷ nhận lãnh và làm tròn trách nhiệm được giao phó. Phó quản chúng thì làm trách nhiệm của Phó quản chúng, Thủ bổn làm trách nhiệm của Thủ bổn, mỗi vị phụ trách công việc riêng, người được cử thì phải cố gắng làm đúng với trách nhiệm của mình.

Phó quản chúng chịu trách nhiệm phân chia đồ dùng cho chúng. Những nhu cầu cần thiết trong chúng, nếu tại Thiền viện không có sẵn thì xin mua sắm thêm để chia huynh đệ dùng. Nhưng phải thưa qua Quản chúng, Quản chúng

cho phép thì mới được mua, không nên tự ý muốn làm gì thì làm. Chúng làm sai điều gì thì Phó quản chúng trình với Quản chúng, để Quản chúng xử phạt chứ Phó quản chúng không có quyền xử phạt. Đây là điều thiết yếu. Bởi vì ở Thiền viện là cuộc sống của một tập thể cùng tu học, nên khi làm việc chung đừng làm theo ý riêng tư của mình, mà phải với tinh thần huynh đệ cùng hợp tác, từ người trên đến kẻ dưới có sự thông cảm nhau. Tôi nhắc nhở như thế, sau này các vị có trách nhiệm đều phải làm cho tròn, cho đúng.

Thủ bổn là người giữ gìn tiền bạc của thiền viện, để chỉ ra cho người có nhiệm vụ mua sắm chi tiêu. Cho nên phải cần kiệm và biết sử dụng đồng tiền đúng lúc đúng chỗ, những gì đáng xài thì xài, không đáng xài thì không xài, tránh chi tiêu thái quá. Số tiền được xuất ra chi dụng thường ngày hoặc chi cho Tri khố thì chỉ cần ghi sổ, còn khi nào có việc bất thường phải xuất tiền nhiều thì phải trình với Quản chúng, được sự đồng thuận mới xuất chứ không được tự ý. Nếu tự ý xuất, đôi khi chủ quan không cân nhắc thì số tiền thu nhập không đủ để chi phí cho chúng.

Do sự đặc thù của các Thiền viện là chúng không được giữ tiền riêng, nên khi Phật tử cúng trai tăng chúng ta không có chia tiền riêng cho mỗi người, **vì** vậy Phật tử chỉ cúng bữa cơm cho chúng. Nếu số tiền trai phạn đó, Tri khố sử dụng không hết thì giữ lại để khi khác có xài. Ở dưới Thường Chiếu, Trụ trì rất kỹ, có Phật tử cúng trai tăng hay giỗ chạp gì đó thì giao cho Tri khố, làm cho tươm tất một chút. Tiền cúng trai phạn còn dư thì Tri khố phải để dành, chi tiêu cho những bữa ăn khác trong năm chứ Trụ trì không xuất tiền thêm. Tại đây có hơi dễ hơn, nếu ai cúng trai phạn thì Thủ bổn đưa tiền cho Tri khố làm, qua đám rồi cần thì cũng xuất bình thường để Tri khố dễ làm việc. Do đó, ở đây Thủ bổn quan trọng là vì gìn giữ của chung, nhưng việc làm thì không nhiều.

Tôi phân công, sắp đặt và nhắc nhở như vậy. Toàn chúng trên dưới đều hoan hỷ vâng làm, đó là điều rất tốt. Mong toàn chúng luôn giữ được tinh thần hòa hợp như thế.

Ngày 15-10 Tân Tỵ (29-11-2001)

Thỉnh nguyện xong, tôi có ít lời nhắc nhở toàn chúng. Chúng ta sống trong thời mạt pháp, sự tu hành có nhiều chướng ngại, mà chúng tăng ở Thiền viện đông đảo nhưng sự tu hành luôn được yên ổn, bệnh thì có thuốc uống, ăn mặc cũng được đầy đủ, mọi nhu cầu đều không thiếu thốn, đó là phước đức rất lớn của chúng ta. Do đó, điều quan trọng hơn hết là toàn chúng phải nỗ lực tu. Vì đây là chỗ chuyên tu, nên phải dồn hết tâm lực trong sự tu hành của mình. Không phải chỉ có danh từ chuyên tu, rồi sống lơ thơ lửng thửng qua ngày không chịu tu hành. Người nào ở đây không cố gắng hết sức tu thì chẳng những không xứng đáng, mà cũng là trái với chủ trương của tôi. Toàn chúng nên nhớ,

làm sao ở đây một năm xứng đáng một năm, hai năm xứng đáng hai năm. Mỗi ngày qua sự tu học của mỗi vị đều có tiến bộ, không dừng cũng không lui sụt, như vậy đời tu của mình mới không uổng phí. Phật tử đối với tăng ni rất tốt, lúc nào cũng hết lòng hết dạ lo cho mình tu, thế nên nếu lơ là không chịu tu ắt là mắc nợ tín thí, tự chuốc họa vào mình.

Tôi nhớ kinh trong A-hàm có kể câu chuyện tôn giả A-nan thấy bảy điềm mộng, trong đó điềm mộng thứ ba ngài thấy các Tỳ-kheo xuất gia thì rớt xuống vũng bùn ô uế, còn cư sĩ tại gia thì ngoi đầu vượt lên trên. Ngài đến thưa với Phật, đức Phật bảo: Giấc mộng đó là điềm báo đời mạt pháp sau này, người xuất gia thọ của đàn-na thí chủ mà không chịu nỗ lực tu hành, còn ôm lòng ganh ghét sát hại lẫn nhau. Bởi thọ càng nhiều thì tội càng nặng nên khi chết đọa ba cõi dưới, còn thí chủ do tín tâm cúng dường nên được phước sanh lên các cõi lành sung sướng, thảnh thơi.

Chúng ta ngày nay, Phật tử hỗ trợ đầy đủ, từ thuốc men cho tới cơm nước, áo quần... Cho nên tăng chúng phải ráng tu, để tự độ mình rồi sau độ người. Xứng đáng là bậc đi trước dẫn đường, cứu giúp chúng sanh. Đừng để mình trở thành người rớt xuống hầm sâu địa ngục, còn những người cúng dường thì đi lên các cõi lành. Điều này thật là tủi nhục, vì đi tu không tiến lên mà còn tuột xuống thấp.

Mong rằng tất cả ý thức trân trọng duyên lành của mình mà nỗ lực tiến tu. Đối với những chuyện vinh nhục ở ngoài đời đừng lưu tâm tới, cũng không bận lòng đến danh lợi trong đạo. Đừng mong cầu chức này, chức nọ cho có tiếng tăm, quyền lợi. Xem tất cả danh lợi, nhục vinh... chỉ là những thứ tầm thường, không cần quan tâm. Chỉ nên quan tâm việc tu của chính mình, xét xem hôm nay tu có tiến hơn ngày hôm qua hay không. Nếu thấy có tiến thì vui, không tiến thì cố gắng tu nhiều hơn nữa. Chúng ta đã vì sự tu mà cạo đầu ở chùa thì phải cố gắng tu hành, chỉ một bề nhìn thẳng tâm mình để nỗ lực nhiều hơn, để giải thoát sanh tử. Không nên so bì với người khác. Nếu cứ nay nhìn người này, mai ngó địa vị người kia... rồi mơ ước mình cũng được vậy, thật là uổng công xuất gia tu hành, mà đời chẳng ra đời, đạo chẳng ra đạo. Mong tất cả cố gắng!

Ngày 15-11 Tân Tỵ (29-12-2001)

Hôm nay thỉnh nguyện, có vài người phạm lỗi đã tự giác ra sám hối, đó là điều rất tốt. Mong rằng trong chúng, mỗi người đều có tinh thần tự giác cao như thế. Chúng ta ráng gìn giữ sự tu hành, những gì yếu dở thì liền biết sám hối cho tiêu nghiệp, đừng vì sợ sệt mà không dám phát lồ, dù là lỗi nhỏ cũng quyết không để tái phạm. Được như vậy trong chúng mới thật sự thanh tịnh.

Tôi nhắc lại, chúng ta tu trong thời mạt pháp, người tu đông mà người đạt đạo rất ít, vì có nhiều thứ chướng ngại cho việc tu hành. Ngày xưa đức Phật đã giác ngộ viên mãn, nên khi muốn độ ai hoặc cần đến nơi nào để giáo hóa thì ngài dùng trí tuệ sáng suốt quán chiếu. Nếu thấy người nào có duyên, nơi nào phù hợp thì Phật đến đó. Giáo hóa trăm người thì trăm người tu hành đều có kết quả, nên thời Phật được gọi là Chánh pháp. Kế đó là thời tượng pháp, tượng là tương tự, giống giống như vậy. Thời này đệ tử Phật tu chứng A-la-hán rất đông, khi giáo hóa các ngài cũng biết căn cơ của người nhưng không bằng đức Phật, nên giáo hóa một trăm người thì ngộ đạo chừng năm chục người. Đến thời chúng ta là thời mạt pháp hơi xa, những bậc thầy giáo hóa đa phần chưa chứng A-la-hán, do chưa giác ngộ nên không nắm vững trình độ căn cơ của người, do đó một muôn người tu chỉ có một số ít người ngộ mà thôi.

Khi xưa nghe tới chỗ này tôi rất là buồn, tôi nghĩ rằng thời mình tu được mấy người ngộ, nên từ khi khởi lập các Thiền viện tới giờ, tôi không dám mơ ước nhiều. Chỉ mong trăm người tu được một hai người tỉnh, chỉ tỉnh thôi chứ chưa dám nói ngộ, vậy là tôi cũng đủ vui rồi. Thế nhưng từ ngày có Thiền viện Trúc Lâm đến giờ, số chúng tuy chưa tới trăm người mà cũng được năm ba người tỉnh. Đây là điều rất đáng mừng. Vì trong thời mạt pháp mà chúng ta có cơ duyên tốt, biết rõ được tâm tư cùng nghiệp chướng của mình mà thức tỉnh tu hành. Phân minh chân vọng rõ ràng, không còn lầm lẫn. Một khi có được vài người tu hành có kết quả tốt thì các huynh đệ khác cũng đủ niềm tin, mà cố gắng tu hành để cùng tỉnh như nhau. Tỉnh tức là qua được cơn mê, là dừng được nghiệp, có thể thấy được con đường giải thoát rõ ràng không nghi ngờ. Nếu còn mê thì còn tạo nghiệp, là tiếp tục đi trong luân hồi sanh tử.

Tất cả chúng ta có phước duyên lớn, nên mới được tụ hội về một nơi yên ở tu hành. Tôi tin rằng, trong chúng nếu ai cố gắng tu rồi cũng sẽ được thành tựu như nhau, không phí uổng đời tu của mình. Có những người tu thật đáng thương, cả đời chỉ đi cúng tụng cho người, còn tự mình không biết được con đường giải thoát là gì, nên đôi khi còn phạm phải điều lầm lỗi, khiến chịu trầm luân. Tuy thấy đáng thương, nhưng không biết làm sao để cảnh tỉnh.

Thế nên đã có phước duyên tốt rồi thì cố gắng tu hành, đừng chần chừ cũng đừng hẹn. Ngày nào tu cố gắng trôi tròn ngày đó, đừng nói ngày nay mệt nghỉ để ngày mai tu. Chúng ta không thể bảo đảm mạng sống của mình tới lúc nào, cũng không chắc chắn sẽ mạnh khỏe bao lâu, nên ngày nào còn mạnh khỏe an ổn thì ráng tu, đừng suy nghĩ sai lầm mà bỏ mất thời gian quý báu của mình.

Ngày 13-12 Tân Tỵ (25-01-2002)

Chúng ta tu, ai cũng có lúc sơ suất, có lỗi lầm. Biết tỉnh giác sám hối, đó là điều tốt. Nhờ người lớn nhắc nhở khuyên răn mà sự tu hành ngày càng tinh tấn, tất cả lỗi lầm ngày càng tiêu mòn. Cho nên tinh thần thỉnh nguyện chính là để giúp chúng ta trong sạch, có sức tiến lên.

Hôm nay tôi phân công việc cho quý thầy đi xây dựng thiền viện Trúc Lâm Yên Tử ở miền Bắc. Sở dĩ phải xây dựng thiền viện Trúc Lâm Yên Tử là vì Trúc Lâm Yên Tử là chỗ tôi đã quy hướng lâu rồi. Chúng ta muốn Phật giáo Việt Nam có nền tảng thật sự thì phải tìm cái mốc nào có đủ điều kiện, để lập thành nền móng vững chắc cho Phật giáo Việt Nam. Kiểm lại lịch sử, tôi thấy chỉ có Phật giáo đời Trần là đầy đủ tính chất của Phật giáo Việt Nam.

Sơ tổ của phái thiền Trúc Lâm Yên Tử là vua Trần Nhân Tông, một vị vua Việt Nam thời nhà Trần. Sau khi nhường ngôi lại cho con, nhà vua đi tu giác ngộ và trở thành Tổ sư của hệ phái này. Từ phái Trúc Lâm Yên Tử phân bủa trải dài mấy thế kỷ sau và thầm lặng cho đến bây giờ. Như vậy, hệ phái Trúc Lâm là từ một vị tổ người Việt Nam đi tu, mở ra một dòng Thiền hoàn toàn mang bản sắc Việt Nam. Đồng thời, núi Yên Tử cũng là chỗ các vị tổ sư tu Thiền, từ ngài Hiện Quang cuối đời Lý cho đến những vị sau này như ngài Đạo Viên, Viên Chứng, Đại Đăng, Huệ Tuệ v.v... Chúng ta muốn cho nền tảng Phật giáo Việt Nam vững bền thì tự nhiên phải có một chỗ tựa thật bền vững. Đây là lý do mà tôi chọn lựa để khôi phục Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử.

Hệ thống tu thiền ở Yên Tử rất được người miền Bắc quý trọng. Theo thống kê của Ban quản lý di tích, vào năm 1992, số người hành hương lên Yên Tử khoảng hai vạn người. Nhưng hiện nay, năm 2001 con số đó đã lên tới hai mươi vạn người. Con số này cho thấy, Yên Tử là nơi quy hướng của tất cả Phật tử trong nước. Ngày nay với chủ trương khôi phục Thiền tông đời Trần, tôi để tên là Trúc Lâm Yên Tử. Trước kia, khi xây Thiền viện ở Đà Lạt, tôi để tên là Thiền viện Trúc Lâm. Do lúc ấy ngọn núi này chưa có tên, tôi tự đặt là núi Phụng Hoàng, thế nên mọi người gọi ở đây là Thiền viện Trúc Lâm Phụng Hoàng. Đó là bởi tôi đặt tên Trúc Lâm, chứ không phải Trúc Lâm Yên Tử, vì ở đây là Lâm Đồng còn ở ngoài Bắc mới thật sự là Trúc Lâm Yên Tử.

Với chủ trương tu tập và khôi phục thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, mà ở ngay cội gốc mình không lập được Thiền viện thì thật thiếu sót. Cho nên vừa rồi, Ban di tích và các vị có thẩm quyền tại đó vào đây mời tôi hợp tác để xây dựng tái thiết lại Trúc Lâm Yên Tử. Do tôi tuổi già sức yếu không thể leo lên núi cao nổi, nên họ cho tôi tùy chọn một địa điểm thuận tiện ở dưới thấp, nằm trong quần thể các di tích của Yên Tử. Cuối cùng chọn chùa Lân, tức chùa Long Động, cho tôi trùng tu lại và đồng thời thành lập Thiền viện ở tại đó. Bởi

thế, chúng ta có bổn phận phải ra Bắc xây dựng Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử. Như vậy, Thiền viện Trúc Lâm ở đây tuy có trước nhưng là số hai, Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử mới là cái gốc.

Sở dĩ tôi phải nói tường tận như vậy là để cho tất cả hiểu, tại sao chúng ta phải ra miền Bắc xây dựng Thiền viện. Mặc dù còn một năm nữa tôi sẽ nghỉ, nhưng trong khoảng thời gian này, tôi quyết định tới cuối năm phải làm cho xong. Ngày 19 tháng giêng đặt đá rồi khởi công, tới tháng 11 âm lịch thì khánh thành.

Công trình này rất nhiều hạng mục, bước đầu gồm có: Chánh điện, Thiền đường, Tổ đường, Tăng đường, Trai đường, Thư viện, Nhà khách, Nhà trưng bày, Nhà bếp, Nhà khách ni. Công chuyện không đơn giản, phải tích cực làm mới có thể kịp. Nhận lời xây Thiền viện ở đây thì mình phải tự chịu trách nhiệm hoàn toàn về kinh phí xây dựng. Do tôi yêu cầu phải làm cho kịp, nên chi phí rất đáng kể.

Đó là nói về phần xây dựng, còn về nhân sự thì vừa rồi các vị đại diện vô thăm, họ tán thán Thiền viện mình, từ nếp sống tu hành cho đến đối ngoại, mỗi mỗi đều tốt. Do đó họ xin tôi cử những người có đức hạnh, thật tu hành, có nền tảng tốt ra ở, để Phật tử ngoài đó nương theo tu học. Vì vậy, hôm nay tôi sắp đặt các vị có trách nhiệm ra miền Bắc giáo hóa, mong rằng các vị phải giữ gìn đạo đức nghiêm chỉnh đừng có lôi thôi, từ cung cách xử sự cho đến nói năng đều phải cẩn trọng đàng hoàng, để tạo niềm tin cho người tu tập, khôi phục dòng Thiền Việt Nam được sáng đẹp.

Ngày 13-01 Nhâm Ngọ (24-02-2002)

Tất cả chúng đều là những người dốc chí tu hành, quyết tâm cầu giải thoát sanh tử, nên mới vào đây xin tu. Tôi nhắc để các vị nhớ, đã quyết tâm rồi thì từ đây mãi về sau đừng bao giờ để cho thối chuyển. Những vị lớn tuổi nhận thức đã chín chắn, đã biết rõ việc mình làm thì làm việc gì cũng cần phải đến nơi đến chốn, chứ không nên khi vui thì tu, khi buồn chán không muốn tu, hoặc lúc siêng thì tu, lười không tu. Đó là điều không tốt.

Vì vậy trong chúng, khi đã quyết tu rồi thì phải một mực tiến lên chứ không nên lúc này lúc nọ, làm cho những người ở chung với mình không vui. Hơn nữa, mình tu là để bản thân ngày càng có đạo đức, chứ không phải tu lâu ngày rồi thành xấu dở. Mỗi người phải tự biết trách nhiệm của mình mà luôn luôn cố gắng không ngừng, dù ở hoàn cảnh nào cũng không thối tâm lùi bước. Được như vậy thì sự tu mới xứng đáng, không uổng một đời. Nếu không khéo thì ở đời đã không tới đâu, vào đạo lại cũng không ra gì. Như vậy thật là một đời bỏ suông vô ích. Mong tất cả quý vị cố gắng tu, đừng chậm trễ, đừng vì biếng lười mà bỏ thời khóa tu hành của mình.

Ngày 13-04 Nhâm Ngọ (24-05-2002)

Thời gian gần đây trong chúng có nhiều xáo trộn, một là vì quý thầy lớn được phân công đi nơi này nơi nọ làm Phật sự, hai là vì nghe tôi sắp nghỉ nên lo lắng sự tu học của mình không đến nơi. Vì hai lý do này nên khiến cho trong chúng bị xáo trộn, bất an.

Tôi nhắc cho toàn chúng hiểu, đây là giai đoạn chúng ta có đủ cơ duyên để làm Phật sự. Khi xưa muốn mở mang, hoặc muốn làm Phật sự gì cũng đều rất khó, vậy mà chúng ta còn kiên nhẫn, kiên trì tu hành, phát triển Thiền tông. Ngày nay có cơ duyên thuận lợi chúng ta làm được Phật sự, đó là nhân duyên rất tốt. Làm Phật sự thì tự nhiên phải phân công để làm việc, còn sự tu hành tại viện thì cũng vẫn tiếp tục, ổn định. Thông Phương được đưa ra Bắc thì các huynh đệ lớn còn lại sẽ hướng dẫn chỉ dạy cho chúng tu. Tôi tuy nghỉ nhưng cũng vẫn ở nơi này, nên đại chúng cứ yên tâm mà tu hành. Bởi vì tôi tuổi cao, đã đến lúc cần phải nghỉ ngơi để chuyên tu. Tôi muốn tự làm chủ trọn vẹn, để sau này tăng ni thấy đó mà tinh tấn tu hành theo. Cho nên khi nào trong Thiền viện có điều gì cần thì tôi cũng sẽ chỉ bảo, nhắc nhở. Toàn chúng yên tâm, đừng lo lắng! Đừng sợ tôi nghỉ rồi, các vị không còn chỗ nương tựa.

Trên đường tu các vị xét kỹ, có một nơi yên tĩnh cho mình tu hành, đó là phước lớn. Ở đây tăng ni có đủ điều kiện để tu học, các buổi trong tuần các thầy lớn luân phiên dạy cho chúng học, buổi nào không có giờ dạy thì toàn chúng nghe lại những bài giảng của tôi. Trước học qua, giờ nghe lại, sẽ hiểu thấu đáo hơn. Hiểu biết ngày càng tăng thì sự tu hành cũng sẽ tiến bộ.

Trong việc tu học cần phải quân bình nhau, đừng để lệch. Nếu học tập, nghe pháp mà không tu thì cũng chỉ là học hiểu mà thôi. Sự tu chính là đi tới, đạt được mục đích. Những gì đã học thì phải thực hành cho được, đó mới là giá trị của người tu. Hiểu mà không hành, chỉ là hiểu suông nói suông vô ích. Ở đây tôi đặt nặng sự thực hành. Không phải học nhiều mới là tu, mà có thực hành theo lời Phật tổ chỉ dạy, đó mới là thật tu. Thực hành là gốc khiến mình tu tiến, chứ không phải hiểu thật nhiều mà tu tiến được.

Hiện nay đối với sự học, kinh sách băng giảng đầy đủ không thiếu. Mỗi tuần nghe giảng chừng hai ba buổi để thấm đạo lý. Thời giờ còn lại, huynh đệ theo nề nếp tu hành thì sự tu rất dễ tiến. Ở Thiền viện học hiểu tới đâu thực hành tới đó, nếu ra trường ngoài học thì tuy học được nhiều mà không có phương tiện thực hành, lâu dần chạy theo danh lợi, rốt cuộc uổng đi một đời tu!

Thời gian này tôi phải phân chia nhân sự đi nhiều nơi, tuy nhiên cũng sắp đặt cho những người ở lại có duyên tốt để chuyên tu. Nhìn với con mắt thường của thế gian thì ai học giỏi là quý, còn theo cái nhìn của tôi, học ít tu nhiều thì

giá trị càng quý, chứ không thiệt thòi gì. Quý là quý ở chỗ thực hành được, sống đúng đạo lý được, chứ không phải quý ở tài văn hay, lý luận giỏi.

Tôi nói cho tất cả hiểu mà cố gắng tinh tấn tu, xưa giờ tôi không ép ai ở đây tu. Thế nên ai muốn ở thì ở ai ưng lui thì cứ lui, tôi không giữ. Bổn phận tôi là tạo duyên cho tăng ni tu, tôi không lợi dụng cũng không cần nhiều người để làm gì cho tôi. Do đó, tôi nói rõ cho toàn chúng biết chủ trương của tôi, tất cả chúng hãy cố gắng tinh tấn tu hành.

THỈNH NGUYỆN NI

Ngày 28-05 Canh Thìn (29-6-2000)

Thời đức Phật còn tại thế, ngày thường chư tăng ni tu tập hoặc phân tán đi giáo hóa khắp nơi nên không có thời gian ở chung một chỗ để cùng nhau sách tấn tu hành. Do đó Phật dạy vào mùa mưa chư tăng ni tụ hội về an cư ở một nơi, để được những vị lớn hoặc các bậc trưởng thượng chỉ dạy việc tu hành thiền định, răn nhắc thúc liễm trong giới luật và học hỏi giáo lý sâu xa. Đây là thời gian các tu sĩ tụ họp về một trú xứ cùng sách tấn, nhắc nhở nhau những điểm còn khiếm khuyết, những gì người sau chưa biết thì người đi trước chỉ dạy cho. Như vậy, đối với đức Phật mùa an cư là tối quan trọng.

Ngày nay hoàn cảnh đã khác, chúng ta không phải đi giáo hóa bốn phương mà ở một chỗ, người trước nhắc nhở người sau. Tuy nhiên hàng đệ tử Phật vẫn y theo lời dạy của Phật, giữ ba tháng an cư ở yên một chỗ tinh tấn tu hành. Bởi vì nếu không phải là mùa an cư, khi gặp những chuyện không thật sự cần thiết lắm, chư tăng ni cũng đi nơi này nơi kia làm mất nhiều thời gian tu hành. Vì vậy ba tháng an cư bắt buộc phải ở yên một chỗ để thúc liễm thân tâm. Ngoài việc ở một chỗ tinh tấn tu hành, tăng ni còn phải học hỏi, tìm hiểu cho sáng tỏ những điều Phật tổ dạy để tu. Cho nên, nếu y lời Phật dạy mà tu hành thì sau mùa an cư là được thêm một tuổi đạo, tức là tuổi đạo đức.

Vì tầm quan trọng đó, cho nên trong ba tháng, Thầy nhắc nhở ni chúng phải siêng năng, cần mẫn tu hành để tăng trưởng đức hạnh, tăng trưởng trí tuệ. Được vậy mới xứng đáng thêm một tuổi hạ hay là tuổi đạo. Nếu trong một năm, ngày tháng nào cũng bình thường, không có sự cố gắng miên mật, không tăng tiến thêm một chút nào thì chưa xứng đáng thêm một tuổi đạo. Vì vậy trong mùa an cư, mong tất cả ni chúng đều phải thúc liễm thân tâm, cố gắng tu hành. Làm sao qua một mùa an cư, trí tuệ được mở mang sáng suốt, đức hạnh càng thêm tăng trưởng, giới luật được trang nghiêm thanh tịnh hơn. Chính nhờ đó mà mỗi vị đều được tiến bộ, có kết quả tốt. Được như vậy thì một năm chúng ta có thêm một tuổi đạo mới thật xứng đáng, còn cứ tu bình thường không tăng không tiến, mà nói được một tuổi đạo thì chỉ thêm hổ thẹn mà thôi. Cho nên mong ni chúng phải có tâm quyết chí tu hành và cố gắng thúc liễm, tỉnh giác đúng như lời Phật dạy. Để sau mùa an cư sự tu hành tăng trưởng, xứng đáng thêm một tuổi đạo đức, xứng đáng là con của đức Phật.

Trong kinh Di Giáo, Phật nói phiền não rất đáng sợ, như ba con rắn độc. Ba con rắn độc đó là gì? Tham, sân, si. Rắn độc phiền não ngủ trong tâm các ông, thí như rắn hổ mang ngủ trong nhà các ông, phải sớm dùng móc sắt trì

giới đuổi trừ nó, chừng nào rắn độc ra rồi mới có thể an giấc. Nếu nó chưa ra mà các ông ham ngủ, ấy là người không biết hổ thẹn.

Độc phiền não trong tâm đáng sợ, Phật thí dụ như rắn hổ mang đang ngủ ở trong nhà, khi nó thức dậy thì sẽ hại mình. Nếu nội tâm còn tham sân si, đó là còn nuôi ba con rắn độc trong nhà. Rắn độc này còn nguy hiểm hơn rắn độc ở ngoài, vì rắn độc bên ngoài cắn chỉ chết một thân này, còn rắn độc tham sân si thì phá hại mọi người, khiến phải chịu khổ luân hồi từ đời này và vô số đời sau nữa. Cho nên ba độc tham sân si còn độc hơn các loại rắn độc bên ngoài. Vì đó là thứ nguy hiểm, nó lôi kéo mình đi trong sanh tử không cùng.

Vậy nên mỗi người phải kiểm lại nội tâm mình, xem tham sân si còn nhiều hay ít? Nếu còn nhiều thì phải chịu trầm luân hoài, nên Phật nói "độc hơn rắn độc". Tất cả ni chúng mai kia sẽ làm thầy người, khi đem lời Phật dạy ra hướng dẫn cho người ta tu, bảo họ phải dẹp bỏ tham sân si mà bản thân mình chưa dẹp được thì sao? Nếu Phật tử dẹp được ba độc mà tăng ni không dẹp được thì tăng ni đứng sau Phật tử một bước rồi! Nên nhớ, mình là người dẫn đường chứ không phải là người nối gót theo sau. Chúng ta đã là người dẫn đường thì những gì xấu dở phải dẹp bỏ trước, rồi mới chỉ dạy cho người sau bỏ được. Mình còn nguyên tham sân si mà bảo người sau bỏ, hoặc chỉ cách cho người khác dẹp bỏ, ấy là vô lý, không ai tin nổi!

Thiền viện Trúc Lâm là nơi chuyên tu, nếu các vị tu ở đây được ba năm hay năm năm, về sau có chùa ra làm trụ trì mà khi gặp việc gì không hài lòng cũng la hét, sân si... thì sao? Người ta sẽ nói, ở nơi đó tu không hơn gì những nơi khác, rốt cuộc cũng tham sân si. Vậy nên mỗi người cần phải biết rõ ba độc để tiêu diệt, cho nó chết dần chết mòn, đến khi nào ba con rắn độc ra khỏi nhà chừng đó ngủ mới yên. Không riêng một người nào, mà tất cả phải tự kiểm điểm. Xét lại mình, thấy còn một thứ là đã không tốt huống là còn đủ cả ba thứ. Nếu còn đủ ba thứ thì chắc chắn không bao giờ giải thoát được.

Người tu chứng quả Tu-đà-hoàn, tham sân si tuy chưa sạch nhưng cũng dần hết, dần sạch. Qua bảy lần trở lại tu hành, đến chừng sạch hết tham sân si thì mới vào được quả thứ tư. Thế nên, muốn chứng đắc thánh quả mà gốc tham sân si không dẹp thì khó đạt được sở nguyện của mình. Do đó, hôm nay Thầy nhắc cho tất cả ni chúng nhớ, còn một chú rắn độc nào nằm ở trong thất thì đều bất an, ngủ không yên. Nếu một chú rắn độc tham sân si nào còn trong nội tâm thì mình còn khổ, chưa giải thoát được. Cho nên phải cố gắng tận lực tiêu diệt ba độc, chừng nào ba thứ đó chết sạch thì sự tu mới tiến lên được, còn ba độc thì tu bao lâu cũng không thành công.

Ngày 28-06 Canh Thìn (29-07-2000)

Ni chúng tại Thiền viện nhờ ở yên, lại thường xuyên được Thầy nhắc nhở cho hiểu tu đúng với chánh pháp, vì vậy ít có lỗi lầm, sự tu hành được tốt. Còn chúng ở ngoài, thường đi nơi này nơi khác, ở chỗ này chỗ kia nên dễ phạm lỗi.

Vừa rồi báo Giác Ngộ có đăng bài Thầy giảng, "Thiền là nguồn gốc của Phật pháp". Trong đó, Thầy nói Phật giáo Việt Nam có hai cái mất gốc:

Thứ nhất: Thời đức Phật, Phật Thích-ca do tu thiền mà giác ngộ thành đạo. Hàng đệ tử Phật tu tập, từ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni... cho đến Bồ-tát, chứng quả đều do tu thiền. Thế mà bây giờ, Phật giáo Việt Nam không ai biết tu thiền là gì. Vậy có mất gốc không?

Thứ hai: Phật giáo Việt Nam đã mặt có từ thế kỷ thứ II, thứ III, thời đó người tu Phật đều tu thiền theo giáo lý trong kinh điển Phật dạy. Từ thế kỷ thứ V, thứ VI về sau thì tu thiền theo Thiền tông. Đến thế kỷ XIX, khi đất nước bị Pháp thuộc thì Thiền tông bị mất dạng. Như thế, tính từ thế kỷ thứ III cho đến thế kỷ XIX, trải qua bao thế kỷ người tu theo Phật ở Việt Nam đều tu Thiền, chỉ có thế kỷ gần đây là tu Tịnh độ. Ngay như hiện tại, khi các bậc tôn túc viên tịch cũng đều để "từ Lâm Tế chánh tông". Vậy mà bây giờ hỏi Thiền không ai biết, tông Lâm Tế là tông nào cũng không biết. Chẳng những không biết mà lại còn chống đối nữa!

Từ đức Phật và chư vị thánh tăng thuở trước đều tu thiền, cho đến nền tảng tu của Phật giáo ngay trên đất nước Việt Nam mình, cũng là thiền. Vậy mà người tu không biết thiền, thử hỏi không mất gốc là gì? Nhìn lại lịch sử thấy có những điều không hợp đạo lý nên Thầy nói, dù nói ra không có mấy ai thừa nhận, nhưng chủ trương của Thầy là điều gì mình biết mà không chịu nói ra là không có trách nhiệm, không vì sợ mích lòng mà không dám nói. Thầy đã dám nói, tức là dám chấp nhận nghe.

Lời Thầy nói trong những buổi giảng, cũng là lời dặn dò lại cho tăng ni. Mai kia nếu Thầy ra đi mà không kịp nhắc, không nói rõ ràng thì trong chúng sẽ không biết Thầy dặn điều gì. Cho nên Thầy có viết mấy quyển sách, để khi đọc lại tăng ni biết những điều Thầy muốn nói. Người nào thật tu, trung thành với đường lối giáo hóa của Thầy thì phải ráng đọc những quyển sách đó. Đây là đường lối và chủ trương của Thầy, toàn chúng phải hiểu, phải nhớ.

Hôm rồi, sau buổi quy y ở Thường Chiếu, thư ký báo cáo với Thầy, hiện giờ theo số liệu được ghi trong sổ quy y, số Phật tử đã quy y tại các Thiền viện là:

- Thiền viện Thường Chiếu: 27.000 người.

- Thiền viện Trúc Lâm: 2.600 người.

- Thiền viện Chơn Không và các nơi khác trong nước, khoảng 2.000 người.

- Ở nước ngoài: Mỹ, Pháp, Canada, Úc... số Phật tử quy y có hơn 1.500 người.

Từ con số không mà bây giờ có bao nhiêu Thiền viện và Phật tử tu theo, rồi từ đây đến lúc Thầy tịch còn thêm bao nhiêu nữa. Ở trong Nam, mỗi tháng Lễ quy y tại Thường Chiếu đều trên 150 người. Ở ngoài Bắc, vừa rồi có hai buổi quy y trên 1.000 người. Rồi ở tại Chơn Không và các Thiền viện khác cũng đều có lễ quy y thường kỳ. Con số này minh chứng sự tin tưởng của Phật tử đối với đường hướng của Thầy. Việc làm có kết quả thật sự tốt đẹp đó, là vì mở mang đúng thời chứ không phải mơ hồ.

Nói sơ qua như vậy để thấy, số Phật tử quy y với Thầy rất đông. Nhìn lại các Thiền viện thì từ năm 1970 đến nay, chỉ có Thiền viện Chơn Không là đơn sơ, còn lại các Thiền viện về sau đều khang trang tốt đẹp. Như vậy, đứng về mặt cơ sở vật chất thì các Thiền viện đều mở mang rộng rãi, về mặt giáo hóa Phật tử cũng rất thuận lợi.

Về phần phát triển cơ sở thì không phải là khó, nhưng trên phương diện giáo hóa, nếu việc làm của Thầy không hợp thời, hợp lý thì không thể nào phát triển được. Chính nhờ hợp thời, hợp đạo lý nên mọi người mới ủng hộ, giúp đỡ mình. Con đường Thầy đi đang tiến, nhưng nếu đến lúc sức mệt mỏi Thầy nghỉ thì tăng ni phải gánh vác, không được để cho suy tàn. Bổn phận của tăng ni là hoằng dương Phật pháp, làm sao cho Phật giáo ngày càng được xương minh. Phật giáo là giáo pháp giác ngộ chân lý, cho nên tu theo Phật là tu giác ngộ. Vì vậy, nói đến Phật, Bồ-tát là nói đến con người giác ngộ.

Phật, tiếng Phạn là Buddha, Trung Hoa dịch là Giác giả, tức là người giác ngộ. Xưa ở Việt Nam, dịch âm là Bụt, người dân gọi nôm na là ông Bụt. Bồ-tát là Hữu tình giác hay Giác hữu tình. Hữu tình giác là một chúng sanh được giác ngộ. Giác ngộ rồi làm cho người khác được giác ngộ, nên được gọi là Giác hữu tình.

Phật và Bồ-tát đều là một chúng sanh được giác ngộ, nhưng Bồ-tát khác Phật ở chỗ nào? Phật là bậc Toàn giác, tức giác ngộ viên mãn, tự giác và giác tha đầy đủ, tức là giác ngộ cho mình cùng giác ngộ cho người tròn đầy. Bồ-tát là Phần giác, tức giác ngộ từng phần.

Nói đến Phật Bồ-tát là nói đến giác ngộ, vậy hàng Thanh văn Duyên giác có giác ngộ không? Thanh là tiếng, văn là nghe. Bởi nhân nghe đức Phật giảng lý Tứ đế mà giác ngộ, nên được gọi là Thanh văn. Còn hàng Duyên giác thì do quán pháp Mười hai nhân duyên hoặc pháp Duyên khởi mà được giác ngộ. Như vậy trên từ Phật xuống tới hàng Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác đều là

những người giác ngộ. Thế nên chúng ta, những người tu Phật và hướng dẫn Phật tử tu hành phải đi trên con đường giác ngộ. Dạy người tu phải nhận chân lý vô thường, rõ lý nhân quả hoặc biết các pháp duyên sanh... Đó là chỉ cho người ta thấy lẽ thật, cũng là giác ngộ chân lý.

Về lý duyên khởi, trong kinh Trung A-hàm, Phật nói: "Nếu ai thấy duyên khởi tức thấy pháp, nếu thấy pháp tức thấy duyên khởi." Nghĩa là thấy được lý nhân duyên là đạt được pháp của Phật, mà đạt được pháp của Phật là thấy đạo.

Phật tử đi chùa được nghe giảng, biết từ Phật Bồ-tát và hàng Thanh văn Duyên giác đều là bậc giác ngộ, nên tin theo mà tu tập. Vậy mà bây giờ mình tu không đặt nặng giác ngộ, là có đi đúng đường Phật dạy không? Từ thủy đến chung, mình giác ngộ cái gì? Nếu dạy Phật tử đi chùa chỉ tin Phật, cầu phước, xin Phật ban cho cái này cái nọ. thì có giác ngộ không?

Đạo Phật lấy trí tuệ làm đầu, còn các đạo khác thì đặt niềm tin là trên hết. Thế nhưng hiện nay, phần đông người tu hành chúng ta chỉ cầu phước rồi dạy Phật tử cũng như vậy. Cúng chùa có phước, làm từ thiện là có phước, bớt lòng tham tiền của thì tăng trưởng phước báo... Phật tử nghe dạy, đối với tiền bạc bớt tham nên đem tiền của đi cúng dường. Nhưng do chỉ tin rồi làm, nên bỏ ra ít mà mong được phước nhiều, rốt rồi vẫn tăng trưởng lòng tham. Nhìn chung, từ sự tu hành của riêng mình đến hướng dẫn Phật tử, cũng đều đặt vào bản ngã. Do đó tu nhiều mà kết quả rất ít. Nếu đạo Phật như vậy thì có còn là đạo Phật không?

Nói thế ắt sẽ có người thắc mắc, trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật nói: "Tín vi đạo nguyên công đức mẫu, trưởng dưỡng nhất thiết chư thiện căn." Tín là nguồn của đạo, là mẹ của công đức, hay làm tăng trưởng tất cả các căn lành, nuôi dưỡng tất cả đạo tâm. Chỗ này cần phải hiểu cho rõ.

Chữ "tín" trong kinh Phật nói có hai nghĩa: một là Tự tín, hai là Tha tín. Tự tín là tin mình có khả năng giác ngộ thành Phật. Tha tín là tin Phật, tin Tam bảo chỉ hướng cho mình tu. Nếu tu mà không tin Phật cũng không tin mình thì làm sao tu được. Bởi tin mình có đủ khả năng giác ngộ thì mới gắng tiến lên. Tin Tam bảo, tức là tin Phật Pháp Tăng. Tin Phật là bậc thầy giác ngộ dẫn đường, tin Pháp của Phật nói là lẽ thật, là chân lý. Tin Tăng-già là đoàn thể tu hành có đức hạnh thanh tịnh, đó là những người đi trước xứng đáng cho ta bước theo. Tin Tam bảo cũng là tin chính mình có đủ khả năng giác ngộ như Phật. Như vậy, tin này là từ trí tuệ mà tin, chứ không phải tin cúng Phật có phước, hay tin Phật vì để cầu xin cho mình được cái này cái nọ.

Những gì Thầy nói và làm bây giờ, đều do Thầy ôm ấp từ lâu. Thầy không an tâm khi thấy như thế, Thầy lo lắng Phật giáo Việt Nam bị mất gốc, nên ngày nay Thầy nói rõ để cho toàn chúng hiểu. Thầy mong Phật giáo Việt Nam được

soi sáng, đúng theo tinh thần giác ngộ Phật dạy. Cho nên Thầy muốn tất cả tụi con phải biết được ý nghĩa, thấy rõ đường lối đi. Biết như vậy rồi, nếu không làm ngọn đuốc sáng thì ít ra mình cũng phải là ngọn đèn dầu, hay đốm lửa của con đom đóm, chứ không thể mù mịt tối tăm được.

Kế đây Thầy nhắc nhở thêm. Tại sao trong Thanh quy của Thiền viện, Thầy lại đặt nặng Lục hòa? Bởi hai lý do:

- Thứ nhất: Vì tinh thần Lục hòa là bản chất của Tăng. Chữ Tăng nói đủ là Tăng-già, chỉ chung cho cả tăng và ni, có nghĩa là hòa hợp chúng. Sống trong một tập thể phải luôn hòa hợp, luôn sống trong tình đạo vị, không có niệm chia rẽ hay oán ghét giận hờn nhau. Như vậy mới gọi là đoàn thể của Tăng, nếu không hòa hợp thì không phải là Tăng.

Bản chất của người tu Phật là hòa hợp, nhưng gần đây Thầy thấy người tu thiếu hòa thuận. Có những trường hợp, cùng sống chung trong một chùa mà hay gây gổ, chia năm xẻ bảy. Hoặc cùng sống và làm việc chung trong một đoàn thể, cùng lo Phật sự mà mỗi người mỗi ý, không ai hòa được với ai. Như thế thì nếp sống hòa hợp của người tu bị kém thiếu, chưa xứng đáng là một Tăng-già. Muốn thành một đoàn thể Tăng, đúng ý nghĩa trong tinh thần hòa hợp thì phải lấy Lục hòa làm trên. Nếu người tu mà thiếu Lục hòa, tức là bản chất hòa thuận không có thì dù cho có hình thức là người tu cũng chưa xứng đáng. Do đó ở Thiền viện, Thầy đặt Lục hòa làm trọng tâm.

- Thứ hai: Người tu căn bản là phải sống hòa đồng, tức không có gì là tư riêng của mình. Thế mà hiện nay chư tăng chư ni sống trong tự viện nhưng vẫn còn tâm riêng tư, thiếu tinh thần hòa thuận. Đôi khi bên ngoài giữ vẻ như hòa, nhưng ý bên trong thì rất khó hòa. Nếu muốn hòa thì phải xả. Nghĩa là phải xả bớt ý niệm của mình, để hòa đồng với đại chúng. Thí dụ, tâm của người này mười phần đen, tâm của người kia mười phần trắng, muốn hòa thì người trắng phải giảm xuống năm phần, người đen tăng lên năm phần thì mới hòa được.

Trong chúng thường có bệnh, giữ cứng chắc vọng tâm của mình. Do không chịu buông xả nên mỗi người là mỗi góc trời, không ai hợp ai hết. Đó là bệnh. Thế nên, sống chung trong tập thể phải xả bỏ cái riêng tư, để hòa cùng huynh đệ. Nhất là phải xả bỏ niệm thương ghét, giận hờn. Thương ghét giận hờn là không hợp đạo lý. Nếu còn thương người này thì đương nhiên sẽ ghét người kia, có ghét người kia thì có thương người này, cứ như vậy mà thương và ghét không thể tách rời được. Buồn giận cũng thế, phải nên xả bỏ. Nếu thấy ai làm trái ý mình là không vui nổi sân lên liền thì làm sao sống hòa hợp được.

Trong tâm còn thương ghét còn giận hờn thì ngồi thiền làm sao tiến bộ được. Hình thức ngồi thiền nghiêm chỉnh mà ở trong tâm thì rối loạn, nhớ tới người thương kẻ ghét, giận hờn... Những hình bóng đó cứ lảng vảng trong tâm

hoài thì làm sao yên được. Bởi vậy, người tu muốn được yên ổn thì tất cả thương ghét giận hờn phải xả bỏ qua một bên. Vì đó là những thứ điên đảo, không tốt, không phải thật.

Người biết tu là phải để cho tâm mình luôn trong sáng, nếu tu mà ôm ấp những phiền não thì uổng đi một đời, không đi tới đâu, tất cả phải luôn nhớ tới điều đó. Càng ôm ấp thì càng thấp, càng xấu, sẽ dẫn đi vào vòng trầm luân sanh tử, không vượt ra được. Do đó người tu phải sống hòa thuận, xả bỏ chấp trước riêng tư, xa lìa tất cả thương ghét.

Nếu ở trong chúng mà có tâm thương ghét riêng tư thì rất khó tu. Thí dụ, nếu thương người nào đó, khi thấy họ làm công tác hơi nặng thì xót ruột, thấy họ bị rầy mình cũng đau lòng. Ngược lại, nếu ghét người nào, thấy họ thảnh thơi thì bực mình, thấy ai khen họ mình nổi tức. Thương ghét làm cho tâm rối loạn bất an làm sao tu, làm sao hòa được. Thế nên huynh đệ cùng ở chung với nhau, phải khéo buông xả niệm riêng tư, đừng chấp mê lầm. Trong chúng, có nhiều vị tu hay lắm nhưng còn chấp rất nặng. Tu thì siêng năng cần mẫn mà chấp cứng ngắc không xả được, đó là bệnh. Có vị học giỏi, nghe đâu hiểu đó nhưng thương nhiều, ghét nhiều cũng không tốt. Nên nhớ, chấp nào cũng là bệnh. Người biết tu thì phải làm sao cho tâm mình ngày càng thanh tịnh, ngày càng trong sáng, chứ không phải càng tu càng dính mắc, càng u tối.

Toàn chúng phải tập sống đúng tinh thần Lục hòa. Nếu không Lục hòa thì thành có kẻ ghét người thương. Đối với người mình thương thì luôn ưu ái, còn người mình ghét thì bạc đãi. Giả sử hôm đó hành đường, thấy đĩa đồ ăn này ngon hơn đĩa đồ ăn kia, liền lấy đĩa ngon để vào chỗ người mình thương, còn đĩa đồ ăn hơi dở thì để chỗ người mình không thích. Sở dĩ đối xử với người thương kẻ ghét khác biệt là vì thiếu tinh thần Lục hòa. Tập xả bỏ niệm thương ghét riêng tư đó, mới sống hòa với chúng được.

Đối với Thầy, ai Thầy cũng thương, thậm chí ngay cả với mấy con chó, chó ở nhà khách, hay ở Nội viện Tăng, Nội viện Ni... Thầy đều thương như nhau không khác. Nếu trong tâm chúng ta còn thương người này, không thương người kia, tức là còn đối xử phân biệt nhiều. Như vậy, tuy sống trong đạo mà không có đạo. Vì vậy, Lục hòa là nhân quan trọng để hòa hợp nhau.

Lục hòa là chất keo gắn chặt người này với người nọ, liên kết với nhau không có trở ngại. Nếu trong chúng sống thiếu Lục hòa thì tập thể tự rã rời. Dù không ai phá phách gì cũng tan nát, không bền, không nguyên vẹn. Thầy rất sợ sự chia rẽ nội bộ, cho nên trong chúng phải khéo giữ Lục hòa. Nếu không giữ hết được, nhất thiết cần giữ được ba cái hòa đầu, đó là Thân hòa, Khẩu hòa và Ý hòa. Giữ được ba cái hòa này cũng là tốt rồi. Bởi vì thân hòa mà khẩu không hòa thì nói ra như sét đánh ngang tai, nghe không êm ái chút nào. Vậy nên,

phải xả những niệm riêng tư để hòa hợp nhau. Sống trong chúng, nếu người nào nói năng không hòa, không nhẹ nhàng thì ráng sửa. Còn người thân hòa, khẩu hòa mà ý chưa hòa thì cũng phải tập buông xả để vui hòa.

Trong kinh thường nói: "Hòa hợp như nước với sữa". Nước với sữa hòa lẫn vào nhau không có khoảng riêng, người tu chúng ta cũng vậy. Ở trong Thiền viện, chúng có đủ ba miền Bắc Trung Nam, nên tánh tình của mỗi người mỗi khác. Vì vậy, muốn sống hòa thuận theo Thanh quy thì phải xả cái khác của riêng mình để hòa chung với huynh đệ. Mọi người sống chung phải thương mến, kính quý nhau. Đừng nhìn riêng tư, huynh đệ này là người mình thương nên vui vẻ, huynh đệ kia là người mình ghét nên không thèm ngó mặt. Người tu mà sống như vậy, gọi là thân ở trong đạo mà mang tâm ngoài đời.

Thầy mong toàn chúng sống đúng tinh thần Lục hòa, theo như lời Phật dạy, để xứng đáng là tăng ni trong Phật giáo, là thiền sinh ở thiền viện. Mai kia ra làm Phật sự không hổ thẹn với người, được như vậy là điều tốt.

Ngày 28-07 Canh Thìn (27-08-2000)

Hôm nay lễ Tự tứ xong, Ni chúng ở thiền viện xin Thầy dạy bảo thêm. Vì vậy Thầy có ít lời nhắc nhở tất cả.

Theo pháp Tự tứ, tất cả tăng ni đều yêu cầu các vị trưởng lão, nếu có thấy, nghe hoặc nghi ngờ lỗi lầm gì thì xin hoan hỷ chỉ dạy thêm để mình tiến tu. Khi được yêu cầu, các vị trưởng lão tùy theo chỗ thấy, nghe hoặc nghi, tức không tự thấy nghe mà do ai đó thưa lại những lỗi lầm hay khuyết điểm gì thì các ngài sẽ chỉ dạy, để người phạm sám hối cho hết tội lỗi. Đó là ý nghĩa rất quan trọng của tự tứ.

Trong ba tháng tăng ni cấm túc an cư, đến ngày viên mãn ra giữa chúng xin chỉ những sai sót lỗi lầm của mình. Nếu có tội được chỉ dạy thì nhận để sám hối, không trốn tránh. Trên đường tu, tâm cầu tiến bộ đó rất cao thượng, nên ngày này cũng được gọi là ngày chư Phật hoan hỷ. Chúng ta tu, làm những điều Phật vui thì mới có phước. Nếu làm những điều trái lời Phật dạy, trái luật Phật chế, làm Phật không vui thì bị tổn phước. Người tu hành đôi khi phạm lỗi mà không biết, để lâu ngày lỗi sẽ càng nặng thêm. Thế nên tinh thần cầu xin vì mình chỉ lỗi cho, để sám hối cho tâm thanh tịnh, tu hành được tăng tiến. Đây là một truyền thống rất đẹp, rất cao thượng trong Phật giáo.

Thầy nhắc lại cho tất cả thấy. Đa số người tu cho rằng ở đâu ít bị rầy thì khỏe dễ tu, còn chỗ nào thường bị rầy quở thì than thở ở đó khó tu. Quan niệm như vậy là không có tinh thần cao thượng. Nếu không làm trái Thanh quy của Thiền viện, không phạm sai lầm gì mà vô cớ bị rầy thì buồn tủi than thở là phải. Còn căn cứ trên Thanh quy có sai phạm, hoặc làm điều gì sai trái thì phải rầy nhắc sửa đổi. Đó là cơ hội tốt để cho mình sống theo đúng quy củ của đạo.

Mỗi ngày mỗi loại trừ tật xấu, trở thành người tốt. Đó là duyên lành tu tiến, chứ không phải là cái cớ làm mình thối lui. Như vậy, càng được chỉ dạy thì càng phải mang ơn, vì nhờ đó mà tu tiến được. Nếu cứ thả lỏng muốn làm gì mặc tình thì dù có ở chùa mười năm, hai mươi năm... cũng không tiến được bước nào.

Ngày tự tứ các bậc trưởng lão chỉ lỗi cho mình, đó là do lòng tha thiết cầu xin của mình chứ không phải là bị bươi móc, chỉ trích. Lòng tha thiết cầu xin chỉ lỗi là vì muốn sạch phiền não, muốn dẹp hết những tật xấu. Đây là hạnh tốt, trong sạch, cao quý của những người muốn cầu tiến lên. Bởi người tu nào thường được chỉ dạy, sẽ tiêu mòn lần những lỗi lầm của mình. Nếu lỗi lầm giảm thì sự tu của mình sẽ tiến. Hết lỗi lầm mới xứng đáng để mai kia đứng ra lãnh đạo, hướng dẫn mọi người tu. Mình còn bê bối, còn nhiều thứ xấu thì mai kia làm sao chỉ dạy cho ai được.

Trên đường tu, mỗi năm có một mùa an cư là cơ hội để học những điều hay, đồng thời thấy cái gì dở thì nhắc nhở nhau, không nuôi dưỡng những thói dở xấu mà luôn tăng tiến những điều hay tốt.

Ngày 27-08 Canh Thìn (25-09-2000)

Hôm nay Thầy không dạy gì về giáo lý, mà chỉ nhắc về chuyện xưa và chuyện nay. Tất cả tụi con nghe rồi rút kinh nghiệm để sau này làm Phật sự biết được sở nguyện và tâm ý của Thầy thế nào mà cố gắng làm cho được.

Lúc mới đi tu, Thầy vô công quả ở chùa Phật Quang, với tâm nguyện thiết tha xuất gia cầu giải thoát sanh tử. Vào chùa, Thầy được Hòa thượng Thiện Hoa nhận làm đệ tử và ở lại đó tu một thời gian. Trong chùa có chia ra Đông đường và Tây đường, lớn nhỏ ở chung. Tây đường với nhà bếp dành cho quý cô, Đông đường là chỗ của quý thầy. Sư ông của Thầy rất nghiêm khắc, có gì sơ hở là bắt quỳ hương quá đường, cho nên trong chúng tu học rất nghiêm chỉnh.

Sư ông nghiêm như vậy, nhưng do thời đó còn xay lúa bằng cối, giã gạo bằng chày, chứ không có nhà máy xay lúa như bây giờ. Quý thầy phụ trách phần xay lúa giã gạo, còn quý cô thì sàng gạo... Bởi làm việc chung qua lại như vậy, nên thời gian sau hai bên nảy sinh cảm tình với nhau. Một hôm, Sư ông bắt được cái thư, liền đưa cho Hòa thượng xem. Thấy cảnh đó, Thầy buồn. Nghĩ mình đi tu là tránh những tình cảm trói buộc phiền hà, để chấm dứt các nghiệp chướng. Với chí nguyện tu hành là phải đạt đạo mà vô chùa thấy người tu còn tình cảm dạt dào quá, như vậy làm sao tu? Thầy rất là buồn!

Thầy đắp y lên đảnh lễ Hòa thượng, thưa: "Bạch Thầy, Thầy cho phép con lên núi tu." Hòa thượng hỏi: "Tại sao?" Thầy thưa: "Con thấy huynh đệ tu mà còn tình cảm qua lại như vậy, con buồn chán quá! Con nghĩ, mình tu phải làm

sao để giải thoát sanh tử mới được. Cho nên con xin phép Thầy, cho con lên núi tu." Hòa thượng hỏi: "Thanh Từ lên núi tu cách nào, làm sao tu?" Thầy không trả lời được, vì lúc ấy Thầy mới học Phật pháp được một năm, biết cách tu đâu mà trả lời. Hòa thượng dạy: "Phàm người tu Phật, trước phải học hiểu sâu kinh điển, thấy được lý đạo rồi, chừng đó ra ở riêng tu mới tiến, mới đúng đường lối Phật tổ dạy. Còn không biết gì hết, lên núi tu thì tu cái gì? Không khéo tu sai lệch, đi theo tà ma." Được nghe Hòa thượng quở dạy, Thầy sám hối rồi rút lui luôn, không dám khởi niệm đi nữa. Thầy phát nguyện phải học cho tới nơi, hiểu cho thấu đáo để sau này việc tu được thành tựu. Nhờ sự dạy dỗ của Sư ông mà Thầy hiểu biết rõ ràng và phát tâm mạnh mẽ được như vậy. Đó là kinh nghiệm đầu tiên của Thầy.

Kinh nghiệm lần thứ hai cũng là kinh nghiệm đau lòng của Thầy. Sau năm 1975, bên cạnh Tu viện Chơn Không là Tu viện Bát-nhã. Chơn Không là viện Tăng, Bát-nhã là viện Ni. Thời gian ấy kinh tế rất khó khăn, tăng ni phải tự túc để có phương tiện mà tiếp tục tu hành, nên phải bày ra tổ hợp tương. Tăng ni ở hai tu viện cùng làm tương, rồi gánh xuống chợ bán. Lúc đó Thầy đồng ý cho tăng ni làm chung, vì Tu viện Chơn Không ở trên núi nên công việc làm tương khá vất vả, nhất là khâu vận chuyển lên xuống, cần phải có người mạnh hợp tác với người yếu thì mới làm được. Khi làm chỉ nghĩ là để có phương tiện sinh sống mà tu, chứ không nghĩ đến bất cứ việc nào khác. Thế nhưng khi hợp tác lâu ngày, tăng ni gần gũi nên cũng phát sinh việc không hay.

Thầy thấy mình cố tình tạo việc làm để tăng ni có kế sinh nhai mà tiếp tục đường tu, nhưng vô tình lại tạo duyên cho những người sức tu còn yếu tu không được. Điều này làm Thầy đau lòng lắm! Thầy nghĩ, vị lãnh đạo là người chịu trách nhiệm tất cả những chuyện hay dở của Thiền viện, mà Thầy không sắp xếp được việc sinh nhai trong chúng, để tăng ni nảy sanh duyên xấu khiến cho việc tu bị dở dang. Tự thấy mình không tròn bổn phận, Thầy rất buồn.

Qua các kinh nghiệm đó, khi xuống khu Thường Chiếu, lập các Thiền viện, Thầy chủ trương ở đâu lo ở đó, không cho làm chung nữa. Tuy nhiên, mấy năm đầu kinh tế thiếu hụt, tăng ni cũng phải qua lại để giúp đỡ những việc khó khăn nặng nhọc, nên Thầy vẫn chưa được toại nguyện. Sau này lập Thiền viện Trúc Lâm trên đây, Thầy quyết tâm tạo điều kiện tốt cho tăng ni tu, không để xảy ra việc xấu dở nữa. Cho nên, ở tại Thiền viện Trúc Lâm cũng có bên tăng bên ni, nhưng bên nào sinh hoạt theo bên đó hẳn hoi, để giữ uy tín. Ngày trước vì hoàn cảnh quá khó khăn nên không làm được như ý nguyện, bây giờ hoàn cảnh tương đối dễ dàng, phương tiện sống đầy đủ, mọi công tác trong chúng đều ổn định rồi. Thầy tin rằng, Thầy đã tạo điều kiện tốt cho tăng ni tu, nếu trong chúng quyết tâm tu thì chắc chắn không xảy ra chuyện dở. Đó là sở nguyện, là tâm tư của Thầy.

Thầy luôn nghĩ mình là người đi trước, tăng ni là người đi sau, nên Thầy có bổn phận hướng dẫn tăng ni tu tới nơi tới chốn. Vì vậy Thầy quyết tâm làm sao cho tăng ni tu được tốt, không để xảy ra những chuyện làm trở ngại việc tu của mình. Thầy thường nói, chỉ còn hai năm nữa là Thầy nghỉ rồi, tăng ni cũng phải cố gắng, đem hết tâm nguyện và sức lực của mình mà dồn vào sự tu hành. Làm sao đến khi Thầy nằm xuống, tăng ni có thể thay thế Thầy, gánh vác trách nhiệm của Thầy, làm cho Phật pháp tốt đẹp không bị lu mờ. Mỗi người đều đủ tư cách, xứng đáng làm Thầy cho những lớp sau. Đó là niềm hy vọng và trông đợi từng ngày, từng tháng của Thầy. Bởi lòng mong muốn tha thiết như thế, nên Thầy trông đợi ở tăng ni rất nhiều. Nếu được như vậy là tròn bản nguyện của Thầy.

Tất cả tụi con phải hiểu, lúc nào Thầy cũng đem hết tâm tư và sức lực để lo cho tăng ni. Làm sao cho tăng ni có chỗ ở, đủ phương tiện sống để yên tu. Vì tâm nguyện đó, nên mỗi khi trong chúng có gì trục trặc, trở ngại sự tu là Thầy không vui, Thầy không muốn điều đó xảy ra. Tại sao? Bởi vì Thầy nghĩ, người dưới xấu dở là tại người trên không khéo dạy, không khéo sắp đặt. Thầy tự thấy trách nhiệm của mình quá nặng, nên Thầy mong tụi con yên tu, phải luôn luôn trong sáng thanh tịnh để mai kia giúp Thầy làm những Phật sự lớn. Vì lo như vậy, trông đợi như vậy, nên những gì Thầy sắp đặt đều nhắm vào điểm trọng yếu là giúp cho tăng ni tu tiến, không để phải lui sụt.

Trong cuộc sống tu học, Thầy ráng lo đủ phương tiện yên ổn cho tăng ni tu tiến. Nếu Thầy đã lo cho đủ điều kiện tốt mà tăng ni không giữ tâm tu, để những việc không tốt xảy ra khiến phải thối lùi thì Thầy đau lòng lắm! Tất cả phải hiểu, phải thấy cho rõ. Mình đến đây tu là chuẩn bị vươn lên, đang vươn lên chứ không phải dừng lại. Đã vươn lên thì những gì lợi cho sự tu hành, chuyện gì có ích cho huynh đệ thì đều phải toàn tâm làm cho trọn vẹn, đừng để có chỗ hở cho điều dở len lỏi vào. Nếu làm gì mà để huynh đệ thối tâm, bản thân mình cũng không tu được thì đó là lỗi lớn. Vì vậy, Thầy mong tất cả phải cố gắng tu hành nhiều hơn.

Đối với công việc của Thiền viện, ở tại viện Ni cũng phải tự lực, đừng ỷ lại nhờ vả bên tăng qua làm. Việc gì bên ni làm được thì làm, nếu không được thì nhờ thợ làm. Thiếu tiền không đủ trả công thợ, Thầy sẽ cho. Không nên mỗi việc lớn nhỏ gì cũng đều kêu chư tăng qua giúp. Thầy không đồng ý. Vì nhờ nhiều quá, giúp nhiều quá thì ơn nghĩa cột trói mình, từ đó sanh ra lôi thôi. Không những ở Nội viện Trúc Lâm Ni, mà dưới nhà khách nữ Hương Vân cũng phải như vậy. Tất cả nên nhớ, phải giữ làm sao cho giá trị của Thiền viện Trúc Lâm càng ngày càng tốt đẹp hơn.

Có những Phật tử Việt Nam ở Mỹ, họ rất tin tưởng và trông đợi Thiền viện Trúc Lâm có những người xứng đáng, để Thầy cho ra nước ngoài làm Phật sự.

Phật tử ở ngoài Bắc cũng vậy, đều trông mong kỳ vọng, tin tưởng chư tăng ni ở tại Trúc Lâm. Thấy các Phật tử quý kính và trông đợi như vậy khiến Thầy càng lo. Phải dạy dỗ làm sao cho tăng ni tu tốt, để khi Thầy không làm nữa thì tăng ni sẽ lãnh trách nhiệm nơi này nơi kia. Cho nên trong chúng phải hiểu, dù làm bất cứ điều gì cũng vì sự tu, đừng làm những điều tai tiếng không tốt. Nếu để có chút sai sót, chút tai tiếng gì làm cho uy tín của Trúc Lâm mất đi, đó là Thầy không tròn bổn phận.

Thế nên nếu thương Thầy thì phải biết, Thầy chăm lo cho đời tu của tăng ni được tốt đẹp là để sau này truyền bá đạo đức lâu dài. Mỗi người trong chúng đều phải cố gắng giữ gìn và nỗ lực hơn, đừng để những sơ sót xảy ra làm cho uy tín của mình suy giảm. Nếu uy tín suy giảm rồi thì một là công lao của Thầy thành vô ích, hai là phụ lòng trông đợi của Phật tử. Đó là tội lớn. Vì vậy trong chúng, từ nhỏ tới lớn đều phải cẩn thận dè dặt, lo gìn giữ để sự tu lúc nào cũng cao quý và tốt đẹp. Người lớn phải làm gương cho người nhỏ, tất cả cùng một hướng, cùng nhau cố gắng tu tiến lên, đừng để lui sụt.

Ở đây, mình làm gì đều có người giúp đỡ đầy đủ, hộ đâu có đó. Thiếu gạo thì có gạo, thiếu tiền thì có tiền, thiếu áo thì có áo... Phật tử dành tình cảm cho mình quá tốt. Tại sao Phật tử thương Thầy? Vì thấy Thầy đem hết tâm tư lo cho đạo, trải lòng lo cho tăng ni từ sự tu học cho đến tất cả mọi thứ, đều được yên ổn để tu học. Bởi thấy Phật tử tin tưởng như thế nên Thầy rất lo, vì lo mà Thầy thường rầy nhắc. Thầy khó với tăng ni là do như vậy, chứ không phải để lo cho Thầy hay làm cho Thầy có danh tiếng. Nếu người nào thương Thầy, thương đạo, thương cho duyên phúc của mình được xuất gia tu học thì phải nỗ lực cố gắng lên, đừng thả trôi. Nếu trong chúng để xảy ra những việc không hay thì sẽ làm cho Phật tử thất vọng vô cùng, thế nên toàn chúng phải ráng giữ mình. Thầy nghỉ rồi mỗi người phải xứng đáng tiếp nối bổn phận Thầy giao phó, chứ đừng để tan nát không ra gì hết thì thật là uổng công của Thầy và phụ lòng của đàn-na thí chủ.

Mỗi khi đến ngày giỗ của Sư ông, Thầy vừa cầm hương lên là xúc động. Tại sao Thầy xúc động? Thầy nghĩ, nếu không có Thầy mình thì ngày nay mình là cái gì, không biết sẽ ra sao? Chính nhờ Thầy mà ngày nay mình biết được đường tu, nhờ Thầy mà ngày nay mình làm được nhiều Phật sự, cũng chính nhờ Thầy mà mình từ người không ra gì, ngày nay trở thành người có ích cho đời, cho đạo. Nếu Thầy mình không thương không lo thì mình sẽ như thế nào? Bởi nghĩ như thế nên mỗi khi cầm hương lên nguyện là Thầy nghẹn ngào.

Thầy nhớ người trước có công lớn với mình chừng nào thì Thầy càng có trách nhiệm với người sau nhiều chừng ấy. Do đó đối với tăng ni, Thầy đem hết sức lực, tâm tư chỉ dạy dìu dắt đường tu. Thầy mong tất cả hiểu thấu đáo điều đó. Những ngày Thầy còn ở đây dạy bảo thì phải đem hết tâm tư lo học

hành, nhớ hiểu và ứng dụng tu cho có kết quả. Khi nào Thầy nghỉ, tăng ni có đủ khả năng để tiếp tục giáo hóa thì đó là biết đền ơn Thầy. Nếu ngày nay Thầy còn, mà không cố gắng tu học thì sau này Thầy nghỉ sẽ như thế nào? Thầy mong tất cả hiểu rõ những gì Thầy trông đợi, mỗi người đều phải cố gắng. Đừng chần chừ, đừng lôi thôi, đừng để mất thời gian quý báu. Nếu cứ thả trôi thì chẳng những uổng công nhắc nhở của Thầy, mà cũng là uổng đi đời tu của mỗi người.

Ở tại Thiền viện, mỗi chiều hô trống đều đọc bài kệ:

Ngày nay đã qua,

Mạng sống giảm dần,

Như cá cạn nước,

Có gì là vui.

Đại chúng!

Phải siêng tinh tấn,

Cứu lửa cháy đầu,

Chỉ nhớ vô thường,

Chớ có buông lung!

Đọc bài kệ này là để nhắc nhở tăng ni đừng lơ là. Một đời người mấy chục năm, sự tu hành chưa chắc đã xong mà còn bỏ phí nữa thì quá uổng quá tiếc. Cho nên toàn chúng phải cố gắng, tinh tấn tu hành.

Sau đây Thầy có ít lời nhắc riêng cho những người mới xuất gia. Hiện tại mới cạo tóc xuất gia tuy tu chưa tới đâu, nhưng đã đến đây nhập chúng tu học là đã nói lên ý chí dứt khoát, muốn tu hành để tâm thảnh thơi, tức là ngang đây đã có một hướng đi thật rõ ràng rồi. Lúc chưa cạo tóc là chưa có hướng đi nhất định, ai rủ đâu thì theo đó. Bây giờ có hướng đi rồi thì chỉ quyết tiến trên con đường này cho tới cùng, không nghĩ gì khác hơn nữa. Thế nên khi bắt đầu cạo tóc, là cuộc đời đã chuyển hướng, tức mình phải sống theo một hướng mới. Lúc đầu hơi ngỡ ngàng một chút, nhưng lâu ngày sẽ quen. Ai ban đầu cũng vậy thôi, có ai bỗng dưng mà trở thành người tu thuần thục được.

Người xuất gia phải tập có một cái nhìn tích cực. Khi làm điều gì không hợp lý, bị rầy thì sửa đổi. Lòng thầm mang ơn người rầy nhắc, đừng buồn. Người làm sai, bị rầy mà buồn là không muốn sửa. Muốn tiến tu thì phải chịu khó sửa đổi từ từ những thói xấu. Sửa được rồi, mới thấy giá trị của người tu. Trước đây vui đâu nói đó không cần dè dặt gì hết, nhưng bây giờ ăn nói phải lựa lời. Nhờ vậy mai kia mới làm thầy dạy người được.

Từ một người thường mà tu hành hoàn thiện bản thân để một ngày kia làm thầy thiên hạ, thật không dễ chút nào. Nếu thích la lối, giỡn cười, không có chút tư cách thì mai kia chắc chắn không được ai quý trọng. Cho nên ngay bây giờ phải cố gắng tập sửa từ từ, khi quên được nhắc nhở thì phải ráng sửa đổi. Làm sao để mình có một lối sống hay, một tư cách tốt thì sau này mới được mọi người kính mến. Phải nhớ, đi tu là làm việc lớn, nên cố gắng làm tốt việc bổn phận của mình.

Ngày 28-12 Canh Thìn (22-01-2001)

Hôm nay đã cuối năm, sắp qua năm mới, Thầy nói về đề tài Hạnh Phúc, với ý mong mỏi toàn chúng sẽ sống trong hạnh phúc. Bởi vì con người thường sống trong hạnh phúc mà không biết mình đang hạnh phúc, cứ đuổi tìm ở phương trời nào đó nên mãi mãi không có hạnh phúc.

Xưa có câu chuyện "Lưu Thần Nguyễn Triệu nhập Thiên Thai". Vào đời nhà Hán có Lưu Thần và Nguyễn Triệu, nhân tiết Đoan Dương (Đoan Ngọ mùng năm tháng năm âm lịch), vào núi Thiên Thai hái thuốc. Do mải mê hái nên đi lần vào dòng suối đầy hoa thơm cỏ lạ mà không hay. Hai vị gặp hai nàng tiên, kết làm vợ chồng. Sống vui vẻ, hạnh phúc được nửa năm thì hai chàng nhớ quê muốn về thăm. Các tiên nữ cho biết đây là cõi tiên, một khi về cõi trần rồi thì không thể trở lại cõi tiên được nữa. Song vì lòng nhớ quê hương quá mãnh liệt, cho nên người đẹp, cảnh tiên vẫn không giữ chân được. Lưu Thần, Nguyễn Triệu về đến làng quê, thấy từ quang cảnh cho tới con người đều đổi khác, tìm không thấy nhà cửa của mình ở đâu, trong làng cũng không còn ai biết hai vị. Hỏi thăm trong họ tộc thì có một cụ già cho biết, ông tổ bảy đời của cụ vào núi hái thuốc rồi không trở về. Buồn bã, hai vị đành quay trở lại Thiên Thai, nhưng chỉ thấy mịt mù, không tìm đường lên cõi tiên được nữa.

Người đời mơ ước được lên cảnh tiên, nhưng khi tới được Thiên Thai rồi, lâu lâu cũng muốn trở lại phàm trần. Như thế cho thấy, tâm của con người sống trong hạnh phúc mà không biết hạnh phúc, bởi vậy nên cứ lao đao lận đận hoài. Chê nơi này chạy đến nơi kia, trách nơi kia chạy qua nơi nọ. Cứ thế không bao giờ được bình an, được hạnh phúc. Tìm hạnh phúc mà không bao giờ được hạnh phúc là vì không bằng lòng với thứ mình hiện có.

Ni chúng xét coi, mình có hạnh phúc hay không? Có những hạnh phúc rất đơn giản mà không phải ai cũng được. Thầy thí dụ, như những người mù, họ ước mơ một ngày nào đó sáng mắt, được thấy sự vật chung quanh và người thân của mình thì hạnh phúc biết mấy, nhưng họ không thể thấy được. Chúng ta hiện tại được thấy rõ ràng tất cả mọi thứ, vậy là mình đang hạnh phúc.

Những người điếc, thấy miệng người ta nói chuyện, muốn nghe mà nghe không được, họ buồn tức và rất tủi khổ. Còn chúng ta hiện nghe cùng khắp,

vậy mình có hạnh phúc không? Người bệnh mũi, bị nghẹt cứng khó thở. Hạnh phúc của họ là chỉ mong mình được thở thông, thở thông là sung sướng rồi. Lỗ mũi của chúng ta thở ra vô đều đều thông suốt, tức là mình đang hạnh phúc. Người bị bại liệt, tự thân không di chuyển được, thấy người này đi qua, người kia đi lại, họ ao ước được đi ra tới sân cũng là hạnh phúc lắm rồi. Chúng ta bây giờ được tự do đi lại khắp nơi, có cảm thấy mình hạnh phúc không?

Những người nghèo đói không có cơm ăn, họ chỉ mong có được một bữa cơm no bụng. Người ở chỗ lạnh, áo không có đủ ấm, ngủ không có đủ mền đắp, run rẩy lập cập. Họ ước mơ có áo ấm, mền dày để bớt lạnh. Chỉ cầu được như vậy là hạnh phúc lắm rồi! Còn chúng ta bây giờ có áo ấm, có mền dày để đắp, nhìn lại mình quá hạnh phúc rồi.

Lại thêm, ở ngoài đời người nữ lớn lên thì lập gia đình, mang nặng đẻ đau thập tử nhất sanh. Quá khổ! Vừa rồi, Thầy nhận được lá thư của một cô ni ở Cao Lãnh. Trong thư kể, năm mười sáu tuổi, cô đưa người chị đi sanh. Thấy cảnh sanh khổ quá, nên cô phát nguyện "đời này quyết không chịu cảnh khổ như thế". Về nhà, ít hôm sau cô trốn đi tu. Một đứa bé mới mười sáu tuổi mà chứng kiến cảnh sanh khổ thì sợ hãi, thấm được sự khổ ở đời. Bây giờ chư ni đã qua được cái khổ này, tức là hạnh phúc vô cùng. Người đời sanh con đã khổ, chịu cực nuôi con khôn lớn cũng khổ, nếu lớn lên nó làm những điều trái ý thì lúc đó càng khổ hơn.

Lúc Thầy về chùa Huỳnh Võ, nay là thiền viện Tuệ Quang, có một cô Phật tử tới thăm Thầy, thưa: "Mai kia con chết, con nguyện đời sau sẽ làm cây cỏ, không muốn làm người nữa." Thầy hỏi: "Được làm thân người có tri giác, còn cây cỏ thì vô tri vô giác. Tại sao lại đòi làm thứ vô tri vô giác?" Cô nói: "Tại có tri giác nên con khổ quá, con chịu hết nổi rồi." Cô kể, cô có hai đứa con trai mười bảy, mười tám tuổi. Cả hai bị ghiền ma túy. Nhà cô trước cũng có tiền, không đến nỗi gì. Nhưng chúng cứ khảo tiền, nếu không đưa tiền, chúng không có thuốc, bị lên cơn thì nhào lộn la hét, cô chịu không nổi nên phải đưa, lâu ngày thành cạn kiệt. Cô đã cố gắng cho chúng đi cai nghiện, nhưng về ít tháng chúng cũng bị lại. Cô nói: "Bây giờ con phải làm sao? Thấy cảnh chúng nó khổ thì con chịu không nổi, còn chạy tiền cho chúng thì không biết chạy đâu cho ra." Cho nên cô muốn làm cây cỏ cho đừng khổ, còn làm người sao khổ quá!

Một vị Phật tử khác, cũng mới điện thoại lên Thầy. Cô kể cô có hai đứa con trai đang đi học thì bị ghiền ma túy, được đưa đi cai. Cai ít tháng trở về rồi cũng ghiền nữa. Cô hỏi: "Thưa Thầy, con phải làm sao?" Thầy cũng không biết nói sao để giúp cô ấy. Thầy kể bấy nhiêu cho chúng thấy, thế gian là khổ. Nỗi khổ của người đời thật quá sức tưởng tượng. Cứ nghĩ rằng, lớn lên lập gia đình

được hạnh phúc, nhưng không ngờ quá khổ. Có gia đình khổ mặt này, có gia đình khổ mặt nọ...

Đó là nói chuyện thế gian, giờ nói chuyện hiện tại. Người đời đa phần ước mơ trông đợi đều không toại nguyện, cho nên họ thấy đời quá đau khổ. Khi đến Thiền viện, họ nhìn chỗ mấy cô ở tu như là cảnh tiên. Như vậy, ni chúng hiện tại đang ở thiên đường mà quên, nên rồi cũng lục đục bị buồn phiền. Nếu thấy rõ mình đang sống trong hạnh phúc thật sự thì không có buồn nản, đâu còn trông chờ gì nữa. Vì không thấy được mình đang sống trong hạnh phúc, nên chưa bằng lòng, ở núi này lại trông núi nọ. Thật là quá dại khờ!

Ni chúng thử xét kỹ lại xem, đời này mình sanh ra được làm người, lại không bị tật nguyền cũng không nghèo khổ... Vậy có phải đang hạnh phúc quá không? Không phải hạnh phúc tầm thường mà là đại hạnh phúc, vì còn trẻ mà đã sớm thức tỉnh đi tu. Như vậy tất cả cái tốt, cái vui của thế gian đều có đủ, lại có đủ duyên phúc ở trong cảnh thanh tịnh mát mẻ, huynh đệ hòa hợp cùng tu hành. Do đó, phải nhớ những gì tốt đẹp mình đang hưởng là quá đầy đủ rồi, không có gì đáng buồn đáng trách.

Nếu chỉ một bề an ổn tu thì không những hạnh phúc ở đời này, mà còn hạnh phúc trong vô số đời sau. Còn hiện tại không biết trân quý hạnh phúc, cứ lôi thôi qua ngày, không vững bước tiến tu thì sau này khổ lụy càng nhiều. Như khi Lưu Thần, Nguyễn Triệu bỏ cảnh tiên trở về trần tục tìm bà con, tới nơi không ai chào đón, những người thân thì đã chết hết rồi, chỉ còn lại toàn người xa lạ. Lúc ấy bơ vơ, khổ sở, muốn trở lại cảnh tiên thì cảnh tiên đã đóng cửa, vì quá muộn rồi!

Cho nên ở trong cảnh nào, đang được hưởng phước báu thì phải ráng giữ gìn, duy trì sự tốt đẹp cho mình và mọi người, đừng để mất đi rất uổng. Đó là người sáng suốt. Thầy mong đến ngày Thầy nghỉ, trong chúng người nào cũng xứng đáng để gánh vác Phật sự, được mọi người tin tưởng. Đó là lòng trông mong của Thầy, toàn chúng phải cố gắng.

Ngày 28-01 Tân Tỵ (20-02-2001)

Hôm nay thỉnh nguyện, Thầy có ít lời nhắc nhở, để trong chúng ý thức được những điều quý báu của đời mình. Trong kinh, Phật nói: *Thân người khó được, Phật pháp khó nghe*. Bây giờ chúng ta đã được mang thân người, biết rõ chánh tà, nhận được chân và giả thì phải cố gắng tu hành để thoát khổ.

Nhờ được sanh làm người nên chúng ta biết phân biệt rõ ràng, cái gì là phải trái, thiện ác, tốt xấu... Rồi cũng do được làm người mà có nhận thức, biết thân người mang nhiều đau khổ nên mới phát nguyện xuất gia, tìm đạo để tu. Còn như chó, mèo v.v.. thì không biết gì khác, chỉ biết ăn ngủ và làm theo bản năng của nó mà thôi. Cho nên làm người quý hơn các loài vật là ở chỗ đó.

Được sanh ra làm người mà không biết tu, chỉ tạo tội thì khi chết bỏ thân người sẽ theo nghiệp làm thân các con vật, đó là đi xuống tiếp tục thọ khổ. Tệ hơn nữa là rơi vào địa ngục làm các loài ngạ quỷ, đau khổ biết chừng nào. Nếu hiện đời biết tạo phước thì khi trả hết nghiệp cũ rồi sẽ được đi lên. Xuống rồi mà được lên trở lại làm người là rất lâu xa, nên nói thân người quý báu vô cùng, mất rồi rất khó kiếm.

Sở dĩ Phật nói *thân người khó được*, là để cho chúng ta thức tỉnh. Nếu đời này đã được thân người mà còn không biết tu, cứ sống theo thói quen chạy theo hưởng thụ dục lạc thế gian thì một đời chẳng được gì cả, chẳng những không được lợi ích mà còn tạo tội gây thêm cảnh trầm luân nữa. Vì vậy được thân rồi đừng nên bỏ trôi, phải làm gì cho xứng đáng, cho cao thượng. Chúng ta có phúc duyên được thân người lại biết nhận thức cuộc đời là đau khổ, nên phát tâm xuất gia chọn để tiến lên, trên đường tu nhờ trí tuệ sẵn có của mình mà được sáng suốt, thấy biết cái gì dẫn đến mê lầm, cái gì đưa tới giác ngộ để đi đúng hướng không bị lầm lạc. Điều này thật là hy hữu!

Thân người khó được là vậy, còn Phật pháp tại sao khó nghe? Thời bây giờ có đầy đủ kinh sách đọc không hết, băng giảng nghe không kịp, vậy khó ở chỗ nào? Câu nói *Phật pháp khó nghe* mang đầy đủ ý nghĩa: Một là khó có duyên lành để được nghe pháp Phật, hai là dù được nghe cũng khó thâm nhập thấu suốt được lời Phật dạy. Bởi vì Phật pháp chẳng những khó được nghe, mà nghe được cũng khó hiểu. Ngày xưa lúc Thầy ở chùa Phật Quang học kinh Lăng-nghiêm, khuya thức dậy đọc lại bài đã học, Thầy khóc sướt mướt. Thầy nghĩ mấy mươi năm ở thế gian, mình chưa bao giờ được nghe những lời cao siêu, quý báu của Phật mà bây giờ được nghe, nên xúc động. Những người ở ngoài đời, cả ngày nghe tranh danh đoạt lợi, tình cảm dục lạc v.v... đủ thứ, mà không được nghe những điều cao siêu quý báu của Phật. Nên biết, rất khó được nghe chân lý Phật tổ dạy.

Ngày nay nghe Phật pháp quá dễ, muốn nghe lúc nào cũng được, nghe hoài đến thuộc lòng. Đó là dễ nghe, nhưng hiểu được không phải dễ. Tại sao? Vì Phật pháp nói ngược lại tình đời. Như người đời, khi lớn lên nam nữ yêu thích ái mộ nhau, tìm đủ cách làm đẹp để cho đối tượng vui thích, vừa mắt. Đó là nuôi dưỡng tâm ái dục của trần gian, còn Phật pháp thì chỉ rõ ái dục là cội gốc của sanh tử luân hồi, thân này là nhớp nhúa ô uế... Hoặc như khi mình ở ngoài đời chưa hiểu sâu Phật pháp, cứ nghĩ làm sao cho được lành được tốt, mơ ước trông đợi mau thành Phật. Đến khi có học Phật pháp, nghe Phật nói những suy nghĩ mơ ước viển vông của mình cũng sai, vì đều kẹt hai bên... Thế là hoàn toàn trái với hiểu biết thông thường, ngược lại thế gian thường tình, nên nghe pháp mà hiểu thấu được là rất khó.

Chú tâm nhìn kỹ lại sẽ thấy là mình có phúc, có duyên được làm người. Nhất là những vị tuổi còn trẻ mà thức tỉnh biết đi tầm đạo, đó là điều phi thường. Trong khi ở thế gian có biết bao người, cả đời mãi lo cho cuộc sống có đủ cơm ăn áo mặc, lo giàu lo nghèo, lo cho gia đình tử tế... nên đâu biết gì là đạo. Người sớm thức tỉnh bước chân vào đạo, tức là đã có sự tích lũy từ thuở nào. Đây là điều đáng mừng cho mình, nhờ có chủng duyên lành nên thức tỉnh sớm. Nếu không có duyên lành thì mình cũng giống bao người khác, cứ thả trôi theo dòng đời, nhắm mắt buông xuôi trên đường sanh tử khổ đau, không biết gì về đạo thoát khổ. Một đời này thả trôi thì đời sau cũng chìm đắm, nhiều đời sau nữa cũng vậy, không có ngày quay đầu về lại cố hương.

Ngày nay chúng ta sớm biết đạo nên đi ngược dòng đời. Đó là do có túc duyên sâu dày mới được như vậy. Do đó, toàn chúng cần phải cố gắng, sao cho duyên lành cũ thêm tăng trưởng. Mỗi đời ta có mặt ra đây, duyên lành sẽ thêm lớn rộng thêm, đừng để cho lui sụt. Vì vậy, Thầy mong tất cả nhớ, nay được cao siêu thì phải gìn giữ, đừng để hạt giống cũ bị hư mục thì uổng cho chủng tử cao quý của mình.

Ngày 28-02 Tân Tỵ (22-03-2001)

Thầy nhắc nhở cho toàn chúng nhớ, nhờ có duyên lành và phước lớn nên trong đời này mới được gặp Phật pháp, nhất là có cơ hội tốt được đến Thiền viện tu học. Nếu đi đến vùng sâu sẽ thấy, ở các nơi thiếu điều kiện tốt để người tu thực hiện bản nguyện cầu giải thoát sanh tử của mình. Ở đây, Thầy cố gắng tạo điều kiện cho chúng được yên tu. Làm sao trong đời này việc tu hành nhất định phải có kết quả, có lợi ích thiết thực mới được. Nếu chưa giác ngộ viên mãn thì ít ra cũng giác ngộ từng phần.

Phát tâm xuất gia là một nguyện lớn, để cứu độ cho mình và tất cả chúng sanh, chứ không phải đi tu cho vui, hay là để trốn nợ thế gian. Người xuất gia là đang làm một việc phi thường, vậy nên làm sao trong một đời mấy mươi năm tu hành xứng đáng, để không hổ thẹn với cha mẹ, thân thuộc và những người ngoài xã hội. Đó là trách nhiệm to lớn mà người tu phải luôn nhớ đừng quên. Đời tu phải là một đời đáng quý, sống có lợi ích cho tất cả mọi người, chứ không phải tu cho riêng mình. Thấy hiểu và luôn ghi nhớ được như vậy, mới xứng đáng là người đã xả bỏ hết tất cả để làm việc cao thượng. Nếu tu hành bao nhiêu năm mà không làm được gì cho mình và xã hội thì chẳng những đáng tiếc một đời, mà còn làm trò cười cho thiên hạ nữa.

Muốn tu hành được lợi ích ở hiện tại và tương lai thì phải cố gắng học tập Phật pháp, nghe hiểu cho kỹ lời Phật tổ dạy trong các kinh luận. Nghe thật kỹ, thâm nhập thật sâu để ứng dụng tu. Càng tu thì càng có trí tuệ, đầy đủ đức hạnh để không hổ thẹn với mọi người. Như vậy mới là người đi tu cầu giải thoát

sanh tử, cứu độ chúng sanh. Nếu càng tu mà bản ngã càng nặng, càng sanh ra nhiều tật xấu thì sự tu đó không ích lợi gì. Thầy nhắc lại, mỗi người phải hiểu rõ trách nhiệm của mình cho đúng. Chúng ta đi tu không phải để cầu danh lợi hoặc địa vị này nọ mà là để cứu độ chúng sanh, tức có cả cha mẹ, anh chị em của mình trong đó. Nếu đi tu để mong cho gia đình quyến thuộc mình có quyền lợi thì chẳng những tu không tới đâu mà còn bị sa đọa nữa.

Phật tử cúng dường tăng ni từng bát cơm manh áo, lúc nào họ cũng trông đợi chúng ta tu tốt để cứu độ chúng sanh và làm lợi ích lâu dài cho đạo, chứ không phải cúng cho mình ăn chơi vui đùa, hưởng thụ. Vì vậy tất cả trong chúng phải ý thức trách nhiệm của người tu là rất nặng nề, nên đừng có lơ là. Nếu tu hay, tu đúng thì đời tu cao cả vô cùng; tu không đúng, không tròn trách nhiệm thì tự mình chuốc khổ lâu dài. Cho nên ni chúng phải nhận định cho chín chắn, đừng để mất thời giờ vô ích, đừng theo chuyện thị phi mà giết chết đời tu của mình.

Ngày 28-03 Tân Tỵ (21-04-2001)

Hôm nay gần vào mùa an cư, nhân đây Thầy có ít lời nhắc nhở ni chúng. Ở đây không làm ruộng cũng không làm ra vải vóc gì, nhưng trong chúng lúc nào cũng đầy đủ cơm ăn áo mặc, không bỏ tiền ra xây dựng nhà cửa mà vẫn có nhà cửa để ở. Ngoài thế gian, muốn có đủ cơm ăn áo mặc, chỗ ở êm ấm thì mọi người phải nhọc nhằn vất vả lắm mới có được. Trong khi đó chúng ta ở đây mặc dù không làm ra được của cải vật chất gì, nhưng tất cả những nhu cầu cần thiết trong cuộc sống đều hiện có đủ. Tại sao lại được như thế? Đó là nhờ vào tấm lòng mến đạo của quý Phật tử, vì thương người tu mà họ luôn sẵn sàng giúp đỡ, trợ duyên bằng mọi cách, để cho tăng ni yên ổn tu hành và cũng là gieo chút phúc duyên để mai kia được gặp Phật pháp. Như vậy khi được an ổn tu hành, phải nhớ công ơn của Phật tử đã chân thành giúp chúng ta gìn giữ mối đạo được lâu dài. Vậy nên mỗi người có phúc duyên đến đây tu, đã được đầy đủ phương tiện thì phải làm sao tu cho tiến, hiểu Phật pháp cho sâu, hầu duy trì chánh pháp không bị mai một, đồng thời cũng đền đáp công ơn Phật tử đã lo cho mình tu. Như vậy mới là người biết ơn và làm tròn trách nhiệm của mình.

Thầy nghe nói những vị tu lâu, đã thành người lớn trong chúng mà lại thiếu thời khóa, bỏ ngồi thiền. Điều này Thầy rất buồn! Bởi vì người trước có trách nhiệm dẫn người sau, nếu người đi trước lơ là thì làm sao dẫn đường cho người đi sau dũng mãnh tiến bước. Do đó những vị tu lâu năm rồi cũng phải luôn tinh tấn, để làm mẫu mực cho đàn em. Không được lấy cớ này cớ nọ mà bỏ thời khóa. Làm đàn anh đàn chị mà không xứng đáng là người đi trước, không có đủ tư cách cho đàn em học hỏi, bắt chước theo. Thật đáng hổ thẹn!

Lại nữa, những vị lớn đâu phải ở một chỗ hoài mà mai này khi Thầy nghỉ, các vị cũng đi nơi này nơi kia xương minh Phật pháp, giáo hóa Phật tử. Có làm lợi ích cho Phật pháp, lợi lạc chúng sanh được hay không là phải nương vào phước đức. Muốn có phước đức thì ngày nay phải tinh tấn tu. Thời gian không chờ đợi, qua rồi mất. Nếu chần chừ thì uổng phí một đời tu, cũng là cô phụ công ơn của Phật tử lo lắng cho mình. Vì vậy những vị tu lâu, mình đã đi trước thì phải luôn luôn mẫu mực để hướng dẫn người sau, không nên thả lỏng buông xuôi để mai kia không biết làm gì.

Người sau trông thấy người lớn tu càng lâu càng bê bối, họ sẽ sanh tâm ngã mạn khinh lờn. Vì vậy Thầy mong rằng, ni chúng đủ duyên lành vào đây tu nhiều năm thì gắng giữ gìn giới đức trang nghiêm, đủ tư cách là người đi trước. Mai này dù ở nơi nào cũng đủ tư cách là người lãnh đạo Phật pháp, giáo hóa chúng sanh. Nếu hiện tại không lo tu, thiếu phước thiếu đức thì ngày sau sẽ không làm được gì. Đó là điều đáng buồn!

Thầy nhắc lại, tất cả trong chúng phải luôn ý thức rằng, mình được ấm no an ổn tu hành một ngày là mừng một ngày, là mang ơn Phật tử một ngày. Do đó ni chúng cần cố gắng, tinh tấn tu hành sao cho xứng đáng. Mỗi người tự biết trách nhiệm của mình mà sống tích cực hơn, không được lơ là buông xuôi. Mỗi ngày mỗi tu tiến không dừng, không lùi. Đừng để tu càng lâu, tệ càng nhiều thì rất dở, rất đáng trách. Đó là lời nhắc nhở của Thầy, mong tất cả cố gắng!

Ngày 28-04 Tân Tỵ (20-05-2001)

Lúc nãy, Thầy đứng ngoài nghe chúng ta ở đây bảy tám chục người mà tụng kinh nhỏ xíu, thấy không được chút nào! Ni chúng phải nhớ, tụng kinh là tu. Tại sao Thầy nói tụng kinh là tu? Bởi vì khi tụng kinh thì nhất tâm chánh niệm, tập trung vào lời kinh, miệng đọc âm thanh ngân vang đều đặn nhịp nhàng. Thế nên, lúc tụng kinh chẳng những tâm mình được thanh tịnh, mà quỷ thần nghe kinh cũng được an vui. Do đó sau mỗi thời tụng kinh đều đọc bài kệ hồi hướng cho âm siêu dương thới. Nghĩa là chẳng những cầu nguyện cho người sống được an ổn thong dong, mà còn cầu cho người âm được siêu thăng. Muốn họ được siêu thăng thì chúng ta phải nhất tâm tụng kinh, lúc đọc lời lẽ cần rõ ràng. Bởi có nghe được thì họ mới siêu thăng, còn nghe không được thì làm sao mà siêu thăng được.

Toàn chúng phải ráng tụng kinh cho đều, đừng quá cao cũng đừng quá thấp. Giữ cho lời kinh được liên tục, ngưng rồi phải tụng tiếp, chứ im ru chỉ còn vài người tụng thì không hay. Người này ỷ lại người kia, nên tụng vài ba câu rồi im lặng để cho người khác tụng, người kia cũng tụng ít câu rồi để cho người khác tụng. Như vậy không được. Tụng kinh chứ không phải ngồi thiền

đâu mà không chịu tụng! Tới giờ tụng kinh, tự thân mình phải nghiêm trang tề chỉnh, đọc từng câu từng lời cho rõ ràng, câu nào ra câu nấy đừng để bị đứt đoạn, không được khi thì đọc to lúc lại làm thinh im lặng.

Tụng kinh là đọc lại lời Phật dạy, nên khi tụng thì miệng đọc âm thanh rõ ràng, lỗ tai lắng nghe, giữ tâm thanh tịnh. Đó chính là thiền, chứ đâu phải ngồi làm thinh mới là thiền. Ở trong động mà chuyên chú vào lời kinh đang tụng, lắng tâm thanh tịnh, được như vậy thì giờ tụng kinh mới có giá trị. Còn giờ công phu tu hành mà tiếc từng hơi không muốn đọc, để cho người khác tụng, như vậy có tốt lành gì! Thầy nhắc, từ đây về sau tất cả phải chú ý về cách tụng kinh của mình, nếu còn lôi thôi nữa thì Thầy sẽ rầy phạt.

Có nhiều người hiểu lầm, nghĩ chuyên tu là phải ngồi thiền hoài, còn đi ra lao động hay tụng kinh là không chuyên tu. Hiểu vậy là trái với đạo lý. Xưa kia trong pháp hội của Lục Tổ có những vị tăng ngồi thiền ngoài hành lang, Tổ đi ngang nắm lỗ tai thổi một cái. Tại sao vậy? Đây là Tổ muốn cảnh tỉnh, không phải ngồi thiền mới tu, mà phải tu nơi mọi hoạt động, trong các oai nghi đi đứng nằm ngồi, lúc nào cũng là giờ tu. Khi lao động, mỗi người được giao công tác gì thì cứ thầm lặng mà làm cho tròn trách nhiệm, nhưng vẫn không quên ông chủ của mình. Đó mới là khéo tu.

Đa phần thường có bệnh, lúc làm việc chung vài huynh đệ là vừa làm vừa nói chuyện, mới đầu nói chuyện đạo lý, lần hồi thì nói ra chuyện bên Đông bên Tây... Chỉ lo tán tâm tạp thoại nên không nhớ tu. Đó là làm việc mà thiếu tu. Thế nên đối với người sơ cơ, chư Tổ thường dạy trong bốn oai nghi thì ngồi là thù thắng hơn hết. Vì lẽ đó mà ở Thiền viện, chúng ta dành cả buổi chiều và buổi tối để tọa thiền, còn buổi sáng thì lao động để vừa có sức khỏe, vừa tu được trong cảnh động. Vậy là chúng ta chẳng những tu trong bốn oai nghi, mà còn tu trong tất cả hoạt động của mình. Khi ra ngoài hoạt động hoặc lúc làm công tác, chuyện gì cần thì nói, không cần thì mỗi người cứ lặng lẽ vừa làm vừa tu. Nếu có nói thì chỉ nên nói những chuyện đạo lý, những việc tu hành. Điều gì hay kể cho huynh đệ cùng nghe để sách tấn với nhau, còn chuyện thị phi thì đừng nói, không tốt, trái đạo lý. Nếu cảnh tĩnh tu mới được, ra cảnh động tu không được thì kết quả mới nửa chừng. Vì vậy trong cảnh động và cảnh tĩnh đều tu được mới là kết quả trọn vẹn.

Gần đây, trong chúng có vài vị nhập thất ra trình Thầy, thấy có tiến bộ đáng mừng, nhưng ra khỏi thất không biết còn giữ được hay không? Chỗ này phải khéo, các vị nhập thất ra tu tiến cũng đừng vì muốn giữ được công phu đó, mà khi nghe Thầy rầy người khác thị phi mất thời gian tu, rồi cứ im lìm không nói năng gì với ai, lù khù không chút linh hoạt, không biết ăn nói gì... cũng không được. Nhập thất ra cứ sinh hoạt nói năng bình thường. Nói những việc có liên quan tới công tác, hoặc trong khi nghe câu kinh hay, đem ra thảo

luận với huynh đệ. Như vậy thì không có lỗi lầm, kỵ nhất là nói lỗi của người này người kia. Làm sao trong thời gian tu ở đây năm năm, bảy năm, mỗi người đều có những bước tiến xứng đáng. Đừng để sau khi tu học xong rồi, trở về trú xứ của mình mà tập khí vẫn còn y cũ, không tốt hơn chút nào. Thời gian Thầy dạy sắp hết rồi, những đứa đã vào đây tu mà còn lôi thôi, tu hành lơ mơ thì lúc Thầy nghỉ rồi làm sao có khả năng gánh vác Phật sự thay thế cho người lớn được. Cho nên tụi con phải cố tâm, hết sức quyết chí tu hành cho tiến, đừng bỏ phí thời gian. Có như thế mới xứng đáng với lòng trông cậy và mong mỏi của Thầy.

Chúng ta đâu phải ai cũng sống tới bảy tám mươi tuổi mới chết. Vừa rồi, Hạnh Thanh là Trụ trì Tịch Chiếu, mới sáu mươi tuổi đã viên tịch. Như vậy, trong chúng kiểm lại xem, mình đã sống hơn phân nửa đời người rồi mà sự tu tiến được bao nhiêu, tới bậc nào hay là còn trồi lên tụt xuống hoài? Cho nên mỗi người phải luôn nhớ, vận dụng tất cả thời gian có được trong lúc còn mạnh khỏe để lo tu hành. Những vị ở lâu chừng nào thì phải tu kỹ chừng ấy, đừng để "nhất niên Phật tại tiền, nhị niên Phật thăng thiên". Đây là căn bệnh càng tu lâu càng ỷ lại. Những đứa đã thập niên, không biết Phật ở đâu rồi? Đừng nghĩ rằng mình đã lớn, đã giỏi rồi không cần phải nỗ lực theo thời khóa nữa. Người tu lâu cũng giữ thời khóa nghiêm chỉnh để xứng đáng là mẫu mực cho đàn em, chứ không phải tu lâu rồi thả trôi. Thầy thấy có những đứa giải đãi, hôm nào bệnh một chút là trùm chăn ngủ. Hơi nhọc một chút thì rên, "bữa nay đau đầu quá!" Rồi báo bệnh ngủ luôn. Người như vậy là yếu dở! Lúc bệnh phải mạnh mẽ tinh cần hơn thì mới vượt qua được.

Thầy ở tuổi này mà không bao giờ dám bỏ thời thiền nào, trừ khi đi đâu về quá mệt thì bỏ thời đầu hôm, còn thời khuya không dám bỏ. Nếu ở yên tại chỗ thì hai thời thiền nhất định giữ đều đặn. Nhờ giữ đều đặn nên Thầy khỏe, sự tu ngày càng sáng, thấy được những điều hay nên mới phấn khởi tu. Nếu cứ thả trôi tà tà, chầm chậm hoài thì đâu thấy điều gì hay, không thấy hay thì tu hành đâu có phấn khởi. Vậy nên Thầy nhắc tất cả trong chúng, người nhỏ thì cố gắng tu theo thời khóa, còn người lớn phải giữ chừng mực đúng đắn. Tu hành sao vừa lợi mình, vừa làm mẫu mực cho người sau. Chúng nhỏ thấy quý cô lúc nào cũng tinh tấn tu thì sẽ cố gắng, thấy người lớn uể oải thả trôi thì tự nhiên cũng buông lung theo. Vậy là hỏng hết, người trước tu không được kết quả, người sau cũng không tới đâu. Do đó mong rằng toàn chúng phải ý thức được trách nhiệm của mình, ai cũng phải nỗ lực tu.

Đức Phật tu thành đạo rồi, lúc tuổi đã cao mà trưa nào sau giờ thọ trai, ngài cũng vào rừng đi kinh hành dưới tàn cây, xong rồi thì ngồi thiền. Dù tối hay khuya đức Phật cũng ngồi thiền đều đặn, các thầy Tỳ-kheo lấy làm lạ mới thưa Phật: "Bạch Thế Tôn, Ngài dạy chúng con ngồi thiền để được định, định

rồi thì trí tuệ sáng mới giác ngộ. Bây giờ, đức Thế Tôn đã giác ngộ rồi, vậy Thế Tôn còn ngồi thiền làm gì nữa?" Phật dạy: "Ta ngồi thiền, một là để giữ sức khỏe cho mình, hai là làm gương cho người sau." Đức Phật ngồi thiền vì muốn những đệ tử Phật sau này, khi tu hành mà bê tha biếng trễ thì nhớ lại, xưa kia đức Phật đã thành Phật rồi mà ngài còn ngồi thiền, huống là mình chưa chứng thánh quả mà dám bỏ trôi sao? Đức Phật đã già, sắp nhập Niết-bàn mà vẫn làm gương mẫu cho người sau, nên chúng ta phải nhớ mà cố gắng. Để mai kia đi trụ chỗ nào, làm Thầy cầm cân nảy mực cho đúng để đệ tử noi theo. Chẳng lẽ tới giờ tu, bắt đệ tử đi tụng kinh, ngồi thiền, còn mình thì ngồi uống trà hoặc nằm ngủ. Như vậy không đủ tư cách làm Thầy.

Thầy nhắc nhở dạy bảo như thế, toàn thể ni chúng ý thức, cố gắng tu hành. Lúc còn trẻ, còn khỏe mạnh không nên để mất thời gian quý báu, sau này hối hận không kịp. Thiền viện Trúc Lâm là chỗ chuyên tu được nhiều người tin tưởng, ni chúng cũng đều là những người ham tu nên mới đến đây. Vì vậy tất cả nên nhớ, phải biết tiết kiệm thời gian, không vì những chuyện khác mà xao lãng việc tu, cũng không nên có những hành động hoặc làm việc gì trái với đường lối tu hành của Thiền viện.

Ngày 28-04 nhuần Tân Tỵ (19-06-2001)

Hôm nay, Thầy có ít lời nhắc nhở toàn chúng. Trước giờ nói lý nhiều rồi, bữa nay Thầy chỉ nhắc về sự. Chúng ta thường nghe các vị trưởng thượng hay dạy, phải kiệm phước và bòn phước. Bởi vì người xuất gia là phải làm sao trên đường tu, mỗi ngày phước càng tăng, không để bị tổn giảm, mà muốn phước tăng thì phải biết *kiệm phước, bòn phước*. Vậy kiệm phước là gì? Tại sao phải bòn phước?

Trước nói về kiệm phước. Thí dụ, trong cuộc sống thường nhật, về phương tiện sinh hoạt mỗi người chúng có quyền xài tới mười phần trăm, nhưng mình tiết kiệm chỉ xài tám chín phần thôi. Không sử dụng hết phần của mình, đó là kiệm phước. Người phung phí thức ăn, xài đồ đạc bừa bãi... là không biết kiệm phước. Trong Phật giáo có lưu truyền câu chuyện về Hàn Sơn và Thập Đắc ở chùa Quốc Thanh trên núi Thiên Thai. Hai ngài đi lượm cơm rơi dưới sàn nước, hoặc cơm thừa người ta đổ, rửa sạch rồi ăn. Hai vị này chính là Bồ-tát Văn-thù và Bồ-tát Phổ Hiền hiện thân, để lại một bài học đánh thức mọi người, phải tiết kiệm của Tam bảo, không được phung phí. Tiết kiệm của Tam bảo là kiệm phước, phung phí là tổn phước. Đối với Tam bảo, từ một món đồ, hạt cơm, manh áo... cái gì cũng phải quý trọng. Đó là biết kiệm phước, còn ăn xài bừa bãi thì hiện tại thấy như tốt, được ăn ngon mặc đẹp... nhưng không ngờ đó là tổn phước. Tu mà để tổn phước thì bị nghiệp lôi dẫn đi, còn biết kiệm phước thì những nghiệp chướng sẽ dần tiêu mòn. Thế nên cần phải làm sao để phước

của mình luôn được tròn đủ, làm phước bao nhiêu thì nguyên vẹn bấy nhiêu, không bị hao mòn mất mát. Đó là tinh thần kiệm phước.

Tại sao phải bòn phước? Bòn tức là mót từng chút nhỏ gom lại. Như người đi bòn vàng, mót từng mảng vàng nhỏ để vào trong thau, nhiều mảng vàng nhỏ gom lại mới nấu thành cục vàng có giá trị lớn. Cũng vậy, chúng ta tu phải bòn từng chút phước, tu mà không biết bòn phước thì không được. Trường hợp nào gọi là bòn phước? Thí dụ, huynh đệ cùng trị nhật chung, thấy huynh đệ kia sức khỏe yếu làm nặng không nổi, mình mạnh hơn thì sẵn sàng gánh vác làm giúp, không đòi hỏi hoặc nề hà gì. Ngoài công tác chung, thấy các huynh đệ khác không đủ sức, không thể làm tròn được, mình cũng nhiệt tình ra tay phụ giúp. Hoặc có huynh đệ gặp lúc buồn tủi, mình tìm đủ cách để an ủi khuyên lơn họ... Đó là biết bòn từng chút phước. Như vậy, bòn phước là việc hết sức thiết yếu, để trong cuộc sống mỗi ngày phước càng tăng không giảm. Người tu là phải sẵn sàng hy sinh cho tất cả, nếu việc mình có thể làm được nhưng làm biếng không làm, thấy huynh đệ làm việc nặng nhọc ra sao mặc kệ... Đó là tổn phước.

Thầy kể cho nghe gương của Hòa thượng Giám đốc, để ni chúng biết mà học theo. Lúc đi học ở Huế, Hòa thượng luôn tận tâm với công tác được trường giao phó và hết lòng với huynh đệ, ai nhờ gì cũng giúp. Do vậy mọi người đều quý trọng, thương mến ngài. Nhờ tâm tốt mà phước đức ngày càng tăng, làm Phật sự được vuông tròn đầy đủ. Đó là lối sống bòn phước của người trước. Chúng ta ngày nay noi theo gương người xưa, đừng ích kỷ chỉ nghĩ cho riêng mình, mà phải đem hết tâm làm việc gì có lợi ích cho huynh đệ thì làm. Đó là biết kiệm phước và bòn phước.

Kế đến là người tu cần phải có đức hạnh, nhưng đức hạnh làm sao mà có? Lúc nào chúng ta cũng có tâm vị tha, thương người, giúp người. Gần là với huynh đệ trong đạo, đừng để một ai phải khổ. Nếu có người bị khổ vì lý do nào đó, hoặc bệnh hoạn hay gặp những điều bất hạnh... thì mình phải có tâm thương xót giúp đỡ, nhắc nhở an ủi để họ bớt buồn khổ. Đó là đạo đức của hàng xuất gia, cũng là hạnh tốt vì người. Người xuất gia phải có đức hạnh trang nghiêm. Bởi vì mình là người tu thì làm gì cũng phải có tư cách của người tu, không nên khi nổi giận thì bất kể, không nhớ mình đắp y Phật cũng không nhớ tới cái đầu đã cạo. Nhiều vị mới tu, lúc bình thường cũng tỉnh táo sáng suốt, hành động đều hợp đạo lý; nhưng khi bực bội, giận dữ rồi thì quên hết tư cách của mình, nói những lời như người đời, hành xử hệt thế gian. Đó là thái độ của những kẻ cuồng dại, là tự ruồng bỏ chí nguyện xuất gia tu hành và hóa độ chúng sanh của mình. Người tu thì dù có buồn giận mười phần, trăm phần, thậm chí ngàn phần cũng phải dẹp qua, không để mất tư cách. Giữ được hạnh như vậy là giữ được đức của người tu, ngược lại là tổn đức. Người tu mà phước đức đủ thì làm Phật sự được vuông tròn làm gì thuận nấy, còn phước đức không

đủ thì sẽ đưa đến thất bại. Không phải ai ghét hay phá hoại gì mình, mà tại mình không đủ phước. Thầy đã nhắc bốn chữ "kiệm phước, bòn phước" rồi, giờ thêm bốn chữ nữa là "tu đức, tập hạnh". Bốn chữ trước là giúp tăng trưởng phước đức, bốn chữ sau là để tăng trưởng đức hạnh.

Đức là do tu, gọi là *tu đức*. Hạnh là nhờ huân tập, nên nói *tập hạnh.* Như vậy, đức hạnh không phải ngẫu nhiên có, mà do tu tập. Tập làm theo, nên gọi là tu tập. Hạnh tự mình chưa có thì phải tập, phải bắt chước theo thì sau mới có được. Thế nên tất cả ni chúng phải tập, trước hết là tập theo hạnh của Phật, Bồ-tát, A-la-hán; kế đến là hạnh của sư trưởng, của huynh đệ. Học cái hay tốt của một cá nhân chưa đủ, phải gom góp những điều tốt của tất cả lại để học thì hạnh của mình mới tròn đầy. Tập lâu ngày thì hạnh càng thuần thục, đức càng tăng trưởng. Tu tập mãi như thế tự nhiên mai kia sẽ thành người đức hạnh, còn không khéo thì dù ở chùa tu nhiều năm cũng không có chút đức hạnh nào. Đức phát ra từ tâm hiền lành nhu hòa, lộ ra nơi hành động và lời nói. Thế nên khi thấy người nào đi đứng nghiêm trang, ăn nói từ tốn, từ bi độ lượng. thì biết đó là người có đức. Không phải lanh lẹ cãi hơn người là giỏi, cũng không phải làm cho người ta khổ sở bực tức là hay, mà đó là tổn đức. Vì vậy người tu phải tập nuôi dưỡng hạnh của mình, ráng sống sao cho có đức, người có đức thì ai thấy cũng quý mến.

Lúc Thầy ở Ấn Quang, một hôm học kinh xong xuống liêu cởi áo tràng cất. Thầy cùng thầy Từ Thông, thầy Huyền Vi và ba bốn huynh đệ nữa, ngồi lại bàn luận về lý vừa mới học. Nói một hồi cao hứng mạnh ai nấy nói, càng lúc càng to mà không để ý. Lúc đó, Hòa thượng Giám đốc đi ngang qua, nghe ồn Hòa thượng bước vô vỗ nhè nhẹ trên vai Thầy, bảo: "Nói khẽ khẽ!" Ngài không rầy một câu chỉ vỗ vai nhắc thôi, vậy mà tới giờ Thầy vẫn không quên. Người lớn không cần phải la quát lớn tiếng người ta mới sợ, đôi khi nhắc nhẹ nhàng mà làm cho người bị rầy ghi nhớ suốt đời. Đây là bài học mà người sau phải ráng học theo hạnh của các bậc tôn túc trước.

Những hạnh hay tốt đó, tự mình chưa có thì phải học hỏi bắt chước làm theo. Ở trong chúng chớ tự *ý* muốn làm gì thì làm, phải khéo học hạnh hay. Từ tâm mến đạo, thương người, vì muốn độ chúng sanh mà mình luôn luôn giữ hạnh đức của mình cho đầy đủ. Đừng nghĩ chỉ học những người trên, còn huynh đệ không có gì phải học. Mỗi người có cái hay riêng, có hạnh tốt riêng, ai hay ai tốt mình đều khéo học. Luận Ngữ của Khổng Tử có nói: "Tam nhân đồng hành, tất hữu ngã sư yên. Trạch kỳ thiện giả, nhi tòng chi. Kỳ bất thiện giả, nhi cải chi." Nghĩa là, *ba người cùng* đi *đường* ắt có *một người làm thầy ta, chọn lựa điểm tốt của họ để học theo, nhìn thấy những điều xấu của* họ *mà sửa đổi mình*. Trong ba người cùng đi ấy ắt có người hay, để mình học tập và hoàn

thiện lấy mình. Huống nữa, ở đây bảy tám mươi người, ai cũng có một vài hạnh hay, vậy đâu thiếu người tốt để mình học tập.

Thầy nhắc nhở bấy nhiêu đó, chỉ cần toàn chúng nhớ ráng tu. Làm sao từ bây giờ cho tới thành người lớn, càng ngày càng xứng đáng là người có đầy đủ đức hạnh, ra làm Phật sự mọi việc được vuông tròn. Đó là sự mong mỏi của Thầy.

Ngày 13-07 Tân Tỵ (31-08-2001)

Hôm nay là ngày tự tứ của ni chúng tại Thiền viện Trúc Lâm. Chư ni trước chúc khánh tuế Thầy, sau thỉnh Thầy chỉ dạy, nhân đây Thầy có vài lời nhắc nhở. Tất cả ni chúng, những vị đã tu lâu cũng như những người mới vào tu, một khi quyết tâm vào đây thì đã rõ tinh thần tu học của mình. Thật ra thì tại Thiền viện, chúng thường ở yên một chỗ chuyên tu, ít đi đâu cũng không làm việc ở bên ngoài, luôn thúc liễm thân tâm, nên ngày tháng năm nào cũng là an cư. Mặc dù thế, ba tháng an cư vẫn là thù thắng. Vì nhờ có thêm ba tháng an cư kiết hạ mà sự tu hành của chúng được miên mật hơn, đạo lực càng thêm tăng trưởng.

Việc tu tại Thiền viện tương đối thuận lợi, vì gồm đủ ba phần: Phần thứ nhất là giữ gìn giới luật của Phật, những giới gì mình đã hứa lãnh thọ thì gắng vâng giữ cho trong sạch. Phần thứ hai là tu học theo tinh thần Lục hòa cộng trụ. Huynh đệ sống chung trong đạo đều là những người đồng một lý tưởng, cùng tôn thờ một bậc Thầy, tức không có lý do gì để chống đối hay thù nghịch nhau. Vậy nên tất cả cùng tu tập hòa hợp an vui, dù ở trong chúng đông bảy tám mươi người vẫn sống an lành không chút phiền hà hay bực bội khó chịu. Phần thứ ba là yên tu. Thiền viện tạo đủ điều kiện để toàn chúng yên tu. Về mặt sinh hoạt đều có đủ phương tiện, cơ sở vật chất khang trang... không có trở ngại gì. Về mặt tu học, chúng ở đây được nghe pháp từ Thầy, học nội điển thì có các vị lớn là giáo thọ dạy. Lúc nào cũng được chỉ dạy cho hiểu chánh pháp của Phật, nhắc nhở cho biết chỗ chân thật để trở về, răn bảo về oai nghi tế hạnh. Nhờ thế nên tất cả được tu học yên ổn, không gặp khó khăn về giáo lý và sự tu hành.

Ở đây ni chúng yên ổn tu hành, không phải bận tâm lo lắng thiếu thốn đói rách... Từ thuốc men cho đến tất cả vật dụng cần thiết, đều được Phật tử phát tâm cúng dường. Thông thường trên con đường tu hành, chúng ta hay gặp nhiều khó khăn bởi ngoại cảnh hoặc do thân bệnh làm chướng ngại chuyện tu. Nhưng hiện tại, về ngoại cảnh thì tốt đẹp, về nội thân cũng yên ổn. Nếu có những bệnh thông thường thì đã có sẵn thuốc, hoặc nặng hơn thì mời thầy thuốc tới chữa trị. Như vậy không còn gì để bận tâm lo nghĩ, chỉ còn một việc tu mà thôi. Chúng ta phát tâm tu thì phải dùng trí tuệ để thấy, biết được hoàn cảnh thuận

lợi rồi thì cần nắm lấy cơ hội để tu, đừng lui sụt. Người tu cần có những cảnh khó, những trường hợp thử thách để đo xem tâm nguyện, ý chí của mình mạnh hay yếu. Vì vậy đừng đòi hỏi mọi người chung quanh đều phải cung dưỡng, chiều chuộng mình. Phải sẵn sàng chấp nhận những thứ khó khổ, những lời rầy mắng quở trách, để xét lại xem mình có được cứng cỏi vững vàng chưa, hay còn khiếm khuyết điều gì cần sửa đổi. Nếu người tu nào mà có được tâm niệm này thì trên đường tu không bao giờ thối chuyển.

Trong kinh Trung Bộ, Phật dạy:

"Người xuất gia đến ở nơi nào, sống gần người nào mà những nhu cầu về tứ sự, vật dụng cần thiết tìm kiếm rất khó khăn, sự tu hành không chứng đạt, tâm mình không an trụ thì nên rời đi không cần xin phép.

Ở nơi nào, sống gần người nào mà tâm mình không an trụ, sự tu hành không chứng đạt gì, nhưng vật chất dồi dào sung túc cũng xin rời đi. Vì xuất gia là để tu hành giải thoát không vì việc cơm áo.

Ở nơi nào, sống gần người nào mà tâm mình được an trụ, những điều chưa chứng đạt được chứng đạt, được vô thượng an ổn, khỏi các triền phược. Cho dù tứ sự vật chất kiếm được khó khăn cũng kiên trì ở lại, không rời đi.

Ở nơi nào, sống gần người nào mà tâm mình được an trú, được định tĩnh, các lậu hoặc hoàn toàn được đoạn trừ, vô thượng an ổn khỏi các triền phược, pháp chưa chứng đạt được chứng đạt. Những vật dụng tứ sự cần thiết cho đời sống một người xuất gia, kiếm được một cách dễ dàng. Nơi ấy phải trọn đời ở lại, không được rời đi, dù cho có bị xua đuổi."

Vậy nên người học đạo là phải chấp nhận cái khó để tiến lên. Không nên nghĩ rằng, ở đâu được sung sướng, dễ dàng thì vui thích. Ở đâu thỏa mãn những đòi hỏi của mình thì ở, còn chỗ nào dù có đạo lý mà hơi khó khăn một chút thì không ưng. Người xưa tu hành, khi gặp những việc xảy ra đáng buồn mà các ngài vẫn thản nhiên. Bị rầy la mắng chửi vẫn vì đạo mà ở tu, không bỏ đi. Còn thời nay, có người mỗi khi được khuyên dạy nhắc nhở nhẹ nhàng thì vui, bị rầy hơi nặng thì buồn. Người như vậy làm sao tu được? Trên đường tu không bao giờ đạt được kết quả.

Qua ba tháng an cư, toàn chúng phải kiểm điểm lại mình, xét nét kỹ càng. Nếu thấy bị phiền não vì người chung quanh, hoặc vì thân bệnh, hoặc gặp những điều trắc trở nào đó thì phải phát nguyện: "Dù khó khăn, khổ sở, bệnh hoạn v.v... miễn là được học đạo, được yên tu thì nhất định không bỏ cuộc." Đừng vì một hai lý do gần xa rồi sanh phiền não, chán nản, tự hủy hoại tâm Bồ-đề của mình. Một đời tu không kết quả thì rất đáng tiếc! Được sanh làm người là rất khó, được gặp Phật pháp lại càng khó hơn. Ngay hiện đời được làm thân người toàn vẹn không tật nguyền, lại gặp Phật pháp, được chỗ êm ấm

yên ổn tu hành mà không vừa lòng thì không biết còn muốn kiếm tìm gì nữa! Chúng ta phát tâm tu là cốt làm sao được giác ngộ, giải thoát sanh tử. Ở đâu có chỉ dạy Phật pháp thì nơi đó xứng đáng để mình nương tựa cả cuộc đời tu hành. Nếu người xuất gia mà mong mỏi thân được hưởng thụ vất chất thỏa mãn thì quả là xấu dở. Vì thân này dù có nuôi dưỡng cách mấy, nó cũng vô thường tạm bợ. Đi tu mà mải chăm lo cho cái tạm bợ, đó là dại khờ.

Tất cả trong chúng mỗi người tự xét lại lòng, kiểm xem tư cách của mình, điều gì dở thì nhất quyết chừa bỏ, điều gì hay thì cố gắng tiếp tục. Luôn gạn đục lắng trong tâm mình, làm sao trọn đời tu được kết quả tốt, để còn chỉ dạy hướng dẫn cho người sau. Như vậy mới đủ tinh thần tự giác giác tha, xứng đáng là con của Phật. Đó là sự mong mỏi của Thầy, mong tất cả ni chúng ráng cố gắng tinh tấn tu hành, đừng để thời gian trôi qua vô nghĩa.

THUỐC ĐẮNG

Thiền viện là nơi đào tạo ra những con người đức hạnh, nên đã vào đây tu thì tuyệt đối không được chửi tục hay hăm dọa đánh người. Ở đây là chỗ tu hành thanh tịnh, nếu người nào phát ngôn không phù hợp, không đúng tư cách của người tu, tức là người đó không có đức hạnh. Nếu tôi biết được có người như thế thì sẽ họp chúng cho đi liền.

Những người mới tu, tập khí lâu đời còn mạnh, khi nóng nảy dễ nói những lời hơi thô khiến huynh đệ không vui. Nên biết đó là điều dở, mỗi ngày phải gắng tiến lên. Nếu người tu nhiều năm rồi mà nóng giận chưa giảm thì rất tệ, sự tu rất yếu. Chúng ta tu phải thường xét lại lỗi mình, điều gì còn dở thì phải biết lỗi cần cầu sám hối. Quyết tâm không để tái phạm, khi làm việc ráng cẩn thận, kềm chế nóng giận, sáng suốt hơn.

Phật tử luôn hướng về Tam bảo để gieo trồng duyên lành mà tăng ni là người đại diện cho Tam bảo, vì vậy không được sơ suất khiến cho Phật tử mất lòng tin. Tôi tuy ở tại phương trượng, không thường có mặt trong chúng, nhưng mọi sinh hoạt tu học tôi đều biết rõ. Mong rằng chúng tăng phải làm sao giữ được tư cách, sống đúng thái độ của một nhà tu. Gặp việc gì cũng phải hòa hoãn, vui tươi, hiền hậu. Mỗi người phải ráng giữ ba nghiệp của mình, để cho tập thể tu hành tại đây luôn được thanh tịnh.

Thiền sinh ở trong Thiền viện phải tập sống hòa hợp với mọi người. Mỗi người luôn tự phản chiếu lại mình, nếu thấy những gì còn dở thì sửa liền, không nên nuôi dưỡng. Như ở đây, chúng không ăn chiều chỉ dùng chút bột để ngồi thiền được nhẹ nhàng. Nếu người mới vô chưa quen thì ráng tập lần, còn người nào có bệnh bao tử hoặc những bệnh gì khác thì nên chữa trị cho bệnh lành, rồi cùng sống hòa hợp, nhịp nhàng với chúng. Bởi chúng ta sống trong chúng đông, chẳng lẽ mọi người không ăn chiều mà chỉ có mình ngồi ăn, trông rất chướng ngại.

Đối với thời khóa tu học, trừ khi nào bệnh nằm liệt giường thì thôi, chứ bệnh ít ít còn ráng được thì nên cố gắng. Người có bệnh mà ráng ngồi thiền, sẽ tốt hơn cho sức khỏe. Khi ngồi thiền cơ thể ấm lên, xuất mồ hôi ra khiến bệnh mau thuyên giảm. Đừng lấy lý do bệnh mà bỏ bê thời khóa, hết lần này rồi tới lần khác, cứ thế tiếp tục liên miên làm sự tu không theo kịp huynh đệ. Trên đường tu, nếu thả rề như vậy, không biết chừng nào mới đạt được mục đích tu hành. Có thân là có bệnh, nên phải luôn cố gắng. Tu không thành bệnh đâu mà sợ. Phải biết, bệnh là do thời tiết, khí hậu không hợp cơ thể. Tu sẽ làm cho mình mau hết bệnh, chứ không phải thêm bệnh. Cho nên ráng tu đừng để bê trễ, tinh tấn thì sẽ vượt qua được các chướng duyên.

Thời gian gần đây, nhiều người thích viết thư pháp. Việc này cũng tốt, nhưng với sinh hoạt của một Thiền viện chuyên tu thì không phù hợp. Các vị muốn vào Thiền viện tu xin đôi ba phen, tôi thấy quyết tâm nên cho nhập chúng. Được vào chuyên tu rồi, sao không để hết tâm lực vào việc tu cho sáng đạo. Khi tôi đi vắng, có vị bày ra viết thư pháp rồi còn muốn dạy cho người này người kia viết thư pháp nữa. Chư tăng phải nhớ rằng, ở Thiền viện hạn chế tối thiểu việc đi lại, hạn chế tiếp khách cũng không đi dự đám ở ngoài. Sở dĩ không để phí thời gian vào chỗ nào hết, là vì để cho chúng có thời gian tu học. Vậy nên các huynh đệ đừng để mất thời gian quý báu của mình vào việc không cấp thiết, mà cũng làm rộn trong chúng.

Tôi rất quý thời gian, nên muốn cho chúng ở đây tu hành một năm xứng đáng một năm, để mai kia khi tôi nghỉ rồi, sự tu hành của các huynh đệ có kết quả tốt, đi ra giảng dạy hướng dẫn người ta tu cho có lợi ích. Được vào Thiền viện chuyên tu rồi mà không chịu lo tu, chỉ ngồi đó tập viết thư pháp. Nếu thế thì mai kia ra ngoài để viết thư pháp, chứ có tu hành gì mà biết dạy dỗ cho ai! Việc đó không những làm mất thời gian tu, mà cũng đi ngược lại đường lối tôi chỉ dạy. Ấy là lỗi lớn.

Ở đây thời gian tu học khít khao, không rảnh đâu mà làm việc khác. Ngoài thời khóa tu học, buổi sáng còn phải lao động. Vì lao động là công tác chung cho chúng có sức khỏe, đồng thời cũng là để tập tu trong lao động, chứ không phải đợi tới thời khóa mới tu. Tất cả thời gian đều dồn hết vào sự tu học, để làm sao những ngày tháng ở Thiền viện sự tu học được tiến bộ rõ ràng. Nếu không như thế, dù có ở Thiền viện nhiều năm cũng vô ích.

Tôi rất buồn vì thấy người tu mà không quyết tu để cầu đạo giải thoát. Khi mới cạo tóc vào chùa ai cũng có thiện chí tối đa, nhưng lâu dần phai nhạt. Buổi đầu có chí tiến tu, sau lần lần bày ra cái này cái nọ, lệch đường không hay, rốt cuộc một đời tu không ra gì hết. Đó là điều đáng tiếc. Vì vậy tôi cố gắng tạo duyên cho tăng ni tu, vào Thiền viện chỉ có việc tu, còn những việc gì khác đều gác qua hết. Sở dĩ có làm công tác một chút, chỉ là để vận động cho có sức khỏe, đồng thời cũng nhằm phục vụ cho việc ăn ở của mình, chứ không phải làm vì tiền bạc.

Bởi tôi lo cho tăng ni ở đây chỉ tu thôi, không phải làm gì, Phật tử nghe vậy thương nên giúp đỡ đầy đủ để tăng ni yên tu, Thầy cũng không phải bận tâm lo nghĩ. Do đó tất cả tăng ni chỉ nên một bề lo tu học và làm những Phật sự mình đang gánh vác, chứ đừng lo làm những việc không cần thiết khác. Yên tu để xứng với lòng mong mỏi của Phật tử và đền đáp công ơn của đàn-na tín thí. Tôi mong mỏi tăng ni ráng tinh tấn tu hành, đừng theo đuổi những việc bên ngoài, trái với sự tu. Có tu tốt thì mai kia mới có thể tiến được những bước dài, lợi mình lợi người. Không thì uổng đi một đời, nói tu mà không tới đâu.

Ở trong Thiền viện, có vị rất nhiệt tình lo cho Tam bảo, bảo vệ cảnh quan của Thiền viện cho tốt đẹp, trang nghiêm. Tuy nhiên, đôi khi nhiệt tình quá, sợ người khác làm hư hỏng nên nóng ruột, dễ to tiếng. Thế nhưng phải biết, nhiệt tình là tốt, mà to tiếng thì không tốt. Bởi mình là người tu, vì nóng ruột mà la to, nạt lớn thì người ta sẽ bảo "ông thầy tu sao còn dữ quá!". Vậy nên dù gặp chuyện gì trái nghịch cũng phải nhẫn nhịn nói nhè nhẹ, không nên lớn tiếng giống người thế tục.

Chúng tăng phải nhớ, dù mình làm việc tốt nhưng thiếu lễ độ thì việc tốt đó cũng biến thành xấu. Thí dụ, vì thương cha mẹ, muốn điện thoại về khuyên cha mẹ phát tâm quy y thì phải trình thưa với quý thầy có trách nhiệm. Phải biết có lớn có nhỏ chứ không nên muốn gọi điện thoại thì gọi, mà không xin phép. Gọi điện khuyên cha mẹ quy y là tốt, nhưng không xin phép người có trách nhiệm là sai. Như vậy, việc tốt mà trở thành xấu, thành lỗi. Hoặc như các chú còn nhỏ, lúc làm nặng nhọc dễ bị đói bụng, đây cũng là việc thường. Đói bụng thì trực tiếp với Tri khố để xin đồ ăn chứ đừng tự tiện, lấy đại không xin thành lỗi ăn cắp.

Tại sao làm việc gì cũng đều phải xin phép các vị có trách nhiệm? Bởi vì mình còn nhỏ, chưa ý thức hết việc làm của mình, nên phải trình qua để người lớn biết việc làm của mình là chính đáng hay không. Nếu chính đáng thì cho phép làm, còn không chính đáng thì ngăn dừng. Nhất là tránh trường hợp ý mình làm thị giả hoặc đang phụ trách công tác gì đó, rồi muốn gọi điện cho ai thì gọi, lâu dần sẽ phát sanh nhiều chuyện lôi thôi. Người lớn không biết, không kiểm soát được, sau này chẳng may có chuyện gì xảy ra thì ai chịu trách nhiệm. Vì vậy làm việc gì cũng phải thưa trình rõ ràng, chờ đợi một chút không tốn bao nhiêu thời gian mà sau không bị trở ngại.

Ở bên Canada cần một thầy qua đó hướng dẫn Phật tử tu học, tôi xét thấy vị nào thật tu thì mới phân công cho đi. Lãnh trách nhiệm làm Trụ trì một Thiền viện phải có đủ tư cách, nhất là xử sự với mọi người cần nghiêm chỉnh mới được. Nếu làm Trụ trì mà thiếu nghiêm chỉnh là một lỗi lớn, thế nên nói năng phải cẩn thận, xử sự hòa hoãn trang nghiêm. Một vị Trụ trì có tư cách, đầy đủ uy tín thì Phật tử mới quý trọng. Làm sao để người ta thấy quý thầy ở Thiền viện ra, người nào cũng nghiêm chỉnh đàng hoàng, xứng đáng làm thầy để Phật tử nương theo tu học. Nếu có khinh suất hoặc xem thường đùa cợt thì không xứng đáng làm thầy hướng dẫn cho người. Điều thiết yếu này các chú cần phải nhớ, ráng tu nghiêm chỉnh để một khi ra nhận trách nhiệm là làm được việc lớn. Mỗi người được phân công ở mỗi nơi, nếu làm tốt hết thì đó là điều đáng mừng; còn cho đi ra làm Phật sự một thời gian rồi làm mất tín tâm của Phật tử, hoặc chán nản bỏ cuộc đòi về, đó là việc đáng buồn.

Người học Phật pháp mà biết thưa hỏi Phật pháp là điều tốt, đó là tâm tôn trọng pháp. Nhờ có thưa hỏi mới được chỉ dạy cặn kẽ, nhưng muốn thưa hỏi Phật pháp thì phải nghiêm trang tề chỉnh. Nếu người hỏi thì nằm, còn người nói thì ngồi, như vậy là xem thường pháp Phật. Tu là phải y theo chánh pháp của Phật mà không quý trọng chánh pháp, vậy nương tựa vào đâu để tu? Lỗi này thấy dường như nhỏ nhưng sự thật lại là lớn, vì khinh thường pháp.

Đối với người tu, Tam bảo là trên hết, nên lúc nào cũng cung kính Tam bảo. Tam bảo là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo. Nếu kính Phật mà đối với Pháp không kính trọng thì đâu là chỗ để mình nương tựa. Tất cả chúng, từ lớn tới nhỏ, khi lên lớp học hoặc nghe giảng đều phải mặc áo tràng nghiêm chỉnh. Học xong rồi, có chỗ nào chưa biết hay còn nghi ngờ chưa hiểu rõ thì thưa hỏi. Cầu xin vị nào mà mình đủ niềm tin là có hiểu biết hơn mình, để nhờ chỉ giùm những chỗ mình chưa hiểu rõ. Đúng pháp thì khi thưa hỏi với người lớn là phải mặc áo tràng cho đàng hoàng, còn thưa hỏi với huynh đệ thì dù không mặc áo tràng nhưng cũng phải ngồi nghiêm chỉnh. Bổn phận của người nhỏ là vậy, còn vị lớn chỉ dạy cho người nhỏ thì phải nhắc nhở cho đúng đạo lý chứ không được chiều uốn theo người nhỏ. Bởi xem Tam bảo là trên hết, nên người biết tu lúc nào cũng cung kính Tam bảo. Nếu có một giây phút nào xem thường Tam bảo, là biết lúc đó mình không còn muốn tu nữa rồi. Nương Tam bảo để tu mà coi thường thì nương đâu tu. Do đó, trong kinh luật Phật dạy lúc nào cũng phải cung kính, quý trọng Tam bảo. Phải hiểu cho thật rõ như vậy đừng lầm lẫn, đừng xem thường mà bị tổn phước.

Vấn đề nhập thất với người tu rất quan trọng, cho nên khi huynh đệ đủ duyên đến từ giã mình để vào thất yên tu. Đây là giờ phút cần phải nghiêm chỉnh, bởi người ta đặt nặng sự tu hành và quý trọng mình nên mới đến chào, cầu mong có lời chỉ dạy để lấy đó làm tư lương trong sự tu hành. Trường hợp này cần phải nghiêm chỉnh, đem kinh nghiệm tu hành của mình mà hết lòng truyền đạt lại cho huynh đệ. Nếu chúng ta không cẩn trọng, nói lời đùa cợt không đúng thời thì thật đáng trách vô cùng. Vì trái với lòng quý trọng, trông đợi của người sau.

Là người xuất gia tu hành phải có oai nghi nghiêm chỉnh, nói năng chín chắn thì sự tu của mình mới có giá trị. Thân, miệng, ý phải thích hợp nhau. Nếu ngồi thiền giỏi mà thân khẩu ý buông lung thì không phải là người biết đạo lý chân thật. Cho nên tăng ni cần phải cẩn thận trong sự tu hành, đừng nói chuyện bừa bãi, tổn phước.

Thiền viện chủ trương chuyên tu, nên mỗi người cần phải xét mình cho thật kỹ. Nếu còn có những điều dở thì phải biết mà sửa đổi. Dở mà không biết mình dở là họa. Tất cả chúng khi vào đây tu, đối với tứ sự cúng dường, ăn mặc ở và bệnh hoạn Thiền viện lo hết. Toàn chúng chỉ cần tu thôi, không phải lo

nghĩ gì khác, mọi sự thiếu đủ Thầy chịu trách nhiệm, chúng không phải bận tâm. Bởi vì Thầy kinh nghiệm, ngày xưa khi còn ở trường, nhiều huynh đệ thiếu thốn không có cuốn sách để học, không được lá y để đắp, phải chạy ngược chạy xuôi xin. Thầy nghĩ nếu người tu mà bận tâm lo tính nhiều quá thì việc tu không thể tăng tiến. Do đó khi lập Thiền viện, Thầy cố gắng lo cho chu toàn, để chúng chỉ có mỗi việc chuyên tu thôi thì công phu tu hành mới không lui sụt.

Khi mới vào nhập chúng, tất cả mọi thứ nào là áo lạnh, bàn chải đánh răng v.v... các nhu cầu cần thiết, đều được kiểm qua và cung cấp đầy đủ, nếu thiếu thì Thiền viện sắm cho, khi nào xài hư hay cũ rách thì đem trình để nhận cái mới. Như vậy thì mọi người đều phải có ý thức chung lo gìn giữ. Tuy nhiên thực tế trong cuộc sống, có vài việc rất nhỏ nhưng Thầy cũng cần nhắc nhở thêm cho toàn chúng hiểu, để không khéo phạm tội mà không hay.

Thí dụ, một người nọ có hai cái áo len, thấy người mới tới liền đem cho hết, làm vậy có đúng không? Ở đây không ai có của riêng, nhập chúng rồi thì quân bình mọi thứ vật dụng như nhau. Nếu đã có áo len rồi thì sử dụng khỏi xin Thiền viện, chừng nào áo đó rách thì qua Tri sự xin cái khác. Nếu đã có áo rồi mà còn xin cái mới, cái cũ giữ làm của riêng rồi muốn cho ai thì cho; hoặc vì không thích cái mình đang có nên đem cho người khác, rồi qua kho xin cái mới... Kinh sách cũng vậy. Bình thường Thầy phân chia ra cho chúng, gần là để có mà nghiền ngẫm đọc tới đọc lui, xa hơn là để mai này khi có duyên ra làm Phật sự, rời khỏi Thiền viện thì cũng có sẵn kinh sách để mà đem ra nghiên cứu giảng dạy. Ở trong chúng có những vị rất hảo tâm, thấy như mình dư nên đem cho hết, không biết sẽ có lúc cần dùng tới. Như vậy là không đúng. Mình cứ đem cho như vậy, đến khi thiếu thốn thì ai lo? Tất cả đều Thầy lo. Trong khi Thầy lo đủ thứ, sợ thiếu cái này hụt cái kia, muốn cho chúng đủ điều kiện để tu, còn chúng thì ỷ lại có người lo rồi không sợ thiếu thốn, nên cứ tha hồ muốn cho ai thì cho, hoặc gởi biếu người này người nọ, để rồi đi xin cái khác. Điều này thật là vô lý!

Như vậy là chỉ nghĩ đến chuyện riêng tư của mình mà phụ lòng lo lắng của Thầy! Nếu mình thương ai thì đem cho người đó, vậy là thương Thầy hay thương huynh đệ? Phải biết, tình thương đó là riêng tư, không phải là chân thật. Người có trách nhiệm đứng ra lo cho mình đủ phương tiện tu mà mình không nghĩ tới, cứ muốn thì đem cho, rồi thì bị thiếu, bị lạnh. Vô tình làm Thầy phải lo lắng thêm nhiều, bởi trong kho báo cáo thiếu cái gì thì phải đi mua, mà tiền ở đâu ra để mua? Phật tử cúng dường bao nhiêu, Thầy đều dồn lại lo cho tăng ni. Nếu trong chúng xài phung phí quá thì sao? Cho nên, nếu có dư dả chút ít phải báo cáo lại, Ban quản chúng thấy cần cho ai thì cho. Còn những đồ phát cho mình mà mình tự tiện đem cho người khác là không hợp đạo lý. Thầy hết

lòng lo như vậy, lẽ ra không nên làm gì cho Thầy phải bận tâm, đó mới gọi là biết thương Thầy. Trái lại, vì tâm riêng tư, ơn nghĩa với nhau mà không nghĩ tới chuyện người lớn phải gánh vác nhọc nhằn. Vật chất là chuyện nhỏ trong cuộc sống mà còn không nghĩ đến sự lo lắng của Thầy thì chắc rằng đối với việc tu hành cũng không nghĩ đến công Thầy dạy dỗ.

Thầy thường nhắc, Phật tử cúng dường tứ sự là cúng cho tăng ni chứ không cho người ngoài. Vì vậy đối với những vật dụng được phân phát, nếu không sử dụng thì gửi trả lại cho Tri khố. Khi nào Tri khố thấy cái gì đã đủ, hoặc để lâu sợ hư hỏng thì báo cho Ban quản chúng, để cúng dường đến những người tu đang cần, hoặc chuyển sang cho các Thiền viện khác sử dụng, chứ đừng mạnh người nào muốn cho ai thì cho, không nên vì ý riêng tư của mình mà đem cho người ngoài để gây cảm tình. Gây cảm tình thì nguy hiểm chứ không có lợi. Điều này đưa đến hai việc không hay: Một là, người ở ngoài thấy vậy họ sẽ cho là chúng ở đây dư dả ăn không hết, chắc là giàu có, nhiều tiền của lắm. Từ đó họ sanh tâm không tốt, bản thân họ tạo tội mà còn gây nguy hiểm cho cả chúng nữa. Hai là, Phật tử thấy thế sẽ nghĩ rằng ở đây thừa thãi phung phí quá, không ai muốn cúng dường thêm nữa. Phật tử không phát tâm thì Thầy làm sao mà lo cho tăng ni yên tu được? Đó là những điều tế nhị phải hiểu cho thật kỹ, người tu không nên hời hợt mà cần thấy xa trông rộng, không nên làm theo tâm niệm riêng tư của mỗi người.

Chúng ở một nơi yên tu, được Thiền viện lo lắng đầy đủ, đâu biết rằng không phải nơi nào cũng được sung túc mà còn biết bao người tu, bao nhiêu chùa chiền và các Thiền viện khác vẫn đang thiếu thốn. Thầy không chỉ lo riêng một mình Thiền viện Trúc Lâm trên này thôi, mà còn phải lo cho tất cả Thiền viện ở các nơi. Ở những Thiền viện dưới kia, cuộc sống lao tác còn nhiều vất vả, chưa chắc đã có dư. Nên biết, không phải ở đâu cũng dư dả hết, có chỗ đủ có chỗ thiếu. Chỗ đủ chia sẻ cho chỗ thiếu, vậy mới có tình đồng đạo. Như vậy mới đúng tinh thần lo cho Tam bảo, bảo vệ Tam bảo được trường tồn. Nếu chỉ lo cho trên đây đầy đủ dư dả mà các Thiền viện khác thiếu thốn thì chúng các nơi sẽ hoang mang, nghĩ rằng Thầy xử sự không công bằng, sao cùng là Thiền viện mà chỗ dư chỗ thiếu? Vậy mà không ít vị, chỉ nghĩ đến bản thân mình chứ không nghĩ đến Tam bảo, chỉ gây tình cảm riêng mà không có tình đồng đạo. Người biết tu phải khéo, làm việc gì cũng vì chuyện chung chứ không vì chuyện riêng.

Toàn chúng phải biết, do tôn trọng sự tu của tăng ni, muốn cho tất cả đều được tốt nên Thầy nhắc nhở như vậy. Thầy chỉ mong trong chúng, điều gì đã học được, hiểu được thì ráng tu cho tốt. Để mai kia khi rời Thiền viện, mỗi vị đều xứng đáng làm Thầy người khác, lợi mình lợi người và đạo pháp. Mong toàn chúng cố gắng tu, để Thầy khỏi phải bận tâm lo nghĩ nhiều.

CÂU CHUYỆN BUỔI CHIỀU

Thầy kể câu chuyện, xem trong chúng trả lời được không. Vừa rồi có một đứa bé điện thoại xin gặp Thầy, nhờ Thầy giảng giùm ba câu hỏi. Đứa bé thưa:

- Thưa Thầy, tại sao các bác nói rằng tâm mình trùm khắp?

Thầy hỏi lại:

- Con nghĩ tâm mình thế nào?

- Dạ, tâm mình ở trong người mình. Thưa Thầy, vậy ai nói đúng?

- Cả hai đều đúng.

- Tại sao vậy?

Thầy nói:

- Nhìn trên hiện giờ thì cái biết ở nơi con người mình, nên nói tâm ở nơi mình là đúng. Nếu nhìn trên tâm thể thì cái biết đó không có hình tướng, vì không có dáng vẻ gì riêng biệt nên không bị giới hạn, do không giới hạn nên nói trùm khắp.

Đứa bé hỏi thêm:

- Thưa Thầy, trong kinh Phật nói về nhân quả, nếu đời này mình làm người ta khổ thì mình có tội, đời sau bị người trả lại. Điều đó con thấy bất ổn.

- Bất ổn thế nào?

- Thưa Thầy, nếu đời này mình làm người ta khổ thì đời sau người ta làm khổ lại mình. Đó là vì mình thiếu nợ người ta nên người ta đòi thôi, tại sao lại nói người đó cũng có tội nữa?

Thầy hỏi:

- Năm nay con bao nhiêu tuổi?

- Dạ, thưa Thầy! Năm nay con mười hai tuổi.

Một đứa bé mười hai tuổi mà biết hỏi câu đó, nghe giật mình. Trong chúng trả lời được không? Mình làm khổ người ta thì mình có tội, về sau có gặp thì mình bị họ làm khổ trở lại, vậy là huề. Nhưng sao lại nói họ cũng có tội, vậy là nhân quả không công bằng sao?

Thầy trả lời:

- Nhân quả Phật dạy không phải như chỗ con hiểu. Đời này mình tạo nhân làm cho người ta khổ trăm phần trăm thì đời sau gặp lại người ta làm mình khổ trăm phần trăm, đó gọi là trả nợ nhau. Nhưng có một điều khác là trong khi trả nợ nhau đó, lại gây tạo thêm nhiều hơn, tức là đòi nhiều hơn nợ thiếu. Thí dụ,

trước kia mình chỉ chửi người ta ít câu, nhưng sau gặp lại họ đánh mình, như vậy là đòi quá số nợ thành thiếu nợ trở lại, nên nói cũng có tội. Như có người vay mình một triệu đồng, mình đòi lại đúng một triệu đồng là huề. Nhưng nếu mình đòi tới một triệu rưỡi, vậy là mình thiếu lại họ năm trăm. Cho nên cứ thế mà phải tiếp tục vay trả, trả vay. Nhân quả Phật dạy là như vậy, nên người biết tu thì đừng vay trả với nhau nữa. Đời này bị người làm khổ, mình oán hờn họ thì sau sẽ gặp lại để đền trả. Nếu không muốn gặp lại để vay trả thì bỏ qua, không oán hờn. Hiểu vậy rồi chấp nhận, hiện tại chịu khổ một chút, ngang đây dứt nợ không phải tiếp tục trả qua trả lại nữa. Thí dụ người ta mượn con một triệu đồng, sau con biết họ nghèo nên thương xóa nợ cho họ luôn. Không đòi thì đâu có gặp lại để trả, nên không tiếp tục vay trả. Do mình còn ghi nợ nên trong lòng nhớ mãi, đợi mai chiều bắt họ phải trả thành mới có vay trả. Người Phật tử biết tu phải bỏ hết oán hờn, ai làm mình khổ cho qua rồi bỏ đừng nghĩ đòi lại, vậy thì không có kết oán thù. Không kết oán thù thì chỉ trả một đời này thôi, sau không còn gặp lại nhau để trả qua trả lại nữa.

Đứa bé lại hỏi:

- Ba con nói người tu thiền phải trì chú nữa mới được, vừa tu Thiền vừa tu Mật, hai pháp đồng tu mới có kết quả. Thưa Thầy, phải vậy hay không?

Thầy nói:

- Chủ trương vừa tu Thiền vừa tu Mật là căn cứ trên kinh Lăng-nghiêm. Trong kinh Lăng-nghiêm đức Phật dạy, người tu thiền nếu trì tụng chú Lăng-nghiêm thì không bị tà ma, quỷ thần... quấy phá. Nhưng thực tế, tu thiền là xoay lại chính mình, theo dõi hơi thở ra vô, thấy rõ vọng tâm sanh diệt. Tâm sanh diệt lặng thì chân tâm hiện tiền. Phản quan như vậy, tất cả những niệm dấy khởi đều thấy là huyễn hóa nên tâm thanh tịnh. Vì vậy, chỉ tu thiền thôi không cần trì chú.

Hôm trước chú bé này cũng hỏi Thầy ba câu, nay lại hỏi tiếp ba câu nữa. Một đứa bé mới mười hai tuổi mà rất khôn ngoan, biết hỏi những câu như thế. Nếu mình tu mà không thông hiểu giáo lý, con nít hỏi trả lời đã không trôi, huống nữa là người lớn. Cho nên Thầy chủ trương tu là phải học. Vừa tu vừa học để cho có vốn liếng Phật pháp, nếu không thông Phật pháp thì không thể truyền bá Phật pháp được. Thầy thấy những việc cần làm, cái nào có lợi cái nào có hại, mới hướng dẫn chúng tu. Một số người lười biếng, cho rằng chỉ cần tu thôi không cần học. Đây là sai lầm! Chỉ ngồi tu mà không học thì làm sao biết giáo lý đầy đủ để giảng giải cho tường tận.

Ngày xưa, khi Phật đi khất thực, người ta bỏ thức ăn vô bát cúng dường, đó gọi là hóa duyên hay gieo duyên, tức là gieo duyên hóa độ. Hiện nay có nhiều người tu không hiểu hết ý nghĩa này, nên quan niệm rằng tu mà thọ của

đàn-na thí chủ e mang nợ, nên ráng làm có tiền ăn để khỏi mang nợ. Nhưng theo đạo Phật, quan niệm như vậy là sai. Phật dạy, muốn sau này giáo hóa chúng sanh thì phải có duyên mới giáo hóa chúng sanh được. Chúng sanh gieo duyên với Phật, Phật nợ họ nên sau gặp lại Phật độ họ. Nhờ gieo duyên nên mới gặp lại để giáo hóa, nếu không có duyên thì không gặp lại được. Nên nói "Phật hóa hữu duyên nhân", tức là Phật chỉ giáo hóa người có duyên với Phật. Người có duyên mới gặp Phật được, Phật dạy họ mới nghe, còn không có duyên thì dù thấy Phật cũng không đến gặp Phật.

Trong kinh Hiền Ngu có đoạn kể, đức Thế Tôn dùng đủ lời lẽ an ủi Phước Tăng, khiến dứt sạch lo buồn, tâm rất hoan hỷ, liền đi theo Phật vào đến tinh xá. Đức Phật bảo tôn giả Đại Mục-kiền-liên: "Hãy xuất gia cho người này. Vì sao? Vì chúng sanh tùy duyên mà được độ. Người có duyên với Như Lai thì người khác không thể độ, người có duyên với người khác thì Như Lai không thể độ. Người có duyên với Xá-lợi-phất hay Mục-kiền-liên, Ca-diếp, A-na-luật, Kim-tỳ-la... thì tất cả đệ tử khác cũng không ai có thể độ được. Nên biết, tùy theo người có duyên mới độ được, còn người khác không thể độ."

Thế nên, người tu chúng ta muốn mai kia giáo hóa được nhiều người thì phải nhận của thí chủ cúng dường, gọi là gieo duyên. Nhận, đó là vay mượn, mình thiếu nợ thí chủ nên sau gặp lại để trả. Tuy nhiên, hình thức trả hoàn toàn khác hẳn. Bây giờ vay mượn bát cơm, manh áo, nhưng khi trả thì trả bằng giáo pháp. Thầy thường nói, Thầy nợ chúng sanh đầy đầu. Nhờ có nợ nên bây giờ Thầy giảng nói mới có nhiều người tới nghe. Nếu không có nợ tức không có duyên, thì dù gặp cũng không cảm, mà không cảm thì làm sao giáo hóa được.

Người nào nghĩ rằng mình ở thất tu, sống tự túc để không nợ nần ai hết, mới nghe tưởng hay nhưng đó là ích kỷ. Vì không có tâm giáo hóa chúng sanh. Chúng ta không đòi hỏi Phật tử cúng dường, nhưng nếu Phật tử phát tâm cúng thì phải nhận. Nhận đó gọi là gieo duyên, hay là hóa duyên, tức tạo duyên để hóa độ. Người ta trao cho mình món nợ, mình nhận để có nhân duyên trả nợ. Đời này tu trả chưa xong thì đời sau gặp lại tiếp tục giáo hóa để trả.

Chúng ta thường nhớ người này, nghĩ người kia. Vậy những nhớ nghĩ này từ đâu ra? Nhớ tức là nghĩ về những chuyện quá khứ lưu giữ trong ký ức của mình, những việc cũ còn chứa trong tàng thức cho nên mình nhớ lại thì nó hiện ra. Thử hỏi, ký ức đó là mình hay không phải mình?

Những chuyện cũ đã qua, có khi nhớ có khi quên. Thí dụ, bất chợt chúng ta gặp mặt một người đó, biết quen mà quên tên, suy nghĩ cả buổi không ra, lúc khác bất thần nhớ lại. Tìm không ra thì gọi quên luôn, nếu tìm ra được thì gọi là nhớ lại. Vậy ai nhớ, ai quên? Nếu ký ức là mình thì khi cần là nhớ lại liền, không quên. Nhưng khi cần thì kiếm không ra, không biết nó ở đâu mà

tìm, vậy ký ức đó có phải là mình không? Nên nói, ký ức giống như cuốn sổ ghi chép chuyện này chuyện kia, muốn nhớ việc gì thì tra lại cuốn sổ. Cuốn sổ tức không phải mình. Khi ngồi nghĩ lại những chuyện đã qua hiện ra, đó chỉ là cái bóng của quá khứ, đều là vọng tưởng chứ không phải thật mình. Những việc vị lai cũng vậy. Khi vừa dấy niệm nhớ nghĩ chuyện quá khứ, tưởng tượng việc vị lai, liền biết đó là vọng tưởng giả dối không thật, không phải là mình. Mình là cái biết hiện tiền, đang thấy được những cái bóng đó. Đây là chỗ trọng tâm tu hành.

Không nhớ quá khứ, không tưởng vị lai, chỉ ngay hiện tại tâm có động hay không động, hơi thở ra hơi thở vào... thảy đều thấy biết rõ ràng. Đó là tỉnh giác. Nếu lúc ngồi thiền mà cứ nhớ những chuyện quá khứ, thấy hay hay còn ôn lại nữa, đó là bị vọng làm chủ dẫn dắt làm mất thời gian vô ích. Tu thiền mới nghe đơn giản tưởng như tầm thường, mà thật sự là tối quan trọng.

Quá khứ là cái bóng, vị lai là ảo tưởng, chỉ có cái biết hiện tại là chân thật mà thôi. Lâu nay chúng ta cứ sống với quá khứ và vị lai mà quên đi hiện tại. Người già bảy mươi, tám mươi tuổi thường hay nhớ chuyện cũ, đó là ký ức về quá khứ. Như vậy nhớ ký ức tức là nhớ lại việc cũ mình đã làm. Những điều lành dữ đó tích lũy thành nghiệp, rồi khi chết lại bị nghiệp buộc ràng. Nếu bị ký ức dẫn hoài thì lệ thuộc vào nghiệp, còn biết buông bỏ không chấp nhận vọng niệm ấy, đó là đang sống chỗ chân thật của mình. Ảo tưởng về vị lai cũng vậy, đều là hư dối không thật. Người biết tỉnh giác như vậy là người đang sống với tâm chân thật của mình. Chúng ta sống mà cứ ôm quá khứ vị lai thì có mặt cũng như không, vì quá khứ đã mất rồi, vị lai thì chưa đến. Nếu cứ chạy theo quá khứ và vị lai hoài tức là sống với ảo tưởng, mà ảo tưởng thì sẽ dẫn đi trầm luân muôn kiếp.

Hôm nay có các vị làm nhà báo ở Quảng Trị, Thanh Hóa đến thăm Thầy. Lúc từ giã ra về, có một vị xin Thầy cho vài lời khuyên. Trước giờ Thầy ít tiếp xúc với nhà báo nay đột nhiên được yêu cầu, nhờ Phật cho trí sáng suốt một chút nên ngay lúc bất thần đó, Thầy nói: "Nhà báo là tai mắt của nhân dân, vì vậy muốn viết gì thì phải biết cho rõ, thấy cho đúng rồi hãy viết. Khi viết, những gì dở xấu thì mình có lời xây dựng, nếu thấy điều nào hay tốt thì có lời tán thưởng. Công tâm, vì lợi ích cho cộng đồng và xã hội..." Bất thình lình gặp người thưa hỏi, lúc ấy không kịp suy nghĩ cũng không chuẩn bị trước, mà có thể đối đáp trôi chảy, giải quyết được sáng suốt liền. Vậy, cái sáng biết đó từ đâu chạy ra?

Nói điều này để cho thấy, chính sự tu giúp cho mình sáng. Bình thường chúng ta lo yên tu, người ngoài nhìn vào thấy dường như ngu khờ không có gì lanh lợi, nhưng thật ra không khờ mà trái lại còn rất sáng suốt, nên khi gặp việc gì thì liền giải quyết phù hợp. Vì sao được như vậy? Bởi trong sự tu tập, vừa

vọng tưởng suy nghĩ điều gì thì liền buông xả, do buông nên thấy như không biết gì hết. Khi những thứ lăng xăng lặng rồi thì tâm chân thật hiện tiền, trí tuệ sáng suốt. Thầy được mời đi giảng dạy rất nhiều chỗ, Bắc Trung Nam mỗi chỗ một đề tài, vậy thời gian đâu mà Thầy chuẩn bị cho kịp. Thầy không nặn đầu bóp trán để tìm đề tài, trong đầu không suy nghĩ gì cả, chỉ là giữ một tâm rỗng rang, an định, việc tới đâu thì làm tới đó. Nếu phải soạn bài kỹ, chuẩn bị bài giảng bài bản thì Thầy làm gì đủ thời giờ mà giáo hóa khắp nơi, từ trong nước cho đến ngoài nước.

Đức Phật lúc nhỏ ở trong cung cấm, lớn lên vượt thành xuất gia tu hành thành đạo. Ngài đâu có kinh nghiệm đời bao nhiêu, vậy mà gặp người trong ngành nghề nào hỏi đạo, Phật đều trả lời được và giảng giải thành một bài pháp sống động, để lại cho chúng ta những bản kinh hay. Cho nên chúng ta đủ lòng tin, nếu tu hành đàng hoàng thì tự nhiên đầy đủ trí tuệ, chứ không phải ăn nói lăng xăng lanh lợi mà có trí tuệ. Điều quan trọng là chúng ta phải học, phải tu và sống hợp đạo lý. Chúng ta chỉ học lóm hoặc bắt chước người khác để nói thì hiểu đó không phải là trí tuệ của mình, nên một khi quên thì hồi hộp bất an, không biết tìm đâu ra manh mối để nói.

Ngày xưa lúc mới đi giảng, thấy ai đưa tay xin hỏi là Thầy hồi hộp liền. Vì lo lắng không biết người ta hỏi gì, mình trả lời được không? Bây giờ, sau thời gian buông hết để yên tu, Thầy cho hỏi tự do không còn bị hồi hộp nữa. Như khi Thầy đi qua Úc, Phật tử xin Thầy một giờ thưa hỏi Phật pháp, không phải chỉ Phật tử ở Úc thôi mà họ kết nối máy tới Mỹ, Canada, để ai muốn thưa hỏi điều thì trực tiếp thưa hỏi. Phật tử thưa hỏi liên tục, suốt một giờ Thầy tùy theo câu hỏi mà trả lời. Lúc ấy đâu biết người ta sẽ hỏi mình cái gì mà suy nghĩ, nhưng nhờ nơi mình có Vô sư trí nên gặp duyên liền phát. Ứng xử được như thế, cũng phải qua bao nhiêu năm khó khổ tu hành, chứ đâu phải bỗng dưng mà được. Cho nên trong sự tu, chúng ta phải kiện toàn đủ Văn Tư Tu. Trước hết là học để hiểu, tức là Văn và Tư, kế đến là Tu cho sáng. Như vậy Văn và Tư là bước đầu, tức là học để hiểu lời Phật dạy, chứ chưa phải trong tâm mình sáng tỏ mà phát ra, thế nên nếu chỉ ham học không tu thì chỉ trở thành nhà nghiên cứu thôi, chứ không đưa đến giác ngộ giải thoát. Học hiểu là Hữu sư trí, khai thông trí tuệ sẵn có nơi mình là Vô sư trí.

Hiện nay các vị tôn túc sợ tăng ni trẻ buông lung không chịu nghiên tầm Phật học, nên khuyến khích người tu trẻ cần phải có bằng cấp Phật học. Đây là việc rất tốt, tuy nhiên phong trào này cũng gặp phải vấn đề là ai cũng muốn học ra để có bằng Cử nhân hoặc Tiến sĩ, nhưng lại thiếu sự thực hành tu tập. Nghe giới thiệu thầy tiến sĩ hay cô cử nhân gì đó, thấy uy quá! Rồi chỉ đuổi theo việc học mà quên mục tiêu tối hậu của đời mình, đó là đạt đến giác ngộ giải thoát. Chủ trương của Thiền viện là việc tu và việc học lúc nào cũng phải

cân bằng nhau, vì chỉ học để tu nên không có bằng cấp. Đây là chỗ khác nhau giữa việc học ở Thiền viện và các trường Phật học. Cho nên toàn chúng phải hiểu cho rõ, một khi đã chọn lựa con đường đi của mình, nắm được phương hướng rồi thì đặt hết tâm vào việc làm đó. Việc mình đã sáng rồi thì dù đứng ở vị trí nào cũng có chỗ khả dụng của chỗ ấy. Hòa thượng Minh Châu là Tiến sĩ học ở Ấn Độ về, nên Hòa thượng đảm nhận trách nhiệm ở trường Đại học Vạn Hạnh. Thầy thì chỉ chuyên tu thiền, không có bằng cấp gì hết. Vậy mà khi trường Đại học Tổng hợp mở lớp nghiên cứu về Thiền học Phật giáo Việt Nam thì mời Thầy giảng. Thầy nói điều này để cho chúng thấy, nếu chúng ta chuyên sâu một môn, phát huy được trí tuệ nơi chính mình thì chắc chắn được mọi người tin tưởng. Do có tu có học mà có trí tuệ, thấy được những điều người thường không thấy. Chỗ thấy sáng suốt ấy phát ra từ trí Vô sư. Trí tuệ vô sư này là nhờ tu tâm yên định mới phát ra, chứ không do học mà được.

Một nhóm nhà nghiên cứu tới gặp những người già, hỏi: "Có sợ chết không?" Có người đáp rất sợ chết, cũng có người nói không sợ chết. Sau đó, người ta thống kê lại và đưa ra kết luận: "Những người sợ chết thì chết trước bảy năm, những người không sợ chết thì sống thêm bảy năm." Như vậy, càng sợ cái chết thì cái chết càng tới gấp. Bởi do sợ chết nên sanh lo buồn, mà lo buồn là cái nhân để chết sớm. Người không sợ chết nên cười hoài vì không lo buồn, mà không lo buồn thì khỏe mạnh sống lâu. Thế nên các vị lớn tuổi ở trong chúng chỉ lo tu thôi, chừng nào chết đến thì đến, không có gì mà phải lo sợ.

Thiền sư Huyền Giác nói "sanh tử sự đại", tức sanh tử là việc lớn. Không phải do chưa ra khỏi sanh tử nên nói là việc lớn, mà dù ra khỏi hay chưa ra khỏi thì sanh tử cũng là việc lớn. Tại sao? Thông thường người thế gian, sanh là mừng, chết là sợ. Vì sanh ra là mừng nên kỷ niệm ngày sanh thì gọi là mừng sanh nhật, tức mùng ngày được sanh ra, còn ngày chết là đáng sợ nên gọi là ngày húy kỵ. Nếu sanh tử không phải là việc lớn thì sao lại có vui mừng, có lo sợ? Mừng vì được có mặt và sợ vì phải ra đi. Chúng ta có mặt rồi cuối cùng phải ra đi, như vậy "có mặt" và "ra đi" là hai việc lớn. Tất cả mọi người, đã có mặt thì dù già hay trẻ đều đi tới cái chết. Có sanh là có tử, nên nói sanh tử là việc lớn.

Khi mang thân này là đã sanh và cái tử cũng đang chực sẵn, mỗi giờ phút trôi qua là tiến dần đến chỗ tử. Vì vậy chúng ta phải chuẩn bị sẵn một con đường để ra đi sao cho tốt đẹp, chứ đừng chờ tới lúc chết mới hoảng hốt kinh hoàng không biết đi đâu. Nếu lúc sống chỉ biết sống mà không biết lo gì cho cái chết, tức chỉ lo sanh mà không lo tử. Sanh tử là hai việc lớn mà mình chỉ lo một việc, bỏ qua một việc thì khi nhắm mắt sẽ rất khổ sở. Thế nên, các ngài nói sanh tử là việc lớn đó chính là để nhắc nhở chúng ta hãy nhớ cố gắng tu.

Hôm nay còn khỏe mạnh thì phải nỗ lực tu hành, nếu không chịu tu cứ buông trôi qua ngày thì mai kia cái chết đến, chừng đó ai cứu được mình.

Như ông trưởng giả có bốn bà vợ, cuối cùng người trung thành nhất là bà vợ thứ tư, tức là nghiệp của mình. Chúng ta sống vui vầy đây, nhưng lúc ra đi thì không mang theo được gì cũng không có ai bên cạnh, chỉ có nghiệp lực đã tạo. Thế nhưng người đời đâu biết, cứ muốn làm sao cho có nhiều tiền bạc lo cho cuộc sống được ăn mặc sung sướng mà không hay mình đang tạo nghiệp ác. Tới chừng nhắm mắt, nghiệp đó dẫn đi tới đâu không biết. Nếu lúc sống tạo nghiệp lành thì khi ra đi đến được chỗ tốt, nếu tạo nghiệp dữ thì dẫn tới chỗ xấu. Đến chỗ tốt hay xấu đều do tự mình làm ra, vì vậy nếu người có trí biết nghĩ tới cái chết thì phải cố gắng tạo nghiệp lành.

Người biết tu là người sáng suốt biết nghĩ xa, lo chuẩn bị cho mai mình đi đâu. Nếu biết rõ chỗ mình sẽ đi thì chết đến chỉ cười thôi, vì đâu có gì để sợ. Cho nên những người tu tỉnh sáng rồi thì đối với chuyện chết sống xem là trò đùa mà thôi, bởi mất thân này sẽ có cái khác thuận lợi hơn. Thí dụ hiện tại Thầy có một ngàn đệ tử, Thầy chỉ chuyên tâm tu và dạy đệ tử cùng tu, đến khi nhắm mắt mà việc tu chưa rốt ráo thì Thầy sẽ trở lại tiếp tục tu và dạy đệ tử tu đông hơn nữa. Như vậy, người không khéo tu thì tương lai rất mù mịt, còn người biết tu thì mỗi lần ra đời là tu được sâu hơn và làm Phật sự nhiều hơn. Biết mình ra đi để chuẩn bị làm một việc tốt hơn bây giờ thì lúc ra đi cười từ giã bạn bè, đâu có gì để buồn sợ. Như chiếc xe cũ hư được đổi chiếc xe mới, chào tạm biệt bạn bè rồi vui vẻ lên xe mới mà đi thôi. Chiếc xe cũ đẩy không muốn chạy thì còn tiếc cái gì! Thế nên các Thiền sư ví sanh tử như trò đùa, vì biết rõ chỗ đến rồi thì sanh tử hết quan trọng. Như thế câu này với câu trước có mâu thuẫn không?

Sắp tới đây, Thầy mới nghỉ dạy thôi mà trong chúng đã khóc rồi, huống là mai kia Thầy từ giã đi luôn thì sao? Nếu lúc Thầy nhắm mắt ra đi mà trong chúng vững vàng thì tốt, còn khóc lóc đau buồn là còn dở. Kinh Kim Cang nói: *Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện, ưng tác như thị quán*. Nếu chúng ta nhìn cuộc đời không có gì thật hết, các pháp hữu vi chỉ như giấc mộng, như huyễn thuật, như bong bóng nước, như tia chớp, như sương buổi sáng... không thật, có đó rồi mất đó thì còn gì để lo buồn.

Vừa rồi nghe tin thầy Chơn Thanh mới tịch ba bốn bữa nay, Thầy giật mình! Thầy Chơn Thanh mới hơn năm mươi tuổi, là học trò cũ của Thầy lúc ở Huệ Nghiêm, bây giờ đang làm việc trong Giáo hội. Nghe nói thầy đi dạy về, vừa ăn cơm xong ra đứng trước cửa phòng hóng gió, chợt thấy đau đầu rồi tịch luôn. Thầy có ghé thăm, thấy thật là vô thường! Rõ ràng mạng sống chỉ như giấc mộng. Lúc còn nói năng đi lại tưởng như mình thật, chỉ đứt một mạch máu là hết đời rồi.

Chúng sanh cứ nghĩ thân này bền chắc, suy nghĩ đó chỉ là ảo tưởng. Do mê nên thấy cái gì cũng thật, bởi chấp thật nên khổ. Nếu biết rõ thân không thật thì chết sống cũng là lẽ thường, ở cũng tốt mà đi cũng tốt.

Người tu có học kinh Bát-nhã, hiểu và thực hành được thì việc tu nhẹ nhàng thảnh thơi. Ngược lại, không biết Bát-nhã thì việc tu khó nhọc, nặng nề. Thấu suốt được lý Bát-nhã, chiếu kiến ngũ uẩn giai không rồi thì có ai mắng nhiếc cũng không thấy gì là quan trọng. Vì biết thân này không thật, lời nói không thật thì mắng nhiếc cũng không thật, nhẹ nhàng cho qua. Nếu chưa thấu suốt lý Bát-nhã, chưa học được hạnh nhẫn nhục ba-la-mật thì khi ai nói nặng, dù có ráng nhịn cũng chỉ được một lúc nào thôi, đến chừng nhịn hết nổi thì lúc đó sẽ nổ bung ra. Vì thấy thật nên tuy ráng nhịn bên ngoài không nói, mà bên trong thì nặng nề không vui. Nên nhớ, chúng ta tu là phải sống trong sự vui vẻ. Vui sống để tu thì việc tu mới có kết quả tốt được. Cho nên ở trong chúng tu, nếu vị nào đi mắt ngó xuống chăm chăm, nhưng gặp việc thì buồn buồn, rầu rầu không vui, đây không phải là tu giỏi mà là bệnh nhiều.

Bây giờ Thầy hỏi: Mấy đứa con tu thấy có khỏe không?

- Dạ, khỏe.

- Tại sao khỏe?

- Dạ, vì thấy thân yên tâm lặng. Nhưng thưa Thầy, chúng con lâu rồi nên ngồi thiền yên, không còn bị đau chân nữa. Còn mấy vị nhỏ mới vô tu, ngồi thiền còn đau chân. Nếu đau chân quá, Thầy có cho xả chân ra không?

- Đau quá thì cho xả, xoa bóp một chút rồi ngồi tiếp. Vô đây tu bị bắt ngồi thiền đau chân quá, mấy đứa có buồn không? Sư ông có tàn nhẫn không?

- Thưa Sư ông, không buồn. Lúc đầu mới ngồi thiền thì đau chân, nhưng ngồi quen rồi thấy trong cái đau có cái vui. Vì nhờ ngồi thiền mà chúng con tập làm chủ được thân tâm và dần dần trí tuệ sáng ra, có sáng thì mới giải thoát được, cho nên tuy ngồi thiền đau chân mà chúng con thấy Sư ông rất từ bi.

- Những người mới tập sự, ngồi thiền đau chân quá trông nghe chuông xả thiền mà đợi hoài không nghe rung chuông. Vậy có thấy khổ không? Có còn muốn xuất gia không?

- Dạ thưa Sư ông, xin cho con được xuất gia tu học.

- Đợi chừng nào hội đủ điều kiện Sư ông sẽ cho xuất gia. Nhưng con cần phải suy nghĩ cho chín chắn, bởi xuất gia không phải là chuyện dễ. Tu là điều phục thân tâm mình. Các vị tu Tịnh độ, giờ tụng kinh là để nhớ lời kinh, niệm Phật thì nhiếp tâm vào câu niệm Phật để không nghĩ lung tung, đó là điều phục tâm.

Lúc quỳ sám hối lâu, đầu gối bị đau nhức cũng ráng gắng chịu, đó là điều phục thân. Người thế gian luôn bị chi phối bởi thân và tâm. Thân đòi hỏi cái này cái nọ, vì chiều theo nó nên khổ. Tâm suy nghĩ lăng xăng lộn xộn, khiến mình không làm chủ được nên tạo nghiệp khổ. Người tu là phải điều phục thân tâm, làm chủ được hai cái này rồi mới tự tại, hết khổ.

Trên đường tu, lúc đầu thấy như có sự bắt buộc, ép phải ráng. Nhưng nhờ đó mà chiến thắng được chính mình. Chúng ta mang thân người như nhau thì đương nhiên ai ngồi lâu phải đau, nhưng đã phát nguyện tu hành rồi thì phải cố gắng, chừng nào thắng được cái đau là hết đau, chừng đó mới thấy mình làm chủ được mình. Đó là ý chí của người tu. Cho nên khi vào tu, việc đầu tiên là tập chịu đau. Lúc đang đau nhìn lại coi cái đau đó ra sao, là chân đau hay mình đau? Mình biết đau cái chân đang đau, tức là mình không đau mà chỉ là cái chân đau thôi. Vì vậy khi bị đau, mình làm chủ cái đau đó nên không nhăn mặt nhíu mày, quyết vượt qua cái đau đó. Còn người thế gian bị đau thì nhăn mặt khó chịu, bỏ cuộc, cả đời không làm chủ được chút nào hết.

Bởi trong cái đau có cái không đau, nên biết "thân này mai kia nát, mà mình thì không nát". Nếu người không biết, rồi đồng hóa cái đau đó là mình thì mai kia khi thân rã nát không biết mình ra sao, đi đâu! Sự tu quý ở chỗ nỗ lực thắng được mình thì sẽ thắng được tất cả. Không thắng được mình thì khi gặp điều gì trắc trở là đầu hàng, thua trận. Nên nói, người tu là anh hùng. Vì quyết vượt ra tất cả những cái tầm thường của thế gian nên mới đi tu, chứ không phải vô chùa tu để được ẩn thân nơi cửa Phật, hay đi tu cho mình khỏe khoắn, nhẹ nhàng, bớt buồn bớt khổ... Mà đi tu là cả một sự quyết tâm, muốn vượt khỏi tất cả trần lao, trở thành người siêu thoát. Ý nghĩa của sự tu rất sâu rộng như thế, nên mới vào tu phải tập chịu đựng từ những cái đau nho nhỏ, bị rầy nhẹ nhẹ... rồi dần dần tiến sâu hơn trong công phu tu tập.

Người tu được thầy bạn rầy nhắc là phước lớn. Như người mặt dính lọ nghẹ mà không biết, nhờ người thấy chỉ giùm, mình mới biết để lau chùi cho mặt được sạch. Vì vậy được rầy nhắc không nên buồn, rầy là xây dựng cho mình thành con người tốt có nề nếp. Ở trong đạo tu hành có nề nếp thì ra ngoài làm Phật sự mới có tư cách. Lúc còn nhỏ mới vào tu mà không được rầy la nhắc nhở, cứ bừa bãi phóng túng thì sau này không làm được gì hết, hoặc có làm cũng không được người quý trọng. Nhờ được rầy nên biết được chỗ còn dở của mình mà chỉnh sửa, ngày xưa có những thói quen xấu dở bây giờ thúc liễm lại thành người hay tốt. Một lần bị rầy là một dịp làm đẹp cho mình, người khác làm đẹp cho mình thì có gì lại giận ghét. Ai giận ghét là người không biết tu!

Chúng ta đã tu thì ráng sống cho xứng đáng, cần phải thật thà và không để tâm oán ghét ai. Trước giờ tụi con có nghe Thầy thù ghét ai không? Hôm nọ

có người hỏi Thầy: "Những người chống đối Thầy, họ nói năng lung tung, vậy Thầy nghĩ sao về họ?" Thầy đáp: "Trước mắt tôi không có kẻ thù, chỉ có những người bạn đã thông cảm và chưa thông cảm mà thôi." Thầy không thù ghét oán giận ai hết, bởi vì Thầy nghĩ, có gì đâu quan trọng. Lời chửi chỉ là ngôn ngữ qua rồi mất, bản thân mình cũng không thật, có gì đâu mà buồn!

Vừa rồi có một vị linh mục đến thăm Thầy, lúc trước ông và một số vị có lên đây tìm hiểu về thiền. Linh mục tán thán Thầy: "Nghe Thầy nghỉ, chúng tôi rất mừng. Mừng vì có một bậc tôn túc đang làm việc đầy đủ uy tín, nhiều người cùng hưởng ứng theo, mà dừng lại để làm việc bổn phận của chính mình cho xong. Đây là điều rất khó! Không phải chỉ trong Phật giáo mà kể cả Thiên Chúa giáo cũng khó tìm được người dám buông bỏ để chuyên tu như thế." Qua cuộc trao đổi với Thầy, vị linh mục bày tỏ lòng biết ơn vì đã học được những điều Thầy nói rất hợp đạo lý.

Người khác đạo với mình mà còn thấy được ý nghĩa đó, huống là người trong nhà mà lại không thấy. Cho nên nghe nói Thầy nghỉ bớt việc bên ngoài để chuyên tâm vào việc của mình thì mấy đứa con phải mừng. Chúng ta tu thiền, một khi nhận hiểu được rồi thì phải hành. Nếu chỉ hiểu mà không hành, hoặc hiểu mà hành chưa tới đâu thì cũng là nói suông vô ích. Thầy đã thấy được đường lối rõ ràng nên có thể nói là không còn lầm nữa, nhưng thời gian để hành cho rốt ráo thì quả thật quá ít. Vì ở yên tại chỗ thì có thời gian ngồi thiền, nhưng khi đi đâu thì chỉ ngồi thiền có buổi khuya, còn buổi đầu hôm bận việc không thể ngồi yên được. Làm việc thì phải lo sắp xếp các thứ, chỗ này bàn việc này, chỗ kia sắp việc nọ.

Các thiền viện ở miền Nam thì đã ổn định, còn ở xa như miền Bắc, hay Quang Chiếu, Đại Đăng... ở nước ngoài, có những chuyện cần điện thoại thưa trình, Thầy không giải quyết sao được. Thầy già rồi, thời gian yên tu không còn lâu. Nếu cứ theo việc để giải quyết hoài thì làm sao tâm yên. Ngày nay tâm không yên, ngày mai cũng không yên thì đến lúc nhắm mắt đâu thể tự chủ. Thế nên nếu không nghỉ hẳn công việc thì làm sao chuyên tâm hành trì cho xong việc của chính mình được.

Thầy chuẩn bị gác lại mọi việc, tăng ni mỗi viện phải tự lo tròn bổn phận của mình. Ai giỏi thì nhờ, ai dở thì chịu. Thầy không có trách nhiệm phải lo lắng nữa. Như người Tây phương, họ chỉ nuôi con tới mười tám tuổi thì cho tự do. Đứa nào muốn học lên nữa thì mượn tiền chính phủ để học, sau tốt nghiệp rồi đi làm trả lại từ từ. Còn không muốn học thêm nữa, thích làm nghề gì tùy ý, cha mẹ không có trách nhiệm phải lo nữa. Hiện tại tăng ni ở Thiền viện đã lớn hết rồi, Thầy nghỉ là hợp lý có gì đâu mà buồn!

Thường nhật khi được phân công làm việc gì, mỗi người phải ý thức làm tròn trách nhiệm, để sau này tự lo một mình. Thầy cưu mang hoài, tăng ni sẽ ỷ lại, nghĩ rằng cái gì cũng có Thầy, mình khỏi lo gì hết. Nếu có thời gian tập lo liệu mọi thứ, tự quyết định lấy mọi việc thành bại thì mỗi người sẽ giỏi hơn nhiều. Bây giờ tụi con giỏi chừng năm phần, sau này sẽ giỏi mười phần. Ngày xưa vì Thầy của Thầy tịch sớm, nên khi Thầy ra làm việc Thầy phải tự quyết định lấy tất cả, mọi việc thành bại đều chịu trách nhiệm, nếu có duyên phước thì làm được việc lớn, còn không thì làm việc nhỏ chứ không có ai để ỷ lại cả. Giá trị người tu không phải làm nhiều hay làm ít, làm đúng với đạo lý thì dù làm ít cũng quý, còn làm nhiều thấy quy mô mà không đúng đạo lý cũng không lợi ích gì. Điều thiết yếu là người tu phải chân thật, nói theo thế gian là thật thà, tức là lời nói và việc làm phải đi đôi với nhau, nói được thì phải làm được.

Người tu là thầy của Phật tử, khi Phật tử ở nhà có những việc bất bình, nổi sân gây gổ với nhau. Họ tới chùa than, được thầy khuyên "sân là tật xấu có hại, phải chừa bỏ". Ít bữa Phật tử lại chùa thấy thầy nổi sân ầm ầm, vậy lời khuyên kia còn giá trị không? Bảo người bớt sân mà tới phiên mình nổi sân ầm ầm, ai can cũng không được thì đạo đức tu hành thấm được bao nhiêu. Khuyên người ta bớt sân thì mình phải bớt, như vậy lời nói ra mới được người nghe kính tin. Thí dụ, thấy đứa học trò thi rớt buồn quá, mình khuyên "Danh vọng là tạm bợ, giả dối, có gì quan trọng đâu mà khổ. Đậu cũng được, rớt cũng được, cứ lo làm ăn rồi cũng sẽ có mọi thứ." Mình khuyên người ta nghe rất hay, nhưng khi được cử làm chức vụ gì thì mừng quá chừng, tối ngủ không được. Vậy thì lời khuyên rất hay trước đó còn có giá trị nữa không? Chúng ta nói được điều hay thì cũng phải làm cho được hay, chứ đừng nói trên trời mà làm dưới đất, rốt rồi thành nhà du thuyết chứ không phải người tu. Lời nói ra để dạy bảo người là từ kinh nghiệm tu hành của chính mình, đã sống và đã làm được như vậy. Nếu chúng ta chỉ nói suông cho hay, mà bên trong rỗng tuếch thì không tốt.

Thái tử Tất-đạt-đa đi tu vì chứng kiến cảnh già bệnh chết, sau khi đi dạo qua bốn cửa thành. Thấy người già bệnh chết, ngài liền nghĩ mai kia mình cũng già bệnh chết y vậy, người đi trước thế nào thì mình đi sau cũng như thế đó, không sao tránh khỏi. Thấy cảnh ấy rồi, ngài liền quyết tìm đường thoát ly sanh tử.

Chúng ta bây giờ si mê quá đỗi! Thấy người khác chết nhưng nghĩ mình chưa chết, người khác già còn mình chưa già, người khác bệnh mình không bệnh... Quên rằng, bây giờ tuy chưa già bệnh chết nhưng ngày kia mình cũng sẽ già bệnh chết, không sao tránh được. Do đó, người trí khi thấy người khác liền biết được cái gì sẽ đến với mình, cho nên chuẩn bị cho mình con đường thoát ra cái khổ, khi vô thường đến thì chấp nhận mà không khổ đau.

- Thưa Thầy! Hôm trước Thầy dạy, những người không sợ chết thì sống thêm bảy năm, chúng con nghĩ Thầy không sợ chết nên tuổi thọ dài.

- Đâu có ai sống hoài không chết, cũng phải tới ngày ra đi, sớm hoặc muộn mà thôi.

- Thưa Sư ông, Sư ông sống một trăm hai mươi tuổi như ngài Triệu Châu.

- Không biết Sư ông có đủ phước như ngài Triệu Châu không? Để tới chừng đó thì hay! Thầy sống lâu quá e đồ đệ lớn đi mất hết, chỉ còn lại cháu chắt. Đồ đệ lớn của Thầy, người nào cũng rệu hết rồi. Những vị học cùng trường, cùng đi giảng, đồng tuổi hoặc nhỏ tuổi hơn Thầy, giờ kiểm lại không còn mấy người.

Như thầy Thiền Định, cùng học một lớp với Thầy xong qua Nhật, sau sang Pháp ở, viên tịch đã hai năm. Thầy Thiện Châu, thầy Huyền Vi cũng viên tịch. Thầy Bửu Huệ lớn hơn Thầy một tuổi, thầy Huỳnh Kim cùng tuổi Thầy, Thầy Thiền Tâm nhỏ hơn Thầy một tuổi, các vị đều đã viên tịch. Ở Vũng Tàu có Thầy Tịnh Viên cùng tuổi với Thầy mà đã tịch mười mấy năm rồi... Kiểm lại người quen cùng thời với Thầy ra đi đã quá nhiều, Thầy còn sót lại đây là có phước lắm rồi!

Chết sống là lẽ thường, khi sống làm hết bổn phận, hết duyên thì đi không có gì phải đau khổ luyến tiếc. Người đời không hiểu nên khi người thân chết thì buồn, chứ thật ra bảy tám mươi tuổi là đã già yếu mà ra đi là bỏ được gánh nặng. Nhiều người lớn tuổi sống thêm một ngày khổ một ngày, nhưng do không biết chết rồi sẽ đi về đâu nên sợ, còn người biết đường đi rồi thì có gì để lo sợ.

Có nhiều Phật tử thắc mắc, người tu ở các chùa thì tụng kinh niệm Phật, còn ở Thiền viện sao chỉ ngồi thiền? Như vậy có khác nhau không? Tại sao khác? Thầy giải thích chỗ này cho Phật tử hiểu. Bởi các chùa tu theo Tịnh độ thì lấy câu niệm Phật làm gốc để nhiếp tâm, tụng kinh Di-đà để cầu nguyện khi chết được vãng sanh về Cực lạc. Còn ở Thiền viện đây thì chuyên tu theo Thiền tông, nên chú trọng việc ngồi thiền. Trên phương tiện tu có sai khác, nhưng cứu cánh thì không hai.

Tại sao ở đây Thầy chủ trương tu Thiền? Vì Thầy đọc lịch sử, thấy ngày xưa đức Phật Thích-ca ngồi thiền dưới cội Bồ-đề mà ngộ đạo, chứ không có niệm Phật cầu vãng sanh về Cực lạc. Thầy nghĩ, đức Phật do tu thiền mà đắc đạo, chúng ta cũng là đệ tử dòng họ Thích mà sao không tu thiền giống đức Phật? Thế nên, Thầy chủ trương phải tu thiền theo Phật.

Chúng ta tu thiền là tập làm chủ tâm mình, để cho tất cả tạp niệm lắng xuống, tâm được an định. Ban đầu nhiếp tâm duyên theo hơi thở vô ra, nhớ hơi thở thì không nghĩ bậy bạ. Thí dụ, khi có chuyện gì vui buồn, thay vì cứ nhớ

nghĩ chuyện này chuyện kia lăng xăng hoài tâm không yên ngủ không được, liền biết tâm vừa dấy niệm đó là vọng thì buông, dần dần tâm được yên, đó là tập làm chủ tâm mình. Do chúng ta không làm chủ được tâm, nên ai nói trái ý thì nổi giận đùng đùng, không kềm chế được. Nếu làm chủ được tâm niệm rồi, khi nghe người ta nói mình liền biết rõ cái đó không thật, không quan trọng. Do biết kiểm soát ý niệm dấy khởi, nên tỉnh táo xử sự tốt.

Như vậy, từ làm chủ được tâm mà bình tĩnh sáng suốt, nếu không thì dễ bị hoàn cảnh lôi dẫn, ai khen thì vui ai chê thì quạu, tất cả mọi sự đều bị ngoại cảnh chi phối hết. Người làm chủ được tâm rồi thì tự tại, khen chê là trò chơi, không nghĩa lý gì, chỉ cần mình sống đúng đạo lý là được. Ngày nào có nhiều chuyện buồn thì tự nhiên nghe thân thể nhuốm bệnh, nếu làm chủ được tâm mình thì thảnh thơi tự tại, thân thể nhẹ nhàng an vui. Nên nói, tu thiền là một phương pháp để làm chủ tâm mình, là phương tiện thiết yếu cho người tu Phật. Đây là Thầy mới nói những điểm cạn, để Phật tử biết tại sao ở đây dạy ngồi thiền và thấy được lợi ích của việc ngồi thiền. Phật tử hiểu đại khái rồi, sau đọc thêm sách hiểu sâu hơn sẽ thấy nhiều điều kỳ diệu hơn nữa.

Người xuất gia ở trong chúng cần phải thấy được cái dở của mình để sửa đổi thành tốt, không nên giữ y nguyên tập khí cũ. Nhờ có học Phật pháp nên khi bị rầy nhắc mới thấy được cái ngu của mình. Nếu không, sẽ tưởng mình khôn hơn người khác rồi tranh cãi om sòm. Người cãi hơn cho là mình khôn, mà không ngờ rằng cãi hơn là đại ngu. Cãi ít ít là tiểu ngu, còn cãi thắng là đại ngu. Vậy mà thiên hạ cứ đòi thắng, không ngờ thắng lại lên chức đại ngu.

Trong cuộc sống tu tập, nếu vô cớ bị người mắng chửi, không nên nổi sân giận. Phải thấy người chửi cũng giống như kẻ cầm đuốc đốt trời, chỉ phí công tổn sức mà thôi, không dính dáng gì đến mình. Tập tự tại khi nghe người ta mắng chửi, nếu nổi tức giận mà ráng nín thì như cầm đuốc đốt củi tươi, bởi củi tươi nên đốt một lát cũng cháy. Người ta chửi mắng thậm tệ mà mình vẫn thản nhiên tự tại, ngược lại còn thấy thương họ đang cầm đuốc đốt trời, được vậy mới là thật tu.

Chúng ta tu, không phải làm chuyện cao siêu trên trời trên mây, mà ngay nơi thực tế hàng ngày, tu khéo hay vụng đều biểu lộ ra liền. Nghe khen thì vui, bị chê thì xụ mặt, đó là biểu lộ vụng tu. Còn khéo tu thì khen cũng tươi, mà chê cũng cười. Người xưa thường nói: "Lênh đênh qua cửa Thần Phù, khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm." Cửa Thần Phù là nơi có dòng nước xoáy rất nguy hiểm, ví như mỗi người chúng ta đều phải chèo lái con thuyền đời đầy gian nan của mình, ai khéo tu sẽ đi qua được, còn ai vụng tu thì bị chìm đắm. Cho nên, đừng đánh giá người tu trải qua thời gian nhiều hay ít, mà phải nhìn xem có bỏ tập khí được hay chưa? Nếu tu năm năm, mười năm, hai mươi năm... mà tập khí cũ chưa bỏ là chưa khéo tu. Còn người tu một năm, hai năm mà tập khí

được sạch, đó là khéo tu. Vì vậy, tụi con phải ráng tu cho khéo. Đã can đảm bỏ cha mẹ anh chị em đi vào chùa tu, mà lại không can đảm diệt trừ phiền não, vậy là chưa xứng đáng!

Người xuất gia đã can đảm dẹp bỏ tình thương quyến thuộc thì cũng phải can đảm dẹp bỏ phiền não, tật xấu. Nếu một bên can đảm, một bên không can đảm thì cũng không lợi ích gì hết.

- Thưa Sư ông! Con nghe trong kinh Phật nói, được thân người là khó. Nhưng con thấy trên trái đất này, hiện có biết bao nhiêu tỷ người đang có mặt. Kính xin Sư ông giải thích thêm, cho chúng con được hiểu rõ.

Bởi vì con thấy trên trái đất này có đến hàng tỷ người, cho nên con nghĩ rằng được sanh làm người dễ quá chứ đâu khó, phải không? Trong sáu loài, ba đường trên là trời, a-tu-la và người; ba đường dưới là địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Địa ngục, ngạ quỷ vì mắt mình không thấy nên tưởng ít, nhưng thật không biết bao nhiêu mà kể. Chỉ riêng loài súc sanh, con thử kiểm coi có hơn loài người không? Các con vật mà mắt chúng ta có thể thấy được, như chó, mèo, heo, bò... đã là vô số rồi. Như vậy, chỉ riêng ba cõi dưới thôi số lượng là bao nhiêu? Không thể tính kể! Nên nói, trong sáu đường chúng sanh vô số như vậy, muốn lên ba đường trên là rất khó. Thế nên không thể thấy con người đông rồi cho là dễ được sanh làm người. Như nói "đi tu là khó", nhưng người tu ở đây đông như vầy, vậy đi tu dễ hay khó? Đi tu là khó, bởi vì chỗ này tụ họp nhiều người lại nên thấy đông, chứ có chỗ kiếm người tu rất khó.

Phật nói "Thân người khó được", chúng ta hiện tại được mang thân người, sáu căn đầy đủ là đại hạnh phúc. Trong chúng các con xét lại coi có phải mình đang hưởng hạnh phúc không? Đang hạnh phúc mà không biết mình hạnh phúc. Sáu căn đầy đủ là hạnh phúc của con người, còn nếu thiếu một căn là thiếu hạnh phúc. Vậy mà có người sáu căn đầy đủ vẫn không thấy hạnh phúc. Tại sao? Tại vì cái gì được rồi thì không thấy quý. Người ta cứ nghĩ rằng cái gì thiếu mà tìm được mới gọi là hạnh phúc, cho nên suốt đời chỉ tìm cái mình thiếu, còn cái đã được rồi thì lãng quên đi.

Một người với sáu căn đầy đủ, lại còn biết phát tâm xuất gia tu đạo thì đã hạnh phúc lắm rồi. Vì đã được nhiều thứ, hơn người ta quá rồi, có thua kém ai đâu. Thế nên phải ráng tu, đừng biếng nhác lười trễ. Lười trễ là sao? Thí dụ, tới giờ tụng kinh, giờ ngồi thiền, giờ công tác... người ta đi trước mình từ từ đi, trễ một phút đỡ một phút. Đó là hiện tượng của kẻ lười. Cho nên người cần mẫn tinh tấn thì cái gì cũng lẹ làng sốt sắng, khi tới thời khóa luôn đi trước mọi người. Hoặc giả có người nghĩ, mình làm cực khổ mà người khác không làm gì, mình làm nhiều hơn người khác là mình khờ... Nghĩ vậy là lầm lớn. Ở trong chúng mà người siêng năng cần mẫn, làm được nhiều điều tốt hay, đó là phước

lớn. Vì làm việc cho chúng, tức là làm cho số đông người hưởng nên phước báu cũng theo đó mà có. Phước lớn chực sẵn kề bên mà không chịu làm, cứ so bì hơn thua với nhau. Ở ngoài đời, có người còn nguyện vào chùa làm công quả để bòn phước, còn mình ở chùa rồi không chịu làm để cho phước bị mỏng từ từ. Thật là dại khờ!

Khi đức Phật tu giác ngộ rồi, ngài thấy biết rõ do nghiệp dẫn mình đi cõi lành hay cõi dữ, do đó phải tạo thiện nghiệp để được đến cõi lành. Bình thường mình không thấy được nghiệp của mình, nhưng khi gặp việc thì nóng nảy, tham lam... liền hiện ra, tức là nghiệp của mình luôn có mặt. Vì vậy phải luôn luôn tu tạo nghiệp lành, tăng trưởng phước báu cho chính mình. Nếu gặp công tác nặng nhọc thì tránh né để cho người khác làm, tưởng như vậy là mình khôn nhưng không ngờ đó là đại ngu. Bởi vì người ta được phước mà mình thì mất phước. Bây giờ cứ nhàn nhã như vậy thì ngày qua ngày được lợi ích gì, hay càng lúc càng u mê lú lẫn? Người lười nhác hiện tại thấy dường như khỏe, nhưng lâu dài thành thiệt thòi, đáng thương! Thấy ai đang làm công kia việc nọ nhọc nhằn mà biết hăng hái giúp đỡ, đó là gieo trồng nhân lành, được người thương quý. Đó là lối sống có đạo đức, là hạnh tu của Bồ-tát. Người hiểu đạo xả thân hy sinh làm việc cho chúng, còn người không biết tu có sẵn cơ hội mà không dám làm để bòn phước. Cho nên, Bồ-tát luôn phát nguyện làm tất cả những gì thiên hạ cần, làm không công, làm không mong cầu gì hết.

Trên thế gian, có người sống chỉ vài chục năm nhưng họ dám hy sinh làm mọi việc tốt cho người, những người này có đầy đủ phước đức, sống đời có ý nghĩa. Nếu sống trăm tuổi mà cứ lo dưỡng thân hoài thì một đời người cũng chỉ là con số không mà thôi. Chúng ta đâu phải chỉ sống có một đời này, mà liên tục nhiều đời. Nếu mình không có sự chuẩn bị, vô phước có khi làm trâu bò mang ách kéo cày để trả nợ cũ. Nhân quả không sai, mình tránh được mắt phàm của thế gian chứ không trốn được nghiệp, nghiệp tới thì phải chịu.

Ngày trước, trên báo có đăng câu chuyện. Một người đàn ông ở Mỹ Tho, bây giờ vẫn còn sống, kể lại rằng: Đời trước, ông không xuất gia nhưng có tu chút ít, khi chết ông thấy mình đi vô một chỗ gió lạnh không thể tưởng tượng. Nhìn thấy đằng xa có máng cái áo, do lạnh quá nên ông đến lấy cái áo trùm lên mình. Bất chợt nghe tiếng nói "sanh được con heo đực đen". Ông hoảng hốt giật mình nghĩ: "Tiêu rồi, mình sanh làm con heo rồi!" Biết mình đang làm heo, nên khi heo mẹ cho bú heo con không chịu bú, mấy ngày sau thì heo con chết. Nhân đây mới thấy, khi ra đi nghiệp của mình đáng sợ như thế. Do nghiệp chiêu cảm khiến mình gặp cái gì chụp cái nấy, rồi tái sanh. Ông này nhờ nghiệp trước hiền lành, nên biết được mình sanh ra làm heo rồi nhịn đói mà chết để tìm chỗ khác thọ sanh, sau được làm người đi tu, nhớ được việc xưa nên rất kinh sợ kể lại để cảnh tỉnh mọi người. Bởi vì có những việc đáng sợ mà người

thường không biết, cứ ngỡ là mình qua mắt được thế gian là hay rồi, tốt rồi. Nhưng không biết, qua mắt thế gian chứ không qua được nghiệp. Vậy nên nghiệp là cái cần phải dè dặt cẩn thận, hành động tốt có nghiệp tốt, hành động xấu có nghiệp xấu.

Thầy khuyên răn trong chúng hoài là vì thương nên nhắc để tụi con tránh những nghiệp xấu. Chẳng lẽ đi tu rồi sau trở thành con vật, vô lý quá! Mình phải tiến lên, tu không lên được các cấp cao, ít ra đời sau cũng được làm người tu, chứ đừng cho tuột xuống. Đi tu mà bị tuột xuống thì hổ thẹn lắm, chừng đó hối hận không kịp!

Khi ngồi lại tu mới thấy nội tâm mình đang chất chứa nghiệp của quá khứ. Do nghiệp quá khứ còn tích lũy nên sanh ra đời, tuy được làm người mà mỗi mỗi sai biệt nhau. Người thì hiền hòa dễ thương, người thì nóng nảy, đứa này hơi tham, đứa kia hay so kè, có người thông minh học ít biết nhiều, người học hoài không thuộc v.v.. không ai giống ai. Điều đó chứng minh rằng, khi một người phát nguyện đi tu là đã có nghiệp nhân từ trước rồi. Cho nên khi đủ duyên thì liền muốn đi tu, cha mẹ ngăn cũng không được. Thầy cô không dạy đi tu, cha mẹ không bảo cũng không ai xúi giục đi tu, mà tại sao lại đòi đi tu? Đây không phải là sự ngẫu nhiên, mà do chủng tử lành đời trước đã có, nên tới giờ phút đó nó phát ra. Hiểu rồi thì ráng tu làm sao cho duyên lành tăng thêm, đừng để lui sụt. Đó là người khôn ngoan, biết tu. Nếu đi tu mà để cho càng ngày phước đức càng tiêu mòn, qua đời này đến đời sau tuột xuống nữa không biết chừng nào ngóc đầu lên nổi thì trong lục đạo luân hồi sẽ đi mãi không ra được, càng đi càng chịu khổ.

Cố gắng làm đúng những gì Thầy dạy, sống trong đạo đức để phước đức mỗi ngày mỗi tăng. Nếu không có phước đức thì tu mấy rồi cũng bị chướng. Có người tu mà được khỏe mạnh nên họ tu tiến hoài, cũng có người tu thì gặp đau ốm nên trì trệ. Những điều đó đâu phải là ngẫu nhiên, mà do thiếu phước đức nên dù làm việc gì cũng bị trở ngại, còn có tích phước nhiều đời thì việc gì cũng hanh thông tốt đẹp.

Thầy tự lấy mình làm kinh nghiệm. Lúc còn ở ngoài đời nghèo khổ, vô đạo rồi thì gặp được Thầy lành bạn tốt, tu cứ đi lên hoài không có tuột xuống, cho tới bây giờ làm ít mà được nhiều, đó đều là nhờ duyên phước. Kiểm lại, lúc mới vô tu ở chùa Phật Quang, cùng một lớp với Thầy có khoảng hơn ba mươi người, nhưng giờ còn ba, bốn người. Sau, Thầy lên Ấn Quang học lớp trung đẳng năm thứ hai, cả thảy gần bốn mươi người, giờ chỉ còn lại năm, sáu người. Như vậy mới thấy rằng vì thiếu duyên, thiếu phước nên trên đường tu gặp chướng này chướng nọ. Còn người đủ duyên đủ phước thì tu tới đâu tiến tới đó, khi làm việc gì, dù không có mong cầu nhưng lại được kết quả.

Chúng ta tu mà được làm việc cho chúng, đó là niềm vui. Thầy hồi mới vô chùa, cực khổ trăm bề. Chùa Phật Quang ở quê, những gia đình có hoàn cảnh khó khăn người ta nuôi con không nổi, nên cho chúng tới chùa để có ăn có mặc. Mỗi buổi sáng, Hòa thượng Viện trưởng giao cho Thầy hai mươi mấy đứa nhỏ. Thầy có trách nhiệm dạy học, sắp đặt công tác cho chúng. Ba giờ khuya Thầy thức dậy công phu, xong rồi xuống làm rẫy để có rau ăn, chứ đâu có tiền đi mua đồ ăn. Gánh nước tưới rau xong rồi, vô ăn ba hột cơm. Ngày đó có được một chén tương tàu, quý như là vàng. Thường ngày toàn ăn nước chấm, hôm nào có ai ở trên chợ đem nước tương xuống cúng, mừng ơi là mừng! Nước chấm Quảng Bình không có đậu nành, chỉ là nước muối thêm ít nếp rang bỏ vô nấu, để y vậy chấm rau ăn. Nước chấm này có mùi hơi khó ăn, nhưng cũng phải ráng ăn. Ăn xong ra phân công tác cho mấy đứa nhỏ nhổ cỏ, tới chín giờ rưỡi thì chúng vô học. Thầy dạy học xong thì ăn cơm trưa, nghỉ một chút. Chiều hai giờ thức dậy, Thầy với quý thầy quý cô đi học tới bốn giờ nghỉ. Vừa cởi áo tràng ra là đi tưới rẫy, vừa xong là đi sám hối hồng danh, lạy một trăm lẻ tám lạy. Sám hối xong xuống học bài, học tới khuya mới nghỉ. Ngày nào cũng vậy. Ở Phật Quang có nhiều buổi tối còn phải đi giã gạo, thầy trò cùng xuống bếp xay lúa, rồi chày ba chày tư giã tới khuya. Tới mùa lúa chín, huynh đệ đi ra ngoài đồng mót rơm để làm nấm rơm bán, chứ đâu có sẵn tiền. Làm đủ thứ công việc, cực khổ lắm. Lúc lên Ân Quang, sau giờ học phải làm đủ thứ công tác. Ngày xưa gọi vùng này là ngã ba Vườn Lài, chưa có nước máy. Gần chùa có cái giếng công cộng, ban ngày dân chúng lấy nước xài, chùa không lấy được. Chờ tới chín mười giờ tối dân chúng nghỉ rồi, mình mới ra gánh nước về xài. Còn ăn uống, buổi sáng chỉ có một đĩa rau luộc với nước tương, nhiều khi gạo ẩm mốc cũng phải ráng nuốt. Thầy lên đó học chỉ có hai năm, quý Hòa thượng bắt đi giảng, mấy năm trời vừa học vừa đi giảng nên Thầy đau phổi. Ngày nay nhìn vào thấy Thầy như khỏe lắm, nhưng thật ra Thầy cũng đã trải qua một giai đoạn khó khăn cực khổ vô cùng rồi.

Nhớ lúc xưa Sư cụ dạy học, trước khi giảng bài, Sư cụ bắt mỗi người phải tự nghiên cứu bài học. Sư cụ kêu lên đọc chữ Hán, dịch nghĩa xem đúng sai, sau Sư cụ mới giảng lại. Vậy nên phải bài vở trước, nhờ thế mà Thầy mới siêng tra khảo, đến cuốn tự điển muốn sút gáy. Ban ngày không có thời gian học, nên tối đốt đèn học đến mười một mười hai giờ đêm.

Xưa đi tu cực khổ như vậy, nhưng người quyết chí tu thì không than, chết sống gì cũng phải ráng, nhờ vậy mà vượt qua tất cả trở ngại. Hiện tại chúng tu học, cực nhiều hay ít? Ăn uống có kham khổ không? Ở đây thật sự không có gì khổ cực, không thiếu ăn, không thiếu mặc, cái gì cũng đủ. Chỉ có làm những việc như trồng ít cây trái, rau cải, thay phiên nấu ăn, chăm sóc hoa kiểng để tạo quang cảnh chung quanh chùa... Những việc làm này cũng nhằm phục vụ

cho cuộc sống của chính mình mà thôi. Bây giờ chúng tu sướng hơn Thầy trăm phần. Sướng rồi có khi sanh tệ, không cảm thấy hài lòng với cuộc sống của mình. Cực chút xíu chịu đã không nổi, đó là do lập trường và ý chí tu không vững mà ra. Thầy ráng bảo bọc cho chúng có đủ điều kiện, chỉ lo tu và học không phải bận tâm việc gì. Vậy mà làm không tròn thì thật đáng trách!

- Thưa Thầy! Có người nói, pháp môn đốn giáo là vì hàng đại căn cơ mà nói, còn hàng tiểu căn tiểu trí thì sanh lòng bất tín.

Ai là đại căn, ai là tiểu căn? Người nào đủ lòng tin là đại căn, ai thiếu lòng tin là tiểu căn. Nghe mà hoan hỷ làm theo thì đó là đại căn, còn nghe mà làm không nổi là tiểu căn. Như vậy, người đã có chủng duyên bây giờ gặp được pháp môn đốn giáo thì phải cố gắng tu, nếu biết rồi mà lỡ quên thì khi có cơ hội sẽ thức tỉnh trở lại, còn người không biết thì sẽ quên tuốt. Như người đã biết trong túi mình có viên ngọc quý mà chưa lấy ra xài, tuy vậy vẫn đỡ hơn kẻ không biết. Chừng nào lấy được viên ngọc quý ra xài thì chừng đó hết khổ đau, không còn bần cùng nữa. Nên nói, tu hành là việc lớn.

Tại sao nói tu hành là việc lớn? Bởi danh vọng chỉ có một lúc nào rồi mất, giả sử được làm quan lớn thì một thời gian rồi cũng phải nghỉ, còn sự tu này là một việc lớn mà thế gian ít người biết đến. Đa phần thế gian chỉ nhìn người tu theo lẽ thường tình, qua hình thức ở chùa gõ mõ tụng kinh, vậy thôi. Người biết tu là phải nhìn thấu triệt như thật, thân này là duyên hợp hư giả, nội tâm chỉ là dòng ý tưởng sanh diệt, là bóng dáng của tiền trần. Người biết được việc này là ít có, khó làm. Làm được thì thế gian không thể xem thường. Vì cái họ không biết mà mình biết.

Người xưa nói "xuất gia là việc làm phi thường". Tại sao? Bởi người thế gian cả đời không biết được ngay thân tứ đại này có cái siêu thoát, vượt ra ngoài vòng sanh tử. Biết được cái cao siêu này thì không còn bị vướng mắc vào những thứ tầm thường, nên nói phi thường. Đã làm việc phi thường mà còn sống tầm thường quá thì chưa xứng với chí hướng mình đi, với ý chí mình làm. Muốn làm việc phi thường thì bản thân phải siêu thoát, khác hẳn người đời. Người đời tóc chải đủ kiểu còn người tu thì cạo bỏ. Người đời nay áo này mai áo nọ, còn người tu chỉ mặc một kiểu áo lam, nâu... Bên ngoài đã phi thường rồi, còn bên trong có phi thường chưa? Mỗi người cần xét lại! Người thường thì lựa chọn đẹp xấu, còn người thật tu thì ăn mặc không quan trọng. Mặc cốt ấm thân, ăn để khỏe mạnh mà tu tập chứ không vì ngon dở. Khen chê không để dạ, không buồn cũng không vui, đó là phi thường. Gặp việc trái ý liền gây gổ, tranh cãi... tức là tầm thường. Làm sao cho cái đầu, chiếc áo và nội tâm mình phải tương hợp nhau. Nếu cái đầu, chiếc áo phi thường, mà trong nội tâm lại tầm thường thì chưa được trọn vẹn. Tất cả phải nhớ, người xuất gia đã là phi thường thì tâm tư cũng phải phi thường, chứ đừng quá kém cỏi!

PHẦN V

THỈNH NGUYỆN TĂNG

Ngày 13-05 Nhâm Ngọ (23-06-2002)

Hôm nay tôi nhắc nhở toàn chúng.

Khi xưa, lúc còn ở trường Phật học tôi rất thích tu thiền, nên hỏi các vị lớn cách tu, được quý vị nhắc "tu thiền coi chừng điên", vì vậy lúc tu tôi rất dè dặt. Đến khi tu được, nắm vững vấn đề, không còn sợ điên nữa thì tôi bắt đầu dạy tu thiền.

Tôi có nghiên cứu về thiền thoại đầu, thấy phải đề khởi nghi tình. Nếu hành giả không khéo, đề khởi lâu dần bị căng đầu. Có mấy vị tu thoại đầu căng quá nên bị bệnh. Biết nguy hại như vậy, tôi không dạy tu thoại đầu mà chỉ dạy tu phản quan lại mình. Tu phản quan thì dùng trí quan sát, không trụ, không kìm đè, nên không căng đầu là điều thứ nhất. Thứ hai, tìm xem các tâm niệm từ đâu ra, khi tìm cũng không trụ trên đầu nên đầu không nóng, không bị căng, do đó không bị điên cuồng.

Tu như vậy, mỗi ngày vọng niệm giảm bao nhiêu thì tốt bấy nhiêu, không gây nguy hiểm cho người. Cho nên ai đến đây tu, phải tu đúng như sự chỉ dạy của tôi, không được làm khác. Toàn chúng phải ý thức được trách nhiệm việc tu của mình và của huynh đệ, giữ làm sao trên dưới một hướng đi. Để khi quý vị tiến hay lùi, tôi biết mà nhắc nhở. Nếu làm khác đi, quý vị tu bị trục trặc tôi cũng chịu thua, không làm sao sửa được.

Nói đến trách nhiệm hướng dẫn tu hành thì rất khó. Chúng ta giảng đạo, người ta hiểu bao nhiêu thì hiểu, không hiểu thì thôi, không hại gì hết. Còn dạy tu ở một thiền viện, trách nhiệm hết sức nặng nề. Bởi trách nhiệm nặng nề, nên tôi y cứ theo kinh luận giảng dạy, để huynh đệ ứng dụng tu cho đúng. Càng tu càng có lợi, không thể có hại, mới đúng với chánh pháp. Tu mà thành điên thì đó là trái với đạo giác ngộ, vì giác ngộ là sáng suốt, càng tu càng sáng. Nếu việc tu có trở ngại phải tự sửa ngay, hoặc trình bày cho người lớn biết để giúp đỡ, đừng tu sai lệch không tốt. Điều này quan trọng cả đời tu, không thể xem thường.

Nên mai kia quý huynh đệ chỉ dạy cho người khác tu cũng phải cẩn thận, đừng coi thường. Người trước chịu trách nhiệm hướng dẫn cho người sau. Tôi nghe nói trong chúng có nhiều vị hăng hái tu quá, đến quên ngủ. Như vậy không được. Phải điều hòa việc tu của mình chừng mực, theo thời khóa thiền viện sắp xếp, bảo đảm không có chuyện lôi thôi. Tinh tấn quá mức mà sức khỏe không đủ sẽ sanh bệnh hoạn, đó cũng là chướng.

Ngược lại, có những người lười trễ, giờ tu không chịu tu, giờ học cũng không chịu học. Các vị thủ liêu phải kiểm soát chúng, nếu giờ tu giờ học mà huynh đệ không chịu tu học thì phải nhắc. Bởi vì học là để sáng tỏ con đường tu, tu là thâm nhập được những điều mình đã học, hai cái không tách rời nhau được. Đừng nghĩ học là mất tu, thật ra học để sáng tỏ đường lối tu của mình, chứ không trở ngại gì. Chư tổ thường nói *kinh làm rõ thiền*, *thiền để thâm hiểu lý kinh,* hai việc hỗ tương nhau.

Người có tu có học, khi cần dẫn chứng kinh sử, nương lời dạy của Phật tổ, chứng minh cho điều mình nói. Đường đi của chúng ta rõ ràng, không có gì mờ mịt. Đừng nghĩ chỉ tu không học, mai kia ra làm Phật sự, trong bụng có gì nói nấy. Người ta đem kinh sử hỏi xuất phát từ đâu, mình không biết thì không được. Vì thời này người học đạo tin kinh Phật, mình nói sai với kinh họ không chấp nhận. Vậy nên huynh đệ phải học kỹ kinh Phật, hiểu rõ lời thiền sư dạy, nói cho phù hợp không sai chạy, người ta mới đủ lòng tin mà tu tập.

Mong tất cả đại chúng đừng xem thường việc học mà phải luôn cố gắng. Nên nhớ trong khi học, nếu chúng ta khéo ứng dụng tu thì sẽ càng vững vàng, sáng tỏ hơn đường lối hành thiền. Việc học không phải vô ích, cũng không trở ngại sự tu. Cố gắng học, cố gắng tu cho đều thì sau này Phật tử hỏi gì mình biết mà dạy, có đường hướng chủ trương đàng hoàng. Như tôi thấy các vị lớn ở Quảng Nam đa số tu theo hệ Chúc Thánh, dòng dõi Lâm Tế. Nói đến dòng thiền Chúc Thánh ở miền Trung, chúng ta cũng có liên quan. Theo lịch sử Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh, sư ông tôi Hòa thượng Khánh Anh nối pháp đời 40 dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh, thầy của tôi Hòa thượng Thiện Hoa nối pháp đời 41.

Bây giờ chúng ta tu theo Thiền phái Trúc Lâm thì phải hiểu Tam Tổ tu như thế nào, nắm vững những bài kệ, lời dạy của quý ngài, đem ra giảng dạy người ta mới không nghi. Chịu khó nghiên cứu lời chư Tổ đã dạy, nghiền ngẫm cho thấu đáo mới thấy cái hay của quý ngài. Đó là việc cần thiết. Đường tu của mình còn dài, muốn được bền, có căn bản thì phải học. Học và nghiền ngẫm kỹ lời Phật tổ dạy, thấu đáo được nghĩa lý trong ấy thì sự tu hành nhẹ nhàng, không có gì khó khăn. Đó là lời khuyên của tôi, mong toàn chúng cố gắng.

Ngày 13-06 Nhâm Ngọ (22-07-2002)

Hôm nay tôi có ít điều nhắc nhở trong chúng:

Điều thứ nhất, đại chúng ở thiền viện có đủ ba miền Nam Trung Bắc. Sở dĩ tôi tiếp nhận hết, vì nghĩ rằng mình nên độ tất cả chúng sanh phát tâm Bồ-đề. Huống gì Nam, Trung, Bắc đều là người Việt Nam, đã quyết tâm tu thì không ai là không thân thuộc. Chúng ta nên nhớ làm Phật sự là làm cho tất cả,

không riêng một nhóm, một cá nhân nào. Khi tôi nghỉ, tăng ni ở các thiền viện phải giữ tâm niệm này, chung lo Phật sự không để tâm riêng tư.

Tất cả chúng trong thiền viện có được ba cái đồng: 1- Đồng chủng tộc Việt Nam. 2- Đồng đạo, cùng thờ Phật, cùng tu hạnh giải thoát. 3- Đồng một thầy hướng dẫn chỉ dạy tu hành.

Ở thế gian, người cùng chủng tộc dù ở trong nước hay ra nước ngoài mọi người đều quý, đều thương. Huống nữa chúng ta là người tu, có tâm từ bi rộng lớn, chẳng lẽ cùng một chủng tộc mà không thương, lại chia rẽ. Nên huynh đệ phải biết thương yêu, bảo bọc, giúp đỡ nhau cho sự tu hành tăng tiến. Không nên có ý niệm riêng tư, nhìn nhau bằng tâm phân biệt người này là Nam, kia là Trung, nọ là Bắc. Tất cả đều là anh em đồng đạo, cùng tu hành giải thoát, phải xả bỏ tâm niệm riêng tư để làm được việc lớn. Muốn làm việc lớn thì tâm phải rộng lớn, tâm hẹp hòi không bao giờ làm được.

Tôi già rồi, tuy phải nghỉ nhưng vẫn nắm giềng mối để mấy chú tu hành tốt, mai kia có khả năng làm lợi ích cho đạo, như vậy bổn phận tôi mới tròn. Tôi nghỉ để bớt duyên bên ngoài, lo chuyên tu và giám sát đại chúng. Quý vị có điều hay điều dở chi, tôi sẽ nhắc nhở, chứ không phải buông xuôi, vì tôi muốn gầy dựng cho tăng ni sau này có thể làm rường cột Phật pháp, lợi ích chúng sanh.

Điều thứ hai, Phật tử nước ngoài rất hâm mộ tăng ni tại các thiền viện thuộc thiền phái Trúc Lâm. Đó là nhờ sự tu hành miên mật, tư cách đạo đức thuần hậu của mình. Nếu quý vị tu lơ là, tu không ra tu, không có đức hạnh thì ai mà quý, mà thích. Vì vậy tăng ni các thiền viện phải cẩn mật, nói năng từ tốn nhu hòa. Dù việc lớn việc nhỏ, cứ từ từ giải quyết với nhau, không nên lớn tiếng thô hạnh, làm mất tín tâm Phật tử. Tôi khẳng định ở đây ai chửi thề hoặc hăm he đánh nhau, tôi sẽ họp chúng đuổi đi liền. Thiền viện là nơi tu hành trang nghiêm thanh tịnh, tuyệt đối không có những chuyện như vậy. Đó là hành động lỗ mãng của người thế gian, không phải của người tu chân chính.

Tất cả tài sản trong thiền viện là của chung. Đã là của chung thì mọi người phải hạn chế, việc gì làm tổn phí nhiều, vô ích thì nên tránh. Tăng ni biết tiết kiệm, bảo vệ gìn giữ tài sản chung thì tốt, ai làm tổn hại của Tam bảo thì không tốt. Chúng ta không tự làm ra tiền, tài vật do Phật tử cúng dường, người tu phải biết quý trọng, gìn giữ chứ không có quyền xâm phạm hay làm mất mát. Việc gì cần dùng nhiều tiền quý vị phải xét kỹ, đúng chỗ, đúng việc mới làm. Nếu dùng tài vật của Tam bảo bừa bãi, hao tốn mà rốt cuộc không có lợi cho Phật pháp. Đó là tự làm mình tổn phước tổn đức.

Tôi thường nói, tôi là người nhận tiền mà không biết xài tiền. Nhận rồi đưa ban này, ngành nọ chi tiêu cho Tam bảo, không giữ đồng xu nào trong tay.

Tôi không xài tiền một cách vô lý, vô nghĩa nên mới có phước, được Phật tử tin tưởng giúp đỡ, hô đâu được đó. Nếu xài cẩu thả Phật tử không tin nữa, sau này làm Phật sự rất khó. Vậy nên chư tăng phải cẩn thận tiền bạc, thu chi đâu đó đàng hoàng. Một là huynh đệ tin mình làm việc chính đáng, hai là được Phật tử quý kính ủng hộ.

Quý vị có trách nhiệm trong chúng phải có cái nhìn xa trông rộng, sống tế nhị. Lúc nào cũng đàng hoàng chín chắn, đừng làm mất lòng tin huynh đệ và tín đồ. Làm sao cho cuộc sống đại chúng được ấm no, mọi người vui vẻ hòa hợp tu tập, Phật tử hướng về đều tin tưởng. Được vậy quý vị làm Phật sự mới bền lâu.

Tôi ở chừng tuổi này mà làm việc suốt một tuần lễ không có ngày nghỉ. Sáng thứ bảy từ Thường Chiếu xuống Bà Rịa giảng, xong rồi chiều chạy qua Vũng Tàu, xế về lại Thường Chiếu. Chủ nhật giảng ở Thường Chiếu từ sáng tới chiều. Kỳ trước Phật tử quy y khoảng 500 người, kỳ này 700 người. Tôi ngồi cho pháp danh xong là đơ xương sống. Vậy mà bây giờ đã có mặt ở Đà Lạt, ngồi đây nói chuyện với mấy chú. Nên biết người lớn phải hy sinh lo cho chúng, cho những người phát tâm tu.

Vừa rồi khoảng 400 bệnh nhân trong bệnh viện ung bướu về thiền viện quy y. Họ đặt mấy câu hỏi:

1- Không biết kiếp trước làm nghiệp gì mà bây giờ bị bệnh ung bướu?

2- Bị bệnh rồi, làm sao cho giảm bớt?

3- Con bị bệnh như vậy phải tu thế nào?

Thấy họ rất đáng thương, tôi cũng tìm lời an ủi, nhắc nhở họ ráng tu cho bớt khổ.

Phật tử tin tưởng vì thấy mình sẵn sàng lo cho họ, không bỏ ai hết nên mới hướng tâm về tu tập. Vì vậy tôi mong tất cả tăng ni phải có tâm rộng lớn, thương người, làm việc gì nên chu toàn việc đó. Như hôm nay tôi bị đau bên hông, ngồi lâu rất đau, nhưng vẫn họp chúng, nhắc nhở quý vị mọi việc, không vì chút nhọc nhằn mà bỏ hết công việc.

Tăng ni nhớ, khi tu mình làm được Phật sự gì thì phải hoan hỷ, mạnh mẽ, vui vẻ làm. Thật ra sức của tôi đâu đủ để làm nhiều việc như vậy. Nhờ quên mình tôi ráng làm, riết rồi cũng quen. Quên bệnh, quên đau, mấy chú thấy như tôi khỏe mạnh, cả năm không đau. Thật ra, không phải không đau mà vì tôi không quan tâm, thấy có Phật sự cần thì làm thôi.

Tôi nói để trong chúng hiểu, khi gần người lớn mình học được điều hay, mai kia cố gắng làm tròn bổn phận. Không nên thả trôi, không nên nghĩ tới mình nhiều hơn nghĩ tới người, đó là yếu dở. Phàm xuất gia phải có tinh thần

quên mình vì đạo, vì đại chúng và chúng sanh, đừng ích kỷ nhỏ mọn, sau này không được phước đức. Đâu phải ai bỗng dưng có phước đức; đều là do ra công ra sức làm nhiều việc cho đạo, lợi ích mọi người.

Chúng ta làm Phật sự không phải luôn được suôn sẻ, mọi người đều tin đều thương hết đâu. Có người công kích, chửi thẳng mặt tôi cũng cười thôi, không giận hờn gì hết. Tôi biết mình không thật, lời chửi mắng chỉ là trò chơi. Chúng ta thật tâm lo cho đạo, thật tâm thương mọi người thì ai chửi mình cũng vui, hơi đâu mà buồn mà giận. Chính những lúc bị chửi mắng mà mình không hờn không giận, giá trị tu hành càng tăng hơn.

Nhớ lần tôi qua Mỹ, phóng viên đài truyền hình tới phỏng vấn, hỏi: "Thầy nghĩ sao về những người nói xấu hay phá Thầy?" Tôi trả lời: *"Trước mắt tôi không* có kẻ *thù, chỉ* có *những người bạn đã thông cảm và chưa thông cảm mà thôi*." Những người chưa chấp nhận là bạn chưa thông cảm. Mình nói như vậy không ai giận hờn, cũng không gây thù chuốc oán với ai. Nếu nói "Mấy người phá tôi là ngu si", tất nhiên sẽ tăng thêm oán thù, không ích gì. Lời nói xuất phát từ đáy lòng, thâm tâm hiền hòa thì không ai phản bác cả, ngược lại còn giúp mình vượt qua những khó khăn trở ngại.

Tôi mong rằng, tăng ni nên có tâm rộng rãi hiền lành, dù gặp người phản đối chống cự, vẫn giữ thái độ đạo đức nhu hòa, không giận không hờn. Có vậy, chúng ta mới hướng dẫn Phật tử tu được. Nếu mình nóng nảy, bực tức nói lung tung sẽ khiến người mất lòng tin không tu được, còn tạo thêm nghiệp xấu cho mình. Cho nên tất cả hãy cố gắng tu trước thật tốt, mới dạy người sau tu theo.

Tôi thường khuyên Phật tử tu hạnh nhẫn nhục. Họ nghe ai mắng chửi thì nhịn. Lần thứ nhất cho qua, người kia còn làm tới nữa thì nhịn lần thứ hai. Sang lần thứ ba nhịn hết nổi, bung ra. Vì nhịn trong giới hạn, cố đè nén để không trả đũa lại, đó là nhẫn nhục mà thiếu trí tuệ. Cho nên nhẫn nhục ấy chỉ trong sức chịu đựng nào thôi, quá nữa thì chịu không nổi.

Tăng ni ở đây tu học bằng trí tuệ. Mỗi ngày chúng ta đều đọc *chiếu kiến ngũ uẩn giai không* rất nhiều lần. Thấy năm uẩn không thật thì lời khen chê chửi bởi thật sao? Thân không thật, tâm không thật thì lời chửi bới cũng không thật. Biết nó không thật nên cười thôi, có nhận gì đâu mà đè nén, thành ra không nhẫn mà nhẫn. Bằng con mắt trí tuệ thấy rõ bản chất muôn pháp không thật, cái gì đến mình đều bỏ qua một cách nhẹ nhàng, thì còn khổ ách nào phải chịu! Đây là lời vàng ngọc của Phật, không phải lời thường. Chúng ta tụng mà không thấm, không hiểu nên xem thường, lâu ngày sống y như người thế tục.

Tôi nhắc cho toàn chúng ý thức những điều quan trọng, để trên đường tu không bị thối chuyển. Chúng ta phải tu tiến cho đến khi sáng đạo, giáo hóa chúng sanh. Nếu không như thế thì đời tu trở thành vô nghĩa.

Ngày 13-07 Nhâm Ngọ (21-08-2002)

Hôm nay tôi nhắc nhở toàn chúng việc tu hành.

Tôi là người rất quyết tâm, không làm thì thôi, làm thì phải đến nơi đến chốn, không thích làm nửa chừng hay làm lấy có. Vậy nên, khi làm việc gì tôi đều chịu đựng khó khăn trở ngại từ trong đến ngoài, mọi việc cứ âm thầm tiến tới. Nhờ vậy những việc tôi làm đều được kết quả tốt.

Đa số tăng ni hiểu đạo tu hành nhưng chưa đến nơi đến chốn. Tôi thường dành thời gian chuyên làm một việc cho mình, cố gắng hoàn thành viên mãn khi còn sống, để chỉ dạy thêm cho tăng ni. Thật ra tôi chưa hài lòng những gì mình biết mình thấy rồi nói cho mọi người nghe. Tôi chỉ làm được đôi ba phần hoặc phân nửa, quá phân nửa, chứ chưa vuông tròn. Vậy nên tôi phải có thời gian dành cho mình nhiều hơn. Tôi mong chúng ở thiền viện, ai cũng quyết chí tu đến nơi đến chốn, đừng để các chướng duyên làm trở ngại. Chúng ta nên dành nhiều thời gian để tu, để nghiền ngẫm những lời Phật tổ dạy mà thấy đạo, tiến đạo.

Ngày xưa tôi tu Tịnh độ mười năm, từ khi xuất gia cho tới lúc ra trường An Quang, mỗi ngày niệm Phật, tụng kinh hai thời. Nhưng khi đi sâu trong việc học hỏi, nghiền ngẫm tôi thấy rõ ràng không hợp với tôi, không đúng với mục đích của Phật. Vì đức Phật ngồi thiền ngộ đạo, bây giờ mình không ngồi thiền làm sao ngộ đạo, nên tôi quyết tâm tu thiền.

Khi dạy học ở Huệ Nghiêm ba năm, tôi tập tu thiền, nhưng không có thầy hướng dẫn. Lúc đó, Hòa thượng Viện trưởng là thầy tôi trao cho cuốn Lục Diệu Pháp Môn của tổ Trí Khải tông Thiên Thai. Tôi nghiên cứu thấy cũng hay, nên lấy đó làm chuẩn để tu.

Tôi nghĩ mình đã có đường lối tu thiền, như vậy là hài lòng lắm rồi, nhưng không ngờ khi tu vẫn có những bế tắc. Vì tu theo Lục diệu pháp môn nên dùng pháp quán, quán sổ tức, tùy tức, rồi chỉ, quán, hoàn, tịnh. Tôi tu tới *chỉ* thì bị kẹt. Tu *chỉ* là để tâm lặng yên, một hồi thì ngủ miên man. Mình tu mà ngủ hoài sao được! Buồn quá tôi khóc. *Chỉ* không xong tôi chuyển qua *quán.* Trong đó dạy quán hơi thở, khi quán thấy yếu quá nên tôi bỏ, quay qua quán bất tịnh, thấy thân nhơ nhớp rợn người.

Tôi đọc kinh A-hàm, thấy các thầy Tỳ-kheo quán bất tịnh gớm thân này quá, các thầy mượn người cắt cổ giùm, rồi trả công bằng y áo. Mười mấy vị cùng tu, hôm sau đức Phật lại thăm chỉ còn năm ba vị. Ngài hỏi lý do thì được biết, chư tăng do quán bất tịnh gớm thân quá nên nhờ người cắt cổ chết rồi. Ngài quở quán bất tịnh là để trị bệnh tham dục, chứ không phải để tự tử. Tu như vậy là sai lầm.

Trong kinh dạy khi quán bất tịnh thấy ghê gớm thân quá thì phải dừng, chuyển qua quán tịnh. Vì vậy tôi quay sang quán tịnh. Quán tịnh cũng không thành công. Tu tới đâu trở ngại tới đó nên tôi rất buồn, không biết làm sao, chỉ khóc và lạy Phật sám hối. Thời gian sau, nghiên cứu sách thiền của ngài Hư Vân dạy tu thoại đầu, tôi chuyển qua tu thoại đầu. Khi dụng công, đề khởi: "Trước khi cha mẹ chưa sanh mình là cái gì?" Tôi cứ đề câu đó, đề riết thì không nghĩ gì bậy, nhưng một hôm đề không lên, êm ru, lặng hết. Tôi không biết làm gì nữa nên đành dừng lại.

Tôi nghiên cứu trở lại lối tu của các thiền sư thuở xưa, nhưng không theo Ngũ gia tông phái, mà bắt nguồn ngay từ chỗ tổ Bồ-đề-đạt-ma chỉ dạy tổ Huệ Khả. Theo đó ứng dụng tu thì thấy có tiến bộ rõ ràng. Tôi thấy từ không biết tu thiền là gì, mò mẫm lần lần tìm ra được một hướng đi. Bây giờ đọc lại lời của ngài Thần Hội, tôi thấy rõ ràng thấu đáo làm sao! Nên biết khi mình cố gắng tìm cho đến tột cùng lời của Phật tổ dạy, sẽ thấy cái hay của đạo. Dù tu pháp nào trong đạo Phật, cũng đến chỗ nhất niệm, nhất tâm hoặc là vô tâm. Bao nhiêu phương tiện của Phật dạy đều đưa tới chỗ cứu cánh.

Chúng ta bây giờ không qua tu chứng từ Sơ thiền Nhị thiền cho tới Tứ thiền, cũng không qua tu chứng của hàng Thanh văn từ Tu-đà-hoàn tới A-la-hán, mà đi thẳng đến chỗ vô sanh, tức là Niết-bàn. Đơn giản và thẳng tắt nhất. Tôi càng nghiên cứu sâu càng thấy hay, đúng như chỗ đức Phật đã thấy. Nó quá đơn giản, nên khi Phật thành đạo rồi ngài không muốn nói.

Ngày xưa tôi hay thắc mắc đức Phật tu để độ chúng sanh, sao khi ngộ đạo lại không muốn nói pháp, đợi chư thiên mấy phen nài nỉ ngài mới nói? Rõ ràng chỗ chân thật đó nói không được, nói ra thấy gần quá người ta sẽ coi thường. Đến khi chư thiên cầu thỉnh, buộc lòng ngài dùng phương tiện để hóa độ. Trước tiên đức Phật nói pháp Tứ đế, đó là phương tiện nhưng lâu nay mình nghĩ là chân lý. Cuối cùng, ở hội Linh Sơn Phật đưa cành hoa, rồi nhìn khắp đại chúng, đến chỗ Ca-diếp tôn giả mỉm cười, Phật liền ấn khả. Như vậy, chỗ Phật thấy thật đơn giản, không quanh co nhưng phải nói quanh co cho chúng sanh nhận ra.

Chúng sanh nói tu thì phải có chứng quả này quả nọ họ mới ham; còn nói tu là trở về cái chân thật cứu cánh của mình, họ không biết. Không biết nên không chịu tu. Vì vậy đức Phật phải lập bày phương tiện. Chỉ có ngài Ca-diếp lãnh hội được chỗ Phật chỉ dạy là không lời. Ngài nhận ra cái thật sẵn có nơi mình nên cười. Chỗ này ngài Thần Hội chỉ ra rất tường tận.

Nên biết tu đến chỗ cứu cánh cùng tột hết sức đơn giản. Thấy thân thật, tâm suy nghĩ lăng xăng thật, như vậy là mê; thấy thân giả, tâm suy nghĩ vọng tưởng hư dối không thật là giác. Từ thấy thân thật, tâm thật chuyển qua thấy

thân giả, tâm giả, khó khăn bao nhiêu, cách bao xa, nghĩ kỹ coi? Tôi nói dễ như trở bàn tay, để vầy là ngửa, lật qua là úp, không có gì khó hết. Tại vì chúng ta mê nhiều đời nên không thấy được thôi.

Nếu thân thật thì phải còn hoài, nhưng nó không bền, tan nát bất cứ lúc nào. Tâm lăng xăng cũng hư dối chợt sanh chợt diệt, sao thật được? Thế thì có gì đâu mà bám vào hai cái giả, cho là mình. Giả mà chấp cho là thật đó là si mê. Giả biết là giả, khẳng định như vậy là trí tuệ. Dùng trí tuệ biết thân này giả, vọng tưởng hư dối là giả, thì có gì mà khổ?

Con người dành tất cả của cải vật chất để nuôi dưỡng thân, bảo bọc cho thân, thân này không thật thì vật chất có quan trọng không? Vật chất không quan trọng thì được mất chỉ là trò chơi. Như vậy mình không còn tâm tranh danh trục lợi, giành giật mọi thứ của cải thế gian, do đó được giải thoát.

Nói tới chấp tâm, mình suy nghĩ cái gì cho là hay mà người khác nói dở thì nổi nóng. Mình có lập trường này người kia có lập trường khác thì chống nhau. Thế gian đau khổ vì nhóm này phái kia đấu tranh, suốt đời làm khổ cho nhau. Nếu thấy tâm không thật thì tất cả lập trường này nọ cũng không thật nên hết kình chống, hết đau khổ. Không chấp thân thì mọi đau khổ về vật chất không còn; không chấp tâm thì mọi đau khổ về tâm cố chấp, chủ trương, chủ thuyết không còn nên được giải thoát. Không chấp hai thứ đó thì tâm không còn dính mắc vọng động nên tự thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thì chân thật hiện tiền.

Bây giờ mấy chú ngồi chơi không nghĩ gì hết, mà rõ ràng mình đang biết, cái biết nó ra sao? Nó thanh tịnh không có bóng dáng nào hết. Cái biết nghĩ suy thì có bóng; bóng của người, của vật hoặc của ngôn ngữ... Đức Phật chỉ thẳng cho mình cái vô sanh sẵn đủ mà ngài ngộ được, cái đó đầy đủ tất cả diệu dụng, nên nói chân không mà diệu hữu.

Chúng ta lâu nay chạy theo giả tướng, giả tâm thành ra cứ tạo nghiệp luân hồi, trầm luân muôn kiếp. Thấy tột chỗ đó rồi, rõ ràng không còn con đường nào ngắn gọn, gần gũi hơn đường này, nên nói *Hồi đầu thị ngạn.* Quay đầu là bờ, bờ giác. Lâu nay mình đi loanh quanh hoài, bây giờ thấy được con đường là điều tôi không ngờ. Tôi nhờ tâm huyết tu hành, làm gì cũng phải tìm cho tận gốc tận nguồn, nên mới ngộ ra được chỗ chân thật.

Tuy tôi thấy được, biết rõ như vậy, nhưng công việc cứ dồn dập, làm sao có thời gian để hoàn toàn sống được với cái đó, nên phải nghỉ ngơi là vậy. Nếu tôi biết nhưng làm chưa tròn, đem dạy tăng ni thì làm sao quý vị làm tròn? Vì vậy tôi phải làm tròn việc bổn phận của mình, sau này tôi nói ít, mấy chú cũng làm được. Đó là trách nhiệm cả một đời tu, không phải chuyện thường. Tôi đi chưa tới nơi mà bảo mấy chú đi tới nơi, làm sao được. Cho nên tôi phải làm

gương, nói được phải làm được. Do vậy tôi chuẩn bị nghỉ, mục đích là để làm việc của mình đến nơi đến chốn, sau tôi dạy gì mấy chú cũng làm được. Bây giờ cứ nói hoài mà đứng một chỗ, thì người sau không thể tiến được.

Tôi không mong mỏi gì khác hơn là mình tu được, hướng dẫn huynh đệ tu được. Vậy mong tất cả đại chúng hiểu, cố gắng tự mình tu được và tạo duyên cho huynh đệ cùng tu, để ngày mai khi nhắm mắt không hổ thẹn về đời tu của mình.

Ngày 13-08 Nhâm Ngọ (19-09-2002)

Hôm nay tôi nói cho mấy chú biết bổn phận của người lớn là phải sắp đặt cho người nhỏ an ổn tu hành, không để cho chúng chỉ chơi hoặc chỉ làm thôi.

Nếu ngoài Bắc xây dựng thiền viện xong, những vị có trách nhiệm ra ngoài đó làm việc, cũng phải tổ chức lớp học như ở đây, tu hành như ở đây, không để thua kém. Người còn ở lại đây tôi cũng tạo điều kiện có tu, có học đều đặn. Bởi vì tôi quý duyên lành xuất gia của mấy huynh đệ, có cả một tâm nguyện lớn lao nên mới bỏ cha mẹ, thân quyến đến chùa tu hành. Cho nên phải làm sao cho xứng đáng với tâm nguyện ấy, không để tổn phí thời gian quý báu của mình. Ở trong đạo, người đi trước chỉ dẫn người đi sau. Điều gì hay quý, tất cả huynh đệ đều làm được, để đời tu của mình không hổ thẹn, không vô nghĩa.

Từ khi thành lập các thiền viện, nhất là ở Trúc Lâm điều kiện tu đầy đủ hơn các nơi khác, lại có khí hậu tốt. Trong chúng nhiều người ngoài xã hội có địa vị, đời sống sung túc mà dám bỏ tất cả vào chùa tu. Quý vị phát tâm mạnh mẽ như thế, nên tôi phải tạo duyên tốt cho đại chúng tu tiến, không để ai bị lui sụt. Chúng ta biết sự tu hành rất quý, những gì mình được đừng để mất, sau tìm lại không có. Tôi hướng dẫn tăng ni tu hành chỉ mong đạt kết quả tốt, sau này chư tăng chư ni mỗi người gánh vác một Phật sự, chứ không phải ở yên một chỗ mãi được.

Bây giờ duyên ai thích hợp ở đâu, tôi cho đến đó làm Phật sự. Đại chúng thấy tôi nghỉ là sự thiệt thòi nhưng không phải, tôi nghỉ một mà có mười hay hơn nữa sẽ tỏa ra khắp nơi. Ngọn đèn chánh pháp được thắp lên ở những nơi chưa có Phật pháp, điều này thật tốt. Vì vậy, những vị có trách nhiệm phải biết rõ mình đi làm lợi ích cho chúng sanh, không phải để thụ hưởng. Tăng ni đi từ trong nước ra nước ngoài, đều với một tâm niệm là vì mở mang Phật pháp, vì đạo, không vì điều gì khác. Mai kia, nếu huynh đệ được tụ hội về sẽ đem những điều hay điều tốt, những Phật sự mình đã làm được kể lại cho huynh đệ nghe, cùng chia sẻ kinh nghiệm để hướng tiến. Tất cả đều vì Phật pháp, không hề có tâm tư riêng.

Làm Phật sự chẳng dễ chút nào. Ở đâu cũng có cái khó của nó. Chỗ xa lạ thì khó là vì mình chưa có kinh nghiệm. Chỗ quen biết thì khó vì mình làm

được việc cũng có người ganh tỵ. Vì vậy phải khéo uyển chuyển linh động. Sở dĩ lâu nay tôi làm được chút ít Phật sự là vì không chống đối ai, mà lại dung hòa nhu nhuyến. Ai chưa hiểu, chưa thông cảm thì từ từ người ta hiểu mình. Nếu mình cương quá, ai nói một ta mắng lại hai thì chắc không làm được gì. Đó là điều thiết yếu tôi nhắc nhở đại chúng.

Ngày 29-01 Quý Mùi (01-03-2003)

Hôm trước tôi có nhắc, nghe tiếng trống thì toàn chúng bên tăng cũng như bên ni, phải dừng hết mọi thứ để lắng nghe bài kệ, vì hồi trống đó như tiếng báo động. Tại sao gọi là báo động? Lâu nay chúng ta có bệnh giải đãi tức là lười trễ. Giải đãi làm cho đời tu mình không tiến, không vươn lên được, nên Phật dạy phải lấy tinh tấn trị giải đãi. Tinh tấn là pháp thiết yếu đánh thức mình cố gắng vươn lên. Muốn tinh tấn thì lấy thuốc gì để trị, để nhắc? Chỉ có bài thuốc vô thường mà hai hình ảnh trong bài kệ diễn tả rất hay.

Hình ảnh thứ nhất là như cá ở dưới ao hồ, tới mùa khô, mỗi ngày nắng qua là nước thấp xuống một phần. Nước thấp xuống dần thì sự khô cạn của cá gần kề, cái chết cũng sắp tới. Nhớ như vậy, để thấy một ngày qua tuổi thọ của chúng ta giảm đi một phần. Giống như cá dưới ao, nắng qua một ngày thì cạn nước một phần, dần dần nó sẽ chết khô. Đó là hình ảnh rất cụ thể cho thấy sự vô thường.

Hình ảnh thứ hai là nhớ vô thường đến gấp, cần cứu như lửa cháy đầu. Nếu có một tàn lửa rớt xuống đầu, người ta phải lia lịa không chút chần chừ. Tại sao? Tại sợ cháy đầu. Cũng vậy, chúng ta tu mà chần chừ, ngày nay mệt quá để ngày mai hãy tu, như vậy không bao giờ tiến được. Phải nhớ cái chết đuổi gấp không còn bao lâu, cần cấp bách vận dụng hết sức tu chứ không lôi thôi. Nhà Phật mượn vô thường để đánh thức sự tinh tấn của chúng ta. Cuối bài kệ là đọc danh hiệu Bồ-tát Thường Tinh Tấn, để nhắc mình luôn nhớ cố gắng.

Như tôi đã tám mươi tuổi. Nếu cuối năm nay chết thì còn sống được bao nhiêu ngày? 365 ngày mà bây giờ qua hết 30 ngày rồi, còn có 335 ngày thôi. Rõ ràng qua một ngày là cái chết kề một bên, nên chúng ta phải quý tiếc từng chút thời gian, không thả trôi được. Nhờ quý tiếc mà mình cố gắng tu, nhờ cố gắng tu mới thoát khổ trầm luân sanh tử. Nhiều người không hiểu, nghĩ rằng cố gắng tu là tới giờ đi tụng kinh, lễ Phật, ngồi thiền vậy thôi, ngoài ra không biết ứng dụng làm sao nữa.

Thật hết sức rõ ràng! Phật đã chỉ thân này là vô thường, không ai giữ được hết, nhưng nơi nội tâm có hai phần. Một phần nội tâm sanh diệt và một phần nội tâm không sanh diệt. Nội tâm sanh diệt là tham, sân, si, mạn, nghi... nói theo thế gian là buồn thương giận ghét, phải quấy, tốt xấu, hơn thua... Tâm

sanh diệt mạnh thì nó sẽ dẫn mình đi trong luân hồi không dừng. Vì vậy Phật thường dạy chúng ta nên dè dặt cận tử nghiệp. Cận tử nghiệp là nghiệp giờ phút cuối, khi sắp tắt thở mà mình chợt nhớ thương ai hoặc giận ai thì nó dẫn mình đi tới đó để thọ nghiệp. Nên biết tâm buồn thương giận ghét sẽ chủ động dẫn mình đi luân hồi, rất nguy hiểm.

Cho nên chúng ta phải dẹp tâm sanh diệt bằng cách tụng kinh, ngồi thiền. Ngồi nghiêm trang tề chỉnh, dồn hết tâm lực nhìn thấy những niệm thương ghét dấy lên, bỏ đi để làm chủ nó. Làm chủ niệm sanh diệt rồi là làm chủ sanh tử. Nên ngồi thiền là giờ phút tối quan trọng để giữ quyền làm chủ cho mình. Nếu gần tắt thở, mình vẫn thản nhiên tự tại thì được thảnh thơi. Ngược lại, lúc ấy còn nhớ thương buồn giận thì đi trong luân hồi không dứt.

Trên đời này ai không khỏi chết? Cái chết đã chực sẵn, chỉ có mình khéo tu giành lại quyền làm chủ. Giành với ai? Cũng giành với mình. Ngồi yên lặng thấy từng tâm niệm tốt xấu dấy lên, buông bỏ cho nó tan mất để được yên tịnh, đó là giành quyền làm chủ.

Việc tu hành gốc là để giải thoát sanh tử. Người đi trên đường giải thoát sanh tử là người siêu thoát. Siêu thoát ở chỗ người đời cứ lầm lũi đi trong sanh tử mà không hay, còn chúng ta biết được gốc của sanh tử, dẹp nó, vượt lên nó thì giải thoát sanh tử.

Người tu là người siêu xuất thế gian, siêu xuất ở chỗ mình làm chủ được tâm sanh diệt của chính mình, chứ không phải chỗ ăn chay hay tụng kinh giỏi. Muốn làm chủ thì phải ngồi thiền cho vững vàng, tỉnh sáng, chứ còn mơ mơ màng màng, làm sao làm chủ được. Hiểu vậy, quý vị mới thấy quý sự tu. Chúng ta biết mình trầm luân sanh tử liên tục không dừng, giờ đây muốn ra khỏi vòng lẩn quẩn đó nên mới tu. Cho nên giờ tu là giây phút tối quan trọng, phải đem hết sức lực để yên tu. Nếu không hiểu rõ bảo tu thì cứ bắt chân ngồi thiền, mà không biết ngồi để làm gì, kết quả ra sao.

Tôi nhắc nhở người lớn tuổi tu theo người lớn tuổi, người trẻ tuổi tu theo người trẻ tuổi. Người trẻ tu cho có đạo lực rồi độ người, các vị lớn tuổi tu để làm chủ được mình, để thoát nghiệp sanh tử. Muốn được an ổn lâu dài ai cũng phải tiến tu, không được lơ là. Mong toàn chúng cố gắng tu hành, đừng bỏ sót ngày giờ nào.

Ngày 29-02 Quý Mùi (31-03-2003)

Hôm nay tôi ngồi trong thất nghe bên chùa tụng sám hối, mấy chú đánh mõ nhanh quá, nghe không kịp. Tôi thí dụ thế này. Như những đứa con phạm lỗi, chúng quỳ trước cha sám hối xin tha thứ lỗi lầm. Cha hỏi con phạm lỗi gì? Khi đó nó phải kể từng điều rõ ràng, mới gọi là sám hối. Đàng này mở đầu đọc vài câu chậm chậm, sau đó đọc nghe không kịp. Phải nhớ sám hối là thành tâm

tha thiết sám hối lỗi cũ, nhờ Tam bảo gia hộ cho tiêu mòn, cho nên phải đọc rõ ràng từng câu chữ.

Những lỗi lầm mình phạm kể rõ ra để không dám tái phạm. Như vậy phải có tâm tha thiết thành khẩn kể ra. Đánh mõ tụng theo không kịp, nghe không hiểu, giống đứa con kia quỳ thưa với cha cho sám hối mà nói líu lo, ông già nghe không được. Như vậy sám cái gì, làm sao tha, làm sao hết tội? Thời sám hối chí ít cũng khoảng bốn mươi hay bốn lăm phút, tụng đâu đó đàng hoàng. Huynh đệ phải ý thức tụng sám hối là để xét lại xem mình có phạm lỗi chi thì sửa đổi cho tiêu tội. Đọc vừa phải, tụng cho rõ ràng, lời lẽ đầy đủ. Nếu ai yếu quá quỳ lâu không nổi thì có thể ngồi, mấy ông già ngồi cũng được. Phật tử tới chùa sám hối mà quý thầy tụng nhanh kiểu đó, thấy như tụng trả nợ chứ đâu phải tu. Thật là xấu hổ!

Đến chuyện nhập thất. Huynh đệ được nhập thất thì ở trong thất kín tu, đi kinh hành ngoài hành lang thất thôi, chứ không nên đi xa. Như vậy sự tu mới miên mật. Mấy thầy đừng so sánh với tôi. Tôi nhập thất rất thong thả, đi chơi ngoài vườn, nằm võng, ngồi ngó thông... Chư tăng nên biết trong Mười mục chăn trâu, từ mục một hai ba, chú mục đồng nhọc lắm, vận dụng hết sức mình để gìn giữ con trâu hoang. Nhưng từ mục năm sáu về sau mục đồng ngồi trên lưng trâu thổi sáo hoặc ngồi chơi thảnh thơi. Cũng là chăn trâu mà giai đoạn đầu rất nhọc nhằn, còn giai đoạn sau mục đồng không dùng sức nhiều nhưng cũng không rời trâu. Như vậy, không thể nói chăn trâu thì lúc nào cũng phải cầm roi, dây vàm, làm dữ mới chăn được. Tùy theo chặng đường mà sử dụng cho hợp lý.

Tu thiền có những điều kỳ lạ, người ngoài nhìn vô không hiểu nổi. Thiên hạ nói tu thiền là phải ngồi thiền liên miên, nếu thấy mình ngồi chơi ngoài vườn hoặc đi thong thả trên đường... họ tưởng như ít tu. Vì vậy chúng ta cần biết rõ cách dụng công trong mỗi giai đoạn, để không bị lầm lẫn trong khi tu. Như tôi đã nói, nguồn gốc sanh tử luân hồi nằm ở nghiệp. Nghiệp dẫn chúng sanh đi luân hồi trong lục đạo. Nhưng cái gì sanh ra nghiệp?

Như mình vừa dấy niệm giận ai thì miệng liền nói dữ, hành động dữ, như vậy là tạo nghiệp rồi. Gốc từ niệm bên trong, niệm khởi giận nên nói dữ, làm dữ thành nghiệp dữ. Vừa thấy ai, khởi niệm thương mến thì lời nói nhẹ nhàng, hành động dễ thương thành nghiệp lành. Nên biết nghiệp lành nghiệp dữ xuất phát từ niệm lành niệm dữ. Hiểu như vậy thì thấy tất cả pháp tu của đạo Phật, trọng tâm đều nhắm thẳng vào niệm. Cho nên niệm Phật để làm gì? Người ta nói niệm Phật để cầu vãng sanh, sự thật niệm Phật là để dừng niệm lăng xăng, bởi vì còn niệm lăng xăng đối đãi là còn đi trong sanh tử.

Niệm sáu chữ Nam-mô A-di-đà Phật thì không khởi nghĩ, nhưng dừng chuỗi lại không niệm nữa thì sao? Thì tâm chạy lăng xăng. Câu niệm Phật là để dập đi những niệm tưởng lăng xăng, không có gì lạ. Niệm Phật để đè các niệm khác, đến khi dừng niệm Phật thì các niệm khác cũng khởi lên. Vậy nên dụ như lấy đá đè cỏ, đá nặng nên cỏ không lên, nhưng dời đá đi chỗ khác thì cỏ tiếp tục mọc.

Tu thiền như bứng gốc cỏ đi luôn. Tại sao? Thiền ở đây, nói thẳng là Thiền tông. Vì niệm dấy lên, hành giả không dùng câu gì để diệt niệm mà biết gốc niệm là hư dối, bản chất của niệm không thật, buông bỏ đi thì tâm được lặng lẽ. Như vậy không đè mà bứng tận gốc. Hiểu cho thật kỹ mới thấy ý nghĩa đường lối tu của Thiền tông.

Ngày xưa, khi tổ Huệ Khả hỏi tổ Bồ-đề-đạt-ma: "Tâm con không an, xin Hòa thượng dạy con pháp an tâm." Tổ bảo: "Đem tâm ra ta an cho." Lúc đó tổ Huệ Khả hoảng hốt, không biết tâm mình ở đâu, quay lại tìm cái tâm bất an đó thì nó mất tiêu. Ngài tìm không thấy, bèn thưa: "Con tìm tâm không được." Tổ bảo: "Ta đã an tâm cho ngươi rồi." Tìm lại coi bản chất tâm bất an đó ở đâu, ra sao thì nó biến mất, có phải dẹp tận gốc không?

Lục Tổ nói *vô niệm vi tông,* vô niệm là nền tảng, lấy vô niệm làm tông. *Vô tướng vi thể* tức là cái thể không tướng. Vì còn niệm là còn tướng, hết niệm rồi thì còn tướng mạo gì. *Vô trụ vi bổn* là không vướng mắc vào thứ nào, không vướng mắc hai bên thì còn trụ cái gì. Đó là gốc, nên nói vô trụ vi bổn. Như vậy gốc của tu thiền là dùng trí nhổ cho sạch niệm.

Người trì chú đến tam mật, thì câu thần chú là trọng tâm để trở về chỗ dứt niệm. Niệm Phật cũng trở về chỗ dứt niệm. Tu thiền đến chỗ vô niệm. Bao nhiêu pháp Phật dạy tu, cuối cùng đều trở về chỗ dứt niệm. Dứt niệm là nhân giải thoát sanh tử. Đạo Phật là đạo giải thoát, dứt hết mầm sanh tử tức là giải thoát. Mầm sanh tử là gì? Là niệm khởi. Mà niệm khởi từ đâu? Từ những đối đãi hai bên thương ghét, giận buồn... Vừa có niệm hai bên liền đi trong sanh tử, dứt niệm là thoát ly sanh tử.

Khi Lục Tổ nói với thượng tọa Minh: "Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Minh?" Huệ Minh ngộ ngay. Ngộ cái gì? Ngộ mặt mũi xưa nay lìa hai bên. *Bản lai diện mục* chính là tâm chân thật sẵn có, lìa hai bên của mình. Vừa dấy niệm hai bên thì đi trong sanh tử. Hiểu cho thật sâu, thấy cho thật rõ thì chuyện tu hành không còn gì nghi ngờ hết. Sở dĩ ngồi thiền mình cố gắng dẹp vọng là để nó yếu đi, lúc vọng đã yếu thì công phu dẹp vọng cũng giảm dần. Khi đó mình thong thả đi đứng hoặc ngồi chơi thấy cảnh, thấy người đều không dấy niệm, giai đoạn này tu rất nhẹ nhàng.

Ngài Trần Nhân Tông nói *Đối cảnh không tâm chớ hỏi thiền.* Đi đứng nằm ngồi không khởi niệm chạy theo cảnh là thiền. Thiền trong bốn oai nghi chứ không chỉ trong giờ ngồi thiền. Hiểu vậy mới biết sự tu từ thấp lên cao như thế nào. Lục Tổ đâu có ngồi thiền nhiều, chẳng lẽ như vậy là tu dở sao? Tới trình độ của ngài thì trong bốn thời hay bốn oai nghi đều là thiền, không cần dụng công hay kìm như người sơ cơ mới vào đạo.

Tu càng cao phong thái càng thoải mái, người mới tu bắt buộc phải kìm chế điều phục. Trọng tâm đặt ở chỗ vô niệm, nếu còn những niệm lăng xăng sanh diệt thì phải kìm, đến khi vừa dấy niệm liền mất thì không cần kìm. Hiểu thật rõ, huynh đệ tu không bị lầm. Nhiều khi tôi đi bộ hoặc ngồi hóng gió, ai hỏi ngồi làm gì? Tôi nói chỉ thấy rừng thông, nghe chim kêu và hóng gió mát thôi, không làm gì hết. Ngồi chơi mà vô tâm, đó là thiền.

Tâm sanh diệt là gì? Là niệm, niệm là gốc của sanh diệt. Lâu nay người ta lầm tưởng tâm sanh diệt là tâm chân thật. Niệm là nhân sanh tử, muốn ra khỏi vòng sanh tử thì phải diệt hết nhân sanh tử. Mình tu cốt đến vô niệm, muốn vô niệm phải dẹp các niệm. Ban đầu hơi khó khăn nhọc nhằn, càng về sau càng nhẹ nhàng.

Nói vậy có người mới nghe đâm hoảng, nhất là Phật tử, bắt vô niệm làm sao làm được? Bởi vậy nên Phật mới có phương tiện, người nào muốn tu mà còn gia đình, còn bề bộn thì dạy giữ năm giới, ráng tu nhân lành tránh quả dữ, đời sau trở lại làm người tốt. Ai khá hơn thì tu thập thiện, đời sau sanh cõi trời. Người giỏi hơn nữa thì tu từ Sơ thiền trở lên. Đó là những phương tiện để Phật tử từng bước tiến lên mục đích chính của đạo Phật là đi tới vô niệm.

Gốc của đạo Phật tu là giải thoát sanh tử. Chính niệm là nhân đưa đi luân hồi sanh tử. Niệm sạch rồi thì hết luân hồi sanh tử. Nói vậy có người nghi, tu rồi nhập Niết-bàn không độ ai hết, để chúng sanh chịu khổ? Không phải vậy. Các vị Bồ-tát làm chủ được niệm, không còn bị sanh tử nên các ngài phát nguyện đi trong sanh tử để độ chúng sanh, chứ không phải nhập Niết-bàn hết. Người tu thanh tịnh rồi, thấy chúng sanh mê chịu khổ nên nguyện đời sau sanh ra để độ họ. Đó là nguyện lực, còn chúng sanh là nghiệp lực. Lực là sức mạnh, nghiệp lực là sức mạnh của nghiệp dẫn đi thọ sanh, nếu hết nghiệp rồi thì nguyện lực là sức mạnh dẫn đi độ sanh. Người tu phải phát nguyện độ chúng sanh, có đức Phật nào mà không phát nguyện độ chúng sanh đâu. Không độ chúng sanh thì làm sao thành Phật! Hiểu vậy thì rõ con đường tu, không còn gì nghi ngờ hay sợ sệt.

Người mới tu điều cực khổ nhất là ngồi thiền hai tiếng đồng hồ. Người chưa quen thì coi như bị hành hình. Thật ra đó là sức mạnh của mình, trước phải cố gắng thắng được cái đau của thân rồi mới thắng được vọng niệm của

tâm. Thân đau nhức thô dễ thấy, nếu thắng được nó thì từ từ sẽ thắng được tâm. Tâm tế nhị nên khó điều phục hơn, không thắng được thân thì khó thắng nổi tâm. Giai đoạn đầu thiền sinh đặt nặng thắng về thân, ngồi từ từ ráng thêm mười, hai mươi phút cũng đáng mừng. Thân yên rồi chừng đó mới đặt nặng về tâm. Hiểu sự tu thứ tự như vậy nên không có gì phải ngại hết.

Ngày 29-03 Quý Mùi (30-04-2003)

Lý do chúng ta luân hồi sanh tử là bị nghiệp dẫn, nghiệp lành nghiệp dữ dẫn chúng ta đi đến chỗ lành chỗ dữ, luân hồi trong lục đạo. Vậy nghiệp từ đâu ra? Nên biết nghiệp là do niệm tham, sân, si tạo thành nghiệp ác, còn niệm từ bi tạo thành nghiệp lành. Niệm xấu dẫn đi đường ác, niệm lành dẫn đi đường thiện. Cho nên còn có niệm thiện ác là còn sanh tử luân hồi trong lục đạo.

Lục Tổ nói với ngài Đạo Minh, nếu còn nghĩ thiện nghĩ ác là còn đi trong sanh tử. Muốn thấy được bản lai diện mục thì không nghĩ thiện, không nghĩ ác. Điều này làm nhiều người hoang mang, tu rồi đi đến chỗ không suy nghĩ gì, như vậy có việc cần suy nghĩ phải làm sao? Cũng có người thắc mắc, nếu thầy dạy lớp trẻ tu mà không nghĩ thiện nghĩ ác thì làm sao học hành. Bởi vì học thì phải phân tích cái này hay, cái kia dở để tiến lên. Bây giờ không nghĩ thiện, không nghĩ ác thì làm sao học? Đó là những vấn đề tôi cần nói cho huynh đệ hiểu, mai kia có ai tới chất vấn thì mình chỉ cho họ thấy rõ.

Người tu Phật không phải chỉ có một hạng, mà nhiều thứ bậc khác nhau. Như dạy người mới tu thiền thì tôi thường dạy *đếm hơi thở, theo dõi hơi thở*, để hạn chế tâm lăng xăng của họ. Do nhớ hơi thở nên không khởi niệm tạp, nhờ vậy mà làm chủ được. Tuy nhiên còn có chỗ trụ là hơi thở thì chưa phải cứu cánh. Đó là phương tiện cho người mới tu, tập làm chủ được tâm của mình phần nào. Người thế gian không làm chủ được tâm, khi nổi sân si làm nhiều điều thất đức, không giữ tư cách con người. Bây giờ tu, tập làm chủ, vừa có niệm sân si dấy động liền nhớ tới hơi thở, trụ vào hơi thở thì niệm đó tan đi. Nhờ thắng được tâm cuồng loạn nên làm chủ được phần nào. Đó là giai đoạn đầu.

Tu khá hơn nữa thì làm chủ được tâm mình, không bị vọng tưởng hoành hành. Điều cần nghĩ thì nghĩ, không cần nghĩ thì không nghĩ. Có những đứa học trò đang học bài mà nhớ chuyện đâu đâu, tâm không chuyên chú nên học khó thuộc. Giai đoạn hai, mình làm chủ được tâm niệm, hướng nó đi theo con đường tốt đường lành, nhưng ngang đó vẫn chưa hết niệm. Nên biết hai chặng đầu là của người tu từ sơ cơ đến trung bình.

Tu Phật là tu tâm. Chúng ta gạn lọc nội tâm, dẹp bỏ những thứ thô thiển, để đi đến làm chủ nó. Làm chủ được rồi tâm càng sáng hơn, việc làm kết quả tốt hơn. Cuối cùng bỏ hết hai bên tiến lên bậc Thánh. Vì khi bỏ hai bên thì Vô

sư trí xuất hiện, như đức Phật thấy biết tất cả không gì không biết. Cái thấy biết đó trước sau như thật, không giống cái thấy biết phàm tình, lúc này phải mà lúc khác không phải. Như vậy tu thiền là phương pháp hướng dẫn làm chủ nội tâm.

Đến giai đoạn thứ hai, hành giả đếm không lầm, không sai nữa thì chuyển qua *tùy tức.* Theo hơi thở vô ra tới đâu biết rõ, chú ý hơi thở vô ra, vừa nghĩ bậy liền nhớ đến hơi thở thì những suy nghĩ bậy qua mất. Như vậy dùng hơi thở để kìm chế không cho tâm chạy bậy. Giai đoạn này hơi lâu, tu đến chừng nào thuần thục mới chuyển qua giai đoạn kế tiếp. Đó là *biết vọng không theo*.

Đến đây chúng ta không cần chú ý đến hơi thở nữa. Chỉ cần vừa dấy niệm liền biết, biết rồi buông, tập làm chủ. Làm chủ được tâm rồi mới có quyền cho nó nghĩ hay không nghĩ. Chúng ta chưa làm chủ được, vừa dấy niệm liền chạy theo nó. Nên giai đoạn thứ ba này công phu khá vất vả. Qua giai đoạn thứ ba tới giai đoạn thứ tư là buông hết *không còn hai bên.* Như vậy sự tu đâu phải đi một mạch là thẳng tới điểm cuối. Nhiều người không hiểu, đọc sách thấy dạy bỏ hết mới tới chỗ cứu cánh, nên tưởng dễ làm.

Có một điều quan trọng tôi cần nói rõ cho tăng ni hiểu. Lâu nay có một số người cho rằng Thiền tông là mật truyền tâm ấn. Mật là thầm kín, nghĩa là thầy truyền riêng cho trò. Như Phật đưa cành hoa sen lên, ngài Ca-diếp cười, Phật truyền tâm ấn cho. Cứ thế, mãi về sau đệ tử được thầy truyền tâm ấn, tu theo mới đúng tinh thần Thiền tông. Tới thời chúng ta không có ai truyền thì sao? Thiền tông ngang đây đành phải dừng lại à? Nên việc làm của tôi có thể nói là hơi cả gan.

Ngày xưa trong pháp hội của Lục Tổ có ngài Thần Hội. Một hôm Lục Tổ nói giữa đại chúng:

- Ta có một vật không đầu không đuôi, không tên không họ, không lưng không mặt, các ngươi biết chăng?

Ngài Thần Hội đứng ra thưa:

- Ấy là bản nguyên của chư Phật, là Phật tánh của Thần Hội.

Tổ quở:

- Đã nói với ngươi là không tên không họ, ngươi lại kêu là bản nguyên, Phật tánh. Ngươi lại đi lấy tranh che đầu, cũng chỉ thành tông đồ của hàng trị giải.

Câu đó thật kỳ diệu! Tại sao nói bản nguyên, Phật tánh mà lại là lấy cỏ tranh che đầu? Bởi vì, có một số người tu nghe Tổ nói một câu, tuy không hiểu nhưng tin tưởng thầy là người được truyền tâm ấn, nên chết sống với câu đó. Tới khi bùng vỡ, tỏ sáng rồi nhận được mặt thật, cái đó không có tên họ. Ngài

Thần Hội chủ trương lấy những lời trong kinh, giảng cho người ta hiểu để tu. Nếu chờ bùng vỡ thì biết chừng nào. Chính nhờ ngài dùng Phật pháp, những từ *Phật tánh, chân tâm...* về phương Bắc giảng thiền, người ta mới lãnh hội được, nếu chỉ truyền tâm ấn như trước giờ thì thiền ngang đó đứt đoạn.

Lục Tổ quở: "Ông là tông đồ của hàng trị giải." *Tri giải* là thuộc về hiểu biết, là thiền thuộc về hiểu biết. *Thiền mật truyền* là thầy nói một câu, lấy câu đó mà chết sống, gặm nhấm hoài đến lúc vỡ tung, trò tự nhận ra thấu suốt chỗ thầy chỉ, ngay đó được truyền tâm ấn. Hệ mật truyền mãi tới sau này mỗi thời còn một hai vị Tổ, bây giờ tìm không thấy người nào. Như vậy chúng ta muốn tu thiền phải làm sao?

Có người đặt câu hỏi ai truyền tâm ấn cho tôi mà dám giảng về Thiền tông. Đó là tôi nhắm thẳng chỗ truyền thiền của ngài Thần Hội, nhất là khi giảng Thần Hội ngữ lục tôi càng chắc chắn. Ngày xưa Lục Tổ nói ngài Thần Hội là môn đồ của hàng trị giải, bây giờ chủ trương đường lối tu thiền của mình cũng thuộc về lý giải. Chúng ta tu thiền là do nhận được lý thiền của chư Tổ, rồi mới ứng dụng tu. Con đường lý giải thì không có người truyền, nếu mật truyền tâm ấn thì phải thầy trò truyền nhau. Hệ đó đến nay gần như đứt đoạn, kể cả Trung Hoa, Nhật Bản tìm cũng không ra.

Như vậy *Thiền lý giải* có thể phù hợp với hoàn cảnh của xã hội, của nhân loại hiện tại. Nền văn minh của xã hội đang tiến, con người làm gì phải biết rồi mới làm. Biết rồi mới làm, nghĩa là phải hiểu được lý rồi sau mới hành. Thiền lý giải cũng vậy, trước phải hiểu lý sau mới thực hành.

Trong thiền sử có giai thoại Tăng hỏi ngài Lâm Tế:

- Thế nào là Vô vị chân nhân?

Sư xuống thiền sàng nắm đứng lại, bảo:

- Nói! Nói!

Tăng toan nói, Sư buông ra và nói:

- Vô vị chân nhân là gì? Cục cứt khô!

Nói xong Sư liền trở về phương trượng. Hôm sau lại nói về sự pháp giới, lý pháp giới, đến lý sự vô ngại pháp giới, Sư lại hỏi:

- Đây đáng gọi là thiền chưa?

Vô Tận đáp:

- Chính là nói thiền.

Sư cười bảo:

- Chẳng phải, chính là còn trong lượng pháp giới, bởi lượng pháp giới chưa diệt, nếu đến sự sự vô ngại pháp giới thì lượng pháp giới diệt, mới là nói thiền.

Thế nào là Phật? Cục cứt khô. Thế nào là Phật? Ba cân gai. Không ai chịu nổi câu nói này, mấy vị dịch giả nghĩ cục cứt khô thô quá, nên dịch que cứt khô. Thật ra câu nói đó cốt đập tan hết tất cả kiến giải. Ai dám nghĩ Phật là cục cứt khô? Như vậy, Tổ đã chỉ Phật là tâm vô niệm, không thể nghĩ bàn, vừa nghĩ bàn thì đã mất Phật rồi. Cho nên ngài nói một câu khiến người ta bặt dứt mọi nghĩ suy. Lời của người xưa nói cốt đập chết ý thức lăng xăng của mình. Ngay trong lúc bị hỏi mà dùng ý nghĩ suy để đáp là sai. Đó là chỗ đặc biệt.

Như Tăng hỏi Động Sơn Thủ Sơ: *Thế nào là Phật*? Động Sơn đáp: *Ba cân gai.* Làm sao mà hiểu! Chính chỗ không hiểu đó là Phật, khởi niệm là mất Phật rồi, không nghĩ thiện không nghĩ ác là bản lai diện mục, còn khởi niệm là không đúng. Nói cho người dứt hết nghĩ suy, chỉ ngài Lâm Tế là thô nhất bạo nhất. Có khi người hỏi: "Thế nào là Phật?" Ngài đánh cho một gậy.

Hòa thượng Đả Địa nhận được ý chỉ nơi Mã Tổ, Sư thường ẩn danh. Mỗi khi có người tham học đến hỏi đạo, Sư liền lấy gậy đập xuống đất, chỉ đó, nên gọi là Hòa thượng Đả Địa. Một hôm, bị vị tăng giấu cây gậy rồi hỏi Sư, Sư quơ không có gậy nên há miệng, chứ không nói gì. Không ai hiểu hành động ấy là gì. Đó là chỗ không suy nghĩ được, vừa khởi suy nghĩ là mất Phật. Chỗ này không có lời để nói! Vì nói là hai bên, không phải chỗ chân thật.

Tổ Tăng Xán nói trong Tín Tâm Minh: "Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm" nghĩa là tin tâm mình thì không còn hai bên, không hai bên là tin tâm mình. Đó là chỉ thẳng tâm chân thật không còn hai bên. Chúng ta ngồi thiền để lặng hết tâm niệm lăng xăng, tâm lặng lẽ không nghĩ gì thì đâu có dính hai bên. Đó là đã đạt tới chỗ rốt ráo mà các Tổ đã chỉ.

Xét từ đầu tới cuối, thấy rõ chư Tổ không giấu mình. Trong những thủ thuật của các ngài, nếu chúng ta thâm nhập được thì ngay đó sáng ra lẽ thật, không qua lý giải. Bây giờ mình không có thầy trực tiếp chỉ ra những cái kỳ đặc, thì phải đi theo đường lý giải. Người Tây phương không chịu làm gì khó hiểu, nói tỏ rõ để họ biết mà ứng dụng tu hành. Tuy lối này tu chậm hơn nhưng không lầm. Như vậy muốn cho Thiền tông bủa khắp các nơi, mọi người tu được, chúng ta phải dùng Thiền lý giải. Lý giải tức là đạt được lý, giải bày cho người ta hiểu, rồi mới tu. Đó là chủ trương của mình.

Như vậy tu Thiền lý giải phải đi từng chặng. Những chặng đầu mượn hơi thở để tu, từ từ tâm lăng xăng giảm dần, cho tới lúc nào đó bặt dứt thì tới chỗ cứu cánh. Thiền lý giải, mọi người có thể học hoặc nghiên cứu để hiểu lý thì thực hành được, ứng dụng được.

Ngày 29-04 Quý Mùi (29-05-2003)

Hôm nay tôi nói đề tài *"Con trâu hoang"*.

Trong Mười mục chăn trâu, đầu tiên mục đồng đi đâu? *Đi tìm trâu.* Khi tìm thấy trâu rồi có bắt được nó liền không? Không dễ bắt được nên phải dùng đủ phương tiện nào là dây vàm, roi, rồi nhử từ từ nó mới chịu tới với mình. Xỏ mũi trâu được rồi cũng phải luôn luôn dùng roi đánh, như vậy mới kìm chế nổi nó. Từ con trâu hoang dần dần trở thành thuần hòa, hiền lương, mình ngồi trên lưng cưỡi đi hoặc thả cho nó ăn thong thả, trải qua rất nhiều công phu.

Trâu hoang là chỉ cái gì? Chỉ tâm lăng xăng lộn xộn của chúng ta. Quý vị kiểm tra lại tâm, thấy nó lương thiện hiền hòa hay có đủ thứ? Có kẻ mặc áo cà-sa mà cũng nghĩ bậy, đừng nói người thế gian. Tâm được minh họa như con trâu hoang là hình ảnh dễ biết nhưng chưa hết ý. Tại sao? Vì khi mục đồng nắm mũi trâu hoang rồi thì có nó, có mình giằng co. Đằng này, con trâu hoang của mình không biết trốn chỗ nào. Muốn điều phục, không biết nó ở đâu mà điều phục.

Trong kinh Pháp Cú, đức Phật nói "tâm dẫn đầu", tâm dẫn đầu là tâm nào? Tâm sanh diệt dẫn đầu, vì khởi niệm rồi mới nói ra lời, tạo ra hành động. Như vậy khởi niệm là đầu mối trở thành nghiệp lành hay nghiệp dữ. Nếu khởi niệm lành, sẽ nói lành làm lành, khởi niệm dữ sẽ nói dữ làm dữ. Kiểm lại, hàng ngày tâm chúng ta có khi nghĩ lành, khi nghĩ dữ, đủ hết. Chúng ta không biết nó ở đâu mà lâu lâu chợt dấy lên, mình cố tình loại bỏ cũng không biết làm sao loại cho hết. Vì vậy bước đầu vào đạo, Phật dạy mình phải giữ giới, người xuất gia tối thiểu phải giữ mười giới.

Mười giới đó là gì? Là sợi dây mũi, là dây roi để đánh con trâu hoang của mình. Người tu hạnh giải thoát trước phải lấy giới cột các tạp niệm. Khi dấy niệm muốn phạm giới thì phải quở trách: "Phạm giới là đọa địa ngục, muốn đọa địa ngục hả?" Nạt mắng nó, la rầy nó, đó là roi. Như vậy dần dần nó mới sợ. Nếu khởi lên mà mình theo nó thì sẽ điên loạn, thành người phạm giới.

Tâm vọng động là manh mối dấy động đủ thứ tốt xấu, lành dữ... Nên khi bắt đầu tu tập, Phật dạy người cư sĩ phải lấy năm giới làm căn bản, người xuất gia ít ra cũng giữ mười giới làm căn bản. Đó là xiềng xích cột con trâu hoang. Người chăn trâu kỹ giữ tròn mười giới, có ác không? Không ác, đó là kìm cho mình đi đúng đường. Nó ngoái cổ qua lúa mạ người thì phải đánh, nạt nộ, quở trách. Bước đầu vì trâu chưa thuần hòa, chưa xỏ mũi được thì phải dùng mọi phương tiện kìm chế nó. Khi xỏ mũi được rồi phải nắm chặt dây mũi trong tay. Chư tăng ni, ai giữ được mười giới là đã nắm dây mũi rồi. Có sẵn roi để chúng ta đánh nhắc cho tâm đừng dấy niệm sai, thẳng trên đường mà đi, không được vào lúa mạ nhà người.

Đó là phương pháp đầu đức Phật dạy tu điều phục tâm. Vì tâm rất quan trọng, nếu không điều phục thì nó dẫn mình đi vào đường xấu, không lường trước nổi. Nhiều khi ngay lúc này nó tốt, giờ sau nó xấu. Bởi vậy chúng ta phải điều phục cho được tâm mình. Mình khéo gìn giữ, kìm chế lâu ngày dài tháng con trâu hiền hòa rồi, sau đó sẽ thảnh thơi.

Không ai mới bước vào đạo mà tâm hoàn toàn hiền lành, phải khéo điều hòa lâu ngày mới được. Khi trâu hiền lành rồi, cứ để nó thong thả ăn cỏ, thằng chăn nằm ngủ trên tảng đá hay dưới gốc cây. Đức Phật dạy tu cốt là trị tâm ngoan cố cho được thuần, trở thành hiền lương, đức hạnh. Như vậy tu chuyển xấu thành tốt.

Chư tăng xuất gia trẻ, Phật cấm không có các niệm nhiễm ô đối với nữ sắc, nếu quý vị lỡ nhiễm thì sao?

- Dạ, nhìn nó.

Phải lấy roi đánh nó thật mạnh, nạt nó, nếu chỉ nhìn thì nhẹ quá. Con trâu đang dữ mà nhìn nhẹ là không được. Khi niệm dở xấu dấy lên thì nạt: Xuất gia mà nhiễm nữ sắc là phạm giới, đọa địa ngục! Nạt như vậy cho nó sợ, dừng lại. Tự mình nhắc đi nhắc lại để tránh không phạm lỗi lầm. Ngoài ra còn bao nhiêu điều khác cũng vậy, luôn kiểm soát tâm mình, đừng để niệm xấu ẩn náu.

Nếu không có niệm xấu, chỉ toàn niệm lành thì đã ra khỏi sanh tử chưa? Vẫn còn đi trong sanh tử, nhưng ở cõi lành, không rơi vào cõi ác. Nếu tốt xấu lẫn lộn thì khi nhắm mắt cái nào mạnh sẽ theo cái đó. Việc tu hành không đơn giản, chúng ta phải cẩn thận dè dặt từng chút một, cố gắng siêng năng chăn con trâu tâm không ngừng, không lơ là, cho tới khi nó thuần thục. Khi nó hiền lành thì mình khỏe một chút, nhưng đến cuối cùng không còn trâu để chăn nữa mới giải thoát sanh tử.

Không còn trâu không còn chăn là hết sanh tử. Người tu thiền, nhất là Thiền tông phải bước qua giai đoạn đối đãi đó. Vượt qua chỗ này đến bức tranh thứ chín là thể nhập pháp thân, chim *bay về tổ, lá rụng về cội.* Thể nhập pháp thân là chỗ cứu cánh. Vậy pháp thân ở đâu mà thể nhập? Trên trời, trên mây hay chỗ nào? Thật ra cũng là cái sẵn có nơi mình, mà vì những niệm xấu tốt liên tục phủ che, nên chúng ta không thấy. Bây giờ dọn dẹp niệm xấu trước, sau đó niệm thiện cũng bỏ luôn. Xấu tốt không còn tức dứt sạch hai bên, thì cái chân thật hiện tiền.

Người xưa thường nói: "Đừng nói vô tâm là đạo, vô tâm còn cách một lớp rào", vô tâm là không còn trâu không còn chăn. Đối với người tu thiền đó là chỗ không còn đối đãi, nhưng phải thể nhập tâm chân thật hiện tiền. Nhận ra được cái đó mới là chỗ cứu cánh của người tu. Người nào nhận được cái thật rồi, đó có thể xuống địa ngục độ chúng sanh khổ đau nơi ấy. Cho nên mục thứ

mười là *quảy bầu rượu, xách cá chép* vô xóm làng, đến những nơi ngày xưa mình sợ mình tránh, bây giờ mình xông vào đó độ họ.

Tại sao ngày xưa mình sợ mà bây giờ xông vào? Vì ngày xưa mình còn yếu chưa đủ đạo lực nên phải tránh. Bây giờ đủ sức rồi, thể nhập pháp thân thì đầy đủ ứng thân, hóa thân để độ sanh. Đó mới gọi là nguyện lực độ tận chúng sanh của bậc giác ngộ giải thoát. Chúng ta từ khi phát tâm tu, nhất định phải đạt đến giải thoát mới thôi. Không phải nói cho hay mà làm không được hoặc không tới nơi. Phải kiểm lại, nói miệng không bằng có cái nhìn thấu. Điều quan trọng là hàng phục tâm tốt xấu, không còn sót một mảnh nhỏ mới được. Đi từng bước, từng bước tới cuối cùng vượt qua hết để thể nhập pháp thân. Thể nhập pháp thân, ngang đó không phải là xong, là tròn bổn phận, mà còn phải tùy duyên ứng hóa độ chúng sanh.

Như vậy, muốn thành Phật phải trải qua ba vô số kiếp, thời gian dài vô kể. Nghe vậy đừng ngán, bây giờ mình chỉ cần biết rõ hướng đi và cứ đi tới cùng. Bởi vì khi đã nhập pháp thân rồi, thì sanh tử đối với mình không còn là vấn đề nữa. Lúc đó cứ tùy duyên ứng hóa độ sanh. Con đường tu từ ban sơ cho tới cuối cùng, lúc nào mình cũng phải xem chừng, biết tới đâu để cố gắng vươn lên, đừng để bị lôi vào những hướng không tốt đẹp.

Tu không phải chỉ có hình thức ở chùa ăn chay, tụng kinh, tọa thiền là đủ mà phải luôn trị tâm loạn, tâm tạo nghiệp của mình sao cho trong sạch, thanh tịnh, đó là chủ yếu. Như vậy mới không uổng phí một đời tu. Chúng ta ra đời được gặp duyên tốt, được tu hành mà không tạo duyên cho mạnh, cho đủ để đời sau tiếp tục tu nữa, thì mất thân này rồi không biết có được trở lại làm người, tiến tu hay không. Một khi tuột xuống thì sẽ tuột hoài. Như lỡ làm thân mèo đã khổ, vậy mà mỗi ngày cứ xơi một hai con chuột. Giết hoài như vậy thì khi mất thân mèo sẽ thành con gì? Thành những con thấp hơn nữa. Cứ như vậy sát hại nhau để sống, chỉ toàn tạo nghiệp đi xuống, biết bao giờ mới được trở lên? Thật là khổ!

Chúng ta đang được làm người tỉnh giác, ở trong đạo tràng nên cố gắng tu, vận dụng hết khả năng và trí tuệ của mình để tiêu trừ vô minh, những nghiệp xấu ác còn tích lũy. Khó nhất là muốn bỏ cái xấu, mà không biết nó ở đâu để bỏ. Nếu biết chỗ nơi mới bới mới đào được, đằng này không biết chỗ, cũng không biết có bao nhiêu thứ đang ẩn nấp, chỉ gặp duyên nó trồi lên, mình không kìm nổi. Vì vậy chúng ta phải cẩn thận dè dặt. Duyên xấu trồi lên, phải biết mình còn chủng tử xấu, nên ráng tu để dẹp nó. Như vậy mới tiến.

Người tu Phật phải xét lại mình nhiều hơn, không cầu ở bên ngoài, không xin ai cho mình thứ gì. Tự nhìn lại biết mình còn bao nhiêu thứ nghiệp xấu, sẽ lôi vào con đường trầm luân thì cố gắng dẹp bỏ. Dẹp được rồi mới hy vọng

giải thoát. Cho nên chúng ta phải quý tiếc thời gian. Khi đủ duyên tu được mà không chịu tu, tới chừng hết duyên muốn tu cũng không sao tu được.

Mong tất cả trong chúng nhớ tu là tu tâm. Tâm tốt thì ngôn ngữ hành động sẽ tốt, tâm xấu thì ngôn ngữ hành động cũng xấu. Quý vị kiểm lại thấy ngôn ngữ của mình bất thường, hành động bất thường, đó là tâm không tốt. Cố gắng dẹp bỏ nó để trở thành người tu hành chân chánh, xứng đáng đứng trong hàng ngũ tăng sĩ. Được vậy mai này có mất đi, chúng ta cũng không hổ thẹn, không uổng một đời tu. Quý vị nói tu để cứu mình, cứu gia đình, độ chúng sanh... Nói nghe to quá mà tự cứu chưa được thì độ ai? Vì vậy tăng ni nỗ lực xoay lại, quán sát cho tường tận, cho thấu đáo, dẹp bỏ những thứ còn ẩn khuất mà chúng ta chưa thấy. Dẹp sạch rồi mới an ổn trên đường giải thoát.

Riêng phần tôi, bao nhiêu năm rồi cũng cố gắng tối đa. Vừa nghiên cứu, vừa học, vừa tu, vừa dạy nên thời gian nhớ mình không trọn vẹn. Bởi vì hết khách này đến khách nọ rồi còn lo coi kinh sách, đến tối ngồi thiền có hôm còn phải nhớ mai giảng gì, rốt cuộc mình nhớ cái ngoài mà quên mất mình.

Từ hôm chuẩn bị nhập thất tới nay, tôi buông hết mọi sách vở, khách khứa, chỉ còn mấy tin tức này kia của các thiền viện thì tôi chưa buông hết. Một ngày thay vì sống trọn mười hai tiếng thì tôi cũng kiếm được năm sáu tiếng nhớ lại mình. So với thời gian trước, bị mất mình quá nhiều, giờ mới trở lại được phần nào. Làm việc gì cũng vậy, lúc đầu cũng gặp những chướng ngại, bốn tháng có bốn việc phải bận tâm vì những người ở ngoài không giải quyết nổi, nhưng rồi cũng qua.

Trên đường tu mình quyết tâm nhưng cũng có chướng, tuy vậy đều vượt qua hết. Nếu tôi được khỏe trong ba năm như vầy thì đỡ lắm, hy vọng sẽ *chỉ nhớ trên đầu một chữ Như.* Rõ ràng nếu đi đứng nằm ngồi không có chuyện gì bận tâm thì dễ nhớ mình hơn. Ngược lại, nhiều chuyện tới thì dễ rối, dễ mất mình.

Trên đường tu nếu chúng ta khéo thì có thể tạo duyên để tu tiến. Muốn tiến phải đủ duyên, thiếu duyên thì khó tiến, hoặc tiến được mặt này nhưng không tiến mặt khác. Bao nhiêu năm rồi, tôi tiến về mặt nghiên cứu Phật pháp, hướng dẫn tăng ni tu hành, giảng dạy cho Phật tử mà chưa tiến nhiều về cái nhớ mình. Giờ đây được an ổn một chút, có thời gian nhớ mình.

Khi trong tâm không có gì lo lắng thì không chi sung sướng bằng. Tại sao? Vì không lo không nghĩ thì nội tâm khỏe, thảnh thơi. Ở bên ngoài không lo đói không lo rách, không lo thiếu thốn bất cứ thứ gì. Ngoài không lo, trong không lo thì còn gì sung sướng hơn. Các vị quan, thủ tướng hay tổng thống có thể không lo vật chất, nhưng trong tâm phải lo việc này việc kia, việc được việc mất... nên đâu có thảnh thơi.

Người biết tu, lại có thời gian tu nữa thì luôn được thanh nhàn. Có khi một hai tiếng đồng hồ thảnh thơi, không lo nghĩ, tự nhiên tâm an. Tâm an thì thấy vui. Niềm vui của người tâm an khác niềm vui của người thế gian. Vui thế gian là vui của sự được mất. Điều mình mong mỏi mà đạt được thì thấy vui. Người tâm lặng lẽ, gương mặt lúc nào cũng tươi vui, không lệ thuộc vào các duyên bên ngoài. Vì vậy, có tu mới thấy không lo buồn phiền não thì khỏe khoắn an vui.

Tăng ni thử đặt câu hỏi, mình tu rồi còn lo gì nữa? Mai mốt theo Phật, chùa không phải của mình, mọi thứ đều không phải của mình. Vậy nên không có gì phải lo, người nào còn có mặt thì giao cho họ. Bây giờ tôi chỉ có một việc là "Luôn nhớ mình". Tôi nghĩ quý vị còn trẻ vừa tu vừa học, vừa làm Phật sự, tới chừng lớn lên đủ duyên đủ phước, làm được bao nhiêu điều theo sở nguyện của mình, nhưng phải dành thời gian yên tu. Lúc đó thảnh thơi nhất, không có gì phải hổ thẹn cả.

Tôi bây giờ không hổ thẹn với ai, bổn phận đã làm tròn, chỉ còn có một việc là lo cho mình. Sống an nhàn kiểu chú mục đồng ngồi trên lưng trâu, thảnh thơi như chơi. Đi cũng chơi, ngồi cũng chơi, nằm cũng chơi, không có gì phải làm, không có niệm nào sanh, rất thanh nhàn. Không trừng phạt cũng không đánh đuổi thứ gì, tự an nhàn.

Tôi đi bộ nhiều, ngày nào dù mưa gió gì cũng đi sáng bảy vòng, chiều bảy vòng. Một ngày mười bốn vòng, tính ra là ba cây số lên xuống dốc, ngày nào cũng đi đều, nhờ vậy mà khỏe. Ăn uống điều độ, ngủ có chừng mực, không lo không nghĩ, rất dễ ngủ. Đâu có chuyện gì gác tay lên trán mà ngủ không được, nên buông ra là ngủ. Ngoài giờ tu ra, đến giờ ngủ là ngủ, ngoài giờ ngủ ra thì chơi. Nói tu mà tu chơi, chứ có việc gì phải làm đâu.

Mong trong chúng cố gắng, còn trẻ phải làm xong bổn phận của mình. Người mới vào đạo thì ráng học, ráng tu theo thời khóa của thiền viện. Lớn hơn chút nữa thì làm điều lợi ích cho đạo. Đến già như tôi, chỉ còn một việc là nhớ mình thôi. Sống không hối hận tý nào, thảnh thơi nhẹ nhàng.

Ngày 29-05 Quý Mùi (28-06-2003)

Khi thành lập thiền viện Trúc Lâm, tôi có tuyên bố: *Thiền viện Trúc Lâm là nơi lý tưởng tối hậu của đời tôi*. Lý do gì mà tôi nói như thế? Vì tôi từng sống ở các trường Phật học, đi giảng các chùa, các đạo tràng. Tôi thấy các chùa cũng như các trường có người giàu, người nghèo. Từ có giàu nghèo sanh ra bệnh trộm cắp trong chùa, trong trường. Đó thật là sự nhục nhã trong đạo, mình dạy cư sĩ giữ năm giới mà người tu lại không giữ!

Hai người đơn gần nhau, một người có thầy tổ khá giả cho tiền mua sắm sách vở đủ hết, còn có tiền để trong cặp. Người kia cần tiền quá mà không có,

nên khi người này đi khỏi thì người kia lén lấy. Vì biết xin không cho, nên họ tự xin. Do tình trạng dư thiếu không công bằng mới nảy sanh cái dở xấu đó.

Hồi đó, có thầy bên Cao Miên về học. Nhà trường bắt mỗi tháng đóng hai trăm tiền cơm, ngoài ra sách vở giấy mực đều phải tự lo hết. Ông túng tiền quá, xách dù đi chỗ này chỗ kia kiếm Phật tử xin mà không ai giúp. Về liêu, ông tức quá nói: "Bây giờ tao làm sinh viên xin tụi bây không cho, sau tao làm pháp sư, tụi bây cúng tao quăng chứ không nhận!" Như vậy mới thấy nỗi khó khăn của người thiếu thốn, nhu cầu tiền bạc cần mà không có.

Ngày xưa tôi đã chứng kiến cảnh này ở trường Phật học và các chùa nên rất buồn, nhưng không có phương tiện gì để khắc phục. Sau này, tôi suy tìm tận gốc sự việc, phát hiện ra từ người giàu kẻ nghèo mà sanh ra bệnh đó. Cho nên khi thành lập thiền viện, tôi nghĩ trong thiền viện mọi người đều không giữ tiền. Có một ban chức sự lo sắm đủ hết, ai cần gì có nấy. Chúng ta không giữ tiền riêng nên ai cũng như ai, không có chuyện giàu nghèo, nên không sanh ra các tệ nạn đáng tiếc như nói ở trên.

Tuy nhiên, khi lập thiền viện từ Chơn Không lần đến Thường Chiếu, tôi chưa thực hiện nổi việc này. Vì khi chư tăng bệnh, ít thì mình ráng lo nổi, bệnh nhiều cũng phải nhờ cha mẹ lo phụ. Như vậy bổn phận mình làm chưa tròn, tôi chưa được vui. Tới khi lên Trúc Lâm, tôi thấy Phật tử cúng dường khá đầy đủ, cho nên có điều kiện lo cho tăng ni về tứ sự.

Một là ăn. Chúng ta có thiếu ăn không? Nhiều khi trong kho còn dư nữa.

Hai là mặc. Trong chúng có ai thiếu đồ mặc không? Cũng không.

Ba là giường chõng. Tăng ni đều có đơn giường đàng hoàng.

Bốn là thuốc men. Có ai bệnh đi bác sĩ mà không được cho tiền mua thuốc không?

Như vậy tứ sự cúng dường tôi lo hết, để tăng ni không ai bận tâm về tiền bạc. Không bận tâm về tiền bạc thì làm gì có chuyện ăn cắp, tự nhiên cuộc sống tốt đẹp, không còn xấu dở nữa. Làm được điều này tôi rất hài lòng. Ngay cả tôi và Ban lãnh chúng đều không có tiền riêng. Tôi chưa bao giờ để tiền trong tủ khóa lại, đi đâu giữ chìa khóa kè kè. Có bao nhiêu tiền đều giao thủ bổn giữ hết, khi cần thì lo cho chúng. Phật tử cúng cho bất kỳ vị nào trong thiền viện đều bỏ vào quỹ chung, tất cả tiền đều của Tam bảo, cùng lo cuộc sống với nhau, không ai được giữ riêng. Vì vậy, tăng chúng sống đúng tinh thần Lục hòa, không sợ người này dư người kia thiếu, rồi buồn tủi về sự chênh lệch. Đó là điều thứ nhất.

Điều thứ hai là khí hậu. Khí hậu ở đây so với các nơi rất tốt. Ở Chơn Không khí hậu tương đối tốt nhưng vẫn không bằng ở đây, vì có khi cũng nóng. Người

tu thiền thì cần khí hậu mát mẻ. Ngày xưa, đức Phật thành đạo vào mùa đông, viên mãn lúc sao mai mọc. Quý vị nghiệm lại xem nóng nực quá, ngồi tu có yên không? Ở đây (Đà Lạt) bữa nào hơi nóng thì tối ngồi không tốt, buổi khuya ngồi rất tốt. Nhờ khí hậu mát mẻ mình ngồi thiền được nhẹ nhàng, thanh thản, dễ định sáng. Cho nên thiền viện Trúc Lâm có khí hậu lý tưởng nhất, tăng ni dễ tu tiến.

Nhiều buổi khuya tọa thiền, tôi không cần mặc thêm áo lạnh vẫn không sao hết. Bởi vì khi ngồi hơi nóng xông lên tự làm ấm người. Ai hơi cảm cảm mà không chịu ngồi thiền là không biết tu. Chính tôi khi nào bị nhảy mũi, ngồi thiền một hồi nó tự khô, khỏe ra. Biết tu thì khi bệnh chút chút mình tự trị được, người không biết tu lấy cớ bệnh rồi nằm ỳ, không chịu tọa thiền gì hết, như vậy sẽ uổng phí thời gian.

Ở đây, tôi sắp đặt công tác buổi sáng, còn buổi chiều, buổi tối và khuya chỉ lo tu. Như vậy thời gian lao động ít, thời gian tu nhiều. Sở dĩ công tác buổi sáng, vì buổi sáng ngồi thiền dễ ngủ. Hơn nữa, ban mai ra ngoài vận động cho có ánh nắng, hít thở không khí trong lành tốt cho cơ thể, như vậy rất hay. Tôi lúc nào cũng muốn chu toàn cho tăng ni về sinh hoạt ăn ở và tu học, không vì tiếng tăm hay danh lợi. Cốt làm sao cho sự tu hành của huynh đệ không thiếu thốn. Vậy mà thỉnh thoảng cũng có vài người bỏ cuộc rút lui, chứ không phải ai cũng hài lòng.

Ngày xưa đức Phật thiền định dưới cội Bồ-đề được ngộ đạo. Đến sự truyền bá của chư Tổ từ Ấn Độ, Trung Hoa sang Việt Nam cũng là tu thiền. Vậy nên mình cũng tu thiền. Tôi mò mẫm tu, không người hướng dẫn mà được kết quả tốt, còn quý vị bây giờ có sách vở, có người hướng dẫn mà làm không được thì đó là dở, chưa đủ nghị lực. Người quyết tâm tu nhất định có kết quả, nhưng phải đầy đủ nghị lực mới được.

Chúng ta có bổn phận hoằng pháp lợi sanh, giúp tăng ni Phật tử tu tiến được, đó là phước lớn. Người trước dạy cho người sau tu, đem hết khả năng giúp đỡ huynh đệ, đó là chí nguyện của người xuất gia đệ tử Phật. Vì vậy, dần dần tôi sẽ chuyển trách nhiệm cho quý vị lớn, tập chủ trì thỉnh nguyện luôn. Tôi chỉ lâu lâu nghe việc gì không tốt thì nhắc Quản chúng, Quản chúng có nhiệm vụ thay tôi nhắc nhở chúng. Chúng ta không ai sống đời mãi, có ngày phải già yếu, nếu bây giờ không giao cho người sau, tới chừng mình tắt thở thì làm sao?

Sở dĩ tôi không đặt thời gian nhập thất cố định là vì muốn được yên. Như bữa nay thỉnh nguyện tôi phải ôn những gì cần nhắc nhở, thành ra tâm cũng có chút lăng xăng. Tôi muốn làm sao cả tháng không có gì lộn xộn, khi nào thấy cần nói sẽ nói. Như vậy ít rối loạn ở trong lòng, đỡ mất thời gian tu hành.

Ngày 29-06 Quý Mùi (28-07-2003)

Dù Phật học đường, Phật học viện hay thiền viện đều phải luôn luôn theo luật vô thường thay đổi. Người trước lập thành, người sau kế thừa cho được lâu dài, bền vững. Cho nên trách nhiệm người trước qua thì người sau phải tiếp nối. Ngày xưa một mình tôi sắp xếp hết mọi việc, bây giờ tôi yếu rồi nên giao lại cho quý huynh đệ. Không phải giao một người, mà nhiều người có trách nhiệm cùng chung lo, sắp đặt với nhau, làm sao cho thiền viện càng ngày càng vững, càng tốt đẹp. Đừng để tôi già bệnh nghỉ ngơi, thiền viện cũng tàn lụi theo thì không tốt, đó là có thủy mà không chung. Cho nên quý vị có trách nhiệm phải nỗ lực, cố gắng làm cho được vuông tròn, giải quyết tốt mọi việc, đừng dẫn lên tôi. Như vậy tôi rất mừng vì có thời gian lo việc của mình.

Hồi năm 1964, tôi có tháp tùng theo phái đoàn đi dự đại hội Phật giáo thế giới tại Ấn Độ. Qua bên đó, có thầy Thiện Châu, thầy Huyền Vi đang học tại Na-lan-đà. Tôi tò mò hỏi hiện giờ ở Ấn Độ có bao nhiêu tăng. Quý vị trả lời là cả nước Ấn Độ chỉ có năm vị tăng thôi. Tìm hiểu lý do thì được nghe kể lại: Vào thế kỷ thứ XIII, Hồi giáo kéo quân đánh Ấn Độ, khi ấy chư tăng giữ giới, không tham dự vào các cuộc chiến, họ chạy qua Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện... Chư tăng đi rồi, quân Hồi giáo kéo tới, những người chạy muộn bị họ giết, cái tháp đó bây giờ cũng còn. Các thầy Tỳ-kheo chạy hết rồi, đâu có ai giáo hóa nên như rắn không đầu, lần lần họ bỏ đạo, trở lại theo Bà-la-môn hoặc Hồi giáo. Vì vậy ở Ấn Độ từ thế kỷ XIII tới nay Phật giáo bị suy, vì không có tăng. Bây giờ hồi phục chút ít thôi, không đáng kể.

Qua xứ Phật thấy vậy, mình rất buồn. Ở Việt Nam thì ngược lại, có giặc đánh giặc, giặc tan rồi lại tiếp tục tu hành. Đó là những vấn đề mình phải thấy, phải hiểu cho thấu đáo. Khi gặp người hỏi chúng ta biết trả lời. Bởi vì đạo Phật dạy từ thấp lên cao. Đầu tiên Phật nói kinh A- hàm hơn hai trăm quyển, sự tu hành lấy giới luật làm trọng, dạy rõ nhân quả báo ứng cũng như luân hồi sanh tử. Qua thời Bát-nhã chỉ theo hướng khác. Hệ A-hàm tạm gọi là hệ CÓ, còn hệ Bát-nhã là hệ KHÔNG.

Có một điều lạ là hệ Bát-nhã không sợ những lỗi lầm trước của mình, chỉ sợ ta không ngộ đạo thôi. Nếu ngộ được thì tất cả các chướng đều tiêu tan. Bài Chứng Đạo Ca của thiền sư Huyền Giác nói:

Chứng thật tướng vô nhân pháp

Sát-na diệt khước A-tỳ nghiệp

Nhược tương vọng ngữ cuống chúng sanh

Tự chiêu Bạt Thiệt trần sa kiếp.

Nếu ai chứng được thật tướng thì không còn ngã và pháp. Không ngã pháp thì trong một sát-na, tức trong chớp mắt đã diệt được nghiệp đọa địa ngục A-tỳ. Ngài còn bảo, nếu nói gạt chúng sanh thì sẽ đọa vào địa ngục cắt lưỡi vô số kiếp.

Như vậy là sao? Chỉ cần chứng thật tướng thì tất cả nghiệp theo đó tiêu tan. Bên kia tu phải giữ giới luật, từ từ đi đến đạt đạo, bên này tu cốt chứng thật tướng. Chứng thật tướng là chứng đạo. Thật tướng là tướng gì? Là vô tướng, tức *tướng không*. Nhận được *tướng không*, sẽ vượt qua hết tội lỗi, chướng ngại trong vô số kiếp. Tại sao vậy? Từ trước đến giờ mình không dám nói, vì nghĩ sao lạ quá, nhất là đọc bài kệ của thiền sư Tư Nghiệp ở Văn Thù.

Gia đình ngài nhiều đời làm nghề đồ tể. Ngày nọ đang mổ heo, bỗng nhiên ngài thấu suốt nguồn tâm, bèn bỏ nghề nghiệp, xuất gia thọ giới làm Tỳ-kheo. Ngài làm kệ tụng rằng:

Tạc nhật dạ xoa tâm,

Kim triệu Bồ-tát điện,

Bồ-tát dữ dạ xoa,

Bất cách nhất điều tuyến.

Dịch:

Hôm qua tâm Dạ-xoa,

Sáng nay mặt Bồ-tát,

Bồ-tát và Dạ-xoa

Chẳng cách một đường tơ.

Hôm qua là tâm dạ xoa, ngày nay đổi lại mặt Bồ-tát. Vậy thì Bồ-tát và dạ xoa cách nhau không quá một đường tơ. Sao dễ quá vậy? Điều này thấy như có gì mâu thuẫn. Nhưng bây giờ tôi thấy rõ, đó là một lẽ thật.

Nhà Phật nói có hai đường rất rõ, một là Có, hai là Không. Như hỏi thân này thật không? Nếu thấy thân thật thì tạo nghiệp, phải đền trả không thể chạy trốn. Thấy thân thật là thấy sai lầm, đi trong đường Có nên khi chết thấy mình có linh hồn, đi thọ sanh chịu tội nơi này nơi kia.

Những vị tu thiền ngộ đạo thấy *ngũ uẩn phù vân không khứ lai*, năm uẩn như mây nổi, bay qua bay lại trong hư không, không thật. Bởi thấy thân không thật, nên khi nhắm mắt các ngài không theo nghiệp mà trở về pháp thân. Pháp thân có tướng không? *Pháp thân giác liễu vô nhất vật*, pháp thân không có một vật, tức là không tướng. Không tướng thì nghiệp nào dẫn được. Nhà thiền gọi là đi đường chim. Thấy rõ con đường giải thoát theo bên Có thì phải tu tới Diệt

tận định mới giải thoát. Đi bên Không, chứng được lý thật tướng, lý *không* thì ngay đó không còn trở lại sanh tử nữa.

Trong Mười mục chăn trâu, mục thứ tám là *không trâu không chăn,* tới đó không ngã không pháp tức là không còn nhân, không còn pháp. Từ đó nhập pháp thân, *lá rụng về cội, chim bay về tổ*. Nhập được pháp thân rồi thì có ứng hóa thân, nên mới có hình ảnh ông già xách cá chép, bầu rượu vô xóm làng.

Như vậy hai đường đi này khác xa nhau, một bên có tướng đi vào tướng. Vì thấy thân thật, nên Phật dạy quán thân bất tịnh, tâm vô thường, thân duyên hợp hư giả để phá chấp lầm. Thấy *không* là chỉ thẳng ngũ uẩn duyên hợp không thật, ngũ uẩn không thật thì nhắm mắt đi thẳng tới chỗ cứu cánh giải thoát. Tinh thần Thiền tông được chư vị Tổ sư thể hiện trong các việc làm rất tự tại. Như ông hàng thịt khi chứng được thật tướng thì có tâm Bồ-tát liền. Chúng ta cứ đi trong mê lầm, thấy thân thật cảnh thật, không chứng thật tướng nên làm việc gì cũng vướng mắc, phiền não.

Tôi thường nghe các thầy dạy: *Thà chấp có bằng núi Tu-di, hơn chấp không bằng hạt cải.* Vậy nên chấp không rất đáng sợ. Đi sâu trong Bát-nhã, trong sự tu mới thấy rõ, nếu thấy mình thật người thật, cái gì cũng thật thì nằm trong đối đãi, làm sao giải thoát được. Phải nhìn khác những cái thấy sai lầm đó mới ra khỏi mê lầm.

Đầu tiên của Mười hai nhân duyên là vô minh. Thế nào là vô minh? Không sáng là vô minh. Sự thật đâu có gì lạ, chấp thân này thật, đó là vô minh. Ai nhìn thân mình thật, người đó đang vô minh, vì không thấy đúng lẽ thật. Từ thấy thân thật rồi cảnh thật, người thật, thấy xung quanh cái gì cũng thật hết, như vậy lòng tham khởi lên. Tham khởi lên thì cái gì mình thích, muốn giữ, muốn được mà bị ngăn trở thì nổi sân. Từ vô minh dẫn chúng ta đi tạo nghiệp, nên nói *vô minh duyên hành*. Hành đó là nghiệp.

Chúng ta do vô minh theo nghiệp dẫn đi thọ sanh. Khi có thân rồi thì có lục nhập tức sáu căn. Có sáu căn thì có thọ, tức cảm giác. Từ đó có ái là ưa thích, rồi thủ là nắm giữ, bảo vệ thân hay của cải của mình. Thủ rồi hữu, tức là nghiệp đời thứ hai. Cứ thế, thân này mất nghiệp dẫn đi thọ thân sau. Sanh rồi lão tử, cứ đi lên đi xuống không có ngày cùng. Gốc từ vô minh, thấy thân thật.

Như vậy trên đường tu, muốn giải thoát trước phải thấy được lẽ thật, thấy lẽ thật là có trí tuệ. Vì có trí tuệ nên phá được vô minh. Phá được vô minh rồi thì phá luôn mấy thứ kế tiếp. Hành giả đi đường Có thì khó dừng tâm, khó yên định. Tại sao? Vì do vô minh thấy thân thật cảnh thật, thấy cái gì cũng thật nên tích lũy hoài. Tích lũy thì ngồi lại thấy cái này, cái kia, cái nọ trồi ra hoài, đuổi không đi, đi hoài trong đó không ra khỏi. Bây giờ muốn ra khỏi những niệm

chấp ấy thì phải thiền định thật sâu, diệt được tất cả dính mắc. Tức là tu đến chỗ Diệt tận định, diệt hết mọi mầm mống bên trong mới giải thoát được.

Chư Tổ tu rất nhẹ, dùng trí Bát-nhã đi thẳng vào *tánh không,* thấy tột lẽ thật. Như lâu nay chúng ta cứ nghĩ cái nhà, cái bàn, cái ghế... là có, còn hư không trống rỗng là không. Bây giờ xét xem cái Không với cái Có, cái nào quan trọng hơn? Nếu không có Không, thì cái Có có không? Như vậy mới thấy cái Không rất hệ trọng. Có là có sắc chất, Không là không tướng, không sắc chất. Tướng có sắc chất là tướng vô thường sanh diệt, tướng không sắc chất là tướng vô sanh.

Vậy thì ngay trước mắt mình có vô sanh, nhưng chúng ta không nhận, lại nhận các tướng sanh diệt. Trong con người mình cũng có sẵn *tánh không*, cái Có chỉ bao quanh cho thấy hình thức vậy thôi, chứ thật ra cái Không mới quan trọng. Hiểu thấu suốt như vậy rồi mới thấy lý Bát-nhã cho chúng ta cái nhìn tường tận, nên khi giác ngộ pháp thân rồi không có một vật. Từ cái Không, nhận ra tâm như như nữa, mới nhập pháp thân, chứ không phải tới Không là hết. Phải đi như vậy mới tới nơi tới chốn. Đó là đường chim, nhà thiền gọi là điểu đạo.

Chúng ta tu Thiền tông, chính là đi đường chim. Hai đường rõ ràng, nếu đi đường Có thì tu ba vô số kiếp mới thành Phật. Đi đường Không thì trong chớp mắt là thành. Nhưng đường này phải anh dũng lắm mới nhảy qua được, thường thường qua không nổi. Vì thấy được lý đó mà các vua đời Trần dám làm những chuyện cần làm, dù các ngài phải chịu tội. Nếu chấp vào giới tướng thì không sao làm được.

THỈNH NGUYỆN NI

Ngày 28-11 Tân Tỵ (11-01-2002)

Trong đời tu của Thầy, Thầy có nguyện vọng làm sao cho những người chung quanh mình hiểu đạo, tu hành được kết quả tốt. Cho nên ai cạo tóc vào chùa tu, Thầy nghĩ người đó không bao giờ lừa dối Thầy. Thế mà Thầy bị lừa dối, đến nỗi phải thốt ra câu "Tôi biết tin ai!" Đó là điều đáng buồn, không phải buồn cho Thầy mà buồn cho những vị ấy.

Nhiều người cứ nghĩ sát sanh, trộm cắp... là tội, còn nói dối không hại ai nên không có tội. Nghĩ vậy là nhầm lẫn lớn. Gần đây giới tu sĩ dùng phương tiện nhiều quá, có những điều không đáng dối cũng dối, miễn sao được việc, lấy được cảm tình của người khác, mà không biết dè dặt ngôn ngữ của mình. Người xuất gia phải chân thật, đừng bao giờ dối gạt người. Vì dối gạt là một trong bốn trọng tội, mà Phật bảo khi phạm như người bị chặt đứt đầu, như cây dừa cây cau bị chặt đứt đọt thì không sống được nữa.

Ngày xưa, khi Thầy đi giảng ở Cai Lậy, có một Phật tử đã quy y năm giới thường đến nghe. Buổi chiều đó ông đi nghe giảng, ngang qua cái bót của Tây, gặp anh lính quen mời vô bót chơi. Vào trong gặp tiệc rượu, vị sếp đã uống say cầm ly mời ông uống cho vui. Ông xá xá, nói: "Tôi không dám uống." Sếp hỏi: "Sao vậy?" Ông bảo: "Tôi thọ năm giới không được phép uống rượu, nên không dám uống." Sếp bảo: "Uống đi, tội tôi chịu cho." Ông này vẫn không uống. Sếp nói: "Ông không uống tôi bắn à!" Nói xong sếp chạy vô lấy súng. Thấy vậy, người lính đứng bên cạnh nói: "Thằng này không dùng được gì hết!" Rồi xô ông ra, bảo: "Thôi đi đi!"

Ông đi thẳng vô chùa kể cho Thầy nghe và nói: "Giả sử lúc đó nó có bắn, con cũng không uống!" Chúng ta thấy vị cư sĩ kia quyết giữ giới thứ năm. Giới cấm uống rượu còn có một chút du di, vậy mà cư sĩ thà chết không phạm. Huống là người tu sĩ đối với giới luật, phải ráng giữ cho thanh bạch.

Ở trong chúng, người lớn kẻ nhỏ nên ăn nói thật thà, đúng lẽ thật, làm cho mọi người tin tưởng. Nếu tụi con cứ linh động phương tiện sao cho được việc, khi người biết được rồi sẽ mất hết lòng tin. Đã đánh mất lòng tin, còn nói gì được nữa? Gặp mặt khó nói chuyện, vì còn tin tưởng nữa đâu mà nói.

Ngày nay trong giới tu sĩ nhiều người nói hay, nói giỏi nhưng thiếu chân thật. Tụi con muốn tu có kết quả tốt, phải ráng giữ giới không nói dối. Giới này không phải nhẹ đâu, nếu nhẹ thì Phật không đặt là giới trọng. Giới này nặng hơn giới uống rượu. Chúng ta tin ai là từ lời nói chân thật, nếu biết họ nói dối, mình đâu còn tin nữa. Đã không tin tưởng thì không thể gần gũi, không sắp đặt công việc cho họ được.

Giới nói dối tuy không sát hại ai, nhưng nó làm mất hết lòng tin của người lớn kẻ nhỏ, bạn bè. Trong xã hội, người ta không tin mình, thì ta là kẻ lạc loài. Như vậy sống với ai, giáo hóa được ai! Hơn nữa, mình là người tu, lời nói phải chân chánh, có đạo lý, được người quý trọng mới thể hiện đạo đức của mình. Nói dối gạt thì lời nói không có có giá trị, lại khiến người khác khinh chê.

Tăng ni phải nói lời chân thật, dù có bị cười chê mình quê dốt, nhưng lòng không hổ thẹn. Nếu nói dối, nói gạt người thì trong lòng luôn bất an. Ngay bây giờ, tụi con không tập nói lời chân thật, có giá trị, sau này ra giảng dạy cho Phật tử, mình quen thói muốn nói gì thì nói, không cần biết đúng sai. Đến chừng người ta biết mình hay nói dối, tự nhiên công phu giáo hóa trôi sông trôi biển, đời tu cũng không có giá trị gì.

Mỗi vị nên nhìn lại, xét cho tường tận ngôn ngữ của mình. Đừng xem thường, cho là phương tiện nên cứ nói, không sợ gì. Lâu dần tự mình làm mất uy tín, mất đức hạnh, mất niềm tin của mọi người chung quanh.

Ngày 28-12 Tân Tỵ (09-02-2002)

Mỗi khi chúng ta tụng kinh, thường khai kinh có bài kệ tán thán: *Vô thượng thậm thâm* vi *diệu pháp, Bá thiên vạn kiếp nạn tao* ngộ... Đọc câu đó, nếu không hiểu mình tưởng quá đáng, nếu hiểu thấu mới thấy sự vi diệu sâu xa.

Bài kệ này, năm xưa sau khi dịch xong tám mươi quyển kinh Hoa Nghiêm, Ban phiên dịch dâng lên cho hoàng đế Võ Tắc Thiên xem. Bà lãnh hội được sự huyền diệu thâm sâu hiếm có của kinh điển Phật dạy, lấy làm vui mừng, cảm hứng viết ra bài Khai Kinh Kệ này.

Pháp Phật sâu mầu chẳng gì hơn,

Trăm ngàn muôn kiếp khó được gặp.

Đây là ca ngợi giáo lý thâm sâu vô thượng của Phật. Vô thượng ở đây là không gì có thể sánh được, sâu xa vi diệu khôn lường. Kinh Phật thường nói *nhân thân nan đắc, Phật pháp nan văn,* tức là *thân người khó được, Phật pháp* khó *nghe*. Kiếp này mình may mắn được thân người, không biết kiếp sau có được làm người nữa không. Hay phải trôi lăn chìm đắm, loay hoay tìm kiếm thân người, như con rùa mù trăm năm trồi đầu lên một lần để tìm bộng cây nổi.

Hôm nay được gặp kinh Phật, thọ trì là điều hết sức quý báu. Nhưng sự thật bây giờ chúng ta thấy kinh Phật và những hội giảng kinh rất nhiều, đâu đến nỗi trăm ngàn muôn kiếp không gặp? Quý vị nghĩ sao, câu tán thán đó có đúng không?

Chúng ta nhìn lại người đời sanh ra, lớn lên đến già chết, họ không bao giờ ý thức mình sanh ra để làm gì. Tại sao tất cả đều phải trải qua già, bệnh,

rồi tiếp tục chờ đến ngày chết? Đó là những điều thế gian không ý thức được. Chúng ta có phước, đủ duyên lành khi ra đời được thức tỉnh hướng về Tam bảo, được nghe những lời giảng dạy trong kinh điển, còn ghi chép lại để tu hành. Chuyện đó rất hy hữu, trăm ngàn muôn kiếp khó được gặp không phải thường.

Chúng ta xem số người trên thế gian bao nhiêu? Số người biết tu bao nhiêu? Số biết tu không có bao nhiêu, số thức tỉnh đi tu lại càng ít hơn, không đáng kể so với số người trên thế giới. Chúng ta gặp Phật pháp, cùng huynh đệ tu hành, được thầy tổ hướng dẫn. Lời Phật dạy chân thật, sâu xa, thấu đáo lẽ thật, trên đời khó kiếm được.

Ở đời, người ta luôn tô điểm, bày vẽ điều này việc nọ để tạm vui, để cùng sống với nhau cho qua ngày tháng. Vui trong sự tạm bợ giả dối, lấy đó làm chỗ tựa để sống. Ngày nay chúng ta được nghe lời Phật dạy, chỉ rõ nhân nào dẫn mình đi vào luân hồi sanh tử và làm sao giải thoát nó. Chuyện đó trên thế gian ít ai biết tới. Chỉ có Phật mới thấy tường tận, chỉ dạy chúng ta học, hiểu và ứng dụng tu. Nếu học hiểu rồi mà không ứng dụng tu thì rất đáng buồn.

Tại sao? Vì hiểu là phần lý giải, chưa phải thực hành. Có thực hành mới thấy giá trị của đạo. Như mình thấy một mâm cơm, nhìn qua cũng biết cơm ngon hay dở. Nhưng muốn cho thấm vào máu thịt, phải ăn mới được. Nếu nhìn qua mà nói ngon dở thì nói để nói thôi, không thấm trong máu thịt, cũng không đúng.

Nghe hiểu mà không chịu ứng dụng tu, tha thiết tu thì cũng chỉ là hiểu bên ngoài, qua rồi mất, không chuyển được nghiệp của mình. Cho nên toàn chúng khi học kinh, hiểu được lời Phật dạy, ráng ứng dụng tu, thấm vào máu thịt của mình. Một ngày kia mình thoát khỏi nghiệp sanh tử. Nghe hiểu chỉ để nói suông mà không hành thì chẳng đi tới đâu. Chư Tổ thường nói: *Hạnh giải tương ưng gọi đó là* Tổ. Hạnh là sự tu hành, giải là sự lãnh hội. Hiểu và hành hợp nhau gọi là Tổ, nếu hiểu mà không hành thì chỉ là người học ngôn ngữ thôi, chưa tới đâu.

Chúng ta học để tu không phải học để nói. Vì vậy, ai cũng phải siêng năng học, tinh tấn tu. Đừng để một đời trôi qua mà không thấy lối đi, không có định hướng đúng. Sau này lang thang trong vòng luân hồi, không biết bao giờ mới ra khỏi. Mong tất cả trong chúng ráng học cho hiểu đạo lý, hiểu rồi ứng dụng tu cho có lợi ích thiết thực, chứ không phải nói suông.

Ngày 13-05 Nhâm Ngọ (23-06-2002).

Giá trị của người tu là sự chân thật, chúng ta tu để tìm cái thật của chính mình. Thân bèo bọt này là giả, tâm lăng xăng cũng hư dối. Mình biết rõ thân tâm hư giả rồi thì tìm cho ra cái chân thật. Trong nhà Phật nói lấy viên ngọc

báu của chính mình ra sử dụng. Đó là trọng tâm của người tu giác ngộ, giải thoát sanh tử.

Muốn được vậy, trước phải tập trong nếp sống hằng ngày với huynh đệ. Làm sao những gì mình thấy, nghe, nói đều là lẽ thật. Nói ra câu nào huynh đệ cũng tin, chỉ dạy cho ai điều gì cũng là thật. Đã biết thân giả, ý niệm sanh diệt là giả, mà còn nói chuyện điên đảo nữa thì không biết giả đến bậc nào. Chúng ta dẹp bỏ hết mọi quyền lợi, không thiên vị ai, không lấy cảm tình của mọi người, cứ thật thà thấy sao nói vậy, biết sao chỉ vậy, không thêm không bớt. Từ chỗ chân thật đó mà dễ tu, dễ đạt được bản nguyện của mình. Nếu sống trong chúng mà kẻ này lừa người kia, người kia gạt kẻ nọ, như vậy điên đảo với nhau hoài thì làm sao tìm ra cái chân thật được.

Người làm việc lớn thường bắt đầu từ những việc nhỏ. Người này gạt người kia một ít, người kia dối người nọ một ít, cứ cho là việc nhỏ, không chịu bỏ, không biết đó là nhân bất tín. Sống như vậy thì ở trong chúng mọi người đều dè dặt với nhau: Không biết người đó nói thật hay không? Nghi ngờ nhau như thế, cuộc sống làm sao yên ổn, đường tu làm sao tiến.

Chúng ta do tôn trọng lẽ thật, mới quay lại tìm lẽ thật nơi mình. Nếu sống lừa bịp, dối trá thì không thể tìm được lẽ thật nơi chính mình. Vì vậy trong đạo rất quý trọng lẽ thật. Những người ham tu, quyết tu phải dẹp bỏ mọi thứ hư ảo, dối trá. Không nên giữ những ý niệm dối gạt nhau, còn ý niệm đó thì sự tu không tiến được. Tôi mong trong chúng biết thân này giả, tâm này hư dối thì phải buông bỏ, để tìm ra viên ngọc báu chân thật của mình. Được vậy chúng ta mới an ổn, vui hòa, cùng nhau tinh tấn tu hành.

Ngày 13-06 Nhâm Ngọ (22-07-2002)

Thiền viện tạo đủ duyên cho tất cả chúng yên tu, vì vậy tăng ni ở đây phải dồn hết tâm lực tu hành, không nên phí thời gian đọc sách báo bên ngoài, vì những thứ đó hiện tại không cần thiết. Chừng nào quý vị ra làm Phật sự, cái gì cần biết hãy đọc. Bây giờ đọc những thứ sách báo ấy dễ làm tán tâm động niệm, khó tu.

Chủ trương của tôi là dồn hết sức để tu. Người lớn tuổi đã gần theo Phật rồi, phải quý tiếc thời gian của mình. Người nhỏ tuổi cũng đem hết tâm lực tu học, làm sao khi rời khỏi thiền viện, mình trở thành người có tài có đức để làm Phật sự. Như vậy mới không cô phụ chí nguyện xuất gia ban đầu.

Người đời tranh hơn tranh thua, tranh phải tranh quấy là chuyện của họ, không phải chuyện của mình. Chuyện của mình là chỉ một bề đem hết tâm tư để tu học thôi. Vì muốn dồn hết thời gian tu học nên không cho đọc báo chí, sách vở bên ngoài. Chỉ nên tiếp thu những kinh sách chuyên tu theo đường lối chủ trương ở đây, đem ra ứng dụng thực hành.

Trong tâm chúng ta còn chứa đầy những thứ suy nghĩ hơn thua, phải quấy, được mất... Bây giờ muốn phủi bỏ cho sạch thì đừng thấy, đừng nghe, đừng thêm gì nữa. Được như vậy tâm dễ yên. Tâm yên thì tu hành mới có kết quả, nếu tâm không yên sự tu sẽ không đi tới đâu. Tất cả thời gian dồn vào việc tu học thì dù ở thiền viện ba năm, năm năm vẫn có giá trị. Ngược lại, người không dồn hết tâm sức vào việc tu học, dù ở thiền viện mười năm, hai mươi năm cũng không ra gì, uổng phí thời gian quý báu của tuổi trẻ trôi qua, không lấy lại được cũng không có chút lợi lạc nào.

Cho nên mỗi người phải có trách nhiệm với mình, đừng ngồi tu ở đây mà tính chuyện đâu đâu. Những chuyện đó đâu có cứu được mình. Phải hiểu thời gian tu của chúng ta là vàng ngọc, chứ không phải thường. Những vị tìm báo mới, báo cũ đem ra đọc tin tức rồi bàn tán, chẳng những uổng phí thời gian quý của mình, mà còn làm trong chúng lộn xộn không yên.

Chúng ta chuyên tu, chuyện quan trọng là giải quyết việc lớn sanh tử, cố gắng tu cho tiến, cho thấy đạo. Nếu một lúc làm năm bảy việc thì không bao giờ có kết quả. Từ đây về sau, nếu Thầy bắt gặp hoặc trong chúng có người bắt gặp vị nào đọc sách báo bên ngoài, Thầy sẽ xử phạt nặng vì không có tâm quyết tu, có thể những vị ấy hoặc được ở, hoặc không được ở tùy theo mức độ nặng nhẹ. Đó là điều thứ nhất Thầy nhắc toàn chúng.

Điều thứ hai, trong chúng có những vị tu tiến, đó là điều đáng mừng. Nhưng phải nhớ, thấy biết những gì hay lạ, chỉ nên trình với người hướng dẫn mình thôi, không nên nói ra ngoài nhiều. Nói ra ngoài nhiều là có ý khoe khoang, như vậy phạm lỗi lớn. Trong quyển Pháp Yếu Tu Tập Tọa Thiền Chỉ Quán kể: Có vị tăng tên Pháp Tế, tự khoe mình được thiền định, tình cờ gặp đại sư Trí Khải, tăng nằm dựa ghế hỏi:

- Có một người ở trong định, nghe đất núi rúng động, biết có vị tăng đang quán lý vô thường. Đây là định gì vậy?

Đại sư đáp:

- Là biên định chưa sâu, là tà chứng ám nhập, hoặc chấp hoặc nói, định mất không nghi.

Pháp Tế kinh hãi đứng dậy thưa với Sư:

- Tôi thường được định mà vì nói cho người khác nghe, định này liền mất.

Vị tăng này tu quán vô thường, nhập định thấy cả quả địa cầu đều rung rinh. Thấy quán vô thường của mình đã thành công tốt đẹp, vị tăng đem việc ấy khoe với người này người kia. Từ đó về sau, khi quán không còn hiệu quả như lúc trước nữa. Vị tăng này ngạc nhiên, không hiểu lý do. Sau gặp đại sư Trí Khải chỉ dạy, do cái lỗi khoe với người nên mất công phu.

Những vị nhập thất tu, nếu có thấy cái gì hay hoặc dở, chỉ nên trình với người hướng dẫn, người có trách nhiệm, nhờ quyết nghi đúng hay sai để mình biết tiến hoặc lùi, không nên nói với người này người kia. Nói ra nhiều, bàn tán nhiều thì công phu mất đi, đó là điều cần phải dè dặt trong công phu.

Ở đây, Thầy không chấp nhận việc mở khiếu huyệt. Tu như vậy là theo ngoại đạo. Chúng ta phải tu một cách chân chánh, đúng như đường hướng của Phật tổ chỉ dạy, không nên học lóm của ai rồi tu sai lệch. Nếu có chuyện gì xảy ra, ai chịu trách nhiệm? Cho nên quý vị khéo suy nghĩ kỹ, sự tu hành cần phải chín chắn, nghiêm túc.

Những điều mình học từ lời Phật dạy, được quý thầy hướng dẫn ứng dụng tu. Nếu hiện tại chưa có kết quả thì cũng không có lỗi gì, còn có kết quả thì đúng với đạo lý. Nếu mình lượm lặt của người này kẻ nọ, tu có kết quả thì kết quả đó cũng của ngoại đạo. Tu sai lầm có thể bị điên cuồng. Đó là tai họa lớn. Vậy quý vị phải cẩn thận, tu thì đi đúng đường, đúng chánh pháp Phật dạy để sau này lợi mình lợi người. Đó là điều thiết yếu, tôi nhắc nhở toàn chúng ghi nhớ, đừng làm sai về sau hối hận không kịp.

Ngày 14-07 Nhâm Ngọ (22-08-2002)

Tự tứ là ngày rất quan trọng, rất có ý nghĩa bởi tinh thần cầu xin chỉ lỗi. Ngày thường người lớn thấy lỗi thì rầy nhắc cho mình biết mà sửa đổi, còn tự tứ là tinh thần cầu xin chỉ lỗi, quý ở chỗ đó. Bởi vậy nên mỗi vị phải ba lần thưa để cầu xin được chỉ lỗi.

Người tu là muốn làm sao mỗi ngày ở trong đạo đều tốt, xứng đáng là người xuất gia. Nhưng vì tập khí, nhiều khi mình lỡ làm lỡ tạo mà không hay. Nên mỗi nửa tháng ở các chùa bố-tát, còn thiền viện thì làm lễ Thỉnh nguyện, đại chúng cầu xin những vị lớn hoặc huynh đệ thấy lỗi chỉ cho mình, đó là tinh thần cầu tiến. Vì muốn tiến nên mình cố gắng sống trong sạch, đạo đức, không để tâm phóng túng buông lung, như vậy uổng đi một đời tu.

Với lòng thành ấy, chúng ta luôn nhắc nhở nhau tiến lên là điều rất hay rất quý. Vậy mà tiếc thay, ngày nay đa số người thấy huynh đệ có lỗi lại che giấu, không chịu chỉ. Đó là điều dở xấu, mình không thật lòng giúp đỡ nhau, không thật lòng hướng dẫn cùng tiến trên đường tu để càng ngày càng tốt đẹp hơn.

Mỗi năm, đến ngày tự tứ chư tăng chư ni đã qua ba tháng an cư. Nhờ quý vị nỗ lực tu tập, tâm được trong sạch nên tất cả Phật tử đều quý kính. Họ thành tâm cúng dường mong mình cầu nguyện cho thân nhân, gia quyến, người mất siêu thăng nơi cõi lành, người sống được phước báu bình an. Vì tin tưởng như vậy, nên gần tới rằm tháng bảy, Phật tử khắp nơi đều trở về chùa cúng dường. Đức Phật tán thán chư tăng chư ni tu tập trong ba tháng an cư có đầy đủ phúc

đức, nên dạy ngài Mục-kiền-liên thiết lễ cúng dường, xin chư tăng hồi hướng phước cho thân mẫu của ngài thoát khỏi kiếp ngạ quỷ.

Theo truyền thống đã có từ xưa, ngày nay chúng ta cũng phải giữ tâm chân thành. Sống trong chúng, muốn tu tiến phải xoay lại nhận ra những cái dở tệ của mình để sửa đổi. Nếu không tự thấy thì phải nhờ quý vị lớn chỉ dạy, mình nguyện chừa bỏ để trở thành người tu sĩ tốt đẹp trong sạch. Đó là tinh thần tự tứ, cũng là tinh thần thỉnh nguyện của các thiền viện.

Cho nên ngày tự tứ không phải chúng ta làm lễ rình rang mới gọi là có phước. Lễ Tự tứ với lòng chân thành, chúng ta cầu xin đại chúng chỉ dạy những lỗi lầm của mình, nguyện sửa đổi sạch hết những điều xấu dở. Khi được chỉ lỗi, thành tâm sám hối chứ không chống cự, không phản đối gì hết. Ngày thường phạm lỗi, được người nhắc nhở có lúc chúng ta không vui. Nhưng ngày này mình sẵn sàng vui vẻ nhận hết lỗi lầm để chỉnh đốn lại. Tinh thần đó rất cao thượng, rất quý báu. Đức Phật đã từng khen như vậy.

Thay vì tự tứ, thì ở thiền viện chúng ta có lễ thỉnh nguyện. Thỉnh tức là cầu xin người lớn hoặc ngang với mình, thấy những gì xấu dở thì chỉ giúp cho. Khi được chỉ mình nguyện sẽ chừa bỏ, thành tâm sám hối. Chúng ta tu với tâm thành, phải luôn cầu xin nhắc nhở chỉ lỗi để mình biết mà sửa. Được chỉ dạy, nhắc nhở thì không nên giận dữ la lối um sùm. Đó không phải là người tu thật mà là tu giả, mượn áo nhà Phật để được người cung kính, cúng dường. Hiểu vậy, tăng ni mới thấy tôi muốn trong thiền viện từ trên xuống dưới, lúc nào đại chúng cũng có tinh thần biết nhận lỗi, sửa lỗi. Để từ một con người tầm thường phàm tục, chúng ta dần tiến lên thành người đạo đức, đi trên đường thánh đạo, không còn tầm thường phàm tục nữa.

Từ kẻ phàm tục trở thành cao cả, được mọi người quý trọng không phải là chuyện dễ. Tăng ni cần can đảm, quyết tâm sửa đổi những gì hư dở, để trở thành con người xứng đáng. Như vậy mới không hổ thẹn khi Phật tử cúng dường kính lễ. Mình ngồi cho người ta lễ mà thói hư tật xấu còn nguyên vẹn, đó là tội lỗi. Đã không có phước ban cho người, mà còn tổn giảm nữa thì đời tu sẽ ra sao? Hiểu được tinh thần ấy, tăng ni cố gắng tu tập chuyển hóa ba nghiệp. Nếu tội cứ làm, lỗi cứ gây, không sửa đổi thì hỏi tu chừng nào cho hết xấu dở? Chưa hết xấu dở mà ít năm được đăng đàn thọ giới, làm Thượng tọa, Ni sư... rồi tưởng mình tu hay, tu cao. Đó là hiếu danh, chỉ chuốc lấy tội chứ không có phước gì hết.

Chúng ta không cầu mong ai tôn trọng mình, mà phải thành tâm trong sự tu hành, chân thật trong mỗi ý nghĩ, hành động, lời nói của mình. Như vậy mới xứng đáng là người con Phật, xứng đáng là người xuất gia.

Ngày 28-07 Nhâm Ngọ (05-09-2002)

Đây là buổi thỉnh nguyện quan trọng, nhắc cho chúng biết thời gian thỉnh nguyện của Thầy với chúng ở đây không còn nhiều. Cho nên những gì Thầy nhớ sẽ nói cho chúng nghe để hiểu mà tu.

Tất cả chúng ở thiền viện đều là những người quyết tâm tu, quyết tâm cầu giác ngộ, giải thoát sanh tử. Như vậy, không ai tới đây vì việc nào khác ngoài mục tiêu giác ngộ giải thoát. Muốn được giác ngộ giải thoát thì quý vị phải làm những việc sau:

Việc thứ nhất là cố gắng học lời Phật dạy, vì những lời dạy đó từ tâm giác ngộ, tâm sáng suốt của ngài nói ra. Chúng ta dù còn mê muội nhưng khi học hiểu rồi, sẽ giải được một phần mê muội của mình.

Việc thứ hai là ứng dụng tu. Học là học lời Phật dạy để biết cách tu, đây vẫn là việc bên ngoài. Tâm mình chưa sáng vì tư tưởng không yên, còn nhiều rối loạn nên phải tu. Tu thiền là để tâm yên định, tâm yên định trí tuệ mới phát sáng. Cho nên chúng ta phải ngồi thiền để kiềm chế tâm xao động của mình, từ từ nó yên định mới thấm nhuần lời Phật dạy. Nếu tâm xao xuyến quá thì khó thấm nhuần Phật pháp.

Việc thứ ba là phải có hạnh kiểm tốt hay đức hạnh. Muốn có đức hạnh chúng ta phải giữ giới luật của Phật, ngừa đón những sai lầm phát ra từ ba nghiệp thân khẩu ý. Biết giữ gìn giới luật thì tất nhiên giảm thiểu lỗi lầm, giảm lỗi lầm thì loạn tưởng theo đó giảm. Do đó giữ giới luật rất cần thiết đối với người tu.

Từ mười giới trở lên, tăng ni phải luôn luôn thận trọng, đừng để thiếu sót. Bởi vì đó là việc mình phải làm, phải sống, chứ không phải chỉ học, cũng không phải hứa giữ giới cho có, mà không chịu giữ. Như vậy việc thứ ba đòi hỏi chúng ta có giới đức.

Ở thiền viện tăng ni giữ mười giới căn bản làm nền tảng, tối thiểu là mười giới, còn những giới cao hơn nữa là phần thêm. Giữ giới rồi cần học các oai nghi, giữ tư cách người xuất gia, vừa hiền hòa vừa đức hạnh. Làm việc gì cũng phải điềm tĩnh, không nóng vội cũng không bướng bỉnh làm lấy có, không cẩn thận, không khiêm tốn. Nên nhớ đức hạnh của người tu từ giới mà ra.

Khi thọ giới Tỳ-kheo, Phật có dạy Tứ chủng pháp tức bốn điều:

1- Từ đây cho đến suốt đời, bị người mắng không nên mắng lại.

2- Từ đây cho đến suốt đời, bị người giận không nên giận lại.

3- Từ đây cho đến suốt đời, bị người giễu cợt không nên giễu cợt lại.

4- Từ đây cho đến suốt đời, bị người đánh không nên đánh lại.

Đó là thái độ tư cách của người tu, không vì bị những thứ bên ngoài xâm phạm về danh dự hay điều gì khác, mà nổi xung làm dữ với người ta. Như vậy thì mình không khác gì với họ.

Người tu phải cẩn thận từ tư cách đối xử với nhau, cho đến những lời nói qua lại luôn chân thành, đúng lẽ thật. Nếu chúng ta thấm nhuần giáo lý của Phật, tu hành được an định, trí tuệ sáng, đầy đủ đức hạnh thì rất xứng đáng. Mai kia có thể ra làm Phật sự, lãnh đạo một số chúng, hướng dẫn họ tu. Trong ba điều đó nếu khuyết một điều thì không đủ tư cách hướng dẫn người. Học là để hiểu mà tu. Tu là để tâm an định, trí tuệ phát sáng. Giữ giới luật, tuân thủ nội quy của thiền viện để có đầy đủ đức hạnh, sau này ra giáo hóa người.

Khi xuất gia chúng ta đã nguyện tự giác giác tha, nên giác được phần nào mà không dạy người khác thì bản nguyện chưa tròn. Tôi nhắc lại cho toàn chúng ba điều cần phải thực hành: nhớ học không bao giờ bỏ sót, nhớ tu không bao giờ dừng nghỉ, nhớ giữ gìn hạnh kiểm tư cách không bao giờ lơi lỏng. Như vậy mới xứng đáng là người xuất gia, là thầy của mọi người.

Ngày 28-10 Nhâm Ngọ (02-12-2002)

Các pháp đều theo luật vô thường sanh diệt đổi thay, nhưng tu là giữ vững tâm mình, dù ở trường hợp nào cũng vẫn an ổn, đừng vì hoàn cảnh xáo động mà buồn vui, không tốt. Tăng ni tu học ở thiền viện, có được một số vốn liếng đạo lý, mai kia dù ở lại đây hay đi nơi khác làm Phật sự, chúng ta vừa tu để tăng trưởng đạo hạnh, vừa làm lợi ích cho mọi người. Ai cũng vậy, học rồi phải ra trường. Huynh đệ tu năm mười năm rồi cũng phải ra làm Phật sự, không ai ở một chỗ học hoài học mãi. Khi không việc thì mình ngồi yên tu, khi có nhu cầu của Phật pháp, quý vị vâng lời thầy tổ đi làm Phật sự.

Tăng ni phải ra gánh vác trọng trách hoặc về làm Phật sự giúp thầy tổ, nên nhớ rằng: Mình tu ở thiền viện Trúc Lâm, nhất là trong giai đoạn này Trúc Lâm đang có uy tín. Các Phật tử ở nước ngoài nghe nói tăng ni ở thiền viện Trúc Lâm thì họ quý mến. Sở dĩ người ta mến quý là vì mình có nội quy nghiêm chỉnh, tu hành thanh tịnh.

Được Phật tử quý mến, chúng ta phải biết trách nhiệm của mình càng nặng hơn, phải gìn giữ bảo vệ lòng tin của họ, đừng để mất. Chưa tới thì người ta tin quý, tới rồi lại chán chường, thấy những gì họ tưởng tượng là đẹp, bây giờ bày ra xấu quá. Đó là điều không hay. Nên tăng ni là những người có trách nhiệm làm tốt thêm cho thiền viện, không được làm điều xấu dở, mất uy tín thầy tổ và thiền viện.

Ngày xưa, Thầy cố gắng gầy dựng niềm tin cho Phật tử, để họ không mất niềm tin đối với tăng ni, nên mới tạo ra khung cảnh này, sắp đặt đường lối tu hành vững vàng. Nhờ đó mà gây được lòng tin với Phật tử, lòng tin với các nơi.

Bây giờ, nếu tăng ni ra làm Phật sự, lãnh trách nhiệm hoằng dương chánh pháp ở xứ khác, nhiều người đang trông chờ để thấy cái hay của mình, chứ không muốn thấy cái dở. Cho nên sau này khi trở về trú xứ hay ra nước ngoài chúng ta đều phải rất cẩn thận, rất chu đáo, rất nghiêm trang, đừng để mất uy tín. Uy tín cá nhân của quý vị mất thì uy tín của thiền viện cũng bị ảnh hưởng. Như vậy vô tình mình làm không được việc, mà còn gây thương tổn cho người sau, trách nhiệm này rất nặng. Cho nên tăng ni đừng nghĩ ra khỏi thiền viện là hết trách nhiệm.

Hiện giờ có một số người phải về miền Trung làm Phật sự, ngoài đó chưa có mấy vị thông cảm đường lối tu ở đây. Về đó quý vị phải có tư cách mẫu mực, tu hành tiến bộ, mới gây được lòng tin với quý thầy lớn. Tăng ni làm sao để mọi người quý mến thiền viện Trúc Lâm trước sau như một, đừng để trước thì quý kính sau lại coi thường, đó là lỗi lớn.

Tất cả phải nỗ lực, cố gắng gìn giữ giềng mối cũng như uy tín của thiền viện. Như vậy là thương Thầy, làm cho Thầy được an lòng. Đây là lời nhắc nhở của Thầy trước khi quý vị ra làm Phật sự.

Ngày 28-11 Nhâm Ngọ (31-12-2002)

Hôm nay là buổi thỉnh nguyện cuối cùng Thầy có mặt ở đây (Trúc Lâm Ni), đáng lý còn một buổi nữa, nhưng gần Tết công việc bề bộn, khách khứa đông vầy không thỉnh nguyện được. Nên hôm nay là ngày cuối, từ đây về sau Thầy không còn trách nhiệm hướng dẫn nữa, mà phải nghỉ ngơi. Do đó, tất cả tụi con kiểm điểm lại thời gian tu tại thiền viện bao nhiêu năm, hoặc dài hoặc ngắn. Mỗi đứa có tiến bộ thế nào, ai gặp những chướng nạn gì hay tu hành trì trệ không tiến v.v... cứ đem ra trình bày cho Thầy biết. Thầy sẽ chỉ dạy để tụi con diệt trừ những chướng ngại đó. Những người còn ở lại thì Quản chúng, Phó quản chúng sẽ chịu trách nhiệm sắp đặt mọi việc, cũng như chịu trách nhiệm thỉnh nguyện, nhắc nhở cho tụi con biết những gì sai lầm mà chuyển đổi, để sự tu hành được tốt đẹp.

Sau khi Thầy nghỉ dạy, trong chúng có hai thành phần:

1- Quý vị tu một thời gian rồi trở về bản tự phụ với Thầy tổ, hoặc đến nơi nào trước kia đã hứa hẹn về làm Phật sự.

2- Những người ở lại đây tiếp tục tu học.

Tất cả những vị có duyên sự trở về bản xứ thì ra trước Thầy trình bạch. Người nào còn ở lại thì ngồi tại chỗ, để Thầy biết số đi bao nhiêu, số ở bao nhiêu. Những vị đi Thầy sẽ có ít lời nhắc nhở.

(Sư cô Hạnh Dũng đại diện 24 người ra tác bạch xong, Hòa thượng dạy tiếp.)

Tụi con ở đây duyên đã mãn, giờ phải rời thiền viện về bản tự hoặc về nơi nào tùy theo chỗ tụi con đã sắp đặt trước. Điều đó Thầy không lấy gì làm lạ, vì tất cả tụi con đều đã lớn khôn rồi. Thời gian ở đây, Thầy đã hướng dẫn chỉ dạy tất cả, còn thực hành được hay không thì tùy mỗi người. Sắp tới là giai đoạn tụi con phải làm Phật sự, nên trách nhiệm nặng hơn lúc ở thiền viện. Ở thiền viện mọi giao tiếp bên ngoài, việc ăn uống, học hành đều do quý thầy bảo bọc. Bây giờ ra làm Phật sự, tụi con phải tự đương đầu với nhiều thứ khó khăn, còn hướng dẫn chỉ dạy cho đàn em nữa. Những việc đó trách nhiệm rất nặng.

Trước khi tụi con rời đi, Thầy nhắc máy điều thiết yếu:

1- Phải nhớ sở nguyện của mình tu là vì giải thoát sanh tử, chứ không phải để được no cơm ấm áo, được sung sướng bản thân. Vì vậy ở đâu, hoàn cảnh nào cũng đừng lơ là, đừng quên mục đích ban đầu.

2- Những gì đã học hiểu thì nhớ ứng dụng tu. Đó là con đường chân thật, nên làm gì ở đâu tụi con cũng phải trung thực với đường lối mình đã được học, tiếp tục ứng dụng tu và đem ra hướng dẫn huynh đệ cùng tu. Thầy đã chịu cực tìm ra một lối tu vừa cụ thể, vừa lợi ích cho hiện tại, mà tụi con không ứng dụng được, không chỉ dạy cho ai được, đó là lỗi lầm lớn.

3- Là người lớn thì phải gương mẫu. Muốn gương mẫu thì đức hạnh phải tốt, trang nghiêm, không nên cẩu thả, xem thường. Ở đây tụi con là chúng nên có thể cười giỡn, sai phạm chút ít cũng không sao. Nhưng khi chịu trách nhiệm hướng dẫn huynh đệ, tụi con lúc nào cũng phải nghiêm chỉnh với tư cách là người chị, người Thầy, để cho đàn hậu tấn có chỗ nương tựa. Đừng nên khinh suất như lúc mình còn ở trong chúng, dễ làm cho lớp trẻ mất lòng tin. Điều đó không tốt.

4- Ở đây, trên có Thầy dưới có huynh đệ, muốn nói muốn làm gì đều trình thưa đàng hoàng. Mai kia về với thầy tổ cũng phải nhớ nghiêm chỉnh, làm chuyện gì phải thưa với những bậc trên trước, xin ý kiến rồi hãy làm, nếu không được phép thì đừng làm. Như vậy mới không bị lỗi đi học đạo về ngang ngược, muốn làm gì thì làm, không kể người lớn kẻ nhỏ. Như vậy sẽ mang tiếng Thầy không biết dạy tụi con.

5- Ở đây, Thầy không bao giờ đặt kinh tế trên đạo đức, mà phải đặt đạo đức lên trên tất cả. Cho nên làm việc gì Thầy cũng không xin tiền bạc của ai hết. Tăng ni Phật tử phát tâm cho hoặc cúng thì Thầy nhận, chứ không nài nỉ cầu xin hay chiều chuộng lấy lòng. Thầy lấy tâm làm đạo, ai mến đạo thì đến với mình, còn không thì thôi. Không vì muốn được việc mà chiều chuộng người, riết rồi mất mình.

Tụi con nhớ đừng thấy người này khá giả mình chiều, thấy ai rộng rãi mình đòi hỏi quá nhiều, thấy người kia nghèo mình khinh khi, mà lúc nào cũng phải

giữ tâm công bằng. Ai phát tâm cúng, nếu đó là việc đạo đức, hợp pháp thì nhận, còn không thì thôi. Tụi con cần nghiêm chỉnh đối với tiền bạc, đồ đạc. Tất cả phẩm vật đều phải rõ ràng, dựa trên tinh thần đạo đức, chứ không vì tình cảm đòi hỏi ép uổng người khác cúng dường. Điều đó không nên.

Năm điều Thầy dạy đó, tụi con nhớ ứng dụng thì các việc Phật sự dễ thành tựu, lợi mình lợi người tốt đẹp.

Đạo Phật là đạo cứu khổ ban vui cho chúng sanh. Cứu khổ là cứu khổ nào? Ban vui là ban vui gì? Biết rõ điều đó tụi con sẽ thấy trách nhiệm của mình cụ thể hơn. Người ta bệnh hoạn mình cứu cho họ được lành, người ta đói thiếu mình cứu cho họ được no ấm, người ta tật nguyền mình cứu cho họ hết tật nguyền, phải vậy không? Nhà Phật dạy, người tu phải có lòng từ bi cứu giúp chúng sanh nên hành hạnh bố thí. Bố thí gồm có: một là bố thí tài, hai là bố thí pháp, ba là bố thí vô úy.

Bố thí tài thì có nội tài và ngoại tài. Đức Phật đặt bố thí tài ra trước, tức là cứu khổ. Bố thí ngoại tài là đem tiền bạc của cải giúp đỡ người nghèo khó, như những vị làm từ thiện. Người đói mình giúp cho qua cơn đói, người khổ mình giúp cho qua cơn khổ, đó là bố thí ngoại tài. Nếu vậy người không có tiền của, làm sao bố thí? Cho nên có bố thí nội tài, tức là đem sức lực của mình giúp cho người. Như người gặp cơn bệnh hoạn mà đơn độc không có người thân, mình chở họ tới bệnh viện, tức là không có của mà có công giúp họ. Hoặc coi mạch cho thuốc để người ta bớt bệnh, đó cũng thuộc về bố thí nội tài.

Bố thí tài không chưa đủ, phải hành hạnh thứ hai là bố thí pháp. Bố thí pháp bằng cách nào? Bố thí tài thì cứu được khổ đói rét, khổ bệnh hoạn, khổ gặp tai nạn... Bố thí pháp cứu được cái khổ mê lầm. Bố thí tài là cứu cái khổ về thân. Bố thí pháp là cứu sự mê lầm của con người. Trong Phật pháp, bố thí pháp là một việc lớn, vì cứu khổ vĩnh viễn cho chúng sanh. Bố thí tài là phương tiện, bố thí pháp là cứu cánh, là gốc của người tu.

Kế bố thí pháp là bố thí vô úy. Bố thí vô úy có một phần là công sức, một phần là pháp, nhờ pháp mà không sợ sệt. Khi người lo âu sợ hãi vì một điều gì đó, mình giúp đỡ cho họ vượt qua nỗi lo sợ. Hoặc dùng Phật pháp an ủi, chỉ cho họ lẽ thật để họ tự thoát sợ hãi.

Chúng ta cần phải hiểu ý nghĩa cứu khổ chúng sanh trong đạo. Phật dạy sáu đường luân hồi, trong đó có ba đường lành và ba đường dữ. Ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là ba đường tội lỗi luôn chịu khổ cảnh. Ba đường lành là người, trời, a-tu-la. Người bố thí nội tài, ngoại tài sẽ được các quả lành. Trong ba đường lành, gần thì làm người được khá giả giàu sang, khá hơn nữa thì tiến lên thành a-tu-la, cao hơn nữa là sanh lên cõi trời hưởng phước.

Với người cư sĩ, Phật dạy quy y Tam bảo, giữ năm giới làm nhiều thiện nghiệp để ra khỏi đường ác, đi đường lành như cõi người, cõi trời. Bố thí pháp là dạy họ phải tu để giác ngộ, không phải tu để được hưởng phước lành, rồi chìm xuống nổi lên mãi trong lục đạo luân hồi. Như vậy bố thí pháp mới cứu người ra khỏi sanh tử.

Người xuất gia phải biết rõ lập trường của mình, không nên chạy theo phước sanh diệt thế gian, hãnh diện cho đó là đủ. Thật sự chúng ta tu là để giải thoát sanh tử, muốn giải thoát sanh tử thì phải giác ngộ, không giác ngộ thì không bao giờ giải thoát sanh tử. Người đời muốn cuộc sống đời này tốt, đời sau tốt hơn nên Phật dạy quy y Tam bảo, giữ Ngũ giới, hành thiện tích phước. Người xuất gia, Phật dạy lấy Tam vô lậu học làm nền tảng tu hành. Tu hành phải có giới định tuệ. Có tuệ mới giải thoát sanh tử, mà không có giới, định thì không có tuệ nên giới định tuệ phải đầy đủ. Nhờ giữ giới tâm bớt chao đảo, nhờ tu thiền tâm được an định, nhờ an định mới có trí tuệ giác ngộ, ra khỏi sanh tử. Đó là gốc tu hành. Cho nên người mới tu phải học nhiều, bây giờ mới chập chững chứ chưa chuyên ròng. Tu tập lâu dần, gác hết mọi việc không lo lắng vướng bận gì, việc học cũng không còn, một tâm chuyên nhất mới được an định, rồi đi tới trí tuệ giác ngộ giải thoát.

Ngày nay, tụi con sắp rời khỏi thiền viện để gánh vác những việc mới, Thầy dạy cho biết rõ mục đích cứu khổ chúng sanh là cứu khổ mê lầm của họ. Trong kinh A-hàm, Phật dạy: *"Cái khổ bị thiêu đốt ở địa ngục chưa phải là khổ, cái* khổ *bị đói khát của ngạ quỷ chưa phải là khổ, cái khổ* bị *kéo xe kéo cày của súc sanh chưa phải là khổ, chỉ si mê không biết lối đi mới là khổ*." Phật xác định rất rõ ràng, cứu khổ chúng sanh không phải chỉ dạy cho người ta biết làm lành lánh dữ, tuy việc đó cũng tốt nhưng chưa phải cứu cánh, làm sao cho người hết mê lầm mới là cứu cánh.

Muốn hết mê lầm phải làm sao? Phải giác ngộ. Người tu luôn luôn tỉnh giác, không để mê lầm. Tỉnh giác bằng cách nào? Mỗi tối chúng ta tụng Bát-nhã, tới câu *chiếu kiến ngũ uẩn giai không*, độ *nhất thiết khổ ách,* phải thấy thân sắc uẩn này do tứ đại hòa hợp mà thành, không thật. Sắc uẩn do tứ đại hợp thành vốn không thật, thọ là những cảm giác, tưởng tức là suy tưởng, hành là suy tư nghĩ tính, thức là phân biệt. Tất cả do duyên mà khởi nên đều không thật.

Trong năm uẩn chỉ có một uẩn đầu là thể xác, bản chất nó là không, duyên hợp tạm có, không bền lâu. Tuy có đó nhưng hết duyên nó trở về không. Thấy thân sắc uẩn không thật, duyên hợp tạm có như huyễn như hóa, là thấy đúng lẽ thật. Thấy đúng lẽ thật là giác ngộ, là trí tuệ. Có ai dám nghĩ thân mình trăm năm sau mới rã không? Không ai biết nó rã lúc nào. Ngày nay còn thở, còn đi

đứng, ăn uống thì biết ngày nay còn sống, không biết ngày mai ra sao. Rõ ràng thân tạm bợ mà nghĩ thật, có phải si mê không? Thật là si mê.

Từ si mê chấp thân giả, lầm cho là thật rồi sanh ra tham: tham tài, tham sắc, tham danh, tham thực, tham thùy... đủ thứ tham. Do si dẫn tới tham, mà tham không được thì nổi sân. Chúng ta tu là phá tham, sân, si; nói đúng hơn là phá si, tham và sân. Muốn phá tan si mê phải dùng trí tuệ Bát-nhã, có trí tuệ Bát-nhã thì phá được si. Phá được si thì tham sân theo đó hết. Người chấm dứt ba thứ đó gọi là gì? Là thánh vậy. Nên biết phá được một phần sắc ấm là sắp thành thánh rồi.

Bốn thứ còn lại thuộc về tâm: thọ là cảm giác, tưởng là tưởng tượng, hành là suy tư, thức là phân biệt. Như chúng ta ăn món gì đó, ở lưỡi có cảm giác ngon hoặc dở, đó là xúc giác ở lưỡi. Nó chỉ được tý xíu, nuốt ọt xuống là hết trơn. Cảm giác của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân đều tạm bợ vô thường, duyên hợp mới có nên nó cũng tánh không. Trước nó là không, đợi duyên hợp mới có, có rồi qua mất, cũng trở thành không. Như vậy thọ không thật có.

Tưởng là tưởng tượng thế này thế kia, nó có thật không? Cũng không thật. Tưởng tượng của mình ít khi nào đúng lắm. Có những nơi mình chưa tới, chỉ nghe qua địa danh, rồi tưởng tượng trong đầu cảnh này cảnh nọ. Nhưng khi tới nơi đụng sự thật, có giống như những gì mình tưởng không? Không giống, hoặc tưởng quá nhiều hoặc tưởng chưa tới. Tưởng chỉ là tưởng tượng thôi, nhưng người ta đặt tên là lý tưởng. Lý tưởng là sao? Tưởng mà cho là hợp lý, là đúng, gọi là lý tưởng.

Lý tưởng do mình đặt ra, phô trương ra rồi dạy bảo mọi người. Những người hợp ý thì bằng lòng nghe theo mình, làm đúng như lý tưởng của mình, từ đó lập thành một chi phái. Người lý tưởng ngược lại với mình, lúc đó bằng lòng không? Chắc là không. Mình cho cái đó là chân lý, là đúng, mà người khác nói sai thì làm sao chịu nổi. Trong gia đình anh có lý tưởng này, em có lý tưởng khác thì có đấu tranh. Nếu lý tưởng một cá nhân thì chống cự với một cá nhân, lý tưởng cho số đông thì chống cự với số đông. Con người vì chấp lý tưởng, chấp tâm mình thật mà tạo khổ cho nhau. Cho nên lý tưởng là nguyên nhân khiến thế gian này chịu không biết bao nhiêu đau khổ.

Những suy tư của mình là một dòng sanh diệt, nên gọi là hành. Hành giống như đi, đi thì không dừng, từng bước từng bước đi tới. Hành là dòng suy nghĩ, suy nghĩ mãi không dừng. Như sáng mai đi chợ mình suy nghĩ phải mua cái gì, món A món B, mua thứ này thứ kia... đủ thứ hết. Nó không ở yên một chỗ mà luôn chuyển biến, chuyển biến thì làm sao cố định? Nên biết hành là những suy tư thành dòng sanh diệt liên tục nên không thật.

Thức là những phân biệt khi sáu căn tiếp xúc sáu trần. Khen cái này đẹp, chê cái kia xấu là do thức phân biệt của con mắt. Đẹp thì thích, xấu thì không ưa nên khởi niệm thương ghét. Các căn còn lại cũng vậy. Tiếng này hay, tiếng kia dở là phân biệt âm thanh qua lỗ tai. Cái này thơm, cái kia hội là do phân biệt của lỗ mũi... Thức là những phân biệt cái này cái nọ, đủ duyên thì có, không duyên thì mất nên cũng không thật.

Như vậy sáu căn tiếp xúc sáu trần mà có thức phân biệt đó là cơ duyên đưa mình đi tạo nghiệp. Vì có phân biệt người đó nói nặng mình, mình mới giận họ, do giận nên gây nghiệp với người ta rồi thọ khổ. Hoặc phân biệt người đó mến thương mình, rồi sanh ra nghiệp ái cũng thọ khổ v.v... Do thức mà chúng ta tạo biết bao nhiêu thứ nghiệp.

Tóm lại, nội tâm là thọ, tưởng, hành, thức đều sanh diệt biến đổi vốn không thật. Biết nội tâm không thật thì có cố chấp, có thích những cảm giác ngon miệng, êm tai, đẹp mắt... không? Có cho những cảm giác tạm bợ, những tưởng tượng không thật của mình là chân lý không? Chúng ta tu làm sao mới đúng? Phải bịt mắt, bịt tai lại hay làm gì? Không cần phải làm vậy, chỉ cần *đối cảnh vô tâm*, tức là sáu căn tiếp xúc sáu trần không có niệm dính mắc.

Trong Thanh quy, phần Thỉnh nguyện có nói Giới thượng thừa của thiền sư Pháp Loa. Khi chúng ta thấy cảnh thấy hoa là cảnh là hoa, chứ thức không chạy theo hoa cảnh để phân biệt, hoa không dính với thức. Ra vào không có giao thiệp, đó là ngăn dừng. Nói ngăn dừng chứ không ngăn dừng gì hết. Chỉ là trong không chạy theo cảnh, ngoài không dính các duyên, gọi là ngăn dừng. Như vậy, tu thiền cốt là không để thức phân biệt dính mắc với sáu trần.

Ngài Pháp Loa phân tích kỹ hơn một chút là *mắt không vì sở duyên thức ra, thức không vì* sở *duyên cảnh vào*. Hai cái không ra vào là chỉ cho không vướng mắc. Chúng ta tu cốt làm sao đối với năm uẩn này, từ sắc uẩn cho đến thọ, tưởng, hành, thức uẩn đều làm chủ, không để vướng mắc với tất cả cảnh bên ngoài, đó là ra khỏi đường sanh tử. Nếu bị vướng mắc sáu trần thì bị cột trói trong sanh tử.

Như con mắt nhìn sắc, trước khi thức phân biệt, lúc đó có lỗi lầm gì không? Không. Chỉ sau khi phân biệt rồi đánh giá đẹp xấu mới sanh lỗi lầm. Tai nghe tiếng, có tiếng gì thì cứ nghe tiếng đó, không dấy niệm phân biệt khen chê... thì đâu có lỗi. Các lỗi lầm do thức phân biệt chứ cái thấy cái nghe không có lỗi. Như vậy sáu căn là cánh cửa tạo thành tội lỗi, mà cũng là cánh cửa để đi đến Niết-bàn.

Cứu khổ chúng sanh như đói, khát... chỉ là tạm bợ; cứu khổ tinh thần như buồn, thương, giận, ghét... cũng là tạm bợ. Muốn rốt ráo thì phải cứu cái khổ đừng chấp thân, chấp tâm. Muốn không mắc kẹt hai thứ đó phải thấy đúng như

thật thân tâm hư dối không thật. Biết vậy rồi chúng ta ngồi thiền có gì khó khăn đâu. Nhớ tới người, đó là hình bóng hư dối, nhớ tới cảnh, cảnh cũng hư dối thì tâm dễ an. Có khi chỉ ngồi chơi nhìn trời nhìn mây, những gì thấy là thấy, nghe là nghe, không khởi phân biệt đẹp xấu hay dở... thì cái nhìn cái nghe của mình không có lỗi lầm gì.

Chúng ta tu cốt làm sao dừng hết những sai lầm về thân, về tâm. Thấy đúng như thật hai thứ đó tạm bợ giả dối thì cái thứ ba hiện ra, tức là *cái chân thật hiện tiền.* Cái chân thật hiện tiền ở đâu? Trên hội Linh Sơn, khi đức Phật đưa cành hoa sen lên, rồi nhìn khắp đại chúng thấy ngài Ca-diếp mỉm cười. Đó là ngài đã nhận được chỗ Phật dạy nên được Thế Tôn ấn chứng. Đó là từ cái thấy nhận được.

Đến cái nghe, như ngài A-nan hỏi tổ Ca-diếp:

- Khi Thế Tôn phó chúc và truyền y bát, còn truyền pháp gì riêng cho sư huynh nữa không?

Tổ Ca-diếp gọi: - A-nan!

A-nan ứng thanh: - Dạ!

Tổ bảo: - Cây cột phướn trước chùa ngã.

Ngài A-nan nhân đây tỏ ngộ. Câu sau là nói đùa, chỗ "kêu, dạ" đó mới là chỗ Phật truyền. Cũng như khi ông Bùi Hưu hỏi tổ Hoàng Bá:

Hình cao tăng ở đây mà cao tăng ở đâu?

Tổ gọi: - Bùi Hưu!

Bùi Hưu ứng thanh: - Dạ!

Tổ hỏi: - Ở đâu?

Ngay đó Bùi Hưu ngộ được ý chỉ.

Rõ ràng cái thật của mình hiện tiền ở mắt, ở tai, ở thân... đủ hết. Nơi cái biết thấy, biết nghe, biết ngửi, biết nếm... mà không khởi niệm phân biệt ngon dở tốt xấu... thì đó là cái biết. Cái biết chân thật này không có hình tướng, nếu mình thêm niệm phân biệt vào thì có hình tướng. Chúng ta đã sẵn có cái biết chân thật hiện tiền mà quên, cứ chạy theo cái biết sanh diệt cho là tâm, nhận thân tạm bợ, giả dối cho là thân. Bám vào hai cái tạm bợ đó cho là mình rồi tạo nghiệp luân hồi. Đó là mê lầm.

Bây giờ biết rõ thân không thật, duyên hợp giả dối và tâm sanh diệt cũng là duyên hợp giả dối. Không bị hai thứ đó chi phối thì lúc đó cái chân thật hiện tiền đầy đủ, không hình tướng, không dấy động. Cái thấy, cái nghe đó ra làm sao? Nó hiện tiền mà không có hình dáng. Như vừa nhớ cành hoa, mình đã

thấy có cái bóng của cành hoa hiện ra. Nhớ người có bóng người, nhớ cảnh có bóng cảnh; còn cái biết hiện tiền mình thấy, nghe, xúc chạm mà không có niệm nào. Đó là cái biết tròn đầy viên mãn nơi mỗi người.

Con người chấp tâm là nặng nhất. Cho nên bao nhiêu phương tiện tu là để dừng, để lặng tâm sanh diệt đang chạy theo trần cảnh. Nói cứu khổ chúng sanh là giúp cho chúng được giác ngộ. Có giác ngộ rồi thì cái chân thật hiện tiền. Cái chân thật đó không sanh không diệt nên giải thoát sanh tử. Cứu giúp như vậy mới là cứu cánh giải thoát viên mãn.

Muốn dứt mê lầm cho người mà mình còn mê lầm thì được không? Cho nên trước hết mình phải giác ngộ, sau mới dạy người dứt mê lầm được. Dứt mê lầm mới là gốc cứu khổ của đạo Phật. Hết mê lầm rồi thì không còn khổ nữa, nên nói cứu khổ ban vui. Đem niềm vui lại cho người là niềm vui hết mê lầm, giải thoát sanh tử. Đó là mục đích của đạo Phật, cũng là mục đích của người xuất gia. Người tu không tìm kiếm những thứ tạm bợ bên ngoài, mà phải đi sâu vào cội gốc bên trong.

Nói giải thoát sanh tử là nói đến trí tuệ giác ngộ. Kinh Bát-nhã đã chỉ rõ, dùng trí tuệ thấy đúng như thật về thân về tâm để không bị lôi cuốn theo cảnh theo trần bên ngoài. Đó là đi trên con đường giải thoát sanh tử. Nếu chúng ta vướng bận vào những lời khen chê thương ghét đó là đi trong luân hồi.

Người tu xứng đáng phải là một chiến sĩ vượt ra ngoài tất cả những bủa vây của trần tục, chứ không phải nằm trong đống nhiễm ô đó. Hiểu vậy, chúng ta mới thấy giá trị cao siêu của người tu, nếu không thì tu lừng chừng chẳng tới đâu hết, rồi nguyện đời sau tiếp tục tu nữa, nhưng không biết đời sau có đủ duyên tiếp tục hay không. Cho nên phải ngay đời này cương quyết khẳng định vững vàng trên lối đi của mình.

Giả như người có con mắt sáng, thấy được nghiệp của chúng sanh. Họ thấy có người tạo nghiệp rồi chết bị làm thú, làm thú vài ba năm chết, trở lại làm con này con kia năm lần bảy lượt. Thấy tất cả cảnh người đó sanh ra rồi chết, chết rồi sanh ra như vậy hoài, có đáng thương không? Cũng thế, Phật thương chúng sanh là vì cứ ngu mê lẩn quẩn trong sanh tử khổ đau. Muốn hết khổ chỉ khi nào họ ra khỏi luân hồi sanh tử, nghĩa là dừng tất cả loạn tưởng, chỉ còn một tâm thanh tịnh thôi.

Thầy nghĩ tới khi từ giã mọi người, mình chỉ cần đọc bài kệ:

Kinh điển lưu truyền tám vạn tư,

Học hành không thiếu cũng không dư.

Đến nay ngẫm lại chừng quên hết,

Chỉ nhớ trên đầu một chữ Như.

Làm sao ngày mai chỉ nhớ trong đầu một chữ *Như,* không còn nhớ gì nữa hết. Nói theo thế gian thì vô tình quá, phải không? Đúng là vô tình, vì không có tình thức mà chỉ có trí tuệ Bát-nhã siêu thoát. Mục đích của người tu là phải tới chỗ tột đó, chứ không phải tu lừng chừng cho có, rồi hẹn kiếp khác tu tiếp. Liệu kiếp khác có đủ duyên để tu nữa không? Đời này huân sâu cho đến nơi đến chốn thì đời sau mới hy vọng sanh ra tu nữa. Làm Phật sự cũng nhiệt tình, nhưng tu cũng phải tha thiết, mới xứng đáng là người xuất gia cầu giải thoát sanh tử.

Buổi Họp Cuối Năm - 8 giờ sáng ngày 28-12 Nhâm Ngọ (30-01-2003)

Buổi họp này rất quan trọng vì là buổi họp cuối năm, đồng thời chuẩn bị cho đầu năm, cũng là buổi họp Thầy tạm biệt đại chúng để nhập thất. Sau khi Thầy nghỉ, có một số chúng lớn đi về trụ xứ của mình. Trước lúc tạm biệt nơi đây, tụi con có những thắc mắc chưa toại nguyện thì cứ nói rõ trong buổi họp này.

Bây giờ Thầy sắp đặt công việc cho đại chúng ở đây trước. Tới mùng bảy là hết Tết, phải vô chương trình học. Ở đây có hai lớp: lớp lớn và lớp nhỏ. Bắt đầu học lại, có chia ra hai bậc: một bậc là người mới, một bậc là người cũ. Những người cũ thì học theo người cũ, người mới học theo người mới, cho có kết quả tốt.

Sau khi nghỉ Tết rồi, những lớp giảng ở tại Trúc Lâm cũng như các nơi bắt đầu mời giảng lại, vì vậy Thầy chuẩn bị nhân sự làm việc cho thích hợp. Trước hết nói về phân lớp học. Những người nào thuộc người cũ còn ở lại lập thành một lớp. Những người thuộc lớp khá đó, được học bằng cách nghe băng, như học trực tiếp với Thầy, nên là buổi học chứ không phải nghe băng thường. Bên tăng Thầy cũng khẳng định như vậy, nên bữa đó ngồi học nghiêm chỉnh, theo dõi từng câu từng lời trong sách, nghiền ngẫm hiểu cho thấu đáo. Quý vị ở lại thuộc lớp lớn, chỉ học băng của Thầy, mấy cô khỏi dạy. Học theo thứ tự, những kinh sách nào, luận sử nào chưa học thì cứ học từ từ, từ thấp lên cao, cho tới bao giờ xong hết mới thôi. Lớp lớn học một tuần chỉ ba buổi, còn những buổi khác ngồi thiền. Lớp nhỏ, ngoài ba buổi học chung với người lớn sẽ có ba buổi học riêng. Hôm nào không học thì ngồi thiền.

Bây giờ đến phần nhân sự làm Phật sự. Năm này Quản chúng bệnh, Phó quản chúng cũng phải đi chỗ này chỗ kia thường, nên phần thị giả thì có H.T lên phụ. H.T có thêm trách nhiệm là khi nào Quản chúng đi khỏi thì cũng coi chừng huynh đệ ngồi thiền, tụng kinh. Ai vắng mặt thì H.T ghi rõ, Quản chúng về thì trình để nhắc nhở chúng tu hành đàng hoàng, không được lôi thôi bê trễ.

Vị nào đang ghi lại băng Thầy nói lúc Thỉnh nguyện hoặc dạy chúng, thì tiếp tục ghi để làm thành bộ Phụng Hoàng Cảnh Sách. T.T còn ở lại đây phải

phụ với H.D chịu trách nhiệm làm cho hoàn thành đầy đủ. Bộ sách này giờ chỉ mới xong một chặng thôi, chưa thể kết thúc vì mỗi tháng Thầy vẫn còn cảnh sách bên Tăng, nên tháng nào cũng có một bài. Khi có sự việc bất ngờ xảy ra Thầy cũng nói chuyện nên vẫn có bài.

Bộ sách này nhiều người thích đọc lắm, vì những lời dạy trong đó thực tế hơn những bộ luận. Luận thì nhắm vào người xưa mà nói, còn ở đây thực tế, ai có bệnh gì trị ngay bệnh đó nên người đọc dễ thấm hơn. Vì vậy tụi con ghi lại cẩn thận. Nếu Thầy nghỉ, không trình được thì ghi xong H.D với T.T sửa, cần thì nhờ Quản chúng nghe để chỉnh lại, chứ Thầy không rảnh nghe lại nữa.

Ngoài việc đó ra thì H.D và T.T phụ giảng ở Tham vấn đường tại Trúc Lâm vào mười bốn hoặc hai mươi chín. Một tháng chư tăng giảng, một tháng chư ni giảng. Nếu H.D đi vắng thì thêm một người phụ giảng nữa. Dưới đạo tràng Sen Hồng thì một tháng đi giảng một lần. Tháng nào H.D đi không được thì T.T với T.H hoặc người nào đó, theo sự sắp đặt của Quản chúng đi giảng.

Tóm lại về mặt học thì từ đây về sau, những vị lớn còn ở lại được nghe băng giảng của Thầy một tuần ba buổi. Phải học nghiêm chỉnh đàng hoàng, đem kinh sách theo dò, chứ không phải nghe không. Đừng nghĩ là nghe băng giảng rồi người ngồi góc kia, đứa ở góc này, như vậy thành ra nghe cho có thôi, chứ không có tinh thần học. Phải vô lớp học hẳn hoi, ghi lại những gì cần thiết để nhớ và ứng dụng tu cho tốt.

Ngày hôm qua có hai vợ chồng người Canada, nghe băng giảng của Thầy do người nào đó dịch. Họ thích quá, vượt đại dương qua đây tìm gặp Thầy. Người nước ngoài không được nghe trực tiếp, phải thông qua phiên dịch, vậy mà họ rất thích, nên từ bên kia chạy về đây tìm Thầy. Huống chi đệ tử tại đây, phải tu học cẩn thận không nên lơ là lôi thôi.

Kế đó là tới phần các vị sắp rời đây đi nơi khác hoặc về trụ xứ của mình, Thầy nhắc nhở thêm. Thực ra, dưới con mắt một số người thấy sống ở Trúc Lâm khó quá! Thầy nghĩ cũng phải. Vì các thiền viện khác ai cho tiền thì bỏ túi riêng, muốn mua gì ăn thì mua, không ai rầy rà, ở đây thì không được. Các nơi đi đâu có thể xin phép rồi đi năm ba ngày không sao, ở đây xin đi bị rầy rà đủ thứ... Bởi khó nên Phật tử lại thích Trúc Lâm. Tại sao? Vì chỗ khó là nơi rèn luyện kỹ, đủ uy tín ra làm Phật sự.

Thiền viện Trúc Lâm là lý tưởng tối hậu của đời Thầy, vì ở đây những gì Thầy muốn làm, đều thực hiện được hết, nhất là về sự ăn mặc ở, Thầy đều lo tròn. Tăng ni không thiếu ăn thiếu mặc vì có Phật tử cúng. Nếu thiếu chút chút thì mua thêm rồi phân chia đều đủ, chia một cách công bằng, ai cũng như ai. Mọi nhu cầu cuộc sống ở đây khỏi lo gì hết, cha mẹ quý vị cũng khỏi bận tâm. Vì vậy cuộc sống của tăng ni hòa hợp, không có sự cách biệt, không có mặc

cảm giữa người khá giả và người nghèo. Đó là cơ hội tốt để chúng ta sống trong tình Lục hòa, không có tư riêng cách biệt. Nhờ đó mà tăng ni được thuần tốt. Cái tốt thì người ta lại nói khó. Khó mà nên hay hư? Muốn nên thì phải chịu khó sống đúng với đạo lý, đúng với tinh thần người xuất gia.

Thầy muốn gầy dựng một thiền viện mẫu mực. Mai sau tăng ni ở đâu, làm Phật sự gì, cũng nhớ những hình ảnh này, nhớ cách thức tổ chức của Thầy. Làm sao khi trở về chùa, quý vị tạo thành một khung cảnh tu hành trang nghiêm tốt đẹp. Được vậy thì công phu hướng dẫn của Thầy thành công. Nếu ra khỏi đây, trở về trụ xứ mặc ai nấy tung hoành theo ý muốn riêng, không nhớ đường lối tu, không giữ khuôn phép trong thiền viện; đó là không trung thành với đường lối chủ trương của Thầy, không biết lòng chân thành của Thầy đối với đại chúng.

Đời của Thầy từ thủy chí chung sống trong tập thể, nếu có rời tập thể thì chỉ nhập thất thôi, chứ không đi lang thang nơi này nơi khác. Vì vậy nếp sống của tập thể đẹp thế nào, chỗ ưu chỗ khuyết Thầy đều kinh nghiệm, để sắp đặt thành một thiền viện có nề nếp quy củ. Nếp sống ở đây, mới nhìn qua thấy khó, những lỗi nhỏ cũng bị rầy. Nhưng ở lâu tăng ni mới thấy nếp sống này tìm ở nơi khác không có. Nó giúp cho mọi người sau một thời gian tu sẽ tiến bộ. Nếu ở được mười năm hay nhiều hơn nữa, quý vị sẽ thấy đạo lý được vững vàng, tu hành có kết quả. Về sau đem sự hiểu biết của mình nói cho người nghe, người ta sẽ thông cảm dễ dàng.

Vì vậy, thời gian ở đây tăng ni phải nhiệt tâm tu học, cả hai việc tu học không thể thiếu. Có học mà không tu là đãy đựng sách. Có tu mà không học là tu mù. Học và tu phải cân xứng nhau, buổi nào học ra học, buổi nào tu thì ra tu, không nên làm cầm chừng lấy có. Cuộc sống vô thường, nếu biết đời mình không dài, ngày nào được ở chùa tu học thì phải tha thiết tu học cho có căn bản. Vậy mới không buồn, không tủi thân mình tu hành bấy lâu mà chẳng được lợi ích gì.

Thầy lúc nào cũng đặt việc lớn việc chung lên trên, chứ không đặt tình cảm cá nhân lên trên. Như vậy mới duy trì thiền viện được lâu dài. Nếu không thẳng thắn dứt khoát thì sau một thời gian, thiền viện trở thành nơi nuôi dưỡng những người không có tâm cương quyết tiến tới giác ngộ. Thầy làm gì thì dứt khoát việc ấy, tu thì hẳn ra tu chứ không phải nửa tu, nửa lo gia đình. Học thì ra học, học cho hiểu thấu đáo chứ không phải học cầm chừng lấy có. Được như vậy, sự tu học có kết quả rõ ràng, không phải chỉ nói ở miệng. Vì vậy tăng ni phải khéo sống cho đúng với tinh thần của người vì lý tưởng giác ngộ giải thoát mà đến tu, chứ không vì cái gì khác.

Người trẻ mà cạo tóc vào chùa thì đó là phi thường, ý chí mãnh liệt lắm mới làm được. Phật tử luôn xem mình là những người có ý chí quả cảm, vậy mà bây giờ chúng ta sống yếu đuối buông lung, thì hỏi có xứng đáng với sự mong chờ của mọi người không? Thật uổng cơm đàn-na tín thí, tội nghiệp cha mẹ ở nhà thương nhớ, trong khi mình tu không ra trò trống gì, lại trở thành người vô ích đối với gia đình, xã hội, là gánh nặng cho đàn-na thí chủ, không xứng đáng chút nào hết.

Khi Thầy đóng cửa, bên ni ở gần bên mà dứt khoát không cho qua, không cho gặp, chỉ thị giả đem cơm đem cháo thì được quyền gặp buổi sáng, buổi trưa. Buổi chiều giao cho thị giả tăng qua lấy sữa thôi, thành ra thời gian của Thầy được nghỉ ngơi, thảnh thơi hoàn toàn. Đại chúng phải tập mình quyết làm gì thì phải làm cho được. Thầy bao nhiêu năm nay đã làm được những điều muốn làm, còn hơn những điều muốn nữa. Bây giờ chỉ lo cho phút chót làm sao ra đi tự tại, không bị chướng bệnh làm khổ sở. Cho nên thời gian này để giành quyền làm chủ trọn vẹn cho mình.

Ni sư Quản chúng thưa:

- Ngưỡng bạch Thầy, hôm nay là ngày cuối Thầy nhắc nhở chúng con trước khi Thầy nhập thất nghỉ ngơi, để lo việc của Thầy. Chúng con mừng mà cũng buồn, biết rằng Thầy vẫn ở đây nhưng chúng con vắng Thầy. Chúng con nguyện trước Thầy sẽ ghi nhớ những lời Thầy dạy để thực hành, làm theo bản nguyện của Thầy.

Chúng con cũng xin Thầy hộ niệm cho chúng con được yên ổn tu hành, sống đúng tinh thần Lục hòa. Nhờ sức gia hộ của Thầy mà chị em chúng con sẽ sống hòa vui và tinh tấn tu hành. Tuy vắng Thầy, nhưng lúc nào chúng con cũng noi gương của Thầy nguyện tinh tấn tu hành, chứ không dám bê trễ. Ngưỡng mong Thầy từ bi chứng minh cho lòng thành chúng con.

Nam mô Phật Bổn sư Thích-ca-mâu-ni.

THUỐC ĐẮNG

Tháng rồi T.T có nhận con chó về nuôi, bây giờ thấy rằng vì con chó mà bận rộn, làm cho uy tín của mình bị suy giảm nên ra sám hối. Tôi cũng nói rõ cho T.T biết, việc đó nhiều người có thưa với tôi rồi, họ nói: "Sao Tri khách là bộ mặt của thiền viện, ai tới cũng gặp thầy trước, mà Tri khách lo cho con chó nhiều quá, làm sao trôi tròn bổn phận?"

Tôi cũng cười thôi chứ không nói gì. Hôm nay T.T biết đó là lỗi, ra đây sám hối, tôi thấy vậy là tốt. Bây giờ T.T quyết định đem trả con chó, để tránh đi sự phê phán chê cười của người. Tôi hoan hỷ.

Theo lời chú trình bày thì có phạm một lỗi thiếu thời khóa tu tập. Ở đây không phải bắt buộc mấy chú tu cho quý thầy có phước hay tu để quý thầy được uy tín. Thầy luôn muốn tạo duyên tốt cho chúng được an ổn tu hành, mấy chú bỏ bê không lo tu, có đáng trách không?

Chúng ta được xuất gia là điều rất quý, do căn lành lâu đời sâu dày nên sớm thức tỉnh đi tu. Ngày nay xuất gia rồi, nếu không gặp chỗ tốt, đủ duyên cho mình tu thì uổng phí một đời. Mấy chú tới đây được duyên nhắc nhở tu hành là quá tốt. Ngồi yên tu thì phước đức mình hưởng, chứ không phải quý thầy hưởng. Mấy chú không chịu tu mà lo chuyện hơn thua, thương ghét là tự làm mất thời gian quý báu của mình. Chí tu quá yếu hoặc duyên tu không được mạnh thì chắc chắn không tu bền lâu được.

Tôi làm hết bổn phận của mình, nhắc nhở kìm chế để mấy chú tu, chứ không bắt làm gì khác ngoài việc tu hành. Vậy mà không chịu cố gắng, chạy theo bạn bè bỏ giờ tu hành là quá dở. Mong từ đây về sau mấy chú đừng phạm điều đó nữa.

Khi vào thiền viện tu, Thanh quy đã ấn định thiền sinh phải sống hòa hợp với huynh đệ, đừng làm khác đi. Mình sống đúng với trật tự, nề nếp của thiền viện thì được phước, nếu làm sai huynh đệ khác bắt chước theo, sẽ làm mất trật tự của thiền viện, không tốt. Có gì sai sót, có gì cần nói, thì mời vô nhà khách nói chuyện đâu đó đàng hoàng, nên giữ trật tự cho thiền viện.

T.K thời gian qua có lỗi ăn chiều, về nhà ngủ để có những điều không tốt sắp xảy ra, hôm nay biết lỗi thành tâm sám hối. Lỗi ăn chiều tương đối cũng nhẹ, còn việc về nhà ngủ thì rất tối kỵ. Người đã có gia đình đi tu, phải tránh duyên không bao giờ trở về nhà ngủ lại. Vì còn có bà bạn ở nhà, điều đó làm cho người thế gian đàm tiếu. Người xuất gia phải có tư cách, tránh những tai tiếng mà người thế gian chê cười, làm cho thiền viện mang tiếng là có những thiền sinh không ra gì, đi tu mà còn quyến luyến gia đình... Điều này không tốt, phải can đảm, quyết tâm, đừng lôi thôi nữa.

Mình đã quyết tâm xuất gia phải tránh bớt các duyên. Mới tu mà chạy về nhà ngủ trưa, việc đó rất tệ, không tốt chút nào. Chú phải nhớ từ đây về sau giữ lập trường thật vững, tuyệt đối không về nhà. Có những vị xuất gia mười năm, hai mươi năm mới về nhà thăm, chờ khi mọi cảnh ở nhà thay đổi hẳn. Mới tu mà chạy về nhà ở, có vẻ tự do quá, tự làm cho mình mất uy tín. Lần đầu Thầy tha, nếu sau còn xảy ra như vậy thì không ở đây được.

Thiền sinh phải có tinh thần xây dựng. Nên thấy ai có điều gì sai, biết là phạm nội quy của thiền viện thì phải nhắc nhở chỉ bảo, đừng sợ chỉ rồi huynh đó ghét mình. Đối với người tu thấy lỗi thì nhắc cho nhau, đó là việc tốt, không phải điều xấu. Mấy chú đừng nể nang, để cho huynh đệ phạm nhiều lỗi lầm. Điều đó không tốt.

Người tu cần phải có nết có hạnh, ăn to nói lớn làm cho nết hạnh giảm đi. Người tu ăn nói nhẹ nhàng đủ nghe thôi, không nên to tiếng, nói to tiếng người ta tưởng mình cãi lộn với nhau. Điều đó không tốt, phải dè dặt, sửa đổi. Tụng kinh lớn tiếng thì được, hô chuông lớn tiếng thì được, còn nói chuyện phải nhỏ nhẹ, như vậy mới hợp đạo lý. Đừng nghe "không cho nói lớn tiếng", rồi tới chừng tụng kinh cũng tụng nhỏ nhỏ. Không phải như vậy, cái nào ra cái nấy.

Sư ông nhắc T.Đ: Cái dở của con là làm việc không chừng mực, không nghiêm chỉnh. Thí dụ khi cầm dùi đánh trống phải nắm cho vững, đó là sự nghiêm chỉnh của mình. Khi làm công tác, những việc được giao phải làm cho tròn, nếu bận việc gì nên trình trưởng liêu biết để sắp đặt người khác. Muốn làm thì làm, muốn không làm thì không làm, bỏ công việc dở dang, đó là điều không tốt. Từ đây về sau, ráng điều chỉnh lại.

Nấu thức ăn phải hợp vệ sinh, để đại chúng ăn được khỏe mạnh. Tụi con lơ là không làm đúng mức, không giữ vệ sinh, để thức ăn hỏng, chúng không ăn được, ai ráng ăn thì sanh bệnh. Việc đó thấy như lỗi nhỏ, mà thật là tội lớn. Làm chúng ăn không được, làm chúng ăn sanh bệnh, đó là tổn phước của mình. Từ đây về sau, phải làm cho đàng hoàng, cẩn thận, đừng lôi thôi mang tội.

Tập đánh trống thì tốt. Buổi đầu ai ai cũng chưa biết, nhờ tập mới biết. Nhưng khi tập phải nghiêm chỉnh, không được lôi thôi. Tập không nghiêm chỉnh, hồi trống đánh nghe không rõ ràng, làm người ta nghe không hoan hỷ. Đó là lỗi. Nên nhớ, làm việc gì nghiêm chỉnh việc ấy, hoàn thành tốt công tác của mình, không nên lôi thôi như vậy nữa.

Trách nhiệm của Tri khách là khi có khách nữ ở lại, phải đưa sang Nội viện ni hoặc dẫn xuống Hương Vân. Đó là bổn phận Tri khách, người thân của khách không có quyền đưa đi. Có khách thăm mấy chú tự dẫn đi, như vậy sẽ lộn xộn, mất trật tự. Nhiều vị ngại, sợ mất công Tri khách nên tự đưa đi, đó là

sai lầm. Chỉ Trị khách làm bổn phận này thôi, ai cũng làm vậy thì thiền viện không còn quy củ nữa. Từ đây về sau nhớ tránh, đừng phạm sai lầm đó nữa.

Sự tu hành đều do mình cố gắng nỗ lực mà có kết quả, chứ không phải ngẫu nhiên có được. Giờ tu, chúng ngồi thiền bao lâu mình cũng ráng theo. Dù có nhọc cũng phải ráng theo, từ từ mới thành công. Nếu mỏi mệt đứng dậy bỏ đi thì mười năm, hai mươi năm cũng không tới đâu hết. Ý chí tu hành của mình phải mãnh liệt, sự tu mới có kết quả tốt. Nếu ý chí yếu đuối quá sự tu sẽ không đi tới đâu. Từ đây về sau phải nỗ lực, làm cho được những gì người trước làm được, không nên lôi thôi.

Việc tu hành cần phải điều độ, giờ tọa thiền thì tọa thiền, giờ tụng kinh đọc sách thì tụng kinh đọc sách. Đừng làm khác, làm khác là trái với chúng, có lỗi không hòa chúng. Đại chúng nhớ giờ nào việc nấy, đừng để sai sót.

Thời gian qua T.T phạm nhiều lỗi. Lỗi đáng trách nhất là biết mà cố phạm, biết sai quấy mà cứ làm hoài. Nếu T.T quyết chí tu, từ đây về sau cố gắng hết sức. Biết việc gì lỗi phải tránh hẳn, không để tái phạm. Nếu tái phạm hoài thì đường tu sẽ bị thối khuất. Muốn tu phải quyết liệt, không quyết tiến thì bị lùi, không tránh khỏi. Đó là những lời nhắc nhở cần thiết, T.T ráng cố gắng thực hiện cho được.

Khi lập thiền viện này, Thầy muốn cho chúng về đây yên ổn tu hành, tất cả các thứ tạp nhạp bên ngoài đều phải bỏ. Bây giờ quý vị lại mượn radio vô đây nghe tin tức. Điều đó trái với đường lối của Thầy và Thanh quy của thiền viện, không thể chấp nhận được. Thiền viện là chỗ tu, nếu nghe thời sự thì giờ tụng kinh ngồi thiền phải bỏ, lấy cớ bệnh hoạn không đi được. Kế đó nữa, đơn bên cạnh cũng bắt chước nghe theo, làm ồn cả liêu.

Tăng ni tới đây tu cầu giải thoát, không phải làm chính trị mà nghe tin tức, theo dõi để biết bên ngoài xã hội đang xảy ra chuyện gì. Chuyện của người đời, tụi con đem vô đây nghe rồi bàn luận, chỉ thêm tán tâm tạp thoại, chứ có ích gì? Điều này Thầy không thể tưởng tượng được. Bên tăng chưa có ai dám làm việc này mà bên ni có người dám làm. Việc này không thể chấp nhận, không chấp nhận được thì người làm việc đó không thể ở đây. Tăng ni tới thiền viện vì sự tu, nếu nghe tin tức bên ngoài là đã không tu, còn làm động chúng nữa. Luật lệ thiền viện không cho phép như vậy.

Cả đời Thầy cố gắng tạo duyên cho tụi con tu, ngược lại chúng không lo tu, còn làm việc này việc khác. Giờ tụng kinh sám hối, lấy cớ bệnh ở dưới mở radio nghe tin tức. Đó là điều trái hẳn với chủ trương của Thầy, làm trở ngại sự tu hành của chúng. Điều này Thầy không thể tha thứ được. Cho nên M.H trong vòng ba hôm phải rời khỏi thiền viện. Ở đây mà không tu thì ở làm gì?

Ai buổi đầu đến đây đều thưa rõ là đến để tu theo con đường của quý thầy hướng dẫn, để giải thoát sanh tử. Bây giờ lại làm như vậy, không đúng với chủ trương nguyện vọng của Thầy. Thí chủ ủng hộ, cúng dường để tăng ni yên tu, tụi con không tu thì có phải tổn phước cho Thầy, cho tụi con không?

Thầy nói rõ, từ đây về sau nếu có người đem sách báo ở ngoài vô đọc, nghe radio, Thầy cho ra khỏi chúng vì những người đó không quyết tâm tu. Ở đây chỉ dành cho những người quyết tâm tu thôi, ai muốn theo dõi tin tức thời sự bên ngoài, thì đến các chùa khác. Thầy xác nhận rõ ràng như vậy. Tất cả chúng hiểu chủ trương, đường lối của Thầy rồi, từ đây về sau tuyệt đối không để xảy ra sai phạm nữa.

Khi được người lớn giao việc gì, nếu thấy khả năng mình làm được tới đó thì hãy nhận, làm cho đúng không được sai. Nếu khả năng chưa tới mà vội vã làm, thế nào cũng có sai sót. Sốt sắng, thích làm là tốt, nhưng khả năng của mình chưa tới mà cố làm thì sai lầm. Vì thế phải cẩn thận, không nên bướng bỉnh làm bừa.

Những vị lớn thấy mình có khả năng, có thể mở mang giáo hóa ở chỗ khác, chỉ định mình đi làm Phật sự nhưng tụi con từ chối, viện lý do này lý do nọ, không chịu đi. Nếu năm người, mười người, một trăm người trong chúng đều như vậy, cuối cùng mục đích nuôi chúng của thiền viện để làm gì? Ngày xưa ngài Phú-lâu-na sau mùa an cư, nghĩ đến việc đi hoằng hóa, bèn thưa đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài từ bi cho phép con đến nước Du-lô-na bố giáo!

Đức Phật biết chuyện ấy thật khó khăn, chướng ngại, nên nói:

- Phú-lâu-na! Ông đi giáo hóa các nơi ta đều yên lòng. Nhưng bố giáo không nhất định phải đi đến nước Du-lô-na. Tốt nhất ông nên chọn nơi nào khác hãy đi.

- Bạch Thế Tôn! Nơi nào có chúng sanh đáng độ, chẳng phải đều có thể đến đó dạy dỗ ư?

Đức Phật giải thích:

- Phú-lâu-na! Du-lô-na là một nước nhỏ hẻo lánh, không có đường giao thông thuận tiện, giáo hóa chẳng được như ý. Dân chúng tánh tình rất hung bạo, thói quen hay đánh chửi, người nước khác đến đó dễ bị mất mạng. Hôm nay ông muốn đến nước đó, chẳng lẽ không sợ nguy hiểm sao?

Nghe Phật nói như vậy, Phú-lâu-na thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chính vì Du-lô-na là một nước biên địa hoang dã, trước đây chưa người nào phát tâm giáo hóa, nên con mới nghĩ đến đó. Con cũng biết có nhiều nguy hiểm cho mình, nhưng vì muốn tuyên dương chánh pháp

nên sự an nguy của cá nhân bé nhỏ không phải là vấn đề quan trọng. Cúi xin đức Thế Tôn từ bi hứa khả, dùng từ quang nhiếp hộ con.

Phật hỏi Phú-lâu-na:

- Ông đến nước Du-lô-na, nếu như họ không chấp nhận mà lớn tiếng chửi mắng, ông phải làm sao?

- Bạch Thế Tôn! Họ mắng chửi, con vẫn thấy họ còn tốt vì chưa lỗ mãng đến nỗi dùng roi gậy đánh đập con.

- Nếu như họ dùng nắm tay, gạch ngói, roi gậy đánh đập ông thì sao?

- Con vẫn thấy họ còn tốt, vì chưa đến nỗi đâm chém con.

- Nếu như họ dùng dao búa đâm chém ông thì sao?

- Con cũng cho là họ còn tốt, vì chưa đến nỗi giết con.

- Nếu như họ giết ông thì sao?

- Như thế con lại cảm ơn họ vì đã hỗ trợ cho đạo nghiệp của con, giúp con mau vào Niết-bàn, đem sinh mạng báo đáp ân đức của Thế Tôn. Điều ấy đối với con tuy không có trở ngại, chỉ sợ di hại không tốt cho họ thôi.

Đức Phật rất hoan hỷ, khen ngợi Tôn giả. Tôn giả đảnh lễ Phật xong, thẳng đến nước Du-lô-na.

Như vậy, người đi giáo hóa dù gặp cảnh khó khổ mấy cũng quyết tâm làm tròn. Huống nữa, bây giờ quý thầy đã chuẩn bị đâu đó đàng hoàng rồi, đâu có khó khăn gì mà từ chối. Nếu trong chúng ai cũng như vậy hết, thì việc giáo hóa của Thầy kết cục chẳng được gì. Đó là bất lợi lớn cho Phật pháp. Tụi con phải có thái độ sẵn sàng, khi được người lớn dạy làm Phật sự, dù khó mấy cũng chấp nhận. Quý Thầy muốn trợ duyên tụi con làm việc Tam bảo, chứ đâu có ý hại. Đừng có thái độ muốn làm thì làm, không muốn thì từ chối. Như vậy, việc mở mang Phật pháp sẽ không được tốt đẹp.

Người tu phải có cái nhìn đúng đắn, mình hiểu Phật pháp được bao nhiêu thì chỉ dạy cho người bấy nhiêu, tu được bao nhiêu hướng dẫn cho người bấy nhiêu. Như vậy mới xứng đáng là người lãnh hội được chánh pháp và truyền bá chánh pháp. Nếu e dè sợ sệt, cử đi giáo hóa không chịu đi, đó là nhân làm cho Phật pháp điêu tàn. Tụi con phải hiểu như vậy, để mai kia đừng có lôi thôi. Hôm nay con biết lỗi sám hối thì Thầy tha cho và tất cả chúng cũng hoan hỷ.

Trong chúng, về việc ăn mặc lúc nào thiền viện cũng cung cấp đầy đủ, nhưng mình phải biết chừng mực. Ăn nhiều quá không có lợi, đôi khi còn sanh ra bệnh. Vì vậy sự ăn uống phải điều độ, đừng quá nhiều, cũng đừng quá ít mà phải trung hòa, để cho đồng tiền Phật tử cúng mình dùng được lâu dài, yên ổn

tu hành, không sợ thiếu hụt. Đừng nghĩ ở đây rộng rãi rồi sanh tự do phung phí thì không tốt.

Như Thầy, Phật tử thương quý nên cúng thứ này thứ nọ, mà Thầy cũng chỉ dùng giới hạn trong nhu cầu cần thiết của mình, không dư thừa, để tiết kiệm phước đức. Ai ít phước mà tiêu phí quá nhiều thì sẽ suy tổn. Phải biết tiết kiệm phước của mình, tu không nhiều mà lợi dụng lòng tin của Phật tử, phung phí quá đáng thì thật đáng trách. Cẩn thận dùng vừa chừng, đừng thái quá, để chi phí trong thiền viện được bền lâu, giúp mình yên ổn tu hành.

Quý thầy muốn cho các vị lớn có trách nhiệm đi làm Phật sự, để sau này khi già yếu thì đã công quả nhiều cho đạo. Thầy dạy đi làm Phật sự mà khóc lên khóc xuống, không chịu đi là không biết trách nhiệm của mình. Chẳng lẽ Thầy nuôi tụi con tới già, đầu bạc rồi cũng vậy thôi sao? Người nào cũng phải có trách nhiệm hoặc gần hoặc xa, đi một mình hoặc đi nhiều người, cùng nhau chung lo thì Phật sự mới tốt.

Tụi con tu học ở thiền viện lâu năm, Thầy dạy ra làm Phật sự mà khóc lóc như mèo bị ướt. Như vậy Thầy không biết chừng nào mới nhờ tới được. Con không đi vì nghĩ mình chưa đàng hoàng, vậy biết chừng nào mới đàng hoàng? Không lẽ sáu mươi tuổi mới đàng hoàng? Con sợ đó là sợ tưởng tượng, thực tế không phải vậy. Con lớn tuổi, đã có nhiều năm tu hành nên Thầy muốn cho làm việc để khi Thầy nghỉ, con cũng có trách nhiệm lo cho Tam bảo. Nhờ đó mà cố gắng trở thành người đàng hoàng, có lợi ích cho đời cho đạo.

Con khóc sướt mướt như vậy thì còn làm cái gì được. Ở đâu thấy êm ấm dễ tu thì ở hoài không muốn đi. Đó gọi là yếu đuối, không can đảm nhận trách nhiệm, là dở là tệ. Từ đây về sau phải biết rõ bổn phận, tu là phải làm lợi ích cho chúng sanh. Mình biết mười thì nói mười, biết năm thì nói năm, giúp cho đời cho đạo, đâu thể tu hoài mà không làm lợi ích cho ai. Đó là yếu đuối ỷ lại, phải chừa bỏ cái tật này.

CÂU CHUYỆN BUỔI CHIỀU

Có một cư sĩ ở Châu Đốc lên Trúc Lâm, lạy Phật ông khóc, gặp Thầy ông cũng khóc. Thầy bảo dừng lại, muốn hỏi gì thì hỏi, sao khóc hoài vậy? Nghe vậy, ông nín khóc. Thầy chưa thấy ai khóc hu hu như vậy.

Một cô Phật tử khác gặp Thầy cũng khóc, nói:

- Bạch Thầy, con không biết tại sao gặp Thầy con cứ khóc?

Thầy hỏi:

- Sao cô biết Thầy?

Cô nói:

- Vì con đọc sách, nghe băng của Thầy, nên gặp Thầy con xúc động quá.

Thầy giải thích: Đây là duyên tốt của cô đối với Phật pháp, nên nghe giảng cô hiểu, đọc sách Phật cô cũng thâm nhập được. Nhờ nghe giảng dạy mà hiểu Phật pháp nên gặp Thầy cô xúc động. Đó là lý do thứ nhất.

Lý do thứ hai, biết đâu đời trước cô cũng từng học Phật pháp, gieo duyên tốt rồi, bây giờ bất thần gặp lại nên xúc động mạnh, chứ không phải bỗng dưng mà có. Nhiều người khóc không biết lý do gì, thật ra tất cả đều có nhân duyên, quá khứ hoặc hiện tại, chứ không thể tự nhiên. Có thể hồi xưa Thầy đi giảng, những vị già nghe giảng, ít năm sau họ mất, nay trở lại gặp Thầy họ khóc. Do duyên trước gặp lại nên xúc động.

Như bây giờ Thầy dạy tụi con, rồi sẽ ra đi, sau trở lại giáo hóa ở đâu đó. Tụi con ở đây một thời gian, hết duyên qua đó gặp lại Thầy cũng xúc động như vậy, đâu phải chết là hết. Tất cả những gì xảy ra đều có nhân duyên của nó, không thể tự nhiên.

- Thưa Thầy người ta mừng cũng khóc, buồn cũng khóc.

- Ngày xưa Thầy đi giảng, một tuần lễ ở chỗ này rồi dời qua chỗ khác. Phật tử tiễn chân họ khóc lu bù. Ở ngoài Trung, ngoài Bắc Thầy giảng ít nên ít người biết, chứ trong Nam Thầy đi giảng nhiều, đệ tử đông nên nay gặp lại họ xúc động nhiều. Tất cả đều có duyên trước mà mình không nhớ. Nếu Thầy sống tám mươi tuổi trở lên, bà con nhiều người đi, rồi trở lại gặp chắc nhiều lắm. Bởi vì đâu phải ai cũng sống đến bảy tám mươi tuổi, có người chỉ ba bốn mươi, năm mươi đã mất. Mình đủ phước đủ duyên sống ngày nào ráng tu ngày nấy, đừng để phí ngày nào uổng lắm, sau hối hận không kịp.

Tại thiền viện, chiều nào chúng ta cũng nghe kệ hỗ trống *Ngày nay đã qua...* báo cho biết mình đã mất một thời gian quý báu rồi, nên giờ phút nào cũng ráng tỉnh. Ngày xưa mình ôm ấp giận hờn dai lắm, bây giờ vừa giận liền

bỏ. Chúng ta phước lớn được ở nơi có học có tu, được nghe lời dạy của quý thầy quý cô, nhắc tới nhắc lui cho thấm. Mai kia lớn thành người đàng hoàng đứng đắn, tiếp tục làm việc mồi đèn tiếp lửa cho người sau. Muốn mồi đèn nối đuốc trước hết đèn mình phải cháy, đèn mình không cháy mà mồi cho người khác, lấy gì để mồi?

Cho nên tụi con phải chịu cực. Một là học, học cho hiểu thông giáo lý. Hai là tu, tu để chứng nghiệm lời Phật dạy. Lời Phật dạy chỉ có tu mới thấy đúng lẽ thật, không tu thì không thấy được. Nhiều người học giỏi, bằng cấp cao mà giảng Phật pháp ít người chịu nghe, có những người học ít mà giảng pháp thiên hạ chịu nghe. Ở chùa cũng vậy, có những vị học giỏi mà Phật tử không thương bao nhiêu, có những người học thường thôi mà hạnh kiểm tốt, tư cách đàng hoàng ai cũng quý mến.

Quan trọng là chúng ta quân bình được cả hai mặt học và tu, sau này làm Phật sự mới tốt. Được một bên, thiếu một bên thì không tốt. Ở đây tăng ni có giờ học giờ tu, đâu đó đàng hoàng. Nhiều nơi có học mà thiếu giờ tu, hoặc có tu mà thiếu giờ học, cả hai trường hợp đều thiếu sót. Chúng ta đầy đủ phước đức mới được sống trong môi trường đủ cả hai mặt tu và học.

Con người thường có bệnh đứng núi này trông núi nọ. Khi chưa tới đây thì khao khát tới. Ở đây lâu rồi, lại thèm muốn đi nơi khác xem có gì lạ hơn không. Hiểu cho thấu đáo thì nơi nào thuận duyên cho sự tu học, dù bị đuổi cũng không đi, đừng nói buồn giận một chút liền bỏ đi. Có nơi ồn như cái chợ rất khó tu, còn thiền viện có nội viện Tăng nội viện Ni đều yên tĩnh, mát mẻ. Người ở lâu coi thường, người mới tới thấy quý. Bởi vậy, nhiều khi mình đủ phước đủ duyên mà không biết, cứ thả trôi đến lúc mất rồi mới tiếc.

Thật ra, Thầy lập thiền viện đều là từ kinh nghiệm trải qua các nơi, không phải chuyện tự nghĩ. Ngày xưa, ở Phật học đường học nhiều hơn tu, chỉ buổi tối tụng một thời Tịnh độ, khuya một thời công phu, ngoài ra thì cắm đầu học. Như vậy năm mười năm ra làm Phật sự thì không có giờ tu. Thầy làm Phật sự từ năm 1955 đến năm 1966 là hơn mười năm, phần nào trả nợ áo cơm rồi. Sau đó Thầy tìm chỗ chuyên tu, chỉ làm việc của mình.

Ngày xưa học xong quý Thầy ra làm Phật sự liền, giảng từ chỗ này đến chỗ kia, đi lang thang hoài. Cắm đầu học, cắm đầu dạy nên không có thời gian tu. Như vậy làm sao thấu rõ được lời Phật tổ dạy? Phải có thời gian tu mới từ từ thấm nhuần chân lý. Người có học có tu đàng hoàng, lâu ngày tự nhiên tỉnh sáng hơn người chỉ chuyên học. Thí dụ chúng ta nghe Phật nói *các pháp vô thường,* học và nói ý nghĩa các pháp vô thường thì dễ, nhưng thấu được lý này rất khó.

Thường người ta nghĩ vô thường là sự thay đổi, có rồi mất. Nghĩ đơn giản vậy thôi. Nhưng muốn thấm nó mình phải quán sát các pháp, nhất là căn cứ vào con người. Hồi trẻ mạnh khỏe, lần lần tới trung niên, rồi già, bệnh và chết. Đi một dòng từ sanh đến cuối cùng là chết, ai cũng đi đến điểm cửa tử ấy.

Như một chiếc xe lửa tự động không có người lái. Tuyến đường của nó bắt đầu từ thành phố chạy dài đến cuối cùng là biển. Những ai lên đó, sau cùng trôi tuột xuống biển, rồi đời! Thầy gọi đó là *chiếc xe định mệnh.* Kết cục là vậy mà ai cũng thích lên đó. Lên rồi, có người được chỗ tốt, có người ở chỗ xấu, giành nhau cự cãi om sòm. Có kẻ đi xung quanh ngắm cảnh này đẹp, cảnh kia xinh. Tuy nhiên một vài người khôn ngoan, mặc kệ mình ngồi đâu, trên sàn cũng được, chỉ lo tìm cách kết phao. Chiếc xe chạy đến điểm cuối cùng rơi ùm xuống biển, tất cả đều rồi đời; chỉ người kết phao, tới biển họ ôm phao nhảy ra khỏi xe nên không bị chết chìm.

Chúng ta muốn mình thuộc hạng nào trong xe đó? Người lo kết phao thì bị chê ngu, không chịu kiếm chỗ tốt ngồi, cũng không biết ngắm cảnh đẹp, mà cặm cụi kết phao, thấy vô lý quá. Nhưng cuối cùng họ mới biết ai khôn ai ngu. Người đời cũng vậy, lo tranh giành danh lợi, giành đủ thứ, tới giờ phút cuối không biết mình ra sao, cam chịu sống trong mê mờ.

Tụi con còn trẻ mà biết suy gẫm lời Phật tổ dạy, hiểu được lý vô thường rồi ứng dụng tu, để khi vô thường đến mình không bị nó chi phối. Đó là người khôn ngoan, cái khôn của người tu là như vậy. Mới nhìn thấy người lo cắm đầu kết phao như ngu, còn những kẻ giành chỗ tốt, ngắm cảnh này cảnh kia vui mắt là khôn. Nhưng cuối cùng mới biết ai khờ ai khôn. Chiếc xe chạy không dừng lại lúc nào, cũng như dòng thời gian chưa dừng lại bao giờ. Hai mươi bốn giờ cứ trôi qua đều đều, đưa mình tới chỗ cuối cùng là cửa tử, không ai tránh khỏi hết. Chỗ không ai tránh khỏi mà không chuẩn bị, không lo xa là sao?

Có Phật tử hỏi:

- Con đọc một quyển sách, trong đó có câu này: "Còn nhỏ thấy cuộc đời là bi kịch, lớn lên rồi thấy cuộc đời là hài kịch", thưa Thầy đó là sao?

- Khi nhỏ thấy cuộc đời là bi kịch, vì lúc mới lớn ở tuổi thanh niên, trong đầu lúc nào cũng nghĩ tưởng mình có đầy đủ hạnh phúc, sẽ được cái này cái kia, danh lợi đủ thứ. Tưởng tượng quá nhiều nhưng khi đụng thực tế thì những tưởng tượng ấy bị tan vỡ, cho nên nhiều người tự tử ở tuổi thanh niên. Vì vậy họ nhìn cuộc đời là một bi kịch.

Khi lớn lên rồi già, ở tuổi sáu bảy mươi, nhìn lại cuộc đời thấy ông A làm quan, khi chết không còn gì ngoài cái thây thúi, bà B chết cũng là thây thúi. Tất cả những gì họ có được đều là trò chơi, không nghĩa lý gì. Suốt cuộc đời, những gì người ta đuổi bắt tưởng là hạnh phúc, nhưng đến lúc thân bại hoại

cũng ra đi tay không. Những cái được đó là hạnh phúc hay cái gì? Chỉ là trò đùa thôi, không có thật. Bởi thấy như trò đùa nên nói là hài kịch.

Sống gần hết một đời mới thấy cuộc đời như trò chơi không có gì thật. Hồi nhỏ thấy cái gì cũng thật, nên muốn được cái này ham cái nọ, không được thì khổ não. Lớn lên thấy cuộc đời tạm bợ không bền lâu, được không được gì cũng chết như nhau, rõ ràng những cái được là trò đùa. Vì vậy coi như hài kịch.

Phật giáo đời Trần có những đặc điểm như sau:

1- Người cư sĩ có thể hiểu đạo thấu đáo không thua kém những vị thiền sư. Họ tu được, nói đạo lý cũng hay, rồi ghi chép lại cho đời sau. Thời của mình ai xuất gia tu cũng được, ai cư sĩ tu cũng được. Biết đâu trong đạo tràng này cũng có người xuất cách, phải không? Vì vậy, ở đây tu chung cả người xuất gia lẫn cư sĩ tại gia, chứ không dành riêng cho một nhóm nào.

2- Chúng ta thấy một người làm vua công việc bộn bề mà còn để tâm nghiên cứu kinh điển thấu đáo. Chúng ta không có việc gì, chỉ một bề học kinh và tu thôi mà không theo kịp. Như vậy là mình đã kém xa hai ba lớp. Vua rất nhiều việc mà lại dành thời gian nghiên cứu Phật pháp, tu hành tinh tấn thì thật đáng nể. Một bên là việc nước, một bên nghiên cứu Phật pháp, hai bên ngài đều làm tròn hết. Chúng ta chỉ một việc chuyên tu mà chưa tròn, có xấu hổ không? Cho nên tăng ni phải cố gắng tu học, không nên trì trệ, chậm lụt để tuổi trẻ đầy sức sống trôi qua, sau này tu học không kịp, uổng đi một đời.

Hai tông phái Thiền và Tịnh độ gặp nhau ở chỗ nào và khác nhau chỗ nào?

Pháp Phật dạy là tùy căn cơ của chúng sanh. Pháp Phật là thuốc, chúng sanh là bệnh, có bao nhiêu bệnh thì có bấy nhiêu thuốc. Người có trí tuệ, dạy tu Thiền; người nặng lòng tin, dạy tu Tịnh độ. Thiền hay Tịnh cũng từ Phật dạy, pháp tuy khác nhưng cuối cùng gặp nhau ở chỗ dứt mê được giác. Hiểu vậy thì không công kích nhau, không ai khen chê ai, tùy căn cơ mỗi người mà chọn pháp tu. Tất cả pháp môn Phật dạy đều đưa đến giải thoát sanh tử.

Thầy nêu câu hỏi: *Giải thoát* và *Giác* ngộ cái nào trước cái nào sau?

Ngày đêm chúng ta quán sát thấy rõ các pháp tự tánh là không, soi thấu năm uẩn đều là không. Thấy năm uẩn không, sáu trần không, đó là thấy bằng trí tuệ Bát-nhã. Từ thấy các pháp tánh không, duyên hợp mới có, nên biết nó giả dối tạm bợ. Thấy giả dối tạm bợ thì mình không vướng mắc, không vướng mắc nên tâm an định, tâm định thì được giác ngộ.

Người tu phải dùng trí tuệ phá các kiến chấp mê lầm. Chấp thân, tâm là thật, Phật nói là ngu si. Thân này có thật không? Nếu thật thì không chết, chết thì không thật. Điều đó rõ như ban ngày mà người ta không chấp nhận, cứ

tưởng tượng theo sự ngu mê. Ông bà chết, cha mẹ chết, anh em chết, mai mốt mình cũng chết là lẽ thật. Lớp người trước chết gọi là giả, lớp người kế chết cũng là giả, như vậy mình thật được sao? Người ta chết thì thấy giả, còn mình sống lại thấy thật! Như vậy có si mê không? Vậy mà ai chỉ mặt mình nói ngu thì nổi giận liền, mê lầm là vậy.

Chúng ta nếu không có duyên gì nên không sân thì không có giá trị, gặp nghịch duyên mà không sân đó mới là thứ thiệt. Người ta chọc ghẹo một chút quạn lên liền là còn sân. Nếu hết sân thì người ta chọc ghẹo cũng chỉ cười thôi. Căn cứ theo đó, chúng ta dễ biết thứ thiệt hay thứ giả. Mình là chủ mà không biết thì ai biết mình còn sân hay hết sân.

Trong ba độc tham sân si thì sân đứng số ba. Số ba mà không bỏ được thì còn xa đạo quá. Niết-bàn không chứa những người còn tham sân si. Người tu cứ đòi lên Niết-bàn mà lại không chịu bỏ tham sân si thì làm sao lên! Như người muốn leo lên đỉnh núi mà quảy cái cối đá nặng trĩu làm sao lên nổi. Mang nặng thì than mà bảo bỏ thì không chịu bỏ. Thật kỳ lạ quái gở!

Những thứ ở bên ngoài tới, mình nói không biết thì được, còn ở trong tâm mình thì phải xét kỹ, biết rõ. Mình không biết thì ai biết? Vậy mà có người tối ngày lo chuyện thị phi, người này tốt người kia xấu, chị này thế này chị kia thế nọ..., còn mình ra sao lại không biết! Như vậy là tu giỏi hay tu dở? Chừng nào việc của người, mình không cần biết, chỉ biết mình còn có cái gì xấu dở để sửa đổi, đó là người khôn ngoan khéo tu.

Người biết tu là biết quay lại mình, nhìn kỹ đang tiến hay lùi. Bước nào đã qua, bước nào chưa qua, để nỗ lực đi cho tới nơi tới chốn. Cứ ngó thiên hạ rồi phê bình hay dở, rốt cuộc mình ra sao không biết, buồn chưa? Nên ngồi tu là cốt nhìn lại mình, biết rõ có vọng tưởng, phiền não hay không. Chừng nào chúng ta nghe người ta mắng mà vẫn cười là thứ thiệt, là Bồ-tát con rồi. Bởi vậy, tu đừng nói cái gì cao siêu xa vời, chỉ nhìn lại xem mình còn những gì xấu dở rồi sửa đổi. Đó là biết nỗ lực tu hành.

Tu là việc làm thực tế, cụ thể nhất. Xoay lại quán sát để biết rõ mình còn phiền não gì, tập khí dở xấu ở đâu để trừ bỏ nó. Đó là thực tu. Cứ biết chuyện của người để khen chê là chưa phải thực tu, đó là tào lao. Những kẻ ấy thiệt thòi hơn ai hết. Như vậy họ đáng ghét hay đáng thương? Đáng thương. Họ không biết quý tiếc thời gian lúc còn khỏe mạnh, mai kia đến lúc già yếu rồi làm sao tu cho kịp. Cho nên, người khôn ngoan khi còn trẻ còn khỏe mạnh thì ráng tu, đừng nên phán xét ai hết. Nên nhớ, hay dở gì cũng là việc của người chứ đâu phải của mình. Tu là biết cái hay cái dở của chính mình rồi sửa, năm nay một phần, năm tới một phần cho tới khi sạch hết.

Tu không phải chuyện ở đâu mà là ngay nơi mình. Mình biết rõ và đủ thẩm quyền quyết định chuyện nên buồn không nên buồn, nên giận không nên giận. Chuyện này đâu ai quyết định cho mình. Chúng ta có quyền quyết định mà không chịu làm thì biết làm sao, lỗi đó của ai? Chắp tay cầu Phật, xin Phật ban cho con hết nóng giận được không? Cho nên phải cẩn thận, đừng quên nhìn lại chính mình. Ai cũng muốn người ta thương mà không chịu hiền hòa, cứ bực bội cái này, quạu quọ cái kia, không được tươi vui chút nào. Người này không khôn ngoan, không sáng suốt nên phải tự chịu thiệt thòi.

Người biết quý tiếc thời gian là ngày nào cũng như ngày nào, dù được nhắc nhở hay không nhắc nhở, nghe đánh kẻng thì đi ngồi thiền, sám hối, không đợi ai nhắc ai kêu. Có khi nào nghe đánh kẻng mà mình đi chậm chậm, uể oải không? Chắc cũng có. Bây giờ phải thấy thời khắc nào mình cũng tự giải quyết, khỏi đợi ai nhắc ai rầy, đó là khéo tu, khéo giữ gìn công phu, không để cho người xung quanh phiền hà.

Ngày xưa Thầy ở Ấn Quang, có một ông bạn ở cạnh Thầy, ông dặn: "Khi nào nghe đánh kẻng kêu tôi dậy giùm nghe." Vì mỗi buổi khuya công phu Lăng-nghiêm ông bỏ hoài nên dặn Thầy như vậy. Thầy nghe đánh kẻng liền trỗi dậy, kêu ông bạn: "Tới giờ rồi, dậy đi công phu", thầy đó nghe xong lăn qua trở lại, nói: "Ôi nhức đầu quá!" rồi thôi. Nhưng tới giờ ăn cơm thì thầy ấy hết nhức đầu, đi ăn như thường. Thầy chịu thua! Bởi những thói quen yếu đuối, lười biếng như vậy nên thiếu phước đức. Tăng ni không nên như vậy. Người ta dậy thì mình dậy, người ta đi tụng kinh mình cũng lẹ làng tụng kinh, kịp giờ đừng có trễ nải. Được như vậy mới là khéo tu.

Sống với chúng, mình nên là người mẫu mực, không được lôi thôi. Ở đây lôi thôi, đến chỗ khác chắc gì không lôi thôi, mai mốt ra làm trụ trì cũng lôi thôi như vậy. Nhiều người trụ trì rồi mà ăn mặc lếch thếch, nói năng cẩu thả, nhiều người còn nhai trầu bỏm bẻm, cầm điếu thuốc hút phì phà. Lôi thôi, lếch thếch như vậy sao đủ tư cách làm thầy người.

Phật tử hỏi:

- Thưa Thầy, thế nào là mục đích của đời sống?

- Nói mục đích của đời sống thì có nhiều điểm khác nhau. Cái nhìn của người tu khác hơn người đời. Phật dạy mình phải tự giác rồi giác tha, tức giác ngộ cho người, đó là mục đích sống của chúng ta. Phật tử sống một mình, tâm an vui, sống khỏe mạnh, đem niềm vui và sự khỏe mạnh đó nói cho mọi người nghe, người ta bắt chước theo, đó là giúp ích cho cộng đồng xã hội.

- Con mong Thầy luôn luôn mạnh khỏe.

- Ai rồi cũng phải chết chứ không thể sống mãi. Người hiểu đạo Phật thấy đúng sự thật cuộc đời mình, đem chỗ thấy được chỉ dạy cho người. Con người khi chết cũng như cởi áo thôi, có khi áo cũ đẹp hơn áo mới.

- Thưa Thầy, tại sao áo cũ đẹp hơn áo mới?

- Tại vì không chuẩn bị được số tiền để mua áo mới tốt, nên áo cũ đẹp bị mất rồi, áo mới xấu hơn. Mỗi lần đổi lại càng đi xuống nữa.

- Thưa Thầy, đối với ba và mẹ, Thầy có tương quan chặt chẽ không?

- Đối với ba và mẹ thì Thầy có tương quan chặt chẽ từ khi lọt lòng cho tới lúc lớn khôn. Khi lớn khôn rồi, Thầy chọn lý tưởng và theo đó tu hành, từ đó ít liên hệ. Tuy ít liên hệ, nhưng khi Thầy tu rồi thì biết cha mẹ sẽ được ảnh hưởng tốt từ Thầy.

- Thưa Thầy, khi trở thành người xuất gia, làm cách nào để Thầy chịu đựng, đương đầu với những điều khó khăn trong cuộc sống?

- Ban đầu ai tu cũng có những cảnh khó, nhưng chính sự khó khăn là những bài học hay. Qua một cảnh khó là một bài học kinh nghiệm cho mình, không có gì để sợ. Chúng ta lấy cái khó, cái dở của người làm bài học cho mình.

- Tại sao trong cuộc sống có người được quá nhiều ưu đãi, có người nhận quá nhiều đau khổ?

- Lý do đơn giản lắm. Nếu mình xử sự với mọi người bằng một tâm tốt, ngày nay mình làm nhiều điều tốt cho mọi người, họ đều mến mình thì ngày mai mình sẽ được ưu đãi. Ngày nay mình làm điều xấu với mọi người, họ oán hờn mình thì ngày mai mình sẽ bị khó khăn. Không có điều gì ngẫu nhiên, cũng không ai ban cho mình điều tốt.

Bây giờ mình nghèo đói, có phải đời trước đã làm việc gì không tốt không?

- Một phần là như vậy. Do quá khứ tạo nhân xấu nên hiện tại phải chịu quả xấu. Cũng có người dù cố gắng làm tối đa mà không đủ ăn, đó là do nhân trước không tốt. Nếu hiện tại lười quá nên không có ăn, là tại nhân đời này, không phải nhân quá khứ.

- Thưa Thầy, tại sao phải ngồi thiền ạ?

- Ngồi thiền để vọng tưởng lắng xuống, tâm được yên. Vọng lặng thì tâm nhẹ nhàng, tâm nhẹ nhàng thì trí sáng suốt.

Thầy giảng ý nghĩa bài kệ Mộng.

Gả thân mộng là chỉ cho bao nhiêu lần mình đã tạo nghiệp, dẫn thần thức đến gá vào thân giả huyễn này.

Phá Táo Đọa là chuyện ông thần Táo gá vào mấy cục gạch, cho đó là thân mình. Ai tới cúng kính thì ông cho phước, ai phá phách thì ông giáng họa. Sự linh ứng tựa vào mấy cục gạch. Sau được thiền sư khai thị, ông thoát kiếp thần Táo.

Thiền sư có nói gì đâu, chỉ nhắc thân này do đất nước gió lửa hợp thành. Chỗ ông tựa vào cũng do đất nước gió lửa hợp thành, đâu có giá trị thật. Khi thiền sư đập vỡ ba cục gạch, thần Táo mới biết lâu nay ông mê mờ tựa vào đó chấp là mình. Khi ba cục gạch mất ông chợt thức tỉnh, biết thân tứ đại này giả hợp không phải mình, liền thoát kiếp Táo được sanh lên cõi trời. Thấy thân này giả là thấy thấu đáo lẽ thật, nên được giải thoát.

Nếu người nào còn nói thân này thật, là mê mờ. Chúng ta cũng nói thân không thật nhưng đó là nói gượng, thực tế vẫn không dám nhận thân này là giả. Hiểu được nghĩa chữ *gá,* biết thân này là chỗ tựa tạm thời, không phải vĩnh cửu, không phải thật mình, ta không còn đắm luyến nó nữa. Thân là gá mượn không thật, nhưng người ta lầm rồi bám vào đó tranh hơn tranh thua, khen đẹp chê xấu đủ chuyện rối rắm, giành giật.

Dạo cảnh mộng. Thân đã là mộng rồi thì mấy chục năm đi đây đi kia, làm việc này việc nọ... là *dạo cảnh mộng.* Mình không thật thì cảnh cũng không thật, thân mộng thì cảnh cũng mộng. Hiểu vậy rồi khi thân này hoại thì sao? Thì mộng tan.

Mộng tan rồi thì sao, nên cười hay khóc? *Thân mộng* dạo chơi trong *cảnh mộng,* mộng tan rồi thì cười, chứ tội gì mà tiếc mà khóc. Như chúng ta ngủ mê nằm mộng thấy cảnh đẹp xấu gì đó, chợt giật mình thức dậy. Nếu mơ cảnh đẹp thì thức dậy hơi tiếc, phải không? Nếu gặp cảnh xấu, thức dậy vui mừng vì đó chỉ là cơn ác mộng. Mình biết rõ nó là mộng, nên tan thì cười, có gì để khổ để khóc!

Bao nhiêu đó đủ tu chưa? Gần nhắm mắt, có ai tới nói mình sắp hết duyên hết khổ rồi, nghe vậy ta cười: "Đồ bỏ này sắp trả lại cho đất nước gió lửa." Vậy là *mộng tan rồi, cười vỡ mộng*.

Chúng ta nhắc lại, nói cho người khác nghe cuộc đời là mộng, đó là *ghi lời mộng*. Nhắn khách nào? Cũng là khách mộng. Nên nói *ghi* lời *mộng*, *nhắn khách mộng*. Câu cuối cùng chí lý nhất: *Biết được mộng, tỉnh cơn mộng*. Khi ta ngủ gặp mộng lành hoặc dữ, ta thấy vui hay khổ là đang say với cơn mộng đó. Nhưng chỉ cần thức dậy, biết những gì mình thấy là mộng, lúc đó tỉnh hay mê? Tỉnh.

Cũng vậy người nào sống trên cõi đời này, biết *thân mộng cảnh mộng*, đó là người tỉnh. Đã tỉnh thì không còn gì phải băn khoăn, thắc mắc nữa. Vì vậy *biết được mộng, tỉnh cơn mộng* là xong. Chuyện hết sức dễ mà người ta không chịu biết. Chuyện qua mất mà mình cứ ôm giữ rồi làm phiền lụy khổ não nhau, thật dại khờ.

Biết cuộc đời là mộng, thân này là thân mộng, cười khóc khen chê gì cũng là mộng thì có gì phiền lụy? Chỉ chuyển một chút vậy thôi, mà là lẽ thật chứ không phải thường. Người thấy được như vậy là có tu rồi, nhưng thế gian không chịu thấy thế. Bởi thấy thân thật cảnh thật nên lo đủ thứ chuyện, lo no lo đói... Lo tới ngày ngã đùng ra chết, lo cho một cái không thể giữ được, vậy mà cứ lo rồi khổ.

Nếu ai bị bệnh nguy hiểm nghe nói "sắp tan mộng rồi", mình cười với nó chứ không khóc. Ngược lại, nghe ai nói mình bị bệnh nguy hiểm rồi đâm ra hoảng sợ lo âu. Như vậy có cứu được không? Đâu cứu được gì, chỉ càng thêm khổ. Biết thân này giả tạm, mộng huyễn, không có gì quan trọng, còn thì sống, mất thì thôi. Nghĩ vậy ta yên ổn. Rõ ràng tu là sống với trí tuệ.

Người đời thấy như khôn nhưng khôn trong sự mê lầm, giành giật tiền của, danh vọng... Có tất cả những thứ đó rồi sao? Rồi cũng mất. Tiền của tuy quý nhưng khi mình nhắm mắt, nó thành cái gì? Thành của người khác. Ngay cả khi ta còn sống mà không khéo giữ, tiền của danh vọng... cũng sang tay người khác, đừng nói chi đến mất.

Trên thế gian có cái gì thật đâu! Mình tạm dùng mà nghĩ nó thật, lo ky cóp dành dụm, được nhiều thì vui, lỡ mất thì khổ. Phải biết những thứ đó tạm bợ, vì sự sống nên mượn nó làm phương tiện để có cơm ăn, tiền xài... Đã là phương tiện tạm bợ, có gì đâu mà giành giật khổ sở.

Hiểu cho thấu đáo việc tu thấy như ít mà được nhiều, hiểu sơ sơ sẽ tạo nhiều lỗi lầm, rồi sám hối! Sám hối xong, thấy cái gì cũng thật nên lại tranh giành cãi vã, như vậy hết tội không? Sám hối cốt để sửa đổi cho hết tội, nhưng rồi lại cãi nhau, vậy chừng nào hết tội? Sám cái này tạo cái kia, chi bằng thấy rõ lẽ thật. Thấy thân này không thật, nên khen chê tốt xấu gì cũng cười thôi, có gì phải buồn phải khổ. Chúng ta phải tu bằng trí tuệ tỉnh giác, chứ không tu bằng hình thức. Hình thức là phương tiện bên ngoài, đi sâu vào trong thì phải là trí tuệ.

Người tu vượt hơn tầm nhìn của người thế tục. Người thế tục mê lầm cho thân là thật, ăn mặc là thật, rồi giành giật nhau. Thấy những thứ đó là huyễn hóa mới là người thoát tục. Người tu có thoát tục không? Đa số bị mắc kẹt trong tục chứ không thoát nổi. Bây giờ chúng ta phải tu làm sao để khi người

ta gặp, biết mình là những người thoát tục thì mới xứng đáng. Nếu hy sinh một đời tu hành mà làm những việc tầm thường thì thật đáng trách.

Có một số người ở chùa mà chỉ chiều chuộng cho khách thương, khách mến để có tiền. Khách đòi gì làm nấy, bảo cúng sao thì cúng sao, như vậy còn gì là tâm hồn siêu thoát của người tu? Người tu phải có cái nhìn siêu xuất, tu hành cho xứng đáng để không hổ thẹn sống một đời vô ích, tu không tới đâu hết. Muốn làm người siêu thoát thì cố gắng tu hành. Mai kia có làm trụ trì hay lãnh Phật sự gì cũng nhớ mình là người thoát tục, chứ không phải kẻ tầm thường kiếm manh áo chén cơm, ăn nhờ ở gửi Phật tử.

Con người siêu thoát có gì ăn nấy không màng ngon dở, ở tùy chỗ không luận tốt xấu, không có gì phải hạ mình cầu xin. Được vậy mới xứng đáng là người thoát tục, không như vậy thì uổng công cạo đầu mặc áo nhuộm.

- Thưa Thầy, con muốn xuất gia mà còn đi làm nên xin được xuất gia tâm.

- Con cứ đi làm, cư sĩ tu cũng tốt, chừng nào dứt khoát không còn bận bịu việc làm ăn nữa, hãy xuất gia. Bây giờ bận tâm việc xuất gia làm chi cho thêm khổ. Làm cái gì dứt khoát cái nấy, đừng có nửa vời, khó lắm.

Thật ra, gốc tu hành là ở tự tâm, tự tâm thì bình đẳng ai cũng có tâm Phật, chứ không có ai lớn ai nhỏ. Trên sự tướng, người tu trước thọ giới cao thì người tu sau phải kính trọng. Sự và lý không tách rời nhau, đối với lý mình hiểu ai cũng có tâm Phật. Nhưng Phật giác ngộ trước thì mình phải lạy ngài, huynh đệ giác ngộ trước mình, mình cũng kính quý, xá chào chứ đừng nghĩ ai cũng có tánh Phật nên bằng nhau. Có tánh Phật đáng quý mà mình để dành không đem ra xài nên hơi nghèo.

- Thưa Thầy, nếu không có đủ duyên để xuất gia thì tụi con giữ năm giới, nếu tụi con muốn giữ thêm một hai giới nữa có được không?

- Cư sĩ tại gia có quyền giữ thêm giới như thọ bát quan trai. Trong tháng mình lựa ngày nào rảnh rỗi đi chùa thọ bát quan trai giữ tám giới, thay vì xuất gia giữ mười giới. Giữ tám giới trong một ngày thôi, rồi xả trở lại giữ năm giới. Đó là nhân để tương lai được xuất gia, vì sợ đời sau quên nên đời này Phật tử thọ bát quan trai. Bát quan trai giới cũng xấp xỉ với Sa-di. Mình tu một ngày giống người xuất gia, gieo nhân đời sau được quả lành đi tu sớm.

- Dạ, mình vô chùa Tịnh độ thọ bát quan trai được không Thầy?

- Chùa nào cũng được, miễn Thầy đó giữ giới luật đàng hoàng đều tốt. Đây là giới luật chứ không phải pháp tu.

- Thưa Thầy, vậy thì có thiền viện ni ở Melbourne, tụi con có được thọ bát quan trai ở đó không?

- Được chứ, nhưng phải từ từ. Mấy cô mới qua nên mọi thứ còn ngổn ngang, ít ra phải một năm về sau, mọi việc sắp đặt ổn định rồi mới tổ chức cho Phật tử tu. Thầy cũng nghĩ bên đó có hai ba thiền viện tăng mà chưa có thiền viện ni, nên cho quý cô qua hướng dẫn Phật tử nữ tu cho dễ.

Thầy hỏi:

- Quý Phật tử nghĩ sao mà xin cạo tóc ở chùa tu?

- Dạ, con muốn tu để sau này về dìu dắt má con tu.

- Dìu dắt mẹ con tu theo, nếu mẹ không tu thì sao? Con nói như vậy là đi tu để trả hiếu thôi. Muốn độ mẹ tu, lỡ độ không được thì sao? Coi bộ cũng còn hơi xa, có gì thực tế hơn không?

- Thưa Sư ông, con thấy mình sống hàng ngày, chuyện vui chuyện buồn rốt cuộc như giấc mộng thôi.

Thầy dạy:

- Khi phát tâm đi tu chúng ta phải có lập trường vững, để khi vào tu không có gì làm lay chuyển mình được. Phát tâm tu mà không có lập trường vững, khi gặp chuyện vui thì hăng hái tu, gặp chuyện buồn liền thối tâm muốn trở về. Đó là điều không tốt. Muốn có lập trường phải làm sao? Phải thấy rõ cuộc đời, dù giàu dù nghèo rốt cuộc cũng là tay không, được tất cả rồi sẽ mất tất cả. Người có nhà lầu xe hơi, sự nghiệp lớn, nhưng tới khi nhắm mắt thì cũng thành tay không. Người tu là tìm lại cái chân thật, nhà thiền gọi là *bản lai diện mục* của mình. Mặt thật muôn đời mà mình quên, giờ tìm lại cho được thì không còn bị luân hồi sanh tử nữa.

Đi tu với tâm niệm là muốn giải thoát sanh tử chứ không phải tu là chuyện tầm thường. Như vậy, dù cho ở đời được thụ hưởng sung sướng, có đầy đủ mọi nhu cầu nhưng rồi ít chục năm cũng tiêu tan. Hiện giờ mình có một cái chân thật mà bỏ quên, nên tu là để làm sống lại cái thật đó, cái mà Phật gọi là *Phật tánh* hay *tánh giác*. Trở lại cái đó rồi mới thoát ly sanh tử được. Nên nhớ mục tiêu người tu là giải thoát sanh tử. Muốn giải thoát sanh tử trước hết là bỏ tam độc tham sân si. Bởi vì không thể nuôi dưỡng những thứ đó mà có thể giải thoát sanh tử được.

Tham sân si là gốc của sanh tử cho nên khi cạo tóc xuất gia rồi, có ai nói nặng mình, mình nên cự lại hay bỏ qua?

- Dạ, bỏ qua.

- Lời nói thế nào là lời nói nặng? Như mình đang tỉnh táo như vầy, có người nói "Chị là đồ ngư", tức không? Tức. Hoặc như mình đang đói bụng, có anh em nói: "Tôi sẽ làm bánh đãi anh." Đang đói bụng mà có người nói đãi

bánh, nghe vui hay buồn? Vui. Nhưng nếu người ta chỉ nói miệng chứ không làm, bụng mình có hết đói không? Vẫn đói. Mình không ngu mà người ta nói ngu, vậy có thành ngu không? Cũng y nguyên là mình, đâu có ngu chút nào. Lời kia chỉ là lời rỗng, cãi với họ làm chi, giận người ta làm chi. Nếu người ta nói mình ngu liền vội la lên, đó là ngu thật. Lúc ấy nên nói: "Thưa cô con ngu, xin cô dạy làm sao hết ngư", chứ cãi làm chi thành ngu cả đám, rồi sanh bao nhiêu chuyện rắc rối khác.

Khi đi tu rồi chúng ta phải nhớ không được si ám nữa. Người thế gian tranh hơn tranh thua từng lời nói, mình vào đạo rồi thì tất cả lời nói coi là gió thổi qua tai, không thật. Lời nào hay thì mình học, lời nào dở mình bỏ qua. Như vậy tu mới tiến, mới an ổn.

Huynh đệ ở chung năm bảy mươi người, thế nào cũng có người vầy người khác. Người hợp với mình thì thương, người không hợp với mình thì ghét; vô chùa tu mà còn thương còn ghét là mắc kẹt rồi. Phải nên nghĩ người hợp với mình thì ta mang ơn đã chỉ dạy cho mình, người không hợp thì nghĩ huynh đó với mình có cái nhìn khác nhau, họ có gì hay thì học, cái dở thì chừa. Chỉ vậy thôi, đừng thương cũng đừng ghét.

Ở thế gian có thương có ghét, vô đạo thì thương ghét gác qua một bên để sống với tình đạo. Đừng cột với người thương, cũng đừng chống chọi với người không thương, như vậy việc tu mới tốt. Nếu cột trói hoặc chống trái thì tu mười năm, hai mươi năm cũng chỉ ở trong vòng luân hồi sanh tử mà thôi.

Có một người Mỹ nắm tay Thầy nói thương như cha vậy. Điều này chứng minh lý luân hồi không nghi ngờ. Nếu không phải đời trước có duyên thì đời này gặp lại đâu có cảm xúc như vậy. Chúng ta nghiệm lại sẽ thấy mọi việc không phải mới có trong hiện tại, mà do quá khứ cộng lại. Khi nhìn mọi người tự nhiên mình có cảm, người này dễ thương, người kia dễ ghét, dù họ chưa làm gì hay chọc ghẹo chi mình. Đó là đời trước có ân oán với nhau, người ân gặp lại có cảm tình liền, người oán gặp lại thấy phát giận. Đó là do nhân duyên quá khứ.

Chúng ta tu hành là đi theo dấu chân đức Phật. Khi ngài đi ra bốn cửa thành thấy cảnh sanh già bệnh chết, liền ngẫm nghĩ con người sanh ra rồi già, bệnh, chết. Một người như vậy, trăm người như vậy, triệu người cũng như vậy. Mọi người có mặt ở đây rồi sẽ già, sẽ bệnh, sẽ chết, có ai đi đường khác không? Khi sanh ra là ta đã có mặt, mình không còn chọn lựa được, nhưng khi già bệnh chết tới chẳng lẽ ta cũng cam lòng, để nó tới đâu thì tới hay sao? Chỗ này Phật dạy có thể chuyển nghiệp.

Khi nghĩ tới mai kia mình phải chết như bao nhiêu người, chúng ta phải chuẩn bị cho mình cái chết tốt hơn. Muốn chuẩn bị phải làm sao? Phải ráng tu.

Đối với thân, mình giữ không tạo ác nghiệp như sát sanh, trộm cướp... Đối với miệng không nói lời tổn thương người. Đối với ý luôn luôn giữ trong sạch. Người mới tu thọ năm giới, tu thập thiện giữ cho ba nghiệp được trong sạch. Đó là bước đầu tu tập.

Nếu muốn thoát ly sanh tử thì phải biết manh mối của nó. Đó là nghiệp. Ý niệm dấy động là nhân tạo nghiệp. Có khởi nghĩ thì mới có thương, ghét, buồn, giận... Như vậy khởi niệm là gốc của tạo nghiệp, khởi niệm tham sân si thì tạo nghiệp dữ. Cho nên khi chúng ta ngồi thiền trọng tâm đặt ở chỗ nào? Ở chỗ biết niệm. Niệm khởi là vọng tưởng, thấy nó liền buông xả, xả tới hết niệm rồi mà vẫn rõ ràng thường biết. Cái *rõ ràng thường biết* đó chính là mình. Niệm khởi thì lăng xăng đủ thứ, khi lặng hết rồi, chỉ còn *rõ ràng thường biết.* Đó gọi là giải thoát sanh tử, không còn manh mối tạo nghiệp.

Chúng ta tu phải để tâm thanh tịnh, đừng dấy khởi, đừng chạy theo vọng tưởng. Bởi không dấy khởi, không chạy theo nên dừng tạo nghiệp. Khi niệm dừng hẳn rồi thì tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh hiện tiền đó là thiền định. Từ tâm định, trí tuệ phát sáng gọi là giác ngộ. Mỗi ngày mỗi đêm tăng ni ngồi thiền là cốt dừng niệm tạo nghiệp. Ai ngồi mà loạn tưởng hoài thì khi nhắm mắt sẽ theo nghiệp dẫn vào các đường, rất nguy hại.

Vậy con đường giải thoát gần hay xa? Đi bao nhiêu cây số mới tới? Cái đó ở ngay bên cạnh mình, nhưng vì ta theo niệm tạo nghiệp thành ra xa. Tạo nghiệp thì trầm luân, dừng niệm thì tâm lặng, tâm lặng thì giải thoát sanh tử. Vậy, giải thoát cách chừng bao xa? Chỉ niệm khởi không theo. Niệm này dấy lên không theo, niệm kia dấy lên không theo. Như vậy là chúng ta đang chuẩn bị đi trên con đường giải thoát.

Hết niệm rồi thì cái gì dẫn, cái gì đưa mình tới nơi nhận quả báo? Hết niệm thì hết tạo nghiệp. Hết tạo nghiệp thì không còn sanh tử. Ngay một bên thôi. Người ta tưởng phải đi tới nơi nào đó xa xôi mới giải thoát. Thật ra không phải vậy, mà nó rất gần với mình. Chỉ cần buông niệm, xả niệm, không cho dấy khởi thì không còn tạo nghiệp, ngay đó là giải thoát. Chạy theo nó cũng là mình, buông nó cũng là mình. Đó là việc của mỗi người. Tu là tự mình biết, tự mình sửa, tự mình chuyển, không ai thay thế cho mình được. Nắm vững sự tu, chúng ta thấy việc tu dễ như trở bàn tay, khỏi học nhiều kinh nghiệm ở bên ngoài. Bấy nhiêu đó là biết đường tu rồi.

Ở đây mỗi chiều tăng ni sám hối, tối ngồi thiền, khuya ngồi thiền. Sám hối để giải trừ nghiệp cũ trói buộc mình, ngồi thiền là dừng những manh mối tạo nghiệp mới. Nghiệp mới không tạo, nghiệp cũ hết thì giải thoát sanh tử. Vậy tu không có gì khó, rất hiện thực, không phải chuyện mơ màng trên trời trên mây. Hiểu đạo lý cho thật tường tận mới biết tại sao mình ngồi thiền, nếu không

biết lỡ ai hỏi ngồi thiền để làm gì, mình nói lung tung mà không biết gốc *ngồi thiền là để buông xả vọng niệm* thì thật là sai lầm. Như vậy, lúc mình không ngồi thiền mà nhổ cỏ hay làm gì, dấy niệm liền buông thì có giống ngồi thiền không? Cũng giống. Nên biết không phải ngồi thiền mới tu, trong nhà thiền nói đi đứng nằm ngồi đều là thiền, ăn cơm uống nước, mặc áo cũng là thiền.

Niệm là cái bị mình biết, buông niệm là ta làm chủ, nó là khách chứ không phải chủ. Vậy mà lâu nay chúng ta nô lệ nó, bị nó quậy nên cứ nghĩ chuyện này chuyện kia, năm trên năm dưới đâu đâu, ngủ cũng không yên. Chừng nào chúng ta buông tất cả dấy niệm, những ý niệm lăng xăng lặng hết, mới làm chủ được mình. Ông chủ đã có sẵn mà lâu nay mình bị mất chủ quyền là do cái đám vọng tưởng đó. Bỏ hết vọng tưởng thì lấy lại chủ quyền thôi, nên Lục Tổ dạy không nghĩ thiện không nghĩ ác là đuổi hết vọng tưởng thì bản lai diện mục hiện tiền.

Vậy tu dễ hay khó? Khó. Tại sao kỳ lạ vậy? Biết mà tu hoài không xong là tại vì tập khí nhiều đời nên khó bỏ. Vì thói quen nên vừa ngồi thiền là nhớ chuyện này chuyện kia. Từ hồi bé tới giờ cứ nhớ hoài, nhớ chuyện này đã rồi nhớ chuyện kia, quen cả đời như vậy nên bây giờ muốn buông rất khó. Chúng ta biết rõ là vọng thì phải buông, can đảm buông thì sẽ hết, còn nếu đa mang cứ chạy theo nó hoài thì muôn kiếp không ra khỏi luân hồi. Chọn cái nào, giải thoát sanh tử hay đi trong luân hồi, đó là quyền của chúng ta.